VĂN HỌC
TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

thụy khuê - *thanh tâm tuyền (1936-2006)* • võ phiến - *thanh tâm tuyền* • nguyễn vy khanh - *thơ thanh tâm tuyền - nhân vật tiểu thuyết thanh tâm tuyền* • tạ quốc tuấn - *một bài trường hận ca mới*

văn

hanh tâm tuyền • võ kỳ điền • nam dao • song thao • hoàng nga • cao thanh phương nghi • trần thị diệu tâm • trần mộng tú •phạm ngũ yên • trần hồng linh • yukio mishima - *nguyễn vạn lý dịch* • ngọc anh • đoàn nhã văn • nguyễn hòa trước • murakami haruki - *phạm vũ thịnh dịch* • võ văn trực

thơ

thanh tâm tuyền • lưu diệu vân • miên du đàlạt • nnguong • nguyễn nam an • quỳnh thi

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* ■ hoàng mai đạt *tạp ghi* ■ lê quỳnh mai *sinh hoạt văn học nghệ thuật*

231
tháng 5 & 6 / 2006

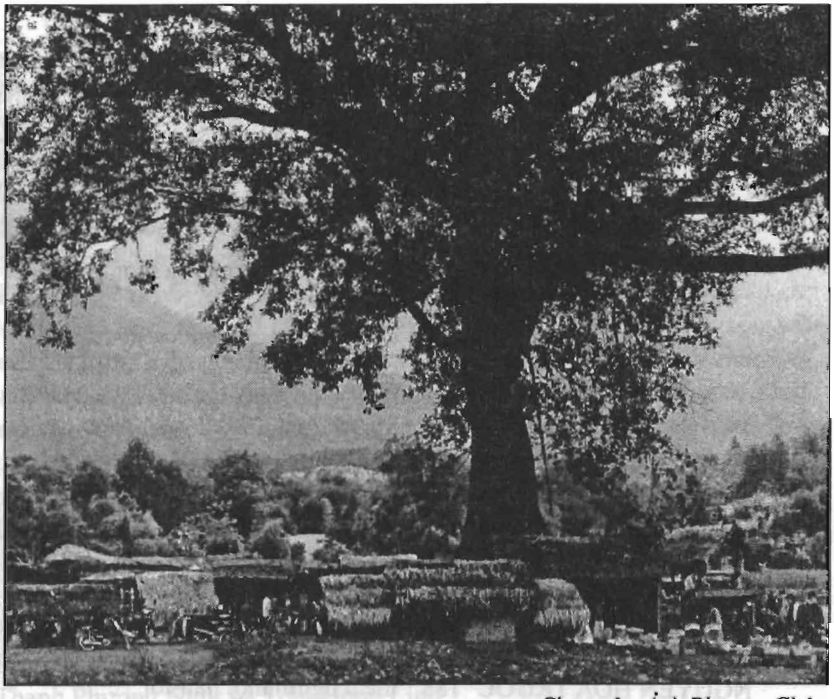

Chợ quê - *Ảnh Phương Châm*

VĂN HỌC

số 231 tháng 5, 6-2006

MỤC LỤC

VĂN HỌC	3	thư tòa soạn
THỤY KHUÊ	5	thanh tâm tuyền (1936-2006)
THANH TÂM TUYỀN	28	dọc đường
VÕ PHIẾN	39	thanh tâm tuyền
THANH TÂM TUYỀN	56	*dạ khúc - bài ngợi ca tình yêu...*
NGUYỄN VY KHANH	69	thơ thanh tâm tuyền
		nhân vật tiểu thuyết thanh tâm tuyền
VÕ KỲ ĐIỀN	93	thanh tâm tuyền, tỉnh bình dương
LƯU DIỆU VÂN	99	*tuyết sài gòn*
TẠ QUỐC TUẤN	100	một bài trường hận ca mới
NAM DAO	116	bắt gió
MIÊN DU ĐÀLẠT	129	*em việt nam... mảnh dư đồ rách!*
SONG THAO	130	cay đắng
NNGUONG	141	thực tế
HOÀNG NGA	142	giả tỷ - điên - tình yêu mật ngọt
CAO THANH PHƯƠNG NGHI	145	chuyện thời thơ ấu
NGUYỄN NAM AN	151	*sáng nghe hoàng oanh...*
TRẦN THỊ DIỆU TÂM	152	người tài xế da đen
QUỲNH THI	160	*sông đồng nai chảy khúc biên hòa*
TRẦN MỘNG TÚ	161	con số vô tình
PHẠM NGỮ YÊN	167	thư viết từ đường heatherglen
TRẦN HỒNG LINH	173	nước dấm đang sôi
NGUYỄN HÒA TRƯỚC	183	thăm người một nửa-tôi
NGỌC ANH	207	"cánh đồng bất tận"...
ĐOÀN NHÃ VĂN	215	con gái của sông hương
YUKIO MISHIMA	221	lòng ái quốc
Nguyễn Vạn Lý dịch		
MURAKAMI HARUKI	244	bi kịch mỏ than new york
Phạm Vũ Thịnh dịch		
VÕ VĂN TRỰC	256	chuyện làng ngày ấy
ĐÀN BÁCH KIÉM	279	mỹ nhân sơ đầu ca
HOÀNG MAI ĐẠT	284	đạp xe với thanh tâm tuyền
LÊ QUỲNH MAI	299	sinh hoạt văn học
HOÀNG MAI ĐẠT	307	giới thiệu sách

thư tòa soạn

Văn Học số này tưởng niệm nhà thơ Thanh Tâm Tuyền qua những bài nhận định của Thụy Khuê: "*Thanh Tâm Tuyền sống một lúc hai thực tại: Thực tại hiện sinh trong nghĩa đi đến tận cùng của nhận thức (perception): lý trí chủ động biện chứng. Và thực tại siêu thực, phủ nhận vai trò của lý trí, tìm đến phần vô thức trong sáng tạo.*" Võ Phiến: "*Thanh Tâm Tuyền là một tác giả độc đáo. Cái gì của ông cũng độc đáo: Thơ độc đáo, truyện độc đáo, thể cách độc đáo, suy tưởng độc đáo, lời lẽ độc đáo, cái nhan sách cũng chọn cách độc đáo, không giống ai.*" Nguyễn Vy Khanh: "*Tất cả với Thanh Tâm Tuyền là phản, là đối nghịch. Như nội dung, ý tình chuyên chở trong thơ. Hình thức và nội dung với thơ Thanh Tâm Tuyền là một, như một.*" và tình cảm của Võ Kỳ Điền với người thầy cũ: "*đối với riêng tôi, mãi mãi, Thanh Tâm Tuyền là một thầy giáo đức hạnh, được học trò hâm mộ, thương yêu và kính mến. Thầy cực kỳ thông minh, nhiều tài năng, kiến thức sâu rộng, tận tụy, tư cách xứng đáng và nhứt là người thầy nhiều tình cảm thương mến học trò...*". Đồng thời Văn Học cũng đăng lại truyện ngắn Dọc Đường và một số bài thơ của ông.

Biên khảo của Tạ Quốc Tuấn với bài "một bài trường hận ca mới".

Phần sáng tác với những tên tuổi quen thuộc như Nam Dao, Song Thao, Hoàng Nga, Trần Thị Diệu Tâm, Trần Mộng Tú, Phạm Ngũ Yên, Nguyễn Hòa Trước. Đặc biệt, số này có sự xuất hiện của hai cây bút mới tinh, Cao Thanh Phương Nghi và Trần Hồng Linh.

Thơ Lưu Diệu Vân, Miên Du Đàlạt, Nnguong, Nguyễn Nam An, Quỳnh Thi.

Phạm Vũ Thịnh dịch Murakami Haruki và Nguyễn Vạn Lý dịch Yukio Mishima.

Đoàn Nhã Văn viết về tác phẩm "Con gái của sông Hương" của Dương Như Nguyện và Ngọc Anh góp ý về truyện ngắn đang gây ồn ào trong nước "Cánh đồng bất tận" của Nguyễn Ngọc Tư.

Truyện dài của Võ Văn Trực và những mục thường xuyên của Văn Học do Đàn Bách Kiếm, Hoàng Mai Đạt và Lê Quỳnh Mai phụ trách.

Văn Học

Thanh Tâm Tuyền qua nét vẽ Duy Thanh

THỤY KHUÊ

thanh tâm tuyền (1936-2006)

Sự ra đời của Sáng Tạo

Trong vòng mười năm, từ 1945 đến 1954, những xu hướng đổi mới văn học nghệ thuật tạm thời lắng xuống, một phần vì chiến tranh, một phần vì chính sách văn hóa của Đảng Cộng Sản mà Tố Hữu là đại diện chính thức, chủ trương đề cao thơ mới. Những người có đầu óc cách tân dần dần bỏ cuộc: Nguyễn Xuân Sanh (Xuân Thu Nhã Tập) trở về với thơ mới, Tô Ngọc Vân vẽ tranh tuyên truyền, Nguyễn Đình Thi làm thơ vần, Văn Cao im lặng...

Những đòi hỏi tự do sáng tác và đổi mới tư duy văn học trỗi dậy sau ngày chia đôi đất nước. Ở Bắc, phong trào Nhân Văn Giai Phẩm chủ trương cải tạo toàn diện đời sống con người, dân chủ hóa đất nước. Riêng trong địa hạt thi ca, Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt muốn đoạn tuyệt với thơ mới, để bước vào thơ hiện đại. Nhưng họ thất bại và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bị dẹp tan. Mãi đến cuối thập niên 80, nhóm Nhân Văn mới được "phục hồi". Đặng Đình Hưng trở lại văn đàn với *Bến Lạ* và *Ô Mai*, Lê Đạt với *Bóng Chữ*. Thi pháp của họ đánh dấu khuynh hướng hiện đại thơ ở Bắc.

Trong Nam, tháng 10/1956, tạp chí *Sáng Tạo* ra đời tại Sài Gòn. Một sự *"nổi loạn"*. Một *"chất nổ phá đổ cái cũ, tạo dựng cái mới"*. Trên *Sáng Tạo* xuất hiện những tên tuổi: Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Nguyên Sa, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn...

"Nổi loạn" như thế nào? - "Chôn" tiền chiến. Mai Thảo bảo: *"Văn học*

nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực... Những trào lưu cạn dòng phải nhượng bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế. [...] Cái vấn đề lớn nhất của chúng ta bây giờ, trước sau vẫn là phải làm sao đoạn tuyệt được hoàn toàn với những ám ảnh và những tàn tích của quá khứ [...]. Công tác chặt đứt với những trói buộc cũ phải được đặt lên hàng đầu... và thơ bây giờ là thơ tự do". Thanh Tâm Tuyền định nghĩa khái niệm "nổi loạn": *"Nổi loạn là một hành động đòi được gia nhập đời sống: Kẻ nô lệ đòi quyền sống như những người tự do. Như thế nổi loạn là điều kiện sáng tạo."*

Trên thực tế, Sáng Tạo đã nổi "ngọn triều lớn" trong giai đoạn 54-60, tương tự như Tự Lực những năm 39-45: Thổi luồng gió mới vào sinh hoạt văn nghệ, làm thay đổi bộ mặt thơ văn Việt Nam.

Về nội dung *"nổi loạn"*, Trần Thanh Hiệp viết *"Đặt Nguyễn Xuân Sanh lên đỉnh cao của đường cong"*, tức là muốn tiếp tục công việc Xuân Thu Nhã Tập đã bắt đầu những năm 40 trong sáng tác: mở rộng tự do cho thơ. Sáng Tạo thành công trong việc hiện đại hóa văn học, cả về lý thuyết lẫn sáng tác, giao hòa hai dòng tư tưởng lớn của thế kỷ XX: Hiện Sinh và Siêu Thực.

Trên sáng tác và trong các cuộc thảo luận của nhóm Sáng Tạo, xuất hiện những tiêu đề chính trong văn học hiện đại (chủ yếu biện chứng của Sartre):

1. Đặt lại vấn đề tác phẩm: Có thể có tác phẩm văn học hay không? Có thể có một cuốn tiểu thuyết, một kịch bản, một bài thơ được không? Chữ nghĩa có giá trị gì? Đặt lại vấn đề viết (écriture). Viết như thế nào? Lối viết kể chuyện, có cốt truyện, và cả lối viết hiện thực, tả chân kiểu Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng... đã lỗi thời vì không đạt tới tận cùng tính cách chính xác và xác thực. Tiểu thuyết *Bếp lửa* của Thanh Tâm Tuyền là một ví dụ về cách viết, cách đặt lại vấn đề viết.

2. Tác phẩm mở: tác phẩm không còn mục đích hướng dẫn người đọc tới một chủ đích như luân lý, đạo đức, triết học, văn chương, xã hội, v.v... nữa. Tác phẩm không cần kết luận, mà tác phẩm trình bầy một biện chứng, một thẩm mỹ của sự dang dở, mở cửa cho những suy nghĩ khác và sẵn sàng chờ đón những nối tiếp về sau (*Bếp lửa* của Thanh Tâm Tuyền, *Tháng Giêng cỏ non, Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời* của Mai Thảo...).

3. Tính chất biến đổi của tác phẩm: tác giả không còn là chứng nhân biện hộ (témoin de la défense) kiểu Gide, mà trở thành chứng nhân không thể

loại trừ (témoin inéliminable), kiểu Sartre, chứng nhân nằm trong diễn biến, chao đảo với hoàn cảnh, chịu sự chi phối của các áp lực nội tâm cũng như ngoại cảnh (như nhân vật Tâm trong *Bếp lửa* của Thanh Tâm Tuyền).

4. Đưa vai trò của nhận thức (perception) vào tác phẩm. Tác phẩm sẽ không khơi gợi cảm xúc để làm mủi lòng theo nghĩa lãng mạn, mà tác phẩm gây nỗi đau, gây khó chịu bằng nhận thức của người đọc (thơ Thanh Tâm Tuyền).

5. Sự tự trào: hình thức mỉa mai, châm biếm hiện đại (ironie moderne) kiểu Sartre, Beckett, thay thế lối châm biếm lãng mạn (ironie romantique), kiểu Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng. Dạng thức tự trào này - cay độc hơn vì người viết không ở ngoài để ghi nhận hiện thực mà ở ngay trong cuộc, giễu mình, cười mình - ảnh hưởng đến lớp nhà văn mới, phần đông là phụ nữ, ở ngoài nhóm Sáng Tạo, như Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, Trần Thị Ngh... viết rất bạo, nôm na là "chọc quê" chính mình.

6. Tính cách dấn thân của người nghệ sĩ trong sáng tạo và trong cuộc sống, thể hiện trên hai mặt:

- Chính trị: Sáng Tạo quy tụ những "chiến sĩ tự do", chống lại mọi hình thức độc tài, chủ yếu là Cộng Sản.
- Văn nghệ: Cực lực đổi mới, bài trừ cái cũ: Chống Tự Lực Văn Đoàn, đả kích Vũ Hoàng Chương...

Thái độ "chặt đứt" với quá khứ, tính cách "nổi loạn" và những tuyên ngôn thái quá của Sáng Tạo, làm gai mắt những người cựu trào như Nguyễn Hiến Lê (trong *Đời viết văn của tôi*), Võ Phiến (trong *Văn học miền Nam*).

7. Thái độ hoài nghi: trên tất cả là hư vô, chẳng có gì hết (Mai Thảo: *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời, Ta thấy hình ta những miếu đền).*

8. Dòng mạch siêu thực mở những ngưỡng cửa mới cho sáng tác: đập vỡ bức màn kiềm duyệt của lý trí, của ý thức xã hội, tìm đến bề sâu của tâm hồn ẩn giấu trong phần tiềm thức và vô thức, nâng cao vai trò của tưởng tượng, tìm những phương pháp tạo hình mới cho thơ và họa, mở thêm một cánh cửa nữa về phía Tự Do.

Sáng Tạo đã nắm bắt được những luồng sinh khí mới ấy và trực tiếp đem vào văn học Việt Nam.

Ảnh hưởng của siêu thực

Dòng mạch siêu thực đã ảnh hưởng đến thi ca Việt Nam từ thời điểm nào?

Từ thập niên 40, qua hai ngả: Miền Bắc, với nhóm *Xuân Thu Nhã Tập*, chủ yếu thơ Nguyễn Xuân Sanh, với những bài *Buồn xưa, Hồn ngàn mùa*. Miền Trung qua *Trường thơ loạn*, với Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên.

1- Về mặt nội dung tư tưởng: Người làm thơ đã phá vỡ sự kiềm duyệt của lý trí, để thoát ra những hình ảnh "cấm kỵ", giấu sâu trong trong tiềm thức.

2- Về mặt hình thức: Kỹ thuật tạo hình siêu thực đặt cạnh nhau những hình ảnh hoàn toàn khác biệt, thể hiện sự cắt dán, đứt đoạn trong không gian và thời gian, đưa ra cấu trúc mở. Trái ngược với thơ cổ điển, dùng những hình ảnh song song tương đồng hoặc đối xứng, để tạo nên một cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín.

Ví dụ, câu thơ của Nguyễn Xuân Sanh: *"Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà"*, là một câu thơ mở, đứt, bởi tất cả những yếu tố: *đáy đĩa, mùa, đi, nhịp, hải hà*, không có yếu tố nào "ăn nhập" với yếu tố nào. Hoặc: *"Đêm giao thừa thế kỷ mưa rơi sao"*, của Thanh Tâm Tuyền cũng "mở"; tất cả những yếu tố: *đêm giao thừa, thế kỷ, mưa rơi, sao*, chẳng có gì "liên lạc" với nhau. Cả hai câu thơ trên đều không cho ta một ý niệm gì rõ rệt. Cho nên khi mới ra đời, thơ Nguyễn Xuân Sanh, cũng như thơ Thanh Tâm Tuyền đều bị coi là hũ nút, bí hiểm vì người đọc không hiểu gì cả.

Trong khi câu thơ *"Mắt em là một dòng sông. Thuyền anh bơi lặng trong dòng mắt em"* của Lưu Trọng Lư, là cả một cấu trúc hoàn chỉnh. Mỗi chữ, mỗi ý, liên kết chặt chẽ với nhau: nhà thơ dùng những yếu tố tương đồng để ví von: *mắt* là một *dòng sông*; *sông* gắn bó với *thuyền*; *thuyền* bơi trên *sông*; *sông* như là *mắt*. Một quỹ đạo tròn.

Tuy vậy, thơ Nguyễn Xuân Sanh cũng mới chỉ ở tình trạng "ghép chữ", chưa đi vào thực chất của siêu thực; tức là chưa gọi, chưa phóng ra được những hình ảnh kinh hoàng, cất giấu trong tiềm thức. Cùng thời điểm ấy, thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên, có những câu kinh dị như: *"Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút. Mỗi hồn thơ đều dính não cân ta* (Hàn Mặc Tử) tưởng như đã giải thoát được sự kiềm duyệt của lý trí, gần tinh thần siêu thực hơn, nhưng cái kinh dị ấy, là do ảnh hưởng của Edgar Poe, truyền qua Baudelaire. Hàn Mặc Tử coi Baudelaire là thày. Tựu trung, dù chịu ảnh hưởng của Edgar Poe, Baudelaire, hay siêu thực, những nhà thơ tiền chiến này, vẫn chưa phá vỡ nhịp điệu câu thơ cổ điển, tuy có lúc họ phá thể, nhưng thơ của họ vẫn còn gắn bó sâu xa với cấu trúc hình thức cũ.

Phải đến Thanh Tâm Tuyền, thơ mới đạt đến mức độ hoàn toàn tự do

trên tinh thần và trong cấu trúc: ảnh hưởng hiện sinh làm nhà thơ nhìn thấu suốt chính mình, ảnh hưởng siêu thực khiến ông phá vỡ những bến bờ cấm cản của lý trí, để đưa ra những câu thơ đớn đau tột độ. Kỹ thuật tạo hình của siêu thực giúp ông hình thành một cách lập ngôn mới, và như thế, Thanh Tâm Tuyền đã nắm bắt được khá toàn diện những trào lưu tư tưởng Tây phương đương thời, đem vào thể hiện trong văn học Việt Nam: ông không dùng vần, mà dùng hình ảnh, màu sắc, âm thanh, để tạo ra nhịp điệu trong thơ... nghĩa là ông đã phá tan những "nội quy" có sẵn về thơ, để tạo ra một vùng tự do chưa từng có trong thi ca Việt.

THANH TÂM TUYỀN

Thanh Tâm Tuyền sinh ngày 1/3/1936, tại Vinh, (ngày 1/3 do tác giả xác định), tên thật là Dzư Văn Tâm, bút hiệu khác: Đỗ Thạch Liên.

Năm 1952 (16 tuổi), dạy học tại trường Minh Tân (Hà Đông) và đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo *Thanh Niên*, Hà Nội. 1954, hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên Hà Nội, cùng với Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, chủ trương nguyệt san Lửa Việt. Vào Sài Gòn, 1955, cùng các bạn làm tờ Dân Chủ mà Thanh Tâm Tuyền và Trần Thanh Hiệp phụ trách phần văn nghệ. Mai Thảo gửi đến đoản văn *"Đêm giã từ Hà Nội"*. Thanh Tâm Tuyền "kinh ngạc", mời tác giả đến tòa soạn. Từ đó, "nhóm" có thêm Mai thảo, chủ trương tuần báo Người Việt (tiền thân của tờ *Sáng Tạo*), với sự cộng tác của Lữ Hồ, Ngọc Dũng, Duy Thanh, Quách Thoại. Tháng 10/1956, *Sáng Tạo* ra đời. 1956 đến 1960, do Mai Thảo làm chủ bút. Hai mươi tuổi, Thanh Tâm Tuyền cho in những tác phẩm đầu tay *Tôi không còn cô độc* (thơ, 1956), và *Bếp lửa* (văn, 1957), những tác phẩm làm khuynh đảo ngôn ngữ văn chương, thay đổi diện mạo chung của văn học cho đến đó, vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của lãng mạn tiền chiến. 1962, Thanh Tâm Tuyền nhập ngũ, 1966, giải ngũ, 1969, tái ngũ, ở trong quân đội cho đến 75. Sau 75, bị đi tù cải tạo. Tháng 4/1990, sang Hoa Kỳ theo diện HO, sống ở tiểu bang Minnesota, giữ thái độ gần như ẩn dật, ông mất hồi 11giờ 30 ngày 23/3/2006 vì bệnh ung thư phổi.

Tác phẩm đã in:

Tiểu thuyết: *Bếp lửa* (Nguyễn Đình Vượng, Sài Gòn, 1957); *Cát lầy* (Giao Điểm, 1967); *Mù khơi* (1970); *Tiếng động* (1970); *Một chủ nhật khác* (Văn, 1975).

Truyện ngắn: *Khuôn mặt* (Sáng Tạo, 1964), *Dọc đường* (Tân Văn, 1966).

Thơ: *Tôi không còn cô độc* (Người Việt, 1956); *Liên đêm mặt trời tìm thấy* (Sáng Tạo, 1964); *Thơ ở đâu xa* (Trầm Phục Khắc xuất bản, Cali, 1990).

Kịch: *Ba chị em* (1967).

Phiếm luận: *Tạp ghi* (1970).

Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ tương phản

Thanh Tâm Tuyền lý giải hành trình thơ tự do của mình trong bài tiểu luận *Nỗi buồn trong thơ hôm nay*: Tại sao phải đổi mới? - Bởi, theo Thanh Tâm Tuyền, thơ Luật gò bó nhịp điệu trong tám câu. Thơ Mới biến hóa hơn, nhưng rút gọn phạm vi trong bốn câu. Thơ phá thể là thơ mới trong ngõ cụt: Các câu dài ngắn khác nhau nhưng đầy vần điệu giả tạo, vì thế phải có thơ tự do. Nhịp điệu trong thơ tự do không gieo lối đồng âm, đồng thanh, mà là nhịp điệu của hình ảnh, nhịp điệu của ý thức.

Dựa vào sự phân biệt của Nietzsche (trong *Nguồn gốc bi kịch*) giữa hai quan niệm nghệ thuật: Nghệ thuật Apollon với cái đẹp toàn bộ, hoàn chỉnh và nghệ thuật Dyonysos phá vỡ những hình thức sẵn có, Thanh Tâm Tuyền chọn nghệ thuật thứ nhì:

"(Người làm thơ hôm nay) *không mơ mộng, nghĩa là không tạo những hình dáng cho cuộc đời vốn đã là một hình dáng, họ muốn nhìn thực tế bằng con mắt trọn tròn, căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy.*"

(*Nỗi buồn trong thơ hôm nay*, 1956, in lại trên Văn số đặc biệt Thanh Tâm Tuyền, tháng 10/1972)

Với thơ, Thanh Tâm Tuyền chọn con đường phá thể của Dionysos, nhưng ông từ chối hội họa trừu tượng: *"Nghệ thuật là cách xây dựng cụ thể của đời sống. Do đó trong danh từ nghệ thuật tự nó đã loại trừ danh từ trừu tượng [...]. Hội họa trừu tượng là một hủy thể thuần túy. Người xem không tìm thấy ý nghĩa nào ngoài sự đổ vỡ hoàn toàn của mọi hình thể, sự rối loạn vô định của đường nét."* (Thanh Tâm Tuyền, *Nhân nghĩ về hội họa*, in lại trong Văn số tháng 10/1972). Bài này, viết năm 1956, ở tuổi hai mươi, có thể nhà thơ trẻ chưa nhận ra giá trị của hội họa trừu tượng nên đã vội quá lời chăng? Bởi nếu hỏi lại: Tại sao người làm thơ có quyền phá vỡ mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn của nó, mà người vẽ lại không được quyền làm thế? Cho rằng hội họa trừu tượng là hủy thể thuần túy đi. Và nếu đã quan niệm tự do tuyệt đối, tại sao không chấp nhận hủy thể thuần túy?

Thực ra, văn chương là hủy thể: xây dựng để phá vỡ, phá vỡ để xây dựng, rồi lại xây dựng để phá vỡ... hệt như Thanh Tâm Tuyền và nhóm Sáng Tạo đã làm với thơ văn tiền chiến; và thơ văn tiền chiến đã làm với thơ văn cổ điển... Không phải ngẫu nhiên mà Nietzsche ca tụng tính "déclin" nơi con người. Nghiệm cho cùng, hội họa trừu tượng có thể là người bạn đồng hành của thơ tự do, nhưng thời ấy, khái niệm trừu tượng vẫn còn xa lạ với nghệ sĩ Việt Nam.

Hội họa lập thể phá vỡ đời sống thành từng mảnh. Sự lập ngôn trong thơ Thanh Tâm Tuyền có nhiều nét lập thể, nhưng cũng đã có tính cách "hoàn toàn tự do" của siêu thực và sự tự do này cũng là bản chất của hội họa trừu tượng mà có lẽ nhà thơ chưa tiếp nhận được. Nếu trong hội họa lập thể, Picasso, Braque, chỉ mới cắt hiện thực thành nhiều mảnh để tung lên tranh, thì Kandinsky, trong hội họa trừu tượng, để mặc cảm hứng tự do tràn ra những thể (formes) vô hình thức, cực kỳ khác lạ, biểu dương thế giới nội tâm và khả năng tưởng tượng của tác giả. Ở bình diện đối lập, Malévitch và Mondian biểu hiện vũ trụ một cách thuần lý và đơn giản nhất bằng những đoạn thẳng nói lên tính cách đứt đoạn của không gian và đời sống.

Hội họa trừu tượng hòa hợp hai quan niệm: vừa phá vỡ vừa xây dựng cùng một lúc. Nếu hội họa truyền thống tổng hợp những đường nét, hình thể, màu sắc để tạo nên những toàn bộ hoàn chỉnh, thì hội họa trừu tượng phá vỡ những toàn bộ hoàn chỉnh để kiến tạo một thực tại "mở", mà người thưởng ngoạn có thể dùng tưởng tượng của mình để xem tranh.

Thơ Thanh Tâm Tuyền trong giai đoạn đầu, cách lập ngôn và tạo hình mang tính cách lập thể, và giai đoạn sau, nhuần nhuyễn hơn, gần với hội họa trừu tượng.

Những điều dông dài trên đây chỉ để chứng minh rằng Thanh Tâm Tuyền là một tác giả phức tạp và tương phản. Một đặc trưng hiếm hoi trong văn học Việt từ trước đến giờ.

Một tác phẩm văn học có thể phản ánh được thời đại hay không? *Tôi không còn cô độc* của Thanh Tâm Tuyền đã ít nhiều trả lời câu hỏi đó: Tác phẩm mang tính thời sự và chuyên chở "lương tâm" thời đại của lớp trẻ.

Xuất hiện tháng 10/1956 cùng với tạp chí Sáng Tạo, *Tôi không còn cô độc* gây những phản ứng cực kỳ tương phản và nhiều năm sau, lời yêu, tiếng ghét vẫn chưa nguôi cường độ và nồng độ ban đầu.

Cùng thời với Thanh Tâm Tuyền, thơ của Quách Thoại, Cung Trầm Tưởng, Đoàn Thêm, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp... có dạng thức tự do.

Tô Thùy Yên, Nguyên Sa... vẫn còn lưu luyến thơ mới, Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn... hình ảnh mới nhưng hình thức cũ.

Tôi không còn cô độc đứng riêng một phía - cô độc - trong hành trình tự do của mình. Trước Thanh Tâm Tuyền cùng Thanh Tâm Tuyền và sau Thanh Tâm Tuyền, chưa có tác phẩm nào gây nhiều tương phản như thế, bởi chính nó là sự tương phản.

Điểm tương phản thứ nhất: Thanh Tâm Tuyền sống một lúc hai thực tại: Thực tại hiện sinh trong nghĩa đi đến tận cùng của nhận thức (perception): lý trí chủ động biện chứng. Và thực tại siêu thực, phủ nhận vai trò của lý trí, tìm đến phần vô thức trong sáng tạo. Hiện sinh và siêu thực là hai khái niệm tương phản, Sartre luôn luôn từ chối vô thức, ông cho rằng không có ý thức thì làm sao biết được trong vô thức của mình chứa chấp những gì. Tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền chao đảo giữa hai dòng nước ngược chiều ấy: Tạo hình bằng những giấc mơ, qua mơ ý thức được những hiện thực chát chúa, bạo liệt. Ở đây, không phải là hiện thực phê phán xã hội kiểu *Bỉ vỏ* - Nguyên Hồng, hay *Chí Phèo* - Nam Cao nữa, mà là *hiện thực hiện sinh*, đớn đau, khốc liệt của cái tôi trực diện với chính mình: Roquentin trong *Buồn nôn* của Sartre, Tôi trong *Phục sinh* của Thanh Tâm Tuyền.

Điểm tương phản thứ nhì: tư tưởng hoài nghi xuất hiện cùng với "sứ mệnh" anh hùng (Malraux, Eluard) tranh đấu cho tự do dân chủ, gây nghịch lý, có thể dẫn đến hiểu lầm: Trả lời câu hỏi: Có thể có tự do? Tiểu thuyết *Bếp lửa* (1957) dường như muốn nói: con người không có tự do lựa chọn, anh ở trong một tình thế, và anh phải xoay xở với tình thế đó. Nhưng để mở đầu tập thơ *Tôi không còn cô độc*, nhà thơ mời người đọc "tự do" bước vào tác phẩm của mình, trong một tình thế "mất tự do":

Ở đây tôi là vị hoàng đế đầy đủ
quyền uy. Bởi vì người vào
trong đất đai của tôi
người hoàn toàn tự do.
để cai trị tôi có những luật lệ
tinh thần mà người phải thần
phục nếu người muốn nhập
lãnh thổ.
người hoàn toàn tự do
và có thể ném cuốn sách qua cửa sổ.
(*Tôi không còn cô độc*, lời mở đầu)

Có thể coi đây là những dòng thơ cao ngạo của tuổi 20. Nhưng nhìn

sâu hơn, không hẳn thế: tuyên bố này vô tình nói lên tính cách tương phản trong tâm hồn Thanh Tâm Tuyền và cũng là cái tương phản đớn đau chung của cả một thế hệ, một dân tộc: Không biết mình muốn gì, và *cũng chưa thật hiểu thế nào là tự do*. Miền Bắc muốn "giải phóng" miền Nam bằng sự độc tài của khối Cộng Sản, miền Nam muốn tranh đấu cho lý tưởng "tự do", trong một "Thế Giới Tự Do" dưới vòng kiềm tỏa của Mỹ. *Tôi không còn cô độc* có những câu tương phản như thế: *"tôi khắc tự do vào mỗi tâm hồn"* (trang 63), có nghĩa là tôi "bắt buộc" anh phải tự do, điều này trái với bản chất của tự do.

Sự thực, con người bị "kết án" phải tự do (như nhận định chính xác về tự do của Sartre), nghĩa là *tôi bắt buộc tôi* phải tự do, chứ anh không thể bắt buộc tôi tự do được. Và đó là nghịch cảnh và cũng là thảm kịch chung của dân tộc Việt Nam: cả hai bên bờ vĩ tuyến đều muốn "bắt" nhau thần phục "lý tưởng" của mình. Đó cũng chính là hình ảnh của người Việt, sau hiệp định Genève, hai bên có được đúng 300 ngày để "tự do" lựa chọn giới tuyến. Và sau khi đã lựa chọn rồi, anh phải "thần phục" vì anh đã "gia nhập lãnh thổ".

Tôi không còn cô độc bộc lộ hiện tình oái oăm, nhức nhối của người Việt đôi bờ. Nhà thơ chọn miền Nam, và ông đã "thần phục" những quy luật của lãnh thổ miền Nam.

Đọc thơ ông, sẽ thấy những cái tôi *"vẽ chữ Tự Do mọi người cười ào ạt"* (trang 62) đi cùng với những cái tôi *"khắc Tự Do vào mỗi tâm hồn"* (trang 63). Bởi Tự Do, trong thời điểm ấy, vừa là thí điểm trào lộng, vừa là cái cớ để đàn áp tự do: Người Việt pha trộn hai thái cực ấy. Nếu loại trừ những cái tôi *"khắc Tự Do vào mỗi tâm hồn"* đi, thì ngọn lửa đấu tranh tiêu tán và tác phẩm (biểu hiệu sự tranh đấu cho tự do ở miền Nam) không có lý do tồn tại. Đó là mâu thuẫn sâu xa giữa tác phẩm và biểu tượng, giữa đấu tranh và lý tưởng tranh đấu, giữa hai cực và con người (không thể lựa chọn, không biết lựa chọn). Con người ở vị trí trung gian, không đen, không trắng. Con người chịu đựng và bắc cầu. *Tôi không còn cô độc* như cái cầu nối bắc giữa hai cực Nam - Bắc đành hanh mà con người treo lủng lẳng trên đó. Tác phẩm biểu thị những nhận thức sai lầm về tự do của người Việt, trong thời điểm chia đôi đất nước: Bởi không ai có thể bắt buộc ai phải tự do. Không ai có thể giải phóng người không thèm được giải phóng. Tác phẩm biểu thị tinh thần nhược tiểu của một thời đại, con người chủ quan về mình: mình luôn luôn đúng và địch thủ phải sai. Tác phẩm biểu hiện sự chia rẽ, chiến tranh, bạo lực, đàn áp, hận thù, với cái nhìn chủ quan của

người nhập cuộc, tranh đấu. Nó phản ánh một giai đoạn chủ quan của lịch sử mà mọi người "bắt buộc" phải nhập cuộc và tranh đấu dù cảm thấy cái phi lý của đấu tranh. Bởi *Tự Do* là một thực thể không nắm bắt được: Con người không sở hữu Tự Do. Con người là Tự Do. Sự tranh đấu cho tự do, bắt nguồn từ bản thân: sống là tự bắt mình phải Tự Do và phải tôn trọng Tự Do của người khác. Khi anh bắt người khác phải tự do, hoặc khi anh làm chiến tranh "giải phóng" cho người không cần anh giải phóng, là anh đã xâm phạm tự do của người khác. Từ vị trí "tranh đấu cho Tự Do", anh biến thành kẻ chiếm lĩnh, và như thế, anh đã loại Tự Do ra khỏi con đường tranh đấu của mình.

Tác phẩm *Tôi không còn cô độc* của Thanh Tâm Tuyền thể hiện những mâu thuẫn đó.

CẤU TRÚC THƠ THANH TÂM TUYỀN

Hình và mộng

Chưa có nhà thơ Việt Nam nào thành công trong nhiều thể loại thơ như thế. Thanh Tâm Tuyền có thể viết một bài thơ bằng nhiều thể loại thơ khác nhau, theo các cách tạo nhịp điệu khác nhau: thơ vần (ẩn), thơ nhịp hình, thơ nhịp âm, thơ văn xuôi...

Hai yếu tố quan trọng tạo nên thơ ông là *hình ảnh* và *mơ mộng*. Thanh Tâm Tuyền thổ lộ:

tôi sống thường trực bằng hình ảnh.
bài thơ này tôi viết trong giấc mơ.
(*Hình ảnh* - trang 40)

Như vậy, bí quyết sáng tạo của ông là tạo hình trong giấc mơ (biện pháp siêu thực). Mơ đây là mơ trong vô thức, cái kho vô tận của con người, và là tiềm lực của sáng tạo. Từ mơ, trong mơ, dội ra những hình ảnh siêu thực:

Đêm giao thừa thế kỷ mưa rơi sao
mái sáng đường nằm chiêm bao biển giận dỗi
bàn tay mây mắt trăng môi nhiệt đới
(*Chim*, trang 46)

Ba câu thơ trên quy tụ tám hình ảnh độc đáo liên tiếp, loại hình chưa xuất hiện trong thơ Việt trước đó: *Đêm giao thừa thế kỷ*, *mưa rơi sao*, *mái sáng*, *đường nằm chiêm bao*, *biển giận dỗi*, *bàn tay mây*, *mắt trăng*, *môi nhiệt đới*. Biện pháp siêu thực tận dụng đến triệt để, nghĩa là tất cả những hình ảnh này đều được ghép bằng những yếu tố rất xa nhau, rất khác nhau, không có liên lạc gì với nhau: tại sao *đêm giao thừa* lại đề cạnh *thế kỷ*? tại

sao đang *mưa* lại có *sao*? v.v... đọc thơ Thanh Tâm Tuyền lần đầu, người ta không hiểu gì cả, hệt như đứng trước bức tranh siêu thực của Chagall, bạn *tìm trên mây xa khơi thấy áo dài khăn cưới,* như lời ca của Phạm Duy. Sau này, chúng ta quen hát Trịnh Công Sơn: *Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao, nghe lá thu mưa reo mòn gót nhỏ...* tất nhiên là cũng không hiểu gì cả, nhưng cứ hát, mà không để ý là trước Sơn, đã có người nói như thế. Trịnh Công Sơn đến sau Thanh Tâm Tuyền. Thơ Trịnh xuất xứ từ thơ Thanh Tâm Tuyền. Nếu không có những *đêm giao thừa thế kỷ...* của Tuyền thì chưa chắc đã có *dài tay em mấy thuở mắt xanh xao...* của Sơn. Nếu không có *lệ đá xanh* của Tuyền thì chưa chắc đã có *dấu chân địa đàng* của Sơn.

Hai mươi tuổi, Tuyền là người dẫn đường, người tiên phong đem siêu thực vào Việt Nam một cách có hệ thống và đã tạo ra những câu thơ mới nhất, giầu hình ảnh nhất, trong thơ Việt.

Tính cách gián đoạn của đời sống

Nhưng công của Thanh Tâm Tuyền không chỉ dừng lại ở hình ảnh. Cái mới thứ nhì mà ông đem vào thơ Việt, là dứt bỏ hình thức hoàn chỉnh, đóng, của câu thơ truyền thống, của mô hình *"Thuở trời đất nổi cơn gió bụi"*, để đi đến hình thức mở, dang dở, và gián đoạn:

Tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
(*Phục sinh*, trang 11)

Tuyền đã mang hội họa lập thể vào thơ. Ba câu thơ trên, nếu tinh ý chúng ta thấy ngay sự hiện diện của hội họa lập thể, tức là có ba mô thức khác nhau: *tôi buồn khóc như buồn nôn; ngoài phố; nắng thủy tinh*; đã được cắt dán và để cạnh nhau. Mô thức đầu: *tôi buồn khóc như buồn nôn*, biểu hiện trạng thái nội tâm; mô thức thứ nhì quay ra *ngoài phố* tức ngoại cảnh, và mô thức thứ ba, *nắng thủy tinh*, thuộc về thiên nhiên, môi trường. Để làm một câu thơ cổ điển hoặc thơ mới, thì người ta sẽ nối ba mô thức ấy với nhau thành một mệnh đề có ý nghĩa, ví dụ như: *"Hôm nay trời nhẹ lên cao. Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn"* (Huy Cận).

Ở đây, Thanh Tâm Tuyền cắt đứt tất cả các mối liên hệ "có nghĩa" ấy, để câu thơ hiện ra dưới dạng tranh lập thể với ba mô thức khác nhau, không ăn nhập gì với nhau. Và đó cũng là cách lập hình của siêu thực.

Phải nói thêm rằng, tính cách dang dở, đứt đoạn, này là tính cách chung của văn học nghệ thuật thế kỷ XX: Picasso "cắt" mặt của các cô gái

Avignon (Mesdemoiselles d'Avignon) ra làm nhiều mảnh, tung lên tranh, thể hiện những khuôn mặt *đang* chuyển động, với nhiều góc cạnh, kể cả những khía cạnh nội tâm; để thay thế những bức chân dung cổ điển, hoàn mỹ, chụp một khuôn mặt im lìm - chết, không có trong thực tế. Dos Passos ghép những "mảng chuyện", thỉnh thoảng đưa ống kính caméra quẹt sang phía khác - để cho thời sự lọt vào, làm cho người đọc cảm nhận được môi trường sống sinh động trước mắt.

Tóm lại, đời sống là những mảng đứt đoạn. Tư tưởng chúng ta cũng đứt khúc: đang nghĩ cái nọ, xọ sang cái kia. Văn chương cổ điển kể chuyện một mạch từ A đến Z: Anh A đang buồn, cô B, cô C đến an ủi, vỗ về, hết buồn. Sự thực cuộc đời không diễn biến theo trình tự thẳng tắp như thế. Mà khi *"tôi buồn khóc như buồn nôn"* (ý thức), tôi nhìn ra *"ngoài phố"* thì *"nắng"* vẫn *"thủy tinh"* (hình ảnh). Cho nên, tính cách đứt đoạn trong thơ, mà Thanh Tâm Tuyền gọi là nhịp điệu của hình ảnh, xen lẫn nhịp điệu của ý thức, chỉ là một lối diễn tả gần gụi với thực tại hơn: Thực tại luôn luôn là một chuỗi liên tục những đứt đoạn: ý thức xen lẫn hình ảnh, hình ảnh lọc qua ý thức. Vì vậy, trong thơ văn hiện đại, những gì được gọi là mới, là mở, đều có cấu trúc đứt đoạn, fragment.

Bài *Phạm Văn Thông* của Quách Thoại là bài thơ có hình thức tự do, ca tụng tự do, kết án độc tài, nhưng "ý nghĩa" vẫn nằm trong cấu trúc liên tục của chuyện kể.

Bài *Cánh đồng con ngựa chuyển tầu của Tô Thùy Yên*, có nhịp điệu, có chuyển động cuốn theo hình ảnh, nhưng vẫn sắp xếp các diễn biến theo tình tự liên tục.

Tính cách đứt đoạn của đời sống, cho tới nay chỉ có hai nhà thơ tiên phong thực hiện trong hai chiều hướng khác nhau: Thanh Tâm Tuyền và Lê Đạt. Thanh Tâm Tuyền cắt đứt mạch liên tục bằng nghệ thuật hội họa. Lê Đạt độc lập hóa những "con chữ" bằng kỹ thuật thơ Đường.

Cái tôi xé hai: Thanh Tâm Tuyền

Bài *Phục sinh* có thể coi như một thông điệp tư tưởng và nghệ thuật của Thanh Tâm Tuyền, đặt ra nhiều nghi vấn tiếp nhận. *Phục sinh* là tác phẩm toàn diện "mở" đầu tiên của thi ca Việt. Người đọc có thể bước vào *Phục sinh* từ bất cứ ngưỡng cửa nào.

Thoạt nhìn có vẻ dễ, chúng ta thử cách tiếp nhận thứ nhất: Nhịp điệu hình ảnh gắn liền với nhịp điệu ý thức, chuyên chở nội dung tư tưởng: Cần hủy thể để tái sinh trong đời sống, trong sáng tạo. Tư tưởng hiện sinh:

Mình trực diện với chính mình, mình tự bóc vỏ mình, để lột xác, tái sống. Hai chữ *buồn nôn* ngay dòng đầu gợi đến sự cộng tác hai cái tôi cách biệt: một Roquetin (rất Sartre) và một Tôi (rất Thanh Tâm Tuyền). Hai *hữu thể* cách nhau vạn dặm, cùng chung một *hư vô*, một nỗi đau, cùng chịu khảo hạch của ý thức, đều phải xét lại mọi nhận thức với tất cả giác quan của mình, và bỗng thấy vũ trụ xã hội, vũ trụ văn hóa, thấy đều đổ vỡ, cần phải hủy diệt để tái sinh:

Tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
buổi chiều - sao vỡ vào chuông giáo đường
tôi xin một chỗ quỳ thầm kín
cho đứa nhỏ linh hồn
sợ chó dữ
con chó đói không màu

tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng trên bờ sông
nước đen sâu thao thức
tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ ơi
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang
tôi thèm giết tôi
loài sát nhân muôn đời

tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền
bóp cổ tôi chết gục
để tôi được phục sinh

từng chuỗi cuộc đời tiếp nối
nhân loại không tha thứ tội giết người

bọn đao phủ quỳ gối
giờ phục sinh

tiếng kêu là kinh cầu
những thế kỷ chờ đợi

tôi thèm sống như thèm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khẽ
em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật
(Phục sinh, trang 11,12)

Nhưng *tự hủy để tái sinh*, chưa phải là tất cả "vấn đề" của bài thơ.

Bạn bèn thử cách tiếp cận bằng ngưỡng cửa thứ nhì: Từ khoảng tối nội tại, phóng ra những hình ảnh hỗn loạn, ghê gớm mà con người giấu kỹ trong tiềm thức và quên đi trong vô thức: Những tội ác, giết người, lang sói... của cái tôi được phanh phui, trần trụi trước ánh nắng thùy tinh, trước tia mắt băng trinh của em bé quàng khăn đỏ.

Cách thứ ba: *Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ*: có một cái tôi hiện hữu (*tôi gọi tên tôi*) và một tôi vắng mặt (*cho đỡ nhớ*). Sự phân thân và phân tâm này vừa chứng minh sự xé đôi, sự đổ vỡ không cứu vãn được trong con người, vừa là nhận thức sâu xa về những mất mát, tứ tán của chính mình.

Cách thứ tư: *Tôi hét tên tôi cho nguôi giận*, vẫn có hai *tôi*. Một *tôi* đang *hét* và một *tôi* đang làm bậy (*cho nguôi giận*). *Cái tôi nhận thức* chạy xông vào *vùng tiềm thức* để tìm kiếm lục lọi cái tôi tội lỗi, trốn vào bóng tối, rồi quên đi trong *vô thức* của tâm hồn. Cái tôi vô tội bóp cổ cái tôi có tội, trở thành kẻ sát nhân. (Đây không chỉ là một hình ảnh siêu thực, mà còn cực thực của những người xử án hoặc hành án tử hình). Trong khi đó thì những hình ảnh tương phản của một thế giới khác: em bé quàng khăn đỏ, cận kề, vô tư, trong sáng, chưa một lần ngờ vực đến những mờ ám trong con người lang sói, ẩn trong các vùng sâu.

....

Nhưng cuối cùng, nhà thơ cúi đầu trước *tình yêu*, tình yêu đốt cháy, tình yêu là cứu cánh, là cứu rỗi, là em, trên tất cả, tình yêu là sự thật:

em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật

Thế nhưng, tình yêu cũng chỉ là phương tiện hành động *"thế giới tuyệt đối của Tình Ái bị phá vỡ, những thần tượng sụp đổ. Tình Ái cũng bị làm phương tiện khám phá đời sống, khai quật ý thức"*. Thanh Tâm Tuyền viết như thế trong tập thơ thứ nhì, *Liên đêm mặt trời tìm thấy*). Vậy không có cứu cánh, không còn cứu cánh, con người quay trở lại sự hủy diệt tròn (destruction circulaitre), vô tội - có tội cùng sát nhân, sát cánh, bên nhau, như nhau, một vòng tròn trong hư vô, gặp lại Nietzsche: Tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền nằm trong quỹ đạo nghi vấn, mâu thuẫn liên tục, hủy thể không ngừng, vấn đề luôn luôn đặt lại.

Thanh Tâm Tuyền và tình yêu

Dù tình yêu chỉ là phương tiện *"khai quật ý thức"*, nhưng nhà thơ vẫn dành cho tình yêu những lời tha thiết nhất:

Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ còn trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
và bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin

ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi
(*Lệ đá xanh,* trang 60)

Đối lập với trữ tình lãng mạn (tin tưởng và thần thánh hóa tình yêu), là thái độ hoài nghi: *đôi khi anh muốn tin*. Nhưng hoài nghi trong xác quyết qua những hình ảnh cực kỳ đớn đau: *Những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình, lệ là những viên đá xanh tim rũ rượi* mà thi ca cổ điển và lãng mạn, với cấu trúc song song (liên kết những yếu tố giống nhau) không thể nối liền những chất vô cơ như đá với hữu cơ như nước mắt, trong cùng một sinh thể huyền nhiệm là trái tim con người.

Anh xin em ngọn tóc cỏ cái hôn tím
mắt chợt xẩm chiều
bởi trôi qua những miền tâm sự viếng thăm

có thể em chết trước khi anh kịp về
mùa lạnh gian phòng cũ
không ai khép cửa sổ
cúi xuống viền mi những bóng tối bên ngoài
có thể rồi anh sẽ yêu người đàn bà thứ hai
anh không chối
nhưng mãi mãi em còn là đất dĩ vãng
mà rễ tình cảm đòi bén gần
và những viên gạch những lối xưa
còn chiêm bao gót em mềm âu yếm
...
vậy sao em lại ngủ
ngủ trong lòng mộ trong nghĩa địa thân thể anh
với áo cỏ may châm da thịt
(*Liên những bài thơ tình thời chia cách*, trang 57).

Sự tiếp cận của nhà thơ với tình yêu ở đây đã ra ngoài cõi sống, ngoài cõi biết: *ngủ trong lòng mộ, trong nghĩa địa thân thể anh, với áo cỏ may châm da thịt,* tạo bất ngờ, kinh ngạc, khủng hoảng, tuyệt đỉnh đớn đau, ra ngoài tầm với của nhiều người. Những hình ảnh mang trái phá của tình yêu, trong sáng tạo. Maurice Blanchot đã từng liên kết tình yêu, sự sống với cái chết như một guồng máy sinh động của cuộc đời, qua nhiều giai đoạn: Tình yêu là cơ nguyên của sự sống, trong một cuộc chiến cam go:

Khi vượt tuyến vào vòng trứng, bao nhiêu tinh trùng đã bỏ mạng? Cuộc đời thoát thai từ chiến tranh, từ nhiều cái chết và tình yêu đưa đến hủy hoại trước khi tái tạo một sinh thể mới.

Trường ca *Đêm* trong tập *Liên đêm mặt trời tìm thấy* gồm 10 đoản ca, mỗi đoản ca là một khúc giao hưởng giữa bóng tối và ánh sáng. Khúc một: chiến tranh và tình yêu. Khúc hai: hạnh phúc, chân lý và lừa dối. Khúc ba: sa mạc và tự do. Khúc bốn: xiềng xích và lưu đầy. Khúc năm: bất lực và đói khát. Khúc sáu: Những người tình đã mất. Khúc bảy: con quạ trong văn chương. Khúc tám: Man trá và đồng lõa. Khúc chín: Niềm cô độc đen. Khúc mười: Hủy diệt. Toàn bộ mười đoản khúc trôi dậy như những bản giao hưởng phù thủy, âm vang biến đổi không cùng, tùy theo người nghe đứng ở phía nào của cuộc sống. Giao hưởng hội họa và âm nhạc, thơ mộng với ác mộng, ý thức với vô thức, tình yêu với tuyệt vọng, ngục tù với tự do... Dư âm càng vọng xa, đớn đau càng gào thét. Càng đi sâu vào lòng âm thanh, hình ảnh càng khốc liệt: Tội ác dần dần tái chiếm lãnh địa, tình yêu mắc bạo bệnh, thổ huyết, chết quằn quại bên một nhân loại lầm lì, sa đọa và cô độc. Nhưng tất cả chỉ là ảo tưởng về một sự đọc, một sự hiểu, bởi có nhiều sự đọc, mỗi sự đọc là một cánh cửa, một sáng tác, một khám phá, phải để cho âm thanh và hình ảnh cuốn đi, đừng tìm hiểu, người đọc sẽ thấm vào tình trạng loạn thần như người thơ, như thế giới của người thơ, một thế giới trong vô thức, chụp bằng con mắt điên loạn của ý thức:

1
...Ở cuối đêm
em rũ tóc nói những lời mê sảng
những ám hiệu
của mặt biển đen không
tình yêu tuyệt vọng
anh xé tóc em cùng những cánh lá chết
mùa thu
gây thương tích nơi cườm tay
khóa chặt
anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc
khuôn mặt vỡ tan
như cẩm thạch
như nước mắt
như muôn đời

...

3

...
Trong đầu là hư vô
Trong mắt là hoang đảo
Trên môi là thần chú
Trên tay là trống không
Cả đời là sa mạc
Cả tôi là tự do
....

5

...Anh ôm ghì sự bất lực đói khát, mũi dao nhọn giữa lòng tin
Thân thể này không của anh cũng không của em
...Anh không bao giờ biết chảy nước mắt
Dù bao nhiêu đêm nay anh vẫn thầm bảo:
đêm là gì? Nếu không là những dòng lệ
Những dòng lệ không một màu không đau xót...

7

Những bài thơ tình không viết được
những hồn ma hoang đầu ngọn cây
Xác chết rữa nát
Trong kẹt rừng khô
Đêm thức dậy mở mắt mắt đã mù
Hai con sâu nằm trên chân mày đang khoét lỗ
Con quạ hôi hám mở lồng ngực bay lên
Mỏ ngậm quả tim đựng hình ảnh đời người
Đời người thản nhiên như tên gọi.
...

9

Một giọng trầm đêm
Niềm cô độc sâu
Nét nhạc xanh cung thương đen
Mi mắt chĩu mùa đông cũ

Cái chết bốc hơi
Tiếng kèn rách vô hình dáng
Người con gái áo đen xõa tóc ngất
Hai cánh tay dài quằn quại hai con trăn hiền lành
Không khí nhiễm độc
*
Đập vỡ
Quá khứ hỗn xược trên da trống
Ném mảnh chai lên mặt trời mù
Nói thầm nói thầm
Mưa rét mướt
....
Đập vỡ đập vỡ đập vỡ đập vỡ
Niềm cô độc sâu
Giọng trầm đêm hút.

10

....Có ai gọi tên tôi tôi giữa phố, phố hoảng sợ cái tên lăn như một xác chết nhập hồn. [....] Anh không phải là một cái tên [...] Mỗi lần muốn gặp anh em chỉ việc chọc dao thẳng vào tim, máu sẽ chảy và anh tới theo con đường máu tinh khiết ấy. Anh sẽ uống những giọt máu thơm tho của tình yêu làm anh bất tử. [...]

Có ai gọi tên tôi giữa phố, ngay sau lưng phố cụt cái tên mọc hai cánh tay chới với. Tôi dừng lại rút khí giới, con dao của em,...

Sao không ai gọi tôi nữa? Tôi đứng im đây, vực sâu trước mắt, cái tên sau lưng. [....] Cái tên chết điếng. [...] Hóa ra tôi đâm tôi chết tốt. Cũng xong".

(Trích *Đêm*, trong tập *Liên đêm mặt trời tìm thấy*, trang 55-74)

Con đường tìm bản thể (cái tôi) dẫn đến hủy thể. Hủy thể ở đây là tình yêu. Tình yêu là cứu cánh, nhưng tình yêu còn đi đôi với tội ác, cái chết - Trong tình yêu có cái chết và tội ác, trong cái chết và tội ác có tình yêu. Khó có tác phẩm nào trình bầy được sự tương phản đến cực độ ấy trong con người. Người đọc loạn thần trước những hình ảnh cực kỳ đen và đẹp: *Anh xé tóc em cùng những cánh lá chết, mùa thu ghi thương tích nơi cườm tay khóa chặt, anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc khuôn mặt vỡ tan như cẩm thạch như nước mắt như muôn đời... con quạ hôi hám mở lồng ngực*

bay lên... và sau cùng hình ảnh Orphée tìm người yêu qua nhiều miền địa ngục và giết người yêu bằng tình yêu của mình: Khi Orphée ngoái lại, bánh xe hủy diệt luân hồi giữa tình yêu, tội ác, sự sống và sự chết lại vận hành, vận hành cho tới khi nào còn con người trên nhân thế, ngoài nhân thế.

Thanh Tâm Tuyền và mầu da

Người Việt vốn kỳ thị, gọi người Tàu là Chệt, người Ấn là Chà Và, người Ả Rập là Rệp, những dân tộc có truyền thống văn hóa lâu đời hơn họ. Sang Mỹ, họ khinh người Mễ, không thèm ngó tới người da đen. Nếu ở trong nước mới sang Pháp, bước vào métro, thì thế nào họ cũng cố tránh ngồi gần một người da đen; tựa như một đứa bé (da trắng) từ lúc sinh ra chưa bao giờ nhìn thấy người da đen, có đứa sợ khóc ré lên, có đứa lại gần sờ soạng xem da đen khác da trắng (của nó) như thế nào: tò mò mà thân thiện. Phản ứng của người Việt đối với người da đen thường không thân thiện và ngây thơ như thế: họ có thành kiến. Người Việt lấy làm "tự hào": mình tuy "không bằng" da trắng, nhưng "còn hơn" Rệp, Mễ (da màu) và "hơn hẳn" da đen. Một niềm tự hào sai, bởi "mình" chẳng thua ai và cũng chẳng hơn ai: lột lớp da ngoài, bên trong xương, thịt, máu, hệt như nhau: cùng một màu.

Thanh Tâm Tuyền là nhà thơ *toàn diện*, total, mượn chữ của nhà phê bình Curtius. Chỉ những nghệ sĩ toàn diện mới có khả năng nhấc dân tộc ra khỏi sự độc tôn, kỳ thị. Thanh Tâm Tuyền đi từ nỗi đau cá nhân để đạt đến nỗi đau nhân loại. Bằng cái đau nhỏ cấu xé giữa anh em trong nhà, đau chia đôi đất nước *"nói thầm với nhau, dù vĩ tuyến"* (bài *Vĩ tuyến*), bằng giọt lệ khóc chung các dân tộc bị xiềng xích *"Hãy cho anh khóc bằng mắt em những cuộc tình duyên Budapest"*, để đến với cái đau lớn: đau mầu da, đau thân phận nhược tiểu của con người:

Một người da đen một khúc hát đen
Bầu trời đen sâu không cùng
Những dòng nước mắt
Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
Bằng giọng của máu của tủy của hồn bắt đầu ngày tháng
Giữa rừng không lời rừng mãi trống không
Ném mình ném đám đông vào trần truồng tủi cực hờn xác thịt
Tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai
Tội rằng không quên chẳng thể được quên
Vì blues không xanh vì điệu blues đen

Trên mầu da nức nở
Trong hộp đêm
Bắt đầu chảy máu thầm kín khóc cổ họng mình
Ngón tay cấu lấy ống kèn như một bùa thiêng
Chọn ngoài thể xác ngoài thương yêu ngoài dữ tợn
Chọn thế giới va chạm những loài kim réo gọi
Thời gian mềm
Không gặp thời gian
Không gian quay thành những vòng kỷ niệm
Rồi một buổi nào Blues hiện về xanh
(*Đen, Liên đêm mặt trời tìm thấy*, trang 81-82).

Đen bước vào hiện thực hiện sinh, dùng hiện sinh con người để phê phán xã hội: Nhà thơ không đứng ngoài để tả chân về một người nghệ sĩ da đen, ông đã nằm trong da, trong thịt, trong máu, trong nước mắt, trong tiếng kèn của người nghệ sĩ để phóng ra những âm thanh, những hình ảnh khốc liệt của một *khúc hát đen*, trong *bầu trời đen*, với những dòng nước mắt *xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng*, trên mầu da nức nở. Ở ngoài không thể làm được như thế, phải ở trong, sâu mới đi đến kiệt cùng, đến thế. Xác đáng ghê gớm về mặt hiện thực, cả bài thơ là một dòng tư tưởng trong trạng thái quặng mỏ, chưa đãi lọc, chưa có dấu vết kiểm duyệt của lý trí, những hình ảnh cứ mặc sức tuôn ra theo dòng máu, bắt người đọc phải nín thở trườn theo mạch thơ vì mỗi xuống hàng đều bắc cầu liên tục với câu trên, không ngừng đứt: Niềm đau hội tụ từ hồng tâm đen, tóe máu đen ra tứ phía, nhuộm đen vũ trụ, không gian, thời gian và âm nhạc. Đồng thời cũng từ hồng tâm huyết cầu này toát ra những hủy thể trường kỳ của sự sống: *Xé nát thân thể, giọng của máu của tủy của hồn, tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai...* toát ra những bất công mãn kiếp của những số phận: *trần truồng tủi cực hờn xác thịt*, quên chẳng thể được quên, chọn ngoài thể xác ngoài thương yêu ngoài dữ tợn, chọn thế giới kim châm... toát ra tính chất bất kỳ, phi lý của mầu da, của người dân nhược tiểu không có quyền lựa chọn, và cuối cùng pha trộn với sự trốn chạy của thời gian và không gian làm nên một thứ hủy diệt tròn: không gì có thể giải quyết nổi.

Nỗi đau đen không chỉ là nỗi đau của người nghệ sĩ kèn đồng đêm ấy, nó là nỗi đau của nhân loại, tiết ra từ xương, từ tủy, từ dòng máu đen khốn nạn trong mỗi chúng ta với những ác tâm, kỳ thị, phân biệt chủng tộc. Chính dòng máu đen ghê gớm ấy đã xé nát thân thể, đã cào cấu huyết mạch những tâm hồn không được quyền chọn mầu da của mình. Dòng máu đen "vô tội"

của mỗi người được giấu kín trong tiềm thức, giả đò quên đi trong vô thức, nhưng luôn luôn chầy ngầm trong huyết quản mà chỉ những nghệ sĩ đích thực mới cả gan đào sâu, cắt mạch cho nó tóe ra trong địa ngục con người. Họ là tự do. Họ là sự thật.

Bài viết này nguyên là chương XII và XIII của cuốn *Cấu trúc thơ* (nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1995), chúng tôi sửa chữa, bổ sung, và sẽ viết thêm phần nhận định văn xuôi của Thanh Tâm Tuyền, trong một kỳ tới.

Thụy Khuê
Paris tháng 9/95
tháng 4/2006

PHÙNG CUNG

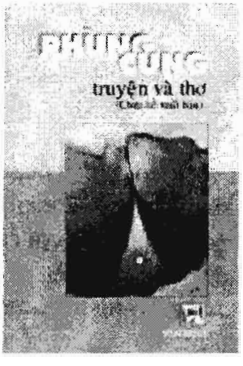

Đây là tuyển tập bao gồm tất cả những sáng tác của Phùng Cung lúc còn sinh thời.
Cũng nên biết sau khi truyện ngắn Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh đăng trên báo Nhân Văn tháng 10 năm 1956, nhà văn Phùng Cung bị đình chỉ công tác, bị treo bút, bị cấm xuất bản. Ông bị bắt tháng Năm 1961 và bị giam giữ trong những nhà tù khét tiếng tàn độc (Hỏa Lò, Bất Bạt, Yên Bái, Phong Quang...) và chỉ được tha về hơn 12 năm sau đó (1973).
Các Truyện Ngắn đã được sáng tác trước khi đi tù, từ 1956 đến 1959. Nội dung nói lên nỗi khổ của người dân chất phác và sự kềm kẹp tự do sáng tác của chế độ cộng sản trong thời kỳ cải cách ruộng đất.
Mặc dù phải sống trong những điều kiện giam cầm nghiệt ngã (biệt giam và lao động khổ sai), Phùng Cung vẫn tiếp tục sáng tác. Tập thơ TRĂNG NGỤC gồm 25 bài được sáng tác trong tù từ 1961 đến 1972 và chỉ được ghi chép lại bằng... trí nhớ của tác giả. Giọng thơ vừa hùng tráng bất khuất vừa chan chứa tình yêu quê hương.

Đặt mua:

- Tại Canada và Hoa Kỳ: Mrs Lâm Thu Vân, 6420 Victoria Avenue # 4, Montréal, Québec H3W 2S7 Canada
Giá bán (đã kể cả cước phí bưu điện) tại Canada: 30 CAD và Hoa Kỳ: 28 USD.
- Tại Đức: Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Franfurt am Main
Giá bán 25 euros (đã kể cả cước phí bưu điện)
- Tại Pháp và các quốc gia châu Âu: Nghiêm Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France.
Giá bán 25 euros (đã kể cước phí bưu điện).

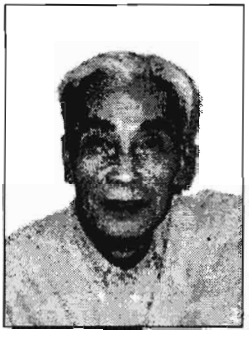

PHÂN ƯU

Được tin

Nhà thơ THANH TÂM TUYỀN

đã tạ thế ngày 22 tháng Ba 2006

tại Minnesota, Hoa Kỳ

hưởng thọ 70 tuổi

Tạp Chí Văn Học và các văn thi hữu
chân thành chia buồn cùng tang quyến
Cầu mong hương hồn thi sĩ sớm siêu thoát

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

THANH TÂM TUYỀN

dọc đường

Ba người đàn ông ngồi quây xung quanh cái bàn gỗ tròn trong quán và cùng hướng về phía quốc lộ chạy mất hút vào trong rừng cao-su ở hai bên. Quán bằng lá nằm cuối dãy phố mươi lăm chiếc, sát cạnh con đường đất xe hơi có thể vào ngăn phố với rừng cao-su. Đầu trên dãy phố là đồn Dân Vệ rào ba lần thép gai trên treo lủng lẳng những ống lon ri. Người đàn ông ngồi ngoài cùng kế cây cột chống, mặc áo lá quần xà lỏn, một chân co lên mặt ghế, tay bưng ly cà-phê uống từ hớp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo kaki sờn rách, đầu đội nón bẻ vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muỗng nhỏ xíu gõ nhịp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả màu, trước một ly cà-phê sữa:

- Có lẽ tụi nó về hết rồi. Ông già nói.

- Còn mà. Ít nhất còn cái 601 chưa về.

- Vậy ai chơi nổi với mầy nữa. Mầy thuộc hết số xe còn gì? Thằng này điếm quá.

- Ờ... tôi nhớ nhưng biết cái nào tới trước cái nào tới sau? Người vận quần áo kaki đỏ mặt cãi với ông già.

Người vận áo lá quần xà lỏn nói:

- Ăn chung gì. Giờ mình chơi hết các thứ xe đi.

- Đâu có được mầy. Mắt tao nhìn không rõ. Xe be chạy cà rề cà rề tao còn ngó thấy. Chớ bọn xe đò, xe nhà giờ này nó chạy trối chết làm sao tao trông kịp.

- Ai ăn lận tía mà tía sợ.

Ông già lắc đầu:

- Tao cũng không chơi nữa.

Bà chủ quán mập bự, ngồi khuất phía trong, nửa dòm vô trong nhà, nửa dòm ra trước, hỏi giọng khan như bị cúm:

- Nãy giờ cha nào ăn?

- Huề. Không ai ăn thua hết. Người đàn ông đội nón phân trần.

Ông già xỏ dép, đứng lên thọc hai tay vô túi áo, móc tiền:

- Nè, trả tiền ly cà-phê. Tao về cho sớm. Tối nay thế nào cũng có hành quân.

Ông đặt mấy đồng bạc cắc lên bàn, bỏ ra theo phía hông quán, bước ngay xuống con đường đất đi sang phía rừng cao-su, vòng vào sau một gốc cây ngoài bìa đứng tiểu. Tiếng nước chảy mạnh xoi vào thân cây. Người đội nón nghiêng đầu ngó la to:

- Ông già gân dữ quá ta.

Người ngồi ngoài cùng chợt vểnh tai nghe ngóng. Tiếng ầm ĩ ở tít xa.

- Còn tao với mầy hả?

- Đâu có ngán.

- Bài cào hay xóc dĩa?

- Thứ nào cũng được. Cho mày lựa.

Người vận áo lá vừa nhíu mày suy nghĩ vừa lắng nghe tiếng động. Khuôn mặt dài ốm nhăn nhó. Người đội nón giở chiếc nón xuống và tiền rớt xuống mặt bàn. Y suy nghĩ dò xét kín đáo hơn, cặp mắt mơ màng nhìn vào những lối cao-su thẳng tối. Ông già từ sau gốc cây bước ra đường cũng ngửa cổ nghe.

- Đậu cái này rồi về tía. Người đội nón gạ gẫm.

- Tụi bay tuột dù hết rồi. Máy bay trực thăng đó.

Hai người đàn ông còn ngồi trong quán ngó nhau. Người đàn bà cũng nói:

- Trực thăng thiệt.

Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ, tới gần. Chiếc trực thăng, bay sà thấp ngang qua quán, sang phía rừng cao-su bên kia lộ, quần vài vòng lớn rồi trở lại hướng cũ. Ông già nhìn theo, cười khoái trá nói: "Tao biểu mà." Rồi ông bước đi. Con đường đất chạy men bìa rừng cao-su dẫn tới một xóm lá lơ thơ. Buổi chiều vàng rực ở phía đồn Dân Vệ, nhưng phía rừng cao-su xanh sẫm xuyên qua những gốc cây thẳng tắp đến cả hai cây số ngàn một chút trời sáng của quãng lộ quẹo như rớt xuống ngang tầm đất. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giày bó túm ống quần bám sình và bụi đất: một người đeo súng hai tay bưng trên miệng nút vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt nằm ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưỡi. Họ rẽ vào quán, dựng súng vô vách, ngồi

vào chiếc bàn gỗ còn dư trống. Một người kêu người đàn ông vận áo lá:

- Còn nước đá không?

Người sau này vẫn ngồi nguyên thế co chân, chỉ xoay nửa thân trên hỏi lại người đàn bà:

- Còn nước đá không mầy?

- Để coi. Chắc còn...

Người đàn bà vác tấm thân nặng, lê bước vô sau bếp, lục cục tìm kiếm và hỏi ra ngoài:

- Mấy chú uống gì?

- La-de.

Người dân vệ vẫn bưng tay lên miệng nút kêu những tiếng chít chít, trong khi người bạn ngó lên tấm vách trong có cái giá bày các chai nước hơi màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu trắng, màu nâu xếp dài theo vách ván ám khói đen. Chỉ còn hai chai la-de trên giá. Người đàn ông vận áo lá, chủ quán, nhăn mặt ngó chỗ khác vì tiếng nút kêu của người dân vệ. Người đàn ông đội nón liệng chiếc muỗng xuống bàn kêu:

- Cha. Lâu thế mẹ.

Người đàn bà mang hai cái ly đá chặt cục bự nhô khỏi miệng ly đặt trước mặt hai người dân vệ, rồi lại ì ạch quay trở vô giá lấy nước. Mụ dùng răng cắn mở nút chai xong cất tiếng hít hà, đưa cánh tay áo quẹt ngang mồm. Ly của người dân vệ mải với trò chơi bọt sủi tràn xuống bàn. Anh ta buông tay, chiếc lá tre xanh nõn ép dính dọc theo ngón tay cái bên phải. Anh thủng thẳng lột chiếc lá liệng vào vũng nước trên bàn. Người bạn hỏi:

- Uống lẹ đi mầy. Bọn chúng đi qua thấy về lại cằn nhằn.

Người đàn ông đội nón bỏ ghế ra ngoài hè đứng ngó mông hai đầu đường vắng ngắt như tờ. Đằng chân trời trước mặt, tiếng phi cơ ầm ì rồi tắt lặng không thấy dáng. Cách quán hai ba nhà, là tiệm sửa xe máy. Một người thợ lui hui làm việc với chiếc xe máy lật chổng bánh lên trời. Người đội nón quay vô biểu:

- Tối nay về Biên Hòa ngủ. Còn cái sáu lẻ một mà.

- Ờ để coi.

Hai người dân vệ uống cạn ly đứng lên sửa lại quần áo, đội mũ đeo súng, trả tiền sửa soạn bước ra khỏi quán. Người đàn bà vừa nhét tiền vô túi vừa nói với chồng:

- Có đi Biên Hòa coi chừng giùm tôi vụ đó.

Hai người dân vệ ra khỏi quán, tiến về phía đồn, dáng đi nghiêm chỉnh hơn. Người nút lá tre đi trước cách bạn chừng hai ba thước, cả hai đều quay

dòm vô các mặt phố. Có tiếng gọi trong rào kẽm gai ở đồn và họ cất bước chạy lúp xúp. Trong quán người đàn bà nói, trong khi người chồng mở hộc tủ của cái bàn trên bầy mấy ve bánh kẹo, chai tôm khô củ kiệu chỉ còn thấy nước đục vàng, kê bên dưới giá xếp nước hơi, lấy tiền, trên đầu người đàn ông treo tòn ten vào móc sắt hai nải chuối già và chuối sứ:

- Mấy cha chỉ bầy chuyện đi chơi không à!

Người đàn ông đi tới chiếc ghế bố đặt bên vách, nơi người vợ ngồi để vừa ngó được phía sau phía trước, lượm áo sơ-mi khoác lên thân, nói:

- Mầy không thấy trực thăng quần nãy giờ sao mầy. Bộ mầy muốn cho tao chết...

- Còn tôi dễ tôi không chết hả. Cứ đi hoài tiền đâu chịu cho thấu.

- Tao là đàn ông mầy nghe chưa? Ở nhà để lỡ như lần trước chúng vô bắt kéo thây về rừng cho chúng. Một mình tao phải kéo bốn cái thây mầy nhớ không, cả đêm cả ngày tới chừng về phát đau còn bị người ta kêu lên kêu xuống hỏi hoài... Mầy chịu vậy không? Tao ở nhà... Đụ mẹ thứ đồ đàn bà ngu!

Người vợ kéo quần lên tới bắp vế gãi, mặt mụ đờ đẫn không còn phản ứng. Người đội nón bước trở vô quán nói tiếp:

- Máy bay quần là có chuyện mà...

Người đàn ông chủ quán tỏ vẻ khinh bỉ vợ, bỏ vô sau rửa mặt, rửa chân, rồi thủng thẳng trở ra xỏ quần. Hai người đàn ông ra đứng trước quán. Trong rừng cao-su nghe tiếng còi xe nhận inh ỏi, ba chiếc xe đò đua nhau chạy tới. Dẫn đầu là một chiếc "Bờ-dô" mũi khoằm, theo sau là hai xe cá. Chiếc "Bờ-dô" thắng ngay trước quán, hai chiếc xe cá vượt đi luôn. Người đàn ông chủ quán quay vô biểu vợ:

- Tao đi nghe mầy.

Người vợ nặng nề bước ra, dặn dò:

- Mai sáng về ghé chợ mua đồ về nghe.

Người đàn ông mới dợm đặt chân lên thang phía sau xe, đợi bạn chui vô khoang nói:

- Đụ mẹ nhớ mà.

Người lơ chạy vô quán nói:

- Xin miếng nước chị Hai. Không đợi trả lời, thót vô sau nhà.

Người tài xế nhấn còi thúc hối, ló đầu ra ngoài:

- Tính ngủ trong đó sao mầy?

Người lơ chạy ra mặt còn nhẫy nước, nhảy bám vào đuôi xe la lớn:

- Rồi, chạy đi.

Chiếc xe từ từ ngừng trước đồn Dân Vệ. Người lính gác trong chòi canh bắc loa tay kêu đuổi: "Tới trong kia đậu." Chiếc xe chuyển bánh đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán hớt tóc. Người lơ nhảy xuống đất kêu vô trong:

- Xuống lẹ lên cha nội.

Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông lại muốn trở lên, nói:

- Không phải đây...

Người lơ đã bước lên bực gỗ đưa tay cản ngang:

- Vậy tía quên hay tía lầm đường rồi. Tía rán đợi đây đón xe mà về. Chớ tôi cứ ngừng hoài đợi tía kiếm nhà tới đêm tụi tôi mới về tới nhà. Cô bác kêu quá trời.

- Cho tôi đi khúc nữa...

- Tía hết tiền rồi. Rồi, chạy đi.

Chiếc xe rồ ga vọt thẳng vào phía rừng cao-su sẫm lạnh. Người đàn ông đứng lại bên đường ngơ ngác. Hắn vận bộ bà ba đen, chân đi xăng-đan, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trực thăng từ phía rừng cao-su bay tới, đứng im rồi hạ thấp trên bãi trống bên kia đường. Tiếng nổ ù tai, cánh quạt quay cuốn bụi đất mù một khoảng, cỏ cây ngã rạp. Người lớn, con nít túa ra khỏi nhà ngắm coi, bọn con nít chạy băng ngang lộ tới đứng bên bãi cỏ, tiếng người kêu gọi bị gió và tiếng động cơ quạt bay tung mất hút. Chiếc trực thăng đáp xuống nhưng không tắt máy, nó đậu vài phút rồi lại từ từ cất lên và bay đi về hướng đồn Dân Vệ tránh xa quốc lộ. Trẻ con và người lớn còn đứng lại ngắm và bàn tán. Một vài người nhìn thấy người đàn ông vận bà ba đen ôm bọc giấy dầu đứng trước quán hớt tóc. Quán hớt tóc là một chòi lá chỉ có một mái dựng trên một bức vách gỗ thùng sữa và hai cây cột ngoài, ba mặt bỏ trống. Trong quán không có người, thợ đã nghỉ, nhưng vẫn còn một chiếc ghế ngồi trước một tấm gương đóng chặt lên vách, dưới tấm gương là một cái hộc gỗ buộc treo bằng dây kẽm, không có một vật dụng nào để trên. Người đàn ông ngó thấy mặt mình trong gương, con lộ bãi cỏ, mô đất cao xa mờ, hắn ngoánh một bước tới quay lưng lại đồn Dân Vệ hướng về phía rừng cao-su. Kế bên quán hớt tóc là một tiệm chạp-phô của người Tàu, tới một căn nhà ở đóng cửa, trên các cửa đóng dán những bích chương và khẩu hiệu tuyên truyền, tới một tiệm trữ Âu dược. Một tấm bảng gỗ treo ngang đong đưa với dấu thập đỏ. Qua khỏi tiệm trữ Âu dược là một nền nhà đổ, rồi một khoảng đất vuông cao hơn mặt đồng trồng rau muống, làm chỗ họp chợ. Trên nền đất

có vết cháy đen loang, cỏ vàng úa không mọc được. Sát chợ là nhà việc: mái thủng, tường lỗ chỗ vết đạn, các cửa sổ bể gẫy, tấm bảng treo rớt chỉ còn một đầu dính trên tường, nhìn vào trong gạch ngói bừa bãi chưa thu dọn. Nhà kế bên nhà việc cũng bị sập mái trước. Khỏi gian nhà đổ, dãy phố nguyên vẹn. Người đàn ông đi qua một tiệm thuốc Bắc, trong tiệm một người con gái Tàu lai ngồi đọc báo sau quầy hàng, một tiệm bán sách vở và tạp hóa; một lớp học với mươi bộ bàn ghế và tấm bảng đen; tiệm sửa xe máy với một người thợ đang lui hui sửa ngoài hè. Người đàn ông ôm gói đứng lại nhìn người thợ làm việc. Anh này chợt ngừng lên loe miệng cười với người đàn ông, nhưng nụ cười tắt ngay tức thời. Anh thợ ngừng hẳn tay ngắm nghía người lạ. Người đàn ông cố gắng cười gượng gạo hỏi:

- Giờ này còn xe xuống không anh Hai?

- Có lẽ hết.

Nói xong, người thợ tiếp tục làm việc, bỏ mặc người lạ đứng ngẩn nhìn xuống. Một hồi im lặng, người đàn ông nói:

- Cám ơn anh Hai.

Người thợ không đáp, cũng không ngó lên. Và người đàn ông lại bước đi. Kế tiệm sửa xe là tiệm chạp phô nữa của người di cư. Người đàn bà quần áo nâu, răng đen, vấn khăn, mắt hấp háy đứng bên mấy bó củi và tĩn nước mắm ngó người lạ mặt chằm chằm. Người đàn ông ngó mông sang rừng cao-su bên lia lộ. Hắn đi qua hai căn nhà nữa. Trước một căn nhà đóng cửa, đặt một cái lu nhỏ đậy nắp gỗ và một cái ca nhôm máng trên tường. Người đàn ông tiến lại bên cái lu, đặt gói giấy xuống hè, mở nắp lấy cái ca múc nước trong lu uống ừng ực. Uống xong hắn lại múc thêm một ca đầy đứng xích ra gần lộ đổ vào tay rửa mặt và cổ. Nước trà màu nâu đen. Lấy khăn trong túi áo lau khô mặt, hắn đậy nắp lu, máng ca trở lại chỗ cũ, ôm gói đồ đi tới chỗ tận cùng dãy phố là con đường đất đỏ vắng hoe ngăn cái quán và rừng cao-su. Hắn đứng ở đầu đường đất ngó mông vào xóm, nhìn con lộ chạy ẩn giữa hai hàng cao-su tối. Hắn bước vô quán ngồi bàn phía ngoài, đặt gói đồ lên một cái ghế. Người đàn bà mập từ sau bếp bước ra nói:

- Hết trơn nước đá rồi. Cà-phê cũng hết...

- Thím cho ngồi nghỉ đỡ đón xe.

Người đàn bà ngó khách từ đầu tới chân. Trong rừng cao-su tiếng ve bỗng kêu từ xa lan tới gần. Người đàn ông ngó quanh khắp quán hỏi:

- Thím có bán cơm không?

- Không, không có cơm.

Người đàn bà bỏ vô sau nhà. Người đàn ông ngồi thẳng lưng, mó máy

bật cái dây thun buộc gói giấy dầu. Hắn móc trong một túi áo lấy ra một xấp giấy gói kỹ kiểm lại và đếm những tờ giấy bạc. Mấy tờ giấy năm đồng, mười đồng. Người đàn bà trở ra hỏi:

- Không có xe hả?

- Không có. Sợ hết.

Người đàn bà bỗng lắng nghe bảo:

- Có xe be tới đó.

Người đàn ông vội ôm gói đồ chạy ra lề đường. Hai chiếc xe be kềnh càng rần rần từ trong rừng cao-su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: "Cho quá giang..." Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy.

Người đàn ông thất vọng lầm lùi trở vô quán. Từ một trại binh xa lắc vọng lại tiếng kèn chào cờ buổi chiều. Ve kêu rộn hơn. Người đàn bà hỏi:

- Chú ở đâu tới?

- Tôi đi kiếm thằng em của tôi làm đồn điền cao su. Có lẽ tôi đi lộn xe. Mấy năm trước tôi có lên đây một lần nhưng không nhớ rõ. Tôi nhớ khu nó ở gần lộ.

- Ôi, đồn điền cao-su biết mấy mà kiếm? Đồn điền tên gì ở đâu mới được chớ?

- Tôi không nhớ, tới đúng nơi thì tôi biết.

- Chú nói chuyện trời đất không à.

Người đàn ông đặt gói đồ lên bàn, hai tay ngồi ôm lấy nó. Người đàn bà đột ngột xẵng giọng hỏi:

- Giờ chú tính sao?

- Tôi không biết tính sao hết. Tôi đón xe...

Người đàn bà cao giọng hơn:

- Chú nói cà rởn hoài. Giờ này kiếm xe. Chú tính mà mất toi. Bộ khi không chú ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả. Chú tính chuyện gì. Tôi kêu lính trên đồn tới đây bây giờ...

Người đàn ông sửng sốt, giật hai tay ôm gói đồ vào bụng ngó trân người đàn bà:

- Tôi nói thiệt mà thím. Tôi đón xe mà.

- Mà tôi biểu chú không còn xe nữa. Chú tính cách sao?

Người đàn ông ngó ra lộ, ra ngoài rừng, nói một mình:

- Ờ. Không còn xe.

Tiếng ve kêu chỉ còn lẻ tẻ rời rạc xa xa. Trời bắt đầu tím trên nền bóng núi xa. Người đàn bà tìm quẹt đốt cây đèn dầu hôi mắt vẫn dòm chừng

khách lạ. Một chiếc xe díp vụt ngang ngoài lộ như một cơn gió. Người đàn ông dợm đứng dậy như tính rượt theo kêu, lại ngồi xuống ghế. Đèn thắp lên. Cửa bên hông mở ra phía con đường đất bên bìa rừng đã đóng. Người đàn bà đặt cây đèn lên bàn trong, tiến đến gần người đàn ông hỏi:

- Giờ chú tính sao?

Người đàn ông ngập ngừng:

- Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước. Mơi tôi đón xe về sớm.

Người đàn bà kêu lên:

- Đâu có được chú. Nhà tôi đâu phải nhà cho mướn. Biết chú là người thế nào mà cho ngủ đậu. Lỡ đêm chú cắt cổ tôi sao? Chồng tôi đi khỏi, tôi không chứa đàn ông...

- Thiệt tình mà thím, tôi đi kiếm thằng em tôi. Thím làm ơn làm phước... Chớ giờ này tôi biết tính sao?

Người đàn bà suy nghĩ vài giây:

- Bộ chú lỡ độ đường thiệt à...

- Thiệt mà thím. Chớ khi không tới đây làm gì.

Người đàn bà lại cao giọng:

- Không được. Chú ở đâu tới, tôi không biết. Chú xin ngủ đậu, không được. Lỡ đêm có chuyện gì người ta xét nhà, tôi nói sao. Không được. Tôi thương chú, ai thương tôi. Thôi chú đi đi, cho tôi ăn cơm. Tôi đói bụng rồi.

- Tôi đi đâu?

- Đi đâu thây kệ chú chớ. Mắc mớ gì tới tôi.

Người đàn ông chậm chạp đứng lên nhưng chưa bước đi. Người đàn bà tự động lùi lại một bước thủ thế. Người đàn ông nài ni:

- Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi...

- Tôi không biết. Mấy người rắc rối lắm. Tôi không kêu lính trên đồn là may phước lắm.

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán. Dãy phố và con lộ im như tờ, chỉ nghe tiếng ve rộn xa và tiếng côn trùng khởi trỗi lẻ tẻ ở bãi cỏ. Người đàn bà khép cửa quán lại nhưng vẫn còn ló đầu dòm theo người lạ. Người đàn ông đi trở ngược dãy phố. Trong tiệm chạp phô, gia đình đang ăn cơm trên bộ ngựa ở ngoài. Người đàn bà vấn khăn đang bới cơm không ngó thấy bên ngoài. Người lạ mặt đứng lại trước tiệm sửa xe. Người thợ đã tắm rửa, thay đồ, ngồi trên ghế ngay trong cửa ôm cây đàn ghi-ta đang khảy. Người đàn ông đứng lại, rồi tiến tới bên cửa:

- Chào anh.

Người thợ ngừng tay khẩy, ngó lên hỏi:

- Gì anh?

Người đàn ông đứng trân một hồi mới nói:

- Anh Hai làm ơn chỉ giùm tôi có chỗ nào ngủ đậu một tối, tôi lỡ đường hết xe về.

Người thợ cười giễu, gác cẳng lên thềm cửa:

- Chỗ ngủ đậu. Anh tới đầu quán kia hỏi coi...

- Tôi hỏi rồi. Họ không chịu.

- Vậy tôi cũng chịu.

Người thợ lại tiếp tục khẩy đàn và cười một mình. Người đàn ông vẫn đứng im tại chỗ:

- Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mơi tôi đón xe về sớm.

- Cha này giỡn hoài ta. Tôi đâu quen biết anh.

- Anh cho tôi ngủ đậu một tối thôi.

- Bộ anh cho là tôi khùng hả. Cha này kỳ quá...

Người đàn ông quay mặt về phía rừng cao-su trong ấy bóng tối đã đầy. Ngoài rừng trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ ầm ở xa. Hắn đi vài bước về hướng nhà việc rồi bỗng quay bước. Trong tiệm xe máy tiếng đàn dạo đến khúc mùi mẫn. Hắn đến trước căn nhà có đặt lu nước ở ngoài và đứng lại. Nhà cửa đóng kín không thấy ánh sáng. Hắn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng. Có cả mấy phút không tiếng trả lời. Trong nhà tiếng niệm Phật rất nhỏ. Hắn đứng đợi nghe tiếng mõ đều đều thỉnh thoảng đệm tiếng chuông. Trời cứ tối dần. Một hồi hắn lại gõ cửa và sau tiếng ho là tiếng hỏi nhỏ:

- Ai đó?

Người đàn ông không đáp. Hắn lại gõ cửa. Trong nhà lại nghe tiếng nói: "Ai đó?" Tiếng động trên cửa và một lỗ hổng tròn được kéo ra ngang tầm ngực người đàn ông:

- Ai ở ngoài đó?

Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hổng:

- Tôi lỡ độ đường.

- Chú kiếm ai?

- Dạ không, thưa bác con kiếm chỗ ngủ tối nay. Bác cho con ngủ nhờ.

Bên trong im lặng khá lâu, tiếng thì thào rồi nghe giọng già run rẩy:

- Thôi chú ơi, tôi tu hành chú đừng phá tôi.

- Thưa bác, thiệt tình con lỡ đường. Con đi kiếm thằng em mần trong đồn điền cao-su lại lên lộn xe. Giờ không có xe về. Bác cho con ngủ đậu một tối. Mơi con đón xe về sớm.

- Thôi mà chú, chú kiếm nơi khác. Tôi tu hành mà.

- Không đâu họ chịu cả. Bác làm phước thương con.

- Tôi biết chú nói thật. Nhưng chú thương chúng tôi. Chúng tôi không làm gì hại ai cả. Chú cảm phiền. Trong nhà chỉ có mấy bà cháu không có đàn ông. Lỡ ra tội nghiệp, chú ơi...

- Thưa bác con thiệt tình. Con không gạt. Con đi kiếm người em.

Bỗng trong nhà có giọng thiếu nữ ngắt ngang:

- Bà tôi nói thiệt mà. Khi không tới đòi ngủ đậu. Ai mà tin được. Tụi tôi la bây giờ là lính trên đồn nghe thấy xuống tới.

- Tôi thiệt tình mà cô Hai.

- Thiệt hay không thiệt cũng không ai chứa người lạ trong nhà.

Một tiếng nổ ầm rung chuyển đất. Lỗ hổng đóng sập lại và tiếng chân chạy trong các nhà. Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông dáo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao-su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hỏa pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giấy bên lu nước.

THANH TÂM TUYỀN

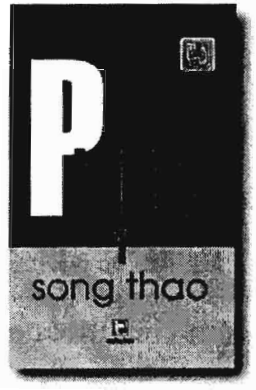

ĐÃ TÁI BẢN:

Phấn 1

của **song thao**

40 chuyện phiếm, 380 trang
NHÂN ẢNH tái bản

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:
7805 Claire Fauteux, #1
Montréal, P.Q., H1K 5B6
Điện thoại: **(514) 354-5338**
Email: **tatrungson@hotmail.com**
Án phí (bao gồm luôn cước phí).
Canada: 22 Gia kim (chi phiếu hoặc money order)
Hoa Kỳ: 20 Mỹ kim (chi phiếu hoặc money order)
Các nước khác: 29 Mỹ kim (money order)
Chi phiếu và money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu nhà văn Nguyễn Đức Lập là

Bà HỒNG TIÊU

NGUYỄN ĐỨC HUY

Nhũ danh LÊ THỊ BẠCH VÂN

Bút hiệu TÙNG LONG

đã tạ thế ngày 22 tháng Ba 2006

tại Minnesota, Hoa Kỳ

HƯỞNG THỌ 93 TUỔI

Tạp Chí Văn Học và các văn thi hữu

chân thành chia buồn cùng nhà văn Nguyễn Đức Lập

và tang quyến

Cầu mong hương hồn Cụ Bà sớm siêu thoát

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

VÕ PHIẾN

thanh tâm tuyền

Thanh Tâm Tuyền là một tác giả độc đáo. Cái gì của ông cũng độc đáo: Thơ độc đáo, truyện độc đáo, thể cách độc đáo, suy tưởng độc đáo, lời lẽ độc đáo, cái nhan sách cũng chọn cách độc đáo, không giống ai.

Tôi không còn cô độc: một tập thơ có cái tên như vậy nghe không ngộ sao? *Một Chủ Nhật khác*: một cuốn truyện mang cái tên như thế, là lạ chứ?

Độc đáo là cái ai cũng mong muốn. Đẩy nó tới thêm một chút, nó dễ gặp cái kỳ cục. Thanh Tâm Tuyền không phải kẻ nhát gan: ông cứ đẩy. Nên lại có tập thơ mang tên *Liên đêm mặt trời tìm thấy*. Lại có bài thơ ("Sinh nhật thứ chín của Th.") kèm theo một lời ghi chú dặn dò: "Để đọc bài thơ này cô Th. nên nghe lại đoạn Presto trong khúc *Mùa Hạ* của Vivaldi, đọc lại đoạn Threnos trong *The Phoenix and The Turtle* của Shakespeare và bài thơ sau đây của S. Beckett..."

Người ta có thể nhớ đến những lời vắn tắt chỉ dẫn cách dùng in trên bao hộp một số món ăn, hướng dẫn năm ba cách chế biến, bày vẽ vài thức ăn kèm cho nổi vị...

Cũng có thể liên tưởng tới những luận bàn sành sõi của Vũ Bằng chẳng hạn: "cá rô don nấu với rau cải, bỏ mấy nhát gừng, ăn cũng sướng khẩu cái lạ thường". Hoặc chẳng hạn: "Gạo tám Cói thổi lên ăn với chim ngói hầm đem cúng thiên địa qui thần và tiến vua quả thật là đúng khổ, y như thưởng trống cô đầu đến đoạn 'dịp phách phách' mà đánh 'bóc bóc' hai tiếng ăn với nhau chan chát, chịu sao cho nổi!" Lại hoặc nữa, chẳng hạn: "Chẳng cần nhiều, chỉ một dúm thôi, cho vào rươi tráng trứng, rươi mắm, rươi nấu với củ cải theo kiểu tam sà đại hội hay là rươi xào sâm sấp nước với củ niễng, rắc mấy cọng mùi lên trên, tự nhiên rươi dậy hẳn mùi. Thiếu

vỏ quít, nhất định không phải là rươi nữa, cũng như non thiếu nước, trăng thiếu hoa, gái thiếu trai, nhất định không có cách gì tạo nên được bài thơ ý nhị!" (*Thương nhớ mười hai*).

Có thể. Màu này hợp với màu nọ, vị này ưa kèm với vị kia, cái này cái nọ cùng đi với nhau là nhất, là cả một bài thơ ý nhị: chuyện ấy vẫn có. Dù sao lời "ghi chú" cũng quá độc đáo, không sao?

Cái mới lạ trình bày cách đột ngột, nó gây kích động mạnh, gây phản ứng nhanh chóng. Thanh Tâm Tuyền mỗi xuất hiện thường được đón tiếp bằng những phản ứng như thế, từ phía yêu ông cũng như phía ghét ông. Có những kẻ ghét rồi lại yêu. Lê Huy Oanh là một trường hợp như thế. Trong một thiên "Ký sự về Thanh Tâm Tuyền" đăng trên báo *Đồng Nai* (xuất bản ở California, Hoa Kỳ), ông Lê kể thoạt tiên ông đã viết một bài đăng trên tạp chí *Sinh Lực* để "lên án" thơ Thanh Tâm Tuyền: "Hình như trong bài đó của tôi đã có những lời lẽ đầy thù hận thì phải. Tôi chê bai, mạt sát anh ta thậm tệ lắm thì phải." Chẳng bao lâu sau đó, sau khi đã đọc đi đọc lại bài báo của mình được bốn, năm lần thì ông bắt đầu thay đổi thái độ "Trước kia tôi chê bai thơ Thanh Tâm Tuyền bao nhiêu, thì sau này tôi mê thơ anh bấy nhiêu."

Thanh Tâm Tuyền là một tác giả độc đáo và cực đoan có những độc giả cực đoan.

Thanh Tâm Tuyền rất thông minh. Năm 16 tuổi (1952) ông đã dạy học (Trong bản tiểu sử ở sách *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* không nói rõ, tôi nghĩ rằng trường Minh Tân là một trường trung học), và viết truyện ngắn đăng trên tạp chí *Thanh Niên* ở Hà Nội; năm 18 tuổi (1954) ông đã cùng các bạn chủ trương tạp chí *Lửa Việt*, cùng hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên, cùng làm báo *Dân Chủ,* báo *Người Việt*. Và đến năm 1956, mới hai mươi tuổi, ông đã viết xong cuốn *Bếp Lửa* (xuất bản vào năm sau, 1957), một tác phẩm giá trị.

Bài thơ, bản nhạc có thể chỉ đòi hỏi ở cái tâm tình của người nghệ sĩ; còn xây dựng một cuốn tiểu thuyết với nhiều nhân vật, với những hoạt động trên nhiều lãnh vực trong xã hội..., công việc ấy đòi hỏi sự hiểu biết, đòi hỏi nhiều kinh nghiệm sống. Sao mà người trẻ tuổi của chúng ta lại sớm trưởng thành đến thế!

Năm 1915, Tản Đà gửi đăng trên *Đông Dương tạp chí* bài văn xuôi đầu tiên làm từ năm Quý Sửu (1913), tức năm cậu Tản Đà 25 tuổi. Bài văn ấy ngộ quá, kỳ cục quá. Thuở ấy các cụ viết văn tải đạo để khai hóa dân trí,

toàn những nghị luận nghiêm chỉnh cao xa. Tản Đà lại gửi đăng báo những bài nhàn đàm, nhàn tưởng, hài đàm, tức toàn thứ văn chơi. Vậy mà càng đăng độc giả càng ham. Đến số 25, ban biên tập đành có bài nhận xét chịu rằng "ông Nguyễn Khắc Hiếu cũng là một bậc văn sĩ có biệt tài", và khen rằng: "lạ thay cho một bậc thiếu niên."

Bậc thiếu niên Tản Đà viết nhàn đàm hồi 25 tuổi. Thanh Tâm Tuyền viết *Bếp Lửa* khi tuổi chớm hai mươi, thì bậc thiếu niên của chúng ta càng lạ hơn bao nhiêu! Lạ thay lạ thay.

Tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền không nhiều về lượng, nhưng lại đa dạng, phong phú.

So sánh đơn sơ nhất là cái so sánh về dài ngắn. Cuốn *Bếp Lửa* nhỏ bé thôi: chỉ 88 trang, và tác phẩm chỉ bắt đầu từ trang 17, thành thử rốt cuộc sách không đầy 80 trang. Cuốn *Một Chủ Nhật khác* dày 273 trang. Trang sách *Bếp Lửa* ít dòng, chỉ vào khoảng 300 chữ; trang *Một Chủ Nhật khác* ước chừng 320 chữ. Nếu in cùng khuôn khổ, *Bếp Lửa* chưa bằng một phần ba cuốn sau.

Dài có cái hay của dài, ngắn có cái hay của ngắn. Mỗi đàng một cung cách riêng, không phải muốn viết dài ngắn tùy thích. Có kẻ chỉ hay ở chỗ dềnh dàng, thủng thẳng, đĩnh đạc. Như Nguyễn Tuân chẳng hạn. Bảo ông: "Nhanh lên tí xem nào!", ông làm hỏng việc ngay. Nhất sinh hình như không có lần nào ông Nguyễn chịu vắn tắt.

Thanh Tâm Tuyền, đối với cảnh vật ông có thể quét ngang một cái nhanh: "Buổi sáng mùa đông ngây ngất, trưa còn xa". Khi cô Thanh đưa Tâm vào tiệm trà đầu phố, thiên nhiên chỉ xuất hiện có chừng ấy trong *Bếp Lửa* (trang 19). Nhưng ở *Một Chủ Nhật khác*, khi Kiệt vừa đến ngôi biệt thự của Phương vào lúc bốn giờ chiều thì "Ở đây nắng nhạt khuất lánh. Mầu xanh thẫm của rừng núi tràn lấn. Trời nghiêng dưới xa tít. Những lao xao của lá cỏ, rì rào của thông xanh tạo bầu im lặng chênh choáng. Dường như có tiếng ve kêu trên đồi. Lại dường như một trận mưa rào đổ chạy trên ngọn đèo" (trang 66). Trong cuốn truyện này nhiều lần khác tác giả dài dòng tỉ mỉ hơn nữa đối với cái gió, cái mưa, với ánh nắng, sương chiều v.v... Không những thế. Không phải tác giả thiên vị thiên nhiên, mà khi nói về cái sinh hoạt trong một gian hầm chật hẹp thụt sâu dưới đất, nằm phía sau các tòa nhà quân trường, nói về chỗ gian hầm ấy tác giả cũng hào hứng viết đến bảy tám trang: quang cảnh gian hầm ra sao, thiếu phụ chủ hầm cà phê dáng bề xề ra sao, mặt mũi thanh tú thế nào, bàn tay mềm dẻo, cổ tay áo len xắn

cao hay thấp, chị ta lược cà-phê chăm chú cách nào; anh trung sĩ chồng chị ta là người tằn tiện ra sao, còn anh trung sĩ thực khách vào uống cà-phê thì gốc tích, tính lình, tâm sự ra sao, trong lúc ăn uống họ trao đổi những gì v.v... Cái chỗ dừng chân ăn sáng một lát không có vai trò quan trọng trong câu chuyện đầy sóng gió dữ dội trong đời Kiệt, nhưng tác giả như người xuề xòa vui miệng kể lể cho chúng ta nghe bằng thích: tình hình phòng ốc bếp núc, bàn ghế, dáng vóc y phục tính nết các nhân vật, lời ăn tiếng nói giọng cười câu giễu của họ... Kể tất, nói tất.

Nhân đây, nên so sánh luôn cái nói. Anh trung sĩ chủ hầm cà-phê bị bà chủ câu lạc bộ làm đơn khiếu nại với bộ tham mưu về tội mở quầy ăn sáng bất hợp pháp. Anh trung sĩ bảo: "Bà chủ câu lạc bộ đẹp vậy mà ác ôn"... "Viên trung sĩ lại nhái giọng Nam và cười, xong liền đó gã đỏ mặt ngượng nghịu về câu nói đùa táo bạo" (trang 271).

Anh trung sĩ này là một nhân vật phụ, cực kỳ phụ, anh ta xuất hiện sau cùng, xuất hiện tí xíu rồi biến luôn, vậy mà chút xíu đó cũng đủ cho anh ta kịp nói giỡn một câu, kịp đỏ mặt ngượng nghịu, bày ra một nét cá tính ngộ nghĩnh. Lý thú chứ.

Trái lại, trong *Bếp Lửa*, Tâm với Thanh là hai nhân vật chủ yếu của truyện. Giữa hai người có chút liên hệ bà con. Bà con thân thuộc, cả hai không còn ai khác. "Anh chỉ còn có Thanh và chắc Thanh chỉ còn có anh." Liên hệ ấy hết sức quan trọng. "Buộc vào quê hương phải là những người máu mủ với mình." Không có Thanh, Tâm sẽ bị mất trong quên lãng. Thanh với Tâm cùng một "bếp lửa". Thế nhưng giữa hai nhân vật ấy cũng chỉ có sự đối đáp vắn tắt thôi. Một hôm, Thanh bảo cho Nga, bạn mình, biết là Thanh đã thôi hát trên đài phát thanh. "Nga: Giải nghệ?

Thanh: Chứ sao!

Tôi (tức Tâm) đợi đến một ngã tư mới nói:

- Không, cô nên hát.

Thanh nhại:

- Không, cô nên giải nghệ.

Từ đấy không có ai nói với ai một lời." (trang 76)

Cái đáng chú ý là chính tác giả cũng không có một lời giải thích. Tại sao cô nên hát? Tại sao cô nên giải nghệ? Ai nấy cùng im lặng, để sự việc tự nó giải thích lấy, để độc giả tự mình tìm hiểu lấy. Hăm bốn trang sách trước, Đại bảo cho Tâm biết là có dư luận không tốt về Thanh, có thể vì Thanh đi hát, có nhiều quen biết chăng hạn. Cái đau của Thanh cũng được tác giả diễn tả rất kín đáo.

Một lần khác, vẫn chuyện giữa hai nhân vật chính. Thanh ốm, Tâm đến thăm. Hai người ngồi im, Tâm hút thuốc và thở khói nhè nhẹ. "Thanh bỗng nói với tôi:

- Anh rót cho em xin cốc nước.

Tôi sửng sốt vì sự quá đáng của Thanh. Chưa bao giờ Thanh dám làm thế với tôi cả. Mặt tôi hơi sầm xuống. Thanh lại nói tiếp như van lơn:

- Anh cho em xin cốc nước...

Thanh định nói thêm điều gì lại thôi." (trang 71)

Lần này cái đau của Thanh còn lớn hơn. Nhưng tác giả cũng không "nói thêm điều gì". Để mặc cốc nước nói, mặc sự việc nói lấy: Sự việc làm chấn động Thanh ấy là việc người đàn ông trước đã định hỏi cưới Thanh, giờ người ấy đổi ý, chọn em gái nàng, cô em gái mà Thanh đã đi đan thuê hát mướn để nuôi cho ăn học.

Cái ít lời của Thanh Tâm Tuyền hai mươi tuổi làm cho những giải thích dài dòng của nhiều tác giả khác hóa ra bép xép, non nớt.

Và điều thích thú là cái nhiều lời của ông Thanh Tâm Tuyền mười lăm mười bảy năm sau lại cũng hay ho. Trong *Một Chủ Nhật khác*, cảnh đời xôn xao, sự việc rộn ràng, đất trời thắm thiết, mưa nắng gió sương cái gì cũng đến nơi đến chốn, làm con người ngất ngây, và con người thì người nào người ấy linh hoại hẳn lên. Họ hoạt động nhiều mà nói năng cũng nhiều. Mỗi người một nết, một lối sống. Trong *Một Chủ Nhật khác*, cuộc sống ngổn ngộn. Những cuộc tình bên đống rơm ở Bắc Âu, những đêm với đầm con bên đống lửa, những ngày cuồng dại với người tình xưa ở thành phố cao v.v... những cái ấy nó quẫy muốn tung vỡ cả khuôn khổ một tác phẩm gần ba trăm trang. Không ai thấy trang sách nào là thừa thãi. Chỉ ngay ngáy lo sách không đủ rộng để chất chứa đủ chừng ấy gió mưa, trời đất, người vật...

Cái hay ho của truyện dài là thế. Mà cái hay ho của truyện dài ngắn lại còn quá quắt hơn. Trong truyện nhân vật toàn ít nói. Càng ít nói, càng nói ngắn họ càng có vẻ già dặn, sâu sắc. Nhưng các nhân vật đều thua tác giả: tác giả nói ngắn nhất, ít nhất. Như thế, là một tác giả biết tự kiềm chế, một tác giả có bản lãnh. Người nói vắn tắt có thể giữ lấy một bí ẩn cho tâm sự mình, cho tư tưởng mình. Kẻ viết vắn tắt giữ được một bí ẩn đầy hấp dẫn cho tác phẩm mình. Thanh Tâm Tuyền biết cách bỏ ngỏ tác phẩm (cho sự suy diễn tự do, mông lung của độc giả). Một tác phẩm bỏ ngỏ thường vương vấn lâu dài.

Thanh Tâm Tuyền, ông sử dụng con dao nhỏ giấu trong tay áo cũng

tài, mà ông múa cây thiết bảng mấy trăm cân cũng giỏi. Cái đa dạng của ông quí là thế.

Nhưng thế vẫn chưa gọi là lạ. Đoản đao với trường kiếm, thiết bảng với xà mâu, đều chơi được cả, ấy chẳng qua chuyện kỹ thuật cao cường. Chơi trò võ chỉ nhằm vào kỹ thuật, thế nên gọi là võ thuật. Còn cái văn nó là chuyện tâm hồn. Truyện dài ngắn và truyện dài dài, một đàng khô rắn một đàng dạt dào ướt át, một đàng khắc kỷ tiết chế tối đa, một đàng say đắm điên rồ. Mỗi bên biểu hiện một sắc thái tâm hồn trái ngược nhau. Kỳ lạ đến thế, sao mà hiểu được!

Thôi, hãy để đấy. Chúng ta lách qua một sự so sánh khác.

Thanh Tâm Tuyền đổi đề tài thoăn thoắt.

Trong thiên truyện nhỏ "Dọc đường", một người bỗng dưng kẹt vào một tình thế oái ăm mà nguy hiểm tới chết. Anh ta không làm gì quấy cả: đón chuyến xe đi thăm chú em làm ở đồn điền cao-su, chiều tối, vô quán kiếm bữa ăn, chỗ ngủ, thế thôi. Vậy mà người này nạt nộ, người kia xua đuổi, người nọ lấm lét thì thào lảng tránh; rồi máy bay rồi đại bác, rồi tiếng nổ ầm rung chuyển đất... Thời buổi sao mà... khó xử quá.

Trong *Bếp Lửa* một số người loay hoay trong một quyết định chọn lựa khó khăn trước cục diện đất nước. Có những người rồi chẳng đi tới chọn lựa nào. Hoàn cảnh xô đẩy, gặp đâu hay đó. Tìm chút ấm áp qua một liên hệ huyết thống xa xôi.

Trong *Tiếng động*, tình yêu và cuộc sống được nhìn qua cái nhìn một kẻ rối loạn tâm thần.

Một Chủ Nhật khác là cái sống, cái yêu, và cái chết của một người trí thức nghệ sĩ đặc biệt độc đáo v.v...

Thanh Tâm Tuyền không bao giờ dễ dãi. Mỗi tác phẩm của ông là mỗi cái mới, mỗi bất ngờ.

Có kẻ bảo: Thì ai chẳng thế? Có ai lại viết mãi một chuyện bao giờ? Từng có nhiều người viết hàng mấy trăm cái truyện ngắn truyện dài không lặp nhau, thế mới lạ mới tài...

- Thì lạ thì tài. Nhưng có nhiều thứ tài. Có cái tài của kẻ chuyên về ái tình tiểu thuyết: Tình éo le vài chục cuốn, tình chung thủy mươi lăm cuốn, tình mê ly ăn khách dăm bảy chục cái truyện ngắn mới đủ thỏa mãn, tình tuyệt vọng thảm sầu, tình yêu cuồng sống vội v.v... Có cái tài của người chuyên về xã hội: Vài cuốn cường hào ác bá hiếp đáp dân đen, dăm cuốn chủ bóc lột thợ, rồi vợ lớn hành hạ vợ bé, tú bà lột gái mãi dâm v.v... Có

cái tài của kẻ chuyên về phong tục: cũng tha hồ lắm vẻ...

Tất nhiên những cái phong phú ấy không dính dáng gì đến Thanh Tâm Tuyền. Đề tài của ông khi thì chính trị, khi tâm lý, khi triết lý v.v...

Có cái phong phú của một hãng chế tạo xe hơi: mỗi năm tung ra nhiều kiểu xe. Lại có cái phong phú của một cơ sở kỹ nghệ vừa chế tạo xe chạy mặt đất, vừa làm phi cơ bay trên trời, lại vừa đóng cả tàu thủy đi khắp các bể...

Truyện Thanh Tâm Tuyền nhiều dạng, có dạng cứ như là thơ. Ý tôi muốn nói nó chất chứa nhiều cảm xúc tinh tế đẹp đẽ lạ. Bởi vì tác giả có cảm quan rất tinh mẫn.

Có lần tôi được nghe một người bạn kể câu chuyện về Thanh Tâm Tuyền. Xa cách nhiều năm, gặp nhau lại ở San Diego, người bạn khen bài thơ "Vang vang trời vào xuân", bảo rằng thi sĩ nghe được cái vang vang của trời xuân thì đáng phục quá: Sao mà tinh đến thế? Ông Thanh Tâm Tuyền nhũn nhặn: Hoàn cảnh nó làm ra vậy. Vào tù thiếu thốn mãi, các giác quan chúng nó hau háu đợi chờ. Một người ra ngoài trại làm tạp dịch, may mắn mua được tí quà, ăn một tép tỏi, lúc về bạn bè cả trại bắt được mùi ngay.

Tôi nghe bạn kể lại, không biết chuyện thực hư ra sao, nhưng trí vẫn nghĩ rằng đó chẳng qua là ông Thanh Tâm Tuyền nhũn nhặn, muốn cười cười khỏa lấp chối bỏ tài năng mình đấy thôi. Thực ra, không phải chờ đến khi vào tù, khi được "cải tạo" ông mới tinh ra. Hai mươi năm trước, ngày ông còn ở tuổi đôi mươi, ông đã có những ghi nhận tài tình. Trong *Bếp Lửa* có những câu:

"Tôi muốn đứng dậy, nhưng không rời chỗ. Tôi nghe trong tiếng mưa vẫn còn vang tiếng của ông Chính khắp gian phòng" (trang 28). "Cây cầu kêu lên dưới bánh xe với tiếng nước chảy xoáy lạnh dưới chân trong buổi chiều ngất ngư chưa muốn ngã" (trang 32). "Thanh nói, tiếng nói vang trên chòm cây xôn xao" (trang 75). "Trời cao, cỏ rậm và bãi tha ma, những ngôi nhà lần lút. Buổi sáng chết lặng đi với những tiếng động tưởng như không có chút nào liên lạc với nhau. Tiếng búa gõ trên gỗ, tiếng máy nổ, tiếng phi cơ, trẻ con cười đùa và tiếng bước của thời tiết, trên lá cỏ và nóc nhà." (trang 78).

Trong *Một Chủ Nhật khác*:

"Gió và nắng mướt vàng của ngày hè đang độ ửng" (trang 105). "Những ngày này như đã vào tháng Bảy, tháng Tám, như mùa hè đã qua và mùa thu của miền cao đang về. Những ngày mưa thối cỏ thối cây dứt, gió sẽ bắt đầu

cất tiếng ca trên đồi, dưới lũng, bài hát ảo não của mùa mặt trời lảng trốn bên kia núi, dưới đèo. Kiệt giống hệt con gà rù. Con gà đứng co cẳng trong góc chuồng, cánh xệ, cổ rụt, mắt nhắm, khật khừ. Con gà trong một thế yoga, nhập định, chờ giờ bị thộp, mang cắt tiết." (trang 134). "Nắng chan chứa trên đồi, trên hồ, trên những chòm cây xanh" (trang 154). "Thành phố ngợp trong màu lục diệp, đẹp mê mướt, vật vã" (trang 155).

"Những đám mưa thưa, *viển vông* thoáng chốc (trang 9); nắng *chan chứa* (trang 154); thành phố đẹp *mê mướt, vật vã* ; bước trong hành lang *chênh chao* gió luồn (trang 46); những trận gió *la đà, mông lung* (trang 15)... Thanh Tâm Tuyền có những tiếng dùng lạ. Nhất định đó không phải vì ông lập dị, muốn biểu diễn chữ nghĩa. Chăng qua cảm giác của ông nó mới, nó đòi cho kỳ được tiếng mới, tiếng thích hợp, để diễn tả.

Nói đến chuyện cảm giác không thể không nhớ tới Nguyễn Tuân. "Đứng về phương diện một người lấy sự hoàn toàn phát triển giác quan của mình làm lẽ chính cuộc sống, tôi v.v..." ông viết thế trong cái thiên tùy bút mở đầu cuốn *Tùy bút I*. Ông đã minh định cái chỗ đứng của mình, ông đã minh định cái lẽ chính cuộc sống của mình, nó rõ ràng như thế. (Mặc dù sau đó ông đã đổi cả chỗ đứng lẫn lẽ sống).

Tình cờ người nghệ sĩ có tuyên ngôn về giác quan ấy, và một số mấy vị khác không tuyên ngôn nhưng đều là những bậc lỗi lạc trong tiếp xúc với thiên nhiên bằng giác quan (như thiền sư Nhất Hạnh, như các văn thi sĩ Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyền), giữa các vị ấy có cuộc gặp gỡ ở chỗ những trận mưa.

Cái đêm mưa trên con sông đào Kênh Toán là một đêm mưa để đời trong văn chương ta. "Đêm nằm thuyền nghe mưa trên sông! Cả một cái đề cho một áng thơ diễn tả những cuộc cô đơn trong tâm khảm. Ngà ngà rượu chiều, nằm lắng mưa ngã mãi xuống sống thuyền"... ("Chiếc va-ly mới").

Lắng mưa kiểu Nguyễn Tuân là nhất. Mà ngắm những trận mưa giông rầm rầm rộ rộ, vật vã đất trời, ngắm cái hùng vĩ mà ràn rụa lệ tràn đầy mặt như thiền sư Nhất Hạnh (trong *Nẻo về của ý*) thì cũng là nhất thôi, thì cũng có thể lấy làm một cái đề tài cho dăm bảy áng thơ chứ không sao?

Tác dụng của gió mưa đối với nhân vật Thanh Tâm Tuyền không giống hai trường hợp vừa kể. Nó gần với trường hợp xảy đến cho các nhân vật Nguyễn Đình Toàn. Mưa gió ở "thành phố cao" làm Kiệt khốn khổ, làm chàng giống hệt con gà rù, khật khừ, đứng co cẳng. Mưa gió ở Hà Nội cũng đem tới cho cặp Quang-Lan của Nguyễn Đình Toàn những lúc khốn khổ: Quang ướt rũ, gò hai vai, thụt đầu trong cổ áo (trang 58), Quang co ro, ủ

rũ (trang 74), còn Lan thì bơ phờ, thì "nhìn thấy sương mù là em buồn ngủ rồi" (trang 52) (*Áo mơ phai*, Văn Học xuất bản ở Sài Gòn). Vậy, có lúc họ cũng từa tựa con gà rù.

Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền và Nguyễn Đình Toàn không cố tình tìm cách phát triển giác quan, không lấy đó làm lẽ sống. Tự dưng mà giác quan họ được phát triển cực kỳ, thế thôi. Ở Kiệt, sự phát triển ấy không là lẽ sống, mà không chừng lại còn là cái lẽ... chết của chàng. Dù không cố tìm, họ vẫn có cảm quan tinh vi, và đời họ vẫn liên hệ chặt chẽ với các cảm quan ấy. Kiệt mật thiết với thời tiết thành phố cao. Cặp Quang-Lan cơ hồ đồng hóa Hà Nội với những cảm xúc về thời tiết. Theo cô bé Lan: "Lan thường nghĩ sống ở Hà Nội là sống trong những kỷ niệm đổi thay về thời tiết" (trang 164).

Thành thử nhân chuyện cảm quan tinh nhạy của Thanh Tâm Tuyền, nghĩ tới người này người nọ. Nghĩ tới chỗ giống nhau, và cũng nghĩ luôn tới chỗ khác nhau. Các cảm xúc về mưa về gió của Nguyễn Tuân của Nhất Hạnh mà đưa vào các áng văn thơ, chúng có thể gặp gỡ khối tiền bối đồng điệu trong văn thơ cổ điển và lãng mạn. Chúng tha hồ tay bắt mặt mừng, mừng mừng tủi tủi. Còn loại cảm xúc về gió mưa của con gà rù, về sương mù buồn ngủ của Thanh Tâm Tuyền và Nguyễn Đình Toàn mà lạc vào cõi thơ văn các cụ chắc chắn sẽ lơ láo. Chúng lơ láo như thơ tình Trần Dạ Từ - Nhã Ca bên cạnh thế giới tình yêu Nguyễn Bính - Xuân Diệu.

Nguyễn Tuân có câu nói được những kẻ tự thấy mình có máu nghệ sĩ trong người nhắc nhở hoài: "Đi để viết. Viết để lấy cái mà đi." Cái đi của ông Nguyễn không phải là đi săn vàng săn bạc gì, hay đi tìm ấn công hầu khanh tướng gì: những món đó quí thật, nhưng không dùng để viết được. Thành thử ông Nguyễn chỉ muốn nói ông đi cốt tìm cảm xúc mới mà viết, nếu cứ giam mình mãi một nơi e giác quan nó mòn mỏi mất, xúc cảm nó nghèo nàn mất.

Ấy là nỗi lo ngại của Nguyễn Tuân. Còn Thanh Tâm Tuyền, ông chẳng đòi được xê dịch xê diếc bao giờ, chẳng sắm va-ly va-liếc làm chi cho nhiều, mà các giác quan của ông nó không hề mòn tí nào, nó sắc bén, nó tinh vi lạ lùng như chúng ta đã thấy. Ông có kho chất liệu cảm xúc cảm giác phong phú, thừa thãi, để làm nên tác phẩm hay.

Thế nhưng Thanh Tâm Tuyền không quan tâm, không màng. Ông không phải là tiểu thuyết gia của cảm quan, không chuyên ca ngợi nắng sớm mưa chiều. Ông chuyên về tư tưởng. Ông là tiểu thuyết gia chuyên về trí tuệ.

Nhân vật của ông họ sống mỗi người theo một quan niệm, họ trao đổi với nhau những câu nói chất chứa suy tưởng, lắm khi cầu kỳ. Trong *Tiếng động*, nhân vật chính là người có tâm thần rối loạn, nhưng không phải vì thế mà anh ta ít suy tưởng. Trái lại, anh ta càng suy tưởng tợn. Cả cuốn truyện, toàn suy tưởng.

Suy tưởng ấy liệu giá trị ra sao? - Cái đó tướng không cần xét. Giá trị của suy tưởng đúng, suy tưởng cao hay sâu, giá trị ấy không làm nên giá trị của nghệ phẩm, vốn nhằm cái đẹp. Đúng hay sai, ý nghĩ, nhận định của một người điên tất độc đáo, mạnh dạn, táo bạo hơn của người thường. Có khi vì thế lại dễ làm bật ra những lẽ phải mà người thường không nhận ra. Cái nhật ký của cuồng nhân của Lỗ Tấn thấy người ăn thịt người là trường hợp như thế. *Tiếng động* của Thanh Tâm Tuyền cũng là nhật ký và thư từ của một cuồng nhân.

Ngay cả trong những thiên truyện mà nhân vật không có suy tư, họ cũng vẫn có vai trò minh họa một suy tư (của tác giả). Trong cái truyện ngắn "Dọc đường" chẳng hạn, nhân vật toàn những người bán quán, những anh dân vệ ít chữ nghĩa. Họ chửi thề được, không triết lý được. Nhưng không hề gì. Họ xuất hiện, đi đứng, nói năng v.v... theo sự xếp đặt của tác giả để chứng minh một nhận định triết lý hay chính trị mà họ không ngờ, không hề hay biết tới. Ngoài ra, cuộc sống riêng của họ không có gì đáng kể. Họ không có mặt để ngắm làn tóc rối, uống chén trà trong sương sớm, thưởng thức một vị phở ngon v.v... Cảm xúc cảm giác của họ, cái đó không thành vấn đề.

Trái với nhân vật "Dọc đường", nhân vật *Bếp Lửa* thuộc thành phần cao (về mặt trí thức), gom những kẻ "vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lăn mình theo mối cám dỗ lớn lao của hư vô. Hắn lìa bỏ quê hương, chia tay với bè bạn, dấn mình vào lịch sử, đuổi theo giấc phiêu lưu của trí tuệ: sự thật được tạo nên từ niềm hư vô của tuổi trẻ bị tước đoạt" (trang II).

Cái xu hướng trí tuệ của tác phẩm, lời lẽ vắn tắt cô đọng của các nhân vật, văn phong rắn rỏi của người viết làm cho Thanh Tâm Tuyền thành một tác giả có nam tính mạnh mẽ.

Đâu đó dường như có tiếng quát tháo:

- Quá trớn! quá trớn! Nào là người thông minh, tài năng phong phú, nào nhất hạng đa cảm, nào trí tuệ... Rồi lại là người đầy nam tính! Lố lăng quá thể. Thành ra giọng lưỡi của nhân viên một văn phòng xe duyên; đâu

phải chuyện văn chương nữa?

- Rễ cho thưa hết một lời đã nào. Chúng ta đang nói về một tác giả, không nói về con người. Đang nói về văn phong, không phải về thể dạng. Đọc những câu "Nam quốc sơn hà nam đế cư, Tiệt nhiên định phận tại thiên thư v.v...", phải nhận là văn phong hiên ngang, dõng dạc, rắn rỏi, văn phong siêu nam tính chứ. Như thế không hề chối cãi cái việc Lý Thường Kiệt không trọn vẹn là một nam nhân.

Huống chi trong trường hợp Thanh Tâm Tuyền, cái nam tính của văn phong còn gợi lên dăm ba liên tưởng không phải không lý thú. Số là trong *Một Chủ Nhật khác*, nhân vật chính là Kiệt, được một người bạn mô tả: "Giáo sư Kiệt có một vẻ đẹp 'tàn nhẫn' 'đầy giống đực tính' không tưởng nổi." (trang 82).

Sự tình cờ nào đã xui khiến tác giả nhìn ra cái đực tính của nhân vật mình, rồi người đọc là tôi lại trông ra cái đực tính của văn phong tác giả?

Nhân đây, lại liên tưởng đến mối liên hệ cũng có chỗ lý thú nữa, giữa nhân vật này với nhân vật nọ qua nhiều cuốn truyện cùng tác giả. Trong bao nhiêu truyện ngắn truyện dài của một đời viết lách, nhân vật quá nhiều nếu tính tất cả thượng vàng hạ cám. Ở đây xin không kể đến hạng nhân vật như các ông bà chủ quán, chủ tiệm chạp phô, lính gác chòi canh, các anh dân vệ, lơ xe, tài xế xe đò, phu đồn điền cao-su v.v... Ở đây chỉ xin thu hẹp cái nhìn vào một số nhân vật có học thức, có trình độ, một số nhân vật mà tác giả có thể "gửi gắm" ít nhiều.

Những nhân vật như thế dường như thân thuộc. Họ giống nhau.

Trong nhà nhân vật chính của *Bếp Lửa* có hai người: Tâm và ông Chính. Cả hai người cùng ít nói. Ít nói quá lắm, đến nỗi làm trở ngại cuộc sống chung. Tâm bảo "Có lẽ chúng lôi rất thương nhau nhưng vì ít nói hoặc vì lẽ gì đó chúng tôi không được tự nhiên khi gần nhau" (trang 26).

Tâm có người bạn cùng một ham thích: Đại. Về người bạn ấy, Tâm bảo: "Tôi không ưa lối nói cụt lủn của Đại" (trang 24). Còn về phần Tâm, độc giả cuốn *Bếp Lửa* dễ nhận thấy chàng vừa ít nói, vừa có lối nói cụt lủn.

Nhân vật chính của *Một Chủ Nhật khác* là Kiệt. Kiệt là một quân nhân, là sĩ quan, "bị khiển trách riếc móc hay được bảo ban khuyến dụ, Kiệt đều nín lặng. Mặc." Và "những bạn đồng nghiệp, đồng cảnh gặp nhau ngày một, ngồi chung bàn bỏ mặc Kiệt trầm ngâm" (trang 11). Vậy Kiệt lặng lẽ có thua gì Tâm đâu?

Binh nhật vẫn lặng lẽ, gặp tiết trời mưa gió thì như con gà rù co cẳng, người quân nhân ấy thích sống một mình. "Vẫn giữ thói quen riêng lẻ,

trong một tuần thế nào Kiệt cũng ngủ nhà một đêm. Giá của chút tự do ấy là những ngày phạt ghi vào hồ sơ" (trang 10). Kiệt ở một ngôi nhà trong cư xá Hỏa Xa, nhà của một người bạn cho ở nhờ. "Chỗ ở tịch mịch hợp ý Kiệt" (trang 20). Một đêm, đứng chơ vơ giữa một bãi đậu xe, nhìn ánh lửa cháy rừng xa xa. "Chàng thật cô đơn". Kiệt nhớ lại một đêm xưa... "Kiệt thấm thía cô đơn" (trang 28). Như vậy Kiệt cũng lại giống Tâm. Trong thời gian dạy học ở cái trường công giáo tỉnh Bắc Ninh, thì đây là một ngày của chàng: "Tôi làm việc ba giờ một ngày về buổi sáng. Buổi chiều là giờ soạn bài chấm bài hoặc đọc sách. Buổi tối là cái hành lang sâu hút và nền trời đen thẫm" (trang 37). Một tu sĩ cũng không cô tịch hơn.

Các nhân vật ấy có học thức cao hơn người Việt trung bình. Có kẻ thích sách: Tâm, Đại (trong *Bếp Lửa*). Có người thích âm nhạc: Kiệt (trong *Một Chủ Nhật khác*). Có người khác lại ham suy tư triết lý liên miên ("Tôi" trong *Tiếng động*). Họ suy tư cầu kỳ, khác hẳn người trung bình: "Anh hiểu đời sống chính nằm trong sự khua động mỗi ngày, khua động không ngừng nghỉ cùng với người và vật ở quanh mình" (*Tiếng động*, trang 133). "Mối rối rắm phiền phức bắt đầu từ khi anh muốn nhập một. Nghĩa là muốn sống đến cùng. Muốn sống hóa thành không hề sống" (trang 154). Sách thì nghiên cứu Mác-xít (*Bếp Lửa*, trang 25). Nhạc thì khoái Beethoven, Brahms, thì những hòa tấu khúc số 5, số 9, những *quatuor* này nọ... Nói thì thỉnh thoảng xài tiếng Tây. Ở Bắc Ninh, Tâm tội nghiệp nhỏ đắm yêu mình kỹ quá, chàng kêu: "Pauvre Françoise" (*Bếp Lửa*, trang 62). Ở thành phố cao, Kiệt lâu lâu nói tiếng Tây với bạn, với bồ (*Một Chủ Nhật khác*, trang 207), với vợ (trang 28), có khi xổ luôn với... độc giả: "*Enfin*, kỳ cục" (trang 167).

Những nhân vật như thế có sức thu hút phụ nữ rất mạnh mẽ. Nhân vật Tâm trong *Bếp Lửa*, nhân vật Kiệt trong *Một Chủ Nhật khác*, không kẻ nào đến nỗi lẻ loi với một cô bồ. Cùng lúc, mỗi người có hoặc ba hoặc bốn cô xúm xít chen nhau yêu thương. Kiệt thì có Thùy, có Oanh, có Ly. Tâm có Françoise, có Hiền, có Hạnh, có Thanh (Thanh không dám bộc lộ cảm tình, vì đối với Tâm "sự kính nể của nàng rất to lớn", trang 19). Các cô gái nọ, không cô nào là gái tầm thường: Hạnh, gái đẹp nhất Thị Cầu (trang 68), Ly tuyệt thông minh (Người anh của cô nhận định: "Nó thông minh ngoại hạng, thông minh không chịu nổi" (trang 84)). Và họ yêu thì

yêu dữ dội khốc liệt. Chẳng hạn chuyện Thùy với Kiệt. Thùy gặp Nguyên trước, gặp Kiệt sau, do Nguyên giới thiệu. Biết Kiệt, Thùy yêu Kiệt, bỏ Nguyên bất chấp mọi khẩn cầu. Cho đến khi Kiệt ở nước ngoài, Thùy về trong nước với đứa con của Kiệt trong bụng, Nguyên theo năn nỉ,

chấp nhận luôn đứa con trong bụng nàng, Thùy vẫn chọn trung thành với Kiệt (trang 151). Lại chẳng hạn chuyện cô sinh viên Oanh chận ông giáo sư ở cửa lớp học mà hẹn hò, chuyện cô ta chờ thư tình như điên như khùng ở Sài Gòn, chuyện cô Ly với cuộc tình say cuồng đưa Kiệt tới cơn khùng hoảng lớn... Toàn những tình yêu ngoại khổ.

Và ngay trong thành phần may mắn trong xã hội như thế, họ lại là những cá nhân khác thường, bất thường. Bên cạnh kẻ bất thường mà giỏi giang, thì người bình thường dễ hóa ra tầm thường. Người tầm thường mà nhẫn nhục chịu đựng riết rồi trông có vẻ xoàng xĩnh, rẻ giá ngang xương.

Hãy xem xét một vài trường hợp. Kiệt với Thùy trước là một cặp tình nhân, sau là một cặp vợ chồng. Trong cặp ấy ai cũng thấy rõ Kiệt khác thường, Thùy bình thường.

Trong tư cách tình nhân, Kiệt đưa một đứa con vào lòng Thùy trong hoàn cảnh sinh viên ở ngoại quốc. Mẹ Thùy bị bán thân bất toại, nàng phải về nước sống với mẹ, gọi Kiệt về nước. Kiệt hỏi: "Về làm gì?" Thùy giải thích: "Một mình em và đứa con sắp chào đời của chúng ta. Anh không nghe thấy tiếng kêu xốn xang của em sao?" Kiệt về nước.

Trong tư cách chồng, lúc còn học ở quân trường Thủ Đức, một hôm được xuất trại, chàng về Sài Gòn, rồi nhân đi trên hè phố vắng vẻ, gió hun hút xào xạc, Kiệt nẩy ý định tới bến xe Lục Tỉnh lên xe đi tuất xuống Mỹ Tho, lang thang, mướn phòng ngủ, nghịch dao cạo làm đứt cườm tay, sáng hôm sau ngơ ngác trở lại Sài Gòn, bị quân cảnh bắt giữ trả về trường. Thùy quýnh quáng, Kiệt bịa chuyện, giải thích tỉnh bơ.

Lúc Kiệt bị chuyển lên làm việc tại quân trường ở thành phố cao, Thùy chăm sóc đủ điều. Lo cho chồng xin học bổng du học. Học bổng xin được, chồng đổi ý. Thùy vận động cho chàng được biệt phái về bộ Kinh Tế: chàng dửng dưng, lừng khừng. Rồi chàng lao vào Oanh, cùng lượt lao luôn vào Ly. Chàng tơi bời. Thùy biết chuyện, "hôn mê, quằn quại suốt hai ngày đêm". Chàng giải thích: "Em nên hiểu, em ráng hiểu một chút... Anh có tội một cách vô tội, em vô tội một cách có tội" (trang 218). Thùy làm sao hiểu nổi. Người bình thường tầm thường làm sao hiểu nổi kẻ khác thường!

Trong trường hợp Thùy với Ly, thì Ly (tuyệt thông minh) là nhân vật khác thường, trong khi Thùy vẫn chỉ là kẻ thường thôi. Ly nhận định về Thùy: "Người đàn bà ấy sinh ra để làm vợ, làm mẹ" (trang 187). Xoàng quá! Và Ly tự nhận định về mình: "Nhìn Thùy, Hiền (tức Ly) cay đắng. Nàng chẳng bao giờ thành một người vợ, người mẹ. Nàng chỉ có thể làm một người tình" (trang 187). Và nàng đang làm người tình của chồng Thùy.

Làm vợ làm mẹ thì có gì đáng nói? đàn bà nào chẳng làm được? Làm như Ly mới nổi sóng nổi gió, mới nổi đình nổi đám, mới náo động ầm ĩ chứ.

Cũng như trong trường hợp so sánh Kiệt với Nghiêm. Nghiêm mực thước, đều đặn, chăm chỉ, nghiêm chỉnh. Kiệt thì: "Nội trong một tháng Tư, Kiệt ký lãnh mười sáu trọng cấm, trừ lương" (trang 10). Cuối cuốn truyện "đến văn phòng của đại tá Tham mưu trưởng, Kiệt đã nổi xung, đập bàn đập ghế la lối tay đôi với ông đại tá. Hai quân cảnh vào tận phòng khóa tay trục Kiệt ra" (trang 233). Bên cạnh Kiệt, Nghiêm mờ nhạt, vô vị biết bao!

Phải chịu rằng những kẻ khác thường quấy quả người tầm thường xung quanh không ít: vợ con, bạn bè mệt ngất ngư vì họ.

Về sự quấy quả, không'nên quên nhân vật Đại trong *Bếp Lửa*. Đại cũng là trí thức, được nhân vật Tâm quý mến, cả hai cùng thích nghiên cứu. Nghiên cứu về Mác-xít. Nói vậy, nhưng từ đầu truyện đến cuối truyện thấy Đại chỉ có mỗi một cuốn *Crime et Châtiment* của Dosto, đến đâu cũng kè kè mang theo. Người nghiên cứu Mác-xít bảo rằng mình quyết định "ra ngoài", "ngoài kia", rằng mình "đã bắt được liên lạc". Có lần bảo thẳng cả với Tâm như thế, lại khuyên Tâm "đừng vì cá nhân mình". Nhưng mãi vẫn không thấy Đại ra ngoài, mà cứ loanh quanh bên Thịnh, con gái ông Chính. Thịnh là người bình thường, tầm thường. Khi Thịnh mang thai, Tâm hỏi Đại đâu, nàng bảo Đại đi rồi. Đại đi ra ngoài lẹ làng, bỏ lại cả Thịnh lẫn cuốn *Crime et Châtiment* "lật ngửa ở đầu giường". Cuộc ra đi giống sự chém vè hơn là chuyến đi làm cách mạng. Tâm muốn kêu lớn: "Nó là thằng hèn, có nó ở đây tôi đập vào mặt nó" (trang 84).

Cái khác thường về tính nết, về tâm trí có nhiều thứ bậc. Hoặc chỉ khác người trung bình chút ít, vừa đủ để thành một cá nhân độc đáo. Hoặc bướng bỉnh ngang ngược thêm, để thành kẻ gàn dở, ngông nghênh. Hoặc có hạng cuồng sĩ đi xa hơn, ít ai chịu đựng nổi. Sau rốt có hạng đi xa quá, thành bệnh hoạn hẳn.

Nhân vật "tôi" trong *Tiếng động* thuộc trường hợp cuối cùng. Thần kinh anh ta đã thác loạn.

Ly trong *Một Chủ Nhật khác* có lần nói với Kiệt: "Em mắc chứng *schizophrénie* trầm trọng" (trang 176).

Còn chính Kiệt? Chàng tự nghiệm thấy "cứ đến mùa gió thần trí của chàng lại bị lao đao, khốn đốn" (trang 15), "chàng sợ, chàng ngại lúc trở chứng mê muội" (trang 143), chàng đã từng vào dưỡng trí viện, và mặc dù đã ra khỏi viện cả năm lúc gặp Thùy chàng cũng chưa tỉnh hẳn (trang 151). Rồi sau cuộc tình với Ly, Thùy cho chàng là "tên bệnh não tà dâm" (trang

216), lúc chàng ngồi chơi với con "nàng nhìn trân trân đầu tóc bờm xờm, gương mặt thiểu não, quần áo xốc xếch của Kiệt. Nàng trông thấy sự suy sụp khốn nạn. Không thể tưởng lượng đó là con người nàng từng ôm ấp chung đụng trong gần mười năm. Nếu bây giờ hắn chạm vào người chắc chắn nàng ngất xiu" (trang 225).

Vừa rồi là những bươi móc như thể đầy ác ý. Thực ra, không có ác ý nào làm hại được các nhân vật tiểu thuyết. Không có lời nói xấu nào làm cho nhân vật tiểu thuyết mất nhà cửa của cải, mất vợ, mất việc làm cả. Họ sợ gì ác ý? Vả lại những trình bày vừa rồi không vì ác ý. Chính vì sự ái ngại cho những thiệt thòi của họ.

Nước ta trước đây mấy ai được học hành cao như họ, đi du học nước nọ nước kia, xổ tiếng tây liên hồi như họ? Hạng giỏi giang như họ thuộc số ít trong xã hội. Trong số ít ấy, chọn lấy những kẻ đầy nam tính đến đâu gái hảo hạng mê đó: càng ít nữa. Trong số ít nữa ấy, đặc biệt chú ý đến những bậc khác thường, ngang tàng, độc đáo: thật hiếm hoi. Trong cái số hiếm hoi nọ, họa hoằn mới có một cuồng sĩ thác loạn. Như thế những nhân vật chủ chốt trong các truyện này chiếm tỉ số cực nhỏ trong xã hội ta. Họ không phải là nhân vật tiêu biểu, nhân vật điển hình. Họ không đại diện cho tầng lớp nào cả. Họ cơ hồ đứng ngoài rìa xã hội.

- Ủa, thì rõ ràng họ đã chọn đứng như thế, còn "cơ hồ" gì nữa?

Nhân vật *Tiếng động* chui vào phòng kín trốn lính kỹ. Nhân vật Kiệt trong *Một Chủ Nhật khác* là một sĩ quan bất đắc dĩ, hoàn toàn dửng dưng với tình hình. Ngay từ hồi du học ở nước ngoài, chàng đã dửng dưng, không chân lý tưởng hay tổ quốc hay bất cứ thứ gì", chàng tự hỏi: "Về (nước) làm gì? làm gì ở đây?" (tức ngoại quốc) (trang 14). Hồi chàng ở quân trường nơi thành phố cao, cộng sản đánh ráo riết khắp nơi, Phương lo lắng hỏi chàng về tình hình, chàng đáp "Tôi cũng mù tịt", còn Ly thì gạt phắt "Nhức đầu quá Phương ơi" (trang 158, 159). Cách sự sụp đổ của miền Nam trong gang tấc, chàng lăn lóc trong hai cuộc tình, trông đợi ngày chiến tranh chấm dứt để sống... an lành. Nhân vật Tâm trong *Bếp Lửa*, khi đất nước bị tách làm hai phía, chàng không chọn phía nào. Chàng than: "Anh tưởng quê hương không còn ai nhớ đến anh nữa. Đôi lúc anh vẫn ân hận rằng anh không buộc với xứ sở một dây liên lạc nào ngoài anh ra." (trang 87). "Chúng ta là những người sinh ra để đi một mình suốt đời." (trang 88). Chúng ta chỉ có hai người: Tâm với cô em là Thanh. Tâm bảo Thanh giữ chặt lấy mối liên hệ thân thuộc ấy, nếu không cả hai sẽ mất trong sự quên lãng.

Như vậy không phải đã ở hẳn ngoài rìa xã hội rồi sao? Như vậy thật thiệt thòi cho họ trong tư cách con người và cả trong tư cách nhân vật tiểu thuyết.

Ả Q của Lỗ Tấn, Chí Phèo Thị Nở của Nam Cao, Xuân Tóc Đỏ của Vũ Trọng Phụng v.v... chẳng qua là những kẻ hèn mọn, ai nấy tha hồ hà hiếp. Thế nhưng họ là những nhân vật tiểu thuyết lẫy lừng. Khắp nơi vang danh họ. Những kẻ hèn mọn ấy thuộc thành phần đông đảo, đâu đâu cũng có. Mỗi người trong bọn ấy là mỗi đại diện bé bỏng cho một tập thể lớn lao. Chuyện của họ được truyền tụng, đồn đại, nhắc nhở rộng rãi và lâu dài. Họ chẳng làm nên sự nghiệp hiển hách, chẳng suy tưởng được cái gì ra hồn, họ chỉ có quần quật kiếm ăn, chạy đôn chạy đáo giữa đám dân nghèo từng có lúc chết như rạ vì đói...; nhưng những Ả Q., Chí Phèo, Xuân Tóc Đỏ..., danh họ cứ vang rộng. Bởi họ đông nghìn nghịt, số phận họ đồng hóa với số phận của dân tộc, đất nước.

Đến như Tố Tâm, như cô Loan chàng Dũng, như cô Mùi chàng Siêu..., những trắc trở trong đời họ, những nghịch cảnh họ phải đối đầu, cũng là chung cho một tầng lớp đông đảo trong xã hội bấy giờ; cốt cách, tâm tình họ cũng đại khái như của hạng cùng lứa quanh mình. Họ ngang tầm với người Việt trung lưu, trung bình. Nam nữ một thời dễ dàng thông cảm với họ. Bạn bè họ mênh mông, rộng rãi.

Trong khi ấy, chàng Kiệt thật đơn độc. Giữa hoàn cảnh long lở, từ Bình Long An Lộc, từ Quảng Trị Thừa Thiên, từ Kontum Quảng Đức... hàng triệu người bồng con bế cái chạy và chết, chết trên đất trên biển v.v...; giữa hoàn cảnh như thế, Kiệt lơ ngơ một mình trên một miền cao, mồm không ngớt *păm păm păm pằm, păm păm păm pằm*... Như thể giữa cõi hồng hoang không người. Chàng không biết tới ai, không biết đến thế cuộc; cũng chẳng ai biết đến chàng. Đến một số cá nhân kỳ quặc, cực hiếm trong xã hội. Đến số cực hiếm tự tách lìa mình khỏi mọi liên hệ xã hội.

Quần chúng đông đảo gặp thảm cảnh; số hiếm hoi nọ cũng gặp thảm cảnh. Nhưng là những thảm cảnh khác nhau hẳn. Thảm cảnh của bá tánh thường nhân là đói với chết. Thảm cảnh của số cực hiếm là lạc loài. Trong tư cách con người, họ lạc loài. Trong tư cách nhân vật tiểu thuyết, họ mờ nhạt khuất lấp.

Thanh Tâm Tuyền có tập thơ mang tên *Tôi không còn cô độc*. Như thế, ông xác nhận thoạt tiên ông là người cô độc. Rồi sau thì dứt? thì thoát?

Trong tiểu thuyết của ông, nhiều nhân vật chính cứ cô độc hoài, lạc loài hoài. Nhân vật Tâm (*Bếp Lửa*) lạc loài ngoài quê hương. Nhân vật

"tôi" (*Tiếng động*) và nhân vật Kiệt (*Một Chủ Nhật khác*) lạc loài ngay tại quê hương mình. Không theo bên nào, họ lạc loài ngay tại quê hương mình, họ lạc loài ngay giữa cộng đồng dân tộc. Có kẻ thờ ơ chối từ chọn lựa (Kiệt), có người chịu khó nghiên cứu, nhưng vẫn không có chọn lựa nào. Rốt cuộc họ khốn khổ.

Trong chỗ truyền tụng của dân gian có câu: "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi". Ông vua giả trước ông vua thật một ngày. Trong truyện *Bếp Lửa* nhân vật Tâm dám lấy cả tên tác giả làm tên mình. Và ông Tâm giả gặp khó trước ông Tâm thật một cuộc chiến tranh. Cuộc chiến chống Pháp ngừng ở hiệp định Genève, ông Tâm-nhân-vật bơ vơ ngoài quê hương; cuộc chiến

Nam Bắc chấm dứt năm 1975, đến lượt ông Tâm-tác-giả rồi cũng xa rời quê hương.

Nhân vật tiểu thuyết Thanh Tâm Tuyền lạc loài, mãi không dứt được cảnh cô độc. Truyện của ông không vang rộng. Nhưng nó thấm sâu. Hai chục năm, ba chục năm, rồi bốn chục năm sau khi ra đời, truyện ông đọc lại vẫn thấy hay. Càng lẩm rẩm đọc càng thấm.

Trong nhóm Sáng Tạo có hai người khác hẳn nhau. Doãn Quốc Sỹ nhân hậu, nồng nàn, lạc quan, tin tưởng ở truyền thống dân lộc, ở những giá trị cao đẹp. Còn Thanh Tâm Tuyền, trong kịch cũng như truyện, ông hoài nghi triệt để, ông dồn nhân vật vào những bế tắc khốc liệt. Nhân vật của ông khốn khổ, mà độc giả của ông thì bị ám ảnh lâu dài.

Võ Phiến
(trích Văn Học Miền Nam, quyển 2)
2-1 996

tìm đọc

SỬ VIỆT
ĐỌC VÀI QUYỂN
của Tạ Chí Đại Trường
Văn Mới xuất bản, 2004

Sách dày 523 trang.
Giá 20 Mỹ kim.
Hiện có bán tại các nhà sách.

THANH TÂM TUYỀN

dạ khúc

Anh sợ những cột đèn đổ xuống
Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh dìu em đi xa

Đi đi chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau
Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà Nội
Anh là thằng điên khùng
Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới
Chiếc kèn hát mãi than van
Điệu nhạc gầy níu nhau tuyệt vọng
Sao tuổi trẻ quá buồn
như con mắt giận dữ
Sao tuổi trẻ quá buồn
như bàn ghế không bầy

Thôi em hãy đứng dậy
người bán hàng đã ngủ sau quầy
anh đưa em đi trốn
những dày vò ngày mai

bài ngợi ca tình yêu

1.
Tôi chờ đợi
lớn lên cùng giông bão
hôm nay tuổi nhỏ khóc trên vai
tìm cánh tay nước biển
con ngựa buồn
lửa trốn con ngươi

Đất nước có một lần
tôi ghì đau đớn trong thân thể
những giòng sông những đường cầy núi nhọn
những biệt ly rạn nức lòng đường
hút chặt mười ngón tay ngón chân da thịt
như người yêu từ chối vùng vằng

Tôi chờ đợi
cười lên sặc sỡ
la qua mái ngói
thành phố ruộng đồng
bấu lấy tim tôi
thành nhịp thở
ngõ cụt đường làng cỏ hoa cống rãnh
cây già đá sỏi bùn nước mặn nồng
chảy máu
tiếng kêu

2.
Tôi chờ đợi
phổi đầy lửa cháy
môi đầy thẹn thùng
vục xuống nhục nhằn tổ quốc
nhìn gót giầy miệng uống tro than
nghe tiếng ca của một người không quen
của cuộc đời tình nhân

3.

Trang sách khởi đầu viết
mắt người cần ánh sáng
môi người cần mặt trăng
bàn tay đòi mặt trời
và ngực em tự do
của anh của anh tất cả

Em gối đầu sương xuống
chuyện trò bằng bóng hình

Tôi đẹp như hình tôi
như cuộc đời
như mọi người
như chút thôi
anh yêu lấy em

Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát
sớm mai khuya thức nhiều nhớ thương
em là cánh hoa là sương khói
đêm màu hồng

Vòng tay dĩ vãng và bát ngát
chỗ yên nghỉ cuối cùng
dưới mắt sao dưới bàn chân những đứa con

4.

Tôi chờ đợi
một người không
nhiều người
ở thành phố thiếu thốn
ở làng mạc đoạ đầy
tôi là tiếng nói là tiếng khóc
những người bỏ đi hẹn trở về
những người mím hơi thừa chịu đựng
tôi chờ đợi
tôi là tiếng thơ là tiếng cười
mai Việt Nam hỡi mai Việt Nam

đen

Một người da đen một khúc hát đen
Bầu trời đen sâu không cùng
Những giòng nước mắt
Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
Bằng giọng của máu của tủy của hồn bắt đầu ngày tháng
Giữa rừng không lời rừng mãi trống không
Ném mình ném đám đông vào trần truồng tủi cực hờn xác thịt
Tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai
Tội rằng không quên chẳng thể được quên
Vì Blues không xanh vì điệu Blues đen
Trên màu da nức nở
Trong hộp đêm
Bắt đầu chảy máu thầm kín khóc cổ họng mình
Ngón tay cấu lấy ống kèn như một bùa thiêng
Chọn ngoài thể xác ngoài thương yêu ngoài dữ tợn
Chọn thế giới va chạm những loài kim réo gọi
Thời gian mềm
Không gặp thời gian
Không gian quay thành những vòng kỷ niệm
Rồi một buổi nào Blues hiện về xanh.

bài thơ của tháng giêng

Con đường chưa ai tới
Màu hoa nào chưa ai trao nhau
Những nghĩa chữ còn hoang
Câu thề thốt lạ thường
Nơi không gian còn tuyết trinh

Lửa ấm cho lời nói
Những đêm sao ở mắt nhìn
Bắt đầu từ trao tặng
Bắt đầu từ một lần hò hẹn

Cách nắm tay nghẹn ngào
Ngón tay âm thầm trò chuyện
Những bước chân thỏ rừng
Chạy trên cỏ sắc
Sợi tóc đen như một chuỗi cười
Trên chúm môi lá biếc
Những chòm hôn vội vàng
Làm những vì sao đổi ngôi
Anh muốn làm mới tình yêu

Thuở nhớ nhung chất ngất
Tường khoảng đường liên hành tinh
Giữa phố đông đón đợi
Những ước mơ hiền đi cùng mọi người
Trong vòng tay ôm xiết
Ý nghĩa những ước mơ
Những ảnh hình nghĩ chết

Anh phải làm mới tình yêu
Như sửa sang nhà cửa
Như xây dựng thành phố
Như vun bón ruộng vườn
Như nhìn vào vũ trụ
Khi thế giới vừa dựng
Sẽ mời mọc tình nhân
Khi mặt trời vừa thức
Đòi gặp mùa xuân
Cho làn mi lá ngủ
Cho khoé mắt biển sâu
Cho đồi hoa bát ngát
Bài thơ tình đã bỏ
Ngôn ngữ thiên nhiên của mọi tình duyên là một
Phải làm mới tình yêu
Coi chúng ta là những người thứ nhứt
Trên trái đất này biết yêu nhau
Để những cặp tình nhân khác bắt chước
Để con cái sau này không khổ đau.

bài hát buồn

Tặng Ngọc Dũng

Anh cần đốt điếu thuốc ấy
Vì có nụ cười sau làn khói
Với màu mắt em hoàng hôn màu áo em
Trong buổi chiều miền đồi núi
Điếu thuốc như một lời
Trao gửi chưa thành nghĩa
Như tên em hay tên loài hoa nào biết được
Anh sợ những ngôn ngữ bơ vơ
Khóm rừng quên dưới thung lũng
Bày cỏ hoang ven đường
Mọc lên trong hồn anh dại dột
Sau những chiều động bão
Những ngày kín sương mù

Nhưng điếu thuốc bỗng trở thành niềm hắt hủi
Khói tím buồn
Vì chiều theo chân em sang bên kia đồi
Nụ cười mang theo
Không rớt vì sao trên nền trời
Lần sau hàng thân cây cô đơn như mình anh
Màu áo nhoà tan
Còn tưởng ấy màu mắt lưu luyến

Em có biết sau lúc em từ biệt
Điếu thuốc cháy trên môi như người bạn chết
Hơi nóng khô nhành củi gãy tàn
Em có biết em cúi nhìn vào trang sách
Những chữ hoa tưởng tượng bắt đầu
Nguồn nước dữ cuốn trôi vùi hận sầu đen tối
Chôn xuống đáy biển sâu

Rồi anh bước trên những chiều dốc lạnh
Con đường duỗi dài cánh tay người chết đuối

Cầu cứu thành phố bỏ trốn đâu
Căn nhà nào của em
Lưng đồi đầu rừng cuối đường mòn
Bên những chùm lửa ấm
Em có thấy hư vô đắp dưới mền tóc dày
Anh để mặc cỏ hoa ẩn náu vào mắt anh
Cả thiên nhiên thở lên man mọi
Với hết tự do còn ở ngón tay ngón chân tóc
Với hết hồn thơ nghiến chặt giữa hai răng giữa xương tuỷ
Như loài rễ cây độc
Anh chọn tình yêu không
Điên như đá

sầu khúc

1
Đêm về khuya tình đã vắng như màn trời
Này em đan cho anh những ảo tưởng
Với ngây thơ nào em còn sót

Ngày chưa lên gió cuồng trong hắt hủi
Bạn bè chia tay ném bỏ lại cô đơn
Một mình anh mang nặng

Con đường quen anh bước vào con mắt ráo hoảnh
Và chua cay rơi lá rụng trên hè
Vùng biển đen dâng chùm anh tịch mịch

Nỗi đêm im bập bềnh hòn đảo nổi
Bỗng trôi đi bàng hoàng
Hãy trói lại bằng tóc xoã như hồn em ngơ ngác
Cây mải miết không thưa rời lưu luyến
Đừng vội ném chuỗi cười xuống huyệt lạnh
Trên môi anh cúi nhìn dấu tích mối sầu

2
Anh chìa hai bàn tay khô héo
Nỗi tự do buồn phiền
Hai bàn tay những con đường cỏ cháy
Mùa hè thiêu đốt cả cô đơn
Em giữ lấy
Anh còn đâu ngoài nỗi chết ôm ghì
Trong bóng đen trơ trụi nơi vàm sông
Anh tìm kiếm
Tuổi ấu thơ hòn cù lao xa khuất
Và tình yêu như đám lau buồn
Vàm sông nước xoáy như tiếng cười thầm
Ở sau lưng ở trước mặt
Anh thả người trôi nổi

Toàn thân anh rũ liệt
Những loài rắn rết địa nhờm
Nâng niu như đồng loại
Anh vẫy hai bàn tay chới với
Gửi lại niềm trong trắng sót thừa
Tặng phẩm đớn hèn
Anh từ biệt

3
Người con gái tóc dài
Đêm lạnh trên đầu núi
Trời sao chừng lãng quên
Câu chuyện tình ngắn ngủi

Khúc romancero
Chàng gi-tan máu nóng
Nostagic Blues
Chàng mọi đen lạnh lùng
Khúc xuân tình kỹ nữ
Là chiều nơi mắt em
Là chiều nơi nghĩa địa
Sâu nhỏ chôn chuyện tình

Đây là một bài ca
Kể rằng nàng đã chết

Đây là một bài ca
Kể rằng nàng đã sống
Cuộc đời như vết chém
Máu chảy xuối từng hồi

Máu chảy mãi rồi ngừng
Thành lời than ri ri
Nàng hấp hối và chết
Như một bài ca thương

Khi đêm chạy trở lui
Người nào thổi harmonica
Tôi đến bằng mọi cách
Tiếng kèn khóc oà

Mưa bần sân ga
Toa tàu hạng ba
Chuyến xe hàng ốm yếu
Thổ mộ con ngựa già

Đường mòn đưa đến huyệt
Đứa trẻ con thổi harmonica
Trong hoàng hôn tóc rối
Tiếng kèn khóc oà

Từ biệt nàng tôi hỏi
Em đã chết rồi chăng?
Trong quan tài nàng đáp
Ôi đất lạnh mưa băng

Tôi tìm thần chết hỏi
Nàng được tự do chăng?
Thần chết câm và điếc

Tôi nắm tóc bắt gật đầu
Và trở về dương thế

4
Đêm nào em không ngủ
Cái chết vuốt ve môi em bằng những móng tay buốt sắc
Bầu trời sắp tan vào nước mắt
Bởi anh mang nhốt lời yêu đương trong đáy mùa đông
Và dấu ngọn lửa âm thầm huỷ thiêu ký ức

Em biết không? Em biết không?

Anh chối từ một nửa thế giới
Thế giới sương mù trong trí nhớ
Muốn chạm vào đỉnh nào bén nhọn của thân em
Anh đụng tới loài côn trùng kinh hoàng đang thở

Em biết không? Em biết không?

Trong ngục tù giam giữ những than van
Người ta kêu một mình
Thành tiếng động dửng dưng đống sắt rỉ hoen rơi đổ
Não óc anh hàng chấn song nguyền rủa

Em biết không? Em biết không?

Khi em đi qua những đường phố dẫm nát những giấc mộng theo đòi
Hy vọng dội lên trong mọi hồi trống rỗng
Anh ngắm hai bàn tay anh nhớ tàn lá về chiều
Khóc thờ ơ ngoài không trung

Em biết không? Em biết không?

Anh đốt dần xác thịt như cành nhọn
Giữa chiều mùa đông ở đây trong cốt tuỷ
Tuyệt vọng trần truồng

Anh mong em ngủ yên thần chết kiên nhẫn chờ trọn kiếp

Em biết không? Em biết không?

5

Hắn bước ra giữa sân khấu dìu theo một bóng hình tưởng tượng. Không, không một bóng hình trong suốt. Hắn gục đầu vào vai người ấy mà khóc, không nước mắt, chỉ thấy hai luồng khói đục thở ra theo lỗ mũi mờ mịt cả gian phòng làm sặc sụa khán giả. Nhiều người cay chảy nước mắt nguyền rủa trò đùa vô ý thức. Mặt hắn bôi vôi trắng như tường môi hồng như trẻ con. Hắn nhăn nhó: tôi làm sao khóc được, lệ buồn có thể nhỏ, nhưng da mặt làm bằng vữa, tôi làm sao khóc được trên khuôn mặt bất động này. Nói xong hắn nhảy chân sáo, quấn cẳng vào nhau mà không ngã xuống sàn trêu chọc khán giả. Một người la: trò hề mày nhạt lắm, mày phải ngã lộn mèo như con vật nào thảm hại nhất cho tao cười với chứ. Hắn ngơ ngẩn, đứng im hai tay buông thõng, người ta cười, hắn không hiểu, người ta cười. Hốt nhiên người hắn bay lên lơ lửng và bơi trong không khí, hắn ném bỏ hết quần áo bốc mãi lên trần rồi biến mất.

Hắn lại chạy ra giữa sân khấu. Lần này hắn đứng về phía bóng hình trong suốt, đó là một người đàn bà, gục đầu vào vai tên hề bây giờ thành tưởng tượng. Đó là một người đàn bà thật đẹp. Người đàn bà khóc, tên hề đang đóng trò, khóc nức nở. Họ đang chia tay nhau, không thể nhìn thấy hai người cùng một lúc, họ ngăn cách nhau bởi chỉ có một người, người độc nhất là tên hề. Người đàn bà thở than ấy tên hề than thở. Đồ ngu dốt khốn nạn, đồ kiêu căng hợm hĩnh. Tên hề trở về vị trí của hắn, giơ tay xô mạnh người đàn bà đẹp đã hoá ra trong suốt. Hắn ra dấu với khán giả người đàn bà đã ngã, đang quỳ mọp níu chân hắn, hắn lấy chân đá hất, mặt ngửng lên lấy dáng thiếu não của đại đế Napoléon trong trận chiến Waterloo. Người đẹp đang lết lại gần như con sên hèn yếu, hắn cầm lên tay và liệng vào buồng. Một con chim bay ra, con dị điểu dữ tợn đáp xuống vai hắn, thân hắn nghiêng ngả như một pho tượng mất đế. Hắn rút trong người lấy khẩu súng và bắn ngược lên vai, khẩu súng phun nước lên hai gò má. Con dị điểu bay lên, móng sắc lột ngược y phục của tên hề, mỏ mổ lấy mặt nạ. Tên hề hiện nguyên hình là Napoléon, Napoléon

mắm môi đang khóc.

Mày chỉ là tên hề buồn, tên hề buồn nhất thế giới chẳng làm ai cười nổi.

6

Như rừng cây trụi lá
Thở bằng cành khô
Cơn mộng hiền lành trở nên điên dại

Gỡ những lần tóc cháy
Nhìn vào mắt nhau
Con mắt thâm quầng như vết cắn

Trưa một màu Minh Châu
Trời hẹp hòi khôn kể

Phiêu lưu mãi là một nhà tù
Dãy tường câm chuyển động
Trên một triền vực sâu

Vũng nhỏ giữa bàn tay khô héo
Mang dấu tích tình yêu
Là những niềm bối rối

Chút hương trong miệng đắng
Như Minh Châu còn đây

7

Anh trở thành giấc mộng
Đường cỏ hoang em trở về
Đáy huyệt sâu hồn tóc cũ
Không ai biết chúng ta yêu nhau
Cuộc biệt ly nơi hư không
Con mắt nào ngó thấy
Mỗi lời như ngọn lửa
Đốt những kỷ niệm tội lỗi

Anh bỏ trống hết cuộc đời
Những buổi chiều ban mai
Những nhớ nhung bầu trời
Những vuốt ve trên bàn tay
Âu yếm trên da mặt
Không gian trong tay ôm
Thời gian trong máu chảy
Anh bỏ trống hết mọi người
Những người đẹp như hy vọng
Những người thân như quê hương
Những kẻ thù một kiếp
Những bạn bè không rời

Em đã chết đã chết
Trong im lặng hết thảy
Hằng hà nỗi trống không
Của đinh cùng tuyệt vọng
Ôi đêm nay đêm nay đêm nay
Lăn lộn cùng gai góc
Trong hốc đá tối tăm
Đớn đau ghì lấy em
Anh chỉ là giấc mộng

Một mình em vẫn biết
Chúng ta đã yêu nhau
Rồi anh sẽ ném trả
Hết nước mắt hết giọng cười
Hết phách hồn trí tuệ
Cho rừng sâu lịch sử loài người

Đến gặp em chốn ấy
Trời mưa giông bão bao nhiêu ngày
Con đường băng thái dương
Khoảng chúng ta cách biệt.

Thanh Tâm Tuyền

NGUYỄN VY KHANH
thơ thanh tâm tuyền

Tôi Không Còn Cô Độc (1956)

Như thiền thi đời Trần lên núi hét một tiếng để nhận chân thân phận cát bụi nhỏ nhoi của mình trong hư vô, *Tôi* loan báo "Tôi Không Còn Cô Độc" để thấy hiện rõ cái cô độc của mình, của thân phận con người. Nhưng tôi chấp nhận vì tôi muốn làm kẻ nhập cuộc, hết mình dấn thân, để tự giải thoát. Tôi bất chấp ám ảnh, cạm bẫy, lừa dối, buồn nôn vây phủ, cả tự tử và tha nhân là địa ngục (Jean Paul Sartre). Tôi "phải" khởi đi từ những yếu lý siêu hình đó! Mở đầu tập *Tôi Không Còn Cô Độc* đã có hàng chữ tự xác định mảnh đất thi ca riêng, nhưng cũng là một phản ứng của kẻ loan truyền cái mới, cái khác:

"Ở đây tôi là vị hoàng đế đầy đủ quyền uy.
Bởi vì người vào trong đất đai của tôi.
Người hoàn toàn tự do / để cai trị tôi có những luật lệ tinh thần mà người phải thần phục nếu người muốn nhập lãnh thổ.
Người hoàn toàn tự do và có thể ném cuốn sách ra cửa sổ"

Phục Sinh, bài thơ mở đầu tập đã là một tuyên ngôn công khai, rõ rệt. Thật vậy bài này về sau trở thành đề tài tranh luận, bổ báng, nhưng cũng đồng thời nói rõ quan niệm của nhà thơ về thi ca và cuộc đời - dù tác giả của nó đã từng từ chối danh hiệu *thi sĩ*[1]! Cái Tôi độc đáo, đặc biệt, kiêu hãnh, tự do! Tôi đã nói ra, một cần thiết! Anh hùng một cõi, cõi Tôi, nhưng thực tâm thì chưa chuẩn bị, mà cần gì! Mới thấy ánh bình minh đã phải nhảy mừng, ca tụng. Dù nắng trưa sẽ gắt và hoàng hôn cõi âm sẽ trở về như định mệnh. Tôi phục sinh,

"Tôi buồn khóc như buồn nôn / ngoài phố / nắng thủy tinh / tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ / Thanh Tâm Tuyền ".

Nắng thì chói chang mà Tôi thì buồn nôn. Tôi đang hiện sinh, đang kiêu hãnh sống, bên cạnh cuộc đời và con người đáng chán và buồn nôn. Tôi ghê tởm cái ù lì buồn nôn đồng thời dâng trong tôi sự thương xót và ở mỗi sự vật như cũng có dấu vết của sự thương hại đó, ở góc phố, góc giáo đường, ở cột đèn, cả nơi linh hồn. Tự cao, tự mãn xong, liền tủi thân, xót xa:

"tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền".

Tôi gọi tên tôi, Thanh Tâm Tuyền nhà thơ và Thanh Tâm Tuyền trong thơ như là hai khía cạnh của một con người, một sáng suốt với ý thức, nhìn một kia dại khờ, yếu đuối. Một thương xót cho một kia phải giáp mặt cuộc đời, phải khổ sở:

"Buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường
Tôi xin một chỗ quỳ thầm kín
Cho đứa nhỏ linh hồn
Sợ chó dữ
Con chó đói không màu"

Chuông giáo đường chiều tàn vắng bóng con chiên, chỉ có Tôi quỳ thầm lặng; không, chỉ có một linh hồn nhỏ hãi sợ tội lỗi, sự ác! Linh hồn nhỏ, dại, đứa nhỏ, dại, đứng trước cuộc đời dữ, con chiên lành trước đàn sói rình rập, không rõ màu. Càng phải tỉnh táo, không thể cả tin, ừ, tha nhân vốn là địa ngục:

"Tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
Đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ ơi
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang"

Đứa nhỏ sợ chó dữ, một linh hồn nhỏ dại sợ tội lỗi, quyến rũ trần gian. Cô bé quàng khăn đỏ sợ con chó sói xảo quyệt, như trong truyện cổ tích, như vẫn phải vậy! Lang thang, không màu như thân phận, như "đời là thơ", như cái buồn nôn, như cái hủy diệt của thời gian. Khiến phải ưu tư, lo lắng, ám ảnh, sợ bủa vây, sợ nanh vuốt! Và khiến Tôi tức giận, buồn nôn, buồn ngủ, thành ra phải gắt gỏng lớn tiếng, phải hét. Phải tìm một nơi ẩn náu, nơi góc giáo đường, dưới chân tháp chuông, một chỗ nghỉ an, như một giấc ngủ vùi, một nơi nương tựa, ẩn náu, và xa hơn, lâu dài hơn, cái chết sau cùng, ở cuối đường đời! Cái chết như nơi phải đến, như một cực luận để cuộc đời trước khi đến đó có ý nghĩa. Phiền muộn, sống chưa trọn vẹn, đang thiếu

thốn, nhưng đã buồn nôn, chán chường, mơ... chết, mơ cuối đường. Một thân phận dang dở, chưa xong, dù phải hoàn thành, cho ra con người!

"Tôi thèm sống như thèm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khẽ
em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật"
(Phục Sinh, tr.11).

Muốn "thành trẻ thơ", "một lần sự thật", những ao ước của một cái Tôi ngạo nghễ. Cái Tôi mà thi nhân rút vào, cái Tôi vỏ sò vỏ hến. Cái Tôi tự do, thân phận. Thực vậy, là cái Tôi của thời đại của nó, của một giai đoạn, một bậc thang phải bước qua! Và muốn Em, người tình! Thêm một nhân vật: Em, người nữ, người yêu, sự dịu dàng cho một kiếp người và cuộc sống buồn nôn, dở dang, phiền muộn. Và van nài, để được sống lại "thành trẻ thơ" "trong sạch" như... sự thật. Một sự thật nào đây? Làm người? Người khác - ở đây là người nữ, là tình yêu, và sẽ là suối ngọt, là bóng mát, nơi có thể ngủ vùi. Một điểm tựa cho cuộc đời, một với theo, sau những lang thang trên hè phố, sau những thất bại và buồn nôn. Người với người, cô đơn với suối ngọt, bãi cỏ xanh êm. Mà không còn là gác chuông giáo đường!

Tình yêu như một phương tiện để "về với đời sống (...) bị dùng làm phương tiện khám phá đời sống, khai quật ý thức"[(2)], vậy là không cần thiết nhưng hình như Tôi không thể sống thiếu tình yêu, một thăng hoa của cuộc sống, một chốn-để-về. Một phần thưởng cho những ai đã ra đi, đã đi xa, đi hoài, đã lang thang nhiều vỉa hè, nhiều đêm khuya vắng... tình yêu như một chặng đến không thể tránh, không thể tốt hơn, dù phía sau cửa sổ:

"... em sẽ gọi tên anh
mùa hoa hôm nay
nhưng thời gian đã ngã vào lòng vô định
chút sữa huệ ấm đời thiếu tiếng chim
cánh hồng ngọt không gian tàn phá
những thời gian không rời nhau mang đến bao nhiêu mưa
dạy em yêu phía sau cửa sổ
thiếp điên trong chuỗi dài giấc ngủ

rất vui"
(Hoa, tr.32).

Người yêu, người thân, trong sự yêu đời, bằng yên. Và được "*cảm giác ngủ một vùng yên tĩnh*":

"ngó đầu ra ngoài thở hơi mưa
cảm giác ngủ một vùng yên tĩnh
bao giờ ánh sáng cũng nhói thẳng con ngươi
tâm hồn rực rỡ bàn tay vẫy
tôi trở lại cùng người thân yêu
không giam tâm hồn trong nhà ngục tâm hồn
thế giới nói thêm lời hoa cỏ thiên nhiên
câu chuyện mặt trời hoang đường như đôi mắt tình nhân
tối hơn
bỗng tin lần mi khép lại"

"Ánh sáng" đã "nhói thẳng con ngươi", trực diện, thẳng đến, và "tâm hồn rực rỡ bàn tay vẫy" khích lệ, tươi vui, yêu đời. Đã "ngủ" ngon giấc, nắng đang lên, cùng thiên nhiên, "mặt trời hoang đường như đôi mắt tình nhân". Nhưng đời mãi là những giấc mơ, thì cô đơn vẫn trọn vẹn:

"*Tôi biết những người khóc lẻ loi*
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
(...) đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi"
(Lệ Đá Xanh, tr.60)

Liên, Đêm, Mặt Trời Tìm Thấy (1964)

Đến tập *Liên, Đêm, Mặt Trời Tìm Thấy*, xuất bản năm 1964 nhưng đã sáng tác những năm cuối thập niên 1950, Thanh Tâm Tuyền đã tiến lên một bước, cái tôi có vẻ xã hội hơn, tình yêu được nói đến nhiều hơn, và kiếp người vẫn là những đề tài trội bật.

"*... Tôi đẹp như hình tôi / như cuộc đời / như mọi người / như chút thôi / anh yêu lấy em...*". "*Tôi là tiếng nói là tiếng khóc (...) / tôi chờ đợi / tôi là tiếng thơ là tiếng cười / mai Việt Nam hỡi mai Việt Nam*" (Bài Ca Ngợi Tình Yêu, tr.106).

Người tình Thanh Tâm Tuyền thú:

"Anh phải làm mới tình yêu
Như sửa sang nhà cửa
Như xây dựng thành phố
Như vun bón ruộng vườn
Như nhìn vào vũ trụ
khi thế giới vừa dựng
Sẽ mời mọc tình nhân
(...) Phải làm mới tình yêu
Coi chúng ta là những người thứ nhất
Trên trái đất này biết yêu nhau
Để những cặp tình nhân khác bắt chước
Để con cái sau này không khổ đau"
(Bài Thơ Của Tháng Giêng, tr.20-21)

Tình như đắng cay cuộc đời, sống không trọn cho phút giây hiện tại: *"(...) Đi đi chúng ta đến công viên / Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối / Ôi môi em như mật đắng / Như móng sắc thương đau / (...) Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới / (...) anh đưa em đi trốn / những dày vò ngày mai"* (Dạ khúc, tr.34-35)

Tình lạnh lùng bí mật: "Trong cánh tay ôm của người tình lạnh lùng bí mật như đêm khuya, em ngã vào để biết mình nhảy qua hai bờ vực không..." (tr.17). Thích để "hôn vào môi vào má vào răng" (Mai, tr.11) và "thèm muốn mỗi hàm răng" để phải "đau môi" (tr.13). Một bi quan lạnh lùng khác cái bi quan tuyệt vọng của một Nguyễn Đình Toàn bệnh (tưởng) giai đoạn chót trong tập *Mật Đắng* (1962):

"Người đau đớn gục đầu trong giấc máu
Tháng ngày đi trong một chuyến thở dài
Người ấp ngực đau từng hơi cháy bỏng..." (tr.8)

Nhưng tình yêu ở Thanh Tâm Tuyền luôn có dĩ vãng ám ảnh nếu không muốn nói tình yêu là dĩ vãng và là tất cả. Dĩ vãng của Tôi là Liên, cũng là chữ đầu của Tựa tập thơ, và cũng là người đối tượng cho bài viết "Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay":

"Hỡi Liên những Liên và Liên
Làm thế nào để quên được nhau
(...) Chẳng là anh ngông cuồng kiếm tìm tổ quốc vậy em biết không. Mà tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh mà nỗi khổ đau nói sao cho hết. Chẳng là anh chót yêu em vậy em biết không? Mà khi yêu nhau, trong những đêm sao hằng hà, làm thế nào để quên được nhau.

Hỡi Liên những Liên và Liên"
(Nói Về Dĩ Vãng, tr.22-23)

Vì "*Em có biết sau lúc em từ biệt / Điếu thuốc cháy trên môi như người bạn chết*" (Bài Hát Buồn, tr.30). Tình yêu đó là Tình Yêu viết hoa: "*Anh sẽ hôn em, thời khắc hạnh phúc vẫn mong manh. Mà vĩnh viễn đó*" (Mặt Trời Tìm Thấy, tr.115). Bài *Mặt Trời Tìm Thấy* là một bản trường ca tình ái: "*Tôi từ biệt tôi và gặp em đang đón đợi*" (tr.120). "*Chưa bao giờ anh hiền lành như hôm nay. Anh ở trong thành phố không quá khứ, ngõ xóm còn buông theo tưởng tượng rắc rối hơn tình yêu, anh mang đặt tên em để mình anh gọi. Anh viết cho em từ xứ sở xa vời khi qua bầy mầu cầu vồng nơi mắt em với những mưa nắng hoàng hôn bình minh đột ngột. (...) / Bây giờ, và những bây giờ mãi mãi, màu đêm như lòng đen mắt ấy là con tim cao vời tử thần về nhịp múa. / Sẽ chết như sao rơi vào bất tận / Sẽ yêu như giọt nước hân hoan*" (tr.122-123). Thì cũng có vẻ dứt khoát với quá vãng, nhưng không với tình yêu!

Hiện tại ư, một người tình bất-cảm-thông, như "Một Chỗ Trên Xe Buýt":

"... Mưa xuống bên ngoài, ngoài cửa sổ.
Những bàn tay níu lấy vòng sắt lạnh
Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau không quen nhau
Thân mật ngó lên mái tóc rối nền trời khuya
Ngó vào mắt hoang xa dòng sông không bờ
Sau một ngày làm việc em mơ về khói ấm khuôn mặt riêng..."
(tr.27).

Tình yêu cũng như cuộc đời không bền chặt, không hẳn vậy là vậy; hoặc con người không muốn bị lừa. Người sẽ tàn nhẫn với người, với tình yêu - bóng mát tìm thấy:

"...Mùa thu / ghi thương tích nơi cườm tay / Khóa chặt / Anh xô ngã em từ chớp đỉnh hạnh phúc...". Xô bóng mát, chỗ tưởng là nơi trú ẩn được, phải chăng vì

"...Ở cuối đêm
Em rũ tóc nói những lời mê sảng
Những ám hiệu
Của một biển đen không
tình yêu tuyệt vọng
Anh xe tóc em cùng những cành lá chết..."
(Đêm, tr.56)

"*Còn muốn sống như nguồn nước đổ, sao em trả lời bằng bệnh viện nắt kín mưa đêm*?" (tr.17). Phải trở lại cái cô đơn, bất khả cảm thông nguyên ủy:

"Những đêm nào chiến tranh đã quên
Con mắt đen niềm im lặng
Anh vẫn đi hoài trong thành phố
Cô đơn
Trưa nắng cháy
Vào sâu trong ghẻ lạnh
Với máu trong tim
Chảy nhanh như máy móc đau ốm
(...) Tình yêu tuyệt vọng"
(Đêm, tr.55)

Chiến tranh và nỗi cô đơn phi lý để chung vào nhau trong một tổng thể kết cấu, như một ép buộc, của cuộc đời. Nhưng hình như đã thành công nói lên cái có thể sống cho mình, một mình, một khả thi khi tưởng không thể nữa - đã có người, đã có tình yêu, trong một thành phố, vẫn lang thang một mình, vẫn có thể nói với mình, một mình. Cô đơn, dù là "thiên tài", "*Thiên tài dùng làm gì? / Để gây ra tội lỗi...*" (tr.57) vì "*Thiên tài không tình yêu giống như con lợn lòi*" (tr.59). Cô đơn như một khám phá lớn, rằng con người sinh ra và chết cô đơn:

"... Khuôn mặt vỡ tan / Như cầm thạch / Như nước mắt / Như muôn đời / Không hối hận / Con đường anh phải đi một mình / Trần truồng dã thú / Đón anh ở cuối đường / Hố sâu vĩnh viễn / Không có em " (Đêm, tr.56)

"*Cả đời là sa mạc / Cả tôi là tự do*", tự do nhưng cô đơn, *"đời người thản nhiên như tên gọi"* (tr.69). "*Anh chìa bàn tay khô héo / Nỗi tự do buồn phiền / Hai bàn tay những con đường cỏ cháy...*" (tr.37). Thân phận không lối thoát, và con đường lữ hành dù gì cũng phải đi trọn:

"... Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi
Tôi vẫn khóc vẫn khóc
Hết linh hồn mới thôi
Tôi đi tìm tiếng nói
Cho ra tới ban ngày
Người ta níu lại hỏi
Cớ sao chịu đọa đày..."
(Đêm, tr.62)

Vì "*Em biết không? Em biết không? / Trong ngục tù giam giữ những than van / Người ta kêu một mình...*" (Sầu Khúc, tr.42). Tôi cô độc vì Liên, con mắt đen, vì "*Liên còn trong Hà Nội / Đã mất / Tiếng cười tan thành khói trên những búp tóc rối...*" (tr.66).

Đến tàn hơi thở *Tôi vẫn sống thiết tha dù không còn hình ảnh, Dù không còn âm thanh (...) Tôi tin rằng tôi sẽ nổi loạn, tôi sẽ làm cách mạng cùng những người anh em của một ngày chưa ước hẹn. Nhưng rồi tôi biết tôi đang chết, tôi đang yêu người đàn bà phụ bạc. Nàng cấu xé thân thể tôi, nàng dày vò linh hồn tôi. Nàng chỉ cho tôi trông thấy màu đen của tròng mắt nàng, màu đen xoáy sâu hun hút con đường địa ngục yêu thương. (...) Tôi vẫn sống thiết tha dù hôm nay biết chắc chắng ai đến hôn vào môi mình cho thêm một hơi thở. Người ta đã phụ nhau rồi, phải không em?*" (Hơi Thở, tr.94 & 96).

Tôi rơi vào bi đát của cuộc đời, của thành phố, một chốn để trở về hay để bỏ đi: "*...muốn một hồn người yêu đương mà không gặp nên thành phố là nơi đầy ải gớm ghê vì chứa chấp những cô đơn chống chọi. Ngó xuống mỗi viên gạch, nhìn lên mỗi cây đèn đủ thấy sự khinh ghét lạnh lùng*" (Thành Phố, tr.86). "*Có ai gọi tên tôi giữa phố, phố vắng và cái tên âm lên sự thù hằn. Tôi dừng lại trả lời: để cho tôi yên với tất cả đêm nay đang ngấm vào máu tôi*" (Đêm, tr.72). Dù trong điệu nhạc từng đêm chốn vũ trường, người tuổi trẻ vẫn buồn, cái buồn thảm hại:

"*Sao tuổi trẻ quá buồn / như con mắt giận dữ / Sao tuổi trẻ quá buồn / như bàn ghế không bầy*" (tr.35). Không khí nhiễm độc hay không gian thù địch? Vẫn phải níu kéo cuộc sống: "*... Hai bàn tay nắm chặt hư vô / Mà hình dung hạnh phúc ngày mai...*" (Đừng Bắt Tôi Từ Biệt, tr.97). Khóc tiếng khóc cô đơn. "*...Người đàn ông khóc vì phải khóc / Như anh đã phải ôm em và tủi cực vô cùng / Cuộc đời cứ mở tròn những con mắt thản nhiên nhìn tội lỗi...*" (Đêm, tr.64). Nhà thơ trở về, "*Tôi đã trở về nhận quyền âu yếm của người không tên*" (tr.115), thảm thương bị trúng tên. Đến phải lớn tiếng với chính mình: "*Thôi mày hãy ôm khối lửa đỏ, định mệnh mày cừu địch, những hân hoan ngu tối cùng tự do khốn nạn*" (Chiều Trên Phi Trường, tr.25).

*

Tôi qua hai tập thơ *Tôi Không Còn Cô Độc* và *Liên, Đêm, Mặt Trời Tìm Thấy* là một chủ thể rất cô độc, dù có hét lớn phủ nhận định mệnh, dù đã mở rộng vòng tay, tâm hồn, dù đã có lúc khép vỏ ốc! Từ một cái Tôi lớn tiếng nhưng dậm chân một chỗ đến một cái Tôi trưởng thành, cô độc

đã làm nền cho thi nhân chứng tỏ sức sống sau những ám ảnh, buồn lo; ánh sáng rọi làm tan biến những tối ám địa ngục, như nắng lên sau những ngày mưa liên lì, như sau một giấc ngủ vùi - ngủ đã đời! Nghĩa là đã có hy vọng, có những vệt nắng!

Thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền đã là một khởi hành, một thế giới thi ca thử ứng hợp với con người và xã hội ở một thời điểm. Thanh Tâm Tuyền đã phá vỡ cái tĩnh, cái nền của ngôn ngữ, ông đã phá cái cấu trúc bình thường. Ngôn ngữ trong thơ Thanh Tâm Tuyền bất thường, bất ngờ, lẫm lạ, không thứ tự cũng không thông thường nhưng nhiều khi cũng rất bình thường như lời nói ngoài phố chợ. *Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay* được coi như bản tuyên ngôn của ông về thơ tự do. Thanh Tâm Tuyền đã viết: "*Tôi nghĩ rằng điều làm cho người đọc xa lạ với thơ hôm nay không hoàn toàn vì hình thức tự do của nó. Thơ không vần, không điệu, thơ xuôi nếu quả thật là thơ - nghĩa là đạt được đến ngôn ngữ mầu nhiệm không chỉ chuyên chở ý tưởng mà còn ám ảnh vang vọng mãi trong tâm hồn - thì sớm muộn người đọc cũng tìm thấy và quen dần với một thứ nhịp điệu rộng rãi phức tạp ở một trình độ nghệ thuật cao hơn đối với nhịp điệu đơn giản rút gọn... Người làm thơ hôm nay có thể bỏ thơ không thương xót khi họ nhận thấy thơ không làm thỏa mãn nỗi khao khát quá chừng của đời sống hôm nay (...)*" Thanh Tâm Tuyền đi xa hơn khi tuyên bố: "*Chúng tôi theo cơn cuồng nộ bi thảm của Dionysos, của cuộc đời hôm nay. Chúng tôi cho các người vĩnh viễn* (= thơ theo quan niệm cũ!), *hãy nhường cho chúng tôi hiện tại*"[1]:

"Dù sao mai phòng triển lãm sẽ đóng cửa
(Rồi mở thêm lần nữa
Để làm gì)
Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
... Nếu đã từ Sài Gòn xuống Vĩnh Long hay lên Thủ Dầu Một
Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình
Như kẻ say rót rượu lấy mà uống
Cho vui thêm cuộc hành trình
(Đúng rồi những người thù ghét thơ tôi ơi)
Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc"
(Bao Giờ, LĐMTTT, tr.32-23).

Nỗi cô đơn vẫn tràn ngập!

Tóm, *một nỗ lực về ngôn ngữ thơ, về nhạc điệu.* Tự do và khác. Tất cả với Thanh Tâm Tuyền là phản, là đối nghịch. Như nội dung, ý tình chuyên chở trong thơ. Hình thức và nội dung với thơ Thanh Tâm Tuyền là một, như một. Phải thành công một, kia mới thành công xướng lên, mới lên. Yếu tính thơ tự do có yếu tố hỗn độn... vì nó có sự tổ chức riêng, có kết cấu riêng, nội tại, để nói lên, để nên thơ! Thơ t75 do khác thơ cổ điển hay có niêm luật vì liên hệ đến tác giả, đến tài thơ, nhịp thơ riêng. Nếu không, là thất bại, là không còn thơ tự do! Thanh Tâm Tuyền bỏ làm thơ sau những xáo trộn giữa thập niên 1960, cho đến khi ông vào trại "cải tạo" nơi núi rừng Việt Bắc sau 1975. Trên tạp chí *Nghệ Thuật,* nhà thơ Trần Đức Uyển đã có lần nhắc lại câu tâm sự của Thanh Tâm Tuyền tại sao không còn có thể làm thơ: "*...Tự nhiên thấy khó, không dám làm. Vả lại chưa tìm được cái gì mới. Tôi thấy thơ bây giờ càng ngày càng thu hẹp lại, rút gọn vào trong cái "tôi", để cuối cùng chỉ có mình hiểu được thơ mình*"[3].

Ra ngoài nước, 47 bài thơ làm trong thời gian tù đày "cải tạo" được xuất bản với tựa *Thơ Ở Đâu Xa* (1990) - như một nhận diện cuối (hay thêm) về con người, về ý thức hệ, về sự thủy chung của thiên nhiên. Sống giây phút hiện tại, ở đây không còn là những khám phá hứng khởi của thời trẻ, chỉ còn là cái triền miên của khổ ải, nhân tình! Cuộc đời chỉ là đời sống có giá trị khi có *Tôi* trong đó!

Thanh Tâm Tuyền. "Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay". *Sáng Tạo,* 31, 9-1959, tr.5.
Thanh Tâm Tuyền. Bđd., tr.6.
Trần Đức Uyển. "Nhìn Lại Thơ Hôm Nay". *Nghệ Thuật* , 12, 12-1965, tr.16-17.

nhân vật tiểu thuyết thanh tâm tuyền

Thanh Tâm Tuyền (sanh năm 1936, mất 22-3-2006), một trong những khuôn mặt văn nghệ trội bật của miền Nam thời kỳ 1954-1975, bắt đầu văn nghiệp với thi ca, tiếp nối với tiểu thuyết và trở lại với thơ trước khi ngưng viết. Về thơ, hai tập *Tôi Không Còn Cô Độc* (1956) *và Liên, Đêm Mặt Trời Tìm Thấy* (1964) như là những tuyên ngôn cho thơ Tự Do chúng tôi đã dành ở một chương khác. Về văn xuôi, các tác phẩm tiêu biểu của ông là *Bếp Lửa* (1957) và *Khuôn Mặt* (1964), Dọc Đường (1966) - hai tập sau là những tập truyện ngắn. Ngoài ra ông đã xuất bản các tập tiểu thuyết

khác, *Cát Lầy* (1967), *Mù Khơi* (1970), *Tiếng Động* (1970), *Một Chủ Nhật Khác* (1975),... một tập *Tạp Ghi* (1970) gồm những bài viết trên nhật báo Tiền Tuyến ký Ba-Tê, một tập kịch *Ba Chị Em* (1967), và một tập thơ sau khi ông sang Hoa Kỳ định cư theo diện HO, *Thơ ở Đâu Xa* (1990).

Bếp Lửa

Cái phi lý đã bắt đầu. Thanh, thanh nữ quên tuổi trẻ của mình, "dám sống cái thân phận một người con gái không được che chở" để làm nuôi em ăn học. "Những người sinh ra để đi một mình suốt đời không có một sự gì ràng buộc, thật là bất hạnh". Thanh có giọng ca truyền cảm và thích hát bài "Trở về mái nhà xưa", như cố tìm một ràng buộc để có nơi chốn trở về, một trở về như một hạnh phúc, vì nếu không, sẽ là bất hạnh cuộc đời. Qua Thanh, một nhân vật khác, Tâm, anh họ xa của Thanh di cư vào Nam, sau thời dạy học trường dòng ở Bắc Ninh và sống như "con sâu" giữa một Hà Nội chiến tranh, cuối cùng phải di cư vô Nam xa quê nhà, xa mái nhà, sẽ diễn tả sự đi-tìm-hạnh phúc của anh. Tâm viết bưu thiếp về Bắc cho Thanh: "*Chúng ta phải tự tạo lấy sự ràng buộc nhau để cùng nhau bám chặt lấy quê hương nếu không chúng ta sẽ mất trong sự quên lãng. Anh yêu quê hương vô cùng và anh yêu em vô cùng*". Hai tình yêu làm một! Tình yêu của những người "*sinh ra để đi một mình suốt đời (...) không một sự gì ràng buộc ta, thật là bất hạnh*" (tr.88).

Nhưng cũng người thanh niên ấy, ngủ đêm với Hạnh ở khách sạn sau khi tình cờ gặp lại người con gái ngày xưa chàng từng theo chọc, nắm tay để tìm lại hơi ấm khi chàng đang bơ vơ ngày sinh nhật Chúa. Chàng nghĩ chiến tranh hay "*sự khủng bố tinh thần đã thổi vào máu Hạnh sự say đắm nhiệt tình trong yêu đương*" (tr.70).

"*Hắn lớn lên cùng bè bạn, vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lăn mình theo mối cám dỗ lớn lao của hư vô...*" vì họ đã "*tìm thấy cuộc hiện sinh tự do và lựa chọn*" với triết gia thời thượng J-P. Sartre. Và ông đã lựa chọn làm nhà văn vì "*mỗi nhà văn chính là một kẻ sống sót*" khơi từ "*Cái chết lựa chọn không bao giờ phi lý, nó sẽ làm này sinh sự thật, sự thật của những người chết truyền lưu cho kẻ sống sót*" (Bếp Lửa, Tựa, tr.VII).

Những thanh niên đứng trước những đổi thay quá lớn. "*Cái chua xót là tất cả chúng ta đều thành thật, thành thật đến cái độ có thể chết*" (tr.40). Họ phải có những lựa chọn, Thanh Tâm Tuyền cũng đã chọn thái độ làm con người tự do, theo cộng sản với ông "*là một lối đánh đĩ, đánh đĩ tinh*

thần mình" (tr.53). Họ phê phán bạn mình là "lãng mạn" và chối bỏ Thượng đế. "*Theo tôi có những lúc người ta cần giải quyết giữa người với người và Thượng đế không nên có mặt ở lúc ấy.*" (tr.64). Khổ nhục làm người ở khắp nơi "*Con sâu ở giữa tim giữa hồn, giữa não*" (tr.65).

Bếp lửa như tụ điểm hạnh phúc mãi tìm và mái nhà xưa vẫn là ám ảnh khôn nguôi. Thanh hát lại bài "Trở về mái nhà xưa". "*Hàng phố bé lại trong đêm khuya và lùi xa như tiếng hát. Khi cánh cửa đã đóng sau lưng Thanh và Nga, tôi còn nghe tiếng hát ấy ở trên tai tôi. Trở về mái nhà.*

Xưa,

Còn lại hai người đàn ông đi chân về ngoại ô" (tr.76).

Khuôn Mặt

Con người thao thức và tình yêu bị ám ảnh bởi những suy tư, dằn vặt, đi đôi với những thèm khát kiếm tìm khôn nguôi. Tình yêu bắt đầu từ những ngày Hà Nội. Thanh yêu một người con trai và đã nghe lời người yêu di cư vào Nam trước, nhưng đã năm năm Thanh vẫn chưa gặp lại chàng. Chàng "biệt tích", "mất tích" và "vắng mặt", còn nàng thì sợ một ngày nào đó trí tưởng tượng của nàng sẽ không còn có thể hình dung nổi bóng dáng chàng. Thanh sống giữa hiện tại và quá khứ, nàng sống trong đợi chờ, tiếp tục lữ hành, kể cả đêm nay, cái đêm định mệnh, trong xóm vắng đến nhà bạn tự nhủ nếu bạn có nhà tức chàng đã thuận để nàng làm lại cuộc đời. Nhưng cửa nhà cô bạn khóa trái và một thanh niên lạ theo đuổi nàng, mời nàng về nhà. Để tránh âu yếm vội vàng của hắn, nàng nhoài mạnh người và té xuống nước chết đuối. Tình yêu khó khăn, bị xâu xé bởi nhiều mặc cảm, bị chi phối bởi nhiều vấn đề trong cuộc sống, một cuộc sống xáo trộn không lối thoát của một đất nước bị chiến tranh, xáo trộn: "*Anh yêu em anh chỉ làm khổ em. Anh biết thế mà không làm sao được. Vì giữa chúng ta còn một khoảng cách biệt anh không vượt nổi, đó là những người chết, họ xen vào giữa tình yêu của anh với em. Em hiểu anh nói gì không?*" (tr.103).

Ám ảnh dằn vặt nhưng đầy đam mê. Đam mê như đọa đày. "*Tôi mong chàng nghe thấy những nhịp run trong gân tay của tôi, tôi mong chàng nhận được cái linh hồn trọn vẹn của tôi trong ánh mắt*" (tr.112). Hơn thế nữa, con người ray rứt, khắc khoải nhưng tình yêu ở đây thiết tha và nhiệt tình, khôn nguôi, không gì bồi đắp, thỏa mãn. Cái không trọn vẹn và bi đát của câu chuyện, của nhân vật khiến người đọc bị lôi cuốn, bị động. Nội tâm tuổi trẻ: "*Anh khuyên em phải can đảm. Làm thế nào mà can đảm mãi một mình nổi. Anh biết không rồi tới một ngày hình ảnh của anh em không*

còn giữ được trong trí tưởng em nữa, cuộc đời hằng ngày sẽ nghiến vụn nó ra làm cho nó tan biến mất. Như bây giờ muốn nhìn khuôn mặt anh, trí tưởng tượng của em đã bất lực. Năm năm qua rồi. Anh chỉ hiện lên đôi lúc rõ ràng trong giấc mộng mà thôi, khi tinh dậy thì đầu óc em trống trơn dù em có muốn ghi nhớ lại để có thể mở mắt trông thấy anh nhưng không thể nào được. Em muốn được gặp anh khi thức không phải khi mê, nhưng anh thấy không mỗi giây phút trôi qua làm mòn dần trí nhớ. Đã có lúc em phải vay mượn ở những khuôn mặt khác những nét hao hao để tưởng tượng tới anh, nhưng em biết em chỉ có được một khuôn mặt xa lạ không phải của anh" (tr.108). Khuôn mặt chỉ thấy bằng tiềm thức, còn với ý thức và đời thực thì nhòa dần. Đưa đến cái chết người. Nàng nhìn người lạ theo đuổi nàng nơi ngoại ô "*tìm tôi thắt lại. Hắn có nét mặt hao hao giống chàng*" (tr.112). Quá khứ thành ảo tưởng! "*Từ khi lớn lên, chưa bao giờ tôi được nghe một giọng nói mơn trớn đến thế. Lời nói của người con trai trói tôi vào tới cùng bản thể trong ấy giấu kín tuổi ấu thơ hằng cửu mà mọi sự vật đều hòa lên một giọng nói như vậy. Ngôn ngữ rất đầy, rất thực xô đẩy nhau rơi và lấp kín những trống không của tâm hồn như một lực lượng bất tận của vật thể...*" (tr.124).

Như anh chàng Meursault trong *L'Étranger* của A. Camus, khuôn mặt hờ hững, hiện hữu có đó như không cần thiết, như không nhân tính, vì khuôn mặt đó như mang cả con người của thời đại máy móc. Khuôn mặt tiêu biểu của một thời đại. Hắn là ai? Khi mười tuổi theo mẹ bỏ nhà vào Nam đã "yêu" một người con gái lớn tuổi hơn, sinh viên Hà Nội về thăm nhà ở miền Trung, đi cùng chuyến xe lửa, "yêu" vì tiếng nàng hát khe khẽ như ru. Hắn theo mẹ trốn bỏ gia đình khắc nghiệt tha phương tìm sống. Máu mủ anh theo mẹ nhưng con người luân lý trong anh vẫn khinh mẹ anh đã không can đảm chịu đựng. "*Anh là đứa con không muốn nhận cha mẹ. (...) Anh theo mẹ anh và anh khinh mẹ anh đã không đủ can đảm chịu đựng...*" (tr.142). Hai con người đó khuấy động khiến anh vong thân, làm gì thì cũng phần này của anh chống phần kia của anh. Hậu quả là anh sống trong nghi ngờ tất cả dù thành thật tới mấy, luân lý trở thành vô nghĩa với anh. "*Anh thù hận luân lý, anh thù anh*" (tr.143). Anh sống qua cái nhìn bất thường và soi mói quá quắt về cuộc đời và tha nhân. Cho đến khi anh gặp Thanh, người đàn bà cũng lớn tuổi hơn anh, là cái ở ngoài cái luân lý luôn dằn vặt, anh tưởng thế! Nhưng cũng có thể vì khuôn mặt hắn "khả ố", khiến Thanh vùng vẫy để phải rơi xuống nước. Cả hai đều có một khuôn mặt quá khứ ám ảnh.

Khuôn mặt nàng mới đó đã có những "*khoảng trống đáng sợ* (...) *tôi không chắp nối những đường nét thành hình ảnh, sự quên lãng hãi hùng gậm nhấm cả linh hồn tôi*" (tr.135). Truyện *Khuôn Mặt* chấm dứt ở nhận định chỉ có thân tình của người với người mới giúp con người tìm lại được cái hạnh phúc đánh mất từ bước khởi hành, tìm lại cái thân tình của thế giới. Cái chết của người con gái xa lạ tên Thanh đã giúp "tôi" hiểu hạnh phúc đã có và đâu là mục đích của đời "tôi". Hóa ra cái vô nghĩa kia chỉ là ánh sáng nguyên thủy của cuộc đời, cái ông bà Adam-Eva đã có trước khi khôn ngoan cắn trái táo. Hành trình gian nan để đi đến cái nhận định nguyên sơ, đến tình cảnh, nhưng là một lữ hành xứng đáng, một thân phận! Và hóa ra chống đối cái đạo lý, luân thường của xã hội, con người Thanh Tâm Tuyền cũng tự chống lại mình, vì nguyên thủy, con người này đã bị cái đạo lý luân thường của xã hội xâm chiếm, khiến cái-tôi của họ không còn toàn vẹn. Câu kết truyện *Khuôn Mặt*: "*Tôi sẽ không chịu nhận tội lỗi mà người ta xét thấy tôi có như tôi từng chấp nhận cái luân lý người ta đã nhồi vào sọ tôi thuở bé (...) Bây giờ thì anh thèm ngủ, ngủ và nằm mộng thấy em, trong căn nhà chúng ta. (...) anh ngủ, anh đang ngủ, anh chỉ khóc với em trong giấc ngủ mà thôi...*" (tr.144). Thời gian xáo trộn như những mảnh sống và ký ức!

Thanh Tâm Tuyền coi cuộc đời là một vô nghĩa toàn diện. Nhân vật của ông từng có những dứt khoát với quá khứ, từng có những quyết tâm làm lại cuộc đời, khiến cuộc đời có một ý-nghĩa-nên-có-và-phải-có. Bi kịch bắt đầu từ đó và hạnh phúc cũng ở đấy. Mọi người vẫn xác nhận, nhưng nhân vật của ông phải vượt qua cái xác tín đó, để cái hạnh phúc trở thành thật, xứng đáng hơn! Phải vượt qua cái mơ hồ của riêng mối, của một phong hóa, của những phạm trù trung trung, có thể chấp nhận! Sự vật có đó, xấu hay đẹp, tầm thường hay vĩ đại, vẫn do con người thường thường, những con người theo khuôn, chấp nhận. Gọi là cái mơ hồ vì Thanh Tâm Tuyền dự phóng, trừu tượng hóa cái phải-là, nên-là, cho ra thể thống con người hôm nay. Vì ông còn nghĩ, sự vật đó có giá trị tự tại, của nó; vậy tại sao mọi người chung chung cứ gọi nó là thế này, cứ gán cho nó một ý nghĩa có thể chủ quan!

Bếp Lửa và *Khuôn Mặt* đã là cuộc lữ hành của những kẻ tự vạch đường, tự thoát ra khỏi tầm thường và khuôn sáo của lâu nay. Cô đơn và trong trừu tượng của sâu thẳm con người. Nhưng cuối cùng rồi cái phi lý vẫn bủa vây: con người của ông dù ý hướng đầy, dù ước vọng dồi dào, vẫn lún sâu trong thực tại. Càng phủ nhận càng lún sâu. Nhân vật của ông sẽ để cho cuộc

sống vô nghĩa hóa, họ sẽ buông xuôi, sống theo thói quen, hay tìm giấc ngủ và dễ để cho cái chết cám dỗ. Phi lý nhưng hữu lý. Sợ bị lịch sử vượt qua, họ lại đi đến sự buông xuôi. Có bị đè bởi thế giới nặng nề, bởi những trọng lực của cuộc sống, nhân vật của ông mới sống ý nghĩa cuộc đời theo ý họ, có thể là một K.O. đồng tình! Con người đối nhau xa lạ, thân thể, cảm giác gần sát mà vẫn không hiểu nhau. "*Họ là những sinh vật mà đời sống bị dồn xuống thế hèn mọn là những khúc cây ngọ nguậy, sự hiện hữu của họ lén vào giữa chúng tôi như một luồng khí độc, mặc dầu họ không để ý đến chúng tôi, họ co rúm vào trong họ một cách thiểu não lạ thường*" (Khuôn Mặt, tr.106).

Khi sống, khi yêu, nhân vật của ông tỏ ra... bất thường, xa lạ và kín như bưng với nhau. Nhưng hình như tình yêu đã có lúc là một nụ cười không được tiếp nhận liền, một dịu dàng không dễ cảm thấy. Như một bài hát xưa của Nghệ - "*bài hát xưa lắm, những người thích nó kẻ đã chết, người còn sống thì quên không nhắc lại. Riêng tôi, tôi thường thì thầm với mình những phút cô đơn...*" (BSNBB, tr.98). Tình yêu cô đơn vì tôi từ chối ý nghĩa đã có, từ chối cả ngôn ngữ, vì chính tôi đang chỉ đứng bên lề. Vì bên lề, bạn của các nhân vật chính của Thanh Tâm Tuyền cũng là những kẻ đứng ngoài hay đã bị xã hội bằng cách này hay cách khác, kết án. Những không-có-giá-trị gì! Những ả giang hồ về chiều, những người tự thua hoàn cảnh, đi làm công an cho Tây, như Quang trong *Cuối Đường*. Tình bạn không có nghĩa là có thể tâm sự với nhau, vì nhân vật chính của Thanh Tâm Tuyền không thích những tự-minh-oan, hãy để việc đó cho cuộc đời! Nhưng như vậy không có nghĩa họ đã trở thành vật vô tri. Ít ra là có vẻ. Nghệ thích Hội vì người con gái làng chơi ế ẩm đó xấu nhưng theo Nghệ "*cái xấu làm cho người ta tầm thường, hèn mọn, và dễ yêu hơn*".

Truyện *Đại Lộ* có ba người đi trên nó. Chuyện những con người tự do, sống cho mình và tôn trọng thân phận và tự do của người. Họ sống trung thực và trọn vẹn cái hiện sinh của họ, đến không cả tố giác Châu hoạt động cho kẻ khác, Ngọc qua bên kia. Họ không muốn theo một khuôn mẫu luân lý và khuôn mẫu của đa số, của xã hội. Đến gần với thực tại có những thanh niên trong truyện *Đại Lộ*. Họ đứng trước những lựa chọn khó khăn của một Hà Nội thời tạm chiếm. Họ ít nói với nhau, có khi dùng thơ để "nói" với nhau. Họ có những "yên lặng lạ lùng", hoặc những hối hận vì "câu nói vô nghĩa" ít oi. Tế nhị và kiểu cách quá đáng không, dù tiếng nói có thể làm xa thực tại, con người có thể sống thật trong yên lặng và thơ là một cố gắng để trở về với cái yên lặng nguyên ủy của vạn vật. Viên gạch với

dòng số "1934" ghi trên là cái có thực. Tâm chỉ nói một câu: "*Viên gạch của bờ hè đại lộ này hôm nay được 18 tuổi khi chúng tôi đi qua*", ít nói vì anh là thi sĩ, Châu yên lặng vì nàng bắt đầu yêu Tâm. Và hai năm sau họ gặp lại nhau trước khi xa nhau lần này không biết bao lâu vì một người ở lại một di cư vào Nam. Cái thế giới *Đại Lộ* có vẻ lỗi thời đó không ngờ là một loại thiên đường cuối cùng, nơi đó ý tưởng không làm con người quên con người thực của nhau, dù làm cách mạng hay làm thơ. Hai năm sau gặp lại nhau, câu nói trên Tâm sẽ lập lại, cộng thêm hai vì chàng biết Châu đã yêu chàng khi viên gạch còn 18 tuổi.

Trong *Isabelle*, Lưu cứ đứng ngoài đời sống, muốn tìm ra cho mình lối sống trước khi chịu sống: "*Chúng ta không sống, chúng ta chỉ luôn luôn tự hỏi phải sống như thế nào? Phải sống như thế nào là chẳng sống gì cả*" (tr.40). Isabelle trở thành hình bóng văn chương "đẹp và không có", ấp ủ Isabelle thì hắn không sống, bịa thêm cuộc đời khác với văn chương tức từ chối cuộc đời mình. Anh khắc khoải với giấc mộng hoàn thành tác phẩm lớn nhưng mộng không thành và anh bị Yến, người yêu, người đàn bà tự coi có lý tưởng, xem anh như văn sĩ xấy non, bất lực. Bỏ Yến vào Nam, anh gặp Quỳnh Dao, nhưng vẫn bị ám ảnh Isabelle, cuối cùng anh muốn trở về với cuộc sống bình thường có thực với ý định cưới Ba, một sinh vật sống giữa cuộc đời và không có vấn đề.

Một người khác chối từ cuộc sống: ông già xưng Tôi trong *Mùa Hè* đốt thuốc phiện để nuôi giữ chút lửa sống èo uột, đời héo dần vì tự nhốt mình trong một quan niệm tình yêu tuyệt đối. Ông "*hủy diệt tình cảm trong lửa dục, ngọn lửa ấy rực rỡ thiêu đốt hết sự thân ái có người muốn mang tới, nó chói chang thành một nỗi cô đơn nóng này*" (tr.53). Tuổi trẻ ông chỉ tìm kiếm do đó ông đã quên sống và đồng thời đánh mất tuổi trẻ. Đến năm năm mươi tuổi mới tìm thấy hạnh phúc trong tình yêu vụng trộn với một thiếu phụ đã có gia đình. "*Tôi (...) một tâm hồn mệt mỏi, một thể xác nghiện ngập yếu đuối. Chính tôi cũng không ngờ hạnh phúc lại đến trong một tình trạng như thế, nỗi hạnh phúc đột ngột tràn đến trong chúng tôi bằng những thôi thúc vô biên, những lượn sóng vỗ vập như giữa biển khơi không thấy bến bờ, một thứ tiếng nói âm thầm chôn giấu ở dưới tầng đáy nào của cơ thể. (...). Ra khỏi thân nàng, tôi bàng hoàng kinh ngạc, không biết có phải chính tôi đã vừa đặt chân vào một miền đất lạ hoang vu, không biết có phải chính tôi vừa nhóm lên được ngọn lửa nồng nàn giữa khu rừng già mịt mùng khô khan (...) Có thể nào điều tìm kiếm những năm hai mươi tuổi lại đến vào tuổi già lão chăng?*" (tr.53-54), "...một ngọn lửa nhỏ lùa hơi ấm trong cái

con người đã kiệt quệ" (tr.62) "*Ngọn lửa ấy đủ ấm cho quãng đời còn sót và ngọn lửa ấy chỉ tắt khi tôi chết*" (tr.56). Nhưng cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy sẽ thoát khỏi vòng tay gầy ốm và nghiện ngập của ông khi người chồng đem vợ con đi làm ăn xa.

Trong *Cuối Đường*, một Hà Nội bị Tây chiếm đóng, Quang, kẻ tự thua hoàn cảnh, đi làm công an cho "kẻ thù", bị cộng sản bắt, khi trốn về được thì chỉ còn là một bộ xương trần truồng. "Tôi" nằm vạ, lăn trên cỏ trong nắng, đợi đưa đám Quang, tôi căm thù đời, và sẵn sàng sống đến cuối đường đời, đến tận cùng, đến chết!

Trong *Buổi Sáng Ngoài Bãi Biển*, Nghệ từ chối viết văn vì văn chương quá tham vọng "*muốn chụp lên đời sống để sửa đổi nó*" (tr.90). Anh ghét lây nữ văn sĩ hắn cho là họ "*lên mặt đạo đức dạy đời*" (tr.93). Cũng theo Nghệ, tìm kiếm và chạy theo lý tưởng dù là văn chương, đều là không sống. Đành vui với những hạnh phúc bất ngờ, anh đi ngủ với một gái nhảy mặt rỗ ôm mộng thành ca sĩ. Phải chăng vì tình yêu mà anh ta đã giữ người vũ nữ ở lại căn phòng khách sạn thêm mấy ngày?

Tất cả đối với Thanh Tâm Tuyền đều vô nghĩa! Ông dùng văn chương qua *Khuôn Mặt* để kêu gọi mọi người trở về với cái vô nghĩa. Muốn vậy phải ý thức rằng cái thực không là cái đã được trừu tượng hóa, cái đã được lý tưởng hóa, đã có cái lý nhập vào. Khó là những cái đó đã trở thành những lý tưởng để con người sống theo, chạy theo mà không biết rằng tất cả đã thành những mãnh lực của cái chết và mọi người đều bắt bóng không ngừng nghỉ. Những nạn nhân của trừu tượng và mọi chủ nghĩa ý thức. Vô nghĩa vì nếu cứ theo luân lý chung và kinh điển, thì làm sao cắt nghĩa được chuyện Yến làm cách mạng đến khô héo thân thể, Isabelle xấu đi vì sứ mạng nhà văn và trong *Khuôn Mặt* đã ly gián những kẻ yêu nhau. Thanh vì muốn trung thành với một người biệt tích, đã tiêu hủy tuổi trẻ của mình và chạy trốn hạnh phúc trong cái chết, một cách phi lý - có thể hợp lý, một cách vật lý! Cũng trong truyện này một người con trai, nhân vật xưng tôi, bị đạo lý xã hội xâm đoạt tâm hồn, khiến anh không bao giờ dám hài lòng về mình. Ông già trong *Mùa Hè* đời héo dần vì tự nhốt mình trong một quan niệm tình yêu lạ đời, ám ảnh bởi kinh nghiệm hụt hẫng phi lý của lần lập gia đình năm hai mươi tuổi.

Người đàn bà văn sĩ trong *Isabelle* đóng kịch vai văn sĩ. Mới viết vài cuốn sách, được tâng bốc, được gán cho một cái nhãn, thế là bà tưởng bà đã là văn sĩ thật và lớn, bà ăn uống đi đứng như văn sĩ. Nhưng bà đang sống trong ảo tưởng, đang có sứ mạng và làm việc đó một cách lương thiện, bà

nghĩ thế! Bà đẹp cái đẹp no và tốt lành, và lương thiện. Nhưng bên cạnh đó là một nhà văn xấu, mặt đầy những "nét gầy và góc nhọn", xương xẩu, khô xác ra vì "sứ mệnh" làm văn! Hóa ra bà phản bội những ước muốn có thể của xã hội mà cả của bà. Làm văn là trừu tượng hóa, là ra lời. "*...Muốn làm đàn bà hiền hãy sống hiền thục, đừng viết hiền thục, giả dối*" (tr.86). Cũng như Yến, người nữ cách mạng, ngực lép và cũng xương xẩu như bà nữ văn sĩ. Viết văn hay làm cách mạng đều là tiểu thuyết hóa cuộc đời, đều từ chối sống cho thực tại vì cả hai đều có ảo tưởng, làm đẹp cho đời hay cứu rỗi người. Bên cạnh thế giới đó, Lưu trở về sống cuộc sống cụ thể bên con kinh, muốn trở nên một người tuyệt đối không có lý, anh đã bỏ cách mạng, bỏ làm ăn và văn nghệ để trở về với một "cô Ba hiền khô", với con chó già, với khoảng đất sũng nước, v.v... - tức yên lặng và vô nghĩa, nhưng đều có thực, như là những chờ đợi đích thực.

Cuộc đời đơn giản và tự nhiên hơn! Đó là con chó già nằm phục bên cối đá, là tiếng hát người con gái giang hồ giữa khuya, v.v... Muốn sống thực, con người chỉ việc buông thả mình theo trọng lực của vật chất của thân xác. Đẹp là hình ảnh một Lưu bỏ thế giới giả tạo để trở về nơi con kinh, là ông giáo già độc thân quên lý tưởng và lý thuyết trong tay một người đàn bà lơ đãng. Hay như Thanh khi tỉnh dậy trong nhà thương, lần theo tay người yêu mà tìm lại mình, tìm lại thân thể thật của mình, "*tôi sung sướng cử động mấy ngón chân*" (tr.127). Như Quang chấp nhận đi làm công an để giúp đỡ gia đình.

Những hạnh phúc và hình ảnh đẹp đó rất mờ nhạt và hiếm hoi trong *Khuôn Mặt*: Thanh sẽ chết, ông giáo già không thêm một lần may khác, Lưu thật ra chỉ là kẻ chiến bại sống tạm bợ những ngày cuối cùng của mình. Họ như tìm ra chân lý quá trễ tràng. Trễ, nhưng có thật và chứng minh thêm rằng hạnh phúc là điều có thể. Ông giáo trong *Mùa Hè* nói với người yêu: "*hạnh phúc sẽ tới, hạnh phúc ấy có thật, không phải viển vông như anh đã tưởng. Hạnh phúc thế nào cũng gặp...*" (tr.54). Những hạnh phúc "tình cờ" của hôm nay, như những cách thể hiện hữu! Người quân nhân trong *Buổi Sáng Ngoài Bãi Biển* quan niệm "những anh chàng yếu đuối mới cần ái tình làm chỗ trốn thân phận", do đó anh thụ hưởng cái tình chợt đến với cô vũ nữ, thích thì giữ cô ả thêm vài ngày. Hạnh phúc nếu có, anh đã có phần đóng góp!

Đó cũng là cái *bi đát* của cuộc đời hữu hạn! Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền tự tra vấn, dám nhìn thẳng và nói thẳng với đồng loại như Quang với Lưu trong *Isabelle*: "*Tôi nghĩ cái tội của mình đối với chính mình là chúng*

ta đã dùng đời chúng ta để tạo thành tiểu thuyết trong khi sống. Chúng ta muốn đời chúng ta phải là một câu chuyện có thể kể được mà chính ta là nhân vật chính. Bởi thế chúng ta không sống, chúng ta chỉ luôn luôn tự hỏi phải sống như thế nào? Phải sống như thế nào là chẳng sống gì cả" (tr.39-40). Thảm kịch làm nhân vật hay làm người thực hữu, cũng như lý luận về con người và làm người! Cái chính cuối cùng rồi là chính sự có mặt, là sự lên tiếng, thay vì chỉ là những lý luận siêu hình suông, những định nghĩa phi lý cuối đường lý luận!

Cái luân lý làm khổ nhân vật tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền chính là ý thức hệ cộng sản, đã chối bỏ vì di cư vô Nam, nhưng cái luân lý đó đã xâm chiếm con người. Ý thức hệ đó đã đến làm rối loạn những người thanh niên như hắn trong *Khuôn Mặt*. Họ bị tố cáo là có tội, là không lương thiện, là khả nghi, không vô tội. Và họ trở thành tất cả vô nghĩa, vì lương thiện căn bản đã mất, con quỷ đã hiện ra nơi cửa thiên đàng chỉ cho họ thấy sự thật trơ trẽn của họ. Để thoát ra khỏi vòng vây ý thức hệ đó, họ đành phải tố giác bóng tối và gian xảo. Thế giới bây giờ hiện ra như dở dang, cần hoàn thiện và con người trở về với một thức tỉnh nguyên ủy lên án tất cả mọi ý thức hệ làm vong thân hóa con người, mọi sức mạnh đã cáo buộc con người vô cớ! Như Thanh trong *Khuôn Mặt*. Như người con trai nhỏ tuổi hơn nàng thô bạo góp phần đưa đến cái chết cho nàng. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền ngừng ở đó, ở ý chí và sự tố cáo, vì phần lớn họ chấp nhận cuộc đời sau một hành trình gian nan và có khi cô đơn. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền gần với nhân vật của Nguyễn Đình Toàn, ý thức chín, tự tin, nhưng ưng thuận chứ không nổi loạn bi quẫn như nhân vật Dương Nghiễm Mậu. Dĩ nhiên sau một hành trình ý thức gai góc, đi tìm để trả lại ý nghĩa nguyên thủy bất động cho sự vật. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền tự đảm nhận cái hiện sinh của mình: "Tôi" trong *Cuối Đường* đã mắng nhiếc Tuấn bất nhân khi bỏ mặc gia đình túng thiếu để chạy theo những cao vọng lý tưởng cho mai sau.

Dọc Đường

Một buổi chiều cuộc chiến, nơi một vùng đất đỏ vườn cao su. Có những người dân sống hiền lành thanh thản và một người thanh niên từ xa đến nói là để tìm người thân. Đêm đã ập xuống, tiếng trực thăng đến gần, thả đạn, và hắn vẫn chưa xin được chỗ trú. *Dọc Đường* là những cảnh cuộc đời nhỏ, ô trọc, những mảnh đời thường nhưng đầy hoài nghi và bất trắc, và một cuộc kiếm tìm gần như phi lý, từ xa đến, không biết thuộc phe nào, mưu đồ gì,

người thân hình như ở đó và không một chuẩn bị cho đêm. Một kẻ lữ hành đúng nghĩa, một gói bọc giấy dầu làm hành trang vô vọng, lỡ độ đường, bị chối từ. Bơ vơ dọc đường, nhìn vào những mái nhà ánh đèn có leo lét nhưng chắc ấm cúng hơn, "người" hơn. Hắn có thể là bất cứ người nào, bơ vơ, lạc lõng trước và trong cuộc chiến. Cuộc chiến tranh khiến con người dù vốn chân chất nhất cũng mất hết tâm hồn, lòng thương người.

Con đường thẳng, không điểm tận, bao kẻ lữ hành vẫn chưa đi được hết. Hoặc bất cứ đâu cứ nghĩ chân là điểm đến. Hãy tưởng tượng những con đường như thế trên mặt đất, với những kẻ lữ hành hay lang thang, hành hương hoặc cố lết trên đó. Và những hội ngộ bất ngờ, những tai nạn và rủi ro, như những con số. Nơi hội tụ là một quán nhỏ bên đường, thường được xem là nơi nghỉ chân, trú ẩn, nhưng khi màn đêm buông xuống thì quán "phải" trở lại vắng lặng, không thể chứa tạm cả kẻ lỡ độ đường. Nơi đó có ba gã đàn ông đánh cá nhau về những chiếc xe trên quốc lộ, họ làm chứng nhân cho những cuộc lữ hành, những người đi làm lịch sử, có thể chính họ làm lịch sử - nhưng với những con số và may rủi. Nhưng người đàn ông không tên ấy biết đến đó làm gì, để gặp thằng em, người thân, tình thân gia đình, cứ xem như là cứu cánh cuộc đi, nhưng gặp thằng em để làm gì thì hình như không ai biết, mà biết để làm gì. Đấy là nội dung truyện ngắn dùng làm tựa tập truyện, cũng là truyện tiêu biểu về bút pháp và nội dung - từng chi tiết và đối thoại đều có ý nghĩa đúng chỗ của chúng.

Những truyện còn lại là những mảnh rời về con người và cuộc sống. Tư là chuyện cô gái làng chơi trẻ, không đẹp nhưng có lúc biết buồn và biết yêu, bất chợt (Tư thấy yêu đương bồng bột, tr.20) một chàng tên Phương, rời cô nhưng bỏ lại cái ví, vật trở thành kỷ niệm cho Tư ("*...từ bây giờ Tư đã có kỷ niệm. Tư đã có dĩ vãng để mỗi lần muốn nhớ, Tư có thể gợi ra được*" tr.25). *Người Gác Cổng* thì thua bạc, rình xem một cặp trẻ tình tự, cho họ thuê phòng và nửa đêm lão Chà nổi cơn tán tỉnh cô gái, và bị gã tình nhân dùng thanh sắt đập ngất đi. *Trên Mây* kể chuyện giới vũ nữ và một phi công tên Hội và *Chim Cú* là chuyện một cô gái tên Huệ trong một xóm lao động.

Tiếng Động (1970)

Được tác giả ghi là truyện tình chỉ gồm hai chương. Truyện mang hình thức trích đoạn của một tập nhật ký và vài lá thư tình lãng mạn. Nhân vật rất thu gọn, chỉ có một nhân vật xưng Tôi và một vài bóng dáng gặp gỡ trong cuộc sống cùng mẹ con hàng xóm nhìn qua khe vách. Một loại Cuồng nhân

nhật ký của Lỗ Tấn hay Gogol. Hiện đại hơn dĩ nhiên với quan niệm khắc kỷ kiêu căng (narcissism) kiểu??? "*Tôi mắc chứng tật nguy hiểm*" (tr.58). Một con người cuồng, tự thỏa mãn về nếp sống vật chất cũng như tình dục, chỉ hài lòng với những khuôn mặt đã quen và với những tiếng động thân thuộc khu xóm. *"...Anh bỗng nghĩ đến nếu một buổI nào anh giật mình thức giấc và quanh anh lặng lờ tuyệt tích mọi tiếng động, anh sẽ kinh hãi đến chừng nào. (...) Anh hiểu đời sống chính nằm trong sự khua động mỗi ngày, khua động không ngừng nghỉ cùng với người và vật ở quanh mình* " (tr.132-133). Người sống trong vỏ ốc thường ham triết lý suy tư! Ngoài thế giới của hắn, hắn không cần ai khác, hắn "mất tích" đối với mọi người và mọi người cũng "mất tích" đối với hắn!

Cát Lầy (1967)

Là đời sống và triết lý sống của một số thanh niên năng nổ lý luận muốn và phải làm cái gì có ý nghĩa cho cá nhân và tập thể, nhưng sống vào thời đảo chánh như cơm bữa ở miền Nam, họ đã đi từ thất vọng đến tuyệt vọng, cuối cùng là những cái tự chết phi lý như của Diệp, của Trí, nhân vật xưng Tôi, như những tình cờ dưng không xảy ra!

Một Chủ Nhật Khác (1975)

Có thể xem là tiểu thuyết cuối cùng của Thanh Tâm Tuyền đã được xuất bản. Nhân vật trí thức hoặc du học ở Pháp về, nhập ngũ sống đời chiến tranh. Kiệt sống bất thường, ngoại tình như điều nên làm, có lúc tự nhận sa sút tinh thần (tr.17), sau rõ ra bị tâm thần, phải vào dưỡng trí viện. Nhân vật nữ tên Ly thì bị bệnh ám ảnh (schizophrénie), có những cơn hôn ám mê cuồng, nhưng sống buông thả khi khác! Những Kiệt, Thùy, Duy, Nghiêm, Ly, Hiền, Oanh... những con người Việt Nam sống trong âm nhạc cổ điển Tây phương và phim ảnh Âu Mỹ! Và họ đã gặp nhau vào một ngày Chủ Nhật có thể có thật, khoảng sau những trận chiến khốc liệt của mùa Hè 1972! Kiệt là người đã nghĩ rằng *"con người ta cũng chỉ là loài thú quen sống bầy. Chàng rời chốn ẩn núp lẻ loi đi tìm đồng loại để được che chở an toàn..."* (tr.22), nhưng chính chàng lúc bệnh điên trở nặng đi lang thang trong rừng để bị đồng ngũ bắn chết, một cái chết nhiều câu hỏi nhưng không trả lời!

Ba Chị Em

Gồm ba vở kịch, hai vở kia là *Bão Rớt* và *Cửa Đêm*. Thu, Nguyệt và

Hương, ba chị em mà như ba kẻ lạ với nhau, trong tương quan với người mẹ. Liên hệ và tình cảm mỗi người con là một thế giới riêng, nhiều khúc mắc. Hương thương tất cả người thân nhưng "*chưa bao giờ con dám thương con cả. (...) Tôi không dám thương tôi, không dám nghĩ đến tôi và tôi đau khổ. (...) Tôi không được quyền sống với chính tôi, người ta nghĩ về tôi thế nào thì tôi phải sống như như thế sao?*" (tr.12). Hương, "*đứa con gái hiền lành ngoan ngoãn luôn luôn nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác đã ngoại tình. Vì tôi muốn người ta không thể bắt tôi sống theo ý nghĩ cố định của người ta, dù phải giá đắt, cái chết, tôi vẫn làm*" (tr.13). Thu xưng tôi với mẹ và khinh thường mẹ đã không là người đàn bà chung tình. "*Tôi là con mẹ, tôi thương mẹ nhưng nhất định phải khác mẹ. Tình yêu bất lực gây ra thù hằn và trong thâm tâm càng thương nhau đau đớn*" (tr.15). "*Người đàn bà phải chung thủy với một người. Tôi đã chọn làm người để chung thủy, lỗi ở tôi, tôi gánh chịu nhưng tôi không phản bội chân lý tôi tìm thấy*" (tr.16). Nguyệt bỏ nhà ra đi khi 18 tuổi và trở về với tên Cẩm Vân. Nhưng cả đều rơi vào tay một tên đàn ông mà không biết, chồng Thu, người chị cả, tình nhân của Hương cô gái út và là người đã quỳ xuống chân Nguyệt "*...nếu không yêu anh thì em hãy giết anh để anh được chết trong tay em*" mà nàng vẫn xem như "*một bài đờm*" (tr.20). Doãn Quốc Sỹ, Trần Lê Nguyễn, Thanh Tâm Tuyền, là thời của những lý tưởng chính trị, nhắm hành động, dấn thân. Họ đóng vai chính trong vở kịch, diễn lại phần nào đời họ qua văn chương, phần tinh yếu nhất, chôn kín nhất. Vở kịch *Ba Chị Em* của Thanh Tâm Tuyền cũng là bi đát của thế hệ ông, những nghịch cảnh ở buổi giao thời kháng chiến, đi ở, bắc nam, vùng kháng chiến vùng tề... *Ba Chị Em* kịch độc thoại hay kịch về con người thời đại cô đơn mất niềm tin nơi tha nhân, kể cả người thân và người yêu, mất cả tự tin. Nhân vật như quen thuộc nhau, nhưng vẫn đóng kịch, đối thoại của họ như căn cứ trên cái gì đó như có đó. Người vắng mặt... Không ngạc nhiên trước những tiết lộ tưởng là bất ngờ!

*

Thanh Tâm Tuyền khởi đầu sự nghiệp viết văn khi ông di cư vào Nam. Một thanh niên nơi vùng đất mới, xa quê hương và người thân, bạn bè. Mất hết. Những nan đề tại sao và tại sao. Bị cú bất ngờ, phải lựa chọn sự sống còn. Ở bước khởi hành, họ đã bị cáo. Như lời ông viết trong Tựa tập *Bếp Lửa*: "*Hắn lớn lên cùng bè bạn, vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lăn mình theo mối cám dỗ lớn lao của hư vô...*" vì họ đã "*tìm thấy cuộc hiện sinh tự do và lựa chọn*" với Sartre. Và ông đã lựa chọn làm nhà văn vì "*mỗi nhà văn chính là một kẻ sống sót*" khơi

từ "*Cái chết lựa chọn không bao giờ phi lý, nó sẽ làm nảy sinh sự thật, sự thật của những người chết truyền lưu cho kẻ sống sót*" (*Bếp Lửa*, tr.VII).

Cái chủ đề của Thanh Tâm Tuyền là nói lên sự vô nghĩa nguyên ủy của sự vật. Để đạt mục đích đó, ông dùng ngôn ngữ để phá hủy ngôn ngữ: trong các tiểu thuyết và truyện ngắn, nhân vật của ông phó mặc cho dòng đời trôi, sự việc qua, có khi họ không tin đã thấy sự việc sự vật, như Nghệ trong *Khuôn Mặt* chứng kiến một người đàn bà thò tay lấy bút máy trước mặt nhiều người trên xe buýt, anh tự nhủ "*chỉ thấy những bóng ma*". Như Meursault xa lạ đến quái đản thì nhân vật của Thanh Tâm Tuyền tuyệt đối sống ngoài ngôn ngữ của con người. Thanh Tâm Tuyền cũng là người dẫn đầu với thơ tự do, đưa đến khủng hoảng của ngôn ngữ, thơ tự do đã là một công trình phá vỡ ngôn ngữ và văn hóa!

Con người chạy theo hạnh phúc nhưng trước hết phải đảm nhận trách nhiệm đối với chính bản thân, tự do hay dân chủ chỉ có khi mỗi cá thể tự đảm nhận và tôn trọng tha nhân, phải sống đầy đủ và trọn vẹn cái hiện sinh của mình.

- Thanh Tâm Tuyền có cái nhìn lạnh lùng, thản nhiên có thể vì thiếu tự tin thật sự dù đã tỏ ra dứt khoát và tự tin. Trong những truyện như *Thềm Sương Mù* đăng trên *Sáng Tạo* số 4 (b.m. 10-1960) nhưng sau không thấy in lại, cho thấy một thái độ coi thường những căn bản luân lý cũ, một biểu lộ tình dục bất thường!

- Thanh Tâm Tuyền tỏ ra dứt khoát trong sự lựa chọn bó buộc một bên là ý thức hệ cộng sản, một bên là tự do dân chủ. Con người tự do, tự tin, không nhìn lại quá khứ, chối bỏ đàn anh. Cộng sản là ý thức hệ có hấp lực vào thời đó, thuyết hiện sinh cũng phát xuất từ một gốc nhưng không đủ hấp lực bằng, có thể vì không viễn tượng và chương trình! Trong *Khuôn Mặt* đầy những suy nghĩ của người trẻ tuổi trước lịch sử và đất nước. Đề tài Hà Nội thời tạm chiếm và những thanh niên trước ngã ba đường (*Bếp Lửa* và những truyện *Đại Lộ*, *Isabelle* trong *Khuôn Mặt*).

- Không thiếu thốn vật chất, nhưng tinh thần trống rỗng, những giấc mơ Hà Nội đổ vỡ, vắng thiếu ý nghĩa cuộc sống và hành động. Nhân vật trong thế giới tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền tự kỷ, ái kỷ đôi khi đến bệnh hoạn, muốn phá hủy tha nhân, trở nên nguy hiểm vì chúng biết hóa trang, ngụy tạo! Bên cạnh có nhân vật đã dám chân thực, dù bị cáo buộc. Chân thực để tìm lại cái vô tội nguyên ủy, cái vô nhiễm nguyên sơ, thời mà ngôn ngữ chỉ là xáo, không cần thiết. Yên lặng nguyên ủy. Không lý trí, không ý thức hệ cũng không tư duy. Không cần cả có bị lịch sử đè bẹp

hay vượt qua! Nhị nguyên xuất hiện và thế bí đến với con người. Nơi nào có lý và ngôn ngữ thì không thể có thực thể và phi lý, phải là con người lịch sử thì phải bỏ rơi con người muôn thuở! Thành ra đa phần con người sống theo lý và lịch sử, muốn yên, đã phải "nín thở qua sông", giả tự nhiên và giả lương thiện - do đó đã phải xa vườn địa đàng, như Hòa trong *Bếp Lửa*, Quang trong *Cuối Đường* (*Khuôn Mặt*). Thanh Tâm Tuyền qua *Bếp Lửa* và *Khuôn Mặt* đã chấp nhận làm một con người gãy đổ, sống với chân thật, kể cả tự vạch mặt!

Cái xấu cũng là cái dễ yêu, như trong cuộc đời đầy buồn nôn không có gì là lạ, là phải bất ngờ. Hắn gần người con gái đêm trước phấn sáp làm cho dung nhan tạm được, và cũng hắn sáng hôm sau tinh táo hơn nhưng nghiêm chỉnh hơn, hắn nhận ra cái hắn ưa, cái xấu của người con gái: "... *ánh nắng lộ liễu của nửa sáng chiếu vào phòng đã phô ra trước mắt tôi một con người khác đêm trước. Tôi hơi ngạc nhiên nhưng không thất vọng. Cái mặt rỗ của Hợi làm xấu hắn đi nhưng tôi ưa cái xấu đó, cái xấu làm cho người ta trở nên tầm thường hèn mọn và dễ yêu hơn*" (BSNBB, tr.92). Cái phải-dễ-yêu giữa những người thân, như một tất nhiên!

Thanh Tâm Tuyền đã chứng tỏ tài đi sâu vào tâm trạng nhân vật, cả con người nói chung, có khi cầu kỳ khó hiểu. Nhân vật trong tiểu thuyết của ông luôn lạc loài, cô độc, đầy hoài nghi tư duy và tiêu cực hành động. Ngay từ *Bếp Lửa*, nhân vật đã già sớm thường trực ước mơ hành động. "*Hắn lìa bỏ quê hương, chia tay với bè bạn, dấn mình vào lịch sử, đuổi theo giấc phiêu lưu của trí tuệ...*" (tr.11). Nhân vật của ông đã đem cái hoài nghi và niềm tin gãy đổ của con người Hà Nội thời kháng Pháp cuối vào miền đất mới Sài Gòn, xuống Vũng Tàu, lên Đà Lạt, qua Thủ Dầu Một... mất niềm tin nhưng cao ngạo và rơi vào bi đát của ám ảnh bệnh hoạn ở những tập tiểu thuyết cuối. Từ làm dáng trí thức đi đến bi quan trước thực tế cuộc đời, nhưng Thanh Tâm Tuyền luôn có ý muốn lột trần lịch sử và thực chất con người qua thế giới nhân vật riêng của ông. Về thơ, dù không là người khởi xướng và không thành công về thơ, nhưng ông đã đẩy thơ tự do tiến bước. Thanh Tâm Tuyền đã để lại cho văn học thời 1954-75 những tập tiểu thuyết với những nhân vật tiêu biểu thời đại.

Nguyễn Vy Khanh

Các trích dẫn từ các ấn bản Sài Gòn: *Bếp Lửa* (Sáng Tạo tb, 1965), *Khuôn Mặt* (Sáng Tạo, 1964), *Dọc Đường* (Sáng Tạo, 1966), *Cát Lầy* (Giao Điểm, 1967), *Tiếng Động* (Hiện Đại, 1970), *Mù Khơi* (Kẻ Sĩ, 1970); và một ấn bản California: *Một Chủ Nhật Khác* (Culver City, CA: Văn, 1983).

VÕ KỲ ĐIỀN

thanh tâm tuyền, tỉnh bình dương và ngày tháng dạy học

Bất ngờ tôi được tin buồn thi sĩ Thanh Tâm Tuyền vừa từ trần lúc 11 giờ 30 sáng ngày 22 tháng Ba năm 2006 vì bị ung thư phổi, tại tiểu bang Minnesota. Thời gian vừa qua một bạn thân, anh Nguyễn Hữu Chung (Montréal) cũng mất vì chứng bịnh nầy, mặc dù anh không bao giờ hút thuốc và rất kỵ những người hút thuốc ở gần. Hai người tôi quí mến, một là thầy, một là bạn cùng mất vì một chứng bịnh, nhưng với thầy Thanh Tâm Tuyền, thì tôi không ngạc nhiên bởi vì thi sĩ có thói quen hút thuốc lá loại nặng và thường xuyên từ lúc còn trẻ, dù vậy vẫn khiến tôi xúc động.

Thanh Tâm Tuyền được coi như là người khởi đầu cho thơ tự do, để lại nhiều dấu ấn trong dòng sinh hoạt văn học miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Thơ lẫn văn của ông lạ kỳ, bí hiểm, khó hiểu, đặc biệt được viết bằng một bút pháp mạnh mẽ, lạ lùng, ngang tàng. Thơ thì không phải thơ (thường), văn thì không phải văn (thường), không được phổ biến rộng rãi, độc giả phải thuộc giới kén chọn. Tập thơ đầu tay *Tôi Không Còn Cô Độc* của thi sĩ nổi tiếng như vậy mà phải bị nằm ngoài lề đường dầm mưa dãi nắng, để bán với giá rẻ 5 đồng bạc... mà cũng ít người mua. Thời đó Văn Nghệ Tiền Phong với loạt bài châm biếm, gọi đó là lối thơ hũ nút với hình vẽ thi sĩ với mái tóc hớt cua, trêu chọc...

Một hiện tượng nghịch lý kỳ lạ là với lối viết khó hiểu nhưng đa số văn nghệ sĩ, những người sinh hoạt trong giới văn học nghệ thuật đều công nhận Thanh Tâm Tuyền là người có tài năng thực sự, một bản lãnh thực sự và là một cây bút lãnh đạo hàng đầu của nền Văn Học Việt Nam Cộng Hòa. Ông viết tương đối không nhiều (ba tập thơ và bảy tập truyện) nhưng

ảnh hưởng của ông cực kỳ sâu sắc và lâu bền. Theo tác giả Trần Khải của *Việt Báo* thì chính những dòng chữ của Thanh Tâm Tuyền đã thúc đẩy hay xô tới để văn học Việt Nam thêm một đà phóng tới.... Thanh Tâm Tuyền đã viết những dòng chữ lạ thường giữa một thời đại cũng hết sức lạ thường của dân tộc Việt Nam.

Ngay sau khi thi sĩ nằm xuống, nhiều nơi ở hải ngoại, những người sinh hoạt trong giới văn học nghệ thuật đã trân trọng làm lễ tưởng niệm nhà thơ như là một cảm mến, thương nhớ, cám ơn và từ biệt. Thanh Tâm Tuyền được coi như là nhà thơ, nhà văn, người lính, người tù cải tạo...

Nhưng đối với riêng tôi, mãi mãi, Thanh Tâm Tuyền là một thầy giáo đức hạnh, được học trò hâm mộ, thương yêu và kính mến. Thầy cực kỳ thông minh, nhiều tài năng, kiến thức sâu rộng, tận tụy, tư cách xứng đáng và nhứt là người thầy nhiều tình cảm thương mến học trò... Tôi xin trích dẫn một đoạn văn ngắn đã viết từ lâu (1985) để nhớ tới người Thầy cũ, đồng thời cũng đăng một bức thư của Thầy viết riêng cho tôi (1992), nhắc lại những ngày dạy học ở trường Nguyễn Trãi (Bình Dương) như là một kỷ niệm quí báu, để chúng ta cùng thấy được tấm lòng thương mến học trò của thầy.

(trích một đoạn trong lời tựa tập truyện KẺ ĐƯA ĐƯỜNG của Võ Kỳ Điền, viết mùa Giáng Sinh 1985)

...Lúc còn nhỏ bắt đầu lên trung học, tôi vẫn còn phải theo học một trường tư thục nhỏ bé ở tỉnh nhà. Ba má tôi vì thương con nên không muốn cho anh em tụi tôi đi học ở Sài Gòn. Tuy Sài Gòn chỉ cách Bình Dương vỏn vẹn có ba mươi cây số. Đến bây giờ, nhiều khi hồi tưởng lại không biết đó là rủi hay may.

Thời đó (1952-1956...) Bình Dương chưa có trung học công lập. Trường Nguyễn Trãi là trung học tư thục duy nhứt. Ông hiệu trưởng cùng các giáo sư đa số là người địa phương. Như thầy Châu, chủ một sạp bán tạp hóa ở nhà lồng chợ, thầy Hoàng chủ nhà máy xay lúa, thầy Phổ thì làm việc ở tiểu khu chuyên thông dịch cho quân đội Pháp. Giữa năm đệ nhứt niên, trường có mời một giáo sư Sử Địa mới. Cả lớp xôn xao bàn tán vì thầy Ngô Đình Hộ là nhạc sĩ Lê Thương. Rồi vài tháng sau trường có thêm thầy Phạm Duy Nhượng. Tụi học trò lại có dịp điều tra lý lịch. Ông Nhượng là em ruột thạc sĩ Phạm Duy Khiêm và là anh của nhạc sĩ Phạm Duy.

Lúc đó tôi cảm thấy cả cái xứ Việt Nam nầy chỉ có trường tôi là hạng nhứt. Làm sao các trường khác, dầu là các trường lớn ở Sài Gòn có được những vị giáo sư giỏi giắn như vậy. Vào những dịp nghỉ hè hoặc lễ tất niên,

nhìn thầy Nhượng, người ốm ốm, cao cao, vóc dáng thanh tú, ôm đàn lục huyền, búng các ngón tay thon dài vào sáu dây thánh thót, tôi nhìn say mê ngây ngất. Tự dưng tôi muốn học đờn để thành nhạc sĩ. Nhưng đến năm sau, rồi năm sau nữa, trường có thêm các giáo sư ngoài Bắc mới di cư vô. Thầy Lê Xuân Khoa hết sức đẹp trai, nói năng thiệt duyên dáng, cả lớp như bị thôi miên. Thầy Ngọc Dũng dạy vẽ, thường mặc áo xăn tay, giọng nói hơi cà lăm.

Nhưng người mà chúng tôi chú ý, bàn tán nhiều nhứt là thầy Dư Văn Tâm, có bút hiệu Thanh Tâm Tuyền. Thầy Tuyền người tầm thước, lưng hơi khòm, da đen ngâm ngâm, mặt to vuông, cằm bạnh, miệng kín mà rộng, da mặt đầy mụn. Đặc biệt tóc hớt ngắn, thật sát như ở quân trường giống hình móng ngựa. Bàn tay mềm và đẹp với các ngón đều đặn hình mũi viết. Quyển *Bếp Lửa* rồi tới tập thơ *Tôi Không Còn Cô Độc* được lần lượt xuất bản. Vừa tung ra thị trường nó gặp nhiều phản ứng, chống đối kịch liệt. Càng bị đả kích, tên tuổi Thanh Tâm Tuyền càng sáng chói. Thầy giảng bài say mê. Nhiều khi đã hết giờ, thầy vẫn còn nán lại, chưa muốn chấm dứt bài giảng. Nhờ thầy Tuyền mà tôi biết mê cái thế giới văn chương với những nhận xét, độc đáo, kỳ lạ. Nhìn chung thì thầy Tuyền hơi xấu trai. Nhưng điều đó có gì quan trọng. Những lúc thầy giảng bài, cả lớp ở dưới trông lên không nháy mắt. Tôi nhìn bằng cả một cõi lòng say mê, kính phục. Càng ngắm, tôi càng thấy thầy đẹp trai hẳn ra. Cái tóc cũng đẹp, cái miệng thật có duyên, cái lưng khòm khòm, nghệ sĩ hết chỗ nói.

Mà đâu phải chỉ có mình tôi thấy như vậy. Hình như các chị ở trong trường, ai cũng đều ái mộ thầy hết. Người nào cũng kè kè cuốn *Tôi Không Còn Cô Độc* trong cặp sách. Lúc nầy tôi thôi muốn làm nhạc sĩ mà lại ước ao mai sau vừa được làm thầy giáo, vừa viết văn làm thơ.

Mười năm sau trở về trường cũ, nhìn cái sân lởm chởm đá đỏ, cái vườn có cây cau cây dừa, có con rạch cùng cạn nước, tôi bước vào lớp, đứng trên bục giảng ngày xưa, bùi ngùi nhớ lại giấc mơ thời mới lớn. Tôi, tài hèn sức mọn, chỉ thực hiện được có phân nửa điều mình ước ao. Cố gắng hết sức chỉ làm được tới thầy giáo. Một thầy giáo ở tỉnh nhỏ, tầm thường, an phận, không dám mơ ước điều gì cao xa. Đôi khi nổi hứng làm thử vài bài thơ, viết một hai truyện ngắn. Hôm sau, đọc lại thấy hơi kỳ cục, không dám gởi cho các báo. Đường vào làng văn khó hơn đường vô xứ Thục. Thôi, không thèm nghĩ đến, văn nghiệp chỉ dành riêng cho người có duyên. Mãi như vậy mà tôi lui cui đi dạy học cho tới ngày mất nước.

...

THƯ CỦA THI SĨ THANH TÂM TUYỀN GỞI NGƯỜI HỌC TRÒ CŨ

St-Paul 18-1-92 Anh Võ Kỳ Điền,

Thư và sách anh gửi tặng đã đưa tôi trở lại Thủ Dầu Một, nhắc lại cho tôi những mảnh tình bị bỏ lạc đâu đó bằng cái ký ức bị nhồi nhét chật chội xô bồ. Tôi đã mất cả một ngày mới nhớ ra tên cụ Pháp, người đã xuống tận nhà tôi để đón mời tôi lên dạy vào mỗi cuối tuần (chiều Thứ Sáu, sáng Thứ Bảy?), giúp cho tôi có quyết định dứt khoát; bỏ trường công ra dạy trường tư - mặc dầu phải đi xa hơn. Tôi nhớ bấy giờ tôi vừa được gọi cho vào dạy tại trường Nguyễn Trãi (Sài Gòn) được nửa tháng và tôi đã trốn không tham dự việc phải hướng dẫn học sinh tham dự cuộc biểu tình trong ngày tuyên bố "Hiến Ước Tạm Thời" của ông Ngô Đình Diệm sau khi đã truất phế ông Bảo Đại (ngày 23-10-1955) .

Lúc bấy giờ trường Nguyễn Trãi (Thủ Dầu Một) chưa xây cất thêm, lớp đệ tam có khoảng hơn 10 học sinh đặt trong ngăn phía sau ngôi nhà chính - mái ngói, sàn gạch tàu, vách ván; chỗ ở của ông bà cụ Pháp và hai cô cháu gái mồ côi (?) - còn hai lớp đệ tứ, đệ ngũ đông hơn chiếm hai phòng lớn trong nếp nhà gạch cất kế sát bên trái nhà chính gồm ba phòng (phòng nhỏ ở đầu dãy dùng làm văn phòng). Giờ nghỉ các giáo sư thường ngồi ở bộ "sa lông" mộc kê ở gian giữa nhà chính trước trang thờ cao rộng trông ra khoảng sân trước nơi học sinh qua lại để đến lớp, hai gian bên kê mấy bộ ngựa rộng mát nơi nghỉ ngơi buổi tối của các giáo sư ở Sài Gòn - Lái Thiêu lên.

Ở đây tôi gặp thầy Nhượng, thầy Lân, thầy Hoanh, thầy Thành, thầy Châu. Bà cụ Pháp nấu cơm cho chúng tôi ăn - tôi và thầy Lân (cùng ở Gia Định với tôi), thầy Hoanh (ở Lái Thiêu, tôi đã một lần vào thăm nhà thầy ở đấy), thầy Thành (cũng dạy chung với tôi ở Nguyễn Bá Tòng, Sài Gòn) - để chúng tôi đỡ mất công ra chợ. Tôi cũng nhớ lại những buổi tối ở lại đấy, cụ Pháp đưa tôi đi dạo chơi quanh phố chợ hoặc ghé chơi nhà thầy Châu, thầy Nhượng, - nhà thầy Nhượng ở trên lầu của một tiệm nước trông sang nhà lồng chợ.

Tôi rất thích con đường bờ sông vắng vẻ với bên một là khu tòa tỉnh cây cối um tùm, một bên là mặt nước trải phẳng, xa xôi và hiền lành; ngồi ở ngôi nhà thủy tạ bên bờ sông có thể trông xa tới tận ngôi trường Công Binh nằm phía bên kia cây cầu xi măng ngắn nơi ngăn cách con đường

tráng nhựa của thị xã và con đường đất bụi của vùng ngoại vi. Nhiều buổi tối, tuy là còn sớm, nhưng cái bầu không khí u tịch của vườn tược, mương lạch bao quanh nhà làm ra như đã muộn khuya, bà cụ Pháp ngồi trên một bộ ngựa - luôn luôn là bộ ngựa bên gian phải - bỏm bẻm ăn trầu và trò chuyện với tôi một lúc, trước khi rút vào trong để nghe lén đài Hà Nội - đó là cách bà cụ tìm gặp mấy người con xa vắng... Còn tôi nằm trên bộ ngựa kê phía ngoài gian trái những lúc ấy tôi lắng nghe gì thì đến nay quả thật tôi mù tịt...

Đầu những năm 70 khi tránh Sài Gòn xin đổi lên Đà Lạt, làm việc tại trường Võ Bị, tôi có nhận được một xấp giấy quay ronéo thông báo về việc thành lập hội ái hữu cựu học sinh Nguyễn Trãi (Bình Dương), trong ấy thấy có tên mình được ghi vào ban Cố Vấn của hội, tôi đã nói riêng với mình: A, thế nầy là khi "hồi hưu" mình có chốn để trở về đây. Thủ Dầu Một cũng có một vài chỗ hao hao giống như Đà Lạt - như chỗ trước nhà thờ chẳng hạn - tôi thích gọi tên Thủ Dầu Một hơn là Bình Dương (có lẽ vì Bình Dương bị gắn liền với "Người Đẹp Bình Dương" và "Người Đẹp Bình Dương" thì bị gắn liền với cô T.T. Hằng). Bây giờ cái giấc mộng nhỏ nhoi, gần gũi ngày nào đã trở nên cái gì thật là xa vời, cách trở. Cho cả tôi lẫn anh: chúng ta đang được ướp trong tuyết giá, đang là những con người tuyết - nói ngoa hơn là những xác ướp. Có phải thế không?

Lúc ra đến Lào Kay, tôi có gặp được anh Võ Tấn Vinh. Anh nhìn ra tôi, chứ tôi không thể nhìn ra anh. Bởi ở hai khu cách biệt, chúng tôi chỉ gặp nhau được đôi ba lần, nói với nhau vài câu ngắn ngủi, không có dịp nào trò chuyện. Xuống đến Vĩnh Phú, tôi cũng có gặp được anh Nguyễn Văn Chi (trí nhớ tôi giờ quá tệ, mấy ngày nay rồi mà lục tìm không ra tên) học cùng lớp với Charles Boyer, quê anh ở Bù Đốp, lúc học ở Nguyễn Trãi anh ấy phải xuống ở nhờ trong chùa, anh đã ở cùng, ăn cùng với tôi suốt cả năm trước khi tôi được thả (anh về sau tôi khoảng hơn một năm). Lúc làm thủ tục để rời Sài Gòn, tôi có gặp anh Nguyễn Thành Nhơn, cùng lớp với anh Vinh. Chúng tôi cùng bị khám lại phổi, tôi may mắn không bị bắt uống thuốc, còn anh Nhơn phải uống thuốc trong ba tháng: tội nghiệp cho anh, nghèo, nhà ở tận Biên Hòa, mỗi ngày phải đi xe đò xuống Sài Gòn rồi vào Chợ Lớn để lãnh thuốc uống tại chỗ. Tôi không hiểu anh Vinh, anh Nhơn đã sang được chưa. Anh có liên lạc với các anh đó không?

Tôi thật không ngờ đã viết nổi một bức thư dài đến chừng nầy. Từ ngày sang đây, tôi thật ngại cầm đến bút, kể cả khi cần viết thư về nhà. Điều nầy chứng tỏ, ít nhứt riêng với tôi, quyển sách anh viết đã thành công. "Chữ

đã đẻ ra chữ", nó đã không đẻ ra được cơm gạo cho người ta qua cơn đói lòng nhưng nó cũng không đẻ ra những phù chú, pháp thuật nhằm "mà" mắt người hòng thủ lợi. (ở đây cũng như ở kia) Người ta đã không thể "nhá chữ" mà sống thì người ta cũng không thể "nuốt chữ" để say sưa quên đời và chết một cách ngu xuẩn. Chữ chỉ dùng để đọc thôi.

Chúc anh luôn mạnh khỏe, vui vẻ, luôn có hứng thú tuôn thành chữ để cho những ai thích đọc anh, được đọc chữ nghĩa của riêng anh.

Thân,

Tâm

Ghi chú của Võ Kỳ Điền:

Vừa mới di cư vào, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, cùng với họa sĩ Ngọc Dũng dạy học ở tư thục Nguyễn Trãi (Bình Dương). Trường được xây cất trong một khu vườn đầy cây trái cách chợ Bình Dương chừng vài trăm thước.

- Khung cảnh nhà trường nầy thường được mô tả tỉ mỉ trong quyển *Cát Lầy* và trong các truyện ngắn đăng trên *Sáng Tạo*. Chiều chiều, thầy Tuyền thường mặc bộ đồ bà ba trắng ngà mang guốc vông, cùng các giáo sư và ông hiệu trưởng Pháp (ông rất khó tánh nên học sinh đặt biệt danh là *ông già chuồng*) đi dạo mát dọc bờ sông và các con đường đẹp đẽ trong tỉnh lỵ. Thầy hút thuốc lá loại nặng liên tục, đến đỗi vàng ố cả ngón tay.

* Các giáo sư được nhắc trong thư là các thầy: Phạm Duy Nhượng, Cổ Thượng Lân, Phạm Văn Thành, Nguyễn Văn Hoanh, Nguyễn Ngọc Châu. Còn lại là tên những học sinh Đệ Tứ, Đệ Tam giỏi của những năm 1955, 1956, Thầy Thanh Tâm Tuyền phụ trách môn Quốc Văn. Sau năm 1975 thầy trò lại gặp gỡ nhau trong trại học tập cải tạo ở đất Bắc, sau khi miền Nam thua trận.

* Thầy Lê Thương vào Nam từ thập niên 40 nên giọng và tiếng nói mang nhiều nét đặc biệt của miền Nam là điều dễ hiểu. Thầy Thanh Tâm Tuyền chỉ mới di cư vào Nam năm 1954 và chừng năm ba tháng sau thầy dạy học ở Bình Dương, vậy mà thầy lại rất ưa dùng tiếng miền Nam một cách kỳ lạ (...bộ ngựa, như bộ mặt chầm dầm).

Trong bài "Bao giờ" có câu:

...vườn măng rừng tháng sáu đêm sâu,
muốn làm người học trò mười bảy tuổi,
đạp xe trên đường đồng...

Đó là vườn măng cụt ở Búng, cây măng cụt to và khi đi vào vườn có cảm giác như đêm sâu.

* Nhà văn Kiệt Tấn cho tôi biết Thanh Tâm Tuyền cưới vợ là người đẹp Bình Dương, ở miệt Búng, tôi chưa hề nghe ai nói về việc nầy. Tôi hoàn toàn không biết gì về Cô. Nếu thật Cô là người ở Búng thì thi sĩ Thanh Tâm Tuyền và đất Bình Dương quả thật có duyên nợ, ân tình.

Võ Kỳ Điền
(2 April 2006)

LƯU DIỆU VÂN

tuyết sài gòn

Những tấm hình trắng xám đen
tèm nhem vết thời gian cắn
dấu tuyết ăn
sài gòn từng có trận bão tuyết vượt biển
tốc lực cao độ tấn công giông tố
tuyết rơi rớt lả chả từ những con tàu chở hy vng ẩn số
trái đất là một băng tầng bằng phẳng
đi từ kết thúc sẽ về nơi khởi đầu lạ
tuyết sài gòn tỏa bốc mùi dầu lửa đốt cháy tiếng la thất thanh
thải khí chất sền sệt máu bàng hoàng lốm đốm mủ lo toan
ngàn ngàn da vàng khảo sát thế giới
bằng tấm vé vô khứ hồi
nhận chìm lập luận, tư duy hấp hối
lần đầu chết ngợp trong bối rối
những lần sau
chẳng còn gì để đớn đau
chẳng còn sức để bung mình dãy dụa dưới nhát chém lạnh tê liệt
tuyết hoen ố chân dung kiêu hãnh của nồng nàn năm xưa
tuyết làm sao xóa sạch hiện thân của tuyệt mỹ
chứng nhân của chua xót
em nhón gót
đan tay ôm chặt vai kỷ niệm
thổi tung mảng tuyết hoang mang phủ kín môi anh lạnh hơi bạc hà
nụ hôn thật thà made in vietnam

Lưu Diệu Vân
2.16.2006

TẠ QUỐC TUẤN

một bài trường hận ca mới

Cuộc tình lãng mạn có kết thúc bi thảm của vua Đường Huyền Tông Lý Long Cơ (713-756) và quí phi Dương Ngọc Hoàn trải qua năm tháng đã là đề tài của không ít tác phẩm văn chương Trung Quốc xưa cũng như nay.

Khoảng năm 806 Bạch Cư Dị (772-846) đã hiến cho đời một thi tác trường thiên vang danh thiên cổ, ***Trường Hận Ca***. Bài thơ này từ đó đã được truyền tụng chẳng những là ở Trung Quốc mà còn lan ra khắp những nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, trong đó có Việt Nam, cũng như ở nhiều nước Âu-Mỹ [1].

Hơn 11 thế kỷ sau, vào tháng Chín năm 1972, Lạc Phu (s.1928), một trong những nhà thơ tiền phong hiện đại của Đài Loan, cũng đã cho ra đời một bài trường thi tự sự khác nói về cuộc tình vương giả này mang cùng nhan đề ***Trường Hận Ca***. Bài ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu cũng đã được các nhà phê bình tán thưởng, nhất là về kỹ thuật, và, giống bài của Bạch Cư Dị, đã được dịch sang Anh ngữ[2].

Vì ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu có nhiều điểm khác với ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị nên trong bài này chúng tôi sẽ xét những đặc điểm của thi tác này song song với thi tác của Bạch Cư Dị.

I. Hình Thức Trình Bày Bài Thơ

Về phương diện hình thức, **Trường Hận Ca** của Bạch Cư Dị không chia đoạn và gồm 120 câu, mỗi câu 7 chữ, tổng cộng 840 chữ. Trái lại, **Trường Hận Ca** của Lạc Phu không có số chữ nhất định trong một câu và gồm 9 đoạn (đánh số từ 1 đến 9), tổng cộng 131 câu, 839 chữ, với câu ngắn nhất

gồm 1 chữ (4 câu) và câu dài nhất 18 chữ (1 câu). Ngoài ra, bài thơ có một vài điểm trình bày khác thường.

Bên dưới nhan đề, tác giả đã trích dẫn hai câu thơ của Ba-nhĩ-trát-khắc (tức Honoré de Balzac, 1799-1850) dịch sang Hoa ngữ:

Na tường vi, tựu tượng sở hữu đích tường vi,
Chi khai hữu nhất cá tảo thần.
(Tường vi đó, như mọi bông tường vi có chủ,
Chỉ nở có một buổi sáng sớm).

Các đoạn 1, 2, 3 và 8 không có gì khác thường. Đoạn 1 gồm 4 câu, tổng cộng 17 chữ; đoạn 2 gồm 25 câu, 135 chữ; đoạn 3 gồm 9 câu, 40 chữ; và đoạn 8 gồm 22 câu, 158 chữ.

Đoạn 4 gồm 7 câu, với câu 1 (18 chữ) và câu 7 (5 chữ) bình thường. Các câu 2, 3,4, 5, mỗi câu 2 chữ, nhưng các chữ này vừa được lập đi lập lại trong các câu, vừa được đặt ở cuối dòng. Câu 6 tuy cũng gồm 2 chữ, nhưng là 2 chữ khác và được đặt ở đầu dòng.

Đoạn 5 chia làm 3 phân đoạn không đánh số: phân đoạn thứ nhất gồm 7 câu, tổng cộng 31 chữ; phân đoạn thứ nhì 2 câu, 19 chữ; phân đoạn thứ ba 2 câu, 12 chữ.

Đoạn 6 chia làm 2 phân đoạn không đánh số: phân đoạn thứ nhất gồm 10 câu, tổng cộng 68 chữ; phân đoạn thứ hai 6 câu, 24 chữ.

Đoạn 7 chia làm 4 phân đoạn không đánh số. Phân đoạn thứ nhất (7 câu, 42 chữ) và thứ hai (8 câu, 46 chữ) bình thường. Phân đoạn thứ ba gồm một phần là tản văn (85 chữ) và một phần là thơ (3 câu, 22 chữ). Phân đoạn thứ tư làm theo thể thất tuyệt (tổng cộng 28 chữ) và được đặt ở cuối dòng.

Đoạn 9 chia làm 2 phân đoạn không đánh số, với phân đoạn thứ nhất gồm 13 câu, tổng cộng 68 chữ, và phân đoạn thứ hai chỉ có 1 câu 13 chữ thôi.

II. **Trường Hận Ca**

Dưới đây là nguyên văn bài thơ ***Trường hận Ca*** của Lạc Phu (các đoạn có đánh số được chép theo nguyên tác; còn các phân đoạn không đánh số thì dấu xxxxx được thêm vào để dễ phân biệt).

Na tường vi, tựu tượng sở hữu đích tường vi
Chi khai liễu nhất cá tảo thần
Ba-nhĩ-trát-khắc

1
Đường Huyền Tông
Tùng
Thủy thanh lý
Đề luyện xuất nhất lũ hắc phát đích ai động

2
Tha thị
Dương thị gia phổ trung
Phiên khai đệ nhất hiệt tiện ngưỡng tại na lý đích
Nhất phiến bạch nhục
Nhất chu kính tử lý đích tường vi
Thịnh khai tại khinh nhu đích phật thức trung
Sở vị thiên sinh lệ thuẫn
Nhất lạp
Hoa-thanh trì trung
Đẳng đãi song thủ bổng khởi đích
Bào mạt
Tiên nhạc xứ xứ
Ly cung trung
Tửu hương lưu tự thể hương
Chủy thần, mãnh tử hấp doãn chi hậu
Tựu thị thân ngâm
Nhi tượng nha sàng thượng thân triển đích chi thể
Thị sơn
Dã thị thủy
Nhất đạo hà thục thụy tại lánh nhất đạo hà trung
Địa tằng hạ đích kích lưu
Dũng hướng
Vạn lý giang sơn
Cập chí nhất chi bạch sắc ca dao
Phá thể nhi xuất

3
Tha cao cử trước na chích thiêu tiêu liễu đích thủ
Đại thanh khiếu hám:

Ngã tố ái
Nhân vị
Ngã yếu tố ái
Nhân vị
Ngã thị hoàng đế
Nhân vị
Ngã môn quán vu huyết nhục tương kiến

4

Tha khai thủy tại sàng thượng độc báo, ngật tảo điểm, khán sơ đầu, phê duyệt tấu chiết
Cái chương
Cái chương
Cái chương
Cái chương
Tùng thử
Quân vương bất tảo triều

5

Tha thị hoàng đế
Nhi chiến tranh
Thị nhất than
Bất luận chẩm ma sát dã sát bất điếu đích
Niêm dịch
Tại cấm bị trung
Sát phạt, tại viễn phương

xxxxx
Viễn phương, phong hỏa sà thăng thiên không á vu
Nhất oa khiếu nhân kinh tâm đích phát thức

xxxxx
Bề cổ, dĩ hỏa hồng đích thiệt đầu
Thi trước đại địa

6

Hà xuyên

Nhưng tại lưỡng cổ chi gian nhiên thiêu
Trượng
Bất năng bất đả
Chinh chiến quốc chi đại sự
Nương tử, phụ đạo nhân gia chi huyết chi năng
triều mỗ nhất phương hướng lưu
Vu kim lục quân bất phát
Bãi liễu bãi liễu, giá Mã-ngôi pha tiền
Tha tức thị na dương nhứ
Cao cử nễ dĩ quảng trường trung đích đại phong

xxxxx
Nhất đôi ngang quí đích phì liệu
Dinh dưỡng trước
Lánh nhất chu mai quế
Hoặc
Lịch sử trung
Lánh nhất chủng tuyệt chứng

7
Hận, đa bán tùng hỏa trung khai thủy
Nễ diêu vọng song ngoại
Tha đích đầu
Tùy phi điểu nhi bài động
Nhãn tinh, tùy lạc nhật biến sắc
Tha hô hoán đích na cá danh tự
Mai nhập liễu hồi thanh

xxxxx
Cánh tịch nhiễu thất nhi hành
Vị ương cung đích mỗi nhất phiến song khẩu
Tha đô trạm quá
Lãnh bạch đích thủ chi dịch trước đăng hoa
Khinh khái thanh trung
Cấm thành lý toàn bộ đích hải đường
Nhất dạ điêu thành
Thu phong

xxxxx

Tha bả tự kỳ đích hồ tu đả liễu nhất cá kết hựu nhất cá kết, giải khai tái giải khai, nhiên hậu phụ thủ đạc bộ, hài thanh, hài thanh, hài thanh, nhất đóa vãn hương ngọc tại liêm tử hậu diện bạo tạc, nhiên hậu thân trương thập chi trảo trụ nhất bộ "Thủy Kinh Chú", thủy thanh cốt cốt, tha cánh độc bất đống na điều hà vị thậm ma lưu kinh chưởng tâm thời thị anh khấp, nhi phi bào hao.

Tha phi y nhi khởi
Tha thiêu chước tự kỳ đích cơ phu
Tha tùng nhất khối hàn ngọc trung tinh lai

xxxxx

Thiên gian sương phòng thiên chúc nhiên
Lâu ngoại minh bạch chiếu vô miên
Tường thượng tẩu lai nhất nữ tử
Kiểm tại hư vô phiêu miểu gian

8

Đột nhiên gian
Tha phong cuồng địa sưu tầm na bả hắc phát
Nhi tha đệ quá khứ
Nhất lũ yên
Thị thủy, tất nhiên thăng vi vân
Thị nê thổ, tất nhiên thái thành tiêu khát đích tiên đài
Ẩn tại thụ diệp trung đích kiểm
Ti tịch dương cánh tuyệt vọng
Nhất đóa cúc hoa tại tha chủy biên
Nhất khẩu hắc tinh tại tha nhãn trung
Nhất trường chiến tranh tại tha thể nội
Nhất cá do vị nhưỡng thành đích tiểu tiểu phong bạo
Tại tha chưởng lý
Tha bất tái nha thống
Bất tái xuất
Đường triều đích ma chẩn
Tha dung nhập thủy trung đích kiểm thị
tương đối đích bạch dữ tuyệt đối đích hắc

Tha bất tái bổng trước nhất điệp diêm nhi đại hô cơ khát
Tha na yếu nhân sàm phù đích thủ
Chiên chiên địa
Chi trước
Nhất điều thông hướng Trường An đích thanh thạch lộ...

9
Thời gian thất nguyệt thất
Địa điểm Trường-sinh điện
Nhất cá cao sấu đích thanh sam nam tử
Nhất cá một hữu kiểm khổng đích nữ tử
Hỏa diệm, kế tục thăng khởi
Bạch sắc đích không khí trung
Nhất song sí bàng
Hựu
Nhất song sí bàng
Phi nhập điện ngoại đích nguyệt sắc
Tiệm khứ tiệm viễn đích
Tư ngữ
Thiểm thước nhi khổ sáp

xxxxx
Phong vũ trung truyền lai nhất lưỡng cá đoản cú đích hồi hưởng

Chúng tôi tạm dịch sang Việt ngữ như sau:

Tường vi đó, như mọi bông tường vi có chủ,
Chỉ nở có một buổi sáng sớm
Ba-nhĩ-trát-khắc

1
Đường Huyền-tông
Từ
Trong tiếng nước
Chắt lọc ra một lọn tóc đen của đau thương

2
Nàng là
Trong gia phả họ Dương
Lật mở trang thứ nhất thấy nằm ngay ở trong đó
Một mảng thịt trắng
Một bông tường vi trong một chiếc gương
Nở rộ, được cái gọi là lá chắn đẹp
Mềm mại nhẹ nhàng vuốt ve
Bọt nước
Trong ao Hoa-thanh
Nhạc tiên nơi nơi
Trong Ly-cung
Hương rượu toát từ hương người
Cặp môi sau khi được mút mạnh mẽ
Chỉ còn rên rỉ
Trên giường ngà voi mình và tứ chi dang rộng dài
Là núi
Cũng là sông
Một dòng sông ngủ vùi say trong một dòng sông khác
Giòng nước chảy xiết dưới đất
Vọt hướng
Giang sơn vạn dặm
Chờ đến khi một khúc ca dao trắng
Phá đất chui ra

3
Chàng giơ cao bàn tay đã bị đốt cháy đến khô
Lớn tiếng la lên
Ta làm tình
Bởi vì
Ta muốn làm tình
Bởi vì
Ta là hoàng đế
Bởi vì
Chúng mình quen với gặp gỡ máu thịt

4
Chàng bắt đầu ở trên giường đọc báo,
ăn điểm tâm, ngắm chải đầu, phê duyệt tấu sớ
Đóng dấu
Đóng dấu
Đóng dấu
Đóng dấu
Từ đó
Quân vương không tảo triều

5
Chàng là hoàng đế
Nhưng chiến tranh
Là một bãi
Nước dính lầy nhầy dưới nệm gấm bất luận cọ
Thế nào
Cũng không cọ sạch
Chém giết ở phương xa

xxxxx
Phương xa, khói lửa trườn lên, thiên không câm tịt
Vì một kiểu kết tóc khiến người kinh tâm

xxxxx
Trống trận lấy đầu lưỡi đỏ như lửa
Liếm mặt trái đất

6
Sông ngòi
Vẫn còn bùng cháy ở giữa cặp đùi
Trận
Không thể không đánh
Chinh chiến quốc gia đại sự
Nương tử, máu phụ nữ chỉ có thể chảy về một hướng nào đó mà thôi
Nay quân lính không nhúc nhích
Thôi đi thôi đi, trước dốc Mã Ngôi này
Nàng chính là sợi tơ liễu

Hãy để gió lớn trong quảng trường nâng cao

xxxxx
Một đống phân bón rất đắt giá
Nuôi sống một
Gốc hồng mai quế khác
Hoặc
Một chứng bệnh
Bất trị trong lịch sử

7
Hận phần lớn bắt đầu trong khói lửa
Qua song nhìn ra xa
Đầu chàng theo
Lũ chim bay mà lắc lư
Mắt chàng biến sắc theo ngày tàn
Cái tên mà chàng kêu gọi đó chôn
Vùi vào trong tiếng vọng

xxxxx
Trọn đêm chàng đi quanh phòng
Mỗi cánh cửa sổ trong cung Vị Ương
Chàng đều dừng lại
Ngón tay lạnh trắng của chàng gỡ hoa đèn
Giữa tiếng ho nhẹ
Toàn bộ hải đường bên trong Cấm thành
Một đêm tàn trong
Gió thu

xxxxx
Chàng kết bộ râu mình thành từng nút từng nút một, gỡ ra rồi lại thắt lại, đoạn hai tay chắp sau lưng đi lững thững. Tiếng giày, tiếng giày, tiếng giày. Một bông hoa huệ ở sau rèm bùng nổ. Sau đó chàng xòe cả mười ngón tay ra nắm lấy quyển "Thủy Kinh Chú". Tiếng nước ào ào. Chàng đọc mà hoàn toàn không thể nào hiểu được là con sông đó tại sao lúc chảy qua lòng bàn tay chàng lại thổn thức, chứ không gầm thét

Chàng khoác áo đứng dậy

Chàng đốt lửa cháy bỏng da thịt mình
Chàng từ trong một viên ngọc lạnh tinh lại

xxxxx
Ngàn nến bốc cháy trong ngàn phòng
Ngoài lầu trăng chiếu kẻ không ngủ
Trên tường người đàn bà tiến lại
Mặt nàng ẩn hiện giữa hư vô

8
Rồi đột ngột
Chàng điên cuồng tìm kiếm lọn tóc đen kia
Nhưng nàng đã trao cho
Một làn khói
Là nước, tất nhiên bốc thành mây
Là đất bùn, tất nhiên bị giẫm thành cỏ rêu cháy khô
Khuôn mặt ẩn trong đám lá cây
Tuyệt vọng hơn ánh tịch dương
Một bông hoa cúc ở khóe miệng nàng
Một miệng giếng đen ở trong mắt nàng
Một trận chiến tranh trong thân thể nàng
Một cơn gió bão nho nhỏ vẫn còn chưa ủ xong
Trong bàn tay nàng
Nàng không còn đau răng
Không còn quị
Với bệnh sởi triều Đường
Mặt nàng hòa tan vào trong nước
thì vừa tương đối trắng lại vừa tuyệt đối đen
Nàng sẽ không còn nâng cao đĩa muối mà kêu to đói khát
Bàn tay nàng, vốn quen được nâng đỡ,
Nay run run
Chỉ vào
Một con đường đá xanh chạy hướng về Trường-an...

9
Thời gian bảy tháng bảy
Địa điểm điện Trường Sinh

Một nam tử cao gày mặc quần áo xanh
Một nữ tử không có lấy hốc mặt
Ngọn lửa tiếp tục bay lên
Trong không khí màu sắc trắng
Một đôi cánh chim
Lại
Một đôi cánh chim
Bay vào ánh trăng bên ngoài điện
Càng đi càng xa mãi
Thì thầm
Nhấp nháy nhưng đắng cay

xxxxx
Trong mưa gió truyền lại tiếng vang của một hai bài đoản cú

III. **Những Đặc Điểm**

Lạc Phu đã cải biến câu chuyện tình bằng cách so sánh những ngọn lửa của cảm xúc mãnh liệt với những ngọn lửa của chiến tranh.

Tuy cũng mổ xẻ cuộc tình lãng mạn và bi thảm giữa vua Đường Huyền Tông và quí phi Dương Ngọc Hoàn như Bạch Cư Dị, nhưng cách sáng tác của Lạc Phu không giống.

Một mặt Lạc Phu đã lược bỏ việc đạo sĩ chiêu hồn Dương quí phi và thay thế bằng tình tiết truyền tín vật.

Mặt khác, ở những chỗ tình tiết chồng chất trong ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị, Lạc Phu đã thay đổi rất nhiều.

Chẳng hạn như về nơi an nghỉ của thân xác Dương quí phi sau khi chết cũng như việc Dương quí phi và Đường Huyền Tông tưởng nhớ nhau, cách xếp đặt của Lạc Phu không giống của Bạch Cư Dị.

Không những thế, ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị kể chuyện theo thứ tự thuận, từ đầu đến cuối của diễn biến, còn ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu thì kể chuyện theo thứ tự đảo lộn, mới bắt đầu ra sân khấu là kể ngay việc Đường Huyền Tông tỏ lòng thương xót vong linh Dương quí phi: "*Đường Huyền Tông/Tùng/Thủy thanh lý/Đề luyện xuất nhất lũ hắc phát đích ai động*". Sau đó mới quay đầu trở lại, khai triển việc miêu tả vận mệnh ái tình của hai người.

Về phương diện kết cấu tưởng tượng, ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị căn bản là tả thực cổ điển, lại dùng tưởng tượng lãng mạn bổ trợ, chọn

dùng thủ pháp xúc cảnh sinh tình, xúc tình nhập cảnh, tả cảnh sinh tình, tình và cảnh cái nọ làm nền cho cái kia, làm nổi bật cái kia, miêu tả sinh động như sống thực các chuyện và nhân vật trong thơ, khiến cho các chuyện và nhân vật trở thành biểu hiện tái tạo phức tạp chân thực của con người trong hiện thực.

Lạc Phu lại còn đi xa hơn thế nữa. Bài ***Trường Hận Ca*** của ông phần lớn vận dụng:

(a) sự giao cảm thanh âm và màu sắc với nhau (thí dụ: "*hắc phát đích ai động*", "*bạch sắc ca dao*", v.v...);

(b) sự tạo dựng những tình và cảnh mâu thuẫn (như: "*Tha dung nhập thủy trung đích kiểm thị tương đối đích bạch dữ tuyệt đối đích hắc/Tha bất tái bổng trước nhất điệp diêm nhi đại hô cơ khát* ");

(c) sự ví von bằng những hình tượng rất là xa cách nhau (chẳng hạn: ví chiến tranh là một bãi "*Niêm dịch*", hay là Dương quí phi nằm trên giường bằng ngà mà chi thể duỗi dài ra "*Thị sơn/Dã thị thủy*"), hay là những tượng trưng (thí dụ: trước dốc Mã Ngôi, Dương quí phi "*...tức thị na dương nhứ/Cao cử nễ dĩ quảng trường trung đích đại phong*", sau khi nàng chết "*Bất tái xuất/Đường triều đích ma chẩn*", mộng dài đêm xuân của Dương quí phi và Đường Huyền Tông là "*Nhất đạo hà thục thụy tại lánh nhất đạo hà trung*"), hoặc những cấp độ biến hình (như: trong lúc tai ương khói lửa không ngừng thì tại kinh thành Đường Huyền tông vẫn y nguyên chìm đắm trong tửu sắc, "*Tha cao cử trước na chích thiêu tiêu liễu đích thủ*" và hô to lên nào là "*Ngã tố ái*", nào là "*Ngã yếu tố ái*");

(d) kỹ thuật chế tạo tình cảnh hoang đường (chẳng hạn: Đường Huyền tông tưởng nhớ Dương quí phi đã chết, rồi "*Tha bả tự kỷ đích hồ tu đả liễu nhất cá kết hựu nhất cá kết, giải khai tái giải khai*");

(e) kỹ thuật khảm hợp cụ thể với tượng trưng (thí dụ: "*Nhất đôi ngang qui đích phì liệu/Dinh dưỡng trước/Lánh nhất chu mai quế/ Hoặc/ Lịch sử trung/Lánh nhất chủng tuyệt chứng*"), v.v...

Nói tóm lại, về căn bản bài ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu không phải là miêu thuật và sắp đặt trực tiếp, mà là dùng một loạt những tượng trưng cụ hữu và ý tượng ám thị để trình bày các chuyện và nhân vật trong thơ, khiến cho các chuyện và nhân vật này trở thành các biểu hiện phức tạp chân thực trong hiện thực.

Mặt khác, ý tượng trong tâm lý tưởng tượng của thi nhân thường thường trình hiện làm một loại trực giác thẩm mỹ. Thi nhân trong một tích tắc đồng hồ biểu hiện được sự phức hợp của lý tính và cảm tính. Như việc

sau khi loạn An Lộc Sơn đã bình được, vua Đường Huyền Tông về đến hoàng cung, rơi vào trong tình cảnh thấy vật nhớ người, thì ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị đã miêu tả thành "*Tịch điện huỳnh phi tứ tiểu nhiên/Cô đăng khiêu tận vị thành miên/Trì trì chung cổ sơ trường dạ/Cảnh cảnh tinh hà dục thự thiên*" (Điện chiều, đóm bay, ý buồn hiu/Cô đăng khêu hết ngủ được đâu/Trống chuông chầm chậm khi vừa tối/Vằng vặc sông sao nghĩ sáng rồi), nghĩa là dung tình nhập cảnh, tình cảnh giao dung, công năng cảm giác của Bạch Cư Dị không biến hóa nhiều, mạch lạc tư tưởng lại rõ ràng, phân minh.

Trái lại, cảnh đó trong ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu lại biến hóa thành "*Cánh tịch nhiễu thất nhi hành/Vị-ương cung đích mỗi nhất phiến song khẩu/Tha đô trạm quá/Lãnh bạch đích thủ chi dịch trước đăng hoa*". Trên căn bản vẫn là bạch miêu, nghĩa là miêu thuật mộc mạc, nhưng nối tiếp chặt chẽ.

Quái lạ nhất là "*Khinh khái thanh trung/Cấm-thành lý toàn bộ đích hải dường/Nhất dạ điêu thành/Thu phong*". Trong tiếng ho nhẹ, "*Khinh khái thanh trung*", mà hoa "*hải đường*" lại khắc thành "*thu phong*" (gió thu) thì thực là từ thính giác đến thị giác, rồi đến xúc giác, công năng cảm giác của Lạc Phu biến hóa rất lớn, mạch lạc của tư tưởng lúc thì rõ lúc không, cách quãng, không liên tục, chỗ đứt đoạn, hoặc chỗ đột ngột có thể hiểu được, chính là điểm tri giác của thi nhân có thể dung nạp nhất, là đất tàng thân của dung lượng tình cảm và tư duy, mà cũng là điểm để trống của tưởng tượng mà bài thơ để lại cho độc giả: hải đường là cảnh đẹp, lấy cảnh đẹp tả cái sầu khổ của nhớ nhung; cũng như gió thu là gió buồn, lấy gió thu làm nền cho cái bi ai của nhớ nhung; từ "*hải đường*" khắc thành "*thu phong*", lại ám thị cái dài lâu của thời gian, nên lại càng làm nổi bật lên cái vô vọng của nhớ nhung. Một chữ "*điêu*" (tàn, tàn tạ, rạc; tan tác) không thôi đã hóa cái gió thu vô hình thành hình tượng cụ thể, tựa hồ có thể sờ mó được, khiến cho cảm tình trừu tượng đã có một loại thuẫn cảm lập thể, làm rõ ràng hơn cái chân thực của nó.

Như vậy, về phương diện kết cấu tình cảm, Lạc Phu và Bạch Cư Dị cũng mỗi người có một khác biệt: Lạc Phu đặt nặng càng nhiều hơn vào u buồn và bi ai đau khổ.

Xét theo dụng ý chính của bài thơ, cả Bạch Cư Dị lẫn Lạc Phu đều lẫn lộn khó phân biệt như nhau, hoặc là phúng dụ trọng sắc ngộ quốc (trọng nữ sắc mà bỏ lỡ việc quốc gia), hoặc là ca tụng ái tình chuyên nhất, hoặc là vừa đồng tình lại vừa khiển trách.

Xét theo hình tượng nhân vật của ***Trường Hận Ca***, Bạch Cư Dị và Lạc Phu cùng đắp nặn một cái nhân là vì ái tình mà một hoàng đế si tình đã mất đi quyền thế, và một cái nhân là vì ái tình mà một quí phi bạc mệnh thèm được yêu đã mất đi tính mệnh. Tuy nhiên, ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu có thể nói là tương phản với ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị.

Nền tảng trữ tình của Lạc Phu là chú trọng nhiều đến u buồn và cay đắng. Chẳng những là ý tượng toàn bài ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu tỏ ra lạnh lẽo lạ lùng, mà ngay cả đến việc thiết trí cảnh ngộ hoàn cảnh của Dương quí phi sau khi chết, chủ yếu vẫn là cái lạnh lẽo nổi bật, lạnh lẽo đến độ có điểm u ám âm u đáng sợ.

Mặt khác, đối với Dương quí phi, trong khi bài ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị đã đưa quí phi bước vào tiên cảnh, thì bài ***Trường Hận Ca*** của Lạc-Phu ám thị chỗ quí phi về ở là âm gian. Một thành tiên, một thành quỷ, cách nhau ngàn vạn dặm. Dương quí phi trong ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu nào là "*Tường thượng tẩu lai nhất nữ tử*", nào là "*Ẩn tại thụ diệp trung đích kiểm/Tỉ tịch dương cánh tuyệt vọng*", đúng là qui khí u ám, âm u, lạnh lẽo đáng sợ bao phủ mù mịt dày đặc cuối bài thơ.

Mặt khác, ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu chỉ có một lần nói đến hội ngộ giữa Đường Huyền Tông và Dương quí phi sau khi sinh ly. Tuy nhiên, một người là người ("*Nhất cá cao sấu đích thanh sam nam tử*"), một người là qui ("*Nhất cá một hữu kiểm khổng đích nữ tử*"), hơn nữa bốn bề mưa gió rả rích khiến "*Tư ngữ* " của hai người cuối cùng là "*Thiểm thước nhi khổ sáp*".

Còn ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị tuy không an bài sự gặp mặt của vua Đường Huyền Tông và Dương quí phi, nhưng người và tiên tưởng nhớ tới nhau, "*Dạ bán vô nhân tư ngữ thì/Tại thiên nguyện tác tỉ dực điểu/Tại địa nguyện vi liên lý chi*" (Nửa đêm người vắng lúc chuyện trò/Trên trời nguyện làm chim liền cánh/Dưới đất nguyện làm nhánh liền đôi). Mặc dù đây là một hy vọng vô vọng, nhưng suy cho cùng vẫn có hy vọng.

Quả thật, màu sắc tận đáy của tấm bi kịch ái tình trong thi tác của Bạch Cư Dị và của Lạc Phu toàn bộ là đen thẫm. Tuy nhiên, trong ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị có một chút tiên khí quấn quanh cái nhân, ít nhiều phơi bày một điểm sắc sáng. Trái lại, trong ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu có một luồng qui khí bao phủ mờ mịt, nên lại càng bi ai thê thảm hơn nữa.

Kết Luận

Trong khi bài **Trường Hận Ca** của Bạch Cư Dị là một bài tự sự thi truyền thống thì bài **Trường Hận Ca** của Lạc Phu không phải chỉ vỏn vẹn

là một thi tác trình bày và giải thích hiện đại hóa cùng một đề mục mà là đem cái ý vị cổ điển rất nồng đậm, sực nức hợp với cảnh sắc phong độ hiện đại thành một thể. Điều này cho thấy rõ ràng là Lạc Phu chú trọng hiện đại và đồng thời tìm cách đem truyền thống và hiện đại hòa hợp với nhau.

Tạ Quốc Tuấn

---

(1) Bài ***Trường Hận Ca*** của Bạch Cư Dị đã được nhiều người dịch sang Việt ngữ, như: Tản Đà, Tô Giang Tử, Trần Trọng San, Nguyễn Đức Hiển, Lê Nguyễn Lưu, Trịnh Đình Thắng, v.v... Ngoài ra, bản dịch Anh ngữ do Witter Bynner thực hiện, nhan đề "A Song of Unending Sorrow" đã được in trong tuyển tập ***Anthology of Chinese Literature*** do Cyril Birch biên tập và Grove Press, New York, xuất bản, tập I, 1965, tr. 266-269.

(2) Bản dịch Anh ngữ bài ***Trường Hận Ca*** của Lạc Phu do Michelle Yeh thực hiện, nhan đề "Song of Everlasting Regret", in trong (a) tuyển tập ***Anthology of Modern Chinese Poetry*** do bà biên tập và Yale University Press, New Haven & London, xuất bản, 1992, tr. 90-94; và (b) ***The Anchor Book of Chinese Poetry*** do Tony Barnstone & Chou Ping biên tập và Anchor Books, New York, xuất bản, 2005, tr. 388-392. Điểm đáng chú ý là trong bản dịch Anh ngữ các đoạn 5, 6, 7 và 9 không có phân đoạn.

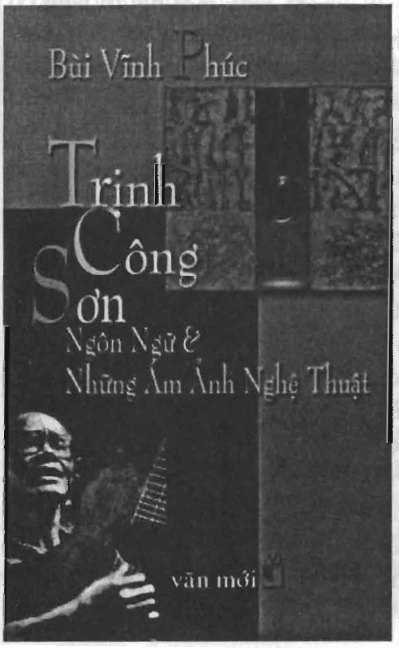

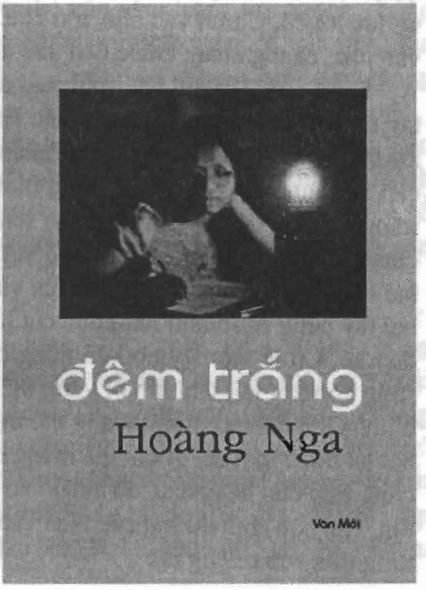

NAM DAO

bắt gió

(Trích đoạn Tiểu Thuyết Bẻ Dâu)

.... Chính lẳng lặng rút khẩu pạc-hoọc giắt bụng, rón rén xuống chiếc thang tre bắt lên gác xép. Lần đến sát cửa bếp, Chính lắng tai. Phía sau nhà im ắng. Cửa trước, lại tiếng cào. Rồi tiếng mèo mơ hồ chen vào. Chính hé cửa nhìn ra ngoài. Trời tối như mực. Đêm đã đủ khuya để xô tiếng đàn tiếng hát lắng xuống, đẩy đám khách làng chơi cuộn mình trong chăn gối hầu quên đi những cơn gió bấc thốc vào Hà Nội. Lẻn cửa sau, chàng vòng hàng rào quanh bếp, lách vào cái ngõ dẫn ra đường. Giắt súng vào bụng, Chính thả bộ. Khi qua cái cửa ngoài nơi mình ở, Chính thấy một người nằm co quắp trên thềm, tay bám vào nhưng tiếng cào cửa không còn. Vội vã quay ngược lối cũ, Chính vào nhà, mở cửa. Hai tay lôi người nằm ở ngoài thềm vào nhà, chàng châm chiếc đèn dầu để trên cái bàn mộc xộc xệch.

Dưới ánh đèn hiu hắt, một mái tóc dài nhoài ra trên mặt đất nện, hai tay ôm cứng vào bụng. Cầm chiếc đèn soi vào, mặt người đàn bà chỉ còn xương bọc da, xám ngoét, nhăn nheo, môi vều lên, răng nhô ra như chực cắn xé. Đưa tay vào mũi, không một hơi thở. Ghé đèn vào mặt, hai mắt trắng dã trợn trừng. Chính áp tay lên mặt người đàn bà, cái lạnh kim khí chuyền vào năm ngón tay buốt cóng. Chính nhìn cái thân thể cong queo, hai chân rút lên ngực, khư khư ôm vào bụng một cái bọc cuốn bao tải. Gỡ hai tay cứng ngắc như hai khúc củi khô, Chính lôi ra. Cái bao tải bọc một đứa bé. Có lẽ lúc nãy nó kêu tiếng mèo. Thấy đứa bé thoi thóp chút sức sống còn xót lại, Chính vội vàng bế nó lên, kéo tấm chăn dạ trên giường ủ lấy. Ghé tai vào mũi, thoang thoảng thấy hơi thở, Chính mừng như vừa bắt lại được một cái gì quí giá mỏng manh. Lắng lặng, Chính bật lửa châm chiếc bếp đun bằng dầu, đổ nước vào cái xoong nhỏ để lên. Mở trạn, Chính tìm. Chỉ còn chút đường cát. Hòa vào nước nóng, Chính ôm đứa bé, tay đổ từng thìa vào miệng nó.

Dựa lưng vào tường, Chính đắp thêm cho nó chiếc áo bông. Trên kèo nhà, thạch sùng tắc lưỡi, sột soạt chạy ngang chạy dọc. Từ hơn tuần nay, số người chạy đói đã lẻ tẻ đổ vào Hà Nội. Bắt đầu là từ Thanh, Nghệ, hai vùng này xưa nay chẳng năm nào đủ no. Vài ngày vừa rồi, có cả người từ Thái Bình, Nam Định. Câu đầu miệng, là mất mùa. Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại, làng cháu hột gạo chẳng còn, xin ông bố thí cho một miếng. Cổng chùa nào bây giờ cũng la liệt những người ốm o, tay bồng tay bế, mắt thất thần nhìn lên, co ro trong gió đông thản nhiên lùa qua năm cửa ô, miệng vẫn một điệp khúc chát đắng vị cường toan.

Chính chạnh nghĩ đến mẹ và vợ con. Chắc cũng chẳng no, nhưng liệu có đói đến độ phải bỏ nhà bỏ cửa không? Văn và Triều cưu mang được gì? Cái tin Triều sẽ đi qua Rô-ma hư hay thực? Nhắm mắt, Chính mơ màng thiếp dần. Hình ảnh ông đồ Cửu hư thực ám ảnh. Móm mém, ông thều thào "...đấy... anh xem... lại manh động. Phan Đăng Lưu ghé nhà, bảo với cha là sẽ chỉ đấu tranh chính trị. Nhưng trên đường anh ấy vào Sài Gòn, lại bị bắt... Thế là vùng lên khởi nghĩa. Rồi Tây nó khủng bố, chẳng kém gì thời Xô Viết Nghệ Tĩnh. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng cháy như cái đóm lửa, rụi đi, tàn lụn...". Thình lình, đồ Cửu nắm tay Chính bóp, mái tóc bạc phơ chuyển màu đen xanh, nét nhăn nheo biến mất, gằn giọng "...nhưng thế nào Nhật Pháp chẳng sẽ đánh nhau...". Hoảng hốt giật mạnh tay, Chính sực dậy. Tiếng gà gọi sáng vắng lên. Đứa bé vẫn nằm trong tay Chính không cục cựa, thoi thóp, mắt nhắm nghiền. Chính mở mắt nhìn lên trần nhà, xua đi giấc mơ lẫn lộn như một cuộn chỉ rối. Định thần xong, Chính nhẹ nhàng đặt đứa bé xuống giường.

Suy tính một lát, Chính mở cửa kéo xác người đàn bà ra đường. Đến chỗ chị Cầu, một gia đình cơ sở cách nơi Chính ở dăm phút đi bộ, Chính gõ cửa. Chính xin gửi đứa bé, nhưng chị lắc đầu, chỉ nhận đến nấu rồi đổ nước cháo cho nó. Chị thì thào "...từ hôm qua, người chết đói rải đầy sân ga Hàng Cỏ, chú ạ. Kinh lắm!"

*

Thường Vụ Đảng tóm tắt lại tình hình. Ở Âu châu, Phát-xít thua liểng xiểng sau khi quân Đức bị Hồng Quân Liên Xô đẩy lùi. Trên mặt trận Thái Bình Dương, Mỹ đã đổ bộ vào Phi Luật Tân. Phía bắc, quân của Tưởng Giới Thạch bắt đầu phản công. Không tin vào thực tâm của chính phủ Vichy, Nhật sợ thế bị gọng kềm khó lòng kiểm soát Đông Dương nên bất thình lình tiến hành đảo chính. Nhật hất Pháp rất gọn, và Bảo Đại đã lập nội các Trần Trọng Kim. Nghe nói đâu Bảo Đại muốn vời Ngô Đình Diệm

ra, nhưng Diệm từ chối không nhận.

Thành ủy phổ biến nhận định của Trung Ương. Khẩu hiệu đánh Nhật-Pháp đổi thành đuổi Phát-xít Nhật, tiền đề cho một cuộc Tổng Khởi Nghĩa trong tương lai. Trung Ương họp hội nghị quân sự, quyết định chia toàn quốc ra bảy chiến khu, tiến hành chiến tranh du kích và thành lập một đội quân Nam tiến. Song song với một Ủy Ban Quân Sự Cách Mạng, hội nghị ra nghị quyết thành lập Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng gồm các đảng phái, thân sĩ và các giới trong toàn quốc để tiến hành khởi nghĩa và thành lập chính phủ lâm thời. Xoay qua nhiệm vụ chính trị, vẫn tiếp tục len lỏi vận động giới công chức, giới trẻ và nhất là đám Bảo An Binh. Câu hỏi của Trường Chinh và Trung Ương đặt ra, là nếu điều động dân chúng diễu hành đòi độc lập trong một thời gian hai ngày chẳng hạn, Đảng sẽ lôi kéo được bao nhiêu người? Đã có kế hoạch phát động, bảo vệ, và những dự trù tiến lui theo tình thế chưa? Chẳng một ai có câu trả lời. Lê Văn Lương, biệt phái của Trung Ương về họp với Thành Ủy, đề nghị thiết lập Ủy Ban Giải Phóng Thủ Đô để xác định kế hoạch Tổng Khởi Nghĩa ở Hà Nội. Lê Quang Đạo và Nguyễn Hữu Đang điều hành tổ chức sửa soạn phất cờ khi gió thời cơ ào đến.

Đến lượt mình phát biểu, Chính đứng lên:

- Thưa các đồng chí, các đồng chí thấy gì khi từ nội thành ra Láng để họp hôm nay?

Tất cả im lặng. Dăm cặp mắt nhìn lên ngỡ ngàng. Chính đứng dậy, kể câu chuyện đêm qua lội vào nhà một người đàn bà đã chết và một đứa bé thoi thóp sống. Chính kết luận bằng một câu hỏi:

- Thủ Đô trong những ngày sắp tới sẽ có hàng chục ngàn người chạy đói mà về. Việc trước mắt là chúng ta sẽ đối phó như thế nào?

Chính ngồi xuống. Không khí thình lình rơi như hòn đá tảng buông tuột. Rồi tiếng chép miệng. Tiếng thở dài. Một người bỗng đứng bật dậy:

- Đúng là tội ác của Phát-xít Nhật. Chúng bắt nông dân trồng lạc, trồng đay nên mới đến nông nỗi này. Dân ta càng chết, nỗi căm thù càng chồng chất, như thế càng có lợi cho ta...

Người vừa nói là Cảnh-con, tức Trần Quốc Hoàn, đã cùng ở tù Sơn La một thời gian với Chính và được thả khi Mặt Trận Bình Dân bên Pháp lên cầm quyền. Xưa, nghe nói Cảnh-con gia nhập Thanh Niên ở bên Lào, bị Pháp truy lùng, chạy về Hà Nội và bị bắt vì tội ăn trộm chì trong nhà máy in đem bán. Không biết khai báo thế nào, Cảnh bị liệt vào loại tội phạm chính trị, chuyển về nhà giam Sơn La rồi được Khải, tức Lê Đức Thọ, đề

nghị kết nạp. Thấp bé, Hoàn lúc nào đứng cũng như kiễng lên, tiếp:

- Bởi vậy, cứ để cái chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim rối lên với bọn Nhật, ta sẽ nhân cơ hội tuyên truyền tội ác của Phát-xít...

Một giọng nửa giễu cợt, nửa trách móc cắt ngang lời Hoàn như giội một cốc nước lạnh xuống cả hội nghị:

- Hừ, đói thế này mà dân chết hết thì đòi giải phóng cho ai, độc lập cho ai... Cứ khoanh tay rồi chỉ nói suông thì sau này ai còn nghe mình nữa?

Mặt khẽ nhăn, Hoàn hệt như thời xưa khi chuyền dăm hộp sữa đặc Khải trộm được ở nhà Công sứ Cousseau về cho một số anh em ốm đau trong nhà giam. Thời đó, có tiếng lao xao đồn rằng phải cẩn thận với cặp Cảnh-Khải vì quan hệ của họ với Cousseau. Đích thân Sao Đỏ, tức Nguyễn Lương Bằng, đã gạt đi, khuyên đồng chí với nhau phải đoàn kết chứ đừng để địch gây mâu thuẫn chia rẽ nội bộ. Lê Văn Lương liếc nhanh người vừa phát biểu, nói giọng như giảng hòa:

- Đối phó với nạn đói, hiện Trung Ương chưa phổ biến gì nên cái hay nhất là tôi xin ý kiến các đồng chí về đề nghị lên trên.

Nghe Lương nói, Hoàn đổi ngay nét mặt, giơ tay xin phép hội nghị, giọng giả lả:

- Đấy là một vế, tôi phát biểu có hơi vụng về. Còn vế kia, tức là hành động, thì chắc là phải làm thôi. Nhưng làm gì, ta cùng nhau góp ý, và xin Trung Ương lệnh để phối hợp với nhau...

Tiếng giễu cợt lại cất lên:

- Đói thì ba, bốn ngày không có gì ăn là chết. Đợi lệnh Trung Ương thì mất mấy ngày...

Cả hội nghị quay mặt về phía người vừa phát biểu. Đó là một thanh nhiên tầm thước, mắt đen lay láy, lông mày quặp xuống kiểu mắt voi, gò má cao, cằm nhỏ lưa thưa dăm sợi râu. Chính hỏi. Vũ Quí ghé sát vào tai Chính thì thầm. Không khí hội nghị lại trầm xuống. Đúng, đợi đến bao giờ? Chính nghĩ đến đứa bé, nóng ruột nhấp nhỏm đứng dậy. Chợt người thanh niên giọng giễu cợt đứng lên, nghiêm trang:

- Tôi đề nghị với các đồng chí là Mặt Trận Việt Minh chúng ta tổ chức đánh cướp những kho thóc rồi mang ra phát chẩn cho đồng bào bị đói. Cứu đói, như cứu hỏa, không thể chờ được!

Sau lời phát biểu, người tham dự hội nghị vỗ tay rầm rập. Trừ dăm ba kẻ tóc đã muối tiêu, phần lớn họ đều trên dưới ba mươi, sức sống bốc lửa từ những khóe mắt và những nụ cười ngạo nghễ. Đợi lúc bế mạc, Chính ra bắt tay người thanh niên. Vũ Quí đến cạnh, nói nhỏ:

- Văn Cao là người trong đội của tớ, vừa ở Hải Phòng lên và chưa có chỗ ở. Cậu để Văn Cao trú chân vài ngày chỗ cậu nhé!

*

Chính đạp xe thẳng về phố Quan Thánh, trụ sở báo Ngày Nay. Từ sáu tháng nay, Chính cộng tác với báo, chuyên viết những bài phóng sự về cuộc sống Hà Nội. Leo lên gác hai, Chính đẩy cửa, ngạc nhiên nghe tiếng cười nói ầm ĩ khác hẳn thường lệ. Kéo Chính vào, Nguyễn Trọng Trạc đẩy về phía một người khoảng trên ba mươi, nhỏ thó, cười nhe hàm răng vàng khói thuốc:

- Đây là anh Giu, nhà văn Khái Hưng của chúng ta, vừa tù ba năm, nay được xổ lồng. Đây là anh Chính, cộng sự viên của báo. Xởi lởi, Trác tiếp, tôi đã cho người đi tìm cả Tú Mỡ lẫn Thế Lữ, nhưng không mò đâu ra hai ông ấy...

Chìa tay ra bắt, Chính linh cảm nhận ra sự cởi mở của con người mới gặp. Khái Hưng hồn nhiên:

- Ở tù, tôi vẫn có dịp đọc anh, anh Chính ạ! Nhờ anh mà lúc nào tôi cũng như ở Hà Nội. Hóa ra tù ngục cũng tương đối, thân tù mà trí không tù thì trong cũng như ngoài...

Nguyễn Tường Long, tức nhà văn Hoàng Đạo, mặt gầy gò xanh xao, bỗn cợt chêm vào:

- Vì thế, tự do cũng tương đối!

Khái Hưng xuề xòa:

- Ừ, tương đối! Chợt giọng trầm xuống, Khái Hưng nói như nói một mình – Nhưng mà mất cái ảo tưởng có nó, là mất nhiều lắm... Thậm chí mất hết! Rồi như bừng tỉnh, Khái Hưng tiếp - chỉ tiếc hôm nay không có anh Tam thôi.

Nguyễn Tường Bách báo Tam, tức nhà văn Nhất Linh, đã từ Quảng Châu đi Vân Nam, hiện đang cùng Vũ Hồng Khanh vận động Quốc Dân Đảng Trung Hoa hỗ trợ để cùng cố lực lượng quân sự. Trên thực tế, Tam đã sát nhập Đại Việt Dân Chính vào Việt Nam Quốc Dân Đảng, đảng trước kia do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính... lãnh đạo. Hồi tưởng chuyện cũ, Chính chạnh lòng nhớ những người đồng chí một thời tưởng nhớ đã xa xưa lắm, nhưng thật thì cũng chỉ mới có đâu được mươi lăm năm.

Uống với nhau được ấm trà, Chính sốt ruột lo cho đứa bé thoi thóp trong nhà. Câu chuyện xoay quanh nạn đói. Những xác chết rải rác nằm trong vườn hoa Hàng Đậu gần trụ sở báo. Người ta đã huy động xe bò đến bốc xác bỏ lên, vẩy crê-zin, phủ chiếu rồi đẩy về phía đê. Bách bảo Chính:

- Anh cho một loạt phóng sự đi! Tối về anh viết cho báo bài đầu, mai đem in cho ngày kia.

Chính mừng thầm. Đây là chuyện Chính phải làm nhưng tránh tự mình đề nghị. Chính đáp, giọng ngần ngừ:

- Nhất định là phải viết, và viết bài đầu thì dễ thôi, ai cũng thấy khắp nơi người chạy đói kéo về. Nhưng những bài sau thì phải đề cập đến nguyên nhân của nạn đói và sẽ không tránh khỏi đụng chạm đến chính quyền...

Long nhìn Chính, xen vào:

- Không sợ... Chính phủ thân Nhật bù nhìn này thừa biết họ chỉ có tính giai đoạn. Vả lại, cái thế của Nhật là thế thua, có cầm cự thì cũng vài ba năm là cùng. Anh cứ viết, nhưng tránh khiêu khích, rồi chúng tôi đọc và góp ý...

- Hiện nay, Thanh - Nghệ là hai nơi đói nhất. Tôi định đi về tận nơi, thấy tận mắt và nghe tận tai những nạn nhân của trận đói này. Nhìn dò hỏi, Chính tiếp – các anh thấy có nên chăng?

Thấy mọi người tán đồng, Chính vui vẻ đứng lên xin kiếu. Nhắc Bách sửa soạn cho giấy giới thiệu để tiện việc đi đường, Chính hỏi mượn một cái máy ảnh. Khái Hưng ngước mắt, nói:

- Anh định hôm nào đi? Và đi bằng gì?

- Hai ngày nữa. Tôi định đáp xe lửa. Những chuyến ra Hà Nội thì đầy người, nhưng những chuyến đi vào lại chẳng có ai, vắng tanh vắng ngắt.

Đưa Chính xuống thang, Khái Hưng tần ngần:

- Chúng mình sẽ có dịp chuyện trò sau. Tôi tạm thời ăn ở luôn tại tòa báo.

Bắt tay Khái Hưng, Chính mỉm cười giắt xe đạp xuống lề đường. Ngoái lại vẫy tay, chàng phóng lên xe rồi gò người đạp về phía chợ Đồng Xuân dưới ánh đèn vàng vọt ngã bệnh.

*

Theo lời Chính dặn, Văn Cao đến nhà chị Cầu để chị dẫn về nhà mình. Từ ga Hàng Cỏ về khu Khâm Thiên, hai bên đường toàn là người đói xin ăn. Họ chỉ còn sức trèo lên xe lửa, mặc cho bị đánh bị đập. Cứ nằm đợi cho đến lúc xe ngừng, họ bồng bế nhau leo xuống, rồi lếch thếch ra khỏi nhà ga. Đói, da họ thâm xì, mắt lồi ra trắng thếch, môi vều, má lõm vào, ai trông cũng cao lêu nghêu. Dưới những mái hiên, những gia đình đủ cả ông bà, cha mẹ và những đứa bé lên năm lên bảy bò lê bò càng. Họ díu lấy nhau, đầu chúi vào hai đầu gối nhô lên như những cây cọc ngả nghiêng cắm xuống đất. Kẻ còn sức, mặt mũi thẫn thờ, tay giơ chiếc bị mở trống

trơn, miệng nhấp nháy câu còn câu mất. Dân thủ đô hoảng hốt, kẻ có tiền ra chợ vét gạo, vét ngô khoai, vét tất cả những thực phẩm có thể sấy khô, ướp muối. Giá thực phẩm tăng vòn vọt, nhưng không còn gì để bán. Dân kháo, bần cùng sinh đạo tặc. Nhà nào nhà nấy khóa cửa, chặn then. Có người sắm cả giáo, mác để phòng trộm cướp. Trên đường phố, hiến binh Nhật dẫn những tốp cảnh sát đi tuần tra, chân bước rầm rập, khí giới loảng xoảng chạm nhau. Thủ đô hoa lệ trở thành một thành phố chết. Cứ mỗi ngày, đếm ra đã vài trăm người chết rũ ngoài cửa chùa, trong những vườn hoa, trên lề đường, bên những ngõ ngách, cống rãnh và nhất là ở những nơi họp chợ. Họ chết cóng cũng có, chết đói cũng có. Trời không thương, đúng lúc này lại làm mưa làm gió.

Co ro trong chiếc áo ngự hàn, Văn Cao gõ cửa ba tiếng thưa, rồi hai tiếng nhặt. Chị Cầu hé cửa, Văn Cao nói khẩu mật. Lát sau, chị xách một gà-meng, đưa Văn Cao lách vào lối sang nhà Chính. Để gà-meng lên bàn, chị ôm bọc chăn trên giường lên tay, mở ra nhìn rồi áp tai vào nghe ngóng. Chị nhìn Văn Cao:

- Đứa bé vẫn sống! Chỉ gà-meng, chị tiếp – chú có đói cứ bới cơm ăn trước. Chú Chính đi về cứ như ma, chẳng giờ chẳng giấc gì cả.

Nói xong, chị châm bếp dầu hâm nồi cháo. Không nhìn Văn Cao, chị chép miệng:

- Chú chắt nước cháo, đổ cho đứa bé. Nhớ nếm thử xem có nóng quá không nhé. Tôi phải về, có việc!

Khóa cửa sau lưng chị Cầu, Văn Cao quay vào. Bế đứa bé lên, nó nhẹ như bông, mồm chu ra đòi bú. Phà hơi nhè nhẹ, thấy mi mắt nó khẽ động đậy. Nhìn đăm đăm, Văn Cao thèm một tiếng khóc, hay rên, hay bất cứ một thứ âm thanh nào đến từ cuộc sống. Chắt được nửa bát cháo, Văn Cao múc từng thìa, lách giữa miệng đứa bé, nghiêng vào đổ từ từ. Như chợt nhớ ra, Văn Cao lôi từ bụng hai khẩu súng, một khẩu Colt và một khẩu Browning, đặt lên giường rồi đẩy ra xa, ngoảnh mặt đi không nhìn. Đúng lúc đó, tiếng gõ cửa ngoài, ba nhặt hai thưa. Chính đã về, tiếng mở khóa loạch xoạch, rồi tiếng cánh cửa gỗ nghiến trèo trẹo.

Thấy hai khẩu súng trên giường, Chính nhìn Văn Cao. Đặt đứa bé xuống, Văn Cao hiểu ý, thủng thẳng:

- Gửi anh, mang trong người mà bị khám thì toi!

Nhớ lời giới thiệu của Vũ Quí ở buổi họp Thường Vụ, Chính hỏi:

- Cậu ở Hải Phòng lên, chắc là vụ Võ Đức Phin?

- Vâng, Văn Cao gật đầu. Xong rồi, nhưng suýt chết!

- ...

- Cái này, Văn Cao chìa khẩu Colt, không nổ. May ông bố vợ tặng cho khẩu Browning, rút ra bắn kịp! Lại giọng giễu cợt, Văn Cao tiếp, thế là nợ ông ấy cả mạng mình lẫn cô vợ, anh ạ!

Chính bật cười:

- Súng Colt có tiếng là tốt...

- Ờ, súng đoàn thể giao, lại còn dặn đi dặn lại là đã thử, mười phát nổ cả mười. Mình bóp cò, nghe cạch một cái. Thằng Phin hoảng hốt đứng vùng lên, lùi lại, luống cuống...

- Ai giao...

- Nguyễn Đình Thi. Lần sau, ai giao thì giao, cứ phải tự mình bắn thử!

Chột dạ, Chính lo cho những người phải làm thứ nhiệm vụ cần chính xác, nhanh gọn là đi ám sát bọn Việt gian nguy hiểm. Không biết Nguyễn Đình Thi là ai, Chính hỏi. Văn Cao đáp:

- Thi là tác giả bài "Diệt phát xít" đấy!

- Thế cậu báo cho Vũ Quí chưa?

- Rồi. Anh ấy sẽ đưa tin lên chỗ anh Lê Giản, và xin ít nhất là hai viên đạn để người nhận nhiệm vụ có quyền thử súng trước khi đi thi hành!

Gật gù, Chính mở gà-meng trong có cơm cho hai người, món thịt rang mắm tôm muôn thuở của chị Cầu, chút rau muống xào tỏi và bát canh suông. Mở trạn lấy bát đũa, Chính đặt lên bàn, tay ra dấu mời. Hai người im lặng gắp. Văn Cao nói nho nhỏ:

- Thằng bé đổ nước cháo, nuốt không được cứ nôn thốc ra...

- ...

Thình lình, Văn Cao chằm chặp nhìn Chính, giọng có chút run rẩy:

- Anh đã giết người bao giờ chưa?

Chính cũng từng bóp cò súng, nhưng có giết ai không thì Chính không biết. Ngần ngừ, Chính chép miệng:

- Tôi có bắn, nhưng giết ai chưa thì tôi không chắc...

Văn Cao nói từng tiếng:

- Có giết, đừng bao giờ nhìn vào mặt kẻ mình giết. Nó sẽ ám ảnh suốt đời...

Và lại giọng giễu cợt nhưng đầy chua chát, Văn Cao thở ra:

- Rồi đừng bao giờ gọi kẻ bị giết là người. Cứ gọi nó là Việt gian cho tiện. Phải, cứ Việt gian là đáng chết, đúng không?

*

Chính nhường giường cho Văn Cao và đứa bé. Leo lên gác xép, Chính châm đèn, nhắm mắt tập trung cho bài phóng sự. Bên dưới, Văn Cao vặn nhỏ đèn trước khi đi nằm, thỉnh thoảng lại cựa mình, bật lên ho vài tiếng. Đang cắn bút, Chính nghe tiếng đàn bà ré lên ở mé nhà phía dưới. Sau là tiếng đàn ông, không rõ nói gì, trừ những lời văng tục. Rồi lát sau, họ cùng rúc lên cười. Văn Cao lại cựa quậy sột soạt, bất chợt ngâm nga nho nhỏ:

- *Thương nữ bất tri vong quốc hận, Cánh giang do xướng Hậu đình hoa* thế này thì ngủ làm sao được.

Chính nói vọng xuống:

- Có ấm nước chè để cạnh trạn, cậu khát thì uống. Mình còn bận việc...

Văn Cao cười, nhưng giọng buồn buồn:

- Cứ đêm không ngủ được lại nhớ vợ. Mới cưới, cưới xong vài ngày là đi ngay anh ạ!

Chính không đáp. Theo thói quen, khi chưa tìm ra được tên bài phóng sự, Chính không thể viết được gì. Đắn đo, Chính đặt bút: người no, kẻ đói: tại sao? Ngẫm nghĩ, Chính xóa. Lúc này, chưa nên đối lập người no kẻ đói. Hỏi và đáp tại sao chắc chắn động đến quyền lực phát-xít, trực tiếp thổi ngọn lửa đấu tranh. Chính viết, rồi lại xóa. Cuối cùng, Chính hài lòng với cái tên Đồng bào đói và chúng ta. Bài phóng sự khéo léo gợi ý gió bão vụ xuân năm Ất Dậu chỉ là một phần nguyên nhân gây đói. Nguyên nhân chính là điều lệnh thu mua gạo của Nhật và sự bó buộc lấy đất mầu trồng lạc và gai thay vì trồng ngô khoai như bình thường. Bài phóng sự nêu lên thử thách đầu tiên cho chính phủ Trần Trọng Kim là làm sao chuyển được gạo Nam Bộ ra cứu đói, và chỉ có thế mới gây được sự tin tưởng của toàn dân mà thôi. Cuối cùng, Chính viết, tuy thế cứu đói vẫn là trách nhiệm của từng người, và đề nghị mọi người nhịn một phần ba mỗi bữa cơm, mang tập trung ở những địa điểm phát chẩn cứu đói. Nhớ đến câu Văn Cao nói trưa nay, Chính viết, cứu đói còn gấp hơn cứu hỏa, cứ chậm là thêm người chết.

Ngoài trời gió bốc lên lùa qua cửa sổ gác xép trổ ra sau sân khiến Chính rùng mình run bần bật. Với tay choàng chiếc áo bông lên người vặn lụi bấc đèn, Chính gục mặt xuống bàn và ngủ thiếp đi. Chính chỉ tỉnh giấc khi gà đã rủ nhau gáy sáng. Nằm duỗi người, Chính nhắm mắt tính toán công việc cho ngày hôm sau. Qua cánh cửa sổ, chút nắng đông hắt vào lung linh nhảy múa trên bức vách. Tiếng bánh xe bò lộc cộc lăn bên ngoài lòng đường, hết chiếc này đến chiếc khác, đệm vào thỉnh thoảng là tiếng văng tục của phu đánh xe.

Thình lình, có tiếng khóc rưng rức. Chính bước xuống thang, ngạc nhiên nhìn. Ở góc bàn, Văn Cao ôm đầu, cạnh là dăm tờ giấy nét chữ chưa ráo mực. Trên giường, đứa bé nằm tênh hênh. Chính hiểu. Như vậy, nó chẳng cần đắp chăn làm gì nữa. Bước đến bên giường, Chính cúi xuống đưa tay ra áp vào mặt, vào mũi đứa bé giờ đã lạnh cứng vô tri. Chính nhìn về phía Văn Cao. Một đội viên Đội Danh Dự Trừ Gian hai hôm trước mới hạ thủ giết một tên làm mật thám cho Nhật, hôm nay ôm mặt khóc trước cái chết một đứa bé xa lạ, vô danh. Văn Cao vẫn không ngừng lên, cố nén tiếng khóc, sụt sịt trong cổ. Chính lặng người, không biết nói gì. Lát sau, Chính mở cửa sau, nói với lại:

- Tôi sang chị Cầu xin cái chiếu.

Bước ra ngoài, Chính thấy ngay ba xác người còng queo chết cóng trên thềm. Đi dăm bước, lại thêm hai xác, rồi ba, bốn... nằm dọc đường. Sau lưng, một đoàn xe bò lồm ngồm bò. Cứ hai người phu cho mỗi xe, mặt bịt mùi-xoa, chỉ để hở mắt, tay tóm những xác người quăng lên. Xác lổn nhổn, mắt trừng trừng mở có, nhắm có, tay giơ lên, miệng há hốc như kêu Trời. Một niềm căm hận ập vào lòng Chính. Nó mông lung, không đối tượng rõ rệt, nhưng mãnh liệt đến nỗi Chính nghiến răng, nhìn quanh mong tìm được gì để đập phá, để băm vằm, để đâm chém.

Khi Chính gõ cửa, chị Cầu ngơ ngác, giọng đầy nước mắt, kêu "Chú ơi, người chết đầy đường, hãi ơi là hãi!". Chị tìm mảnh chiếu đã rách, đưa cho Chính, thốt "Giê su ma lạy chúa tôi lòng lành..." rồi bật khóc. Ôm chiếu về, Chính không thấy Văn Cao đâu nữa. Trên bàn, những tờ giấy nằm tênh hênh. Chính cúi xuống đọc:

...

Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khói công yên
thấy bâng khuâng lối cỏ hư huyền
hương nha phiến chập chờn mộng ảo
bánh nghiến nhựa đường nghe sào sạo
ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe
chiếc quỷ xa qua bốn ngả ê chề
chở vạn kiếp đi hoang ra khỏi vực
mưa, mưa hằng thao thức
trong phố lội đìu hiu
mưa, mưa tràn lên vực
hang tối gục tiêu điều

mang linh hồn cô liêu
tiếng xe càng ám ảnh
tiếng xe dần xa lánh
khi gà đầu ô kêu.

Chính bó xác đứa bé, lầm nhầm, có lẽ Văn Cao này chính là người nhạc sĩ đã làm ra bài Tiến Quân Ca. Không hiểu sao Chính nghe văng vẳng đâu đây tiếng hát khiến mình cũng lầm nhầm hát theo, giọng nghẹn ngào, "*...Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa*", lòng cố xua đi những ngày mai chưa rõ nét.

*

Rẽ vào chợ Hàng Da, Chính đến nơi có hẹn với Hoàng, người trong tổ tam tam có trách nhiệm theo dõi di động của lính Nhật đóng ở ngoại thành. Ngày trước, Hoàng hoạt động ở Hải Phòng, sau vì mật thám truy lùng nên phải lẩn đi Nam Định, rồi lên Hà Nội. Con nhà tư sản nhưng Hoàng đã thoát xác, qua nhiều thử thách và được đoàn thể tin cậy. Chợ cuối ngày vắng tanh người mua bán, nay chỉ còn dân chạy đói chui rúc dưới những cái sạp trống tênh. Chính tìm chỗ khuất, ngồi bệt xuống dựa vào tường, mắt có thể nhìn ra con phố dẫn vào cổng chợ. Gió bấc vẫn chập chùng thốc cái lạnh hiu hắt vào nhân gian. Trời ơi, cứ thế sẽ chẳng chỉ chết đói, mà còn chết cóng nữa. Thọc một tay vào túi quần, Chính co người, tay kia kéo cái mũ dạ xùm xụp che ngang mắt.

Chính chợt nghe tiếng rên ư ử. Ngay sát bức tường làm thành hình thước thợ với nơi Chính dựa lưng, một gia đình năm người, có ba đứa bé và hai vợ chồng, nằm rúc vào nhau.

Đón đọc tập bút ký:
NAM DAO
những con người, những bóng ma

để cảm nhận những nghệ sĩ vang bóng: Nguyễn Tuân, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Bùi Giáng, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Cung, Lê Đạt... Và hiểu thêm những trăn trở về một thời hiện còn vắng bóng con người giữa những bóng ma ám ảnh.
Nhà xuất bản Văn Mới, 2006

- Ông ơi, ... ông có cái gì cho chúng cháu ăn không? Chúng cháu đói bảy ngày rồi...

Chính quay nhìn, lúng túng. Người đàn ông hốc hác, răng vều ra ngoài, hai con mắt trắng dã thao láo nhìn Chính, tay quơ vào không khí. Người đàn bà bật lên khóc rưng rức, rồi thều thào trách móc:

- Đã bảo... chết ở quê không chịu, lên đây chết để làm gì!

Người đàn ông lại van lơn:

- Ông ơi... ông thương tình, ba cháu còn nhỏ lắm, lả đi hết rồi. Ông cho miếng cơm, miếng cháo...

Nhưng cơm cháo kiếm ở đâu bây giờ? Chợ tan, hàng quán đã dẹp, có muốn đi mua cũng chẳng biết chỗ nào gần đây. Chính móc ra được hai đồng bạc Đông Dương, giúi vào tay người đàn ông, không biết nói gì.

- Đói làm sao cất chân đi được, ông ơi... ông làm phúc đi mua cho chúng cháu... cái gì cũng được... người đàn ông thều thào, giọng đứt quãng.

Thật khó xử. Hoàng vẫn chưa đến. Nếu Chính có đi, chắc phải ra đến Cửa Nam may ra mới còn hàng quán. Đi về như thế mất cả tiếng đồng hồ, thế nào cũng hụt gặp Hoàng. Suy tính, Chính biết không thể bỏ đi được. Chính ngần ngại, nói nhỏ:

- Tôi không đi được. Tôi có việc phải đợi một người...

Người đàn bà rên rỉ cắt ngang:

- Cháu cắn cơm cắn cỏ lạy ông... ông cứu chúng cháu với!

- Thôi, thì đợi... bu nó ạ!

Thình lình, người đàn bà hốt hoảng:

- Nhà nó... thằng cu Nhớn, nó làm sao thế này?

Người đàn ông lần đến ôm lấy một đứa bé. Lát sau, tiếng tức tưởi:

- Nó theo ông bà ông vải rồi!

Người đàn ông rít trong miệng thứ âm thanh của sự tuyệt vọng, nửa người nửa thú, nửa quỉ nửa ma, thất thần ngơ ngẩn nhìn hai đứa con còn lại đang thoi thóp thở. Hoàng vẫn chưa đến. Tất cả im lặng. Một lát sau, người đàn ông chậm rãi:

- Có hai đồng, ăn hết rồi cũng chết cả... Còn thằng Nhỡ với con Tý. Bu mày thì phải sống, với thằng Nhỡ... Ông đây sẽ giúp mua đồ ăn cho. Còn tôi, đằng nào cũng thế... lắm miệng ăn thì chỉ chết sớm, mà chết tất... Thôi...

Người đàn ông ấp đứa bé gái trong lòng, lưng quay lại, mặt úp vào tường. Người đàn bà kiệt sức, đầu gục giữa hai đầu gối, thở khò khè. Chính buột miệng, Hoàng đâu? Nhìn đồng hồ, Hoàng đã chậm nửa tiếng. Chính sốt ruột, quay nhìn cái gia đình khổ sở bên cạnh, an ủi.

- Tôi đi ngay đây, cố đợi một tí...

Người đàn ông không đáp. Chính xoay người đàn ông đó lại, hốt hoảng rú lên một tiếng. Tay người đàn ông còn bóp mũi đứa bé gái, miệng ứa ra máu đỏ lè. Ông ta giết con, rồi cắn lưỡi tự tử.

Chính vùng đứng dậy thì Hoàng vừa tới. Giọng trách móc, Chính hỏi:

- Làm sao mà đến chậm vậy?

Hoàng nói nhưng Chính không hiểu, tay chỉ vào xác người đàn ông và hai đứa bé mới chết. Chết đói, chết lạnh, chết ngạt và chết vì tự cắn cho đứt lưỡi, để cái số tiền hai đồng nhỏ mọn có thể nuôi được người vợ và đứa con trai còn sót lại sống được thêm ngày nào hay ngày ấy. Hoàng hiểu chuyện, nhảy lên xe đạp đi tìm thức ăn cho hai nhân mạng thoi thóp. Chính ở lại, lấy áo dạ của mình ra đắp cho thằng bé Nhỡ, lột quần áo người đàn ông phủ lên thân hình của người đàn bà da bọc xương, nằm cong queo, thở hắt ra yếu ớt.

Đến khuya hôm ấy, sau khi đổ cháo cho hai mẹ con và đợi họ hồi tỉnh, Hoàng mới đèo Chính về khu Khâm Thiên. Mở cửa, Hoàng nhận ngay ra Văn Cao, người đến trú hôm trước. Xưa đều trong đội ám sát ở Hải Phòng, họ bắt tay nhau, nhưng câu chuyện vẫn là cái nạn đói đã lan tràn về đến vùng Yên Bái, Phú Thọ. Văn Cao văng tục, tay chỉ lên trời:

- Tiên sư ông cao xanh, sao ông chọn những người đáng sống vật cho chết. Còn những kẻ đáng chết, ông cho chúng nó sống, lại sống trên đầu trên cổ kẻ khác!

...

Nam Dao

Tìm mua, tìm đọc tác phẩm thứ sáu của
nhà văn HOÀNG NGA
ừ thôi kiếp sau em nhỏ
tập truyện
Làng Văn xuất bản
Sách dày 270 trang. Giá 14 Mỹ kim

MIÊN DU ĐÀLẠT

em việt nam... mảnh dư đồ rách!

Ngày tháng Tư buồn thương thân phận mỏng
Mưa tháng Tư khóc hận mộng tuổi xanh
Nắng tháng Tư khô bờ môi nứt nẻ
Thơ tháng Tư làm buốt cả tim anh

Gió tháng Tư không làm trời dịu mát
Hoa tháng Tư không nở thắm tình xanh
Đời vẫn buồn như giọt hờn trong mắt
Thương Việt Nam, Em chẳng được yên lành

Con đường về rợp màu hoa sắc tím
Tím hoàng hôn, tím cả bóng đời Em
Anh đối diện niềm đau đang lắng đọng
Nghe tim mình chợt khóc tháng Tư đen

Anh nghẹn ngào lệ trào trong tiếng nấc
Thương đời Em, chua xót nói không cùng
Mối hận nào mang một nỗi đau chung
Em còn đó, mà đôi bờ xa cách

Em, Việt Nam, mảnh Dư Đồ nát rách!!

Miên Du Đà Lạt
Ca 04/18/03

SONG THAO

cay đắng

"Tại sao mày không nói thật cho tao biết?"

Mặt Vũ căng lên. Tôi ngồi chịu trận. Hắn muốn xỉ vả gì tôi cũng cứ làm lơ. Tôi hiểu nỗi xúc động của hắn.

"Ăn đi! Tám năm không được ăn, bây giờ được ăn lại bày đặt vẽ chuyện. Cứ ăn cho nó khỏe người đã. Chuyện đâu còn đó."

Vũ dằn mạnh đôi đũa xuống bàn.

"Sư anh chứ! Anh làm như tôi là thằng chết đói không bằng!"

Tôi vẫn nhẩn nha.

"Thì chết đói thật chứ làm bộ làm tịch gì nữa! Cơm trắng chẳng có mà ăn giờ được ăn phở, sướng thấy mồ tổ. Phải nhìn vào sự thật, đừng làm phách làm tướng."

Vũ lắc đầu.

"Tao chịu thua mày. Mày vẫn như vậy. Đối với bạn bè như con củ xê ấy!"

Cứ cho cái thằng vừa bị choáng váng này hiểu là cuộc đời bây giờ nó kỳ quái lắm. Chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Tám năm đi tù, thấu xương, mới được thả về, mừng còn hơn trúng số xố độc đắc cá cặp. Đùng một cái, rơi tõm xuống địa ngục. Còn gì là con người nữa.

"Tối qua chắc mày không ngủ được?"

"Ngủ đếch gì mà ngủ! Tao nằm mà bụng cứ sôi lên. Định sáng dậy mang thân trở về xin ở tù lại."

"Nhảm!"

Tôi vùi đầu vào tô phở. Phở bà Dậu vẫn là phở số một bây giờ. Sao

hôm nay lại thấy không được ngon. Vũ cũng uể oải lùa phở vào miệng. Ăn xong, tôi lại quầy trả tiền. Bà chủ tiệm hỏi tôi đôi câu về chuyện đi đứng. Người nào cũng cấn cái trong đầu chuyện cốt lõi này. Thời buổi lạ. Ai cũng nghĩ tới chuyện đổi dời. Bà Dậu và tôi đều có giấy bảo lãnh đi Canada, cùng đang làm thủ tục, cùng ngóng tương lai có tàu bay, nên lần nào đến ăn cũng trao đổi đôi câu. Đồng thanh hay đồng khí chẳng biết mà miếng vè trong bát phở của tôi bao giờ cũng tươm tất nhai dòn rau ráu.

Trở lại bàn, tôi giục Vũ.

"Biến chứ! Kiếm cái gốc cây ngày xưa cho có không khí."

Ngày xưa, chúng tôi cùng làm một chỗ, rảnh là hú nhau đi cà phê. Có tiền thì ngồi ở Cái Chùa, hết láng thì cứ cà phê gốc me làm chuẩn. Hồi đó, bọn cấp chỉ huy trẻ chúng tôi khoảng năm bảy tên, đứa thì giữ một phòng, đứa thì coi một sở, chưa có đứa nào ngoi được lên tới cái mác Giám Đốc. Chúng tôi họp thành một nhóm làm nhột mấy anh già đang giữ những chức vụ cao. Nhột vì các anh ấy sợ tụi tôi liên kết với nhau hất các anh ấy xuống khỏi ghế, những cái ghế các anh ấy đã khổ nhọc ra sức giành lấy và cột chắc vào cái chỗ ngồi rất phúng phính của họ. Nhột hơn nữa là cái cách chúng tôi sống. Rất ngược ngạo với phong cách bệ vệ, đĩnh đạc cố làm ra vẻ cấp trên của họ. Nhóm chúng tôi, nhanh chân chạy đi được trước có mấy tên. Ngày trình diện tại nhiệm sở sau đó, không thấy mặt thằng nào là mừng cho thằng đó. Mừng nhưng cũng xót cái bụng. Sao chúng nó nhanh chân thế chẳng biết. Sư các anh nhé! Các anh kín như bưng, chẳng thấy anh nào rủ mình một tiếng. Xót thì chửi đổng vậy chứ lúc hỗn quân hỗn quan, lo chạy được cái mạng đã xấc bấc xang bang, còn hú được ai. Mấy thằng còn lại rủ nhau vào tù hết. Tôi là thằng được về trước nhất. Cỡ công chức có môn bài như Đốc Sự Quốc Gia Hành Chánh còn phải ở lại nói chuyện phải trái hơi lâu. Cỡ Cao Học Hành Chánh như Vũ thì lê la từ Nam ra Bắc không hẹn ngày về. Tám năm được về như hắn kể ra cũng còn có hạng. Bò về được tới nhà, nghe tiếng con nít khóc vọng ra, hắn biết sự tình. Biết nhưng mà vẫn choáng. Nghe tin đồn thì từ những ngày còn trong trại, nhưng hy vọng thì vẫn cứ hy vọng. Tin đồn thường thất thiệt! Trong một bức thư gửi cho tôi, hắn đã nài ni tôi cho hắn biết sự thực.

"Sao hồi đó mày không kể hết sự thực cho tao?"

Tôi lừ lừ đôi mắt như muốn đo cái sự can cường của thằng bạn mờ người trong tù.

"Kể sự thực lỡ mày nổi điên trong đó thì còn ra cái thể thống gì nữa!"

"Mày chơi với bạn lâu ngày mà không biết tính bạn. Cỡ tao mà điên được à? Còn khuya!"

Tôi liệng sát chiếc xe đạp cà khổ vào xe hắn.

"Thằng nào miệng cũng nói ngon lắm, nhưng vào việc mới biết. Nhất là chuyện liên quan đến con tim. Tao chẳng dại."

Vũ xuội lơ.

"Tao đếch thèm nói với mày nữa. Thằng cà chớn!"

Tôi nắm lấy ghi đông xe hắn, chạy hàng hai. Ngày xưa chạy kiểu này sẽ bị mấy anh bạn dân làm phiền ngay. Bây giờ, đường xá thênh thang, chủ yếu là xe đạp, chạy kiểu dắt díu như thế này cũng chẳng ăn bao nhiêu đường của người khác.

"Tao nói thiệt với mày nhé. Nếu tao không cà chớn thì chắc gì có ngày mày về như thế này. Đừng có lên gân!"

Chẳng hiểu hồi đó sao chuyện của Thanh lại lọt được vào tới tai hắn. Tôi nghĩ hắn biết từ mấy đứa em gái hắn vào thăm mỗi khi được phép thăm nuôi. Mà tôi dè chừng hắn còn biết rõ hơn nữa. Vợ hắn vốn không được lòng bên nhà chồng. Khi hắn vào làm chung sở với tôi thì hắn đã có hai thằng con trai. Theo những gì hắn tâm sự với bọn chúng tôi sau những chầu nhậu ngà ngà thì cuộc hôn nhân của hắn với Thanh không được hai bên gia đình tán thành. Bên nào cũng giành phần phải về mình. Hắn và Thanh, mặc cuộc chiến tranh nhỏ đang xảy ra bên lề tình yêu, vẫn cứ dắt nhau lên bàn thờ xỏ nhẫn cho nhau trước sự lạt lẽo của cả hai bên cha mẹ. Cuộc tình của hắn ngon lành như vậy. Hai vợ chồng thương nhau hết lòng. Chồng công chức hạng A, vợ giáo sư Trung học Đệ Nhị Cấp, hai đứa tằn tiện cho cuộc sống chung. Trước khi mất nước, hai vợ chồng đã mua được một căn nhà nhỏ, lợp tôn, ở Bình Thạnh, hơi xa nhưng hai vợ chồng đều có xe honda nên cũng không đến nỗi nào. Từ nhà hắn tới sở làm phải chạy ngang qua nhà tôi. Nhiều lần hắn vớt tôi đi ăn sáng trước khi vào sở. Cuối tuần, hắn chở vợ con tới chơi nhà tôi, có khi vui chuyện ở lại ăn cơm. Thế nên vợ hắn cũng thân với vợ tôi. Tôi ở tù chẳng bao lâu thì được cho về trước. Tại sao họ cho tôi về thì tôi cũng chẳng biết. Cứ như trúng số. Hắn chạy theo nhắn với tôi thỉnh thoảng xuống thăm chừng vợ con hắn giùm. Hắn chẳng dặn thì tôi cũng phải làm. Trong thời buổi khốn khó con người thường xích lại gần nhau hơn, huống chi là bạn thân với nhau. Đường xa cũng phải gần dù phương tiện di chuyển chỉ là xe đạp. Cứ lạch cạch mà đâu cũng tới hết. Mỗi tuần tôi chở con gái tôi xuống nhà Thanh một buổi để Thanh dậy tiếng Anh. Mỗi khi được phép viết thư vào trại, Thanh vẫn

cho tôi biết để gửi cho Vũ ít chữ trấn an.

Chúng tôi thắng xe bên quán cà phê lề đường ngày xưa chúng tôi vẫn thường hay la cà tới. Chủ quán vội đưa ra hai chiếc ghế gấp lùn tịt và một chiếc bàn dã chiến. Khách chung quanh hầu như anh nào cũng có chiếc mũ chụp trên đầu. Tôi không hiểu vì sao mà Sài Gòn lại sản sinh ra một loại văn hóa mũ nở rộ đến thế. Hầu như mọi người chẳng ai muốn chường mặt ra dưới những tia nắng quái. Tôi lột chiếc mũ có vành màu ka ki trên đầu xuống. Vũ cũng làm theo. Chiếc mũ của hắn mang từ trại cải tạo về nhão nát thảm thương.

"Chút nữa về nhà nhớ nhắc tao đưa cho mày chiếc mũ khác nhé. Chụp chi chiếc mũ tổ đỉa đó cho mất giá trị đi!"

Vũ ngượng nghịu.

"Giá trị gì nữa.Thời buổi này cần chi cái mặt tiền. Sao mà chẳng được. Dân Sài Gòn bày vẽ quá."

"Mày làm như mày chưa bao giờ là dân Sài Gòn hết cả đấy."

Tám năm tù tội làm con người hắn giản dị đi nhiều. Sáng nay tôi bảo hắn lấy cái xe đạp của vợ tôi mà đi, hắn cũng đưa đẩy. *Thôi, tao đi bộ cũng được. Đi mà không xẻng cuốc, không lon không túi, giầy dép đàng hoàng như thế này là tiên rồi. Cần gì phải xe cộ!* Tôi phì cười. *Này, mày trở lại thế giới văn minh rồi. Phải cư xử, suy nghĩ sao cho ra con người văn minh chứ.* Vũ trợn mắt. *Văn minh hả? Chưa đâu!*

Vũ quay quay chiếc mũ.

"Bây giờ tao rừng rồi! Chỉ thiếu điều mọc đuôi!"

Tôi cười ha hả. Mấy ẩm khách chung quanh liếc nhìn qua. Vũ nháy tôi, nhỏ giọng.

"Mày giữ ý giữ tứ một chút chứ. Bây giờ tao mới thấy anh Sartre nói đúng. Hỏa ngục là người khác! Mẹ kiếp. Vậy mà anh ấy cũng nhào vào hỏa ngục, cháy râu cháy tóc mới nhảy ra, cứ tưởng lửa nào cũng giống như lửa của anh Picasso vẽ ấy! Tao cũng đang cháy xém mặt mũi đây."

Vũ lại trở về chuyện đang làm hắn điêu đứng. Kể cũng điêu đứng thật. Vợ chồng lấy nhau vì tình rõ ràng, tại sao chỉ vài năm thử thách, thiên nga đã gãy cánh? Tôi còn nhớ như in buổi tối hôm đó, chừng vài tuần sau khi không dạy con gái tôi học nữa vì bận, Thanh đạp xe tới nhà tôi trong lúc mưa gió. Vừa vào nhà, nàng hỏi ngay, như câu hỏi đã nằm từ lâu trong đầu nàng tới độ không thể chờ lâu hơn được nữa.

"Anh có biết chừng nào anh Vũ được về không?"

Nhìn bộ mặt thảng thốt chờ câu trả lời, tôi thấy tội nghiệp Thanh vô

tả. Trả lời ra sao đây? Nếu tôi nhìn được vào danh sách những người sắp được thả thì hay biết mấy.

"Vũ cũng như các bạn đã đi tù ba năm rồi, chắc cũng sắp được về. Ba năm là cái giá chót, tôi đoán vậy."

Thanh như ngồi không yên.

"Vậy là anh cũng chẳng biết gì!"

Tôi khỏa lấp.

"Tôi có là cán bộ ở bộ Nội Vụ đâu mà biết. Mà nếu tôi là cán bộ thật thì chắc bà cũng chẳng tới hỏi tôi!"

Thanh ngồi trằn trọc, nhích qua bên này, nhích qua bên kia. Và bỗng nhiên nàng bật khóc.

"Tôi cần anh Vũ lắm!"

Người nàng mềm nhũn theo tiếng khóc rấm rứt. Vợ tôi phải an ủi cho Thanh nguôi cơn xúc động. Thanh như nổi điên.

"Chị có anh ấy ở bên cạnh rồi, hiểu sao được tôi!"

Những chiếc lá me lăn tăn li ti rụng xuống chiếc bàn mộc đã ố đi từng mảng. Tôi không muốn nói với Vũ về cái linh cảm tôi có vào tối hôm đó sau khi Thanh tất tưởi ra về. Tôi biết có chuyện nhức nhối trong lòng người thiếu phụ trẻ. Nhưng tôi lại cố lừa dối mình bằng cách nghĩ là Thanh có chuyện gì đó với gia đình chồng.

"Vợ mày đã có một thời gian điêu đứng vì sự vắng mặt của mày."

Vũ gằn giọng.

"Thì ai chẳng vậy. Cả trăm ngàn thằng đi tù chứ riêng gì tao. Ăn thua là tùy người."

"Nhưng mỗi người một hoàn cảnh. Tao hỏi thật mày nhé. Chuyện của mày và Thanh, sau khi chúng mày đã có con, mọi sự đã an bài, gia đình mày có coi Thanh như con dâu không?"

"Mày biết đấy, cái gì một khi đã có vết thì khó lành lặn lại được. Nhưng tao nghĩ là chẳng đến nỗi nào, nhất là khi tao gặp hoạn nạn."

Tôi ngồi yên. Đầu óc rỗng tuếch. Khung cảnh này vẫn như xưa. Ngày trước, những buổi uống cà phê như thế này ít ra cũng năm bảy mạng. Cây me già có chiếc thân sần sùi, cóc cách vẫn như chẳng thay đổi, dù chỉ một chiếc lá. Những vết đinh của những người bán hàng bên vỉa hè đóng vào để căng bạt che mưa che nắng vẫn còn hằn nguyên những thương tích trên cây. Khung cảnh yên ắng như khung cảnh trước trường Võ Trường Toản, trước mặt Sở Thú, trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, vào một buổi trưa có những vạt nắng mỏng nhẹ khi tôi chờ đón con đi học về. Hằng cũng chờ

con dưới một tàn cây bên đường. Người nữ luật sư của thời trước nay vừa làm mẹ vừa làm cha nhác thấy tôi đã dắt xe đạp qua đường. Chồng nàng là bạn đồng sự của tôi và Vũ, cũng còn ở tù cùng trại giam với Vũ. Chuyện quanh một hồi rồi cũng tới chuyện của Thanh.

"Tội nghiệp chị ấy, bơ vơ kể từ khi anh Vũ ra đi. Anh có biết là hồi anh được về, chị ấy đã tới nhà tôi than khóc. Tại sao anh về mà anh Vũ vẫn chưa được về. Tôi đã phải trấn an chị ấy. Mình đã buồn thối ruột mà lại còn phải cõng thêm một nỗi buồn nữa. Khổ thật!"

Tôi đánh trống lảng.

"Chị có tin gì của Văn không?"

"Tôi mới ra Bắc thăm anh ấy tháng trước."

Tôi háo hức muốn biết tin bạn bè.

"Văn khỏe chứ?'

Hằng cười nhạt.

"Khỏe nghĩa là còn lết được. Thần sắc anh ấy xuống lắm, người nào cũng lo không biết gia đình ở nhà ra sao làm mình phải đóng kịch phát mệt. Nói thật với anh, tôi chưa bao giờ phải nói dối chồng, vậy mà bây giờ cứ xưng xưng nói dối. Được cái lương tâm yên ổn vì nói dối có... chính nghĩa!"

Hằng cười vang. Tôi giỡn theo.

"Chị vẫn còn đứng trước tòa đấy nhỉ? Cãi vẫn còn hay lắm!"

Hằng vừa cười vừa... cãi.

"Thấy cãi thì lúc nào mà chẳng cãi! Ông Văn ông ấy không có ở nhà nên chẳng có ai mà cãi, tay nghề cũng lụt đi nhiều rồi đấy anh ạ! Ấy, cứ như tôi thì chẳng có chuyện gì. Chị Thanh thì lại khác."

Hằng như muốn nói với tôi về trường hợp của Thanh. Tôi vuốt theo.

"Kể ra thì cũng tội chị ấy."

Hằng tinh quái.

"Tội mà ông nói với cái giọng tinh queo như vậy! Các ông thì ông nào cũng như nhau hết. Chỉ được cái... cường hào ác bá! Trách bọn đàn bà chúng tôi thì tài lắm, chẳng có một trường hợp giảm khinh nào cả!"

Tôi cố nín cười.

"May quá, bà xã tôi không phải là luật sư!"

Hằng lên giọng.

"Mà ông thấy tôi nói có đúng không? Mỗi người một hoàn cảnh, phải xét tới yếu tố này trước. Như tôi chẳng hạn. Gia đình ông Văn thấy tôi cô đơn, vất vả thay chồng nuôi con, họ săn sóc, thăm hỏi, giúp đỡ ngày một. Vậy thì có chuyện gì đâu! Nếu mà trong hoàn cảnh tôi mà tôi lại

lăng nhăng chuyện này chuyện kia thì tôi còn ra cái gì nữa? Mặt mũi nào mà nhìn chồng con. Nhưng hoàn cảnh chị Thanh lại khác. Chị ấy cô đơn nhưng không được gia đình bên anh Vũ chăm sóc. Hoàn cảnh một phụ nữ như chúng tôi, chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Các ông phải hiểu cho những hoàn cảnh đó!"

Tôi chẳng thể thúc mũi dao quá sâu vào chuyện nhà của Vũ. Nhìn thấy Vũ ngồi một đống đó, như người mất hồn, tôi thấy tội nghiệp thằng bạn.

"Cái hoàn cảnh chó má thật!"

Vũ uể oải nhìn tôi. Cặp mắt thú bị thương như muốn nạo hồn tôi ra.

"Hoàn cảnh là một chuyện, nhưng con người cũng có phần của con người chứ. Mày coi mấy thằng đi học tập như bọn mình, mày thì không kể vì mày có số đẻ bọc điều được chúng nó tha về sớm, có thằng nào về trong tâm trạng não lòng như tao không?"

Ừ nhỉ, kể ra Vũ nói cũng đúng. Tụi bạn tôi quả không thằng nào lâm vào cảnh này, nhưng nhìn quanh thì thiếu giống gì những thân tù tội về nhà trong ngặt nghèo. Có điều những người đàn bà này sảy chân vì những thúc bách khác. Có người bị những tên cán bộ cấp phường cấp xã manh tâm trù dập để chiếm lấy thân xác của một giống cái thuộc một thế giới khác thập phần quyến rũ hơn. Có những người phải lao vào việc kiếm sống, lăn lộn với đời, trả thân đổi lấy những lợi lộc nhất thời trên những chuyến buôn đường dài. Có những người cần có nơi nương tựa để kiếm sống nuôi thân, nuôi con. Họ có cái cớ cho việc sa ngã của họ. Trường hợp Thanh thì khác. Vẫn trường lớp như xưa mặc dầu trường lớp bây giờ vạn phần vất vả hơn. Nghề thầy trước đây đã không nuôi nổi người, bây giờ cái khoảng cách giữa ngày đầu tháng và ngày cuối tháng còn dằng dặc hơn mặc dù thầy cô đã biết hội nhập vào cuộc sống mới bằng những bó rau, con cá, miếng thịt cột vào xe đạp trên đường từ trường về nhà. Dạy học không chỉ là đứng giảng dậy vài chục giờ mỗi tuần mà là ngày hai buổi công tác, lê la tại trường cho hết họp trường họp tổ, hát hỏng sinh hoạt, báo tường, công tác chủ nhiệm. Ngày không phải bắt đầu với ánh nắng và kết thúc khi mặt trời lặn mà ngày dài triền miên lan ra cả những lúc trời tối thui vẫn còn chưa hết họp hành. Nhưng dù sao, trong những ngày lao xao đó, có được một công việc, có được những phần gạo mỗi tháng, có được những nhu yếu phẩm thường ngày, mặc dù không đủ, nhưng vẫn có phần khá hơn nhiều người khác. Thanh cũng biết kiếm thêm lợi tức bằng việc bán sách báo, tranh ảnh tượng đạo trước cửa các nhà thờ vào mỗi ngày Chủ Nhật. Thanh là một tín đồ rất vừa lòng Đấng Tối Cao. Ngày trước, khi có dịp đi lễ với vợ chồng

Vũ, tôi thấy Thanh hát rất nhiệt thành, thuộc không sót một kinh nào, cứ như nếu bỏ nàng vào một dòng tu thì nàng chẳng cần thời gian hội nhập cũng có thể không lúng túng với chiếc áo choàng tu sĩ.

Con người kính Chúa yêu chồng như vậy, sao bỗng trượt chân chẳng phải vì những lợi lộc vật chất? Vũ nói không sai. Hiểu vợ không ai bằng chồng. Nhưng trường hợp của Thanh thì Vũ chắc cũng chẳng hiểu tại sao Thanh lại rẽ qua một lối mòn chông gai đến như vậy. Khi chuyện của Thanh đã hiển nhiên trước mắt, tôi cũng đã ngơ ngẩn chẳng hiểu ra sao. Bởi vậy nên khi nhận được thư của Vũ tôi đã không cho hắn những tin tức rõ ràng như hắn mong muốn. Tôi đã viết cho hắn, sau nhiều ngày suy nghĩ, là xã hội bây giờ có nhiều điều mà ngay người sống ở ngoài như tôi cũng không hiểu được. Vũ ở trong một hoàn cảnh khác chắc chắn không quyết định gì được về một cuộc sống mà tự mình không có kinh nghiệm. Tôi chỉ vắn tắt cho hắn biết là vợ con hắn vẫn khỏe mạnh. Chuyện gì thì đâu còn đó, cứ cố gắng giữ gìn sức khỏe, và thòng một câu thiệu bắt buộc cho một bức thư vào nơi tù đầy, cứ cố gắng học tập tốt, lao động tốt để chờ một ngày về chắc chắn không xa.

Bây giờ Vũ đã về, câu đầu tiên hắn hỏi tôi là về cái tội nói quanh không cho hắn biết rõ ràng việc lăng nhăng của vợ hắn. Phở ăn rồi, cà phê đang nhâm nhi, lòng hắn vẫn bời bời.

"Nếu ngày đó mày thẳng thừng cho tao biết, tao chẳng biết được là tao sẽ phản ứng ra sao. Bây giờ về đến nhà, tận mắt thấy, tận tai nghe, tao vẫn còn choáng váng. Tại sao lại như vậy nhỉ?"

"Thế ra bây giờ mày mới hơi bình tâm trong suy nghĩ được một chút, không còn cà khịa với tao về chuyện lơ mơ trong thư viết cho mày. Nhưng thôi, bỏ chuyện đó đi. Mà chuyện trong đầu mày cũng bỏ đó luôn. Mày cứ ở nhà tao ít bữa để vợ chồng tao vỗ béo cho mày ít ngày, chờ khi nào lòng thật thanh thản, tâm thật lắng đọng, bình tĩnh nhìn vào sự việc rồi quyết định phải làm sao. Đồng ý chưa?"

Ở nhà tôi được vài ngày, Vũ đòi đi.

"Mày đi đâu bây giờ? Tính về nhà bà cụ mày hả?"

"Không! Về bên đó cũng điên đầu chẳng kém về nhà tao. Tao vào chùa!"

Tôi há hốc miệng.Thằng này định làm một cú ngoạn mục hay sao đây?

"Chán để tóc rồi à?"

Vũ cười. Tôi chưa bao giờ thấy nụ cười nản như vậy.

"Tao ở với thằng Hạo một thời gian. Tao cần một chỗ yên tĩnh,"

Hạo là bạn học với Vũ ngày xưa, đâu từ thời Tiểu học thì phải. Ngày trước thỉnh thoảng Vũ có đưa tôi xuống Thủ Đức thăm cảnh chùa của Hạo. Đó là một ngôi chùa cổ, êm ả, lặng lẽ nép mình trong những hàng tre rậm rạp. Hạo là một thầy tu có căn có cốt. Tôi vẫn nghĩ nghịch ngợm trong đầu là nếu không có chùa thì không biết Hạo sẽ nương thân vào chỗ nào trong cái cuộc đời hoàn toàn không thích hợp với con người nhu mì của hắn.

"Mày tính cũng hay. Nhưng mà mày có chắc bạn mày còn ở đó không?"

"Hắn không ở đó thì ở đâu! Nếu vào tới sân chùa mà tao thấy một nấm mộ thì tao biết nó không còn ở trong chùa nữa."

Tôi cười. Nhắc tới bạn nối khố xưa, Vũ đã biết đùa rồi đó.

"Đừng ở luôn nghe. Mà không chừng có khi mày lại muốn ở luôn cũng nên. Nếu có ở luôn thì cho tao biết, tao sẽ tặng mày một bộ cà sa!"

"Mày thì lúc nào cũng tếu được. Thôi tao đi!"

Dũng ôm gói quần áo ra đi không cho tôi đưa ra bến xe. Khi tôi đóng cửa nhà, hắn mới nói như muốn giải thích sự vội vàng của hắn.

"Ở với mày, thấy vợ chồng mày hằng ngày, tao nghĩ tới tình cảnh tao."

Vũ không nói hết ý nhưng tôi hiểu. Nhìn lưng hắn lủi thủi khuất ở đầu ngõ, tôi quay vào, tay bất giác quệt lên mắt.

Chưa đầy một tuần, Vũ đã quay lại nhà tôi. Mặt hắn ngùi ngùi. Tôi muốn thắp thêm chút ánh sáng trên bộ mặt khó nhìn.

"Sao? Mày chán tương chao của thằng Hạo rồi à?"

Mặt Vũ tỉnh bơ.

"Mày đừng gọi nó là thằng. Dù sao, có tí áo nâu khoác lên người, nó cũng nghiêm trang ra gì."

Tôi đón hỏi.

"Chắc nó lên lớp mày rồi hả?"

Vũ gật đầu.

"Suốt ngày nó cứ bắt tao hỷ xả. Tao gật đầu muốn mỏi cổ. Cái sừng của tao nặng quá!"

Tôi chẳng nói gì. Nói gì được bây giờ? Vũ khích.

"Còn mày, mày có lời khuyên nào cho tao không?"

Trước khi Vũ về, mấy thằng chúng tôi, toàn lũ bạn của Vũ, đã cà phê cà pháo với nhau bàn xem có làm được gì cho Vũ không. Sao mà cái đầu chúng tôi hồi này tối thế không biết nữa. Chẳng có thằng nào nghĩ ra được

một ý tưởng kha khá một chút. Chỉ rặt giao banh! Cuối cùng, đành phải chấp nhận đây là chuyện mà chỉ có thể quyết định được bởi chính người trong cuộc.

"Chẳng cứ tao, mà tất cả những thằng bạn của mày, tụi tao chỉ biết được một điều là tụi tao chẳng có thể khuyên mày được gì hết. Chuyện của mày, chỉ có mày với cái tâm của mày xử lấy!"

Vũ cười cười nhìn tôi.

"Chuyện xong rồi. Tao đã về gặp Thanh. Tao đã quyết định chia tay với bà ấy!"

Tôi không bị choáng bởi cái tin giờ chót mà Vũ vừa thông báo nhưng vẫn cảm thấy hụt hẫng. Cuối cùng, chuyện phải đến đã đến. Tôi nghĩ đến Thanh, đến nỗi cay đắng không tránh được của người đàn bà bị cơn lốc cuốn theo.

"Thanh có nói gì không?"

Vũ lắc đầu.

"Không. Chỉ khóc."

Khi Thanh vác cái bụng đã vun đầy đến nhà tôi, nàng cũng khóc hết nước mắt. Trong suốt buổi chiều một ngày Chủ Nhật âm u đó, Thanh chỉ nói tới chuyện về của Vũ. Nàng vẫn mong mỏi chồng. Hình như để giải tỏa một tình trạng căng thẳng quá sức chịu đựng của nàng. Nàng như điên như cuồng trách cứ tôi tại sao tôi được về sớm mà Vũ không được như vậy. Tôi nhớ lại lầnThanh như điên như dại nói cần Vũ lắm lắm. Ngày đó nàng là một Thanh rối rắm bất an. Lần này nàng là một Thanh bời bời mong sớm một kết cục. Chiếc bụng sờ sờ chẳng che giấu không được ai nhắc tới. Chúng tôi cố nhắm mắt làm ngơ. Cả Thanh. Cả tôi. Cả vợ tôi. Chỉ khi Thanh đã ra về, vợ tôi mới nước mắt đầm đìa. "Hoàn cảnh cả!" Tôi lơ láo cất cái này, dọn cái kia, chẳng muốn nghĩ ngợi gì. Cứ ngơ ngáo như một người mất trí nhiều khi cũng có cái hay. Hoàn cảnh? Thì cũng là hoàn cảnh. Trong cái bát nháo của cuộc đổi đời, những thảm cảnh xã hội đầy rẫy chung quanh. Trường hợp của Thanh hình như không nằm trong cái chung này. Đó là một thảm kịch cá nhân.

Vũ kéo tôi về bằng câu hỏi nghe ra rất thản nhiên tự tại.

"Mày có biết Thanh đã dan díu với ai không?"

Tôi gật đầu.

"Tao biết chứ!"

Vũ bỏ nhẹ.

"Vậy mà tao mới biết đây!"

Tôi nghe như một lời trách.

"Tao tính về bất chợt để gặp thằng nhãi đó luôn. Nhưng từ khi nghe tin tao về nó trốn biệt mất. Tao tính bằng mặt bằng lời giao nó trách nhiệm săn sóc Thanh. Nhưng thôi, thế cũng là xong!"

Thằng nhãi mà Vũ nói là một đứa học trò của Thanh. Tôi có thấy hắn vài lần khi hắn cùng Thanh ngồi bán ảnh tượng trước cửa nhà thờ. Những lần đó, nhác thấy bóng vợ chồng tôi, Thanh đã kéo nón che mặt, cúi gầm xuống lơ đi.

"Bây giờ mày tính sao?"

"Tính cái gì?"

"Đời mày!"

Vũ đứng dậy ra rót ly nước, uống một hơi, vân vê chiếc ly gần cạn trong tay, chậm rãi ngồi lại, chậm rãi trong tiếng trầm trầm như cầu kinh.

"Tao sẽ mang hai thằng con tao về cho bà cụ tao nuôi. Còn tao sẽ tính đường dọt."

Hai đứa tôi ngồi như hai chiếc bóng. Bốn bàn chân gác lên chiếc bàn thấp. Tôi vớ tờ báo coi. Rất lâu sau đó, Vũ vươn vai, đứng dậy, rủ tôi.

"Đi cà phê mày!"

Song Thao
04/2006

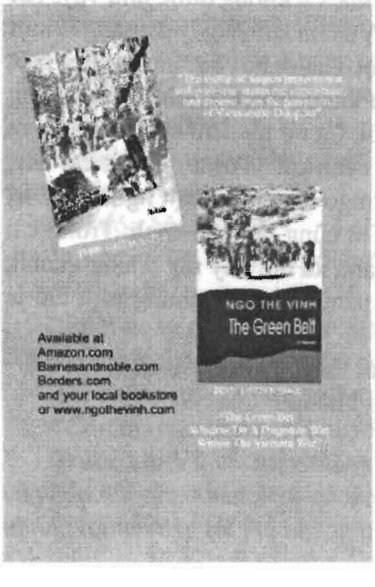

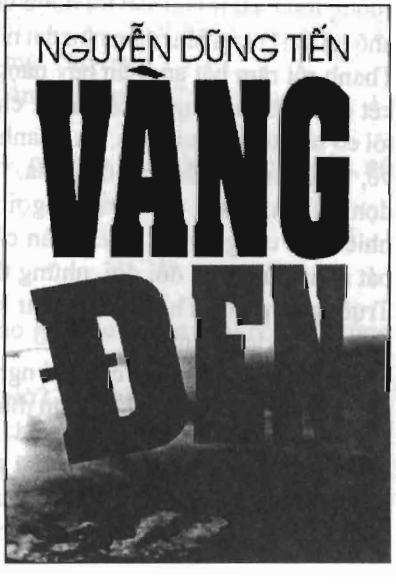

NNGUONG

thực tế

những điều mới mẻ không nằm ở trong tâm hồn mà lại nằm ở ngoài (trong) đời sống, thực tế; như trăng, *soi mới:* từng đêm của tuổi, từng nhịp đập của tình yêu, từng hơi hướm của cảm giác, mỗi thay đổi của ngày tháng; tháng ngày không chấm dứt, tuyệt tận nhưng lại bị biến dạng bởi ý nghĩ của tuyệt vọng, nên, thao thức đã nhìn thấy những tận cùng; cũng vậy, chia tay không phải từ nơi tôi / em mà đã nằm sẵn trong đời sống, mãi đến lúc, giá trị hạnh ngộ không còn nữa, thì, lười lĩnh bắt đầu ra mặt cho đến khi vắng mặt trở thành một hiện hữu choán chỗ trong ý niệm; lúc ấy, tĩnh vật và ý thức nằm cạnh nhau trong cái trống, vắng; riêng, nhưng lại chung cho một nỗi buồn, phiền (vô vọng);

chân dung tình yêu treo một bảng tên mới

trăng soi khuya mới hiên hè
nhưng đêm lại cũ ở vườn, sân xưa
nên, thao thức đến tàn khuya
nghe ngày tháng tận bên bờ trầm luân

thực ra ngày đã chia, phân
nửa trưa u tịch, nửa khuya: quạnh, buồn
bởi hạnh ngộ nằm trong hồn
còn lưu lạc đứng ngoài trần gian, riêng.

diện tích khép lại: thân, quen
ghế, bàn trống, vắng. Bặt tăm tiếng cười.
còn mây lửng giữa lưng trời
cả mưa, nắng cũng biếng, lười nắng, mưa.

NNGUONG
19/4/06

HOÀNG NGA

giả tỷ

Chàng giả tỷ nhiều thứ đáng ngờ.

Giả tỷ:

- Giả tỷ như anh và em hết yêu nhau...

Tôi hỏi tại sao phải giả tỷ như vậy. Chàng bảo, giả tỷ thôi mà. Cho vui. Giả tỷ, chàng giải thích, có nghĩa là làm bộ, giả vờ.

- Giả tỷ em và anh hết yêu nhau, em sẽ như thế nào?

Tôi nói tôi không biết. Chắc sẽ không sao. Phải không sao! Tôi giải thích, vì cuộc đời như một dòng sông, nước trôi, tôi cũng phải trôi theo, cho dẫu trôi một mình, hay trôi với chàng. Tôi hỏi lại chàng, còn chàng thì sao. Chàng bảo, không biết nữa, chắc khổ lắm.

Rồi chàng đùa, có lẽ phải làm nháp một lần cho biết.

Và chàng làm nháp cho biết. Biết xong, chàng chép lại sạch sẽ. Trên một trang giấy khác.

Còn tôi thì trôi đi. Như nước trong một dòng sông trôi đi. Nhưng tôi trôi qua trung đông. Vào biển chết. Và chàng, tôi chẳng biết, chàng có khổ hay không.

điên

Anh không thích bạn tôi. Anh nói mặt con nhỏ khó ưa. Tôi hỏi tại sao. Anh nói đàn bà mặt trèn trẹt, chỉ cần nhìn là đã thấy mất cảm tình. Anh thêm:

- Đã vậy còn õng a õng ẹo.

Tôi cười, bảo giọng nó ngọt như đường phèn, tướng tá lại hấp dẫn đến vậy mà anh chê. Tôi nói có rất nhiều thằng thích nó. Anh bĩu môi, chắc mấy thằng đó điên!

Anh không ưa bạn tôi, nên có lần tôi nấu món gì đó, anh khen, tôi bảo bạn tôi chỉ tôi làm.

- Con nhỏ ngó vậy mà khéo tay lắm!

Anh làm thinh. Được thể, lúc coi truyền hình, thấy anh thích cuốn phim tôi chọn, tôi nhỏ nhẹ:

- Nó kêu em coi phim này đó.

Anh im. Nhưng đến khi tôi bảo, bạn em có nhiều sở thích, phim ảnh, ca nhạc, thơ văn giống tụi mình, thì anh gắt lên:

- Em lúc nào cũng bạn, bạn! Coi bộ em bị ảnh hưởng bởi cái con nhỏ mặt trẹt đó quá sức!

Nghe anh gắt, tôi giận điên, nhưng cố nhịn. Ngày sinh nhật tôi, trong số bạn bè tôi mời đến, không hỏi ý kiến anh, tôi mời cô "mặt trẹt". Khi thấy khách, anh sa sầm mặt. Nếu không phải ngày vui của tôi, có thể anh đã không thèm chào. Từ đầu đến cuối bữa, anh chuyện trò, đùa giỡn với mọi người, chỉ trừ cô bạn ấy.

Lúc vui, tôi hỏi bạn tôi "làm gì" anh mà anh ghét cô. Anh đáp anh đâu có ghét, chỉ không thích vậy thôi. Nhân thấy anh không gay gắt, tôi đem những điểm dễ thương của cô bạn ra kể cho anh nghe. Anh không nói gì. Về sau anh có vẻ đỡ ác cảm, tôi rủ bạn đến uống cà phê, nói chuyện đời. Dần dà thân thiện hơn, chúng tôi đi cắm trại, picnic, ăn uống chung với nhau.

Mấy năm sau tôi mất bạn. Mất luôn cả chồng. Một lần gặp anh ngoài phố, nhớ lời anh bảo chỉ có mấy thằng điên mới thích bạn tôi, tôi cố nhìn lại anh xem anh có vẻ gì của một người điên hay không. Nhưng tôi tìm mãi mà chẳng ra. Trái lại, còn cơ hồ thấy anh rất tỉnh nữa là khác. Anh trả giá, mua bán với thiên hạ, y hệt như đàn bà.

tình yêu mật ngọt

Một đám bốn năm bà ngồi lại với nhau, nói chuyện còn tục hơn đàn ông. Con nhỏ bạn tôi kể:

- Tao đi dạy, thằng học trò vẽ trái tim có hai chân, tao la trái tim không thể có chân. Thằng học trò cãi, con nghe bố con bảo, "trái tim yêu dấu của anh ơi, dạng hai chân ra"!

Cả bọn xúm lại cười dù biết con nhỏ bạn xạo. Đứa khác than:

- Tao chưa bao giờ được chồng gọi là trái tim, trái mắt mèo gì cả!

Con nhỏ bình thường hằng ngày vẫn "you you, me me" với chồng. Con nhỏ bị lên án:

- Đồ điên! Muốn chồng âu yếm với mình, phải biết âu yếm với chồng trước. Khổng Tử dạy kỷ sở bất dục vật thi ư nhân, còn Kinh Thánh dạy, muốn người khác làm gì cho mình phải làm cho người.

Tôi không tham gia, bởi tôi cũng you, me với chồng như bạn. Hẳn nhiên cũng chưa bao giờ gọi chồng bằng những danh xưng âu yếm để được đáp lễ tương tự. Tôi ngồi thụt lùi về phía sau, nghe lũ bạn đấu hót và dạy dỗ nhau. Nhiều chuyện nghĩ cũng hay hay. Chiều về đến nhà, định áp dụng với chồng, chưa kịp lên dây thiều đã nghe một giọng rất bắn gắt và mỉa mai:

- Em lại tụ tập với cái đám bạn yêu dấu của em, ngồi nói xấu chồng cả buổi chiều nay chứ gì?

Tôi im. Thiếu điều muốn nhảy cẫng lên và thiếu điều muốn "mày tao" với con người lẽ ra đã được âu yếm. Honey, sweet heart, chắc chắn sẽ phải dành cho kiếp sau! Và cho người khác!

Bữa cơm, mặt tôi như cái mâm. Chồng tôi cũng nặng hơn chì. Hai kẻ thù không đội trời chung nuốt chung bữa với nhau. Xong, mỗi đứa một góc. Không khí trong nhà chỉ có thán khí, không có oxy. Thở ra hít vào, cạn bầu dưỡng khí, cạn cả carbonic. Tòa án là điểm gặp gỡ cuối cùng.

Tài sản đơn giản, tôi giữ con, chồng tôi giữ xe. Hôm chồng tôi chính thức rời khỏi nhà, tôi đi dự "hội nghị bàn tròn" với đám bạn để khỏi chào hỏi. Lúc về đến trạm xe bus, trời chuyển mưa lớn, tôi phone về nhà cho con đỡ lo. Gặp chồng tôi đầu máy. Đang lạnh run vì mưa, nghe giọng quen thuộc, tôi bỗng mừng rỡ, kêu lên:

- Honey, ra đón em ở trạm xe bus đầu đường nhen.

Phía bên kia bất thần lặng đi mấy giây. Sau đó, một giọng dịu dàng khe khẽ vang lên. "Anh ra ngay". Tôi cũng sững người đứng im. Lâu thật lâu, nhẹ nhàng gác ống nghe lên máy như sợ sẽ làm vỡ, tôi ngó ra ngoài cửa kính phòng điện thoại. Trời vẫn mưa vần vũ. Tôi tự hỏi, chẳng biết lát nữa đây, tôi sẽ phản ứng như thế nào

Và cũng chẳng biết có dám nhìn mặt người đàn ông ấy không.

Hoàng Nga

CAO THANH PHƯƠNG NGHI

chuyện thời thơ ấu

Bạn thân mến,

Tôi bắt đầu câu chuyện của mình như một bức thư hay lời tâm tình với một người bạn. Những điều tôi sắp kể ra đây đã xảy ra với tôi từ lâu lắm, đeo đẳng tôi trong nhiều năm. Những người trong chuyện bây giờ đã mất cả, chỉ có những ý nghĩ trong lòng tôi về họ là còn và những ý nghĩ ấy thúc giục tôi viết về họ, về những kỷ niệm mà tôi đã có được với những người thân yêu ấy, ở một khoảng thời gian xa xôi nào đó, nơi một làng quê Việt Nam nào đó...

Ngày hôm ấy tôi theo mẹ về quê lo cải táng ông bà ngoại. Cha đưa mẹ và tôi ra bến xe. Mới bốn, năm giờ sáng mà quang cảnh đã rào rào như cái chợ. Người ta xếp một hàng dài, quanh co rồng rắn với đủ thứ vật dụng, từ túi da, túi vải, đến giỏ lát, giỏ đệm, thúng mủng, gồng gánh, và cả gà vịt. Có vài người mặt mũi ngó ngang ngó dọc đến gạ gẫm chúng tôi mua vé "chợ đen". Cha nói: "Con nắm tay mẹ, nhớ coi chừng mấy cái giỏ". Tôi dạ dạ mà mắt còn bận nhìn người nọ người kia, trong lòng đang say vì chuyến đi sắp tới. Cha đi đâu một lát rồi trở lại. Ông nhìn mẹ, khẽ nói: "Em đem theo ăn dọc đường. Bánh mì anh mua còn nóng." Mẹ không đáp, cúi xuống nhét hai ổ bánh mì vào giỏ. Cha nắm tay mẹ, mẹ rút ra. Rồi xe chạy, cha đưa tay vẫy. Tôi thò đầu ra ô cửa, vừa cười tít, vừa vẫy thật mạnh: "Con đi cha ơi." Cha cố nói với theo một điều gì đó. Tôi lay mẹ: "Mẹ ơi, cha nói gì kìa". Thật ngạc nhiên tôi thấy mẹ không nhìn. Mặt mẹ buồn, buồn như nắng vắn bên sông...

Quê tôi ở xã Bình Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Tôi lớn lên ở đó. Sau này cha đổi lên làm việc ở Sài Gòn, dẫn mẹ và tôi đi theo. Rồi ông bà ngoại mất, để lại căn nhà và phần đất ruộng cho cậu mợ Tư coi sóc. Tôi e dè với ông ngoại bao nhiêu thì gần gũi với bà ngoại bấy nhiêu. Lúc nhỏ có lần tôi chơi đi trốn đi tìm, tới "hù" ông ngoại. Ông giật nẩy mình, tay ôm ngực, chúi nhủi về phía trước: "Trời ơi, nó giết tôi, nó giết tôi." Tôi chạy tới ôm bà ngoại, khóc òa. Ngoại tôi dỗ dành: "Đừng chơi dại vậy con à. Ông ngoại đau tim". Bà ngoại chưa bao giờ la rầy tôi một tiếng. Bà ăn chay tôi cũng ăn chay, bà coi cải lương tôi cũng coi cải lương, bà đọc thơ

Kiều tôi cũng đọc thơ Kiều...

Mẹ nói ngoại hồi trẻ là một người rất xinh đẹp. Tôi hay cố hình dung bóng dáng thiếu nữ của bà còn nán lại đâu đó bên cạnh những đường nét tàn nhẫn của tuổi tác. "Bà ngoại ơi, hồi xưa ông ngoại làm quen với bà như thế nào?" Ngoại bật cười: "Làm gì có chuyện đó". Năm 18 tuổi, một lần đi chợ về, bà thấy trong nhà có ba người đàn bà lạ mặt. Ba người ấy nhìn bà, săm soi, cái nhìn của những người mua hàng ngoài chợ. Bà cố bảo rằng họ là bạn từ xa, đến chơi ít ngày. Ít ngày có nghĩa là một tháng. Bà thấy làm lạ rằng họ không đi đâu chơi cả, chỉ quanh quẩn trong nhà, hỏi han, dòm ngó. Vài tháng sau là đám cưới bà. Bà kể lại là đã cùng với một người chị em bạn vạch tấm vách bằng lá của nhà bếp nhìn ra để biết mặt ông lần đầu tiên hôm ấy và nhận ra một trong ba người đàn bà kia là mẹ của ông ngoại. Bà về làm dâu, trong lòng chỉ có những khái niệm rất mơ hồ.

Khi mẹ và tôi về đến Bình Phước thì trời đã chạng vạng. Hơn năm năm đã trôi qua. Căn nhà cũ với những dấu vết của thời thơ ấu bên cạnh ông bà ngoại. Cái siêu bà hay sắc thuốc cho ông, cái cối đá bà vẫn thường xay bột làm bánh cho ông, cả những cái nia, cái sàng... được cậu Tư xếp gọn vào một góc nhà. Mợ Tư xoắn xít hỏi chuyện đò xe, chợ búa, mẹ chỉ trả lời cho có lệ. Mẹ dẫn tôi ra sau nhà ngồi cạnh hai ngôi mộ của ông bà ngoại. Đồng đất im lìm, phẳng lặng, chỉ có bóng tối dần dần phả ra mênh mông. Mẹ đưa bàn tay xoa nhè nhẹ lên tấm mộ bia của bà ngoại. Tấm bia có một lằn nứt rất sâu ở giữa. Mẹ nói:

- Ngoại có điều không vừa ý nên tấm bia mới nứt như thế này.

- Ngoại không vừa ý điều gì? Tôi hỏi.

- Ngoại không muốn nằm cạnh ông ngoại.

- Sao vậy mẹ? Ngoại không thương ông à?

Mẹ dừng lại. Một nửa khuôn mặt mẹ chìm trong bóng tối, tôi chỉ còn thấy những đường nét vừa uất ức, vừa áo não và rất giống bà ngoại. Tôi chưa bao giờ nghe một lời to tiếng giữa ông bà, ngay cả một cái nhăn mặt nhíu mày của bà tôi cũng không nhìn thấy, hay vì đầu óc thơ dại của tôi lúc ấy không vượt quá con mèo con chó và khoảng sân chơi lò cò, tôi đã không nhận thấy điều gì ngoài sự tận tụy của bà đối với ông. Muỗi và bù mắt bắt đầu bay vòng vèo. Có tiếng chim gì kêu chao chát từng tiếng một, từng tiếng một. Mẹ thở dài:

- Có lẽ ngoại nhất định không ở đây nên mới có chuyện cải táng như vầy.

Tôi nói:

- Cậu Tư định bán ruộng thì phải cải táng thôi. Mà mẹ vô nhà đi... Suốt ngày mẹ chưa ăn gì. Bánh mì cha mua mẹ cũng không ăn.

Mẹ đáp:

- Con vô trước đi.

Tôi vô mùng nằm ngủ, tôi nhớ cha. Những chăm chút tủn mủn của cha làm tôi thấy bất nhẫn. Tôi mang máng cảm thấy giữa cha mẹ có điều gì giấu giếm, giống như câu chuyện giữa ông bà ngoại. Lần đầu tiên trong căn nhà xưa, tôi không tìm thấy cảm giác thoải mái quen thuộc mà chỉ cảm thấy một sự bưng bít bao quanh mình bởi những câu nói bỏ dở, những cái im lặng khó chịu. Giấc ngủ đến với tôi từng chập, vật vờ, và thật vô tình tôi đã nghe lỏm được câu chuyện giữa mẹ và cậu Tư.

- Ngày mẹ mất, em không muốn chôn ở đây, bên cạnh cha. Anh biết ý mẹ rồi mà. - Giọng mẹ tôi lạnh và sắc.

- Cái gì hợp lý thì mình làm, không hợp lý thì không làm. Đất cát có sẵn, sanh phần cũng có sẵn, tại sao còn muốn chôn chỗ khác? - Cậu gay gắt.

- Chuyện con Tâm là một cái nhục của mẹ. Tại sao anh không nghĩ đến điều đó?

- Cô đừng lải nhải nữa, vô ích lắm. Ai cũng chết hết rồi, nhục gì nữa mà nhục.

Mẹ đứng phắt dậy, tóc bà xổ bung ra, bóng chờn vờn trên vách lá. Tôi run lên, nép sát mí mùng để nghe cho rõ, mặc kệ những con muỗi từ ngoài chích vào đau điếng.

- Chính vì mẹ không chịu nên cái bia mới nứt.

Cậu Tư cũng không vừa:

- Cái bia nứt là do đám thợ làm ăn không nắm vững kỹ thuật. Trăm thứ đổ lên đầu tôi mà còn bị trách móc.

Cậu nói nhỏ nhưng tiếng rít lên như lưỡi dao xuyên qua kẽ răng. Mẹ bỏ vào mùng, tấm tức khóc. Tôi không nhịn được, choàng dậy ôm mẹ:

- Mẹ, Tâm là ai vậy mẹ?

Mẹ sửng sốt, không ngờ tôi đã nghe được những điều vừa rồi. Mẹ đáp khẽ:

- Là một người tá điền.

- Tại sao cô ta là cái nhục của bà ngoại?

- Vì cô ta hư một mắt và đi khập khiễng.

- Như vậy thì phải thương cô ta chứ tại sao lại ghét?

- Con không hiểu gì đâu.

Tôi ấm ức quay mặt vào vách, không muốn đụng vào mẹ. Lúc nào mẹ

cũng có cái kiểu kết thúc như vậy. Cô Tâm là cái nhục của bà ngoại, còn ai, ai là cái nhục của mẹ khiến mẹ lãnh đạm với cha đến thế?

Việc bốc mộ khá nặng nên cậu Tư phải nhờ vài người đến giúp. Hai cái xác đã hư hơn một nửa, phần còn lại khô quắt và đen như thanh đước. Những mảnh ván hòm bị mối mọt ăn ruỗng, rỗ rạn. Cậu Tư lấy rượu lau thi thể người quá cố rồi xếp vào hai cái quách đã được chuẩn bị sẵn. Sau đó cậu rắc vôi bột xuống hai huyệt mộ rồi lấp đất lại, trông như hai vết thương mới bắt đầu lành.

Tôi ngồi trên xe bò với cậu Tư và hai cái quách, mẹ và mợ Tư chèo ghe dưới sông. Nắng gắt và đứng gió đến độ tôi có cảm tưởng hai con bò không nhấc chân lên nổi và nghe mùi tử khí chờn vờn bao quanh mình. Tôi cầm bó nhang đốt liên tục hết cây này đến cây khác mà không sao xua được cái mùi quái ác ấy. Tôi cứ lừ nhừ như thế cho đến nơi hỏa táng thì bắt đầu thấy xây xẩm. Lác đác dưới những bóng cây từng nhóm người mặc tang phục đang dùng đũa tre gắp từng mẩu tro cốt cho vào các cái hũ bằng sành. Hai cột khói đen dày, đậm đặc một thứ mùi cực kỳ khó chịu làm tôi không kềm được, nôn thốc nôn tháo. Cậu Tư bảo mẹ chèo ghe đưa tôi về, để cậu và mợ ở lại chờ cho xong công việc.

Mẹ cạo gió, hái lá xả, lá ổi, lá bạc hà cho tôi xông. Tôi ngủ thiếp được một giấc. Đến chiều thì cậu mợ tôi trở về. Tôi còn nhớ là mẹ bước vội ra cửa, nhìn cậu như linh cảm một điều gì. Cậu thong thả đi vào, đặt cái hũ cốt lên bàn thờ:

- Bây giờ để tạm ở đây, mai đem lên chùa.

Mẹ lắp bắp:

- Tại sao có một hũ? Còn một hũ nữa đâu?

- Hai cái quách thiêu chung cho đỡ mất thì giờ. Tao gần xỉu ngoài đó rồi. - Cậu Tư đáp, không chút ngập ngừng.

Mẹ bưng lấy mặt. Cậu chẳng buồn ghé mắt đến, để phân trần hay phẫn nộ, cậu đã chán mẹ lắm rồi.

Tôi tưởng là mẹ sẽ giận dữ, đau khổ, hoặc ít ra sẽ tỏ một thái độ nào đó. Nhưng không, mẹ lấy lại bình tĩnh sau vài phút. Mẹ tất tả ra quán thím Sồi mua nhang đèn, ra vườn hái xoài, hái đu đủ, lại đi ngâm nếp, ngâm đậu nấu xôi để mai đem lên chùa cúng. Tro cốt của ông bà ngoại đã trộn lẫn vào nhau, không thể nào tách ra được nữa. Định mệnh đã đi đến chỗ tận cùng của nó, mẹ chỉ còn có nước chấp nhận.

Chiều hôm sau mọi việc đã xong xuôi. Tôi biết là còn lâu lắm, hoặc không bao giờ nữa còn trở về đây. Ông bà ngoại đã an vị trên chùa. Việc

bán nhà bán đất sẽ tiến hành trong nay mai. Mẹ bới chén cơm nguội ra sau hè ngồi ăn. Tôi nhớ cha quay quắt. Giờ này chắc cha cũng đang ăn cơm một mình. Nhìn mẹ nuốt trệu trạo tôi nói:

- Để con nấu cơm mới cho mẹ ăn. Cơm này vừa nguội vừa khô, ăn gì được.

- Đói thì ăn được con à.

Mẹ ngừng một chút rồi nói tiếp:

- Chớ con không biết câu ông bà mình nói sao?

- Ông bà nói như thế nào?

- *Chàng ơi phụ thiếp làm chi. Thiếp như cơm nguội phòng khi đói lòng.*

Mẹ nói chậm rãi, không hằn học cũng không chua chát, như một người đang đọc thơ. Một đàn kiến bò vắt qua bậc thềm làm thành một vệt đen khiến tôi liên tưởng đến vết nứt trên tấm bia của bà ngoại. Tôi lấy cái que gạt chúng qua một bên. Đàn kiến loay hoay một lát rồi trở về vị trí cũ, tiếp tục bò, bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Mắt tôi mờ dần. Tôi nhìn chúng nhưng dường như không thấy gì hết ngoài sự u ám trong quan hệ của những người thân. Không thấy những giọt nước mắt sắp rơi ra của tôi, mẹ bảo:

- Con đi ngủ sớm đi, mai mình về.

Tiếng người la thất thanh dưới mé sông trong buổi sáng tờ mờ đất hôm sau làm cả nhà tôi bật dậy, hoảng hốt. Mẹ tốc mùng, vơ lấy ngọn đèn con cóc trên bàn thờ, chạy bổ ra bờ sông. Ở đó tôi đã chứng kiến một cảnh tượng kỳ dị. Sư thầy trụ trì đứng trên chiếc tam bản, giữa đám lau sậy bùm xùm, vừa thở hồng hộc vừa nói không thành tiếng, mặt mất hết thần sắc vì sợ hãi. Ông ta hãi hùng đến độ không đứng vững, chiếc ghe chao qua lắc lại. "Cô Tư ơi, cô Tám ơi... chắc ông bà cụ có điều không vừa ý nên cái hũ cốt ấy lịch kịch suốt đêm. Hồi tối, tôi ra coi thì thấy bài vị ngã lỏng chỏng. Tôi sợ quá, dựng lên cho ngay ngắn, đọc một thời kinh cầu siêu rồi đi nằm. Ai dè, chưa kịp sáng thì 'nó' làm thêm một trận nữa. Lần này 'nó' hất luôn bài vị xuống đất. Mấy cô lên rước cốt ấy về đi, tôi sợ lắm, không dám giữ..."

Mẹ, cậu mợ và tôi cuống cuồng xuống đò, chèo thục mạng về phía chùa. Cái cảnh tượng kinh hoàng ở gian thờ vong làm mẹ khuỵu xuống, thảng thốt: "Trời ơi, tại sao thế này?" Bát nhang, linh vị ngã chỏng gọng, tàn tro vương vãi bừa bộn. Còn hũ cốt, cái hũ cốt oan nghiệt ấy đã rơi xuống đất, vỡ tan tành, tro than tung tóe, run rẩy trên nền gạch Tàu đỏ ửng. Mợ Tư sụp xuống lạy như tế sao: "Mẹ ơi, mẹ tha lỗi cho tụi con". Cậu Tư đứng chết

lặng, hồn vía không còn. Mẹ sụp xuống lạy mấy lạy rồi gạt nước mắt đứng lên (tôi không ngờ mẹ có thể bình tĩnh đến thế), đi đâu một lát rồi trở vào với một cái hộp. Bà thu dọn tất cả tro cốt và những mảnh vỡ của cái hũ sành cho vào hộp, đoạn nói với sư thầy - ông này nãy giờ không dám bước đến gần, chỉ thập thò ngoài cửa - "Con sẽ đem tất cả tro cốt này rải dưới sông. Có lẽ ý mẹ con muốn vậy. Tụi con phải đi ngay, trước khi nước ròng..."

Mẹ và cậu, không ai bảo ai, người lái, người mũi, cứ nhắm hướng cửa sông mà chèo. Nắng sớm mới đầu còn dọ dẫm những bước đầu tiên trên bãi bùn, bờ nước, không làm ai chú ý, đến một lúc trở thành luông tuồng trên mặt sông trắng xóa. Gió và nước đuổi nhau quần quật, sát phạt càng lúc càng dữ dội. Xóm nhà, đồng ruộng bây giờ chỉ còn là một vệt xa, mờ mờ. Chiếc xuồng nhỏ trồi lên thụp xuống như sắp lật. Cậu Tư run run nói: "Thôi đừng chèo thêm nữa, ở đây được rồi." Mẹ cầm cái hộp, chờ những khoảng gió lặng thì vốc từng nắm tro rải trên mặt sông và sau cùng ném cả cái hộp ra xa bằng một cái vung tay mạnh mẽ và dứt khoát. Tôi nhìn mẹ và thốt nhiên có cảm tưởng rằng mẹ đang nghĩ đến cha khi làm cử chỉ quyết liệt ấy. Tôi xích tới gần. Mẹ ngạc nhiên ngó tôi như ngó một người lạ, vẻ phấn khích còn đầy trên mặt. "Mẹ, con không muốn mẹ và cha giống như ông bà ngoại." Tôi chỉ nói được bao nhiêu đó trước khi bật lên khóc tức tưởi. Mẹ khựng lại, thẫn thờ. Có lẽ lúc đó bà đã chợt nhận ra rằng tôi không còn thơ dại nữa.

Mẹ và tôi về Sài Gòn ngay hôm sau, mệt mỏi và suy tư. Bình Phước đã ở lại sau lưng. Những sự việc xảy ra cũng đã được xếp vào một chỗ nào đó trong ký ức. Mãi đến cuối đời tôi không bao giờ nghe mẹ đá động gì tới việc muốn chôn gần hay xa cha. Sự xa gần trong lòng bà không cần phải đợi đến lúc chết.

Bạn ạ,

Khi tôi viết những dòng này thì tro cốt của cha mẹ tôi đã ở một chỗ nào đó rất xa, hay không còn trên thế gian này nữa. Tôi vẫn tin rằng đã có một lúc nào đó thuở sinh thời hay sẽ có một lúc nào đó ở cõi vô cùng mẹ bước đến ngồi cạnh cha. Có thể mẹ sẽ mỉm cười, hoặc không mỉm cười, hoặc chỉ yên lặng nghe cái hơi ấm áp của cha dần dần chạm vào người. Cái hơi ấm áp ấy mong manh như một làn khói sau cùng còn vướng vất trên mặt sông, như lớp sương mịn bốc lên từ cánh đồng ẩm ướt, như ánh nắng rụt rè của một ngày mới. Và bạn cũng tin với tôi như thế, phải không?

Cao Thanh Phương Nghi

NGUYỄN NAM AN

sáng nghe hoàng oanh "nửa đêm biên giới"

buổi sáng nghe Hoàng Oanh qua "Nửa Đêm Biên Giới"
nhớ không sai hình như của Mai Văn Hiền
"Mẹ ơi biên cương giờ đây" chẳng cần gì bóng bẩy
cũng mềm lòng thằng lưu lạc tôi riêng

chốn đó nỗi niềm ngày xanh tuổi trẻ
đứng lên, bỏ đi, ngấn lệ nhớ về
giờ trung niên đuổi theo lòng xe từng ngày trên xa lộ
nghe "Nửa Đêm Biên Giới" nát lòng ơi hỡi Hoàng Oanh

nhớ ngày xa xa qua radio hàng xóm
bài hát đó nghe, nhỏ quá biết gì
đến khi lớn chân đường dài đo đất
cát đoạn trường, nghe thấm tận tâm can

"*Tôi qua biên giới truy lùng giặc*
Đêm ngủ rừng sâu lạnh gió sương
Những tối âm thầm đom đóm lượn
Nghe niềm tin rực sáng biên cương" [Kim Tuấn]

sao lại nhớ hôm nay thời chinh chiến
trên khúc đường dài cơm áo cù cưa

Nguyễn Nam An
1 tháng Giêng, 06

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

người tài xế da đen

Máy bay sắp hạ cánh xuống phi trường Charles De Gaulle, tôi thu xếp hành lý, nghĩ đến việc đón xe tắc-xi về nhà. Xem lại ví tiền, chỉ còn tờ bạc 20 Euro và những đồng tiền lẻ. Ngày cuối ở Sài Gòn, tôi đã tiêu hết tờ giấy bạc 100 cuối cùng không tính toán, nghĩ rằng về đến phi trường sẽ gọi ông tắc xi S. quen đến đón, nếu thiếu sẽ trả sau.

Nhưng khi tìm tấm các ghi điện thoại của ông S, không thấy đâu cả, trong mọi ngõ ngách chiếc ví và chiếc xắc tay, không có. Đầu óc mệt mỏi sau chuyến đi về lo tang cho mẹ, giờ đây không còn suy nghĩ được gì cả. Cái chết của mẹ bất chợt, chuyến đi bất ngờ, mọi thứ đều không dự tính trước, diễn biến quá nhanh làm tinh thần tôi căng thẳng và hầu như tê liệt với thực tế bao quanh mình. Tôi tự nhủ, đến Paris rồi thì còn sợ gì nữa, nơi đây tôi đã sống hai mươi năm bình yên, không hề biết sợ hãi chuyện gì.

Nhưng với hai mươi đồng bạc thì làm sao tôi thuê xe về đến nhà. Đi theo đường mêtrô thì đủ, nhưng hai cái vali, cái lớn nặng 25 ký, cái nhỏ trên 10 ký, thêm một xắc trái cây toàn quả mãng cầu. Không thể nào tôi kéo lê vào mêtrô, lên xuống cầu thang, kéo dọc theo các hành lang dài hun hút dưới lòng đất. Tôi nghĩ đến ông xã nhà tôi, giờ này đang làm gì không biết. Con trai tôi có thể đang ở nhà. Lúc thân cô thế cô, tôi nghĩ đến hai người đàn ông với sức mạnh của họ. Bản tính thích tự chủ, tôi nói với nhà tôi trước khi đi, đừng lo anh ạ, khi về đã có tài xế quen đón, nếu không, em thuê tắc-

xi. Tôi tin tưởng vào sự tháo vát của mình, (như bạn bè thường nghĩ về tôi như thế). Vì gấp gáp, tôi cũng không ghi ngày giờ trở về trên tấm lịch treo tường ở nhà. Mua vé được buổi chiều, sáng mai ra phi trường ngay.

Mấy hôm trước ở Sài Gòn, tôi có vào hiệu anh-tẹc-nét, gửi tin tức cho nhà tôi, chỉ nói vắn tắt công chuyện xong xuôi cho anh ấy yên tâm. Mở được máy, vào được hộp thư của mình, không phải là chuyện dễ dàng, người hướng dẫn đưa con chuột trượt trên màn hình khá lâu mới tìm ra. Tôi hỏi tại sao khó thế. Trả lời, ở đây liên lạc nước ngoài thường phải qua một hệ thống thanh lọc kiểm soát. Khi tôi đánh tên nhà tôi, anh ta nói tên ông này nghe quen lắm, hình như là một ông *tướng ngụy* trước kia phải không. Tôi trả lời không phải. Do đó tôi không muốn viết thêm một chữ nào. Một ông tướng và một người đi dạy học, chiến tranh và hòa bình, hai điều khác xa nhau.

Một chiếc tắc-xi chạy chậm tới, tôi đưa tay chận, người lái là một người Á Đông da vàng.

- Cho tôi về Charenton, 20 Euro được không?

Ông tài xế có vẻ khó chịu:

- Ở đây đi tắc xi không có việc trả giá, trả theo máy tính tiền.

Nói xong ông nhấn ga chạy thẳng. Đúng là quê mùa ở đâu mới đến là tôi.

Trời tối hẳn, mùa đông, phi trường lạnh căm, ngó lui ngó tới, hành khách đã về gần hết. Đồng hồ tay chỉ số 9. Gió lạnh quá, chẳng có chiếc áo len nào đem theo. Mình không nên trả giá trước, với một số tiền ít như thế, có lẽ không ai bằng lòng.

Một chiếc xe khác chạy chậm tới. Tài xế vội đứng xuống chào *bonsoir madame* rất tử tế lịch sự, anh ta cất hành lý vào sau cốp xe cẩn thận. Vào ngồi hẳn trong xe, ấm chỉ lạ. Xe rồ máy, tôi nói địa chỉ mình, một cách ung dung với người lái xe. Việc gì phải nói số tiền ra trước, nhỡ người ta đuổi mình xuống thì sao.

- Bà đi du lịch về?

- Sao anh biết tôi đi xa về?

- Nhìn thì biết bà ở đây.

À, hình dáng, cái vỏ bọc của tôi làm cho người đàn ông này tin tưởng tôi là dân Paris. Chắc cũng ra vẻ dân sang *có tiền*. Điều này hơi kẹt cho tôi, làm sao giải thích rằng tôi chỉ còn có 20 đồng trong túi.

Trên xa lộ, tối Thứ Sáu ngày 23 tháng 12, đầy ứ những dòng ánh sáng xe nối đuôi nhau. Xe chạy chậm hơn rùa. Tôi lo lắng nhìn vào máy tính tiền,

hiện ra con số màu đỏ, *10.5*. Mới ra khỏi vòng đai phi trường thôi.

- Từ đây về đến nhà tôi, khoảng bao nhiêu tiền. Tôi hỏi nhỏ nhẹ.

- Ô, chuyện đó không biết được, nếu tình trạng kẹt xe ứ đọng như thế này.

Câu trả lời chẳng làm tôi yên tâm chút nào, lại càng thêm lo.

- Bình thường thì bao nhiêu?

- Bình thường tối thiểu cũng 50, nhưng thế này có khi hơn.

Không ngờ khoảng đường dài thế. Mọi lần có chồng con, hay người quen đi đón. Xe chạy nhích lên từng bước một.

- Sao mà thiên hạ đi đâu lắm thế?

- Bà không nhớ ngày mai là Noel rồi sao, thiên hạ phải lo chạy mua quà cáp cho vợ con gia đình, không có không được.

Thấy anh tài xế vui miệng, tôi hỏi han cho đỡ sốt ruột vì nỗi kẹt xe, đỡ phải chăm chăm nhìn cái máy tính tiền. Không nói chuyện, nó cũng lên số. Riêng anh ta cũng bực mình vì cứ phải chạy chậm, nhấp phanh chân hoài.

- Anh người gốc nước nào nhỉ?

- Tôi Do Thái, ở xứ này lâu lắm rồi, cũng chán, muốn về với đồng bào ruột thịt mình.

À, dân tộc của người hùng một mắt Moshe Dayan thuở nào. Do Thái, Pa-lét-tin, giết nhau cơm bữa. Hai dân tộc vẫn còn ăn thua đủ với nhau.

- Đánh nhau mỗi ngày, về đó anh không sợ à?

- Sống trên nước mình, sợ gì. Anh ta nói thản nhiên.

Nước mình (mon pays) nghe sao mà êm ấm, sao mà hãnh diện. Tôi vừa mới từ giã nước tôi trở về đây, tôi cũng có tổ quốc chứ sao. Nhiều người Do Thái ở Pháp hãnh diện trở về xây dựng đất nước họ. Nhiều người Việt hãnh diện khi làm một du khách trên đất nước mình, trong đó tôi là một. Tôi xa lạ giữa dòng sống của quê hương.

Tôi chợt nhớ hiện thời mình đang có vấn nạn. Tôi bèn lựa lời nói thẳng:

- Tôi đi Việt Nam thăm gia đình về, tiêu hết cả tiền, chỉ còn 20 đồng, nhưng anh cứ chở tôi về tận nhà, tôi sẽ vào nhà lấy tiền trả, có lẽ chồng tôi có nhà.

Đang vui vẻ, bỗng dưng anh ta im lặng. Vừa nói xong, tôi chợt nhớ là trong tủ, tôi đã vét hết tiền mặt đem đi Sài Gòn rồi, không có thì giờ ra băng lấy thêm, chỉ đem theo *carte bleue*.

- Anh có máy nhận tiền carte bleue?

- Không, cũng không nhận chi phiếu, chi tiền mặt.

Và anh ta hỏi tiếp:

- Ông chồng bà chắc chắn có nhà chứ?

Tôi ậm ừ:

- Có thể đi làm về rồi.

- Kẹt xe thế này, chắc gì chồng bà đã về đến nhà.

- Có thể.

Tôi xin mượn chiếc điện thoại. Bấm số nhà mình, chuông reo hoài đợi mãi không ai trả lời. Anh tài xế khôn thật. Tôi thở ra. Xe bắt đầu vào đi vào thành phố, lại càng kẹt xe dữ dội. Chiếc máy tính tiền hiện ra con số lửa màu đỏ, nao nao cả lòng tôi: *18.*

- Bà tính sao, nếu xe về đến nhà bà cũng phải mất thêm nửa giờ, số tiền không dưới 50 đồng, chồng bà lại không có nhà. Hay bà chịu khó xuống đâu đây rồi tìm cách gọi chồng đến đón.

Mà biết chồng mình đang ở nơi mô. (Vợ chồng chúng tôi sống với nhau rất chi là thoải mái, ai nấy có sinh hoạt riêng, cứ theo đấy mà sống. Phòng riêng ngủ riêng, đỡ phải đêm nghe tiếng khò khò của nhau. Thỉnh thoảng *nhớ nhau*, cứ việc *tìm nhau trong hơi thở** cho vui một chút cũng chẳng sao. Do đó tôi ít khi để ý chuyện đi về của nhà tôi).

Tôi hiểu anh ta không muốn chở một hành khách mà khi tới nơi, chưa chắc có đủ tiền để trả. Dù tôi ăn mặc áo quần ra dáng *parisienne,* nói năng ra vẻ dân nhà tử tế. Thế mà không phải thế.

- Bà tính thế nào cho biết?

Giọng anh ta thẳng thừng.

Bỗng dưng tôi chợt nhớ đoạn đường này, có xe buýt chạy qua thị trấn tôi ở (nhưng không ngang nhà), thôi thì nói anh ta dừng ở trạm xe, đủ tiền để trả. Hạ hồi phân giải.

- Anh cho tôi dừng ở trạm xe buýt nơi này, tôi lấy xe buýt về nhà cũng được. Tôi vội vàng nói, và nhìn vào máy tính tiền, nó đã nhảy lên số *21.*

- Tốt, tiện cho bà mà cũng tiện cho tôi.

Áp xe vào lề đường, dừng lại. *22.*

Tôi lấy tờ 20 đưa ra, ngần ngừ tìm kiếm 2 đồng tiền lẻ, xem anh ta có hảo tâm mà nói *lấy 20 thôi,* nhưng tôi thất vọng.

- Nhanh lên, sợ cảnh sát phạt.

Đây là lần đầu tiên, tôi không có tiền trả thêm *pour boire*, lại còn muốn người ta bớt tiền!

Sau khi đem hai chiếc vali màu đỏ bỏ trên trên lề đường, anh tài xế

như trút được gánh nặng, vội vàng lên xe phóng nhanh để tranh thủ thời gian đón khách khác.

Đứng lại trên lề đường, gió lạnh vi veo tấn công vào mặt mũi, tôi mở vali lấy chiếc khăn tắm quàng quanh cổ. Lúc này, không cần đúng mốt đúng điệu. Nhìn xung quanh xem có chàng trai trẻ nào đón cùng chuyến xe, để nhờ hắn kéo giúp vali lên xe. Thanh niên trai trẻ, thường có nhiều lòng tốt giúp đỡ người khác, họ còn hy vọng nhiều với đời, đời còn trong veo với họ. Đàn ông đứng tuổi vợ con, đã vô cùng mệt mỏi với cuộc sống, hết còn khả năng *galant*, có khi phải làm ngơ, nhất là với hành lý không nhẹ nhàng như thế này. Có lẽ chỉ ở những nơi chốn sang trọng, người ta mới thích biểu hiện lịch sự của mình cho người khác thấy. Trên những tuyến đường giao thông này, ai cũng chỉ muốn giành lấy một chỗ ngồi cho đỡ mỏi chân. Là người thường xuyên di chuyển trên phương tiện công cộng này, tôi biết trạm nào nhiều cư dân da trắng, trạm nào nhiều cư dân da đen và da vàng. Mỗi khi có chỗ trống cạnh người da đen, tôi thường không muốn ngồi xuống. Vì nghe nói họ có mùi. Tôi không biết họ có mùi gì, nhưng thấy đen quá, sợ.

Tôi cũng không trông mong vào đám đàn bà đi làm việc về, họ là những người tứ xứ, lầm lũi trong bóng đêm chờ xe, đang lo lắng bữa cơm tối sẽ ăn gì, cho chồng cho con. Không ai buồn nhìn ai.

Đầu óc tôi lẩn thẩn với những nhận xét bi hài trong hoàn cảnh này. Xe buýt vào giờ này chắc chắn là động nghẹt người, một thân một mình chưa chắc nhào lên kiếm được chỗ đứng, huống gì thêm 30 kí lô hành lý. Lấy ví tiền ra xem, may mắn tôi còn một chiếc vé xe sót lại, có thể cứu độ tôi được một quãng đường dài. Chuyến xe sắp tới đưa tôi đến thị trấn gần nhà, như thế tôi đỡ lo hơn.

Nhớ lại anh Do Thái, tính toán thông minh, không bị thiệt thòi. Tôi người Việt Nam, tuy thế cũng không kém chi.

Tôi là người thích tiêu tiền mặt, sao lúc này mình vô ý quá. Thế mới biết rằng mình chỉ là một người đàn bà. Không có đàn ông bên cạnh, không xong. Đàn ông lúc này biểu tượng cho bắp thịt đúng nghĩa.

Chuyến xe buýt P.C trờ tới, đầy người. Lại phải chờ chuyến xe sau. Nếu cũng đông nghẹt như thế thì làm sao đưa hai chiếc vali đẹp đẽ kia lên xe. Trong phút chốc, tôi muốn vất bỏ hết. Mọi thứ phụ tùng linh kinh đem theo, bỗng dưng đè nặng lên tâm trí suy nghĩ. Thường ngày, tôi hay nói sống giản dị, đơn giản là tốt, nói vậy mà không phải vậy.

Nếu tôi không đem gì nhiều, một cái xắc thôi, nãy giờ tôi có thể đi

mêtrô về đến nhà ung dung nằm dài nghỉ ngơi, đâu phải khốn khổ thế này. Nào áo, nào quần, nào son nào phấn, nào kem xức mặt chống nắng, khăn tắm, giày dép đi xe đi bộ. Xú-chiên ba bốn cái thay đổi, dầu gội đầu dầu tắm đem đi đôi ba chai. Thứ gì tôi cũng cần, không có không được, còn lâu tôi mới đơn giản.

Chuyến xe buýt khác trờ tới, tôi cẩn thận đưa tay ra dấu. Cánh cửa xe mở ra nhẹ nhàng, không có thanh niên trẻ nào bên cạnh. Tôi cố lấy hết sức kéo chiếc vali lớn lên, ông tài xế tử tế nói bà cứ thong thả. Một người đàn bà da đen phụ giúp tôi và co người cho tôi có chỗ đứng. Đưa vé vào máy bấm kiểm soát xong, tôi thở phào, hưởng được một khoảng an toàn. Xe nhả bớt khách qua các trạm. Đồng hồ tay chỉ con số 10. Con số trên mặt đồng hồ tuy không gây sự nôn nao lo lắng như máy tính tiền, nhưng đưa tôi vào bóng đêm.

Đến thị trấn gần nhà, tôi xuống, trạm này không có tuyến đường nào ngang qua nhà. Chỉ có cách lại đón tắc xi thôi. Chỉ còn một quãng ngắn là về nhà. Số tiền mấy đồng lẻ trong túi có đủ không, đó là câu hỏi quả thật khó trả lời. Đường khuya lạnh vắng người, ai về nhà nấy rồi, chỉ còn lại một mình tôi. Con đường này là trục chính giao thông, xe cộ qua lại khá đông, nhưng chỉ thấy xe nhà.

Trước đây vào năm ngoái, cũng tại trạm này, tôi đứng chờ xe buýt, nhưng vì tránh nắng buổi trưa hè, tôi núp dưới bóng cây xế bên. Một chiếc xe nhà ngừng ngay trước mặt, cửa mở như mời tôi lên xe, tôi ngạc nhiên nhìn người đàn ông lái xe, hắn ta cười tình nham nhở. Hóa ra hắn tưởng mình là gái Á Châu đứng đường. Tự ái tôi bị tổn thương ghê gớm, cả mấy tháng sau vẫn còn bực dọc khó chịu, mà không dám kể với ai! Từ đó mỗi lần chờ xe buýt, tôi lo đứng ngay ở bảng hiệu cùng với nhiều người khác.

Chiếc tắc xi ghé ngang khi thấy tôi ra dấu ngừng.

- Bà đi đâu?

- Cho tôi về Charenton gần đây.

- Không, đường ngắn tôi không chạy.

Giọng nói lạnh lùng của người tài xế da trắng vừa bật ra, chiếc xe vụt phóng đi. Gặp một chiếc tắcxi không có khách là chuyện khó vào lúc này. Một chiếc xe khác chạy chậm đến. Cũng câu nói như khi nãy, bà đi đâu, cho tôi về Ch...

- Không, tôi không chạy về hướng đó, tôi đang đi về nhà, trễ rồi.

Bây giờ thật tình dù can đảm cách mấy tôi cũng thấy lo. Tôi có cảm tưởng đây là đêm ba mươi ở quê nhà. Đây là thời gian ai nấy đều lo về nhà

để cúng giao thừa, đón mừng năm mới rước tổ tiên ông bà về ăn Tết. Chồng tôi đã về chưa, con trai tôi đi học về chưa.

Tôi không hề có ý định mua một cái điện thoại cầm tay. Con tôi đã nhiều lần muốn tặng mẹ, nhưng tôi một mực từ chối. Tôi thấy mình xưa như trái đất.

Những người chờ xe buýt đã đi hết, còn lại tôi một mình với hành lý, mong đợi một chiếc tắc xi tốt bụng. Tôi nhìn đồng hồ, 10 giờ rưỡi đêm rồi.

Không có ai để xin gọi nhờ điện thoại.

Từ xa, một chiếc xe tắc-xi không có khách chạy chậm, lần này tôi đứng ra khỏi lề đường chận, đưa tay vẫy. Hồi nãy, hai người tài xế da trắng đã chê không chở. Lần này, người lái là một người trong bóng tối, người tài xế da đen.

- Bà đi đâu?

Tôi nói rất tử tế, nhẹ nhàng:

- Ông có thể chở tôi về nhà gần đây không?

Người tài xế vội xuống xe, hai tay nhấc bổng hai chiếc vali cho vào cốp.

- Bà đi đâu mới về?

Tôi thật tình kể chuyện từ phi trường về, vì không đủ tiền phải đón xe buýt đến đây, và từ đây cũng không ai chịu chạy một cuốc xe quá ngắn.

- Thật thế, nhất là ai cũng lo về nghỉ ngơi với gia đình để sửa soạn ăn lễ Noel vào ngày mai.

- Thế ông chưa về nhà nghỉ ngơi?

- Lâu nay tôi thường chạy xe ban ngày, không chạy đêm, nhưng Noel là dịp cần phải làm việc nhiều để có thêm tiền, chạy thêm buổi tối, tôi hứa với con gái tôi, Noel này sẽ tặng một món tiền, kiếm được thêm đồng nào hay đồng ấy.

- Nhờ con gái ông tôi mới được về nhà trước 12 giờ khuya.

- Bà người Việt Nam phải không, tôi cũng có bạn Việt Nam.

Tôi thấy vui vui trong bụng, những lần nghe một người khác chủng tộc nói những câu như thế *tôi có cũng có bạn Việt Nam*, chứng tỏ họ yên mến nguồn gốc mình.

Thấy gần đến nhà, nghĩ đến việc trả tiền, máy tính tiền tăng thêm vào ban đêm. Xe đã đến trước nhà, ngừng lại, đèn trong xe bật sáng. Tôi mở ví tiền, đổ ra một mớ tiền đồng lẻ, vừa đếm vừa nói có lẽ đủ để trả, xin lỗi chờ một chút.

Người tài xế bỗng nói:

- Không bao nhiêu tiền, lần sau bà cần đi xe tôi, trả sau cũng được.

Nói xong ông ta đưa tấm các có ghi tên và số điện thoại. Tôi cảm động cầm lấy nói:

- Nếu thế, cám ơn, tôi nhớ.

Ông ta đặt hành lý trước cửa nhà, cười chào *Joyeux Noel.* Một nụ cười rất *Hynos**.

Đây là lần đầu tiên duy nhất, tôi đi tắc-xi mà được chủ xe, một người xa lạ không lấy tiền, cho khất chịu. Một sự khôn ngoan để giữ khách hay vì ông ta có cảm tình với người Việt. Dù sao, tôi cũng được may mắn gặp ông ta.

Cánh cửa nhà mình đây rồi, thường mở ra khép lại những khi đi đi về về, nó không gây một cảm nghĩ nào khi tay tôi chạm vào nó, nhưng sao lần này, tôi xúc động lạ. Đây là cánh cửa một mái ấm gia đình. Cánh cửa này, mấy giờ đồng hồ trước đây, là một ao ước tận cùng của tôi. Về nhà... mình rồi. Ôi, sung sướng. Tôi lấy chìa khóa xoay một vòng.

Cửa mở, nhà tôi ngạc nhiên:

- Sao về tối thế, chú taxi S. lên đón phải không?

Tôi gật đầu dạ nhỏ. Trong lòng muốn giữ kín những lo lắng gặp phải trên đường khuya. Kể lể ra thì có vẻ như trách chồng, thật ra mọi chuyện đều do lỗi của chính tôi.

Tôi bày trái cây lên bàn thờ, tìm tấm hình của mẹ tôi lúc còn sống đặt lên. Phải chăng mẹ tôi đã dun dủi cho ông tài xế da đen đưa tôi về tận nhà. Mẹ ơi.

Tối hôm Noel, vợ chồng tôi đối diện với máy truyền hình để tìm một chút không khí ấm áp, để nghe bản nhạc cổ truyền *Silent Night.* Tôi chợt nhớ đến chuyến trở về nhà đêm qua. Nhà tôi không thể nào biết được những gian nan tôi đã trải qua. Hạnh phúc làm sao khi được ở trong *nhà mình.*

Tôi nghĩ đến ông Hynos.

Trần Thị Diệu Tâm
(Noel 2005)

---

* Lời nhạc Phạm Duy.

* Hynos: kem đánh răng ngày xưa, có hình ông Tây đen cười với hàm răng trắng bóng.

QUỲNH THI

sông đồng nai chảy khúc biên hòa

Thời đi học
Con sông có cù lao ở giữa
Nhà em bên kia
Tôi bên này dõi mắt trông theo
Chẳng thấy em
Chỉ thấy lùm cau xanh ngắt
Còn dòng sông
Ngăn cách hai bờ.
*
Bờ bên này
Là nơi chờ đợi
Có con đò
mỗi ngày đưa đón em qua
Để cái gã khù khờ ngốc nghếch
Đò chưa sang
Vẫn đứng đợi hàng giờ!

Bờ bên kia
Tưởng gần nhưng xa quá
Em làm ngơ
Tội nghiệp gã học trò
*
Chừng đã lâu
Mới quay trở lại
Bến đò dường xa lạ với tôi
Dòng chảy xiết
Thuyền em vui bến khác
Để mình tôi
Tim luống ngậm ngùi.

Quỳnh Thi

TRẦN MỘNG TÚ

con số vô tình

Ánh nắng buổi sáng mùa hè chiếu qua cửa sổ rọi vào giường đánh thức ông Rick dậy, ông kéo chăn đắp phủ lên mặt, nhắm nghiền hai mắt lại cố ngủ thêm một chút nữa, cũng không ngủ lại được, nằm ngọ nguậy trong chăn một lúc lâu, đành phải dậy thôi. Ông chậm chạp ngồi dậy, chậm chạp bỏ chân xuống giường tìm đôi dép. Con mèo Lucie đến cọ cọ bộ lông xơ xác của nó vào bàn chân nhăn nheo của ông, nó cất tiếng meo meo chào ông thức dậy. *Cả mày và tao đều già rồi*! Ông lầm nhầm trong miệng.

Ông làm vệ sinh qua loa, cũng chẳng nghĩ đến cạo râu nữa, râu mọc thêm ra có đến ba ngày rồi, ông có đi gặp ai, hoặc ai đến gặp ông đâu mà cần chau chuốt. Ông vào bếp pha cho mình một chén cà phê bột quấy với nước sôi, rót sữa ra ăn một chén nhỏ *cereal*, thế là đủ cho bữa điểm tâm. Trưa nay sẽ có người đến giúp ông dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn cho ông. Nghĩ đến dọn dẹp, ông vội vàng đứng dậy ôm chồng giấy bừa bộn trên cái quầy bếp mang để trước mặt mình, ông tự nhủ ngày hôm nay mình phải đọc cho hết tất cả những lá thư trong đống giấy này. Mấy ngày hôm nay, những lá thư bỗng dưng bay vào hộp thư của ông còn nhiều hơn lá mùa thu rụng, mà tại sao chúng lại rủ nhau đến một lúc, kể cũng lạ thật. Từ khi nghỉ hưu, ngoài mấy cái giấy đòi tiền nước, tiền rác và đám giấy quảng cáo tạp nhạp, ông rất ít nhận được thư từ của ai, ngay cả mấy cái thiệp chúc năm mới cũng càng ngày càng thưa vì ông ít gửi nên ít nhận.

Chồng thư trước mặt là một hiện tượng lạ lùng. Bây giờ đâu có ai viết thư tay nữa, tất cả liên lạc họ đều dùng điện thư. Ông bật cười, cái máy vi tính phủ đầy bụi trong phòng ngủ của ông bị bỏ quên từ ngày ông về hưu. Ông đã nhất định không dùng đến nó nữa thì làm sao họ liên lạc được. Chồng thư ông nhận được thì phần đông viết trên một tấm thiệp, và thiệp hay giấy

viết thư thì cũng chỉ có vài chữ nhắn ông, tên, và địa chỉ người gửi để ông liên lạc. Có một lá thư làm ông cảm động nhất thì lại không cho ông biết địa chỉ người gửi. Ông bỏ riêng ra một chỗ và không đánh số lá thư này.

Lá thư số 1

Con muốn biết cha có cùng một sở thích về âm nhạc như con không? Cha có thích bài hát...

Lá thư số 2

Con rất muốn tìm ra lý lịch của cha, dù cha chỉ là một người cha vắng mặt. Con muốn một ngày nào đó con đến gõ cửa nhà cha và cha con mình sẽ gặp nhau.

Lá thư số 3

Cha có thể cho con biết là con có bao nhiêu anh, chị, em không? Mẹ con đã qua đời, con không còn ai thân thuộc cả, con phải tìm đến cha.

Lá thư thứ 4

Chỉ có một tấm hình, sau bức hình ghi. *Ông thử nhìn xem tôi có giống ông chút nào không?*

Lá thư thứ 5

Con sắp lập gia đình, con cần có một người cha trong ngày đám cưới của con.

Lá thư thứ 6

Cha có ngạc nhiên khi biết cha có một cô con gái lai Việt Nam không? Cha có muốn biết mặt con không?

Ông ngừng lại một lúc, ho một hơi, uống một ngụm cà phê, ông không muốn tiếp tục mở thư nữa. Ít ra còn gần mười cái nữa. Những người viết những lá thư này cho biết, họ ở trong khoảng từ hai mươi đến ba mươi tuổi. Ba mươi năm trước ông mới có 38 tuổi.

Ông không lập gia đình, nhưng ông không yêu đương bừa bãi. Ông chọn sống độc thân vì công việc đòi hỏi ông phải đi đây đi đó, ông cũng có giao thiệp thân mật với một vài phụ nữ nhưng không có nghĩa là ông có tới hơn mười đứa con cùng đi tìm ông sau mấy chục năm. Ông mỉm

cười với cái ý nghĩ hơn mười đứa con cùng rủ nhau đi tìm mình. Ông có phải là triệu phú đâu mà có người muốn đến chia của. Ngôi nhà ông đang ở tuy là của ông nhưng nó nhỏ và cũ kỹ, có đến cả hơn mười năm nay ông cũng chưa hề tu bổ lại. Vì độc thân nên ông cũng đã viết chúc thư là sẽ tặng cho họ Đạo căn nhà này sau khi ông qua đời. Bây giờ bỗng dưng có cả hơn mười người trẻ đến gọi ông là bố. Ông có lục trong trí ra độ năm, sáu người phụ nữ thân nhất xem có người nào ông có cơ hội để lại cho họ giọt máu của mình không?

Ông không biết phải làm gì với những lá thư này? Vứt đi thì tội, vì họ khi gửi cho ông thì chắc là muốn ông trả lời. Ông đoán đây là trò đùa của một nhóm bạn với nhau, chúng mở điện thoại niên giám ra chọn đại một cái tên, mà chúng hy vọng là một ông lão nhà giầu, rồi cùng viết thư nhận ông là cha. Nhưng suy nghĩ một hồi, ông thấy mình đoán sai, vì địa chỉ trên những phong bì này không cùng một thành phố, thậm chí không cùng một tiểu bang nữa, có cái còn ở bên Anh gửi sang, mà người viết là một sinh viên đang du học, khai có bệnh thận di truyền và tin là ông đã truyền cho cô. Bệnh về thận thì đúng là của ông rồi, ông đang dở sống dở chết vì cái bệnh này đã trở nặng mấy năm gần đây. Bây giờ lại có người được thừa hưởng bệnh của mình thì cái khổ sẽ tăng gấp hai rồi.

Sau bao nhiêu thu xếp trên điện thư, điện thoại, phải mất gần sáu tháng, họ mới hẹn được gặp nhau trong một cuối tuần camping ở Lake Chelan, Washington. Không phải tất cả cùng đến được, có ba bà mẹ, trong đó có một bà mẹ có con sanh đôi, vắng mặt. Nếu họ cùng đến được cả thì tổng cộng sẽ là 11 bà mẹ và 20 đứa con. Laura nhìn Carol và hai người mẹ nhìn hai đứa nhỏ của nhau. Thằng James và thằng Dick giống nhau quá. Chúng cùng có một mầu tóc và đặc biệt cái miệng cười.

Laura nói:

- James có cặp mắt của chị.

Carol ngửa mặt cười:

- Thì cũng phải có cái giống mẹ chứ, thằng Dick hai má đầy vết tàn nhang đáng yêu kia không phải của mẹ cho thì của ai đấy?

Laura là một Nha Sĩ, 34 tuổi, một bà mẹ độc thân thành công và sống rất thoải mái, chị không hề có tư tưởng cần một người đàn ông trong đời sống mình. Chị có hò hẹn, có đi nghỉ mát, đi ăn, đi chơi và có ân ái với đàn ông, nhưng toàn là những quan hệ ngắn hạn. Chị thích độc lập, không muốn ràng buộc vào tình cảm lâu dài. Đối với chị thật là chán ngấy khi cứ phải đi

theo mà chiều chuộng một người đàn ông như một đứa trẻ hoặc phải phục dịch họ như một ông hoàng. Cái đó không có chị.

Carol là một phụ nữ có nhan sắc trên trung bình, chị là một Chuyên Viên Tiếp Thị cao cấp, công việc đòi hỏi chị đi xa thường xuyên, hằng năm chị đi làm việc ở các nước Á Châu nhiều hơn thời gian chị làm ở Mỹ, chị gặp gỡ những người đàn ông có học, thành công và mang quốc tịch khác nhau. Nhưng về một cách nhìn nào đó chị không thấy có người đàn ông nào đáng cho chị phải khâm phục. Họ kém chị hay chỉ ngang bằng chị là quá lắm rồi. Làm gì mà có người thông minh hơn và thành công nhanh như chị. Chị chọn ở độc thân hơn là lấy một người kém mình, nhưng chị vẫn muốn có một đứa con, chị muốn thưởng thức cái toàn vẹn của một người đàn bà, muốn hưởng cái hạnh phúc của tình mẹ con.

Ngoài Carol, Laura, còn có Joy, Teresa, Tina, Beth, Marie và Hiền. Tất cả tám người phụ nữ gặp nhau ngày hôm đó đều là những phụ nữ trí thức, tự lập, thành công trong xã hội. Họ muốn có kinh nghiệm sanh đẻ, muốn được làm mẹ nhưng không muốn lệ thuộc vào một người đàn ông, họ không muốn đổi họ, cái họ đã mang niềm hãnh diện cho mình.

Những đứa trẻ trên dưới 12 tuổi, bảy đứa con trai và năm đứa con gái. Có đứa bé nhất mới được 3 tuổi, là con của Hiền, con bé lai trông lại hóa ra đứa dễ yêu nhất trong đám, da nó mầu ngà ngà, tóc nó đen bóng trong khi hai con mắt thì trong veo, xanh biếc như nước biển. Bà mẹ trẻ Việt Nam này làm Tiếp Viên Hàng Không, rất hãnh diện về việc lựa chọn cho mình trong chức vụ *Bà mẹ độc thân.*

Đám trẻ còn lại, đứa nào cũng mặt mũi rạng rỡ, thông minh và bằng cái mắt hay cái mũi, cái miệng, chúng giống nhau như con trong một gia đình.

Những người mẹ hẹn nhau mỗi năm gặp gỡ một lần để những đứa trẻ được gặp nhau. Họ hy vọng những đứa bé coi nhau như anh, chị, em. Hy vọng thế thôi. Làm sao mà biết được chúng bằng lòng chấp nhận nhau. Chúng có chung một cha nhưng chúng được nuôi dậy trong những gia đình và những hoàn cảnh khác nhau. Người cha chung không bao giờ xuất hiện, không có cả hình ảnh và tên, tuổi. Những bà mẹ thì nói về cha của chúng một cách không rõ rệt. Có đứa lớn hơn, đọc nhiều sách vở thì muốn nghĩ một cách huyền thoại là cha nó giống như những ông vua tận bên Trung Hoa, có mấy chục bà vợ, và mẹ nó là một trong những bà vợ đó. Có đứa đã hỏi mẹ nó là Ngày Father's Day con gửi thư về đâu?

Con bé Rachel tám tuổi, thì cứ quấn lấy thằng Tom hơn nó ba tuổi. Hai

đứa nhỏ này trong giống nhau nhiều nhất. Thằng Tom ra dáng một thằng anh lắm, nó cứ chạy theo Rachel đưa hết thức ăn cho em, lại đưa nước uống, cử chỉ của nó rất dịu dàng, thân mật như Rachel đã từng lớn lên cùng nó trong một nhà. Joy và Teresa, hai người mẹ nhìn nhau, họ đang cùng nghĩ trong đầu làm sao cho chúng nó gặp nhau thường hơn. Khó quá! Họ ở hai tiểu bang khác nhau, cách nhau 5 tiếng bay.

Sau buổi họp mặt đó họ không gặp lại nhau lần nào nữa, một phần vì họ ở cách xa nhau quá, một phần vì công việc của những người phụ nữ thành công này cuốn họ đi như gió, họ chỉ liên lạc với nhau trên khung hình của máy vi tính, thỉnh thoảng một cú điện thoại, họ cũng có gửi hình con cái cho nhau. Nhưng những đứa nhỏ lớn lên, chúng liên lạc với nhau rất thân, chúng liên lạc cả với những đứa không đến được ngày họp mặt đó, có đứa dịp hè còn xin mẹ cho đi gặp nhau nữa. Và ở tuổi trưởng thành, chúng càng khao khát có một người cha và chúng rủ nhau đi tìm người cha chung.

Buổi chiều xuống nhanh quá! Một ngày lại đi qua, người đàn bà phụ dọn dẹp cho ông đã bỏ ra về từ lúc nào, có lẽ từ lúc ông đang thiu thiu giấc trên ghế. Ông cứ ngỡ mặt trời mới ở đầu ngọn thông, ông mới vừa ngồi nhìn cái bóng dài của cây thông cô đơn hắt xuống mảnh sân sau nhà, vừa đọc thư, thế mà nhìn ra cái bóng thông đã biến mất, chỉ để lại một cái quầng tròn tối xẫm ngay dưới chân nó. Bất giác ông đưa tay lên vuốt mặt mình, một bàn tay khô nhám vuốt lên khuôn mặt già nua. Ông đọc lại lá thư ông không đánh số, cái thư làm ông suy nghĩ nhiều nhất:

Thưa cha,

Suốt quãng đời niên thiếu của con, lúc nào con cũng mong ước một ngày nào đó, con sẽ nghe tiếng gõ cửa, và cha sẽ hiện ra ngay trước mặt con. Con soi gương và con hình dung ra khuôn mặt của cha lồng trong gương mặt con, vì con không giống mẹ một điểm nào.

Con hỏi mẹ về cha thì mẹ nói về cha rất mơ hồ, con không rõ mối tình của cha mẹ, con không nhìn thấy một hình ảnh nào của cha ở trong nhà, con không biết mẹ còn yêu cha không, vì con không thấy mẹ nhắc đến cha bao giờ. Nhưng con nghĩ là chắc cũng phải có một thời cha mẹ yêu nhau lắm, vì con là một dấu tích của tình yêu bằng xương bằng thịt.

Nhưng bây giờ con đã 25 tuổi, con đã tìm ra được cha của con: Người Hiến Tinh Dịch số 401 (Sperm Donor 401.) Một con số, một con số vô tri, vô cảm trên tờ giấy, con số không phải chịu trách nhiệm gì cho những đứa con nó sanh ra, con số không biết yêu thương gì cho những con số nhỏ

được chia ra từ nó. Con số không biết có bao nhiêu con số nhỏ sẽ hoang mang đi tìm gốc rễ của mình. Người ta bỏ tiền vào ngân hàng khi lấy ra thì sẽ hao hụt, cha bỏ di giống của cha vào ngân hàng thì khi lấy ra nó sẽ sinh sôi nẩy nở ngoài dự tính của cha. Con không hiểu có bao giờ con cá nghĩ đến những con nòng nọc bơi vô định trong hồ nước; Có bao giờ cha nghĩ đến những hậu duệ của mình rồi sẽ đi đâu và về đâu? Con muốn biết cái cảm tưởng của cha, khi cha bước ra từ ngân hàng tinh dịch? Mà thôi, con chắc là cha không thể nào mà nhớ nổi việc mình làm cả ba mươi năm về trước.

Có một điều con muốn nói với cha, con sẽ không bao giờ làm cái việc như cha đã làm. Vì con muốn mỗi cái mầm sống con cho ra đời, con phải cho nó tất cả tình yêu thương của con. Con cho nó có cái tên người cha trên giấy khai sinh, một người cha bằng xương thịt biết săn sóc thương yêu nữa chứ không phải bằng một con số vô tình

Con sẽ không bao giờ tìm đến gặp cha, nếu mãi mãi cha chỉ là một con số.

Ông úp lá thư lên khuôn mặt nhăn nheo của mình.
Lá thư không ký tên, không có địa chỉ người gửi.

Trần Mộng Tú
Tháng 3/06

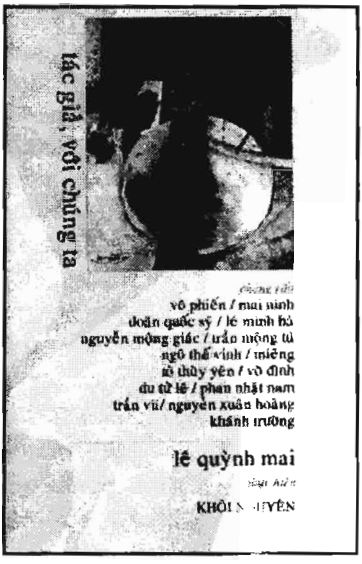

PHẠM NGŨ YÊN

thư viết từ đường heatherglen

1.

Khi những hoa sứ vẫn nồng nàn đậu trên phố đêm đêm, thì tôi đã xa Vũng Tàu thật lâu. Mảnh trăng vỡ trên đầu ghi dấu một mùa trăng tháng Giêng cũng xa rồi. Làm sao để thổi tắt ngọn lửa trong lòng cứ cháy miên man về một tình yêu đầu đời. Làm sao để cho lòng cố quên khi con tim còn muốn nhớ?

Một ngày nào tôi không còn nghĩ về nàng. Liệu có được hay không? Trái tim dù có khô như lá thu, nhưng nó vẫn nằm im trong lồng ngực. Nên khi tình yêu không còn trổ hoa, tôi vẫn không thể quên được nàng dễ dàng.

Những chiếc ghe đi ra khơi khi trời tịnh yên. Và trở về vài ngày hôm sau. Mùi vị của muối làm rít róng cơ thể. Hương vị của Tết và mùi khói pháo còn lãng đãng trong không khí. Người ta vẫn còn tiếp tục vui chơi trên những đoạn đường chạy dài ra phố. Mọi cửa hàng đều mở cửa bán lại. Hình như đêm tháng Giêng dài hơn vì đã khuya mà tiệm quán còn mở đèn. Tôi ngồi ở quán cà phê góc đường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thái Học, nhìn ra gió đêm đang thổi tung những tà áo bên ngoài. Quán có tên là Anh Đào (trùng với quán Anh Đào ở Blao), vừa bán kem vừa bán cà phê, có ba cô con gái đẹp đứng bán hàng. Cả ba cô đều học tại trường Trung Học Vũng Tàu. Cô chị lớn tên Hoa. Cô kế là Hà. Cô út là Tuyền. Tùy theo tuổi tác của mỗi cô mà mỗi ngày đều có các cây si gốc "nhà binh" được trồng nơi đó.

Vũng Tàu là một thành phố biển. Thành phố nhỏ của du lịch đồng thời là một thành phố của quân trường. Các quân trường huấn luyện các ngành chuyên môn thời Cộng Hòa đa số đều đặt cơ sở tại đây. Trong phạm vi phố có trường Quân Cảnh, trường Thiếu Sinh Quân, trường Sinh Ngữ Quân Đội. Xa ngoại ô một chút là trường Truyền Tin, trường Cảnh Sát Quốc Gia, trường Xây Dựng Nông Thôn. Xa một chút nữa là Căn Cứ Hải Quân và một

đơn vị nhỏ đào tạo Người Nhái tại Cửa Lấp, gần ngã ba Cầu Cháy.

Những binh chủng không hẹn mà gặp nhau tại quán Anh Đào. Ông bà chủ quán sau 1975 nghe nói là những cảm tình viên của "cách mạng". Họ yêu nhau thời sinh viên và đưa nhau vào "bưng" làm đám cưới. Đó là chuyện nghe được sau này.

Trước 1975 chưa có cà phê Anh Đào. Ông bà chủ là dân Sài Gòn về Vũng Tàu làm ăn. Ông chủ không thấy làm gì hết, ngoại trừ ở trên lầu đọc sách và chơi dương cầm. Mọi chuyện do bà vợ và các cô gái quán xuyến. Lâu lâu ông ngậm ống bíp, đeo kính cận thị ra đứng trước quán nhìn mông lung.

Bà vợ, dáng người nhỏ con, gương mặt còn phảng phất vẻ đẹp thời niên thiếu. Bà thường xuyên đứng trong quán, điều hành tổng quát công việc mua bán. Lâu lâu quan sát các "cây si" coi có la đà hay quá trớn với ba cô con gái rượu hay không. Các đấng nam nhi quyết tâm rình chờ cơ hội bà bận bịu pha chế, buông những lời tỏ tình với các em. Có những lời tỏ tình được kết quả. Có những lời tỏ tình bay từ lỗ tai này sang lỗ tai kia, và đi vào quên lãng. Nếu ai đó được may mắn đôi chút, là bởi vì đã từng "đóng hụi chết" triền miên cho quán từ ngày nọ sang tháng kia, thì sẽ được một vài cô ra ngồi nói chuyện lúc uống cà phê. Đại khái là những câu hỏi thăm sức khỏe, hoặc điều tra nghề nghiệp một cách khoa học, như "dạo này anh làm ăn ra sao". Hoặc "trí tuệ" hơn thì hỏi đã đọc "Ngày Sinh Của Rắn" của Phạm Công Thiện chưa?

Hà là cô gái ở giữa những điều kể trên. Nàng bình dị và hơi yểu điệu. Nàng đẹp và mảnh mai như một cây sậy. Tôi đến quán uống cà phê, khi biết có nàng trong đó. Nụ cười nàng dành cho tôi, hình như không giống với nhiều người khác - (hay chỉ là tưởng tượng). Đôi lúc nàng có làm dáng, nhưng không phải vì vậy mà tôi không nhìn thấy sự tuyệt diệu của nàng.

2.

Sau 30 tháng Tư tôi không thấy Hà đến trường. Đôi mắt nàng long lanh như những giọt cà phê màu sáng rụng xuống ly. Xa nàng nhiều năm, tôi không nghĩ rằng trong trái tim của nàng còn một chỗ dành cho tôi. Khi tôi về từ Sài Gòn và từ khu Kinh Tế Mới Phú Mỹ, Hà hỏi mượn tôi một cuốn sách, một cái cớ để nối lại những tình cảm cũ. Trong khi tôi mặc cảm về đủ mọi chuyện. Không ai có thể giàu có để tiêu pha rời rộng trong khi đời sống khó khăn làm cho con người luôn bận tâm với những vật chất tầm thường nhất. Chỉ có một thứ để tiêu pha mà không dè sẻn, đó là thời gian.

Từ Sài Gòn về, tôi "ăn bám" gia đình trở lại. Mẹ tôi bán lần hồi những tài sản tích lũy được trước kia, để cầm cự chờ thời. Danh từ chờ thời nghe sao nhục nhằn và phù phiếm quá.

Tôi khuấy đường bằng chiếc muỗng nhôm mỏng manh. Tiếng nhạc nghe xa vời, như tiếng thầm thì của sóng biển xô vào bờ cát. Mùa xuân ngỡ ngàng vì cả nước đang "thay da đổi thịt". Không còn những bài hát ươm mật tình yêu một thời mà là những bài hát dập dồn xung trận, đòi xẻ dọc Trường Sơn. Âm điệu mang hơi hám nhạc Tàu thời Mao Trạch Đông làm cách mạng văn hóa. Ngoài sân quán lầm lũi ngọn điện buông ánh sáng vàng khô xuống cơ ngơi của người thợ sửa xe đạp. Ông đang hối hả thu dọn đồ nghề. Một người khác cúi đầu ghi chép trên bàn vé số. Dưới ánh sáng của mọi ngọn điện như vậy, là những nghị quyết. Nên cả nước mù căm hi vọng. Và mù căm cả tương lai.

Hà vẫn ngồi trước mắt tôi. Hai tay nàng chống cằm. Tôi nhớ thời niên thiếu của tôi. Chưa biết đến tình yêu và ngày đó chắc Hà còn thơ dại ở Sài Gòn. Ngày đó chắc Hà là một cô bé con còn ăn quà vặt nơi những gánh hàng rong bên đường. Tôi nhớ tiếng cười dòn tan của Hà.

Một lần mẹ của Hà phàn nàn với tôi là đã cho nàng mượn những tác phẩm thuộc về "văn hóa đồi trụy". Bà tỏ vẻ không bằng lòng về chuyện này. Tôi không biết trả lời với bà làm sao.

Vài lần tôi ra ngồi ngoài bờ biển, nhìn những cánh hải âu bay trên sóng. Mơ tưởng một cuộc đời bên kia Thái Bình Dương. Bầu trời xanh thẳm trên đầu và những gợn mây mềm mại không muốn bay đi. Như những số phận không muốn đào thoát ra khỏi nghịch cảnh. Ngày sẽ tàn, héo hắt vạt nắng xuân thì và tiếng chân mệt mỏi trên bờ bãi nước ròng. Trong trái tim đứa con trai chưa kịp trưởng thành vì đời đã căng chật một nỗi buồn. Nỗi buồn nào cũng đốt cháy mộng ước và ngăn trở mộng ước thành hình. Một lần tôi tình cờ gặp Hà đang tắm ngoài bãi. Chiếc bikini màu đỏ như một đóm lửa khao khát mùa đông. Trong khi tôi khao khát một nỗi đam mê rất đời là được ôm Hà trong vòng tay. Hà có vẻ ngượng khi bộc lộ một phần cơ thể trước mắt tôi. Nàng không cười như mọi khi và tôi cũng ngượng, không muốn ngồi lâu tại đó.

Mùa xuân se sắt và sẽ tàn như một mùa trăng. Những vì sao đêm có còn nhấp nháy trên trời để ngọn hải đăng có cơ hội quét ánh sáng của nó trên mặt nước no đầy bất trắc? Hà quyết định vượt biên sau đó. Người bạn đồng hành là Bé Tư, một thanh niên trẻ hơn nàng vài tuổi, từng yêu nàng say đắm. Trước ngày lên đường, Hà hỏi tôi có muốn đi chung hay không?

Điều kiện là một cây rưỡi vàng bỏ ra để phụ tiền mua dầu. Tôi ngẩn ngơ không biết trả lời sao. Tôi không đủ tiền để tham dự vào một trò chơi ít nhiều may rủi. Tôi cũng không tin Bé Tư. Không tin chiếc ghe một block có khả năng vượt qua những gian nguy biển cả. Những niềm tin cạn kiệt theo thời gian trưởng thành của chế độ. Tôi chấp nhận một tình yêu tàn dần theo nỗi nhớ xanh xao của Nguyễn Bính:

Người đi phương ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi...

Và cũng như Nguyễn Bính, tôi oán trách nàng:

"Một trăm con gái thời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung"

3.

Những mối tình đẹp tuyệt vời đi qua đời một người con trai. Ba chục năm trước tôi trải tấm lòng của tôi ra như một tờ giấy trắng. Những tình yêu qua đời giống như những vết mực. Ba mươi năm sau, những vết mực ngày xưa vẫn còn ngổn ngang trên trang giấy lòng thơ dại, như chưa hề bị mưa nắng làm hoen ố. Như chưa hề bị thương tật làm trầy trụa. Những vết mực vẽ xuống muộn màng một hạnh phúc hay sớm sủa một thương đau, đều là những bài học sống tuyệt vời.

Người đàn ông sáu mươi tuổi một hôm ngồi lại bên bến nước. Biển trước mặt và trời xanh trên đầu. Mùa xuân Mỹ Quốc vẫn còn gió lạnh trên mái che, trên ghế ngồi. Những con hải âu bay chao đảo trong sương mù. Chúng đang tìm kiếm một niềm tin hay tìm kiếm một quá khứ đã đánh mất? Ngoài kia con đường dẫn quanh co ra một khu siêu thị ồn ào. Có những khóm hoa màu xanh tím run rẩy như viền mắt của ai chờ đợi một bờ môi?

Chuyến buýt công cộng từ đâu trôi giạt tới, đậu lại. Một người đàn bà bước xuống cùng những bước đi an nhiên. Mái tóc tung xổ trong gió mai và lấp lánh nắng mặt trời. Chiếc khăn choàng quấn hờ hững bay ngược về phía sau. Đôi môi màu đỏ như muốn cười cợt với mọi người đi ngược về phía nàng. Tôi nhớ Hà vô cùng. Không biết nàng có tìm được bến bờ tự do như đã từng mơ tưởng? Tôi nhớ tiếng cười khoan dung của nàng. Đôi mắt ngời sáng một nỗi tự tin và bước đi mềm mại như một con sơn miêu. Tôi nhớ đến dáng ngồi chống cằm trong quán cà phê của nàng. Nàng muốn tìm gì sau một mùa đông khi những hoa sứ rơi miên man bên kia đường đối diện? Hay nàng muốn tìm gặp một dòng sông, nơi sẽ bắt đầu gặp biển, để khoan thai giã biệt phố phường? Tất cả, đối với nàng, luôn là một ngày vui

tiếp nối những ngày vui. Như một trường ca không có một nhịp buồn trong đó. Đời sống tôi rồi sẽ ra sao, khi không có dáng dấp nàng bên cạnh?

Trong mờ ảo của sương, những cây đỗ tùng như sậm màu hơn. Những cây Italian Cypress có ngọn nhọn hoắt chĩa ngược lên trời. Không khí gợi nhớ một Đà Lạt mùa đông, khi tôi còn lính tráng. Một lần tôi ngồi một mình bên thành cầu Thủy Tạ, nhìn xuống mặt hồ Xuân Hương. Những khóm dã quỳ mọc tràn lan bên sườn đồi dẫn về khu nhà thờ Lớn đường Hai Bà Trưng. Màu hoa có một thời đã trở thành biểu tượng của thành phố núi. Ai đó đã thơ mộng hóa cho rằng Đà Lạt là thành phố của tình nhân. Một thành phố buồn và "vừa đi đã mỏi".

Mùa đông không lạnh nhiều như tôi tưởng. Trong khi vài thành phố phía bắc Hoa Kỳ đang có tuyết và tin tức trên truyền hình cho thấy Nhật Bản cũng có tuyết dữ dội. Những đụn tuyết cao gần đụng đầu người và Ấn Độ thì đang lạnh nhất trong vòng 70 mươi năm trở lại. Gió rít ngoài mái che. Những âm thanh lướt thướt va vào nhau giống như những tiếng thở hổn hển từ một tình yêu vội vàng.

Chiến tranh có làm mất mát nhiều thứ đồng thời cũng bù đắp nhiều thứ. Nhưng tình yêu thì không bao giờ. Tình yêu cũng như mây trời. Đến rồi đi.

Người đàn ông sáu mươi tuổi không còn có cơ hội để ghi xuống một địa chỉ hoa dẫn về một căn nhà ai có bếp lửa sưởi ấm. Hay không đủ thời gian để rượt đuổi một mùa xuân vừa mất dấu bên đời. Mọi thứ đều trở thành muộn màng. Mọi tấu khúc đều trở thành sai nhịp.

Kinh nghiệm về một mối tình sẽ không giống nhau, như mùi vị của một ly cà phê trên đầu lưỡi. Khi còn trẻ, người ta không thấy đau khổ nhiều vì đánh mất một món đồ giá trị. Chỉ khi về già, người ta mới nhận ra được cái giá trị của sự nắm bắt hời hợt. Cho nên nỗi buồn được nhân rộng ra.

Tháng Hai, vẫn còn đó những cơn mưa? Một chút mưa ngập ngừng trên đường chiều hay ào ạt buổi sáng sẽ giữ chân khách bộ hành trong quán cà phê. Để tìm trong cái rét ngọt của mùa đông một chút ấm áp của mùa xuân. Và ly cà phê đậm mùi sẽ lan tỏa trong một góc không gian nỗi thao thức không thành lời, không tên gọi.

Sài Gòn ấp ủ gì khi mùa xuân vừa trộn những cơn rét vào da thịt? Em có đi qua con đường cũ một mình với áo lạnh và khăn choàng che kín cổ. Hình như nơi nào cũng vậy, khi hạnh phúc thật gần mà lại chất chứa nỗi đau. Khi một người đem yêu thương của người này trao cho người khác.

Đêm âm thầm nghe tiếng gió hát ngoài kia. Giọt mồ hôi choàng thức

nhớ một khung trời trôi giạt. Trong đó bao gồm những tình yêu đầu đời. Những con phố đèn khuya. Những góc đường mưa lá. Em mãi là một người đi để không bao giờ quay đầu trở lại.

Một ngày nào nếu có thể được, tôi sẽ trở về quán cũ thân quen, nơi góc đường Trần Hưng Đạo - Nguyễn Thái Học. Tìm đến chỗ ngồi kỷ niệm. Có còn chăng vết cà phê loang lổ trên mặt bàn. Những vết dao cứa nát một thanh xuân. Những điều tưởng chừng đã ngủ yên trong tâm hồn sẽ cựa mình thức dậy. Những hoa sứ ngoài kia có còn rụng để gối đầu vào trang sách ngọng nghịu những bài thơ tình lạc lõng.

4.

Những con phố đèn khuya đêm nay lạnh ướt vai khi tôi trở về. Sương mù giăng che mịt mùng làm con đường mang vẻ quyến rũ. Nhớ Đà Lạt khi không còn làm việc tại đó. Và khoảng trời rưng rưng những vì sao. Trong đó có vì sao là ánh mắt em bốc lửa. Một vì sao khác ngủ quên là anh. Có phải vậy không?

Anh mãi mãi là vì sao ngủ quên trong tâm hồn em. Một ngày nào anh không còn cháy sáng và thoi thóp trong khi em cạn kiệt một tình yêu.

Không thể tìm về được nhau như lời hát sáng nay.

(Một ngày kia, tôi sẽ đến nơi ấy để chào hỏi hồn người
Một ngày kia tôi sẽ đến nơi ấy để cất tiếng chào Việt Nam
Un jour, j'irai là-bas, un jour dire bonjour à ton âme
Un jour, j'irai là-bas te dire bonjour, Viet Nam)
(Bonjour Vietnam)

Chẳng về được nữa đâu, đã muộn quá rồi. Trên cánh tay thời gian hoàng hôn đã đóng rêu. Mọi ký ức cũng tàn úa theo dòng đời.

Khi tôi chia tay Sài Gòn, không còn trinh nguyên một cái tên. Đà Lạt vẫn vậy. Bây giờ nghe mệt là những tên đường. Những cánh hoa mùa xuân hững hờ một quá khứ. Chúng rụng xuống như tiếng đàn lục huyền cầm rụng xuống trên chiếc nón của người hành khất bên đường. Bài hát cũng tắc nghẹn trên môi.

Những người Việt Nam khi ra đi đều mang trong lòng một chiếc lá tình yêu. Tôi hứa sẽ giữ nó luôn bên đời như sẽ giữ mãi mùa xuân trong lồng ngực. Hôm nay, đã mệt nhoài những bước chân lầm lũi và trái tim khô khốc ngọn gió mùa. Chiếc lá cũng không còn xanh sau một mùa dâu bể. Nó trở thành một cuống lá thu rưng rưng chờ rụng giữa chợ đời...

Phạm Ngũ Yên

TRẦN HỒNG LINH

nước dấm đang sôi

Buổi tối, trời mưa lất phất, những hạt mưa rơi đọng lại trên mặt cửa kính xe làm mờ mờ hình ảnh trước mặt tôi qua lớp kính. Chúng tôi ngồi trong xe đã lâu, xe đậu trong bóng tối của con đường nhỏ, đối diện với dãy hàng quán bên kia đường. Qua một cái sân rộng dành cho khách đậu xe là dãy tiệm của khu thương mại, các cửa hàng gần như đã đóng cửa hết, còn một cửa tiệm ăn bán trễ, cạnh đó là một tiệm rượu khá nổi bật với ánh đèn màu mờ sáng chữ "OPEN" hiện lên ở cửa kính lớn. Cạnh hàng chữ đó là khúc đèn đỏ sáng loáng uốn cong hình dáng cô gái đang cúi nhún người, và trên tay cầm cái ly có chân ra dáng đang mời rượu, luồng ánh sáng đỏ rực ấy càng thêm tỏ rõ hơn trên phông nền của tấm màn sậm màu. Chúng tôi chăm chăm nhìn vào cửa tiệm, tôi không rõ tấm màn màu gì, nhưng việc đó cũng không cần thiết, lúc này bọn tôi chỉ muốn biết những gì xảy ra sau tấm màn đó thôi.

Thủy dừng xe trước nơi đây khá lâu, bên cạnh ghế tài xế là bà Bích, còn tôi thì ngồi băng ghế sau, nhưng tôi ráng nhao đầu về phía trước góp chuyện để tỏ vẻ đồng cảm với hai người kia. Cả ba chúng tôi đang ngồi trong xe quan sát động tĩnh của tiệm rượu. Người ra người vào liên tục, nhưng không phải là người mà bọn tôi muốn tìm.

Qua Thủy, tôi được biết Bà Bích vừa là người cùng ở trại tỵ nạn với Thủy và cũng là hàng xóm với nàng. Hồi đầu tôi nghe Thủy nói là bà Bích hàng xóm thì tôi hình dung ra là sát cạnh, trong cùng xóm với nhau như kiểu ở Việt Nam, nhưng sau này tôi mới biết đó là cách nói để tỏ vẻ thân tình, chứ kỳ thực ra hai nhà cũng phải cách nhau vài ba cây số! Vì cùng trải qua một thời gian dài gian khổ với nhau ở trại tỵ nạn nên Thủy có vẻ thân tình với bà Bích hơn là với tôi. Thoáng thấy cách họ nói chuyện với nhau, tôi đã nhận ra điều đó, nhưng tôi không khó chịu. Tôi với Thủy là bạn học chung lớp mấy năm cuối của bậc Trung hoc, tôi ngồi bàn phía trên, trong khi Thủy thuộc loại cao nên bị xếp ngồi phía cuối lớp, do đó tình bạn cũng không thân thiết mấy. Rồi khi vận nước đưa đẩy, mỗi đứa định cư ở mỗi

nước khác nhau, chúng tôi tìm đến bạn cũ năm xưa như muốn níu kéo lại thời kỳ thơ mộng của tuổi học trò, cố gắng liên lạc với nhau hằng năm bằng những tấm thiệp mừng Sinh Nhật hoặc Giáng Sinh. Thế là tốt lắm rồi, còn gửi thiệp cho nhau là còn có tình bạn gắn bó, một chút ấm lòng cho tôi nơi xứ lạ quê người.

Tiếng bà Bích gằn xuống "Hôm qua hai vợ chồng tao đếm tiệm, tao thấy con nhỏ đó ôm miết thằng chả. Hai đứa nó ngồi ở quán mà cứ như ở nhà riêng, đeo cứng lấy nhau. Tao giả vờ không thấy con nhỏ đó, cái bản mặt trơ trẽn đó tao chào làm chi. Tao chỉ chào thằng Phong, cái mắt nó nhớn lên nhìn tao như chưa biết tao là ai cả."

"Hay là ổng say xỉn quá rồi nên không nhận ra bà?" Tôi buột miệng hỏi.

"Say đâu mà say, thằng đó rượu uống tì tì, dễ dầu gì mà say, say gái thì có, nó dợm đứng dậy bắt tay ông chồng tao thì bị con nhỏ đó níu áo ỏng ẹo, nó bị con nhỏ đó hớp hồn rồi."

"..."

Thủy ngồi bất động trên ghế, không lên tiếng gì cả.

Bữa ăn tối đầu tiên tại nhà Thủy, tôi đã ngạc nhiên vì không thấy Phong đâu. Bữa ăn chỉ có năm người, bốn mẹ con Thủy và tôi. Định là ăn tối xong, chúng tôi sẽ có nhiều dịp tâm sự với nhau sau một thời gian dài không gặp mặt. Cũng khá lâu rồi, kể ra mười mấy năm từ khi rời nước, chúng tôi chưa có dịp gặp nhau nên hẳn nhiên sẽ có nhiều chuyện kể lắm. Nhưng khi bữa ăn gần xong, tiếng chuông điện thoại vang lên, Thủy vội vàng đứng dậy, chạy ra chụp cái điện thoại nơi phòng khách rồi "Dạ,.. dạ..." liên hồi ở những câu trả lời. Gác máy điện thoại xuống, Thủy mau mau phân công cho các con, đứa lớn trông đứa bé, ở nhà ngoan ngoãn, mẹ với bác Mỹ đi một tí rồi về ngay. Tôi bị động trước sự cuống quýt của cô bạn. Chụp lấy cái túi xách còn vất trên mặt bàn bếp khoác lên vai, quay sang tôi, Thủy nói.

"Mỹ, mi đi chung với ta nhé."

"..."

Không biết việc gì mà sao Thủy có vẻ lụp chụp, quýnh lên thế này. Dù vẫn còn mệt sau chuyến bay 4 tiếng đồng hồ từ nước láng giềng qua, nhưng tôi cũng rán đi với nó, trước cho nó vui lòng, sau cũng biết được thêm quang cảnh của nơi mới đến mà tôi háo hức bao lâu nay. Ừ, thì đi một chút, tôi nghĩ, trước sau gì mình đã đến nơi này rồi, chẳng lẽ ngồi nhà nói chuyện tầm phào sao. Ra xe, tôi vẫn còn gắng gượng hỏi.

"Đi đâu vậy, sao có vẻ gấp gáp quá vậy hở?"

"Đi... thì... đi tới nơi này một chút thôi. Nhưng còn phải chạy qua bên kia đón thêm người bạn nữa." Thủy nói.

Thủy đề máy xe, tiếng máy lạch xạch vài giây mới nổ được, cái xe Ford này, có lẽ cũng ngót nghét chục tuổi hơn, tôi đoán vậy. Vì nghe Thủy đón thêm người nữa nên tôi với tay mở cửa ngồi ra băng sau, dù là Thủy đã bảo tôi cứ tự nhiên ngồi bên cạnh nó. Nhưng qua nét căng thẳng trên mặt Thủy, tôi biết nhân vật sắp tiếp đón đây rất quan trọng, tôi thấy có vẻ không ổn với sự hối hả này của Thủy. "Không sao đâu, cứ lo lái xe đi" tôi nói với Thủy, nó cũng chẳng cần nằn nèo thêm.

Cái xe gầm gừ một chút thêm như kiểu muốn hờn dỗi, tiếng máy khục khục như giọng ho mắc đờm vậy, cuối cùng chiếc xe vọt mạnh, chồm lên như con ngựa chứng trước khi bánh xe nghiến xuống mặt đường. Thủy lái xe loanh quanh qua nhiều ngã đường nhỏ rồi dừng hẳn xe lại trước một căn nhà. Ngọn đèn trước cửa nhà thắp sáng sẵn, chứng tỏ chủ nhà đã sẵn sàng, mảnh ánh sáng soi tỏ những phiến gạch đỏ thẫm ghép nối vào nhau như từng quầng vòng tròn hoa văn tạo ra khoảng sân rất rộng phía trước, vì vậy phần sân trồng cỏ như bị lấn nhỏ lại. Lùm bụi cây mum múp dọc theo hai bên lối đi vào nhà, căn nhà có vẻ bề thế khang trang hơn nhà Thủy đang ở nhiều.

Thủy không vào nhà, ngồi ngoài xe nhấn còi. Vài phút sau, cánh cửa mở, người đàn bà với vóc dáng hơi thấp, đậm người, tóc ngắn, vai khoác túi xách, vừa đi vừa chạy với dáng tất tả. Bà ta mở cửa xe và bước lên. Lúc ấy tôi mới nhìn rõ mặt bà ta hơn nữa qua ánh đèn trong xe. Với mái tóc ngắn che trùm đến tai và được túm gọn ra phía sau, làm mặt bà ta có vẻ tròn trĩnh hơn nữa. Bà ta có vẻ lớn tuổi, hai nếp hằn bên khóe mép chảy sâu xuống gần cuối khuôn mặt, tạo thành vách cho đôi má thêm nhô tròn, và có lẽ vì những đầy đặn đó mà khiến đôi mắt của bà như thu nhỏ lại, nhưng ánh mắt lại đảo nhanh ra phết. Bà ta liếc nhanh qua tôi như dò hỏi.

Thủy nói ngay "bạn bên Mỹ mới qua, tên là Mỹ," Quay đầu lại phía tôi, Thủy nói luôn "đây là bà Bích, quen nhau từ hồi còn ở trại tỵ nạn".

Ngồi vào ghế xe, bà Bích với tay lấy sợi dây seatbelt choàng qua thân người, tiếng bà nói ngay "Sao, mấy tuần nay nó không về nhà rồi?"

Tôi nghe tiếng Thủy nhão ra trả lời "Cả tháng nay rồi".

"Mày cứ chạy xe thẳng đến tiệm thằng chả cho tao." Bà Bích nói như ra lệnh, giọng nói có vẽ dõng dạc, ra dáng kẻ cả.

Quay đầu nghía ngang sang bên, không thấy xe nào chạy trên đường,

Thủy vụt quành xe lại thật nhanh, làm tôi bị chao nghiêng người ở băng phía sau, tôi vội túm lấy vai ghế phía trước lấy lại thăng bằng. Thủy lái xe đánh một vòng chữ U để đổi ngược về hướng cũ. Sẵn trớn, Thủy đạp mạnh chân ga, chiếc xe lao đi trên đường như một con thú xổng chuồng, bất chấp bảng vận tốc giới hạn trên con đường nhỏ. Ra đến đầu đường với bảng STOP, Thủy như không còn thấy tấm bảng ngừng to tướng đó nữa, cô nàng phóng xe vụt quẹo trái. Tin... tin... tin... ttt ti i i nn n n... tiếng còi xe phía bên kia đối diện đang phản đối Thủy. Tim tôi như thót lại, hú hồn, lái xe cái kiểu này có ngày tai nạn chứ chẳng chơi.

Chiếc xe chạy phăm phăm trên đường với vận tốc khá cao, cứ như xe cảnh sát đang rượt bắt cướp vậy, bây giờ tôi mới hiểu là các bà đi bắt ghen. Thảo nào khi Thủy đón tôi ở phi trường chiều nay, tôi đã bắt gặp loáng thoáng nét phiền muộn của Thủy trên khóe mắt, dù rằng cô bạn đã gượng cười hỏi thăm tôi về chuyến đi có mệt không, công việc làm ăn như thế nào, sao lại rãnh rỗi sang bên này chơi với gia đình Thủy vậy. Tôi thật tình trả lời hết những câu hỏi của bạn, và cũng chưa kịp hỏi lại về phía Thủy thì đã bị cuốn vào cuộc săn đuổi này rồi.

Tốc độ của chiếc xe khá nhanh, len lách, vượt mặt các xe khác một cách nguy hiểm, nhiều lần bị tiếng còi của xe khác phản đối nhưng Thủy như điếc, không nghe thấy gì hết, cứ lái xe sang lane ào ào, ngáng mặt các xe khác khiến tôi phát hoảng. Kinh khủng thật, tôi bắt đầu hối tiếc vì tính cả nể của mình, biết thế này thì nằm nhà có hơn không.

Có lẽ là đang đi về hướng trung tâm thành phố, vì tôi nhìn thấy càng lúc nhà cửa càng dầy đặc hơn, những ngọn đèn giao thông xanh đỏ như xích lại gần với nhau hơn và dòng xe trên đường cũng đông đúc hơn. Thình thoảng Thủy thắng gấp, chiếc xe đột ngột dừng, làm tôi chúi người ra phía trước, tôi vội thò tay tìm sợi dây an toàn cột chặt người tôi lại vào tấm đệm ghế xe. Tự dưng lúc này tôi mong sao có một cái xe cảnh sát xuất hiện chớp đèn phía sau. Biết đâu chừng, nhờ những câu chất vấn của cảnh sát mà Thủy sẽ giảm đi sự căng thẳng? Tôi tiếc là thành phố này quá mới đối với tôi, vừa lạ đường, vừa trời đang mưa nhỏ, tôi ngại lái xe. Nếu không, tôi sẽ thay Thủy lái xe cho an toàn hơn... tôi bắt đầu lên ruột vì thấy độ lạ "Thủy này, có lái xe nổi không, hay là đưa cho bà Bích lái xe giùm," tôi nói.

Bà Bích dẫy nẩy lên "ối, không được đâu, tôi còn đang chờ ra tòa để lấy lại bằng lái đấy. Hôm tháng trước tôi húc một lượt mấy cái xe nên giờ còn chờ tòa phân xử, tốn bộn tiền với luật sư, không biết có nên trò trống gì không..."

"Không sao, gần tới rồi". Thủy ngắt lời.

Vâng, tới... tơớ i i i... tới cái con khỉ, mấy bà lôi tôi vào đây cho tôi bở vía một phen với cái tài lạng xe của mấy bà. Tôi định buột miệng nói ra ý nghĩ của mình, nhưng tôi kịp ngậm mồm khi nghĩ tới nỗi đau thương của bạn.

Chạy vòng vòng thêm khoảng thời gian nữa, chiếc xe dừng lại hẳn, và rồi bọn tôi ngồi trong xe nhìn qua phía bên kia đường như một con báo đang rình mồi vậy. Tôi bâng quơ nghĩ ngợi. Khi đàn bà ra tay tranh cướp lại tình yêu thì không còn kể gì tới bản thân nữa, liều lĩnh hết sức, từ nãy giờ tôi liên tục hồi hộp với cái xe Thủy lái, không biết còn thêm việc gì nữa không. Bị lôi cuốn vào vụ này, tôi nản quá. Tự dưng đâu tôi trở thành nhân chứng trong vụ việc này. Tình cảnh này khiến tôi nhớ lại câu chuyện đọc ở cuốn sách năm nào. Chuyện kể rằng khi xưa có quan Thừa tướng bên Tàu đã khá lớn tuổi nhưng chưa có con cái gì cả. Nhà vua có lời khuyên ông ta nên cưới thêm vợ để có con cái nối dõi tông đường. nhưng vị quan tâu trình lên là vợ nhà hay ghen tuông nên không thể nạp thêm thê thiếp được. Nhà vua bèn ra lệnh đổ dấm vào bình, rồi cho lệnh truyền bà vợ của quan Thừa tướng vào triều với chỉ dụ hoặc bà ta phải uống bình rượu độc mà thực chất là dấm chua, hoặc bà ta phải cho chồng lấy thêm vợ bé. Bà vợ ông Thừa tướng chọn uống bình rượu độc để không phải nhìn thấy người đàn bà khác trong lòng của chồng. Thiệt đúng là đàn bà, ngàn xưa cũng như bây giờ, không thay đổi mảy may, chết thì chết, chẳng thà chết, chứ dứt khoát không chia sẻ tình yêu cho kẻ khác! Làm sao có chuyện xài chung ở đây, kỷ nguyên của năm 2000 rồi nhá.

Thiệt là cái chất nước dấm chua loen loét kia đang sôi sục trong lòng của mấy tên đàn bà đang ngồi rình rập nơi này. Tôi không biết là các bà sẽ làm gì khi gặp phải cảnh tượng "Áo tía ngồi kề Quần lam"? Si vả đức lang quân, hay túm tóc tên tình địch vật xuống? Dĩ nhiên là đấng lang quân trở thành bù nhìn trước sự tranh chấp của các bà lúc này rồi. Đố dám hó hé câu nào. Còn đám đàn bà sẽ châu đầu vào, xúm đánh tình địch một trận nên thân, nhừ tử. Gì chứ, đàn bà đánh nhau luôn luôn túm tóc đối thủ, giật mạnh nắm tóc của y thị, kéo cho trơ trọc ra, cho hết đi cướp chồng bà... kinh khiếp những trận đòn ghen, tôi chỉ mới nghe kể thôi, chưa bao giờ chứng kiến, chắc là chút nữa đây tôi sẽ được nhìn tận mắt những tên học trò của mụ Hoạn Thư hung dữ, dữ hơn cọp cái, dữ hơn sư tử, dữ hơn beo đốm... còn có con vật nào có thể giúp tôi ví sánh với sự hung dữ của đồ đệ Hoạn Thư không đây.

Tôi chợt nhớ tới lúc bà Bích lên xe, cái dáng đi của bà Bích vẹo nghiêng sang một bên, ý chừng như là có một vật gì nặng trong túi xách bà đang khoác trên vai. Nhiều khi nhân vật chính như cô bạn tôi chưa nhiều căm hận bằng nhân vật phụ đang ghen giùm như bà Bích. Thôi, chết rồi, mấy mụ này xách theo binh khí phải không đây? Bất giác tôi nhìn lại phục sức của hai người đàn bà, tóc tai thì buộc gọn gàng, cả hai cùng mặc mầu đen cho có vẻ kín đáo, quần và áo đều là loại thun bó chẽn để dễ dàng khi ra tay hoạt động. Mới nhận ra như vậy thôi mà tim tôi đã đập thùm thụp. Nói dại, lỡ có việc gì đánh nhau ở nơi đây, tôi không biết tôi sẽ phải làm gì. Hùa theo với bạn hay là can ngăn? Thiệt tình khó xử cho tôi. Đừng... đừng để cho việc gì ầm ĩ xảy ra ở nơi công cộng này. Tôi cầu trời như vậy.

Ngồi trong xe, Thủy lặng im, đôi mắt chăm chăm nhìn về tiệm bar. Không khí trong xe trở nên ngột ngạt với sự yên lặng này, mọi người như nín thở để theo dõi. Tôi ngồi dịch nghiêng ra phía sau bà Bích, nhưng thay vì quan sát cái cửa tiệm bar rượu bên kia đường thì tôi ngắm nhìn hai người đàn bà trên xe cho bớt nhàm chán.

Nhìn kỹ lại thì bà Bích không già mấy, chắc nhỉn hơn bọn tôi vài tuổi thôi, nhưng có lẽ do sự phục phịch ở dáng đi của bà khiến tôi có thành kiến về tuổi tác. Người xồ xề thường gây cho người ta có cảm tưởng là lớn tuổi, chắc vậy. Cái mũi của bà hơi gẫy khúc, nhưng lại tròn trĩnh ở phía đầu mũi khiến cho cánh mũi dày và ép nhỏ lỗ mũi lại. Cái lỗ mũi này các thầy tướng số gọi là mũi hin, giữ tiền chặt chẽ thì phải biết. Thì cứ nhìn qua cái sân gạch rộng trước cửa nhà bà Bích đủ biết chủ nhà là người ra sao rồi, trồng cỏ làm gì cho tốn tiền mướn người cắt cỏ, thay vì hoa hoét trước nhà thêm tốn kém thì trồng mấy bụi cây xanh, lá tốt quanh năm mà vẫn ra dáng biệt thự. Bà này coi vậy mà tính toán đến là hay.

Hơn mười mấy năm gặp lại, Thủy không khác xưa bao nhiêu về mặt diện mạo, có khác chăng là bạn tôi già đi trước tuổi rất nhiều. Khi xưa chúng tôi học chung lớp với nhau, Thủy năng động hơn tôi, Thủy tươi vui và nhí nhảnh, trong khi tôi thì cứ bị bạn bè trêu chọc là dân "bốn mắt". Cặp kính dày cộm như cái đít chai trên mặt khiến tôi càng thêm đạo mạo nghiêm trang như một "bà cụ non". Tất nhiên như vậy thì tôi có việc cắm đầu vào sách vở, đừng mong có bồ bịch làm gì. Còn Thủy ngược lại với tôi. Thủy hay nói, hay cười, duyên dáng... chả vậy mà có cây si 'Phong' trồng trước cổng trường khi chưa kịp tốt nghiệp. Thủy có Phong đón đưa hằng ngày, cả hai cùng dắt nhau đi vượt biên xuôi rót. Mỗi lần nhắc đến Thủy và Phong, bọn lớp tôi phải công nhận là đôi đó có cuộc tình tuyệt đẹp, cả hai mới lần

đầu tiên yêu nhau và được toại nguyện chung sống với nhau, và còn được ở nước ngoài nữa chứ. Tưởng như là không có hạnh phúc nào hơn thế nữa.

Không biết Thủy thấy tôi có gì thay đổi không, tôi chắc là không, bởi vì lúc đón tôi ở phi trường, Thủy nhận ra tôi dễ dàng kia mà, chắc tại nhờ đôi kính cận dày cộm của tôi khó lẫn với ai. Nhưng khi nhìn Thủy, tôi không tìm thấy sự tươi cười trên khuôn mặt của bạn tôi nữa. Tưởng là khi sang tới vùng đất mới này, sau một thời gian vất vả định cư thì con người có nếp sống ổn định hơn sẽ hồi phục dần phong độ chứ. Nhưng nét vui tươi của Thủy dường như biến mất, thay vào đó là ánh mắt u buồn, đôi môi hay cười nói thì giờ đây chỉ hé ra khi cần thiết. Thủy vẫn để tóc dài, đó là đặc điểm còn lại duy nhất không thay đổi nơi cô bạn của tôi, có một chút xíu khác đi, thay vì để xõa tóc ngang vai như khi xưa, thì Thủy bới gọn lên cao và túm lại bởi cái kẹp tóc với những móng chĩa to tướng. Cô bạn của tôi vì quá vất vả với cuộc sống nên ốm nhom ốm nhách, người mỏng dính, lép kẹp, da dẻ khô sạm. Khuôn mặt của người gầy ốm thì tất nhiên là gò má nhô cao, lại càng thấy thêm tiều tụy. Đàn bà khi có con cái đùm đề thì dễ trở nên nhếch nhác, còn cộng thêm tuổi tác nữa thì dĩ nhiên nhan sắc úa tàn theo năm tháng rồi, định luật của thiên nhiên làm sao tránh khỏi. Có lẽ đây cũng là lý do cho Phong sai lời thệ ước. Chứ nếu không, họ hạnh phúc với đàn con, hai trai một gái, lắm mà. Mấy đứa nhỏ con Thủy cũng khá ngoan, nhác trông thấy bạn của mẹ, đã vội vàng chào. Gia đình đẹp như thế nhưng bây giờ lại có việc rình mò theo dõi thế này. Tôi không sao hiểu nổi.

Tôi có cảm giác không khí trong xe nặng chịch và chảy xuống như cái mặt Thủy lúc này. Ngoài trời, những hạt mưa bụi mỏng loãng ra, ánh đèn đường đang mù mù hắt bóng tàng cây trên đường. Tôi chán ngán quá, phải gợi chuyện thì may ra mới bớt đi cái ngột ngạt căng thẳng trong xe.

"Thủy à, xe của Phong đậu chỗ nào vậy?"

Thủy giơ tay chỉ cho tôi và nói "Thấy không? Cái xe màu cà phê sữa, như xe jeep đậu ở gần lối đi vào đó".

Bà Bích nói ngay "Này, Thủy nó vừa mới sắm cho thằng Phong cái xe Mercedes mới bóc 'tem' đó. Không rẻ đâu, xe 'fo-bai-fo' máy mạnh, chạy nhanh thì phải biết. Đi xe đó ra dáng chủ lắm."

Việc gì chứ, việc xe cộ máy móc thì tôi chịu thua, nhưng có lẽ thói quen phản xạ của đàn bà là hỏi giá tiền khi mua bán, cho dù có gọi là mất lịch sự đi nữa, tôi hỏi

"Xe đó mua mới là bao nhiêu vậy?"

"60 ngàn, chưa thuế." bà Bích nói với giọng chắc nịch như khẳng định

sự rành rọt thị trường của bà.

"Chết, như vậy, nợ xe làm sao chịu thấu." Tôi xuýt xoa kêu lên.

"Trả cash đó." bà Bích nói.

"...!"

Cái bản tính đàn bà đi chợ đi búa đột nhiên trỗi dậy trong tôi khi này. Sáu mươi ngàn trả trong một lúc, rõ ràng là một món tiền lớn đối với tôi. Bao lâu nay đi làm với số lương ba cọc ba đồng, tôi dành dụm mua một cái xe với vài ngàn đặt cọc, còn bao nhiêu là trả góp mỗi tháng. Nhiều khi hai vợ chồng tôi nói với nhau, với kiểu này, khi mình trả dứt được nợ xe thì cái xe cũng vừa tàn hư, lại phải đổi cái xe khác, như vậy là đồng nghĩa ký thêm một món nợ mới, và cứ thế hoài hoài tiếp diễn cho tất cả những món đồ mua chịu. Ở xứ Bắc Mỹ này, kể ra có nhiều sáng kiến tạo các loại nợ nần lắm chứ nhỉ? Nhưng làm sao để có được một số tiền mặt khá lớn để mua đứt cái xe như vậy? Tôi chưa kịp hỏi thì bà Bích nói thêm:

"Tiệm rượu này cũng do thằng Phong đứng làm chủ luôn đó".

À, thì ra cái tiệm là nguồn thu nhập, trang trải cho các món chi tiêu, phải vậy chứ. Chân ướt chân ráo đến vùng đất mới lập nghiệp vài năm thôi mà đã đàng hoàng xe tiệm rồi, hai đứa này giỏi thật.

Tiếng bà Bích như cái máy "Đấy... xe đấy, tiệm đấy, thằng phải gió, nó đứng tên hết đấy. Con Thủy có đồng nào trong bank đâu, chỉ trần xì cái xe cũ lọc cọc chạy. Lúc mới qua đây, hai vợ chồng nó quần quật bắt trùng, vay mượn nhiều nơi mới ra được cái tiệm. Con vợ đầu tắt mặt tối lo làm trả nợ. Thằng chồng bảnh chọe xe láng để còn ra dáng chủ cả. Còn từ khi có tiệm thì có mấy con nhỏ đến xà ẹo hoài. Tiệm bán rượu mà lị, mấy con nhỏ vuốt ngược vuốt xuôi mấy thằng khách được thì tại sao không vuốt luôn 'đuôi' ông chủ. Con Thủy này ngồi nhà khóc than vật vã chứ được cái tích sự gì. Không có tôi thăm dò thì đừng hòng biết được thằng Phong đi ngang về tắt."

Câu nói được rít lên giữa hai hàm răng cắn chặt của bà Bích.

Tôi hỏi nhỏ. "Thủy. Ê, 'bồ' không được phép đứng tên trong tài sản sao?"

Thủy lắc đầu một cách vô hồn.

"Nó là dân 'vô sản' hưởng trợ cấp mà," bà Bích nói xong, rồi thở dài cái sượt "dại chi, dại quá vậy, tin chi thằng đàn ông, nó thuyết phục cho con Thủy qua mặt nhà nước để cho nó rảnh chân làm ăn, bây giờ thì nó trưng ra tờ giấy công hàm độc thân, giấy tờ có pháp luật chứng hẳn hoi thì còn cãi vào đâu nữa. Khi giàu có thì sinh tật".

Tôi thấy thương cho cô bạn của tôi quá, có ngờ đâu chiếc thuyền hạnh phúc của bạn tôi tròng trành ngặt nghèo trong cơn bão táp của tiền bạc và tham vọng thế này. Cuộc đời của mỗi người rồi sẽ được lập lại với cuộc tình chắp vá khác nhưng tội nghiệp nhất là những đứa nhỏ trong gia đình không ấm êm này; chúng nó chớ ngớ chào ngào, hoang mang không biết đặt niềm tin nơi cha hay nơi mẹ nữa. Vợ chồng có thể bỏ nhau được, chứ con cái làm sao từ chối được người đã sinh ra nó. Trong trí óc thơ ngây của chúng hằn lên vết đắng cay của tình đời quá sớm.

Tôi ngập ngừng nói "Thôi đừng buồn Thủy ạ... chắc là giây phút... xao... lãng của Phong... thôi, đi đâu... rồi ảnh cũng về với vợ với con... đàn ông bao giờ cũng nghĩ tới vợ cái con cột." Nói với Thủy thế ấy, chứ tôi không hy vọng gì, người ta có thể chung nhau làm, chứ khó chung nhau hưởng lắm, chỉ khi nào Phong lây lất lụi tàn thì mới nhớ tới nơi quay về, và cô bạn tôi lại thêm khổ lụy nữa thôi. Liệu khi đó tình yêu có còn trơn tru mượt láng nữa không? Tôi cũng hết biết khuyên Thủy như thế nào nữa.

Cơn mưa bụi dần dần nhỏ hạt đi, làn hơi nước đang chuyển thành những cụm sương mù dầy đặc cùng với bóng tối như đồng lõa che đi tầm nhìn của đám người ngồi trong xe. Sương xuống nhiều trong buổi đêm khuya, tôi giơ tay lên nhìn đồng hồ, hơn 2 giờ khuya rồi, cơ thể tôi đã mệt mỏi lắm nhưng tôi vẫn còn phải ráng thức với họ. Tôi kín đáo bụm tay che miệng để giấu cái ngáp, nhưng rồi vài phút sau tôi lại ngáp nữa, buồn ngủ quá. Tôi vặn mình ngọ nguậy trên băng ghế cho đỡ cuồng chân. Tôi ngáp thêm nữa.

Có lẽ bà Bích nghe được tiếng ngáp của tôi, bà đề nghị:

"Hay là chạy xe ra cái tiệm nào quanh đây mua ly cà-phê đi."

"Không." Thủy trả lời cộc lốc.

Tôi hiểu, bỏ đi trong lúc này là không được rồi, suốt từ tối đến giờ ngồi rình mò ở nơi này, bỏ đi một lúc, biết đâu là vuột lỡ mất một cơ hội. Tôi nói đỡ cho Thủy.

"Không sao đâu, tôi mệt vì đi đường thôi, chứ không buồn ngủ đâu."

Vừa đúng lúc cánh cửa tiệm bar vụt mở từ bên trong. Lố nhố có mấy người bước ra. Khách hàng ra về, vài cái xe nổ máy. Có một đôi dìu nhau ra bãi đậu xe, tiến về cái xe Mercedes. Bên này đường Thủy đưa tay tra chìa khóa vào ổ công tắc nổ máy, tiếng máy xe lại khục khặc như tiếng ho giấc đàm trước khi chuyển bánh... Thủy lái xe chạy theo sau chiếc xe màu cà phê sữa. Tôi ngao ngán cho chiếc xe cũ kỹ. Xe cộ thế này mà đòi chạy theo Mercedes 4x4 hở trời!

Mục tiêu của chúng tôi là cái xe Mercedes.

"Giữ khoảng cách để bọn nó khỏi nghi ngờ." Bà Bích nói.

Cả hai chiếc xe, chiếc Mercedes và xe chúng tôi chạy cùng 'lane' bên phải của con đường hai chiều. Thủy giữ khoảng cách khá xa nhưng cũng đủ nhìn thấy mục tiêu trước mắt. Trên đường khuya không nhiều xe như lúc tối, lác đác vài ba chiếc xe trên đường, xuất hiện thêm chiếc taxi trên đường chạy song song với xe chúng tôi, giờ khuya là giờ hoạt động của giới này, xem chừng tên tài xế taxi khó chịu với xe chúng tôi vì Thủy rề rà chạy xe chiếm giữ lane trong, nơi mà taxi dễ dàng tấp vào lề đón khách. Hắn nhao xe lên, xăn ngang, chen vào khoảng cách giữa xe Thủy và cái xe Mercedes. Thủy thắng gấp, vội vàng lách sang lane trái. Hú hồn, thêm một lần nữa tim tôi thót lại. Thoáng chút xíu trong lúc Thủy chuyển lane, cái xe Mercedes băng băng vượt qua đèn vàng nơi ngã tư đường. Thủy đạp mạnh chân 'ga', tiếng máy xe rồ lên như cố vượt qua khúc ngã tư, nhưng không kịp nữa, ngọn đèn giao thông chuyển sang đỏ, chặn chúng tôi lại. Tôi nghĩ bụng, xe cũ thế này chỉ có nước "ăn khói" của xe chạy trước chứ đuổi theo thế nào được, bây giờ chỉ có nước về nhà rồi cả bọn bàn mưu tính kế khác thôi.

Chúng tôi ngồi nhìn theo chiếc xe màu cà phê sữa 'fo-bai-fo' vút chạy phía trước... Tiếng Thủy bật khóc nức nở.

Qua cơn khóc, Thủy đưa tay lên lau thấm nước mắt rồi nói "Chúng ta về thôi, chị Bích ạ. Không đuổi theo nữa đâu."

Trước mặt chúng tôi, lớp sương mù trước mặt dầy lên dần dần.

Trần Hồng Linh

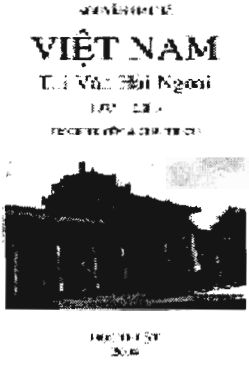

NGUYỄN HẢI HÀ
VIỆT NAM
THI VĂN HẢI NGOẠI
1975-2003
TRÍCH TUYỂN & CHÚ THÍCH
Học Thuật xuất bản 2004 270 tr.
Giá $10.00
Sách dành cho học sinh đang học Việt ngữ tại hải ngoại
Đã có bán tại các nhà sách

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

thăm người một nửa-tôi

- Tao đã ra đồng bằng, xuống biển thăm hình. Chỉ còn chuyến lên non tìm bóng. Về bên kia, tao sẽ đóng cửa tĩnh tọa.

- Tao sẵn lòng làm tên lính canh để mày được tuyệt đối lặng tâm tu tỉnh. Nhưng, chuyến lên non: tấm nắp ván thiên đã bao tầng băng giá đó, liệu có cần mở lại?

- Còn sống là còn làm điều dại khờ. Tao chưa nhập thạch thất diện bích nên còn được hưởng ân huệ làm điều khờ dại, lần cuối. Cần chất đủ cao lỗi lầm như cần bê đủ đá bít lối trở lại đời. Mày nên khoan thứ cho tao; vì sau đó sẽ không còn dịp nào để mày thi thố nó.

- Cái nửa-lý-trí-tao sẽ tình cảm hơn cả nửa-bản-năng-mày... Bao giờ?

- Chờ tao vào *toilette* đã. 6 tiếng đồng hồ trên xe, tao chỉ muốn ngủ, ngủ bù cho đêm qua, và cho những đêm sẽ đến. Chú gấu đông miên, khi mở mắt, sẽ thấy đời bộn bã!

- Mày chưa đủ mệt mỏi lẫn sảng khoái để vào giấc-tĩnh-di-động. Chưa đạt được ước muốn - cái ước muốn phù huyễn kia - là mày còn thao thức khắc khoải.

- Nhưng lần này tao sẽ ngủ được. Chỉ xin mày, dù không nhột, cũng nên vào với tao. Đừng đánh tao thức giữa đường vì cái nhu cầu giải tỏa kia của mày.

- Tao sẽ nhờ gió rắc hoa suốt ngõ về của mày.

- Tao tri ơn mày. Mày là bàn thắng cho chiếc xe tao tuột dốc. Ôi chao, những con dốc Đà Lạt! Chúng đầy ảo lực như bụng nước bạc dưới đáy khe rù quến mình nhắm mắt lao xuống!

- Chỉ tại cái nguồn tai ương kia thôi! Mày bảo đó là tình yêu. Hừ, tình

yêu! Nên gọi đó là mặt nạ của tình yêu: cái mặt của tội ác, đòi hủy hoại đối tượng hoài thương tưởng đến nó. Nó là tội ác kém suy xét, bởi nếu đối tượng kia bị tiêu vong bởi nó thì còn ai nữa để nó trổ ngón điêu linh?

- Tốt hơn là mày nên dành thời gian giảng đạo kia vào việc sửa soạn hành trang cho chúng mình. Nếu tình yêu - trong trường hợp của tao - là tội ác thì chính tao mới là đứa gánh hình phạt kia chứ? Không, mày không là tao; không bao giờ là tao, nửa-tao tội lỗi nên không nếm nuốt được vị, không chiêm bái được tính cách thần thánh của nó.

- Mày là nửa-tao, cận kề tao nhất, và là đứa mà thường khi tao cần lánh xa nhất. Được, mặc tao lo. Chỉ xin mày lên đó, hãy thuê phòng gần khu Hòa Bình. Tao đã ngán lắm những ma trơi đồi gió, những chênh vênh hẻm hóc! Thơ với chẳng mộng! Nửa đêm nổi hứng thèm một thực tế nghi ngút của một tô phở, một đĩa xôi gà, bánh cuốn, khứ hồi trên 5 cây số, băng hai chiều nghĩa địa rồi cắm cọc xuống chổng mông lên leo gần chục con dốc! Nghĩ mà ớn!

*

Trái: rừng, và lũng thông xanh. Phải: trắng mốc của vôi trên đỏ của đất lật đá nơi cửa vào: căn nhà đầu tiên trên đỉnh đèo. Thiên hạ bảo đó là ngôi nhà ma. Những người sống quanh còn quả quyết những đêm mờ trăng, từ lỗ miệng há huếch của lò sưởi, hai vệt sương quyện nhau bay lên. Bóng đàn bà, ngoài mái tóc chấm mông, ngay vạt sát vành tai phải lóa lên một cánh sao đỏ. Người tỏ chuyện: cô gieo mình xuống từ mái lầu, ngã nằm trong thế úp nghiêng. Khám nghiệm, toàn thân nguyên vẹn, trừ một hỏm sâu ngay vành tai phải do va vào đá, đã khô máu. Cậu trai được tin, đến thăm trong nhà xác, khóc, ôm nàng, và cùng người yêu thăng hóa.

Chủ nhân đã về ở dưới Sài Gòn. Căn nhà treo giá thật hạ mà chưa người hỏi mua.

Thật hay hư? Thiên tình sử cận đại *Romeo và Juliet*! Tôi chỉ nghe và chỉ biết chừng ấy. Tôi tôn kính lòng tin của người khác. Tôi ngả nón trước hành động chết theo người tình. Tôi sẵn sàng, nếu biết được nơi chôn cất, đến, thắp cho họ một nén nhang, cúi một lượt đầu, và đọc cho họ nghe một đoạn thơ ngợi ca sự khắng khít tuyệt vời của tình yêu.

Chỉ năm trước đây thôi, tôi đã thăm ngôi biệt thự đó. Xế trưa. Cỏ rêu xanh hơn cả màu trời. Cổng ngăn từ ngoài; và chung quanh nhà, vài phản gỗ đóng chéo nơi các thành cửa sổ, cửa ra vào. Lưa lách theo song cửa vỡ (ôi, khe hở kỳ diệu: hình như làn địa chấn dưới bước chân tôi khiến chú mèo hoặc chồn cáo nào từ trong hốt hoảng phóng ra, phá một mảnh vỡ

kiếng vừa vặn thân người tôi), tôi đối diện với bầu trời bị cắt gọt. Như mọi bất động sản bỏ hoang, toàn thể khoảng trống là phòng trưng bày của mạng hội-họa-nhện. Nắng vào từ đồi thông bên kia. Những sợi ngang nắng, cũng như bao nhiêu là xác quắt queo của gián, ruồi muỗi... bị khựng vướng lung bung vào mớ trận đồ của tơ. Nắng bị hất tung lên, quay mòng dưới đất, và tua túa khắp phòng. Rất hoang vu; nhưng trong hoang vu là cả một chứa chan sắc thái. Chưa nơi nào mà tôi thấy nắng có nhiều màu đến thế. Hình như các vật tĩnh nơi này mong manh lắm, nhạy cảm lắm, và ở mỗi phạm vi không gian riêng lẻ mà chúng chiếm lĩnh đều hàm súc một khả năng phản hồi khác nhau khi nhận vào cái đến từ ngoài. Và nắng, vật thể lung linh và lai láng nhất, khi chạm vào các vật tĩnh kia thì tự động khuếch đại tận cùng các tiểu tiết của nó. Và, trong nỗi thinh lặng tráng đều như chiếc khuôn bánh đa vĩ đại, những sợi nắng quả là những tay đu bay hảo hạng. Chẳng những mặt lưới thanh bình của khoảng trống kia không hề võng, mà hầu như chính nắng vẫn còn nguyên vị. Thành thử, các cử động đu đưa chỉ là các thủ thuật tuyệt cùng của nắng; và sự tóe tung của nắng chỉ là cảm giác của chính tôi.

Ấy, thứ nắng bị giam hãm; thứ nắng tình nguyện bị giam hãm cùng cả không gian và thời gian. Nó gậy mùi gió ẩm mốc; trộn trà vào bộ phổi ẩm mốc của khí; và rồi tất cả cùng thở, cùng hít vào, đắp lên mùi vạn niên đó.

Sàn nhà, có thể là đá hoa, là thảm, là gỗ lót. Mỗi bước chân lại làm vang lên những vọng âm khác nhau. Và tất cả vọng âm này hình như bị chiều chuyển vô hình của làn gió-tĩnh cuốn về một phía: hộc lò sưởi to đen như mồm con quái thú. Thành lò hun hút như chiếc thang sơn đen. Chính đây là lối đi về của cặp hồn tình nhân.

Tôi đã len lỏi vào. Đã ngắm nghía với trọn nôn nao, thú vị. Cảm giác lạ, lạnh, mà không đe dọa. Trong thế giới thu nhỏ của nỗi hắt hiu của những gì bị bỏ rơi, tôi chỉ nghe thị giác mình sáng láng hơn, thấy được khứu giác và thính giác tinh anh hơn. Và thứ nắng bao quanh ngôi nhà trắng toát nữa: bây giờ, tôi nhìn: nó không còn là nắng; mà là khối vàng tuyền. Các cửa gỗ, các gờ gạch: các khuôn đúc khối vàng mơ ngủ kia. Ngay khu rừng cỏ cao hơn đầu người: nắng đóng vẩy vàng lên từng mạch lá.

Khu nhà ma? Với tôi, nó là chiếc nôi tinh khiết, và con người sống trong đó sẽ biến thành trẻ con. Vàng lát dưới mỗi bước đi, đổ từ li ti nắng. Nó không là báu kim như cuộc đời vẫn tôn vinh. Nó là một thành tố, và là thành tố quan yếu nuôi dưỡng hồn sống.

Và tôi đã về kể lại với nàng. Tôi đã cố trưng dụng tối đa khả năng biến thể cảm nhận cũ kỹ thành lời nói để, nếu không vào sâu được cửa ngõ vô hình kia, thì ít nhất nàng cũng không cho đó là ảo ảnh. Và, nàng náo nức đòi tôi đưa đi thăm. Và trong đó, trên chiếc sàn lung lay bụi bặm đó, có lẽ vì nước mắt của nàng đã xoa trơn lối vào, có lẽ vì ấn tượng bi ai của chuyện kể, tôi đã hôn nàng. Và trước miệng hầm ma quái, chờn vờn trước tôi hình ảnh đôi tình nhân ôm nhau lượn khói vân du, tôi đã từ khước ân ái cùng nàng. Nhờ hai bức thành lò cứng chắc, hồn vía của tôi đã đạp vào chúng mà bay theo, thoát được ra ngoài.

- Đây là một trong rất ít hành vi mà tao cần tuyên dương. Có thể mày không cần đến nó. Nhưng, con người sống bằng cảm tính, bản năng như mày, làm được điều đó thì quả là phép lạ!

Hồ Xuân Hương như bức màn trắng kéo qua tròng mắt. Như mảng nắng vô sắc bục vỡ sau thành mây của mắt. Như giấc ngủ cuốn gói từ chiếc giường của mắt. Mắt như được những ngón tay không khí (mát rượi) căng mí lên. Thành phố màu hồng nhô từ dưới màu xanh nhẹ của mây, và từ trên hàng chõm thông màu lục nặng. Nước chảy ngược lên, bởi trong từng lá mây, các gân suối nhỏ ngoằn ngoẵn như hàng guồng kim tuyến lướt lướt. Đất trời vừa thông báo cho thị xã về một hồi hướng của mùa, của nắng-pha-mưa, và của âm dương liên hữu. Thủy-mộc nhận trong chúng tín điệp kia, và lưu lan đến các loài.

Palace, phía trái thành xe: khách sạn hoa lệ nhất thành phố: ngôi tháp nước bạc nhô lên từ đáy hồ, và các bãi cỏ bố trí hai bên là sự kết hợp rì từ tóc xuống vai của vô vàn tia nước xanh (tên của nó đã hàm nghĩa một lâu đài). Lâu đài nướp nượp khách vãng lai; gió dậy từ phân phất của trăm nghìn quần là áo lụa đủ quét sạch bất kỳ chỉ nhện nào, dù nhùng nhoẳng nhất. Nó không khoan dung với bất cứ một tá túc nào, dù tạm thời, của một lá khô; một vệt sờn nứt của gỗ hoặc kim loại. Tất cả đều tinh khôi, hào sảng, quý phái, lộ liễu trong nhún nhường, và khiêm cung dưới kiêu hãnh. Bao nhiêu tầng lầu; bao nhiêu phòng ốc trong nó? Có cần phải nhớ?

Chỉ biết, nơi khách thính loáng nhoáng như mặt hồ mùa hạ dưới kia, nàng đã được ôm trong vòng tay của tôi. Chỉ biết, trước cây nhan sắc rực rỡ như pháo hoa, rụt rè như nụ đào vừa nhú buổi tinh mơ, tôi đã không làm chủ được nữa hơi thở và tư tưởng của mình. Đêm họp mặt đầu tiên, mặc hai người bạn cùng bàn mời ép, tôi chỉ uống nước ngọt (tôi không muốn

cái màu máu nhơn nhớt của da mặt tôi mà chỉ nửa ly vang đỏ đủ tưới khắp làm nàng khó chịu). Nhưng tôi say hơn cả lần năm ngoái, ôn bài chờ kỳ thi đến, cùng thằng bạn thuê phòng dãy dưới, chúng tôi 'cưa' đứt chai Johnny-Đi-Bộ, mà mồi đưa chỉ là một móng tay kẹo lạc ngậm thật lâu trong miệng sau mỗi tợp nước đỏ trút vào cuống họng. Tôi say, nên khi dàn nhạc trở lại sân khấu sau mươi phút giải lao, đến nốt dương cầm dạo thử thứ chín, tôi nổi hứng bảo sẽ 'nhân danh Đà Lạt' lên hát một bài để "tặng chị, người nữ khách du xinh đẹp nhất." Nàng cười, răng trắng hơn những hột đèn thạch anh trên trần hắt xuống sân khấu, "anh hát thế nào để tôi không rứt chân được khỏi 'thiên-đường' của anh thì hát."

Không hiểu đêm đó tôi hát thế nào mà ngay sáng hôm sau, khi tôi còn chưa chớp cho tan hết lớp nhựa ngủ trong mắt, nhân danh người tình và chính mình, nàng phôn đến nhà mời Dự và tôi lại khách sạn ăn sáng, và sau đó thăm đập Đa Thiện Thung Lũng Tình Yêu. Không hiểu tôi hát thế nào đêm đó mà lúc thả bộ lên khu đồi xa của đập nước, nàng tuyên bố sau buổi dạo chơi này, chiều nay, nàng sẽ lên Viện Đại Học ghi danh học thêm Triết, 'cho biết.' (nàng sẽ xin tôi một số bài học, sẽ nhờ tôi mua sách, tài liệu, gửi xuống Sài Gòn.) 'Ngạc-gorille' (biệt danh do chính tôi đặt cho - và rất được khoái chí nhận bởi - anh chàng đồ sộ cao gần 2m vai u cằm bạnh răng thưa và to, mắt gừ gừ tướng đi khềnh khệnh, người tình của nàng) nghĩ là nàng nói đùa, theo cái kiểu 'bốc đồng' hơi thái quá của các cô trường đầm. Nhưng lúc nàng chìa cho hắn mảnh giấy biên nhận của Viện thì hắn hơi hoang mang. Không bao giờ nghĩ rằng có lúc nào nàng sẽ sống xa được mình, hắn bảo, ghi thì cứ ghi. Nhưng học thì cứ không. Tiền ghi danh cứ việc xem như 'đi lộn một nước bài!'

Có lẽ, khi đến với hắn thì nàng không nên đến với tôi. Tôi: gầy, nhẹ cân. Hắn: gọi hắn là 'vượn-gấu' cũng chưa đủ nói lên kích thước king-kong của hắn, nhưng bởi hình ảnh con vật lầm lì từ một cuốn phim xem rạp Ngọc Lan vẫn còn đen sững trong trí nhớ nên tôi đắp nó lên hắn. Nếu hắn đã dễ dàng ăn tươi đè bẹp được tôi, thì với nàng, hắn đích thị là chiếc bao tải đựng trái cây mà chỉ chứa mỗi một quả-nàng. Nàng nên ở luôn dưới kia, thành phố của hơi nóng và tiếng động, thành phố mà tôi đã si mê, đã thất vọng. Những loại hoa như nàng nên khoe sắc hương tại những chốn không ngớt ong bướm xun xoe như thế. Đà Lạt, theo như đánh giá của một nhà thơ (hình như) là chốn, hoặc để học, hoặc để tu, hoặc để tự tử. Không một nào trong ba thích hợp với nàng. Còn tình yêu? Là thứ nàng mang theo, 'đóng vali' nơi chàng chín-gấu-một-người kia? Là thứ nàng đang hướng tìm?

Có lẽ, phần tôi: không nên nhận lời Dự xuống Liên Khương đón hai người quen của nó.

Chiều đang nửa. Chuyến bay, trên bảng thông báo, sẽ đến muộn. Dự và tôi, thương nhau thì có, nhưng hợp nhau thì không; và bình thường, chúng tôi chỉ có vài ba câu trao đổi với nhau. Hắn tâm sự với chai bia. Còn tôi thì cố nối sợi chỉ cảm thông tư duy rất mỏn với ông *Kant*[1] bí hiểm nào bằng cách cố so nó lại trong làn không khí bắt đầu se se màu thủy ngân, giữa những đường dệt xám đen của lũ én. (tôi kinh nghiệm, những lần đi dạo là lúc thuận tiện nhất để 'giao du' với cổ nhân.) Cái lạnh hình thành nhanh hơn tư tưởng. Khi tôi biết mình đang chợt tiếc là đã quên mang theo áo khoác thì hình dáng của con chim bạc DC4 chợt hắt từ nơi nào đó của vũng khí lên màu tím của đá núi; đồng lúc, ánh mặt trời cuối cùng cũng vừa ngã xuống bờ núi bên này. Cảnh trí, giống như các phông sân khấu vừa được vén màn, bày biện nhanh hơn cảm nhận của tôi; và nếu không được tiếng kêu từ ngoại cảnh đánh thức, tôi sẽ không biết là mình đang chờ đợi nó và sẽ không quay lại. Dự ồ lên mừng rỡ, xô ghế đứng dậy, chạy ùa ra sàn phi đạo. Hành khách đang bước xuống thang. Bóng của nó bơ vơ dán lên màu bạc của nhôm; thoáng chốc như đang bị hút tuột vào lòng cánh dơi đỏ khổng lồ của chiếc blouson của một người đàn ông, rồi chường lên theo chiều ngược, rất nhanh, bên màu hồng tươi thắm của một tà áo dài bị ngắt quãng phần thân trên bởi vát áo len da trời. Cô gái nhỏ bé nhẹ lững đến như chỉ là một sự khúc xạ của cảm hứng chợt trở về trong tôi lên bầu khói chân trời nhưng lóa sáng như thể vầng dương vừa gượng lên lần chót, phía sau. Tôi sượng bước. Mặt nhựa dưới chân chun rã, xoáy vòng giống như mô cát bị phá vỡ bởi luồng suối mạnh. Tôi phải tựa vào mấy thùng sắt gần cạnh. Ánh sáng của một ngày mà hoàng hôn vừa mang trả đầu thai trọn vẹn lên cô gái áo hồng.

Ngạc (tên người đàn ông, anh họ của Dự) bắt tay tôi chặt đến bó các khớp xương lại với nhau, nên tôi đành phải bỏ ý định xách giùm Sáng (cô gái, *fiancée* của Ngạc) chiếc túi *Air Vietnam* vẽ hình chiếc máy bay nhỏ. Ngạc xin lỗi (cung cách rất lịch sự, rất 'tây,' và tuy ngộp thở vì lá-chắn-hắn, tôi vẫn vui vẻ dành cho hắn nhiều cảm tình), muốn được chung ghế với Dự, "tôi cần hỏi thăm Dự vài điều quan trọng, anh T. đừng phiền nhé!" Sáng và tôi được 'chỉ định' ngồi chung nhau.

Chuyến xe ca của hãng HKVN trống ghế hơn nửa. Nó rộng thênh khiến tôi như bị mất trọng lực. Tôi phải vấu chặt vào vòng nhựa trên trần để khỏi

'bay' lên. Sáng có vẻ mệt. Chỉ gật đầu và mỉm cười khi chào tôi. Mắt lim dim. Mi cong, dài. Tôi thầm cảm ơn sự yên lặng của nàng. Tôi không nhớ sợi chỉ đang nối bị vất bỏ chỗ nào.

Bắt đầu lên đèo Prenn để về thị xã, Sáng mới tỉnh lại. Câu đầu tiên nàng thốt ra là, "đẹp quá!" Tôi làm quen:

"Chị lên đây bao lần rồi?"

Sáng nhìn lại tôi. Đôi mắt thả bùa mê. Da mặt nàng khiến tôi khát nước. Vẻ tươi mát hồn nhiên của nàng bắt tôi phải rà soát lại xem từ nãy đến giờ, tôi có làm gì (thật, thì tôi chẳng làm gì cả) thất thố. Với 'tiểu sử' bỏ túi (năm 3 Luật), nàng hẳn phải lớn tuổi hơn tôi. Nhưng tia nhìn của nàng đang nói điều ngược lại. Tôi trót hỏi, và không mong câu trả lời.

"Không là lần thứ nhất, nhưng xem như lần thứ nhất cũng được."

Tôi không muốn thắc mắc. Bởi trong tôi còn thắc mắc này chưa giải tỏa: nàng trong sáng (thật xứng với tên), hồng hào, tươi non, ngon ngả như vậy, tại sao là bạn đời của cái con gấu-người kệch cỡm? Tôi cứ tự hỏi; và cứ tự xót xa! Ghế đôi không lằn chẻ, da thịt chúng tôi đụng cọ nhau. Tôi không cần tự nhủ, tôi ơi, hãy đừng lao xao, bởi nàng vi vút, tự tại như vệt mây mỏng đang chờ về trên nó một chấm chim nào kia.

"Sáng xin lỗi anh. Nhưng tại sao anh không gọi Sáng bằng tên cho tiện? "Chị?" Nghe xa lạ, và 'già nua' quá!"

Hẳn là Dự chưa hề nói gì với nàng về tôi. Tôi chỉ muốn nhẹ óc mà theo nó xuống đây. Bạn bè bảo sách vở đã làm tôi thành 'nửa-ông-cụ-non.' Nàng có lý.

Tôi mỉm cười, ngầm cảm ơn nàng.

"Tôi bằng tuổi Dự. Và cũng đang học năm thứ 2 như Dự, tuy khác khoa. Gọi Sáng là chị là hợp lẽ thôi. Sáng học trước tôi. Ngạc là anh họ của Dự. Tôi là bạn, mà lại cùng tuổi với Dự. Và... chị... Nhưng nếu Sáng không thích..."

Nàng cười; má trái lõm hố hình thoi:

"Hình như anh dùng lối tam-tứ-đoạn-luận gì đó. Thế, anh 'méo mó nghề nghiệp' rồi đa."

trỏ tay xuống vực:

"Phụ nữ nào cũng thế, không riêng gì Sáng đâu, ngay cả những người trọng tuổi hơn chút, dễ mấy ai ưa nghe gọi mình bằng chị? Kìa, anh nhìn, lạch suối nào dưới kia, trong và dẻo như chiếc lược trăng. Nếu xuống được dưới đó mà tắm thì thích mê!"

Tôi trông theo, nhưng không thấy gì. Tôi nghĩ có thể nàng muốn việc

tôi sẽ gọi nàng bằng tên được tự nhiên. Dầu đã xong những bước căn bản trên chiếc cầu bấp bênh của giao tiếp, tôi vẫn còn khá ngại ngần.

Lộ trình đã thẳng. Đèo đã hết. Căn nhà trắng toát đầu tiên. Tôi reo lên: (thế là tôi lại có đề tài để nói.)

"Sáng biết: ngôi biệt thự kia không dành cho người đâu đấy..."

Đôi mắt mở to. Bóng thông tuột hết vào trong. Tôi nghe vì vèo tiếng gió. Và (sao cảm giác của tôi có thể muộn màng đến thế?), cuối đuôi gió là một hương thơm! Nó không thuần thơm của nước hoa. Là một trộn lộn của nước, với phần mạnh hơn, mùi người: tóc, da, quần áo.

Chiếc xe nghiêng nửa cung. Sáng ngả vào tôi. Trắng của giò quần lãnh vỡ ụp trong mắt. Đùi phải của tôi nóng bỏng. Tôi mong cảm giác này tăng thêm: chiều đang lạnh bên ngoài. Hơi ấm bên tai:

"Không dành cho người? Nó... hoang vu? Rất có thể. Cứ trông cỏ dại trước và hai bên hông nhà thì rõ. Có của đâu mà bỏ phí thế!"

"Còn hơn là hoang phế. Nó... dành cho... người, nhưng là... người-chết."

"Nghĩa địa? Ma?" Nàng hít vào, thở ra, vuốt ngực.

(háo hức) "Nhưng trông nó quyến rũ lắm! Sáng sẽ bảo anh Dự hôm nào đưa đến đây chơi."

*

- Tao sẽ lên kia mà hỏi. Sổ sách, dầu bao năm, hy vọng là họ còn giữ.

- Chưa ai khùng điên hơn mày. Mày muốn thì cứ lên một mình. Tao đứng đây, ngắm cảnh, chờ.

Phòng thênh thênh. Sàn nhà như một tảng băng... hơ ấm. Một thế giới tách biệt: thế giới của những bóng, sinh-hoạt-trong-ngưng-nghỉ và êm-đềm-trong-náo-động. Chiếc nôi của những trẻ-thơ-người-lớn, ban ngày; và của người-lớn-mong-thành-trẻ-thơ, ban đêm.

Hình như cũng là cô nhân viên tiếp tân cũ. (Đương nhiên) cô chững chạc hơn; và đầy đặn hơn. (điều này thì mình không ưa tí nào. Với mình, đàn bà: trọng lượng tỉ lệ nghịch với nhan sắc.) Cô vẫn còn giữ lối chải ngôi chéo. Dây chuyền vàng thò thõ hộc vú sâu.

"Xin lỗi... chị."

Cô ngẩng khỏi quyển báo trước mắt.

"Ông cần chi ạ?"

Đúng cô ta. Chữ cuối cùng, không người nào phát âm dễ thương được như cô. Mình như đi xa về, giữa một triệu người lạ, gặp được cố nhân.

"Cô... cô còn giữ những sổ sách cũ?"

Mắt vui; và rất nhanh, nửa trợn. [Mắt của nàng to, đẹp, và hiền hơn.] Cố gặng cười, để che giấu ngạc nhiên thì ít, mà bực bội thì nhiều. Lòng báo hở những vú những đùi những mông. Có điều đó là những vú mông đùi bị xén chữ nhật, vá các mảnh lót nhiều màu bên ngoài. Thời trang vẫn hấp dẫn hơn cái anh chàng hốc hác với câu hỏi vớ vẩn. Tôi cố thật dịu nhẹ:

"Tôi muốn... A. Tôi có hai người quen. Trước kia họ thuê phòng hôtel này. Lâu rồi, không gặp. Định đến thăm mà lại quên mất địa chỉ của họ. Định hỏi, nếu cô còn giữ..."

Cô 'à' tiếng nhẹ nhõm. Tay lần dưới quầy, lấy ra quyển sổ dầy cộm in nổi tòa nhà màu trắng. Lật trang đầu, ngước lên:

"Ông cho biết tên hai người quen của ông."

Tôi nói. Cô cúi xuống, tỉ mỉ rê mấy móng đỏ tím trên mặt giấy. 5 phút. 10 phút. Bao lâu? Có thể là 5, 10 năm. Tôi nhìn thấy con chim sắt mọc lên từ sườn núi. Tôi nghe 'chiếc-lược-mỏng-trăng' róc rách. Tôi ngửi được thơm tóc, mùi mồ hôi ngọt nước hoa *Fortuna*, nghe nàng đọc hai câu mở của *A Cassandre* [tên một cô gái, tựa đề một bài tình thi của *Ronsard*][(2)] lúc tôi cúi xuống hôn nàng. Vòng sau lưng nàng, tôi rờ rẫm mặt láng lướt của hai quả đào xuân; và tôi biết là tôi đã nhắm mắt, ấy nàng xa tôi bằng bàn tay kia. Nó bị kẹt dưới ngăn vú trái của nàng. Và tiếng nàng thở dài; và tôi (đứng lên).

"Ông nhớ năm sinh của họ?"

Tôi đáp. Và mấy màu tím đỏ nhọn hoắt chơi tiếp trò cút bắt.

Lại 5 hay 10 năm nữa về ngồi trên vai tôi. Tôi kéo chiếc ghế cao khều đến gần, ngồi lên. Tôi nhìn cô thư ký. Tôi cố tưởng tượng mái tóc ngắn cũn Jean Seberg của cô là phần lông tém sau gáy của nàng. Tôi chìm, và chờ nàng gọi vớt tôi lên.

"Không có ông ạ. Có hai người khách trùng tên lẫn họ với ông bạn của ông. Nhưng năm sinh của họ thì nhỏ hơn nhiều."

Tôi thở ra. Hình như tôi biết là tôi sẽ đi đến giai đoạn này, nghe lời đáp này. Tôi không buồn. Tôi đứng lên, tự thầm thì, ờ nhỉ, chỉ ai dốt toán lắm như mình thì mới lầm con số 98 kia thành 68 thôi. Tôi định chào ra thì cô gọi với:

"Tôi vừa nghe ông đọc lên những con số. Ông... hai người bạn của ông thuê phòng năm nào?"

Hy vọng lóe sáng. Tôi thoăn thoắt miệng:

"1968; giữa tháng Bảy, khi sinh viên còn đang nghỉ hè. Mùa hạ năm ấy thật nóng bức. Chúng tôi trầm mình suốt ngày dưới hồ bơi và phải đội

nón để trốn nắng. Cô... cô... tìm ra họ được chứ?"

"Trời!" Mắt cô long hết mức. Tròng đen bị lấy lên tít lông mày. Tôi thấy trong đó hai vũng nước bạc loáng dưới mặt trời. Cô thở ra thật dài. Đôi vú bó dưới lớp áo len xẹp xuống như hai quả bóng thoát hơi. Cô vờn lên ống điện thoại. Tôi hy vọng cô sẽ gọi lên phòng quản lý, giám đốc để nhờ tìm lý lịch hai người khách trọ xưa. Cô hít vào. Đôi vú như hai ruột xe vừa được vá, phồng to. Cô nhẹ nghiến răng, mái tóc chổm tới, và hai vũng bạc tiếp sức cùng cô, như chú cá quẫy, phóng lời nói vào tai tôi:

"Ông còn trò đùa nào ít vô duyên hơn thế chăng?"

Tôi bực tức:

"Cô nghĩ là tôi đùa cợt được với trạng thái tinh thần hiện nay của tôi ư? Cô không biết là tôi đã vất vả bao nhiêu mới đến được đây hỏi thăm tin tức người quen?"

Cô quay vào trong, ré nhọn:

"Chú Berna... a... ơi! Ra đây cháu nhờ chút!"

Tôi trở bước. Xoay nắm thủy tinh, chưa kịp thả mặt hớp khí lạnh bên ngoài thì nghe sau lưng nhịp chày giã gạo, rồi giọng đàn ông nửa Việt nửa Tàu, gì gì mà khẩn trương vậy hử Agnès...

*

Không hiểu họ rớt xuống từ đâu, những con người đó? Không hiểu mọc lên từ lúc nào, những căn nhà đủ kiểu đủ kích thước đó? Không hiểu được khạc ra từ miệng hầm nào, những chiếc gắn máy gầm thét đó? Đà Lạt, chớp mắt, từ một thiếu nữ còn quá lúng túng sử dụng thỏi son môi, vụt phỗng phì thành mụ đàn bà trơ tráo, kênh kiệu.

- Mình lạc lối chăng?

- Cứ bình tĩnh. Đừng làm tao rối trí. Tao vẫn đánh hơi được chút hình ảnh quen xưa.

"Bác ơi! Bác nhớ trong số khách nữ đến làm tóc, có cô nào tên là Sáng không? Tên cô ta đặc biệt quá, bác hỉ? Con gái mang tên đó chắc không được bao người. Cô khoảng 20 hay 21. Nhỏ, gầy, tóc dài, uốn lọn lơi. Răng trắng, môi đỏ. Và đôi mắt thì thật đen, thật to."

"Con gái có tên Sáng thì không nhiều thật. Nhưng cậu biết đấy, cô này ra rồi bà kia lại vào. Tiệm chẳng lúc nào ngơi khách. Lắm khi chúng tôi không có cả thì giờ mà ăn mà uống nữa đấy cậu nhé. Kinh doanh mà. Nhiêu khê lắm. Vắng khách thì mệt cách này; đông khách thì mệt cách khác. Nói chung, nhóm thợ mà chúng tôi mới tuyển rất nhuần tay nghề,

nhỏ nhẻ, biết chiều khách nên ai đến một lần rồi là không bỏ qua nơi khác được. Mà thật thì cũng nhờ giời hết cậu ạ. Ông mà lơi mắt ngó đi là cả cơ đồ cũng cắp gói đi theo."

Tiệm nằm đầu dốc, giao điểm của hai con đường. Bề thế, và vênh váo. Chiều ngang của nó gấp ba các căn nhà chung quanh. Tường bốn mặt, quây kính. Cửa ra vào cũng làm bằng kính. Tủ mẫu bày các kiểu tóc và chai lọ sừng sững như một thành trì. Vào đây, mọi thứ sẽ được phong phú hóa: một người sẽ hóa phép thành mười, thành trăm; một mái tóc sẽ xõa bồng thành trăm thành ngàn. Một đồng giấy sẽ tự chẻ đôi, ba, thành vạn thành triệu. Bà không ngoa. Các cô thợ, hẳn là được tuyển lọc thật kỹ: hình như họ cùng tuổi, cùng sở thích, đồng phục áo trắng quần đen. Các cử động xuống lên của tay (cầm lược, kéo, thuốc sấy nhuộm...), xoay vòng của chân, mấp máy của môi và hiển âm của lời nói: sự lập lại đồng bộ tuyệt cùng sít sao của nhau. Mỗi người được tách hai: một nửa là sở hữu của bên này, nửa bên kia là của người đứng cạnh. Họ là từ một được nhân lên: từ một noãn đơn chiếc, rộ nhánh.

Các cô đều rất trẻ, và đẹp. Họ tươi tuổi trẻ và sắc đẹp của họ lên đầu khách. Chúng là thứ nước gội hiệu nghiệm và lừng lẫy. Khách thợ chuyện trò thân ái như thể cùng gia đình. Mỗi ghế với cặp khách+thợ là một đề tài riêng biệt. Nhưng cái thị trường ngôn ngữ chung hình như vẫn tuân thủ một quy luật chặt chẽ vô hình. Tuyệt không một âm thanh nào lang thang quá xa (khu quy định là phạm vi của ghế), lộn lạo quá cao. Một hòa khúc của sau nhiều giai đoạn tập dượt.

Bà vén đôi môi đỏ chót màu trầu cau bằng hai ngón của bàn tay trái; dùng chúng và ba ngón của cùng bàn tay đó lên túm gọn mún tóc hai màu lạc bầy vào đáy chiếc khăn nâu bịt quanh đầu. Bàn tay kia lật lơ là vài trang của quyển tựa album bìa cứng với cái *étiquette* đỏ dán ngoài *Sổ Khách Hẹn*, mồm lẩm bẩm *S... a... n... g, S... e... n...* Các ngón lật lờ và không dừng lại trang nào đủ lâu.

"A. Tôi có cái này gửi bà."

Bà vẫn đùa lơi với quyển sổ. Tôi lục túi [ôi, tao phải cám ơn cái nửa-tao biết mấy! Cản ngăn thì sắt thép chẳng ai hơn, nhưng khi đã đồng ý thì mày lại ti mi quá sức. Tao nhớ, ngoài hành lý, trước khi xe chuyển bến, mày nhét vào túi áo tao vài vuông giấy con cũ nát. Lúc đó, tao không biết chúng là gì, và tại sao mày lại mang theo tụi giẻ rách ấy. Bây giờ, ôi, cảm ơn tâm linh của ta: mi máy động thật đúng lúc!]: một thẻ sinh viên, một biên nhận ăn cơm tháng tại quán Ba Duế, hai hóa đơn cầm đồ. Tất cả đều

ghi tên tôi. Mảnh giấy cuối cùng gấp tư. Tôi mở: dưới đóng mộc tròn đỏ và chữ ký bằng bút sáp cũng màu đỏ. Trên cùng, hàng chữ nghiêng, đậm *Hoa Mỹ, Viện Uốn Tóc Mỹ Thuật*. Địa chỉ, số điện thoại... Giữa lòng giấy, *Cô Phạm Thu Sáng; giờ hẹn: 10 giờ sáng, ngày... tháng 8, năm 1968.*

Tôi tiến đến sạp gụ. Bóng tôi mờ mờ dưới mông đít của bà. Bà không niềm nở lắm chìa bàn tay rực xuyến vàng nhận mảnh giấy từ tôi. Tôi cảm tưởng bốn bên tôi vừa quây bức tường cách âm.. Nhịp lên xuống như đồng bóng của trăm nghìn cánh tay thợ vẫn chơi trò ảo thuật trong các mặt gương. Một góc sinh hoạt ngoài phố vẫn thướt tha trong chúng. Nhưng tuyệt không một vang vọng. Giống y một đoạn phim câm thời của *Les Temps modernes*[3] Hoặc giả con người đang sống vào mấy mươi thế kỷ tương lai, nơi họ đã đạt trạng thái cảm thông từng nhịp thở, từng nháy mắt của nhau?

Lồ lộ từng nét nhăn mà phấn sáp vẫn không đắp kín. Tôi trông rõ từng 1/10 cục cựa của bức màn thưa lông mi não nề cứng gượng. Nó báo tôi rằng người đàn bà ngồi trước tôi đang ngó lên. Rồi hình như bà bị cái gì đó từ trong hẻm trán nhằn nhắn hãm lại. Đầu lắc ngang, lắc ngang như bà đang trả lời không cho chính bà. Rồi mệt mỏi sựng im. Búi tóc bị đâm lút bởi mũi trâm chỉ còn ló cục tròn cẩm thạch to bằng viên bi đánh đáo nom thật tang thương. Sườn da cổ tựa vách đất lơ thơ vài cọng dây leo héo hắt. Rồi quả-dừa-có-tóc kia giật phắt lên. Miệng bà nứa hé. Trên đầu lưỡi, bã trầu bẹp dí. Rồi nó mất tích một cách thần kỳ trong vòm miệng khi người đàn bà như bị thôi miên há thêm nứa miệng còn lại. Những viên-đá-răng còi cọc còn dính ướt sơn đỏ. Tôi nghe lạnh, và bỗng dưng cánh thời gian trên đầu tôi quạp theo chiều ngược lại. Rừng thông dốc đá thốc về hướng tôi. Tôi định làm cử chỉ chạy trốn, nhưng: các vật thể kia cứ chạy mà không hề vấp vướng phải tôi: chúng xuyên qua tôi; rồi bóng chúng vần vụ bên ngoài bức tường cách âm.

Bà đứng lên. Móng nhọn từ bàn tay cầm giấy xộc thẳng vào tim tôi. Bà giậm chân, đánh mạnh hai cánh tay theo thân người như đang tập thể dục. Tới nhịp lên thứ ba thì bà đã đến sát tôi lắm rồi. Bà hít vào thật lâu. Mảnh giấy mà tôi đưa cho bà phần phật như lá buồm rách. Mắt bà long lên. Và trời hỡi, trong hố mắt thời gian, vũng nước bạc thếch dưới ánh mặt trời loáng gắt những rìa nhọn hoắt của dao. Tôi hiểu bà muốn gì: tôi hiểu, vì tôi đã học được nó từ đôi mắt của cô gái phòng tiếp tân.

Tôi chụp mảnh giấy từ tay bà. Tôi cầu nguyện đừng phải nghe lại hồi khúc chẳng êm ái chút nào *Chú Berna... a... ơi!...*, tôi lùi với tốc độ của những bánh sắt cấn lên nền đá mài lạnh tanh.

*

Cùng lớn lên trong âm hưởng hào hoa của những lễ tiết Tây phương. Máu, tim, da thịt là bản xứ. Nhưng cái hồn ủ ấp và nuôi dưỡng được cấy từ hạt giống Tây Âu. Trong khi Ngạc hầu như hoàn toàn là 'của-ngoại' thì Sáng vẫn còn lưu giữ rất nhiều dân tộc tính. Nếu nàng vẫn hoan hỉ làm đầy bao từ với bánh mì thịt bít-tết khoai tây chiên salade và một góc bơ lạt, (và dăm lúc cao hứng) 1/2 ly cognac thì tô phở đĩa bánh cuốn hoặc thậm chí ô bánh khúc xinh xắn cũng được nàng trịnh trọng đón tiếp. Nhạc mới, cũ của thế giới và bản địa đều được chia ô tương xứng đồng đều trong ngăn kéo hâm mộ của bộ não của nàng.

Nàng thực sự vui thích xắn quần lội sình, ô che đầu, phơi phới giữa mưa, thoăn thoắn ngang dọc các quầy hàng khu chợ dưới (trong lúc đó, Ngạc chỉ đứng xa mà nhìn, hay tìm lối xi măng sạch sẽ mà đi). Và đêm dạo phố với đủ mặt Ngạc, Dự, nàng thực sự ngạc nhiên khi trông thấy vòi lửa đun bằng khí đá nơi xe bán dầu cháo quẩy của ông già người Hoa giữa phố Phan Đình Phùng. Ngạc nhiên này đưa đến ngạc nhiên khác khi nàng phát giác ra rằng chỉ với một ly sữa đậu nành nóng, một xắn bánh khoai mì hoặc đậu xanh lưng chừng dốc Minh Mạng mà giá cả của các thứ cộng lại vẫn không bằng hàng số lẻ trên tấm giá tiền nằm khép nép trên chiếc dĩa mạ vàng mà cô cậu tiếp viên nhà hàng mang đến và đặt xuống trước mặt thật kính cẩn, nàng vẫn no và vẫn 'sống qua một ngày.'

Từ đêm ấy, các đêm sau, nàng đòi Ngạc đưa xuống phố thưởng thức mấy món bình dân. Ngạc sẵn sàng miệt mài nơi các phòng trà, vũ trường sang trọng, các phòng mạt chược, (tiền ăn thua một đêm bằng chi phí sách vở suốt ba hoặc bốn năm học cho một sinh viên), nhưng hết sức e dè khi phải dừng chân nơi những hàng quà rong. Hắn nhờ Dự. Và Dự thì lại nhờ tôi. (Dự rất bất ngờ và hết sức hoan hô khi biết Sáng và tôi hợp tính nhau); (thật ra, ngay sau chiều đón họ nơi phi trường, Dự đã, "mày là thổ công trên đây, tao đề nghị mày làm *guide* cho cặp tình nhân kia.") [Một điểm cần tán dương là Ngạc rất rộng lượng. Hắn săn sóc và nuông chiều Sáng hết mức. Cái tướng 'gấu' của hắn, với chiếc cằm bành bạnh, mái tóc chờm chởm như bờm sư tử bôi brillantine mượt mà, khi cúi xuống tán tỉnh Sáng hoặc nghiêng người xõa tay biểu diễn màn 'nịnh đầm,' dù không ưa lắm, tôi phải công nhận rằng rất *noble*, rất lịch lãm, rất đàn-ông, và hắn xứng đáng nhận được lời tri ân lẫn lòng xúc động cần có nơi đối tượng.]

Ngạc không hề tỏ ra ghen tức hay nghi ngờ về việc Sáng có vẻ luyến tôi. Hắn *passer*, chuyền người yêu của hắn sang tôi rất tinh bơ (nếu không

muốn nói là biết ơn nữa mỗi lần hắn nhờ tôi đưa Sáng đi chơi: cái chức vụ 'hướng dẫn viên' của tôi đã được phê chuẩn). Hắn: cần lấp đầy thời gian của Sáng. Hãy giúp nàng vui hưởng tối đa. Kỳ nghỉ hè này, ngoài tính cách chính yếu là một *lune de miel*, trăng mật, còn là một đền bù cho nàng vì những ngày tháng sắp tới, công việc của hắn - thằng con trai duy nhất, kẻ kế thừa thông minh của vị thương gia thành công nhất thủ đô - dưới Sài Gòn sẽ vô cùng tất bật.

Đèn đường rụng xuống. Theo đà chạy, tôi bổ theo chiều trượt. Tôi sợ nhìn chiếc miệng méo mó và nghe câu kêu cứu của bà ta. Mặt đường đá trút ngược giúp thêm độ nhanh cho những bước chân. Tôi biết mình đang mén ranh giữa chạy và bay. Tôi đang bay, như hôm nào tôi đã bay bên Sáng. Đêm Đà Lạt, hè, vẫn rét; và dễ làm co ro cô gái chỉ quen với thời tiết nóng. Đi cùng tôi, trân trọng tôi, nàng chỉ mặc áo dài, khoác thêm mảnh len cổ trái tim. Chúng tôi luôn 'mặt-dưới-của-cuộc-sống' (cách diễn tả của nàng). Bỏ lại sau thật hả hê những tiện nghi thượng đẳng. Nàng cảm ơn tôi đã giúp nàng khám phá khía cạnh kỳ diệu, và thực, của 'cái-đáng-được-nếm-bằng-lưỡi-của-ham-mê.' (cũng là chữ của nàng.) Nửa đêm ngoài phố (chỉ thời khắc này của ngày) tôi tự hỏi, và hơi tiếc rẻ, Sáng là người yêu của tôi hay của người khác? Gia cảnh nàng thuộc loại trung. Ông bố, nhà tây học thức, nhưng không gặp thời, an nhiên sống đời của một công chức liêm khiết thanh bạch bên bà vợ và hai cô con gái [Sáng là cô em] trong ngôi nhà cũ kỹ thừa hưởng của tổ tiên. Sáng đơn côi đứng khúc giữa của dòng sông nhân gian. Tít thượng nguồn, cặm trên nhánh trong mát nhất là gia đình của Ngạc. Hai người quen nhau trong một tiệc sinh nhật. "Cho đến bây giờ, Sáng vẫn không dứt khoát được với mình là vì nguyên do nào mà Sáng chấp nhận sống chung với Ngạc." Tôi tin nàng. Tôi không tỏa chút bóng vui nào để xui nàng nói dối. Tôi cũng không tin nàng nhận lời cầu hôn của Ngạc chỉ vì lóa mắt trước 'ánh-ảo-nhật-nguyệt'(vẫn là ngôn ngữ của nàng) của loại đá quý đa sắc. [ôi, sao tôi, một tôi quá tối tăm trước những bài học, mà lại mẫn cảm đến thế với các phát biểu của nàng!]

"Ơ, cái ông này. Có mắt không há? Chạy đâu như bị ma đuổi vậy kìa? Chút xíu nữa làm đổ hết thùng sữa của người ta!"

Tiếng thét văn vắt tràn trề con gái. Tôi không nhìn thấy nơi nó được phát đi. Nhưng chắc chắn vòm miệng nào kia, những mô răng nào kia, đầu lưỡi nào kia phải hết sức thơm tho, hồng hào. Đầu vai tôi tê tê, rần rật như được mấy ngón ngà xoa nắn. Tôi ngừa lui để thắng lại. Bàn chân trái chênh

vênh nửa ngoài của vỉa hè. Màu nước bạc bốc thơm dịu. Hai bàn tay của cô gái đang nâng chiếc nồi nhôm lên, định đặt vào lòng bếp than hực hở. Tôi tỉnh táo ngay. Khẽ cúi lưng, tôi giữ móc bên này của nồi. Bàn tay cô nóng ran. Tôi nói cùng lúc hít vào mùi mấy chân tóc sát gáy:

"Cô để tôi đặt lên bếp cho."

Tay kia của tôi đưa sang giữ móc bên. Hai bàn tay cô nằm trong tay tôi. Chúng tôi đứng dưới lòng đường, sát sạt nhau. Hai cánh tay chúng tôi đan hình chữ V. Sức nóng chuyền vào tay. Tôi nhìn xuống váng sữa, nhưng chỉ thấy một bên ngực cô dội mạnh. Mảnh khăn choàng cổ vắt ngược qua lưng cô rũ một chút xuống trước vai. Mặt cô rực thẹn. Cô luống cuống cố gỡ tay ra. Sữa sóng sánh trong nồi. Một vài giọt bắn rối lên.

Tôi xuýt xoa hai bàn tay đỏ rộp. Cô run run:

"Ông có sao không?"

Tôi cười xòa:

"Không sao." Tôi đưa chúng lên, bóp bóp hai trái tai. Cô gái cười theo.

Đến phiên tôi thảng thốt:

"Cô, đúng là cô. Cô... Có phải tên cô là Nhành?"

Đôi mi dựng. Tròng mắt của cô màu gạch cua. Tôi không lầm. Thế giới mà tôi biết chỉ mỗi cô là có tròng mắt màu gạch cua. Không phải lúc này tôi mới nghĩ thế. Đêm mùa hạ, vẫn rét. Xe sữa là trạm viếng cuối cùng trước khi chúng tôi về ngủ. Cô chủ hàng đon đả, anh chị đứng chờ em chút. Em đi mượn ghế. Tôi khoác tay, không cần đâu. Cô khoắng chân, và xách về từ tiệm chú Tàu bán hoành thánh nơi góc ngã ba hai ghế xếp cao. Tội nghiệp chị hai mà. Chị đâu quen ngồi ghế thấp. Sáng nhích ghế sát vào tôi. Nàng vừa thổi, vừa uống từng ngụm. Cô bán hàng thỉnh thoảng quay lại, ngó chúng tôi, cười ý nhị. Mắt cô cũng cười theo cô. Tròng mắt cô óng ả như lụa. Màu của chúng, lúc đầu tôi cho là màu rượu Bordeaux, nhưng cuối cùng, tôi quyết định, màu gạch cua (có thể khi tìm đặt tên màu cho chúng, tôi nhớ đến những bữa bún riêu cua và những lát rau muống chẻ tuyệt đẹp mà mẹ tôi mất trọn buổi sáng sửa soạn để thưởng cho cậu con út-tôi mỗi lần cậu được bảng danh dự).

"Đúng cô là cô Nhành rồi. Cô đừng sợ. Tôi chỉ muốn hỏi cô một câu thôi."

Màu mắt dịu nhanh. Cô hé môi chờ. (làn môi vẫn chon chót, dầu... cô đã hôn, và... được hôn trăm ngàn lần!) Tôi dụi mí:

"Cô còn nhớ cô khách từ Sài Gòn lên chơi có lần ghé đây uống sữa đậu

nành tên Sáng?" tôi chậm rãi; và đánh vần thật chậm tên nàng.

Cô gật:

"Có mấy chị tên Sáng. Ngay gần hẻm nhà em cũng có bà cụ tên Sáng. Nhưng chắc không phải người mà anh tìm."

"Sao cô nghĩ vậy?" tôi chưa xẹp hy vọng.

Cô mím đôi-môi-đã-(nhận)-hôn-trăm-ngàn-lần kia:

"Vì mấy chị đó, không có chị nào ghé ngang đây uống sữa của em. Họ biết cách nấu sữa còn giỏi hơn em. Bà cụ thì bị chứng tê thấp sau khi đẻ anh Thọ. Cả đời cụ chi quanh quanh mé dưới khu chợ Hoàng Diệu."

Quả bóng-hy-vọng của tôi vẫn còn chút hơi:

"Cô nhớ có lần cô chạy đi mượn ghế của chú Tàu cho khách ngồi?"

Cô lắc đầu:

"Chú Xâm bán mì hủ tiếu trước rạp Ngọc Hiệp. Từ đây xuống đó mất hơn năm phút. Làm sao em mượn đồ của chú cho được?"

Quả bóng teo lại bằng quả chanh:

"Đêm đó, Sáng nói nhiều và vui lắm. Cô thì vừa bán hàng, vừa góp chuyện với cô ấy mà."

Có thể cô đã khá bực mình. Cô quay đi múc sữa cho khách nên tôi không xác quyết cảm giác của tôi về cô có đúng không. Cô quay lưng về tôi (tôi đã đứng lại trên lề). Cô bắt chuyện với mấy bà khách. Cô có vẻ kém thoải mái. Có lẽ cô ngứa ngáy vì mái tóc kẹp sau cổ. Cô lắc đầu định hất tóc về trước. Chiếc kẹp to bản giữ ghịt. (Tôi muốn ngậm cắn vào chiếc gáy râm rấp mồ-hôi-sữa kia.)

"Cô Nhành. Cô giúp tôi với! Cô nhớ được gì, kể tôi nghe!"

Cô trợn mắt. Tròng mắt màu gạch cua. Những sợi rau muống chẻ sâm sấp. Cô nói với tôi bằng giọng run rẩy, không hiểu vì tức tối hay xúc động:

"Ông nghe cho. Tui tên Thắm, không phải tên Nhành. Ông lộn tui với người nào rồi."

Tôi hít sâu làn khí đêm:

"Tôi không lộn. Tôi còn nhớ, đêm đó, năm đó, 1968, tôi vừa may mắn xong chứng chỉ 1. Hơn năm qua, tôi đã bỏ Sài Gòn. Người-Sài Gòn đã phụ bạc tôi. Tôi lên đây để học, để quên, và tự hứa là nếu không cần lắm thì tôi sẽ không trở về. Tôi năn ni chính tôi là đừng mở lòng ra lần nào nữa. Cô cần thẻ sinh viên của tôi không? Tôi mang nó trong túi áo. Nó là chiếc bóng của tôi. Khi tôi chết; trước khi biết được là phải chết, tôi sẽ viết 'di chúc,' xin người ta chôn tấm thẻ với tôi, giông giống như tấm thẻ bài đeo

quanh cổ người lính ấy mà. Sở dĩ tôi nhắc đến thẻ bài lính vì cũng chính năm đó, lúc tôi còn lê la trên ghế giảng đường thì trong khu rừng rậm nào ở Phú Yên, thằng bạn thân nhất của tôi, thằng chơi guitare cổ điển hay nhất phân khoa, thi rớt, bị gọi lính; ra trường, hành quân, bị phục kích; tấm thẻ bài và bộ ngực chia nhau hai mươi lỗ đạn, chết, không kịp thốt một lời di chúc. Ông bố của nó sau giỗ thất tuần cho con, phát điên. Ông leo lên nóc nhà thương. Ông nói ông cần đáp máy bay cho mau để mang băng nhạc đến cho thằng hiếu tử chiến-sĩ-nghệ-sĩ của ông. Cô ơi, nơi nó nằm xuống đáng lẽ là của tôi. Nó vui tính, yêu đời. Đáng lẽ đời phải yêu lại nó, cho nó sống. Còn tôi, thằng bi quan yếm thế. Sao đời không bỏ tôi! Số phận! Ôi, mi đã chụp lầm người! (lục túi, chìa) Đây! Thẻ sinh viên của tôi đây. Hình chụp của tôi đây. Tên và ngày sinh của tôi đây. Cô ngó đi. Sự thực nè. Tôi đâu bịa chuyện với cô."

Cô xua tay. Tấm thẻ rơi xuống đất. Cô tức bực:

"Hình của ông thì ông ngắm. Liên can gì mà bảo tui coi. Ông đi đi cho tui bán hàng. Thằng út của tui lên sởi hai ngày rồi. Vậy mà má của nó không được ở nhà chăm sóc cho con, phải dầu đường xó chợ đứng cúp cả đầu gối để kiếm tiền mua thuốc cho nó. Vậy mà má của nó cũng không được yên ổn với nỗi cơ cực của mình. Ông, ông..."

Môi mím hằn (ôi, môi cô hằn ngọt như môi nàng!). Giọng bơi trong nước mắt. Những giọt nước mắt, nếu nếm được, chắc sẽ thanh thoảng như ly sữa đêm nào hai đứa tôi cùng uống. Tôi muốn nài ni cô lục tìm ký ức thêm một chập nữa. Nhưng tôi không chịu được khi nhìn đàn bà khóc. Sáng đã một lần khóc bên tôi. Và tôi hối hận cho đến bây giờ. Tôi cúi xuống nhặt tấm thẻ. Bước rời thứ chín thì nghe mồn một sau lưng, sao má khổ vầy nè, Sáu ơi!

*

Sáng kêu nhức đầu kiếu không đi xem kịch. Vé mời hai ghế. Ngạc gọi Dự.

Nàng nằm đắp chăn nghe nhạc. "Nghe gì thì Sáng vẫn thèm *Lời của dòng sông*, nên... gọi anh!" [bài nhạc tôi đã hát tặng nàng đêm quen nhau.] Sáng đã điện thoại mời tôi đến. Tôi hỏi, và hết sức lưỡng lự khi biết chỉ mỗi nàng trong phòng. Sáng chọc, "Ngạc đã từng cho phép Sáng rong chơi với anh gần hết đêm, anh không quên chứ?" Nàng muốn đi café Tùng để khi về ghé Đoàn Thị Điểm ăn cháo gà 'giải cảm.' Tôi bảo nàng còn mệt nên thả bộ xuống Thủy Tạ cho gần. Tôi sẽ đón nàng trước cửa sau khách sạn.

Và đêm ấy, nàng kể trọn vẹn câu chuyện 'không-là-tình-yêu' giữa nàng

và Ngạc. Nàng nói, nếu trước kia nàng nhận lời cầu hôn với Ngạc 'không vì lý do nào hết' thì bây giờ, nàng có thể xác định với ít nhiều an ủi: Ngạc không hề tước bỏ chút tự do nào của nàng. Ngạc yêu nàng, tôn trọng nàng, tin tưởng tuyệt đối vào nàng và chớ hề thắc mắc về sự giao du của nàng (nàng ám chỉ, với tôi). Nhưng... Nàng ngưng nói. Mắt long lanh. Nàng cầm lên ly nước trà song không uống. Nàng nhìn tôi qua chiếc quai hình vành tai của tách. Nàng hỏi, tôi có thể ngồi hát tặng nàng bài nhạc cũ? Tôi lứ ngứ trả lời, tôi chỉ hát được khi nào thật cô đơn, và chỉ hát cho chính mình nghe. Lần hát tặng nàng nơi phòng hội khách sạn, giữa bao người xa lạ quả là một liều lĩnh mà không bao giờ tôi dám lập lại. Nàng thở dài, anh xem thường Sáng quá lắm. Nàng trải mắt ra mặt nước mờ trăng. "Đêm qua, bọn này cãi nhau một trận ra trò." Giọng nàng bình thản đến lạnh! Nếu tôi không bắt được cái âm sắc nhất ở chữ ý nghĩa nhất của câu nói thì tôi đã nghĩ nàng đang tự thì thầm.

Et maintenant. Que vais-je faire...?... Que sera ma vie? Tôi làm gì đây? Mấy năm rồi? Tôi vẫn chưa trả lời được câu hỏi ấy cho chính tôi; và tôi cảm ơn *Gilbert Bécaud*[4] đang khẽ mở giúp tôi kho kỷ niệm nhầu nhò. [Chiếc loa phải, sau lưng Sáng, hình như to tiếng hơn.] Tôi yên lặng.

"Vì tờ biên nhận ghi danh ấy." Sáng làm tròn câu nói.

Giọng nàng từ tốn:

"Sáng quý trọng Ngạc vì tính phóng khoáng của anh. Sự quý trọng, dầu đẩy cực xa, vẫn không mấp mó được ranh giới của tình yêu. Nên... đáng lẽ Ngạc phải hiểu chứ..."

Giọng nói không còn lạnh nữa rồi. Nó đang được hâm ấm.

"Ngạc chê Sáng bốc đồng. Nhưng, nếu như sự bốc đồng kia, hiểu theo nghĩa: sai lầm, thì nó chỉ bắt Sáng trả giá cho một năm học, trong khi sự bốc đồng nhận lời cầu hôn của Sáng với anh ấy sẽ bắt Sáng trả giá bằng cả cuộc đời của Sáng. Ngạc phải nhớ chứ! Sáng chưa bao giờ nói là yêu anh ấy. Sáng về với Ngạc có thể vì bất cứ lý do, ngoài lý do tình yêu."

Nước mắt đã đặt để được tính chất của hành vi trên con người đang tiết ra nó: khóc! Nàng khóc lặng lẽ. Vai không run. Thân người thẳng băng. Khóc, là hình ảnh, mà không là tiếng động. Ánh trăng đầu mùa loe sóng nước. Nước mắt người con gái như các giọt sáp chảy xuống. Tôi nhũn nhừ. Tôi không chịu được khi người khác - nhất là phụ nữ - khóc trước mặt tôi. Tôi thay nàng, làm thân nến hứng từng cơn xối nóng bỏng. Tôi cầm lên tách trà của nàng. Và tôi lập lại cử chỉ lúc nãy của nàng: nhìn nàng xuyên qua vành tai sứ của nó. Và âm thanh tự dưng từ nơi nào đó mà không là trong

tôi... *người tìm về dòng sông, hỏi thầm về đời mình. Hoang vu dòng nước lũ... Ăn năn dấu rêu phong.*(5) Xanh rêu? Chỉ sau hơn bốn tuần phép của nàng? Không lẽ niềm vui phù du đến vậy?

Gió từ mặt hồ đang xốc lên; và Sáng ngồi như nhập định.

Bên ngoài, trăng vừa chòi lên một bước. Bờ hồ sau lưng. Lạnh hơn từ hướng đó. Tôi quay lại. Trong thăm đêm, vẫn thoáng mấy đỉnh đẫm đìa trắng anh đào. Khói nước sát bờ đùn như khói bếp. Màu nhờ nhợ của dãy *pédalo* - thuyền đạp nước - nom nản mắt lạ! Trên một trong những chúng, tôi đã ngồi cùng Dự. Thuyền cặp bên là của Ngạc và Sáng. Nàng ẻo lả như vậy mà lại là tay thể thao ưu hạng. Ba vòng quanh hồ, mỗi vòng non cây số, Ngạc cam đoan hắn chỉ đạp phụ họa thôi: tất cả là dụng sức của Sáng. Thế mà hai đứa tôi thua trắng cả ba.

Gió-tiếng từ sau tôi:

"Anh buồn cười thật. Sao không sang ngồi cùng hướng với Sáng để không phải ngoái mỏi cổ mà vẫn ngắm được trăng?"

(không hiểu sao tôi linh hoạt thế này: câu đáp tự nhiên như trăng rớt xuống từ trời):

"Nhưng nếu thế thì tôi lại không ngắm được trăng trong mắt Sáng."

Nàng lặng lẽ khóc. Tôi bóp nhẹ tay nàng, những ngón đề móng dài vừa phải, và tròn. Uống nửa sáng, màu sơn tim tím.

Bốn loa vuông nơi bốn góc cột đã im. Sáng dường như không chú ý. Nàng ôm trán, nói vẫn còn nhức đầu, và tỏ ý tiếc là đã quên lọ dầu trên phòng. Nàng nhay nhay hai ngón trỏ nơi thái dương, vun lên giữa trán, thả chúng trên đỉnh mũi, và như hai đài hoa, nở nơi đó. Mắt nhắm nghiền. Đỉnh mũi ngời lân tinh. Trong ánh mờ, cử động của nàng hệt như được chiếu từ sau bóng của pho tượng im thiền trên giá gỗ. Hình ảnh tuyệt vô nhiễm khiến tôi muốn khóc. Bên ngoài hắn im gió: rặng đào ngả đầu ngủ tiếp.

Tôi hỏi nàng cần nghe nhạc nữa không, tôi sẽ vào quầy yêu cầu. Nàng nói đủ rồi. Nàng muốn giữa hai đứa chỉ là nỗi yên lắng của đêm. Nàng nói, một tháng hè của nàng đã hết. Còn ngày mai cuối cùng. Rồi, sau ngày mai, những ngày Sài Gòn, nàng sẽ tìm mua bài nhạc mà tôi hát tặng nàng hai lần, và sẽ cố học hát theo. Nàng chỉ móng vào tôi: Sáng sẽ đọc thêm sách, hiểu chút về môn anh học. (Vỗ tay) sang năm, gặp lại, hy vọng Sáng sẽ không đến nỗi đôi lúc bị 'đứng ngoài' cảm nghĩ của anh.

Tôi đưa tay giúp nàng đứng lên. Tấm manteau tuột dây; hai vạt tách ngang: trong: dải áo ngực như hai con mắt nửa khuya uể oải. Sóng gợn từ đồi vú nho xanh vẫn khó đánh thức không gian thịt da phiền muộn. Lát

bụng thẳng mịn: thềm hất dịu dàng váng kem sữa lảo đảo mép thềm rún lênh đênh. Tự dưng tôi nhìn thấy cái gì đó như là miệng hố. Nó không rỗng. Nó tròn đầy. Nó mềm mại. Và cực cùng mời mọc. Nhìn, và chỉ muốn đi sâu vào đó. Nó nói, nó là hạnh phúc, hay chí ít, là chốn yên nghỉ. Nó mở trước mỗi bước chân. Tôi chụp lấy tay nàng. Nó lạnh hơn cả bụm khí sau-chiều. Nàng mỉm cười, siết tay tôi lại, tỏ vẻ cảm ơn. Nụ cười khiến tôi ngượng với ý muốn hôn lên mấy ngón tôi đã nắm.

Ngạc vẫn chưa về. Tôi chờ nàng cài lại dây áo, mở cửa, gửi lời chúc nàng một đêm ngon giấc.

Giữa hai vạt áo, đôi vú trở về xanh ngon như chùm nho trên chiếc đĩa hồng nơi bàn ngủ.

Ngạc cười to chế giễu khi nghe tôi rủ đi thăm căn nhà ma. Hắn nói, ngay hạnh phúc, thứ gần gụi nhất mà hắn vẫn chưa rờ được, chưa ôm được thì nói chi tới những thứ siêu hình dị đoan. Sáng có vẻ ức. Mặt nàng ửng đỏ. Môi nàng mím chặt. Mắt mân mấn nước. Nàng rót chút trà vào tách, mang đến, tựa cửa trông xuống mặt hồ. Từ vị trí ngồi, tôi không nhìn thấy nước. Chỉ thấy vài tàn mái cây xanh rì đong đưa theo gió-nắng và lác đác giữa các khe lá hở là màu xanh non của da trời. Rồi chính khe hở này đang khẽ xôn xao bởi sóng từ trên mái tóc uốn lọn to của nàng, đêm qua.

Ngạc chỉ tôi, quay sang nàng, cúi đầu rất kịch: nếu em không thích tháp tùng anh thì xin nhờ anh T. hướng đạo lần mò làm quen với cõi vô hình. Hắn kết luận bằng câu đùa, dù nhị vị có 'đi với ma' thì hồn phách cũng nhớ nhập vào xác về kịp buổi cơm từ giã tối nay.

Hồn phách của tôi không mất. Tôi vẫn rất tỉnh táo khi nghe nàng khóc, nói, rằng, nàng, thêm một lần nữa, đầu hàng trước ý muốn của Ngạc (xé bỏ mảnh biên nhận ghi danh nhập học); rằng sáng mai nàng sẽ 'về với bổn phận.' [nàng cười chua chát: tứ đức, tam tòng vẫn còn được duy trì: tốt đấy chứ?] Tôi vẫn rất tỉnh táo khi hôn nàng, nghe từng cúc áo được hai bàn tay đồng lõa nhau của chúng tôi bấm rời; rất tỉnh táo khi xoa bóp đôi vú nho nhỏ mà tôi đã từng ví chúng như hai quả nho xanh non đặt trên chiếc đĩa lúc vàng lúc hồng gần ngọn đèn ngủ. Hôm đó, tôi tiến xa hơn chút nữa, đến tận cùng khả năng của ví von, đến cầu vồng bên kia của hiện hữu, nơi đó, chỉ cách đây hơn bốn tuần, chúng tôi chỉ là hai thực tại xa lạ, là vạt nước dưới đèo chưa được mắt một người phát giác và thèm tắm; và bất chợt như con chim sắt mọc lên từ màu núi tím: nàng đến với tôi, mang theo hai quả vú

có thể còn bé nhỏ hơn cả những điểm nho xanh chưa rũ hết lớp mưa sương mà chúng tôi đã tay trong tay bươn mấy mươi bậc thềm đá lên và trầm trồ thán phục trước chúng nơi sân chùa Sư Nữ. Ôi thực tại nhỏ bé đang nửa nằm nửa ngồi bên tôi! Trong trắng biết mấy! Tội tình biết mấy! Và hồn phách của tôi đi đâu để mũi răng-nanh-mắt-bình-tĩnh nào kia cắn chặt lấy tôi truyền vào máu tôi nọc độc oán trách số phận cay nghiệt đẩy xô nàng tiên tí hon vào tay gã khổng lồ? Hồn phách của tôi đi đâu để mặt-tối-tồi-tệ-của-ý-nghĩ lộng hành trong tôi ra câu hỏi bí hiểm bắt tôi phải trả lời rằng nàng tự nguyện trao thân cho Ngạc hay bị hắn cưỡng hiếp? Cái mặt tối tăm dã man kia lại khoái trá chiếu trên khung-vải-tâm-hồn tôi những thước phim đêm với từng đợt oặn mình đau đớn của cánh đồng tinh mơ đang bị xới vỡ tơi tả dưới trục thép kềnh càng. [dường như tôi vừa tựa lên một chòi lá khô: tôi nghe sườn tôi như rạn nứt; tôi đau nhói, vội lệch lưng đi.]

Tôi tỉnh táo trong thiếp ngủ để biết rằng mười Đà Lạt vẫn không vợi vã chênh vênh bằng áng thịt da non nớt của Sáng. Ừ, thôi, tôi nói với nàng, kỳ nghỉ này giúp mỗi đứa nhận ra là nó còn quá thờ ơ thiếu sót với chính những đam mê của mình. Chúng tôi đã không biết mình muốn gì, đã nhìn xuống những xung động trong lòng bằng đôi mắt của kẻ qua đường. Cánh tay chúng tôi đã rất lầm lạc ngoặc lên tìm hái những quả hoa không hoặc chưa thực, trong khi chớ hề một lần chịu thõng xuống thu lượm những bông trái sẵn có trong-dưới khu vườn của chính mình. Những bài học ở trường chỉ như những luồng sáng quét ngoài, trong khi những ngọn đèn trong chính chúng tôi thì vẫn chưa được thắp lên.

Tôi du lịch từ hai đỉnh đồi gợn phẳng, tuột êm ái trên lũng ngực rất vừa, xuống, mà mức đến đã được định trước trong vô thức là rất xa và rất sâu nơi hẻm núi nhung tơ mà với tôi vẫn muôn đời nguyên trinh hăng dịu mùi bụi mưa đầu mùa. Tôi tỉnh táo trong hôn mê khi đôi môi chần chừ, băng chậm chạp qua lỗ ao xăm xắp, rồi vấy víu nơi ụ nhám nhượng. Hương trầm ấm của lũng thu ngậm khói. Luống cỏ-lông đồi cù. Lũ trẻ cười reo chạy nhặt các quả thông khô. Bên kia, Ngạc và Dự đang say sưa bàn tính kế hoạch làm ăn. Sáng và tôi ngồi nhìn lũ trẻ, cười vu vơ. Lạ hết sức, quanh màu đất đỏ dưới một gốc thông (cách hai đứa độ thước), ai trồng lên mấy bụi *pensée*. Những cô bướm có những đôi mắt to như mắt mèo. Màu đen của một rực tối. Lấy cả bụi cỏ gần đấy khi mắt tôi dính lên. Tiếng trẻ con chạy đùa quanh. Một bé hét to.

Tôi giật mình. Bàn tay trái tôi ấm trong thế úp chụm, trên. Đó là dư cảm. Dưới: sương tự xẻ lỏng một dải ngắn như mấy đồng cắc xâu chùm

vào nhau: ánh mắt đi qua đỉnh mũi, bỏ lơ đôi môi đang ở thế xấp: hai đùi là hai thành vách cho đường tuột ngon lành. Những ngón chân chon chót đỏ như những chấm son cấy ngang thành mây. Tôi thở dài, nhìn ngược lên: hành trình của mắt trải trắng một khối nước tinh khiết đã đóng khuôn người: nàng nhắm nửa mắt. Sáng đã khôn khéo mặc pullover hai khuy ngực và quần short lưng thun. Loại áo không nhầu, không nhăn. Loại quần dãn co tùy thích. Tôi tha thứ cho nàng nếu nàng mang sẵn ý định dâng hiến cho tôi. Trong hớ hênh, nàng vẫn thật thánh thiện. Tôi thấy nàng mê hoặc, nhưng mơ hồ như một thoảng siêu linh bất chợt vừa đậu vào thị giác tôi. Tôi chỉ có thể từ dưới nàng trông lên. Tôi chỉ có thể là kẻ viết tụng ca, khôn nhập vào đối thể. Tôi đứng ngoài, không vì hãi sợ phản bội niềm tin mà Ngạc đã đặt nơi chúng tôi. Tôi không hề vương vấn bởi bất cứ một niệm ý nào về luân lý. Tôi chỉ biết, hôm nay, ngày cuối hè, cánh cửa mở vào không gian dành riêng cho chúng tôi sẽ khép lại. Tôi cặm mấy ngón chân xuống mặt đá rát. Bén ngọt như ý tưởng vừa mới: đôi môi tôi rồi sẽ chỉ biết đọc lời ăn năn trót thả mắt trần vào nẻo đất thiêng.

Sáng ngước mũi, thở. Gương mặt thật thanh bình. Đôi vú êm đềm lặng. Tôi chỉnh đốn y phục cho nàng, rồi nằm xuống cạnh. Tôi luồn gối tay qua vai Sáng. Gờ đá của lò sưởi lót dưới cổ tôi, cứng trơ. Sáng tựa vào ngực tôi. Chúng tôi cùng gửi mắt lên lưỡi gươm nắng đâm toác một góc nhà. Tôi dặn nàng, tối nay, sau bữa cơm (Sáng sẽ đề nghị Ngạc rút ngắn), nàng cần đi ngủ sớm. Họ sẽ ra phi trường để lên chuyến bay 7 giờ sáng mai.

Chúng tôi rời; chiều rạn như những vết chân chim rừng gọi nhau về tổ. Góc trời trái, mưa quạt úp những nan mặt trời vẫn xám.

*

- Mình dừng lại đây. Dưới kia là hố. Đường tuột dốc không 'ngon lành' như da thịt đàn bà đâu!

- Dù sao, mình đã chết, đã bị chôn dưới 2/3 lớp đất. Thêm 1/3 đất đá đổ xuống sẽ không làm tăng thêm tính thê thiết của đòn huyệt táng. Cảm giác không là món trang sức cho người chết.

- Tao đã đứng tách ra, ngay từ đầu. Kẻ đứng bên lề tuy bị buộc tội là lạnh lùng, nhưng tỉnh táo.

- Tao vẫn tỉnh táo. Khi cần, tao vẫn tỉnh táo. Trực giác tao vẫn tỉnh táo. Thế nên tao đã 'khôn ngoan' (lời ngợi ca của mày) dừng lại bên này 'dục vọng.' Mày hãy cùng tao bước đến cuối đường định mệnh.

[Vững vàng lý luận, chân đóng cọc trên nền sỏi sạn, thách thức phong ba, mắt sáng quắc chọc thủng tấm-khiên-ngu-muội-của-cảm-tính, mày hãy

trả lời tao: cú đấm mà định mệnh tung chéo vào tao có thuận theo quy tắc nào về luận lý, có hất mày bay bổng, có mở toang cánh-cửa-u-mê-của-cảm-tính? Tao còn nhớ, trong khi tao sượng cứng tay chân đóng băng môi lưỡi, thì chính mày là thằng chảy nhão trong nguồn nước mắt. Rồi, như bản năng sinh tồn, chính tao phải an ủi mày, phải xoa dịu mày, bởi nếu không, sẽ chẳng còn ai để chiếu lại khúc phim này.]

Chúng tôi xuống trước. Tôi nhắc, đường chếch 45 độ. Từ đây muốn đụng đáy, phải lần theo vài chục bậc thang đất, rồi là một đoạn nhấp nhô đá. Sáng nên cởi dép mà đi chân trần. Nàng vui vẻ làm theo. Ngạc và Dự còn ở trên kia lựa khóm từ chuyến xe từ Tùng Nghĩa chở hàng lên Đà Lạt. (không hiểu sao Ngạc lại mê mệt thứ trái cây này.)

Nhìn con rắn trắng tung bọt, nàng thẫn thờ, trước nước (ao, hồ, biển...), nàng cảm tưởng như bị bùa phép. Ông thầy bói cho mẹ nàng bảo, nàng mạng hỏa, kỵ thủy, và khuyên nàng không nên đến gần nước. "Nhưng anh T. này, nước đầy ma lực. Sáng vừa sợ, mà vừa muốn 'chui' vào ngủ." Tôi nói, có lẽ độ cao và sức mạnh của thác khiến nàng có cảm giác đó. Ngay chính tôi (tôi cười, ông thầy bói bói cho mẹ tôi bảo tôi mạng thủy), cùng 'chất' với nó mà vẫn bị nó 'tán tỉnh' mê ly.

Dự và Ngạc đến. Chúng tôi họp đoàn. Ăn trưa; lót poncho nằm nghỉ trên đồi.

Bây giờ, lên từ sóng, nàng được nơi ngơi nghỉ khô ráo hơn. Nước đãi nàng uống, uống no nê; nhưng không cung cấp cho nàng giường ngủ. Nước lệnh cho sóng 'đuổi' nàng vào bờ sau một đêm cưu mang nàng. Nàng nằm sấp. Nàng uống nước quá nhiều. Nàng to gấp đôi. Người ta phải xốc ngược để nàng lấy lại vóc dáng cũ. Nàng rất trắng, rất tinh khiết, như thể khối trinh thủy đã hút đủ khí thiêng luyện nên được hình người. Đó là chân dung mà nàng dâng hiến cho mắt tôi trong ngôi nhà ướp đá.

Thì cứ đổ lỗi cho cơ thể rã rời và đôi mắt mất ngủ của tôi đi! Bà chị Huệ sao lại có thể giống cô em Sáng như hai giọt nước? Cũng làn da đó, đường viền của khuôn mặt đó, và mái tóc đó. Nhưng nếu cô em hiền dẹt như tàu lá huệ thì cô chị tròn no như thân cuống của cùng đóa hoa. Huệ nhận ra tôi ngay. Chị tách đám đông, tiến đến tôi trước, tự giới thiệu, siết tay tôi thật chặt. Tay chị run như tờ giấy lịch bị đuôi quạt gió xớt ngang.

Bà mẹ mệt, nằm nhà. Ông bố trắng, gầy, thẳng. Mặt xương, trán cao,

mắt sáng. Tóc rối bù, rất nghệ sĩ. Ông là tổng hợp của những tưởng tượng ngưỡng mộ trong tôi về một bậc hiền giả phương đông và nhà tư tưởng phương tây. Ông đứng trầm ngâm dưới hàng dương; khói từ lò *pipe* cong, tuy mỏng, nhưng vẫn đủ gầy phông mây cho bức phác đạo sĩ của ông. Lúc về, ông bảo Ngạc lên ngồi chung băng trước, cạnh tài xế. Băng giữa: ba chúng tôi. Khoảng không phía sau: Sáng đơn độc trong thế giới nhân tạo vừa vặn với thân thể của nàng.

"Sáng không hạnh phúc. Nó nói nó chọn Ngạc trong cơn bốc đồng. Nó khóc với tôi và nói nó cần rửa sạch lầm lỗi của mình." Câu nói được chị nói hai lần, lúc xe rời bến Vũng Tàu, và lúc về đến Sài Gòn.

Tại sao nàng chọn Vũng Tàu? Nơi gần nhất có nước? Cuối tuần, rủ, Ngạc bận (trong các lá thư gửi tôi, nàng than phiền, công việc mới thực sự là fiancée của Ngạc; nàng chỉ là 'bà quản gia' trong ngôi nhà bốn phòng 'vắng hơn cả ngôi nhà ma!'); nàng ra bến một mình.

Huệ chờ suốt buổi chiều không thấy cô em gái đã hẹn đến dùng cơm. Lại phòng trọ: hành lý của nàng vẫn còn ("nó cứ nhất mực đòi thuê phòng ngoài; tôi nài ni thế mấy vẫn không lay chuyển; mà nào nhà tôi có chật chội gì cho cam!").

Chính chị, sáng hôm sau nữa là người báo tin cho gia đình.

Dự và tôi lên chuyến xe Minh Trung rời cao nguyên đúng ngọ. 8 giờ tối, đến biển. Vừa xong thủ tục xét nghiệm và Ngạc tay cầm xấp giấy tờ từ phòng y tế của thị xã bước ra. Hắn đồ sộ hơn xưa, nhưng cái bắt tay thì được điều chỉnh vừa đủ. Hắn vắn tắt, "cảm ơn *toi* đã đến." Bợn đăm chiêu trong ánh mắt hắn nom như chiếc lá khô lúng túng giữa thân cành tươi tốt.

- Mày tin không nàng chọn ngày biển động để tắm? Bãi, hầu như chỉ mỗi nàng. Chàng thanh niên đội tuần hải đã khuyên nàng nên chờ khi mặt trời lên đã. Sương quá dầy. Từ bờ nhìn ra không nhận rõ hình người. Nàng muốn xuống. Anh ta nài ni nàng không nên ra quá xa ngọn cờ đỏ. Trong nước, nàng vẫy tay lên chào.

Biển cả không là hồ bơi. Mấy tấm huy chương và mấy chiếc cúp vô địch không giúp được nàng ngoi, leo lên mấy bậc thang sắt cúi đầu nhận những cơn mưa cổ vũ. Biển vẫn hào phóng hơn người: trước ơn mưa móc tràn lan của nó, con người còn không kịp lời cảm tạ.

Nguyễn Hòa Trước
06/2005

NGỌC ANH

"cánh đồng bất tận", văn nghệ hay chính trị

Một trong những câu trả lời của ông Dương Đình Thắng trong bài viết "Cánh đồng bất tận không phản động nhưng..." đăng trên báo Tuổi Trẻ Online ngày 8 tháng Tư 2006 về việc nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, tác giả truyện ngắn Cánh Đồng Bất Tận "bị ban Tuyên giáo tỉnh ủy Cà Mau đề nghị Hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh kiểm điểm 'phê phán tác giả một cách nghiêm khắc'," được báo Tuổi Trẻ ghi lại như thế này:

"Sau khi Cánh Đồng Bất Tận ra mắt độc giả, có rất nhiều ý kiến. Khen thì nhiều – Ông Thắng cười xòa nói – nhất là khi báo Tuổi Trẻ và cả Đài truyền hình VTV giới thiệu, đăng tải. Nhưng cũng không ít ý kiến chê rất dữ.

Có độc giả Việt kiều và cả các nhà nghiên cứu phê bình văn học cho rằng đây là thứ văn chương phản động, thậm chí là chống cộng; tục tĩu dâm ô; chống lại chủ trương của Đảng và Nhà nước. Chủ yếu là chị em phụ nữ, tại vì họ giận!"

Với câu nói trên của ông Dương Đình Thắng, ta sẽ có hai câu hỏi: truyện ngắn Cánh Đồng Bất Tận là truyện viết mang chủ đề chính trị hay mang tính nghệ thuật hư cấu?

Nếu xem truyện viết với dụng ý chính trị, người đọc có thể diễn giải câu chuyện như thế này:

Người cha đẻ ám chỉ đảng Cộng Sản Hà Nội. Hai đứa con, nhân vật tôi, tên Nương và cậu em là Điền điển hình dân của hai miền Nam và Bắc. Sự trơ mặt của cô gái điếm và "gái điếm dập dìu" chỉ thành phần cán bộ

tham nhũng trơ mặt đầy dẫy trong xã hội. Ba kẻ hiếp dâm có thể tiêu biểu cho những khuôn mặt như Bùi Tiến Dũng, Đào Đình Bình, Nguyễn Việt Tiến v.v... Những cái xấu quá nhiều trong tác phẩm nào khác gì những cái xấu đến rợn người dẫy đầy trong xã hội Việt Nam hiện nay...

Hai đứa nhỏ, cô chị và cậu em vì sự hận thù của cha đối với mẹ, đã bị cha lôi đi từ cánh đồng này sang cánh đồng khác để chăn vịt, "không hẳn vì cuộc sống" mà là cái cớ để sống đời du mục. Điều này đã làm cho hai đứa nhỏ thiếu nơi ở nhất định để kết bạn, để cắp sách đến trường, để có cuộc sống hồn nhiên của những trẻ thơ, và cuộc sống như thế đương nhiên bất thường. Nơi chúng ăn, chúng ngủ là con thuyền. Nơi chân chúng bước qua là những địa bàn nghèo nàn, đìu hiu. Để được trò chuyện chúng phải chuyện trò với những con vịt. Nhìn vào cuộc sống của hai đứa nhỏ, so sánh lại có khác gì những người trước kia phải rời bỏ thành phố để vào vùng kinh tế mới, những lao động rày đây mai đó kiếm miếng ăn nơi xứ người, những người bỏ kinh tế mới trở về thành phố vất vưởng trên các vỉa hè thành phố, những người sống lây lất ở vườn hoa Mai Xuân Thưởng để khiếu kiện về việc bị lấy mất nhà, mất đất...

Nhân vật Điền do cuộc sống thiếu bạn bè, thiếu tình thương của cha và mẹ trở nên một đứa trẻ không bình thường, với nước mắt sống luôn luôn đọng trên mí, để rồi cuối cùng đã bỏ trốn với cô gái điếm từng ăn nằm với cha mình và đáng tuổi mẹ mình. Với những chi tiết về Điền, ta có thể liên tưởng đến hàng triệu người dân miền Nam vì sợ hãi, vì không chấp nhận sự áp bức của đảng Cộng Sản Việt Nam đã buộc phải vượt biên, vượt biển bất chấp sinh mạng và hiểm nguy chực chờ dành cho cuộc đời mới trước mặt. Những cô gái quê phải liều mình nhắm mắt đưa chân lấy chồng Đài Loan, Đại Hàn hòng trốn thoát sự nghèo nàn, đói khổ Đảng đã mang lại cho họ và gia đình họ...

Nhân vật chị xưng tôi, tuy cố gắng chịu đựng người cha, cuối cùng bị cưỡng dâm, với hậu quả có thể có con, nhìn vào nào khác gì những người không thể rời khỏi đất nước bị buộc phải ở lại để chịu đựng sự áp bức, tham ô, nhũng lạm, chịu cảnh cướp nhà, cướp đất của đảng cộng sản...

Một người cha đầy ích kỷ, chỉ nghĩ đến cá nhân mình, nên sau khi người vợ bỏ đi trở nên kẻ độc đoán, độc quyền, lòng đầy hận thù, khiến đứa con trai phải lén trốn theo người đàn bà làm điếm, và cô con gái bị hiếp dâm ngay trước mặt ông. Người cha được ví với Đảng Cộng Sản Việt Nam. Cái đảng đã vì lý thuyết Cộng Sản và đàn anh Nga, Tầu, vì quyền lợi cá nhân và quyền lợi của đảng, bất kể quyền lợi của dân tộc, để đến nỗi sau hơn sáu

mươi năm cai trị miền Bắc và hơn ba mươi năm chiếm đóng miền Nam, đã để lại một đất nước tan hoang, một dân tộc lạc hậu, nghèo đói tạo di hại cho không biết bao nhiêu thế hệ người Việt về sau này.

Dĩ nhiên nếu diễn giải truyện ngắn Cánh Đồng Bất Tận theo ý hướng chống Cộng, chống Đảng, dâm ô thì sự diễn giải có lẽ sẽ như thế. Nhưng sự diễn giải này thật ra chỉ đến sau khi được Ban Tuyên Giáo của tỉnh ủy Cà Mau mớm cho ý tưởng chống Cộng, chống Đảng dành cho truyện Cánh Đồng Bất Tận. Còn trước đó, chẳng phải tôi mà có lẽ đa số người đọc sau khi đọc xong truyện khó ai có thể méo mó cho rằng truyện Cánh Đồng Bất Tận cố ý chống Đảng, chống Cộng, và càng không nghĩ truyện lồng vào cảnh tục tĩu, dâm ô...

Người đọc đa số chỉ thấy câu chuyện khá đặc thù, nhưng không thể không xảy ra. Bởi thế tôi tin rằng khi viết tác phẩm này, Nguyễn Ngọc Tư hư cấu cốt truyện dựa trên những hình ảnh đã nhìn, đã nghe về những đau khổ đậm đặc của những con người sống nhờ đồng ruộng mà nay đồng ruộng ngày một tiêu hao, khi nhiều cánh đồng đã trở nên đô thị, những cánh đồng đã do bàn tay con người tàn phá để bây giờ đã bị "ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đớn bàn chân xưa nghẽn trong bùn quánh giờ đang vất vơ kiếm sống ở thị thành"mà cảm hứng viết nên truyện.

Phải nói rằng truyện Cánh Đồng Bất Tận là truyện hay nhất mà Nguyễn Ngọc Tư đã viết. Trước Cánh Đồng Bất Tận, những truyện ngắn như Ngọn Đèn Không Tắt tuy được giải nhất cuộc vận động sáng tác văn học tuổi 20, cũng chưa tạo được cảm xúc thật sự nơi người đọc. Đương nhiên ta không phủ nhận sự trong sáng, dung dị đời thường trong văn của Nguyễn Ngọc Tư, nhưng tất cả những lời văn đó vẫn thiếu những cú đấm, những cái dộng mạnh vào tâm tư người đọc. Mãi cho đến Cánh Đồng Bất Tận, người đọc mới nghe, mới thấy rõ được tiếng nói của đất của người, của những thay đổi lớn lao dành cho người và đất mà những con người trong xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long đang phải gánh chịu.

Truyện nổi bật vì sự trái khoáy của khoảng không gian miền quê với cảnh "dập dìu gái điếm" như khoảng không gian nơi chốn thị thành. Của những nhân vật quê mùa nhưng có lối sống và suy nghĩ mà ta thường tìm thấy nơi những con người thường phải tiếp xúc với cuộc sống đảo điên nơi thành thị.

Đầu truyện, sự trái khoáy đập mạnh vào trí óc của người đọc qua hình ảnh "những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng," đến hình ảnh người đàn bà bị đám đông "giằng ném", "quăng quật". Đây là người đàn bà làm đĩ bị đánh ghen đòn hội chợ ngay trên cánh đồng có nhà máy xay lúa, có dòng sông hiền hòa chảy qua. Đồng ý cô ta là đĩ, là cô gái làm nghề hạ tiện, cô ta có thể bị trừng phạt, nhưng hình ảnh cô bị bắt vào khám sẽ dễ dàng được sự đồng ý của độc giả hơn là hình ảnh cô bị đánh ghen. Bởi cô chỉ là cô gái được sử dụng như món đồ chơi của người đàn ông trong một đêm, hay trong một ít phút giây nào đó, không thể bị xem là tình địch, cướp giật chồng người, thì không cớ gì một người vợ phải hạ mình đánh ghen, rồi lại lôi kéo theo một đám đông dân quê cùng đánh ghen với mình, và chuyện đánh ghen đó lại xảy ra ở chốn thôn quê, nơi có những anh nông dân chân lấm tay bùn, quần xăn quá gối, cơm nhà quà vợ, nơi hoàn toàn thiếu cảnh ăn chơi tấp nập, thiếu những người đàn ông qua lại dập dìu với túi rủng rỉnh bạc sẵn sàng bỏ tiền để chơi đĩ. Chính điều này làm cho dòng văn tả cảnh đánh ghen xoáy ngay vào đầu óc, "Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt..."

Không xoáy vào đầu sao được nếu người đọc nào từng có dịp qua lại vùng đồng bằng sông Cửu Long, ắt biết nông dân ở đây từng có cuộc sống dễ dãi với mưa thuận gió hòa, với ruộng lúa phì nhiêu xanh thẳm màu mạ non, với tôm cá đầy đồng. Cuộc sống dễ dãi như thế, tạo nên những tâm hồn dung dị, đơn giản, dễ dãi. Hình ảnh gái điếm, hình ảnh những khuôn mặt hằn học, rạo rực, vui thích, thỏa thê vì được đấm một người đàn bà không còn sức tự vệ nằm gần như bất động trên nền vương vải trấu, hình ảnh "dao phay chạt mái tóc dày" "dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô" cạnh con sông, trên vùng đồng ruộng hiền hòa nó xa quá, trái ngược quá với những hình ảnh đời thường của người dân vùng đồng bằng sông Cửu này, nên nó là trái khoáy quá tàn nhẫn, chỉ có những độc giả dễ tánh mới dễ dàng bỏ qua. Số còn lại sẽ đặt câu hỏi, có thể nào thật như thế? Cho nên dẫu biết đây là tác phẩm văn học, thẩm mỹ là điều kiện bắt buộc, câu hỏi đây phải là chuyện có thật không, vẫn tiếp tục xoay quanh đầu óc, nên vô hình chung câu chuyện đánh mạnh vào cảm quan của độc giả.

Sự trái khoáy chẳng những không ngừng sau đoạn bắt đầu mà tiếp tục mãi cho đến đoạn kết của truyện Cánh Đồng Bất Tận. Từ những thôn xóm tàn tạ, cánh đồng khô khốc vì thiếu nước, đến người cha, có vẻ là một nông dân nuôi vịt hay một anh thợ chuyên xây nhà. Người cha tuy bị vợ bỏ nhưng không xấu trai và được nhiều người đàn bà mê mệt lại mang tâm hồn của người bị bệnh tâm thần, điều hiếm thấy nơi người dân quê chân chất. Bởi, nếu người đàn ông này thật sự là một nông dân, tuy anh gặp cảnh đời éo le vì bị vợ bỏ, anh giận vợ, hận vợ, nhưng nếu anh là một người đàn ông xấu trai, không được đàn bà đeo đuổi, thì sự thù oán dễ dàng được thông cảm. Hoặc vì vợ bỏ nên anh có hành động tiêu cực thông thường như uống rượu say sưa, đánh đập con cái giữa cơn say rượu, dầu thấy xót ruột cho những đứa nhỏ, cũng hiểu hành động của anh thiếu chủ ý và thuộc vô thức, nên phản ứng tuy mang tính tiêu cực, cũng là thường tình. Đằng này, anh không thiếu tình, được đàn bà yêu mê mệt, từng được khen, "Ba mấy cưng đẹp trai dễ sợ...", dầu lời khen đó đến từ cửa miệng của một cô gái làm đĩ, thì cớ gì anh ta lại trả thù bằng những tính toán nghĩ suy làm đau lòng những người đàn bà thật lòng thương anh, làm khổ sở hai đứa con máu mủ ruột thịt của anh. Và ngay cả hành động đánh con sau giấc ngủ trưa no đầy thay vì lúc say sưa, góp phần thêm vào sự trái khoáy, mâu thuẫn...

Dĩ nhiên những câu hỏi đặt ra ở đây hoàn toàn không mang mục đích làm khó tác giả Nguyễn Ngọc Tư, nhưng chính là nêu lên sự trái khoáy, những điều bất thường của xã hội bất thường, để hiểu rằng ở một xã hội bất thường, chuyện gì cũng có thể xảy ra, mà qua truyện ngắn Cánh Đồng Bất Tận, người đọc có cảm giác những chuyện như thế không phải chỉ xảy ra một lần mà xảy ra rất thường trên những cánh đồng miền Nam hiện giờ; bởi vì những con người Việt Nam hiện nay đang sống trong một xã hội quá độ mà một bài viết trước đây đăng trên trang web của Talawas vào ngày 28 tháng Ba năm 2006 với tựa đề "Thời quá độ của một xã hội quá độ" đã đề cập, thì trong một xã hội quá độ như thế, một nông dân chân chất vẫn có thể trở thành kẻ lưu manh, đầy mánh mung; những người thợ gặt sau khi đã mệt mỏi với công gặt trong ngày vẫn có thể trở thành kẻ hiếp dâm; còn bờ đê từng ấp ủ những ngọn lúa xanh mơn mởn vẫn có cơ hội biến đổi thành những nơi chứa dòng nước mặn làm cây cỏ cũng chẳng thể mọc nổi huống gì những thân lúa èo lả. Và lẽ đương nhiên khi con người thiếu cơm để ăn, thiếu nước để uống thì bờ đê biến thành chốn "dập dìu gái điếm" đâu còn là cảnh bất thường...

Bởi vậy khi đọc xong Cánh Đồng Bất Tận tuy mang cảm giác truyện có những trái khoáy, xung đột bất thường, tôi vẫn tin tác giả đã nói lên sự thật những đau khổ mà người dân nông thôn đang phải chịu đựng hiện nay. Những cô gái bán thân cho người ngoại quốc, họ xuất thân từ đâu? Chẳng phải từ những ruộng đồng, từ những vùng nông thôn đó sao? Họ là những cô gái có thể chấp nhận cuộc đời trôi nổi ở những quốc gia như Đài Loan, Đại Hàn... thì tại sao họ chẳng thể trở thành như cô gái điếm dập dìu trên bờ đê để có đủ miếng ăn cho chính họ và cho gia đình?

Người đọc dễ dàng chấp nhận chuyện người viết viết những điều trái khoáy như thế, nếu sự trái khoáy không để lại cảm giác giả tạo trong lòng người đọc, ngược lại có thể dẫn dắt độc giả đọc hết truyện để rồi sau đó bị những cú đấm mạnh vào lòng, thấy nỗi đau khổ của những con người đau khổ trong truyện, và nhất là thấy lòng ấm ức đối với một xã hội bất an, ngày càng hướng theo chiều hướng tiêu cực một cách quá độ. Đọc báo chí hằng ngày đâu ai lạ gì hình ảnh rừng tràm bị phá hủy gần hết, nước mặn không có gì ngăn chặn đã lấn tràn vào đồng ruộng biến đổi nước ngọt thành nước mặn. Ruộng đất bị trưng thâu để khiến hết người này đâm đơn khiếu kiện đến người kia đâm đơn khiếu kiện. Cho nên đọc Cánh Đồng Bất Tận người ta không lấy làm lạ và tin là tác giả đã nói thật hoặc nếu có thổi phồng chút ít, thì sự thổi phồng bởi ngòi bút điêu luyện cũng trở thành những dòng chữ của tác phẩm nghệ thuật, và người đọc sẽ cảm thấy sự thổi phồng đó ở mức độ có thể chấp nhận được; dẫu rằng hành động đổ keo dán sắt vào cửa mình của người đàn bà làm độc giả có thể đặt câu hỏi, cô ta bị đổ keo vào lúc nào, chẳng lẽ đám đông đã nắm chặt tay chân của cô để một người được tự do tuột quần cô để đổ keo. Tại sao cô gái điếm chỉ ăn nằm với khách qua đêm, hay lắm khi chỉ là khoảng thời gian thật ngắn vài phút đồng hồ để nhận tiền thù lao bán thân xác, lại xuất hiện cảnh ghen tương lớn lao có cảnh dằn xé, lột quần áo, cảnh xén tóc và sự đánh đấm của một đám đông giữa thanh thiên bạch nhựt.

Với những suy nghĩ như vậy, cá nhân người đọc có thể xác định Cánh Đồng Bất Tận là tác phẩm nghệ thuật mang tính hư cấu, nói lên được thực trạng xã hội. Tuy nhiên sau khi đã xác định được điều đó, thì thắc mắc khác lại đến. Nếu Cánh Đồng Bất Tận là tác phẩm nghệ thuật mang tính hư cấu, thì tại sao giới cầm quyền tức Ban Tuyên Giáo của tỉnh ủy Cà Mau lại quan tâm, lo sợ truyện Cánh Đồng Bất Tận gây ảnh hưởng bất lợi cho chính quyền Cộng Sản đến như vậy? Vì sự ngu dốt nên không thể thưởng

thức được tác phẩm nghệ thuật? Có tật giật mình nên lo bóng gió? Câu hỏi được đặt ra, câu trả lời theo ngay sau đó, vì hỏi cũng tức là trả lời.

Theo tự điển Lê Ngọc Trụ thì chữ tuyên giáo có nghĩa là giảng về giáo lý một tôn giáo cho công chúng nghe. Mới thoạt đọc lời giải thích, ta có thể hiểu lầm ban Tuyên Giáo Tỉnh Ủy thuộc một tôn giáo nào đó, nhưng suy lại thấy mình chậm hiểu, không hiểu rằng chủ nghĩa Cộng Sản mang tính giáo điều nên đảng Cộng Sản cần phải có ban tuyên giáo để giáo hóa quần chúng.

Vì đã là giáo điều thì chỉ còn tin hay không tin. Người nằm trong hệ thống giáo điều lắm khi vì mù quáng hay quyền lợi sẽ nhắm mắt tuân theo giáo điều, cho nên những gì giáo điều đã vạch ra thì chỉ có tốt và không thể xấu. Cánh đồng khô cháy vì thiếu nước ngọt, nếu giáo điều bảo lúa đang mọc xanh tươi thì tín đồ cũng buộc mắt mình nhìn thấy những ngọn lúa đang là mình trước gió. Nếu dân không có gạo ăn đang bị đói mà giáo điều bảo rằng họ đang no thì người tin cũng buộc phải nhìn thấy những chiếc bụng đầy thực phẩm... Có điều thứ tín hữu tin một cách máy móc như thế đếm được bao nhiêu? Kẻ được hưởng bổng lộc của đảng đương nhiên phải tin. Bởi ai đói chứ họ và gia đình họ vẫn no đủ. Bởi con ai làm đĩ vì thiếu ăn thiếu mặc, chứ con họ vẫn được vào trường lớp mắc tiền, được gửi ra ngoại quốc du học. Cái điều không thấy mà tin này coi bộ dễ dàng quá.

Riêng những người phải đối đầu với nỗi khó khăn hằng ngày, từng chạm vào thực tế của những điều bất ưng trong đời sống, lúc đầu vì mù quáng, hay muốn yên thân nên để mặc. Rồi ngày qua ngày, những bất ưng cứ chồng chất mãi, trở thành những bất ưng xảy ra hằng ngày hằng bữa nơi nhà hàng xóm, nơi họ qua lại hằng ngày và lắm khi cho chính người thân hay cá nhân họ, thì dẫu có muốn bỏ qua, đầu óc họ cũng buộc phải suy nghĩ đến điều đúng, điều sai, đến nguyên nhân khiến đời sống họ điêu đứng, và phản ứng bình thường nhất của họ là sự ta thán, là khiếu kiện, là câu viết nói lên điều mắt thấy tai nghe...

Có điều họ muốn thốt lên sự thật ban Tuyên Giáo lại không đồng ý, cho rằng nói thế là bôi nhọ, hạ uy tín Đảng. Lẽ đương nhiên, những người nằm trong ban Tuyên Giáo này thuộc vào thành phần ưu đãi của Đảng, của chế độ. Ai khổ chứ họ đâu khổ, nên họ phải là người tin vào giáo điều không cần thắc mắc. Họ được tuyển vào ban Tuyên Giáo không do khả năng hay vì lòng yêu văn chương chữ nghĩa, mà nhờ vào lòng trung thành với giáo điều họ được nhồi sọ. Họ là công an, cảnh sát của giới cầm bút, là người hưởng bổng lộc nhờ tin vào giáo điều, thì bất cứ ai hay điều gì làm chệch

khỏi giáo điều đều bị họ, nhẹ thì cảnh cáo, nặng thì tiêu diệt.

Bởi thế, nếu tác giả của Cánh Đồng Bất Tận hay bất cứ tác giả nào còn bị vòng kim cô giả dối của giáo điều cộng sản vây bọc như vòng kim cô của ban Tuyên Giáo tỉnh ủy Cà Mau, nếu muốn yên thân, tốt nhất là học cách viết giả dối, và đừng mơ tưởng chuyện làm văn học. Bởi văn học chuộng thẩm mỹ và sự thật. Xấu và đẹp trong văn chương nằm ở hai thái cực, không bao giờ nằm song song. Tác giả nào yêu chuộng thẩm mỹ của văn học đều bị bắt buộc có đủ nội lực thoát khỏi vòng kim cô đó. Tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã một lần cởi bỏ được chiếc vòng kim cô, nhưng vòng kim cô chưa bị gãy nên đã siết lại, nên độc giả không khỏi đặt câu hỏi, liệu nội lực của Nguyễn Ngọc Tư có còn đủ mạnh để bẻ gãy hẳn chiếc vòng kim cô này không? Nếu không thể bẻ gãy thì sợ rằng vòng kim cô giả dối sẽ khóa chặt văn chương của Nguyễn Ngọc Tư, do đó Nguyễn Ngọc Tư khó tìm lại được sự Bất Tận trong Cánh Đồng văn học vậy.

Ngọc Anh

ĐOÀN NHÃ VĂN

con gái của sông hương

Mỗi nhà văn có những nỗi ám ảnh riêng. Và mỗi một cuốn tiểu thuyết được viết ra, thường bắt đầu bằng một trong những ám ảnh đó. Có thể là một vùng không gian, hay một khoảnh khắc thời gian. Cũng có thể là ám ảnh về một hay vài nhân vật trong cuộc sống mà họ không thể nào quên nổi. Nỗi ám ảnh càng lớn, càng thôi thúc nhà văn đẩy những con chữ của mình ra những trang giấy trắng để hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật. Với Dương Như Nguyện, theo tôi nghĩ, tiểu thuyết *Con Gái Của Sông Hương* (CGCSH), cũng khởi đi bằng nỗi ám ảnh từ một con sông băng mình qua miền Trung nước Việt. Sau đó, những nhân vật chính lần lượt xuất hiện, và khi xuất hiện, họ đã trở thành tâm điểm của nhà văn, để tạo nên một CGCSH lôi cuốn.

Con Gái Của Sông Hương là một tổng hợp năm phần hồi ký, dàn trải phận người qua bốn thế hệ, không theo trục quay của thời gian, mà bắt đầu từ Nữu Ước vào năm 1985, ngược về Huế những năm đầu 1910, sau đó túa tản ra khắp nơi, rồi kết thúc tại Sài Gòn, 1994. Tác phẩm xoáy sâu vào những người phụ nữ, những người mà cuộc đời thường được gắn chặt hay khởi đi từ dòng Hương giang.

Nếu nhìn theo trục quay của thời gian, CGCSH mang những vết đau của thời thế từ những biến động trên đất nước hình chữ S, bắt đầu từ những năm đầu 1910's, đã hằn lên trên những phận người: những người đàn bà trong cơn dâu bể. Từ Huyền Phi, một người con gái mang dòng máu Chăm-pa, xuất thân từ một cô gái lái đò. Thế hệ thứ hai, hai chị em sinh đôi, rồi lớn lên, một người ở lại Huế, một người ra Bắc, "đi làm cách mạng". Nhưng rồi cũng trở về, chịu một số phần đau khổ cuối đời. Thế hệ thứ ba, lớn lên tại Huế, xuôi Nam, sinh sống tại Sài Gòn. Thế hệ thứ tư, thế hệ của *những mùa trăng mới lớn*, đã chứng kiến cảnh di tản có một không hai trong lịch

sử, để rồi một người trong số họ phải đánh đổi đời con gái để lấy những tấm thông hành, đưa được gia đình ra đi trong những ngày miền Nam hấp hối. Sau một thời gian sống, học tập và thành đạt, Simone, thế hệ thứ tư, với một sức sống mãnh liệt, một lưu dân sống trên đất khách, về Sài Gòn, Huế, tìm lại những kỷ vật thân yêu, nghe những bước chân lạc lõng giữa phố thị đông người, thấy lòng cô liêu vô bờ bến, trước sự quay cuồng trong cơn lốc xoáy của những cảnh đời chung quanh. Bốn thế hệ là dài nếu so với một đời người. Bốn thế hệ lại là quá ngắn so với bao ngàn năm chịu đựng của người phụ nữ, những người mà vận mệnh luôn gắn liền với chiến tranh, đau thương, trôi nổi, tang tóc, điêu linh, khốn khổ, chia cắt, thất tán của một dân tộc. Dù là bốn thế hệ hay bốn ngàn năm, niềm đau vẫn là niềm đau, vết sẹo vẫn mãi là vết sẹo. Niềm đau của Huyền Phi, của Quế Hương, của Sâm Hương, hay của Simone Mỵ Uyên v.v... là những niềm đau chung, trong cơn biến động chung của lịch sử. Hình ảnh người phụ nữ từ thế hệ đầu tiên đến Mỵ Uyên hôm nay có thể xem là một hình ảnh xuyên thời gian. Nói một cách khác, Huyền Phi chính là "tiền thân" của Mỵ Uyên, hay Mỵ Uyên chỉ là sự "sống lại" của Huyền Phi. Bốn thế hệ là một người, hay một người sống xuyên qua bốn thế hệ, thực ra không có gì khác. Bởi tất cả đều phải gánh chịu những phần số của mình. Có khác chăng chỉ là thời gian mà họ sống, và sự chờ đợi cho mỗi "kiếp" người có khác nhau!

CGCSH thiếu vắng bóng dáng đàn ông. Thực ra, chỉ thiếu vắng những người đàn ông Việt! Bóng dáng mờ nhạt của vị vua trẻ của triều Nguyễn, cái yếu đuối của vị thái giám Sơn La v.v... chưa phải là những người đàn ông trụ cột. Bởi Vua, rồi cũng bị đi đày, và vị thái giám cả một đời lo cung phụng, hầu hạ những người khác, làm sao là chỗ dựa vững chắc cho phận nữ nhi trong cơn loạn lạc? Trong khi đó, những gã đàn ông mắt xanh mũi lõ, từ những miền đất khác, xuất hiện. Họ dùng sức mạnh của vũ khí, để độc quyền phân chia một đất nước, không thuộc về họ, thành những "Kỳ" khác nhau để dễ thống trị! Khi lịch sử thay đổi, lại người đàn ông khác xuất hiện dưới danh nghĩa "đồng minh". Khi đồng minh vững vàng ở ngôi vị, họ quyết định mọi thứ. Khi thế cuộc thay đổi, họ quay mặt sang hướng khác, và một bàn tay chìa ra: cứu vớt. Cứu vớt đi kèm với điều kiện. Và điều kiện đó đã giẫm lên nỗi hy sinh của người con gái sông Hương.

Lồng trong một không khí loạn ly, thất tán, CGCSH còn dựng nên một chuyện tình đẹp giữa Andre và Simone. Một mối tình khác màu da, khác ngôn ngữ. Một mối tình mở ra và kéo dài trong một quãng thời gian với nhiều con sóng lịch sử đã phủ chụp lên một đất nước khổ đau, mang hình

dạng của một giọt nước mắt lăn dài. Huế, Sài Gòn, Ba Lê, Nữu Ước, một không gian rộng cho một mối tình khác thế hệ. Rộng, để thử thách, và gian nan để đánh giá lòng người. Tấm lòng Andre dành cho Simone là tấm lòng của một người đứng bên ngoài nền văn hóa Á Đông mà cảm thông được thân phận nhược tiểu của người mình yêu, mà hiểu được tâm linh của người mình mến, và những người đàn bà trong cùng dòng họ của Simone. Bởi thế, trong hồi ký của mình, Simone đã ghi lại mối tình bất diệt, vượt ra ngoài cõi tạm. *"Định mệnh của chàng gắn liền với số mệnh của tôi, trong một sự ràng buộc mầu nhiệm không giải thích bằng lời nói được. (...) Khi tôi hiểu thấu sợi dây ràng buộc giữa chàng và tôi, mối tình của tôi đối với chàng trở thành tấm tình đối với chính nhân bản tính trong tôi, đối với quê mẹ và xứ sở chôn nhau cắt rún, và đối với bao nhiêu thế hệ người tị nạn chính trị – những người luôn mang một niềm luyến tiếc, những người vô gia cư trong địa cầu của họ, không xứ sở trong thế giới lang thang của chính họ."*

Đây là một mối tình đẹp, xuyên thời gian, xuyên lục địa. Tuy nhiên, theo tôi, cái phận đàn bà trong những cơn biến động lịch sử, qua CGCSH, lớn quá. Cái bóng khổ đau của những nhân vật nữ bao trùm rộng quá, nên đã che bớt những điều khác mà tác giả muốn gởi gắm, trong đó có mối tình dị chủng.

*

Một mô tip khá rõ nét trong truyện của DNN, từ tác phẩm đầu *Mùi Hương Quế* đến CGCSH: sự chờ đợi. Sự chờ đợi của những người đàn bà càng rõ ràng hơn, mang nhiều nỗi âu sầu, u uẩn hơn qua CGCSH. Bắt đầu từ sự chờ đợi của một Huyền Phi, chờ đợi sự đoái hoài của một quân vương. *"Đã nhiều năm qua rồi, tôi vẫn thường đứng đây nhìn vào đêm tối, linh cảm sự hiện diện của Khuôn Mặt, và nhìn thấy nó. Tôi gọi nó là Khuôn Mặt của Bạo Tàn. Nó giễu cợt tôi hằng đêm, bảo tôi ngưng ngóng đợi. Nhưng tôi vẫn đợi, vẫn chờ. Đêm này qua, đêm khác tới".* Sự chờ đợi đó, tiếp nối đến thế hệ thứ hai, qua hình ảnh Ngoại Quế. Một người cứng cỏi và bao dung; chở che và rộng lượng. Vậy mà, trong những giấc mơ, bà bật khóc. Bà mơ gì? Vẫn là sự chờ đợi, nhưng không còn chờ đợi một hình bóng rõ ràng, không chờ đợi một tình thương ban phát như mẹ của mình. Bà chờ đợi để... vớt những cỗ quan tài. Sự chờ đợi đó còn hiển hiện ở những nhân vật khác, trong nhiều giai đoạn khác nhau. Nó cho thấy, đời sống luôn bất toàn. Cái không cần đến nhưng lúc nào cũng phủ chụp, vây lấy đời người. Cái mong ước, luôn lại là những điều không bao giờ thực hiện được. Và vì thế, sự chờ đợi luôn luôn có trong tiềm thức. Và cũng

như một bản năng: chờ đợi cũng là nuôi một hy vọng, dù những hy vọng đó nằm ngoài hiện thực.

CGCSH trộn lẫn giữa thực và ảo. Khi cái thực chưa đủ bẩy lên điều tác giả muốn gởi gắm, cái ảo được sử dụng để đưa những điều ấy đến gần độc giả. Một trong số những hình ảnh ảo là một nhân vật đặc biệt, đó là "khuôn mặt của Bạo Tàn". Chỉ có những nhân vật khác, trong truyện, mới "thấy" được khuôn mặt của nhân vật này. Chúng ta không thấy, nhưng dự "cảm" được một khi nhân vật này sắp xuất hiện. Nhân vật này tạo nên nỗi bất an. Nhưng quan trọng hơn, theo tôi, nhân vật này tạo sự tương tác giữa người viết và người đọc. Nó mở ra những suy đoán, những lý giải khác nhau tùy theo góc nhìn văn hóa và lịch sử của mỗi người. Thêm vào đó, CGCSH còn mang những mối hoài nghi. Hoài nghi những dấu ấn của lịch sử, hoài nghi với thực tại, hoài nghi với tất cả những gì đang xảy ra chung quanh. Sự hóa thân, như đã nói, cộng thêm sự hoài nghi trong tâm thức, mang những dấu vết của tiểu thuyết hiện đại. Đặc biệt ở sự hoài nghi. Nó chối từ sự tuyệt đối của công lý, của lịch sử được viết bởi những nhà biên niên sử, của ý thức hệ, và ngay cả tình cảm cho và nhận của những con người sống trong cùng một thời gian. Hoài nghi trong suy nghĩ và huyền ảo trong hình ảnh, không phải là chối bỏ hiện thực, mà là vượt qua bờ hiện thực, để đẩy được những điều muốn chuyên chở lên trang sách, mà chỉ có tiểu thuyết mới chuyên chở nổi.

*

Một trong những thủ pháp nghệ thuật nổi bật trong CGCSH là tính ẩn dụ. Ẩn dụ thì thường hằng, xuất hiện rất nhiều trên những trang sách của các nhà văn. Có gì mới? Không, điều đặc biệt ở đây là sự ẩn dụ không phải ở hình tượng nhân vật, cũng không phải trong ngôn ngữ đối thoại. Ẩn dụ trên những trang chữ của Dương Như Nguyện mang những nét văn hóa đặc trưng từ hình tượng sự vật, những vật tưởng chừng như vô tri, vô giác, lại nói lên rất nhiều điều. Điển hình như chiếc sập gụ và những cỗ quan tài. Đây là những hình ảnh đắc địa của tiểu thuyết.

Chiếc sập gụ bắt đầu từ thế hệ thứ nhất. Nó là món quà đặc biệt mà Vua Thuận Thành đã ban tặng cho Huyền Phi, khi bà có mang đến tháng thứ bảy, hy vọng bà sẽ sinh con trai. Có con trai là sẽ có những người đàn ông. Có những người đàn ông là sẽ có những cột trụ chống giữ bão táp, phong ba giữa cuộc đời. Nhưng cuối cùng, bà Huyền Phi không có con trai. Chỉ có con gái. Không chỉ con gái, mà là gái sinh đôi. Một sinh đôi, về sau lại ngã về hai hướng, như truyền thuyết ngày xưa, kẻ lên rừng, người xuống

biển. Chọn lựa hay định mệnh? Chiếc sập gụ cũng nổi trôi theo vận nước như một đời người. Đến đới thứ tư, chiếc sập gụ đã vào tay kẻ khác sau cơn lốc đổi đời. Simone tìm về sập gụ như tìm về nguồn cội. Tìm về để thấy, để hãnh diện cội nguồn còn đó, và sừng sững giữa chốn tù đọng, bẩn thỉu của cái ô nhiễm xung quanh.

"Tôi vén màn lên và trố mắt nhìn.

Dưới chiếc màn muỗi rách, cái sập "chân quỳ" bằng gỗ sơn mài quá hào nhoáng và trang trọng trong khung cảnh nghèo nàn xung quanh, cái sập đứng điềm tĩnh trong một góc tối, như thể đã đợi tôi về trong suốt thời gian qua. Mặc dù có nhiều vết xây sướt và những mảnh khảm xà cừ đã chịu nhiều sứt mẻ, cái sập vẫn còn ngạo nghễ phô trương nét sơn bóng trong môi trường bẩn thỉu.

Cái sập vua ban cho Huyền Phi yêu quý, vẫn còn chờ đợi tôi. (...)

Tôi cảm nhận hơi mát và nhẵn của mặt gỗ gụ dưới lưng và tứ chi. Đâu đây, tôi vẫn còn nghe tiếng Ngoại Quế bên tai, cũng trên chiếc sập này, khi tôi bắt gặp nước mắt chảy ròng ròng trên má ngoại. Rất hiếm khi Ngoại khóc."

Từ cái sập gụ, Dương Như Nguyện đi một bước nữa, xa hơn, dựng thêm một hình ảnh khác, mà hình ảnh này, khi đứng song song với sập gụ, tạo nên một sự tương phản, bầy lên tính liên tưởng ngút ngàn. Hình ảnh đó, chính là những chiếc... quan tài.

"Trong tiếng nức nở, ngoại kể cho tôi nghe cơn ác mộng của ngoại. Trong giấc mộng, ngoại đang ngồi một mình bên bờ sông, trước mắt ngoại nước sông trôi lờ đờ, dòng nước mát trôi xuôi, rõ ràng là ngoại nhìn thấy dòng nước lạnh đang chuyển động, nhưng tất cả không gian vẫn im lặng một cách ma quái. Trong sự im lặng tuyệt đối, dòng sông vẫn trôi, mặc dù thời gian dường như ngưng lại.

Có những vật gì đang trôi theo dòng nước. Những vật ấy cũng trôi lặng lờ, không một tiếng động.

Quan tài, đó là những quan tài đang trôi trên mặt nước, nhiều quá, ngoại không đếm xuể..."

Quan tài! Quan tài là hình ảnh tử biệt. Quan tài là hình ảnh mất mát, không bao giờ lấy lại được. Quan tài là nấc cuối cùng của sự chịu đựng. Nhìn xa hơn, chúng ta thấy hé lộ phần nào tư tưởng của nhà văn qua hai hình ảnh ẩn dụ này. Thử đặt chúng song song với nhau.

Sập gụ và quan tài.

Chiếc sập gụ là chỗ nằm. Chỗ nằm của người sống.

Cỗ quan tài cũng là chỗ nằm. Chỗ nằm của người chết.

Một cái mở ra, cái kia đóng lại. Cái khai sinh sự sống, vật báu của Vua ban; cái khép lại một đời người, đi về bên kia thế giới. Giàu nghèo cũng một cỗ quan tài. Trăm năm trong một chỗ nằm! Xa hơn nữa, một thế hệ chịu đựng để ngồi vớt những cỗ quan tài. Trong khi đó, một thế hệ mới tìm về nguồn cội, tìm về cái khai sinh ra sự sống. Đó là ý chí mãnh liệt. Đó là thúc đẩy kỳ cùng. Và đó cũng là sự hướng tới, tìm về quá khứ để làm bàn đạp bước tới tương lai. Đối lập nhau nhưng đẹp. Cái đẹp đòi hỏi "nội lực" trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ.

Cũng nên nói thêm ở đây, mô típ chờ đợi và hình ảnh ẩn dụ cho thấy: "tiền thân" của CGCSH chính là tập truyện *Mùi Hương Quế*. Có điều khác, ở CGCSH, Dương Như Nguyện khai triển và đẩy những mô tiếp này đi xa hơn tập truyện ngắn đầu tay.

*

Sông Hương là nỗi ám ảnh. Làm thân con gái là mang những niềm đau. Con gái của sông Hương vừa là nỗi ám ảnh tột cùng, vừa là nỗi đau xuyên thế hệ. Ngoài chứng tích của thời thế, Con Gái Của Sông Hương còn mở ra nhiều điều suy nghĩ, về phận người, nhất là phận người trong một nước nhược tiểu: mình không làm chủ được mình. Trong một nước nhược tiểu, lại "thiếu" những người đàn ông "thực sự", thì những người đàn bà suốt đời cô độc như những mái chèo trên sóng nước, và trong số họ, nhiều người gắn chặt với số mệnh: đợi chờ. Không chỉ đợi chờ, mà đợi chờ để vớt những cỗ quan tài!

Với *Con Gái Của Sông Hương* và những tiểu thuyết xuất bản gần đây nhất, đặc biệt của những nhà văn nữ, chúng ta được quyền hy vọng về tiểu thuyết Việt Nam trong những ngày sắp tới.

Đoàn Nhã Văn

Bài vở gửi cho Văn Học, xin quý văn thi hữu gửi qua email hoặc nếu gửi bằng bưu điện, xin đính kèm diskette, sử dụng bất cứ font chữ gì Việt gì, nhưng tốt nhất và tiện cho chúng tôi là font unicode Times New Roman.
Văn Học không đăng bất cứ bài nào phải đánh máy lại.
Văn Học

YUKIO MISHIMA
NGUYỄN VẠN LÝ dịch

lòng ái quốc

Lời dịch giả: "Đời người chỉ có hạn, nhưng tôi muốn sống mãi." Đó là lời cuối cùng để lại của Yukio Mishima trước khi ông mổ bụng tự tử ngày 25-11-1970. Văn hào Yasunari Kawabata nhận xét cái chết của Mishima là một sự phí phạm, nhưng có lẽ đối với Mishima, việc mổ bụng tự tử là một cách để được sống mãi mãi, như một nhà phê bình của Nhật đã viết về cái chết của ông: "Mishima tự tử để hoàn tất sự nghiệp văn học của ông." Không biết Mishima có sống mãi như ông mong muốn hay không, nhưng ít nhất ông đã là một nhà văn khác thường. Mishima đến với thế giới văn học như một cơn bão lốc, và bỗng chốc bỏ cuộc chơi một cách khủng khiếp, rùng mình...

Mishima là một nhà văn danh tiếng của Nhật Bản. Ông sinh ngày 14 tháng Giêng 1925 tại Đông Kinh trong một gia đình võ sĩ đạo, thấm nhuần truyền thống làm chủ hoàn toàn thân xác và trí óc, và trung thành với Nhật Hoàng. Tên đầu tiên gia đình đặt cho ông là Kimitake Hiraoka. Mãi đến khi nhập làng văn năm 1941, ông mới lấy bút hiệu Yukio Mishima.

Năm 1968, Mishima là người có rất nhiều hy vọng đoạt giải Nobel về văn chương, nhưng vì tuổi ông còn trẻ nên giải này về tay Yasunari Kawabata. Ông là người đầu tiên đến chúc mừng Kawabata. Mishima đã viết rất nhiều về các vụ mổ bụng tự tử, và những cái chết trẻ. Ông thường nói với các bạn bè ông muốn chết trẻ. Ông cùng một người đệ tử là Morita làm sống lại truyền thống mổ bụng tự tử của võ sĩ đạo ngày 25-11-1970, trong một tổng hành dinh quân đội tại Đông Kinh.

Mishima chết lúc ông mới có 45 tuổi, cái tuổi phong phú nhất của một nhà văn. Trong suốt gần 30 năm, ông đã sáng tác được trên 200 tác phẩm lớn nhỏ, từ trường thiên tiểu thuyết đến kịch bản, truyện ngắn và tùy bút.

Gần 100 tác phẩm của ông đã được dịch sang tiếng ngoại quốc. Cuộc đời của ông có thể là ước mơ của của nhiều nhà văn khác: danh tiếng quốc tế, giầu sang, vợ đẹp con khôn, và có địa vị trong giới kịch nghệ và phim ảnh Nhật Bản. Như vậy việc tự tử của ông không phải là một bất mãn với cuộc đời, hoặc kết quả của một thảm kịch bất ngờ nào đó trong đời ông. Đúng ra cái chết của ông là một dự tính lâu dài, được tổ chức thành một biến cố công cộng, một cái chết mà ông đã sửa soạn từng chi tiết từ nhiều tháng trước.

Việc tự tử của ông có mục đích chính trị nào không, hay chỉ là một sự say mê lãng mạn với cái chết? Cho tới nay vẫn chưa có câu trả lời chắc chắn cho mục đích tự tử của ông. Nhưng một điều hiển nhiên là ông đã bị ám ảnh suốt đời về những cái chết mổ bụng mà ông được biết hoặc được nghe nói. Ông đã viết rất nhiều về truyền thống "Harakiri" (mổ bụng tự tử) của người Nhật; ông đã xuất hiện trong nhiều phim ảnh, trong vai trò của một võ sĩ đạo mổ bụng tự tử, và cũng chính ông đã dùng cả đời để tập dượt cho cái chết của mình.

Tác phẩm Lòng Ái Quốc của Yukio Mishima là một trong những tác phẩm của ông viết về "Harakiri". Chưa có một tác phẩm Nhật Bản nào mô tả ti mi về cái chết mổ bụng như truyện này. Ở đây ông đã diễn tả lòng khâm phục của ông trước sự trong sạch không tỳ vết của những sĩ quan trẻ, đã chọn lựa cái chết trong biến cố ngày 26 tháng Hai1936 vì tình yêu đối với Nhật Hoàng.

Nhân vật chính trong truyện này là trung úy Shinji Takeyama, không được tham gia cuộc đảo chánh, vì các bạn của chàng không muốn một người mới cưới vợ phải dính dấp vào một hoạt động rất phiêu lưu nguy hiểm. Shinji Takeyama bất bình vì bị loại ra ngoài cuộc đảo chánh, và chàng quyết định mổ bụng tự tử, để chứng tỏ rằng chàng cũng sẵn sàng chết cho Nhật Hoàng không kém ai. Người vợ đã hiểu thế nào là vợ của một quân nhân, không cố gắng ngăn cản chồng tự tử. Hơn thế nữa, sau khi chồng đã mổ bụng tự tử rồi, nàng dùng dao găm đâm vào cổ tự vẫn theo chồng.

Mishima không mô tả cuộc tự tử của đôi vợ chồng trẻ là một việc làm thương tâm hoặc kinh hoàng. Trái lại ông cảm thấy rằng trung úy Shinji Takeyama và người vợ đã thực hiện được niềm vui lớn nhất trong đời sống. Họ chết trong lúc còn rất trẻ, rất đẹp và vẫn yêu nhau say đắm, và vẫn giữ được lý tưởng trong niềm tin của mình. Mishima đã thành công làm đẹp cái chết của Shinji Takeyama, một cái chết rất gọn gàng và anh hùng của chàng dũng sĩ trước đôi mắt đẹp của người vợ trẻ, cũng như

sự can đảm đến lạnh lùng của Reiko trong quyết tâm chết theo chồng. Trong tác phẩm Lòng Ái Quốc, người đọc sẽ có dịp thưởng thức một văn phong rất mạnh mẽ của Mishima, và một sự mô tả rất phóng khoáng về tình dục, theo truyền thống Nhật Bản.

Ngày hai mươi tám tháng Hai năm 1936, trung úy Shinji Takeyama thuộc Tiểu Đoàn Quân Vận Konoe - vô cùng bất mãn khi được biết các bạn đồng đội thân nhất đã tham gia cuộc phản loạn từ đầu, và rất phẫn nộ trước viễn ảnh quân đội Hoàng gia tấn công chính quân đội Hoàng gia - đã dùng kiếm sĩ quan trịnh trọng mổ bụng tự tử trong căn phòng tám chiếu tại tư gia, ở dãy phố thứ sáu trong khu cư xá Yotsuya. Người vợ là Reiko theo gương chồng, cũng tự đâm cổ chết. Lời vĩnh biệt của viên trung úy chỉ có vắn tắt một câu: "Vạn tuế quân đội Hoàng gia!" Lời vĩnh biệt của người vợ thì sau khi xin lỗi hành động bất hiếu chết trước cha mẹ, đã kết luận: "Cái ngày của vợ một quân nhân phải đến đã đến..." Những giây phút cuối cùng của cặp vợ chồng anh hùng và nhiệt tâm dâng hiến này xúc động đến thần linh cũng phải rơi lệ. Cũng nên biết viên trung úy mới có ba mươi mốt tuổi, người vợ hai mươi ba; hai người mới kết hôn chưa được nửa năm. Những ai trông thấy tấm hình cưới của tân lang và tân giai nhân đều phải sửng sốt lạ lùng trước dáng vẻ của cặp vợ chồng đẹp đẽ này. Viên trung úy, uy nghi trong quân phục, đứng che chở cho người vợ bên cạnh, bàn tay phải đặt trên chuôi kiếm, chiếc nón sĩ quan giữ bên tay trái. Nét mặt chàng rất nghiêm nghị; cặp lông mày rậm và đôi mắt mở rộng bộc lộ lòng ngay thẳng trong sáng của tuổi trẻ. Về sắc đẹp của tân giai nhân trong chiếc áo choàng màu trắng thì không gì có thể so sánh được. Trong đôi mắt tròn dưới cặp lông mày thanh tú, trong nét mảnh mai tuyệt mỹ của sóng mũi, và cặp môi mọng dầy, là một vẻ đẹp vừa hấp dẫn vừa trang nhã. Một bàn tay e ấp thò ra từ cổ tay áo choàng cầm một chiếc quạt, và những đầu ngón tay chụm lại rất thanh tú, trông giống như những nụ hoa nguyệt quế.

Sau vụ tự tử, người ta thường đem tấm hình này ra xem xét, và buồn rầu nhận ra rằng đã có điềm gở trong sự kết hợp tưởng như hoàn hảo ấy. Có lẽ chỉ là sản phẩm của tưởng tượng, nhưng nhìn tấm hình sau tấn thảm kịch, thì dường như hai người trẻ tuổi đứng trước tấm bình phong khảm vàng, cùng nhìn thấy Thần Chết trước mặt họ một cách rõ ràng như nhau.

Nhờ sự giúp đỡ của trung tướng Ozeki, cặp vợ chồng mới đã có thể cư ngụ trong một căn nhà mới tại khu gia cư Yotsuya. Chữ "nhà mới" có

lẽ không được đúng lắm. Đó chỉ là một căn nhà thuê có ba phòng và phía sau là một mảnh vườn nhỏ. Vì hai căn phòng sáu chiếu và bốn chiếu rưỡi dưới nhà không đủ ánh sáng, nên hai người dùng căn phòng tám chiếu trên lầu làm phòng ngủ và phòng khách. Không có đầy tớ nên Reiko ở nhà một mình trông nhà trong lúc chồng đi vắng.

Chuyến đi hưởng tuần trăng mật phải bãi bỏ, vì lý do quốc gia đang ở trong tình trạng khẩn trương. Hai người sống đêm vợ chồng đầu tiên tại nhà. Trước khi đi ngủ, Shinji ngồi thẳng người trên sàn nhà với thanh kiếm đặt trước mặt, và đã ban cho vợ một bài giảng về quân nhân. Một người đàn bà đã trở thành vợ lính, phải biết và cương quyết chấp nhận rằng cái chết của chồng có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Có thể là ngày mai. Có thể là ngày mốt. Nhưng, dù bất cứ khi nào cái chết đó đến - chàng hỏi - liệu nàng có mau lẹ quả quyết chấp nhận không? Reiko đứng dậy, mở một ngăn tủ, và lấy ra một vật có vẻ đáng giá nhất trong các món hồi môn của nàng, một con dao găm mà thân mẫu nàng đã cho nàng. Quay trở lại chỗ cũ, nàng đặt lưỡi dao găm trên mặt chiếu trước mặt nàng, không nói một lời, giống như chồng nàng đã đặt thanh kiếm. Một sự thông cảm thầm lặng đến ngay tức khắc, và viên trung úy không bao giờ tìm cách thử thách sự quyết tâm của vợ nữa.

Trong những tháng đầu của cuộc hôn nhân, sắc đẹp của Reiko mỗi ngày một rạng rỡ hơn, tươi mát óng ánh như mặt trăng sau một trận mưa.

Vì cả hai đều còn trẻ và sung mãn nên tình phu thê thực là nồng nàn, và không phải chỉ về ban đêm mà thôi. Nhiều khi trở về nhà ngay sau một buổi tập trận, vừa bước vào nhà, và hấp tấp cởi bỏ bộ quân phục lấm đầy bùn, viên trung úy vội đè vợ xuống sàn nhà ngay. Reiko cũng đáp ứng nồng nhiệt không kém. Trong khoảng một tháng, từ đêm động phòng hoa chúc, Reiko đã biết thế nào là hạnh phúc, và viên trung úy cũng hài lòng khi thấy vợ sung sướng.

Thân thể Reiko trắng ngần và tinh khiết; bộ ngực nở to của nàng bày tỏ một lòng trong sạch về dục vọng; nhưng, khi yêu chồng thì cặp vú ấy thật là quyến rũ trong gối chăn ấm áp và thân mật. Ngay cả lúc ân ái hai người hết sức trang trọng một cách đáng sợ. Giữa những giây phút dục vọng cuồng nhiệt, trái tim của họ lại rất thanh tịnh và trịnh trọng.

Ban ngày viên trung úy thường nghĩ đến vợ trong những lúc nghỉ ngắn ngủi giữa hai buổi tập luyện; và suốt ngày tại nhà, Reiko thường nhớ lại hình ảnh của chồng. Tuy nhiên khi xa nhau, họ chỉ cần nhìn vào tấm hình ngày cưới thì lại thấy an tâm về hạnh phúc của mình. Reiko không cảm

thấy ngạc nhiên một chút nào khi một người hoàn toàn xa lạ một vài tháng trước đây, nay đã trở thành mặt trời cho cuộc đời của nàng.

Đây là một căn bản luân lý và phù hợp với Huấn Lệnh Giáo Dục "chồng và vợ phải hòa hợp với nhau." Chưa bao giờ Reiko làm ngược lại ý chồng, và viên trung úy cũng không bao giờ tìm cớ để trách mắng vợ. Trên ngăn kệ bàn thờ dưới cầu thang, dọc theo bài vị của Đền Ise, là những tấm hình của Nhật hoàng. Cứ mỗi buổi sáng, trước khi đi làm, viên trung úy thường đứng cùng với vợ trước hộc bàn thờ này và cả hai cùng cúi đầu thật thấp. Nước cúng được thay mỗi buổi sáng, và cành trúc thiêng liêng lúc nào cũng xanh tươi. Cuộc đời của họ sống bên dưới sự che chở thiêng liêng của thần linh, và tràn đầy hạnh phúc nồng nhiệt, đến nỗi mọi tế bào trong thân thể họ phải rung động.

Mặc dầu dinh quan Quốc Vụ Khanh Saito cũng ở trong cùng khu vực, thế mà cả hai đều không nghe thấy một tiếng súng nào vào buổi sáng ngày 26 tháng Hai. Nhưng tiếng kèn trận, vang lên trong buổi bình minh lờ mờ màu tuyết phủ, khi tấm thảm kịch kéo dài mười phút chấm dứt, đã phá giấc ngủ của viên trung úy. Nhảy vội xuống giường và không nói một lời, viên trung úy mặc vội quân phục, đeo thanh kiếm mà vợ cầm sẵn, rồi vội vàng bước ra ngoài đường phủ đầy tuyết của một buổi sáng vẫn còn tối mờ. Mãi tới ngày hai mươi tám chàng mới trở về.

Về sau nhờ tin tức đài phát thanh, Reiko biết được đầy đủ về cuộc phản loạn bất ngờ. Đời sống của nàng trong suốt hai ngày kế tiếp là sống một mình, hoàn toàn yên lặng đằng sau cánh cửa khóa chặt.

Trên nét mặt viên trung úy khi bước vội ra đường trong buổi sáng tuyết phủ ấy, Reiko đọc được một quyết tâm sẵn sàng chết. Nếu chồng nàng không trở về thì quyết định của nàng đã có rồi: nàng sẽ chết theo. Nàng lặng lẽ phân chia những vật riêng của nàng. Nàng chọn những bộ kimono sang trọng tặng cho những bạn học cũ, và nàng viết tên và địa chỉ trên những tấm giấy bọc cứng, gói từng chiếc kimono. Vì chồng thường khuyên nàng không nên nghĩ tới ngày mai nên Reiko không viết nhật ký, và bây giờ không có cái thú đọc lại những dòng chữ ghi chép hạnh phúc của mấy tháng vừa qua, và gửi từng trang vào ngọn lửa sau khi đọc xong. Bên trên chiếc radio là một dãy những con vật nhỏ bằng sứ, một con thỏ, một con sóc, một con gấu và một con cáo. Cũng có một chiếc bình nhỏ và một ấm nước. Đây là những vật sưu tập duy nhất của Reiko. Nhưng nàng nghĩ không tiện trao lại cho ai những vật nhỏ này, và cũng không đáng để yêu cầu bỏ vào quan tài của

nàng. Khi ý nghĩ ấy thoáng qua trí nàng thì hình như Reiko thấy mặt của những con vật nhỏ có vẻ ngơ ngác và tuyệt vọng.

Reiko cầm con sóc lên xem. Rồi ý nghĩ của nàng quay trở về một vùng xa hơn tấm tình yêu mến của tuổi thơ này, nàng nhìn thật xa vào cái nguyên tắc vĩ đại mà chồng nàng là biểu tượng. Nàng đã sẵn sàng và sung sướng được đưa vào cái chết bằng chiếc xe chiến mã sáng chói như mặt trời ấy - nhưng bây giờ, vì những giây phút cô đơn này, nàng để mặc cho tâm hồn mê man với những đam mê của tuổi ngây thơ. Tuy nhiên cái thời nàng thực sự yêu thích những con thú này đã qua lâu lắm rồi. Bây giờ nàng chỉ yêu mến cái ký ức của một thời đã yêu thích chúng, và địa vị của chúng trong tâm hồn nàng đã được thay thế bằng những dục vọng mãnh liệt hơn nhiều, bằng một hạnh phúc cuồng nhiệt hơn... Reiko chưa bao giờ nghĩ những thú vui mãnh liệt của thể xác chỉ là sự khoái lạc. Cái lạnh của tháng Hai, và cái lạnh buốt giá khi sờ vào con sóc bằng sứ đã làm những ngón tay thanh tú của Reiko tê đi; thế mà giữa hai đùi nàng, bên dưới nhiều lớp quần áo của váy nàng, bây giờ nàng có thể cảm thấy một sự ẩm ướt nóng hổi của da thịt, bất kể cả băng tuyết, khi nàng nghĩ tới cánh tay mạnh mẽ của viên trung úy vươn ra ôm lấy nàng.

Nàng không hề sợ hãi cái chết đang lảng vảng trong trí. Chờ đợi chồng một mình tại nhà, Reiko tin chắc rằng bất cứ điều gì chồng nàng cảm thấy hoặc suy nghĩ bây giờ, nỗi buồn bực và thất vọng của chàng, cũng chắc chắn như sức mạnh của da thịt chàng đang hướng dẫn nàng tới một cái chết mong đợi. Nàng cảm thấy thân xác nàng sẽ tan biến đi dễ dàng, và biến thể thành một phần tư tưởng của chồng.

Lắng nghe những thông cáo liên tiếp trên máy phát thanh, nàng nghe thấy tên của những đồng đội của chồng được nhắc đến trong hàng ngũ phản loạn. Đây là tin của sự chết. Nàng theo dõi chặt chẽ mọi biến chuyển, lo lắng tự hỏi tại sao không có lệnh của Hoàng cung khi tình thế trở nên mỗi lúc không thể xoay chuyển lại được. Nàng theo dõi những việc làm đầu tiên để hồi phục lại danh dự quốc gia khỏi một cuộc phản loạn ô nhục. Không có thông cáo của trung đoàn. Dường như bất cứ lúc nào trận đánh cũng có thể khởi đầu trên đường phố vẫn còn phủ đầy tuyết.

Vào lúc hoàng hôn ngày hai mươi tám, Reiko giật mình nghe thấy tiếng đấm cửa trước một cách giận dữ. Nàng chạy vội xuống. Khi nàng lẩy bẩy kéo chốt cửa thì hình dáng của một người đứng im lặng hiện lên nền cửa kiếng mờ. Nàng biết đó là chồng nàng. Reiko chưa bao giờ thấy chốt cửa lại cứng đến như thế. Cái chốt vẫn còn mắc kẹt và cửa vẫn chưa mở được.

Mất một lúc nàng mới mở được cửa để thấy viên trung úy đang đứng trước mặt nàng, trên nền xi măng trong hiên nhà, khoác chiếc áo choàng bằng vải nhà binh, đôi ủng bám đầy đất bùn ngoài đường. Đóng cửa lại sau lưng, viên trung úy cài lại chiếc chốt vào ổ khóa. Để làm gì, Reiko không hiểu.

- Chàng đã về.

Reiko cúi đầu thật thấp, nhưng chồng nàng không trả lời. Khi chàng đã tháo thanh kiếm và sắp sửa cởi áo choàng, Reiko bước lại phía sau để giúp đỡ. Chiếc áo choàng vừa lạnh vừa ẩm, nặng trĩu trên cánh tay nàng, đã mất đi mùi phân ngựa thường bốc lên khi gặp ánh nắng mặt trời. Treo chiếc áo choàng lên móc áo, và đỡ thanh kiếm và bao da bằng hai cánh tay áo, nàng chờ đợi trong lúc chồng cởi giầy ủng, và đi theo chàng vào phòng khách. Đó là căn phòng sáu chiếu dưới nhà. Ánh sáng của ngọn đèn soi rõ khuôn mặt chồng nàng, râu mọc tua tủa và dường như mệt và gầy đến không nhận ra được. Má hõm hẳn xuống, và mất hết sự mạnh mẽ và hấp dẫn. Trong những khi vui vẻ, chàng thường thay mặc quần áo cũ ngay khi bước vào nhà và đòi nàng dọn cơm tối ngay. Nhưng bây giờ chàng ngồi trước mặt bàn, vẫn còn mặc quân phục, đầu cúi xuống chán nản. Reiko cố không hỏi xem có nên dọn cơm tối hay không. Sau một lát viên trung úy nói:

- Ta không biết gì hết. Họ không mời ta tham gia cuộc phản loạn. Có lẽ vì ta mới lập gia đình. Kano và Homma nữa, và cả Yamaguchi.

Reiko nhớ lại ngay khuôn mặt của những sĩ quan trẻ và đầy nhiệt huyết ấy ngay, các người bạn của chồng thỉnh thoảng vẫn đến chơi tại đây.

- Có thể có lệnh của Hoàng gia gửi xuống ngày mai. Họ sẽ bị công bố là phản loạn, ta nghĩ thế. Ta sẽ phải chỉ huy một đơn vị với nhiệm vụ tấn công họ... Ta không thể làm thế. Không thể làm một việc như thế được.

Chàng lại nói: "Họ cho ta nghỉ, và được phép trở về nhà một tối. Sáng mai chắc chắn ta sẽ ra đi tham dự cuộc tấn công. Reiko, ta không thể làm được điều đó."

Reiko ngồi thật thẳng nhưng mắt nhìn xuống. Nàng hiểu rõ rằng chồng nàng đã nói đến cái chết. Viên trung úy đã quả quyết. Mỗi lời nói, bắt nguồn từ cái chết, bật ra thật rõ ràng và mang một ý nghĩ mạnh mẽ, vang lên trong bối cảnh tối tăm và trang nghiêm. Mặc dù viên trung úy nói đến cái hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan của chàng, nhưng trong trí chàng đã không có sự lay chuyển nữa.

Tuy nhiên trong sự im lặng giữa hai người vẫn có một sự trong sáng,

giống như sự trong sáng của một dòng suối chảy bằng nước băng tuyết tan ra. Ngồi trong nhà của chính mình sau hai ngày thử thách gay go, và nhìn khuôn mặt người vợ xinh đẹp, viên trung úy lần đầu tiên tìm được sự bình yên của tâm hồn. Và chàng đã có lần biết rằng vợ chàng tôn kính sự quyết tâm nằm dưới lưỡi kiếm của chàng, mặc dầu nàng không nói gì.

Mắt viên trung úy mở to. Mặc dầu chàng mệt mỏi lắm, nhưng cặp mắt ấy vẫn mạnh mẽ và trong sáng, và bây giờ lần đầu tiên nhìn thẳng vào mắt vợ:

- Vậy thì đêm nay ta sẽ mổ bụng tự tử.

Reiko không nao núng. Cặp mắt tròn của nàng có vẻ hồi hộp, và căng thẳng như tiếng chuông rung. Nàng nói:

- Em sẵn sàng. Em xin phép được đi theo chàng.

Viên trung úy cảm thấy hầu như bị thôi miên vì sức mạnh trong đôi mắt vợ. Lời nói của chàng trở nên mau lẹ và dễ dàng, giống như những lời nói của mê sảng, và chàng không ngờ sự cho phép một vấn đề lớn như thế lại có thể diễn tả một cách dễ dàng đến thế.

- Tốt lắm. Chúng ta sẽ đi cùng với nhau. Nhưng ta muốn em làm nhân chứng cho ta, cho sự tự tử của ta trước. Đồng ý?

Khi điều này được nói ra thì một niềm hạnh phúc lớn lao tràn ngập cả hai tâm hồn. Reiko rất xúc động trước lòng tin vĩ đại của chồng. Đối với viên trung úy thì, dù sự việc xảy ra thế nào, cái chết của chàng phải được bình thường. Vì thế cần phải có một nhân chứng. Sự kiện chàng chọn vợ làm nhân chứng là dấu hiệu đầu tiên về lòng tin tưởng của chàng. Thứ hai, và quan trọng hơn, là mặc dù họ tuyên thệ cùng chết với nhau nhưng chàng vẫn không định giết vợ trước - chàng để vợ chết sau mà không có cách gì kiểm soát được. Nếu viên trung úy là một người chồng nghi ngờ, chắc chắn chàng phải giết vợ trước, như trong các cuộc tự tử chung thông thường.

Khi Reiko nói, "Em xin phép được đi theo chàng," viên trung úy cảm thấy những lời nói này là kết quả cuối cùng của nền giáo dục mà chàng đã dạy vợ, bắt đầu từ đêm động phòng hoa chúc, và đã dạy nàng khi cơ hội xảy tới phải nói điều gì cần phải nói mà không một chút ngập ngừng. Viên trung úy cũng thấy hài lòng chàng là một người tự tin. Chàng không quá lãng mạn hoặc quá tự phụ để tưởng tượng những lời ấy được nói ra một cách tự nhiên, vì tình yêu chồng.

Với niềm sung sướng tràn đầy tâm hồn, hai người không thể không mỉm cười với nhau. Reiko cảm thấy nàng trở về với đêm động phòng. Trước mắt nàng không phải là sự đau đớn mà cũng không phải là sự chết. Nàng dường

như chỉ trông thấy một sự vươn ra vào cõi vô tận, tự do vô giới hạn.

- Nước nóng rồi. Chàng có tắm bây giờ không?

- À, tắm chứ.

- Còn cơm tối?

Những lời đối thoại nói bằng một giọng bình thường, như mọi ngày đến nỗi viên trung úy chợt thoáng nghĩ rằng tất cả chỉ là ảo giác.

- Ta không nghĩ chúng ta cần ăn tối. Nhưng có lẽ em nên hâm rượu sa-kê.

- Em sẽ làm theo lời chàng.

Khi Reiko đứng dậy và cầm một chiếc áo choàng từ tủ áo để mặc khi tắm xong, nàng cố ý lôi cuốn sự chú ý của chồng tới ngăn tủ đã mở. Viên trung úy đứng dậy, bước lại chiếc tủ, và nhìn vào bên trong. Từ một hàng những bọc gói ngay ngắn, chàng đọc địa chỉ của những người được tặng đồ. Không có một vẻ buồn rầu trong thái độ của viên trung úy trước sự biểu lộ lòng cương quyết anh thư này. Tim chàng tràn ngập một sự dịu dàng. Giống như một người chồng hãnh diện được biết những đồ vật trẻ thơ của người vợ trẻ, viên trung úy rất xúc động yêu mến, âu yếm ôm vợ từ phía sau và hôn lên cổ nàng.

Reiko cảm thấy sự khô rát của da mặt chưa cạo râu của chồng cọ vào cổ nàng. Cảm giác này đối với Reiko là cả một thế giới, nhưng bây giờ - với ý nghĩ sắp mất đi vĩnh viễn - cảm giác ấy còn có một sự tươi mát hơn cả trước kia. Mỗi giây phút có một sức mạnh chủ yếu riêng, và cảm giác từ mỗi góc cơ thể nàng được đánh thức dậy. Nhận sự vuốt ve của chồng từ phía sau, Reiko phải kiễng chân lên, để cho sự say mê lan tràn khắp cơ thể nàng.

Viên trung úy thì thầm vào tai vợ, "Trước hết là tắm, và sau đó, sau khi uống rượu sa-kê... em hãy lên nằm trên lầu nhé?" Reiko lặng lẽ gật đầu.

Cởi vội bộ quân phục, viên trung úy bước vào phòng tắm. Để không nghe thấy tiếng nước chảy, Reiko săn sóc lò than trong phòng khách và bắt đầu sửa soạn hâm rượu sa-kê.

Cầm lấy chiếc áo, một cái khăn quàng và quần áo lót, nàng đi vào phòng tắm để xem hơi nước có đủ ấm không. Giữa làn khói nước cuộn lên, viên trung úy ngồi xếp bằng chân trên sàn nhà và đang cạo râu. Nàng có thể lờ mờ phân biệt được cử chỉ nhịp nhàng của bắp thịt trên tấm lưng rắn rỏi và ẩm ướt khi chuyển động theo cử động của cánh tay.

Mọi sự vẫn bình thường như mọi ngày. Reiko bận rộn với công việc của nàng, sửa soạn mấy món ăn thêm bằng những đồ ăn có sẵn. Bàn tay nàng không run rẩy. Đúng ra nàng còn có vẻ mau lẹ và dễ dàng hơn mọi

khi. Thực ra thỉnh thoảng cũng có những cơn hồi hộp kỳ lạ trong ngực nàng. Giống như một tia chớp từ xa, sự hồi hộp đó có lúc rất mạnh mẽ nhưng rồi tan biến đi không để lại dấu vết gì. Ngoài sự hồi hộp ra, không có gì bất thường.

Viên trung úy ngồi cạo râu trong phòng tắm, mân mê thân thể nóng bừng của chàng cuối cùng đã hồi phục, sau những sự mệt nhọc tuyệt vọng của những ngày lưỡng lự, và bây giờ chứa đầy sự mong đợi thích thú, mặc dù cái chết chờ đón trước mặt. Tiếng động của người vợ đang làm công việc thoáng mơ hồ đối với chàng. Sự ham muốn xác thịt đã mất đi trong hai ngày, nay đã trở lại. Viên trung úy tin tưởng không có một sự gì vẩn đục trong niềm vui mà hai người sẽ có khi quyết định chết. Cả hai cảm thấy rằng - tuy không rõ ràng - những lạc thú mà họ sẽ chia sẻ riêng với nhau một lần nữa, vẫn dưới sự che chở của Sức Mạnh Thiêng Liêng và Chân Chính, là hoàn toàn theo đúng đạo đức. Khi nhìn vào mắt nhau, và trông thấy một cái chết danh dự, cả hai đều cảm thấy họ an toàn hơn sau những bức tường sắt thép mà không gì có thể phá hủy được, khóa chặt bên trong bộ áo giáp không xuyên qua được của Cái Đẹp và Sự Thực. Như vậy không có gì mâu thuẫn giữa lòng ham muốn của thể xác và sự chân thành của lòng ái quốc; viên trung úy có thể coi chàng và vợ là thành phần của cùng một vật thể.

Đưa mặt sát vào tấm gương trên bức tường tối, nứt rạn vì phủ hơi nước, viên trung úy thận trọng cạo râu. Đây là bộ mặt khi chết của chàng. Không thể có một khiếm khuyết nào. Khuôn mặt cạo râu nhẵn nhụi một lần nữa toát ra vẻ tươi mát của tuổi trẻ, và dường như làm sáng chiếc gương tối mờ. Chàng cảm thấy một vẻ lịch sự trong sự kết hợp cái chết với khuôn mặt mạnh khỏa rạng rỡ này. Khuôn mặt bây giờ là bộ mặt lúc chết của chàng! Thực ra khuôn mặt ấy một nửa đã không còn là của viên trung úy nữa, mà đã trở thành một bức tượng trên đài kỷ niệm của quân nhân đã chết. Để thí nghiệm, chàng nhắm nghiền mắt lại. Tất cả đều chìm trong sự đen tối, và chàng không còn là một sinh vật sống và nhìn thấy được nữa.

Quay lại từ bồn tắm, dấu vết của sự cạo râu sáng lên lờ mờ màu xanh bên dưới cặp má mịn của chàng. Chàng ngồi xuống bên cạnh chiếc lò than đang cháy hồng. Chàng nhận thấy mặc dầu Reiko bận mà nàng vẫn có thời giờ trang điểm khuôn mặt. Hai má tươi mát và đôi môi ướt. Không có dấu hiệu buồn rầu nào. Đúng vậy, viên trung úy cảm thấy đã chọn được một người vợ xứng đáng khi nhìn thấy dấu hiệu của bản chất nồng nhiệt ở người vợ trẻ.

Ngay khi viên trung úy uống cạn chén rượu sa-kê, chàng rót tặng vợ

một chén. Reiko chưa bao giờ uống rượu sa-kê, nhưng nàng nhận chén rượu không ngập ngừng và e lệ nhấp chén rượu. Viên trung úy bảo vợ:

- Vào đây.

Reiko bước vào cạnh chồng và được chồng ôm chặt khi nàng nằm ngang trên đùi chàng. Ngực nàng cực kỳ xao động như thể nỗi buồn, niềm vui và rượu sa-kê đang hòa lẫn và phản ứng bên trong nàng. Viên trung úy nhìn xuống mặt vợ. Đây là bộ mặt cuối cùng chàng trông thấy trên đời này, bộ mặt cuối cùng của vợ mà chàng thấy. Chàng quan sát mặt vợ rất kỹ, bằng con mắt của một du khách vĩnh biệt một khung cảnh huy hoàng mà không bao giờ trở lại nữa. Đây là bộ mặt chàng đã nhìn không chán - các đường nét vẫn bình thường và chưa lạnh lẽo, đôi môi hơi mím lại với một sức mạnh dịu dàng. Không suy nghĩ, viên trung úy cúi hôn môi vợ. Bỗng nhiên chàng thấy nước mắt ứa ra từ những hàng lông mi dài của cặp mắt nhắm nghiền, và chảy ra một hàng lóng lánh, mặc dù bộ mặt không hề có một dấu hiệu muốn khóc.

Một lát sau, khi viên trung úy giục hai người lên phòng trên lầu, thì nàng trả lời sẽ lên sau khi tắm xong. Trèo lên cầu thang một mình để vào phòng ngủ, tại đó không khí đã ấm áp vì lò sưởi, viên trung úy nằm giang chân giang tay trên giường. Ngay cái thời gian chàng chờ đợi vợ hôm nay không chậm hơn và cũng không sớm hơn thường lệ.

Chàng kê hai tay dưới đầu và nhìn lên trần nhà tối đen, vì ánh sáng ngọn đèn không chiếu tới. Có phải bây giờ chàng đang chờ đợi cái chết? Hay là sự ngây ngất man dại của lòng ham muốn tình dục? Hai thứ đó dường như lẫn lộn với nhau đến nỗi hầu như mục đích của sự ham muốn xác thịt là chính cái chết. Nhưng dù vậy, viên trung úy chưa bao giờ hưởng sự tự do hoàn toàn như thế.

Có tiếng động của một xe hơi bên ngoài cửa sổ. Chàng có thể nghe tiếng bánh xe rít trên tuyết chất đống bên lề đường. Tiếng còi xe vẳng lại từ một bức tường bên cạnh... Lắng nghe những tiếng động ấy, chàng có cảm giác căn nhà này vươn lên như một hòn đảo cô đơn giữa đại dương của một xã hội đang hoạt động như thường lệ. Tất cả chung quanh, mênh mông và hỗn độn, là đất nước mà chàng phải đau đớn. Chàng phải chết cho đất nước ấy. Nhưng cái đất nước vĩ đại ấy có chú ý đến cái chết mà chàng đang sửa soạn dâng hiến không? Chàng không biết, và cũng chẳng cần biết. Đất nước chàng là một bãi chiến trường không có vinh quang, một chiến trường không ai có hành động can trường; đó là chiến tuyến của tinh thần.

Tiếng bước chân của Reiko vang lên từ cầu thang. Chiếc cầu thang dốc

đứng của căn nhà cũ kêu cót két dữ dội. Có những kỷ niệm thích thú trong tiếng kêu cót két ấy, và nhiều lần, trong lúc đang nằm trong giường, viên trung úy lắng nghe tiếng kêu chờ đợi ấy. Với ý nghĩ chàng sẽ chẳng bao giờ chú ý chờ đợi tiếng kêu ấy nữa, chàng lắng nghe thật chăm chú, lắng nghe từng góc cạnh của mỗi giây phút của thời gian quý báu chứa đầy âm thanh từ những bước chân nhẹ nhàng trên chiếc cầu thang kẽo kẹt. Những giây phút ấy dường như biến thành vàng ngọc, chói lòa trong ánh sáng nội tâm.

Reiko quàng một chiếc khăn, ngang lưng chiếc áo kimono rộng và mỏng. Nhưng khi viên trung úy với tay nắm lấy thì màu đỏ của chiếc khăn dịu đi trong ánh sáng lờ mờ, bàn tay Reiko chuyển động theo sự kéo giúp của chàng và chiếc khăn tuột rơi xuống và phủ lên sàn nhà. Khi nàng đứng trước mặt chàng, vẫn trong chiếc áo kimono rộng và mỏng, viên trung úy thò tay vào hai ống tay áo của nàng, với ý định ôm chặt nàng bằng chính con người của nàng; nhưng khi các đầu ngón tay của chàng đụng vào làn da trần ấm áp của nàng, và khi hai nách nàng khẽ khép lại trên tay chàng thì toàn thân chàng bỗng bừng cháy...

Một lát sau hai người nằm khỏa thân trước lò sưởi sáng rực.

Không người nào nói lên ý nghĩ của mình, nhưng trái tim họ, thân thể họ và hai bộ ngực đập mạnh bừng sáng với ý nghĩ rằng đây chính là lần cuối cùng. Như thể là hàng chữ "Lần Cuối Cùng" được viết rõ ràng, bằng những nét bút vô hình, trên từng phần thân thể của họ.

Viên trung úy kéo vợ lại gần và hôn nàng nồng nàn. Khi lưỡi của họ lùa vào miệng của nhau, cố đưa thật sâu vào một vùng ướt át mượt mà bên trong, họ cảm thấy như sự hấp hối vẫn chưa biết rõ của cái chết đã lôi cuốn cảm giác của họ tới tột cùng của nhạy cảm. Sự hấp hối mà họ chưa thể cảm thấy được, nhưng sự đau đớn xa xôi của cái chết đã làm tinh tế sự cảm nhạy của hai người về khoái lạc. Viên trung úy nói:

- Đây là lần cuối cùng, em cho phép ta xem thân thể em. Để ta xem thật kỹ.

Vặn chiếc chụp đèn nghiêng về một bên, chàng hướng ánh sáng vào tấm thân nằm dài của Reiko.

Reiko nằm im lặng, mắt nhắm lại. Ánh sáng từ ngọn đèn thấp hiển nhiên đã chiếu rõ những đường cong tuyệt mỹ của tấm thân trắng ngần. Không phải vì lòng ích kỷ, viên trung úy vui mừng sẽ không phải nhìn thấy sắc đẹp này gục xuống chết.

Thong thả, viên trung úy cho phép cái hình ảnh đáng ghi nhớ này khắc vào tâm trí chàng. Một tay vuốt ve mái tóc, và tay kia chàng khẽ vuốt ve

khuôn mặt đẹp đẽ, hôn hết chỗ này đến chỗ kia, nơi mắt chàng dừng lại. Sự lạnh lẽo yên lặng của vầng trán cao, cặp mắt nhắm với hàng lông mi dài dưới cặp lông mày thẳng mờ, sóng mũi thanh tú, hàm răng lóng lánh giữa cặp môi dầy, hai má mềm, và chiếc cằm nhỏ và thông minh... những nét này gợi trong tâm trí chàng hình ảnh của một khuôn mặt chết thực rạng rỡ, và chàng liên tiếp gắn chặt môi vào chiếc cổ trắng mịn, - chính tại chỗ đó Reiko sẽ tự đâm mình - và cổ nàng ửng đỏ bên dưới những nụ hôn của chàng. Quay trở lại miệng, chàng đặt môi một cách rất nhẹ, và đưa môi nhịp nhàng trên môi Reiko bằng cử động dập dình của một chiếc thuyền nhỏ. Nếu chàng nhắm mắt lại, thế giới sẽ trở thành một cái nôi lúc lắc. Bất cứ nơi nào mắt viên trung úy chuyển động tới, môi chàng đi theo sát chuyển động ấy. Cặp vú căng vươn lên, bên trên là hai đầu vú như nụ hoa của một loài dâu dại, cứng lên khi môi viên trung úy ngậm lấy. Hai cánh tay nàng duỗi thoải mái hai bên cạnh vú, nhỏ lại ở chỗ cổ tay, nhưng không mất đi sự tròn trĩnh hoặc sự cân đối, và cuối cùng là những đầu ngón tay rất đẹp đẽ đã cầm cây quạt trong ngày cưới. Viên trung úy hôn từng ngón tay một, trong lúc những ngón tay khác cong lại như e thẹn... Khoảng cong giữa ngực và bụng có những đường chứng tỏ không những chỉ là sự mềm dịu mà là sức mạnh dội lên. Khoảng cong báo trước những đường cong nẩy nở lượn từ đó xuống tới mông, nhưng lại có dáng vẻ của sự kiềm chế. Vẻ trắng mịn và nở nang của bụng và mông như là sữa tràn từ một chiếc tô lớn, và chỗ lõm xuống của rốn có thể là dấu vết của giọt nước mưa vừa rơi xuống ngay lúc ấy. Tại chỗ bóng tối của đám lông dầy, dịu mềm và nhạy cảm, và sự khích động vươn lên trong cái cơ thể bây giờ không còn thụ động nữa, đã tỏa ra một mùi hương giống như sự đốt cháy của những nụ hoa thơm, dâng lên đều đều và thấm nhập hơn. Cuối cùng trong một giọng hơi run, Reiko nói: "Cho em xem... Để em xem chàng, một lần cuối cùng."

Chưa bao giờ chàng nghe từ môi vợ một lời yêu cầu mạnh mẽ và không thể cưỡng lại được như thế. Dường như đó là một cái gì mà sự khiêm tốn của nàng đã muốn giữ kín thật sâu, và cuối cùng bỗng nhiên bật ra khỏi những sợi dây buộc chặt. Viên trung úy ngoan ngoãn nằm ngửa và dâng hiến mình cho vợ. Chậm rãi, nàng vươn tấm thân trắng toát và run rẩy - đốt nóng bởi một ước muốn ngây thơ trả lại chồng những gì chàng vừa làm đối với mình - đặt hai ngón tay trắng nõn vào mắt chồng, cặp mắt đang nhìn nàng chăm chú, và khẽ khép đôi mắt ấy lại.

Bỗng nhiên lòng nàng tràn ngập một sự dịu dàng, hai má nàng đỏ ửng

lên vì một xúc động dâng lên ngây ngất, Reiko choàng hai cánh tay ôm lấy đầu hớt tóc ngắn của chồng. Mớ tóc cứng đâm vào vú nàng, chiếc mũi dọc dừa cao lạnh ngắt như đâm vào da thịt nàng, và hơi thở của chàng thực là nóng. Nới lỏng vòng tay, nàng nhìn xuống khuôn mặt nam nhi cứng cỏi của chồng. Hàng lông mày nghiêm dữ, cặp mắt nhắm, sống mũi cao đẹp đẽ, đôi môi sắc cạnh mím chặt lại... hai má thoáng màu xanh đã cạo nhẵn nhụi phản chiếu ánh sáng và trông rất mịn. Reiko hôn cả hai bên má. Nàng hôn chiếc gáy nở nang, đôi vai vuông thẳng đứng mạnh mẽ, bộ ngực hùng vĩ, hai bên bắp thịt nở như những tấm lá chắn và hai đầu vú màu nâu đỏ. Hai bên nách bị ngực và vai che khuất, tỏa ra một mùi ngọt ngào và buồn bã từ lông nách, và trong cái ngọt ngào của mùi này đã chứa đựng nguyên ý của cái chết trẻ. Làn da trần của viên trung úy lóng lánh như một cánh đồng lúa mạch, và khắp nơi những bắp thịt nổi hằn lên, cuộn lại tại phần dưới bụng quanh một chiếc rốn khiêm tốn. Nhìn chiếc bụng trẻ và rắn chắc, có lông mọc khá rậm, Reiko nghĩ chỗ đó chỉ lát nữa sẽ bị lưỡi kiếm đâm vào và rạch ra, và nàng gục đầu vào bụng chàng, khóc nức nở thương chồng, và tắm cả khu vực bằng những nụ hôn nồng nàn.

Khi nước mắt của vợ nhỏ xuống da bụng chàng, viên trung úy cảm thấy sẵn sàng chịu đựng sự hấp hối đau đớn nhất của việc tự tử một cách can đảm.

Niềm ngây ngất hai người trải qua sau những trao đổi dịu dàng này có thể tưởng tượng được dễ dàng. Viên trung úy ngồi dậy và ôm chặt vợ. Nàng bây giờ trở nên yếu đuối sau cơn đau buồn và khóc lóc. Hai người áp mặt sát nhau, cọ má nhau thật nồng nhiệt. Thân thể Reiko run rẩy. Vú họ ẩm ướt vì mồ hôi, sát chặt vào nhau và mỗi phần của hai thân thể trẻ và đẹp đẽ đã trở thành như một đến nỗi tưởng không thể nào tách rời được nữa. Reiko rên rỉ. Từ trên đỉnh cao họ lao xuống một vực thẳm thật sâu, và từ vực thẳm sâu đó, họ chắp cánh và bay vượt lên một lần nữa tới ngọn đỉnh ngất ngây. Viên trung úy thở hổn hển giống như tên lính vác cờ của trung đoàn trong một ngày quân hành... Ngay đợt đầu chấm dứt, thì lập tức một đợt sóng ham muốn khác lại nổi lên, và cùng nhau - không một dấu vết mệt mỏi - họ lại trèo lên tận đỉnh đam mê trong một giây nín thở. Cuối cùng khi viên trung úy quay đi thì đó không phải là vì mệt mỏi. Một lý do là chàng không muốn làm nguy hại đến sức mạnh mà chàng cần để thực hành việc tự tử. Một lý do khác là chàng ngại sẽ hối tiếc làm hư hại sự ngọt ngào của những kỷ niệm cuối cùng bằng một sự ham muốn nhục dục quá độ.

Kể từ lúc viên trung úy có ý muốn ngưng lại, Reiko cũng tuân theo gương chồng, theo thói quen phục tùng hằng ngày của nàng. Cả hai nằm ngửa trần truồng, hai tay đan vào nhau và nhìn chăm chú lên trần nhà tối. Căn phòng ấm hẳn nhờ lò sưởi, và ngay cả khi mồ hôi đã ngưng toát ra từ thân thể họ, hai người cũng không cảm thấy lạnh. Bên ngoài trong ban đêm yên tĩnh, âm thanh của xe cộ đã ngưng hẳn. Ngay cả âm thanh của xe lửa và xe điện quanh ga Yotsuya cũng không vang tới tận đây. Sau khi vọng lên qua khu vực có hào bao quanh, những âm thanh này tắt biến qua công viên đầy cây cối đối diện với con đường rộng trước Cung Điện Akasaka. Thực là khó mà tin rằng sự căng thẳng bao trùm cả khu vực, nơi hai phe của Quân Đội Hoàng Gia chia rẽ kịch liệt chống đối nhau, đang ở tư thế sẵn sàng giáp chiến.

Thích thú hơi ấm tỏa ra từ nội thân, hai người nằm im lặng và nhớ lại cơn ngây ngất mà họ vừa hưởng. Từng giây phút đó sống lại. Họ nhớ lại hương vị của những nụ hôn không bao giờ mệt mỏi, sự vuốt ve trên da thịt trần truồng, từng hồi và từng hồi của những cơn mê say quay cuồng. Nhưng từ những tấm gỗ đen tối trên trần nhà, khuôn mặt Thần Chết đang bắt đầu ngó xuống. Những cơn vui này là lần cuối cùng, và thân thể họ sẽ không bao giờ còn biết đến nhau nữa. Cả hai cùng có một ý tưởng giống nhau là niềm vui của giây phút nồng nàn này sẽ không bao giờ được hưởng lại giống như thế nữa, ngay dù họ cùng sống với nhau đến tuổi bạc đầu.

Cảm giác của những ngón tay đan vào nhau - và cảm giác này nữa cũng sắp mất hẳn. Ngay cả tấm gỗ họ nhìn thấy trên trần nhà tối cũng sẽ mất đi. Họ có thể cảm thấy sự chết sẵn tới mỗi lúc một gần hơn. Bây giờ không còn ngập ngừng nữa. Họ phải có can đảm để vươn tới và nắm lấy cái chết.

- Nào, bây giờ chúng ta hãy sửa soạn.

Viên trung úy lên tiếng. Giọng cương quyết trong lời nói thật là rõ rệt, nhưng cùng một lúc Reiko nhận thấy giọng của chồng chưa bao giờ ấm áp và dịu dàng đến thế.

Sau khi ngồi dậy thì họ còn nhiều việc phải làm. Viên trung úy, chưa bao giờ giúp vợ trong việc dọn giường, bây giờ vui vẻ mở cánh cửa phòng chứa đồ, một mình nhấc chiếc nệm băng qua căn phòng và cất vào bên trong.

Reiko tắt chiếc lò sưởi và đặt chiếc đèn ra xa. Trong lúc viên trung úy không có ở đó, nàng thu xếp lại căn phòng cẩn thận, quét và phủi bụi cho thật sạch, và bây giờ - nếu có ai nhìn qua chiếc bàn gỗ hồng kéo vào góc phòng - thì chiếc phòng tám chiếu có vẻ như là một phòng tiếp tân sẵn sàng chào đón khách quý.

- Chúng ta đã từng mở tiệc rượu tại đây, phải không? Với Kano và Homma và Noguchi...

- Vâng, họ là những tay uống rượu giỏi lắm, tất cả bọn họ.

- Chúng ta sắp gặp họ trong một thế giới khác. Ta nghĩ họ sẽ chế nhạo chúng ta khi họ thấy ta đem em đi theo.

Bước xuống cầu thang, viên trung úy quay lại nhìn căn phòng sạch sẽ và yên tĩnh, bây giờ sáng rực vì ngọn đèn trên trần nhà. Lướt qua trí chàng là khuôn mặt của những sĩ quan trẻ tuổi đã từng uống rượu tại đây, cười đùa và hồn nhiên khoe tửu lượng. Lúc đó chàng không bao giờ tưởng có một ngày chàng sẽ mổ bụng tự tử trong căn phòng này.

Trong hai căn phòng dưới nhà, cả hai vợ chồng bận rộn một cách bình thản, và lặng lẽ với sự sửa soạn của mỗi người. Viên trung úy đi vào nhà vệ sinh rồi ra rửa tại phòng tắm. Trong lúc đó Reiko gấp lại tấm áo choàng của chồng, đặt chiếc áo lót dài, quần dài, và một tấm vải lót hạ bộ mới cắt màu trắng vào phòng tắm, và đặt những tờ giấy lên bàn trong phòng khách để viết lời vĩnh biệt. Rồi nàng mở nắp hộp mực và bắt đầu mài mực. Nàng đã quyết định những gì muốn nói trong lời vĩnh biệt.

Ngón tay Reiko ấn mạnh xuống hàng chữ mạ nổi lạnh lẽo, và nước trong nghiên mực lập tức đen ra, y như một đám mây đen tỏa ra khắp nghiên mực. Nàng thôi không nghĩ rằng việc mài mực này, sự ấn mạnh của ngón tay, tiếng động to lên và nhỏ đi, tất cả chỉ là để chết. Đó là một công việc thường ngày trong nhà, chỉ là để giết thời giờ cho đến lúc cái chết cuối cùng đứng trước mặt nàng. Nhưng dầu sao trong việc mài mực đều đặn, và trong màu của mực mỗi lúc một đặc thêm, có một cái gì đen tối không tả được.

Gọn ghẽ trong bộ quân phục mặc không có áo lót bên trong, viên trung úy bước ra khỏi nhà tắm. Không nói một lời, chàng ngồi vào bàn, lưng thẳng, cầm cây bút lông trong tay, và lưỡng lự nhìn tờ giấy trước mặt.

Reiko lấy một bộ kimono lụa bạc và bước vào phòng tắm. Khi nàng trở lại phòng khách trong bộ kimono màu trắng và mặt đánh phấn nhẹ, thì tờ vĩnh biệt đã viết xong trên bàn, bên dưới ngọn đèn. Hàng chữ đậm nét chỉ giản dị viết:

"Vạn Tuế Quân Đội Hoàng Gia - Trung Úy Shinji Takeyama."

Trong lúc Reiko ngồi đối diện với chồng và viết lời trối của nàng, viên trung úy im lặng nhìn, rất nghiêm trang, trước cử động kiềm chế được của những ngón tay xanh tái của vợ, khi những ngón tay ấy sử dụng chiếc bút lông.

Với những lời vĩnh biệt trong tay - viên trung úy đeo kiếm cạnh sườn,

con dao găm nhỏ của Reiko cắm vào thắt lưng của chiếc áo kimono trắng - cả hai đứng trước hộc bàn thờ và im lặng cầu nguyện. Rồi hai người tắt đèn dưới nhà. Khi bước lên cầu thang, viên trung úy quay đầu lại, nhìn hình dáng vợ trong chiếc áo trắng nổi bật từ bóng tối bên dưới, đang bước lên lầu theo chàng, và mắt nhìn xuống.

Những lời vĩnh biệt được đặt bên cạnh nhau trong buồng nhỏ của phòng trên lầu. Hai người tự hỏi có cần phải tháo gỡ hàng chữ đại tự đang treo không, nhưng vì đại tự đó do trung tướng Ozeki viết, và chỉ gồm có hai chữ Trung Hoa có nghĩa là "Chí Thành", nên hai người để nguyên như cũ.

Họ nghĩ trung tướng Ozeki sẽ thông cảm, nếu hàng chữ đó bị vấy máu.

Viên trung úy, ngồi thẳng người quay lưng về phía góc buồng, đặt thanh kiếm trên sàn nhà trước mặt. Reiko ngồi đối diện với chồng, cách xa một tấm chiếu. Toàn thân nàng mặc đồ trắng nên màu hồng trên môi nàng có vẻ là nét quyến rũ đặc biệt.

Cách nhau một tấm chiếu, hai người nhìn vào mắt nhau thực chăm chú. Kiếm của viên trung úy nằm ngay trước đầu gối. Trông thấy chiếc kiếm của chồng, Reiko nhớ lại đêm đầu tiên của hai người và tràn ngập một nỗi buồn. Viên trung úy nói, bằng một giọng khàn khàn:

- Vì không người giúp, ta sẽ đâm bụng thật sâu. Trông có vẻ ghê gớm nhưng em đừng hoảng sợ. Chết cách nào cũng là một điều đáng sợ phải nhìn thấy. Em không nên ngã lòng vì những gì em trông thấy. Được không?

- Vâng.

Reiko gật đầu thật sâu.

Nhìn hình dáng trắng toát mảnh mai của vợ, viên trung úy cảm thấy một khích động kỳ lạ. Điều chàng sắp sửa làm là một hành động trong khả năng của một quân nhân, một điều chàng chưa bao giờ cho vợ trông thấy. Việc làm này đòi hỏi một sự quả cảm tương đương với sự can đảm khi lâm trận; đó là một cái chết không kém gì cái chết ngoài tiền tuyến. Đó là tư cách của chàng ngoài chiến trường mà chàng sắp sửa biểu dương.

Trong một giây phút, ý nghĩ dẫn viên trung úy tới một ảo tưởng lạ lùng. Một cái chết cô đơn trên chiến trường, một cái chết ngay dưới mắt của người vợ xinh đẹp... trong cái cảm giác chàng bây giờ sắp chết trong cả hai chiều, và nhận thức rằng không thể kết hợp được cả hai, thì chàng cảm thấy một sự ngọt ngào không nói nên lời được. Chàng nghĩ đây có thể chính là tột đỉnh của sự may mắn. Mỗi giây phút trong cái chết của chàng diễn ra dưới đôi mắt đẹp kia - thì giống như được sinh ra để chết trong một làn gió nhẹ

nhàng và thơm ngát. Cũng có một đặc ân nữa. Chàng không hiểu rõ đặc ân ấy là gì, nhưng đó là một lãnh vực xa lạ cho mọi người khác: một thiên mạng chỉ dành riêng cho một mình chàng. Trong cái vẻ giống như một cô dâu ngày cưới rạng rỡ của người vợ mặc áo choàng màu trắng, viên trung úy dường như trông thấy tất cả hình ảnh của những thứ mà chàng đã yêu dấu, và cũng là những thứ mà chàng sắp dâng hiến chính đời sống của mình: Hoàng Gia Nhật, Tổ Quốc và Quân Kỳ. Tất cả những thứ này, không kém gì người vợ ngồi trước mặt chàng kia, là những hiện diện quan sát chàng cặn kẽ, với những đôi mắt tinh sáng và không bao giờ nao núng.

Reiko cũng nhìn chồng thật chăm chú, sắp lìa đời đến nơi, và nàng nghĩ rằng chưa bao giờ trên đời này nàng được nhìn thấy một cái gì đẹp đẽ như thế. Viên trung úy bao giờ trông cũng oai hùng trong quân phục, nhưng bây giờ, vì chàng đang nhìn cái chết bằng cặp lông mày nghiêm nghị và đôi môi mím chặt, chàng đã bộc lộ một vẻ đẹp nam nhi tuyệt hảo nhất.

Cuối cùng viên trung úy lên tiếng. "Đã đến giờ đi rồi."

Reiko cúi người thấp xuống chiếu để chào chồng. Nàng không thể ngẩng mặt lên được. Nàng không muốn làm hư son phấn vì nước mắt, nhưng nước mắt không thể cầm được nữa rồi. Cuối cùng khi nàng ngẩng lên, nàng trông thấy lờ mờ qua làn nước mắt, chồng nàng đã quấn một tấm khăn trắng quanh lưỡi kiếm đã rút ra khỏi bao, chỉ để hở năm hoặc sáu phân từ đầu mũi kiếm. Để tỳ thanh kiếm vào tấm vải quấn lên tấm chiếu trước mặt, viên trung úy quỳ lên, rồi ngồi xếp bằng chân và tháo móc cổ áo quân phục. Mắt chàng không nhìn vợ nữa. Từ từ chàng cởi các khuy áo bằng đồng, từng cái một. Bộ ngực màu nâu lộ ra, rồi đến bụng dưới. Chàng tháo dây thắt lưng và cởi khuy quần. Màu trắng tinh khiết của vải lót hiện ra. Chàng dùng hai tay kéo vải lót xuống để bụng được tự nhiên, rồi thò tay với lưỡi kiếm đã quấn vải trắng. Chàng cúi nhìn xuống trong lúc dùng tay trái xoa bóp bụng.

Để biết chắc lưỡi kiếm thật sắc, viên trung úy kéo ống quần trái để lộ một khoảng đùi và khẽ đưa lưỡi kiếm ngang qua làn da. Máu ứa ra tại vết thương ngay lập tức, và một vài dòng máu đỏ chảy xuống, lấp lánh trong ánh sáng rực rỡ.

Đó là lần đầu tiên Reiko trông thấy máu của chồng, và nàng cảm thấy tim đập hồi hộp. Nàng nhìn mặt chồng. Chàng đang cúi nhìn máu với một sự đánh giá bình tĩnh. Trong một lúc - mặc dầu đó chỉ là một sự thoải mái giả tạo - Reiko cũng thấy dễ chịu đôi chút.

Mắt viên trung úy nhìn vợ chăm chú dữ dội như mắt con diều hâu. Đưa

lưỡi kiếm quay về phía trước, chàng nghển mông lên và để phần trên của thân mình tựa vào đầu mũi kiếm. Rồi chàng phải tập trung tất cả sức mạnh, có lẽ vì bực mình vì sự vướng víu của bộ quân phục trên vai. Viên trung úy nhắm để đâm sâu vào bụng phía trái. Tiếng kêu thét của chàng phá tan sự im lặng. Mặc dù tất cả cố gắng chàng đã dùng cho nhát đầu, viên trung úy có cảm tưởng rằng có người nào đó đã đánh mạnh vào bên trái bao tử của chàng bằng một thanh sắt to. Trong độ một giây, đầu chàng lảo đảo và chàng không biết điều gì đã xảy ra. Đầu lưỡi kiếm đã đâm sâu vào da thịt chàng năm hoặc sáu phân, và vải quấn màu trắng nắm chặt trong tay đã sát vào tận bụng chàng. Chàng hồi tỉnh lại. Chàng nghĩ lưỡi kiếm chắc chắn đã cắt thành bao tử. Hơi thở của chàng đã khó khăn, ngực chàng nhô lên hóp xuống dữ dội. Từ một vài bộ phận sâu bên trong, mà chàng tưởng như không phải là thân thể mình nữa, một cơn đau khủng khiếp dữ dội tràn lên như thể mặt đất đã nứt ra để tuôn ra một dòng phún thạch nóng sôi. Cơn đau bỗng nhiên đến thật gần hơn, và với một tốc độ nhanh kinh khiếp. Viên trung úy bậm môi dưới, cố nén một tiếng rên rỉ của bản năng. Chàng nghĩ đây có phải là mổ bụng tự tử không? Đó là cảm giác của một sự hỗn loạn vô cùng, như thể là bầu trời bỗng sụp xuống trên đầu chàng và thế giới này đang quay cuồng như say rượu. Ý chí và sự can đảm của chàng lúc chưa mổ bụng thì mạnh mẽ đến thế, vậy mà bây giờ dường như suy giảm đi thành một sợi chỉ bằng thép, và bất ngờ chàng có ý tưởng khó chịu rằng chàng phải tiếp tục tiến lên dọc theo sợi chỉ đó, bám chặt sợi chỉ một cách tuyệt vọng. Bàn tay nắm chặt của chàng đổ mồ hôi. Nhìn xuống, chàng trông thấy cả hai bàn tay và tấm vải bọc lưỡi kiếm ướt sũng máu. Tấm vải lót hạ bộ cũng nhuộm máu đỏ ối. Chàng không ngờ rằng giữa cơn hấp hối kinh khủng này, người ta vẫn có thể nhìn thấy sự vật và cuộc đời vẫn còn tồn tại.

Lúc viên trung úy đâm lưỡi kiếm vào bên trái bao tử, nàng trông thấy một màu chết lướt qua mặt chàng, giống như một tấm màn hạ xuống bất thình lình. Reiko phải cố gắng lắm mới không chạy nhào lại cạnh chồng. Dù thế nào, nàng cũng vẫn phải ngồi đó chứng kiến. Nàng phải là một nhân chứng. Đó là bổn phận mà chồng đã giao phó cho nàng. Đối diện với nàng, cách một tấm chiếu, nàng có thể trông thấy thật rõ ràng chồng nàng đang bậm môi dưới để cố nén cơn đau. Cơn đau ngay đó, chắc chắn tuyệt đối, trước mắt nàng. Và Reiko không có cách gì giúp chồng tránh được sự đau đớn. Mồ hôi lấp lánh trên trán chồng nàng. Viên trung úy nhắm mắt, rồi lại mở ra, như thể là đang chiêm nghiệm. Cặp mắt đã mất vẻ tinh anh, dường

như rất ngây thơ và trống rỗng như cặp mắt của một con thú nhỏ.

Cơn hấp hối trước mắt Reiko đốt nóng như mặt trời mùa hạ, hoàn toàn xa cách khỏi cơn đau buồn dường như đang muốn xé rách nát nàng từ bên trong. Cơn đau gia tăng đều đều, và vươn lên. Reiko cảm thấy chồng nàng đã trở thành người của một thế giới khác, một người mà toàn thể kiếp người đã hòa tan vào một cơn đau, một tù nhân trong một chiếc lồng đau đớn, tại đó không một bàn tay nào có thể vươn tới chàng. Nhưng Reiko không cảm thấy đau đớn gì nữa. Nỗi đau buồn của nàng không phải là sự đau đớn. Khi nghĩ đến điều này, Reiko bắt đầu cảm thấy như có ai đã dựng một bức tường tàn nhẫn bằng kiếng thật cao, phân cách nàng và chồng nàng.

Kể từ lúc mới kết hôn, sự hiện hữu của chồng đã là chính đời sống của nàng, và mỗi hơi thở của chàng đã là chính hơi thở của nàng. Nhưng bây giờ, trong lúc đời sống của chồng đang đau đớn kia là một thực thể sống động, thì Reiko không tìm được một bằng chứng chắc chắn cho sự hiện hữu của nàng, trong sự đau buồn của nàng.

Chỉ dùng bàn tay phải nắm kiếm, viên trung úy bắt đầu rạch một đường ngang tại bao tử. Nhưng vì lưỡi kiếm bị quấn vào ruột nên cứ bị đẩy ra khỏi chỗ thịt mềm đó; và viên trung úy nhận thức cần phải dùng cả hai tay để giữ cho mũi kiếm đâm sâu vào bao tử. Chàng rạch một đường ngang. Lưỡi kiếm không cắt dễ dàng như chàng mong đợi. Chàng hướng sức mạnh của cả thân mình về phía tay phải và rạch một lần nữa. Lần này lưỡi kiếm rạch được khoảng ba hoặc bốn phân. Cơn đau lan rộng mãi, từ trong ra ngoài cho đến lúc tất cả bao tử dội lên. Giống như tiếng đập mạnh vào một chiếc chuông vang dội, hoặc giống hàng ngàn cái chuông rung lên xen kẽ nhau trong từng hơi thở và mạch đập của chàng, đảo lộn tất cả con người của chàng. Viên trung úy bây giờ không thể nén tiếng rên được nữa. Nhưng bây giờ thì lưỡi kiếm đã cắt xuống bên dưới rốn rồi. Khi chàng nhận thấy thế, chàng cảm thấy một cảm giác hài lòng, và lại tăng thêm can đảm. Số lượng máu đổ ra gia tăng đều đều, và bây giờ máu vọt ra khỏi vết thương như là bị thúc đẩy bởi nhịp đập của tim. Chiếc chiếu trước mặt viên trung úy ướt sũng máu bắn ra, và máu tràn xuống từ những vũng trong những nếp quần nhà binh. Một cục máu, vọt lên như một con chim bay về phía Reiko và đậu xuống tà áo kimono trắng của nàng.

Vào lúc viên trung úy kéo được lưỡi kiếm cắt ngang sang tới bên phải của bụng, lưỡi kiếm đã cắt khá nông và để lộ cả mũi kiếm ra ngoài, trơn trợt vì máu và mỡ. Nhưng, bỗng nhiên bị một cơn ói mửa, viên trung úy kêu

lên khàn khàn. Cơn ói mửa làm cơn đau tăng thêm, và bao tử vẫn còn cứng chắc nay bất thình lình phồng lên và vết thương há rộng hơn và ruột xổ ra, như thể là chính vết thương cũng muốn ói mửa. Dường như không biết chủ nhân đau đớn, ruột xổ ra gây cảm tưởng của một sức khỏe mạnh mẽ và hầu như ngược lại với sinh khí khi xổ ra và tràn lên háng. Đầu viên trung úy nghẹo xuống, vai nhô lên, mắt hé mở và một dòng dãi nhỏ nhểu xuống từ miệng. Gù vai áo làm bằng vàng bắt ánh sáng và chiếu lóng lánh.

Máu tung tóe khắp nơi. Viên trung úy ướt đẫm máu cho tới đầu gối. Bây giờ chàng ngồi bằng một dáng thiều não, một tay chống xuống sàn. Một mùi từ khí tràn ngập căn phòng. Viên trung úy đầu gục xuống, nôn ọe liên hồi, và cử động đó rõ ràng trên vai chàng. Lưỡi kiếm vẫn nằm trong tay phải của viên trung úy, bây giờ bị ruột đẩy ra ngoài để lộ cả đầu mũi kiếm.

Thực là khó mà tưởng tượng một cảnh anh hùng hơn cảnh viên trung úy lúc ấy, trong lúc chàng cố tập trung sức mạnh và hất ngược đầu lên. Cử động ấy là kết quả của một cố gắng mãnh liệt, và đầu chàng va mạnh vào cây cột. Reiko từ nãy vẫn ngồi cúi mặt xuống, mải mê ngắm một dòng máu đang lan dần tới đầu gối nàng, nhưng tiếng động làm nàng bất ngờ và ngẩng đầu lên.

Mặt viên trung úy không còn là mặt một người còn sống nữa. Mắt trũng xuống, da nhăn lại, má và môi trước kia thực là đầy sinh lực nay trở thành màu bùn khô. Chỉ còn bàn tay phải cử động. Nắm thanh kiếm một cách khó khăn, bàn tay phải run rẩy trong không khí giống bàn tay của một hình nộm và đâm thẳng mũi kiếm vào chỗ ức của cổ. Reiko nhìn chồng hoàn thành hành động đau đớn cuối cùng. Lấp lánh vì máu và mỡ, mũi thanh kiếm đâm đi đâm lại vào cổ. Và mỗi lần đâm đều hụt. Sức mạnh hướng dẫn lưỡi kiếm không còn nữa. Mũi kiếm cứ đâm vào huy hiệu ở cổ áo. Mặc dù cổ áo đã cởi móc, nhưng chiếc cổ cứng của quân phục vẫn khép lại với nhau, che chở cho yết hầu.

Reiko không thể chịu đựng được nhìn cảnh đó mãi. Nàng cố gắng tiến lại giúp chồng, nhưng nàng không thể đứng dậy được. Nàng đi bằng đầu gối trên vũng máu, và chiếc váy của nàng trở thành màu đỏ xậm. Bò lại phía sau chồng, nàng giúp chồng bằng cách mở cổ áo cho chồng. Mũi kiếm run rẩy cuối cùng chạm vào được chỗ thịt trần của yết hầu. Đúng lúc đó Reiko có cảm tưởng rằng chính nàng đã đẩy chồng về phía trước; nhưng thực ra không phải như vậy. Đây chính là giây phút mà viên trung úy đã dự định từ trước, lần hành sử sức mạnh cuối cùng. Bất thình lình chàng nhào người vào đầu mũi kiếm, và mũi kiếm cắm xuyên qua cổ chàng, lòi ra ở sau gáy.

Máu bắn tung tóe và viên trung úy nằm im lặng, mũi kiếm thép lạnh màu xanh nhô ra từ gáy chàng.

*

Reiko chậm chạp đi xuống nhà dưới, đôi vớ của nàng trơn trợt vì máu. Phòng trên lầu bây giờ hoàn toàn im lặng. Bật đèn nhà dưới, nàng kiểm soát ống khí đốt và ống dẫn khí đốt, và đổ nước vào lò than gần tàn. Nàng đứng trước tấm gương dựng trong căn phòng bốn chiếu rưỡi, và vén váy lên. Những vết máu làm cho chiếc váy thành một đường in đậm ở phần dưới chiếc kimono trắng. Khi nàng ngồi xuống bên cạnh chiếc gương, nàng cảm thấy sự ẩm và lạnh của máu chồng trên váy, chỗ đùi nàng, và nàng lạnh run lên. Rồi trong một lúc lâu, nàng kéo dài sự sửa soạn son phấn. Nàng bôi khá nhiều phấn đỏ hai bên má, và môi nàng cũng tô đậm. Đây không còn là sự trang điểm làm vừa lòng chồng nữa. Đó chính là sự trang điểm cho cái thế giới mà nàng sắp bỏ lại sau, và cách đánh phấn của nàng rất đặc biệt và lộng lẫy. Khi nàng đứng dậy, khoảng chiếu trước tấm gương ướt đầy máu. Reiko không còn quan tâm đến máu nữa.

Từ nhà tắm ra, Reiko cuối cùng đứng trên sàn nhà xi măng ngay tại lối vào nhà. Khi chồng nàng cài chốt cửa tại đây đêm hôm qua, thì đó là một sự sửa soạn để chết. Trong một lúc nàng đứng đó, băn khoăn vì một vấn đề. Nàng có nên mở chốt cửa không? Nếu nàng khóa cửa thì láng giềng nhiều ngày sau mới biết được vụ tự tử. Reiko không thích ý nghĩ hai cái xác bị hư thối trước khi được tìm ra. Dầu sao, dường như để mở cửa thì tốt hơn... Nàng mở chốt cửa và cũng mở hé cánh cửa kiếng mờ... Ngay lập tức, một làn gió lạnh buốt thổi vào. Không dấu hiệu có người ngoài đường giữa đêm. Bên trên, các vì sao lấp lánh trong cái lạnh buốt giá qua hàng cây căn nhà lớn trước mặt.

Để cửa như cũ, Reiko lên cầu thang. Nàng đã đi đi lại lại nhiều nên bây giờ đôi vớ của nàng không còn trơn ướt nữa.

Lên nửa chừng cầu thang, mũi nàng đã xực một mùi kỳ lạ. Viên trung úy nằm gục mặt vào một biển máu. Đầu mũi kiếm từ gáy bây giờ nhô dài hơn trước. Reiko bước đại qua vũng máu. Ngồi bên cạnh xác viên trung úy, nàng nhìn chằm chặp vào mặt chồng đang nằm nghiêng, một bên má trên chiếc chiếu. Hai mắt vẫn còn mở trừng trừng như thể là viên trung úy đang chú ý đến một cái gì khác. Nàng nâng đầu chồng lên, quấn vào trong ống tay áo rộng của nàng, lau môi chồng cho sạch máu, rồi đặt xuống một nụ hôn cuối cùng. Rồi nàng đứng dậy và lấy ra từ ngăn tủ một chiếc mền trắng và

một sợi dây thắt lưng. Để tránh mọi sự vướng víu của chiếc váy, nàng quấn chiếc mền quanh thắt lưng và buộc chặt bằng sợi dây. Reiko ngồi xuống một chỗ cách xa xác viên trung úy chừng một thước. Rút con dao găm từ thắt lưng, nàng chăm chú ngắm nghía lưỡi dao lấp lánh mờ đục, và đưa lên lưỡi. Mùi vị của thép đánh bóng có vẻ hơi ngọt.

Reiko không muốn kéo dài thêm nữa. Nàng nghĩ đến nỗi đau đớn phân cách nàng và người chồng lúc sắp chết, và đã trở nên kinh nghiệm của nàng. Nàng trông thấy trước mắt niềm vui của nàng được đi vào một vùng mà chồng đã tạo ra cho riêng chàng. Trên bộ mặt hấp hối của chồng có một cái gì không giải thích được mà lần đầu tiên nàng trông thấy. Bây giờ nàng phải giải quyết sự thắc mắc ấy. Reiko cảm thấy cuối cùng nàng cũng có thể nếm được sự chua chát và ngọt ngào đích thực của cái nguyên tắc luân lý cao cả mà chồng nàng hằng tin tưởng. Nàng cũng sắp sửa được thưởng thức bằng chính lưỡi của nàng, cái điều mà đến bây giờ nàng mới hưởng được qua tấm gương của chồng.

Reiko đặt mũi dao găm vào cuống họng. Nàng đâm thực mạnh. Vết thương vẫn còn cạn quá. Mắt nàng hoa lên và tay run đến không kiềm chế được. Nàng cầm con dao rạch ngang một đường. Một chất lỏng ấm tràn vào miệng nàng, và tất cả trước mắt nàng đỏ hồng lên, trong cái nhìn của máu bắn vọt ra. Nàng tập trung tất cả sức mạnh và đâm mũi dao thật sâu vào trong cuống họng.

Yukio Mishima
Nguyễn Vạn Lý dịch

Tạp chí VĂN HỌC
tái bản
lần thứ bảy

Giá 10 mỹ kim

MURAKAMI HARUKI
PHẠM VŨ THỊNH dịch

bi kịch mỏ than new york

Lời người dịch: *Truyện ngắn sau đây, "Nyu-yo-ku Tankô No Higeki - New York Mining Disaster", đăng trên tạp chí Brutus tháng Ba năm 1981, được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật từ truyện thứ 3 trong tuyển tập "Chiếc Thuyền Đi Chậm Đến Trung Quốc - Chugoku-iki No Suro-bo-to", do nhà Chuo Koron xuất bản tháng 5 năm 1983, và Chuko Bunko tái bản lần thứ 7 tháng 1 năm 2003.*

"Trong lòng đất, công tác cứu người có lẽ còn tiếp tục,
hoặc không chừng mọi người đã chịu thua mà bỏ lên cả rồi".
Lời nhạc "New York Mining Disaster 1941" của Ban Bee Gees [1]

Có gã đàn ông từ mười năm nay vẫn khư khư giữ thói quen có phần kỳ quái là mỗi khi trời bão lụt thì lại đến viếng Sở Thú. Hắn là bạn tôi.

Lúc bão lụt sắp ập vào thành phố, trong khi mọi người đàng hoàng đang chộn rộn đóng chặt cửa gỗ chống mưa bão, kiểm điểm chuẩn bị đèn pin với đài bán dẫn... thì hắn bình thản khoác lên người tấm poncho chống mưa quân đội Mỹ thải ra, mà hắn mua được vào thời cao điểm của chiến tranh Việt Nam. Thế rồi, bia lon nhét túi, hắn rời nhà ra đi.

Gặp ngày rủi thì cổng Sở Thú khóa chặt. ***Hôm nay đóng cửa vì thời tiết xấu***. Nghĩ cho cùng thì lý do chính đáng đấy. Chứ buổi chiều mưa bão thế nầy, có ai lại mò đến Sở Thú để ngắm ngựa vằn với hươu cao cổ, hở Trời? Hắn thuận thảo chấp nhận, ngồi lên tượng sóc bằng đá xếp hàng trước cổng Sở Thú mà uống lon bia đã bớt lạnh phần nào, xong đứng dậy ra về.

Hôm nào gặp may thì cổng mở. Hắn trả tiền vé, vào bên trong, vừa khó

nhọc cố hút điếu thuốc mới cầm lên tay đã ướt sủng nước mưa ngay, vừa đi xem kỹ càng từng con thú trong các chuồng. Mấy con thú thì có con thu mình nép sâu trong chuồng, đưa mắt lơ đãng nhìn mưa qua cửa sổ; có con nhảy nhót hưng phấn trong mưa bão; có con hãi sợ vì biến đổi bất chợt của khí áp, có con lại nổi giận vì thời tiết.

Lần nào, hắn cũng ngồi xuống trước chuồng cọp Bengal mà uống một lon bia (bởi cọp Bengal nổi cơn thịnh nộ hầm hố nhất mỗi khi mưa bão), xong bước qua chuồng khỉ đột uống tiếp lon thứ hai. Khỉ đột thì hầu như chẳng quan tâm gì đến mưa hay bão. Thấy hắn ướt át ngồi bệt xuống sàn xi-măng như dáng người cá mà uống bia, lần nào khỉ đột cũng lộ vẻ thương hại.

"Cứ như là hai người tình cờ đi cùng một thang máy nửa chừng bị hỏng ấy". Hắn nói thế.

Vậy chứ, ngoài những buổi chiều mưa bão ấy ra thì hắn vẫn là người hoàn toàn đàng hoàng. Tuy chẳng nổi tiếng gì lắm, nhưng hắn cũng đang làm việc trong một hãng mậu dịch với nước ngoài, ấm cúng thoải mái, sống một mình trong một căn chung cư gọn gàng, và thay đổi bạn gái mỗi sáu tháng. Vì lý do quái kỳ nào mà cứ nửa năm hắn lại thay đổi bạn gái một cách chăm chỉ như thế thì tôi hoàn toàn không lý giải được. Bởi các cô bạn gái của hắn trông giống nhau đến như đã tách ra từ cùng một tế bào.

Lắm người, không hiểu sao, lại cố tin một cách quá đáng rằng hắn là người bình thường tuy có hơi ngù ngờ, nhưng hắn hoàn toàn chẳng để tâm đến điều ấy. Hắn có một chiếc xe hơi cũ còn tốt, toàn bộ tác phẩm của Balzac, và một bộ đồ lễ tuyệt hảo cho những tang lễ, đủ cả áo vét đen, cà-vạt đen và giày da đen.

Mỗi lúc có ai chết, tôi lại điện thoại đến hắn. Để mượn bộ áo, cà-vạt và giày ấy. Áo vét và giày thì lớn hơn cỡ của tôi một số, nhưng tất nhiên chẳng thân thiết gì đến mức nên đòi hỏi thêm về những điều xa xỉ thế.

"Xin lỗi cậu". Lần nào tôi cũng nói thế. "Lại có đám tang nữa đây".

"Được mà, được mà". Lần nào hắn cũng nói thế.

Căn chung cư của hắn cách chỗ tôi ở chừng 15 phút taxi. Đến chỗ hắn thì đã có sẵn bộ áo vét và cà-vạt đã ủi thẳng nếp xếp thẳng thớm trên bàn, giày da đã đánh bóng sẵn, và nửa tá bia ngoại ướp sẵn trong tủ lạnh. Hắn là mẫu người như thế.

"Mới đây, tớ được thấy mèo trong Sở Thú đấy". Hắn vừa mở khoen lon bia vừa nói.

"Mèo à?"

"Ừm, hai tuần trước, đã đi công chuyện lên Hokkaido, nhân đấy mà

ghé lại Sở Thú gần đấy. Thấy có chuồng nhỏ treo bản "*Mèo*", trong chuồng có con mèo đang nằm ngủ".

"Mèo loại nào?"

"Mèo thường thôi, đâu cũng có. Vằn nâu, đuôi ngắn mà mập khiếp. Chỉ nằm thù lù một đống ở đấy thôi".

"Hắn là ở Hokkaido thì mèo hiếm thấy". Tôi nói.

"Đời nào". Hắn nói.

"Trước nhất, có lý do gì để mèo không thể có trong Sở Thú đâu nào?" Tôi thử đặt nghi vấn. "Mèo cũng là thú vậy chứ!"

"Bởi thói quen thôi. Nghĩa là, mèo hay chó là những loại thú ở đâu cũng có. Chẳng phải là thứ gì mà người ta phải đặc biệt trả tiền để được xem". Hắn nói. "Cũng như người ta thôi".

"Cũng có lý". Tôi nói.

*

Hết nửa tá bia, hắn lấy một bao giấy lớn, cẩn thận cho cà-vạt, hộp giày và bộ áo vét bọc sẵn trong bao nhựa vào. Tôi có cảm giác cứ thế mà xách đi picnic được đấy.

"Lần nào cũng làm phiền cậu quá". Tôi nói.

"Có sao đâu". Hắn đáp.

Mà chính hắn thì đã ba năm nay, từ khi tậu được bộ áo vét ấy, hầu như chưa hề có dịp xỏ tay vào.

"Chẳng ai chết cả". Hắn nói. "Điều kỳ lạ là từ khi tớ tậu bộ áo nầy đến nay, chẳng có một người nào chết cả".

"Hắn là chuyện đời nó như thế".

"Kỳ lạ thật chứ". Hắn nói.

*

Thật kỳ lạ, năm ấy lại là một năm tôi biết thật nhiều đám tang. Chung quanh tôi, bạn quen bây giờ hay đã quen từ ngày xưa, lũ lượt theo nhau chết. Lũ lượt như ruộng bắp trong ngày mùa hạ nắng chói chang. Năm tôi 28 tuổi đấy. Đám bạn quanh tôi cũng sàn sàn tuổi ấy. 27, 28, 29... cái tuổi chưa đáng để chết.

Nhà thơ chết ở tuổi 21, nhà cách mạng và ca sĩ Rock chết ở tuổi 24. Qua lọt được tuổi ấy là sống sót lâu dài được. Phần đông chúng tôi đã dự tưởng như thế. Lọt qua được *Khúc ngoặt Tử thần - Dead Man Curve* theo truyền thuyết ấy, là luồn qua được cả đoạn hầm tối ám ẩm thấp. Qua được xong thì ra đại lộ thẳng tắp sáu làn chạy, cho dù thiếu hăng hái đi nữa, cứ thong dong nhắm đích đến mà chạy là được thôi. Chúng ta lại có thể cắt tóc,

và mỗi ngày cạo râu. Chúng ta không còn là nhà thơ, hay nhà cách mạng, hay ca sĩ nhạc Rock nữa. Không còn những chuyện như say mèm rồi chui vào phòng điện thoại mà ngủ, hay ăn trọn một gói quả anh-đào trong toa tàu điện hầm, hay 4 giờ sáng, bật nhạc Doors thật to đến điếc tai hàng xóm nữa. Thay vào đấy, chúng ta đã vị tình người quen mà gia nhập bảo hiểm nhân thọ, đã bắt đầu vào quán rượu trong khách sạn mà uống rượu, đi nha sĩ xong biết cất giữ biên lai để khai thuế lấy lại phần trợ cấp y tế...

Nói gì đi nữa, cũng đã đạt đến tuổi 28 rồi chớ chơi sao.

*

Thế mà, ngay sau đấy, đã là một cuộc tàn sát không dự đoán được. Có thể gọi là một cuộc phục kích thình lình. Một ngày thư thả dưới nắng xuân ấm áp, đúng lúc chúng ta đang thay bộ âu phục. Kích cỡ có chỗ không vừa, hay tay áo lật ngược, hay chân phải đút vào ống quần hiện thực, mà chân trái tra vào ống quần phi thực... chúng ta đang loay hoay bận bịu như thế; đúng lúc ấy, cuộc tàn sát xảy đến theo với tiếng súng kỳ dị. Có ai đấy đã đặt cỗ súng liên thanh siêu hình trên ngọn đồi siêu hình mà xối những loạt đạn siêu hình xuống chúng ta.

Nói gì đi nữa, chết thì vẫn là chết thôi. Cũng như, có vọt ra từ trong mũ, hay nhảy ra từ ruộng lúa, thì con thỏ cũng vẫn là con thỏ thôi. Lò cừ thiêu nóng cũng vẫn là lò cừ thiêu nóng, mà khói đen bốc lên từ ống khói cũng vẫn là khói đen bốc lên từ ống khói đó thôi.

*

Người đầu tiên đã giẫm lên cái lạch nước sâu tăm tối vắt ngang giữa hiện thực và phi thực (hay giữa phi thực và hiện thực) là bạn cùng thời đại học của tôi, đang là giáo viên Anh ngữ trung học cấp hai. Kết hôn được ba năm, vợ anh đã về quê ở đảo Shikoku từ cuối năm ngoái để sinh con.

Một buổi chiều Chủ Nhật quá nóng cho tháng Giêng, anh ta đến hàng bán vật dụng bằng kim loại trong tiệm bách hóa, mua một con dao điêu khắc chế tạo ở Đức, bén ngót đến có thể cắt đứt cả tai voi; và hai hộp kem cạo râu, rồi về nhà đun nước tắm. Lấy nước đá trong tủ lạnh ra, uống hết một chai Scotch Whisky, xong bình thản cắt cổ tay mà chết, ngay trong bồn tắm.

Hai ngày sau, mẹ anh phát giác ra xác con. Rồi cảnh sát đến chụp nhiều hình hiện trường. Chỉ cần có vài chậu lá cây sắp xếp thêm vào là thành một phong cảnh dùng được cho các quảng cáo nước cốt cà-chua.

Công bố của cảnh sát là tự sát đấy. Cửa nẻo trong nhà đều khóa chặt cả, nhất là chính đương sự đã mua con dao ấy ngay hôm đó chứ ai.

Tuy nhiên, vì lý do gì mà anh ta lại mua cả kem cạo râu, để không khi nào dùng, mà đến hai hộp kia, thì chẳng ai hiểu cả. Hoặc giả, anh ta chưa quen được với ý nghĩ rằng mình sắp chết trong vòng vài giờ đồng hồ nữa thôi. Hoặc là, chỉ vì anh ta lo người bán hàng đoán được ý định tự sát của mình chăng.

Di thư không có, dăm chữ để lại cũng không. Trên bàn nhà bếp chỉ có ly, chai whisky đã cạn, đĩa đựng nước đá, và hai hộp kem cạo râu. Hắn là suốt trong lúc đợi nước tắm đủ nóng, anh ta đã rót whisky Haig với đá, ly nầy tiếp ly khác, cho trôi xuống cuống họng, vừa ngắm hai hộp kem cạo râu ấy. Và có lẽ đã suy nghĩ như thế nầy:

Tớ chẳng còn phải cạo râu một lần nào nữa cả.

Cái chết của một thanh niên 28 tuổi có vẻ gì buồn rầu như cơn mưa mùa đông.

*

Tiếp theo đó, trong vòng 12 tháng, đã có bốn người chết.

Tháng Ba, một người chết trong tai nạn mỏ dầu ở Saudi Arabia, hay Kuwait gì đấy. Tháng Sáu có hai người chết, vì bệnh tim và tai nạn giao thông. Từ tháng Bảy đến tháng 11 là những ngày an bình. Đến giữa tháng 12, có người chết, cũng lại vì tai nạn giao thông.

Trừ người đầu tiên là bạn tôi tự sát, những người kia đều đã chết thình lình, không có thì giờ để ý thức về sự chết. Cứ như là đang lơ đãng bước lên những bậc cấp quen thuộc, thình lình một bậc cấp đã đổ sụp xuống vậy. Một anh đã nói "Trải chăn lót hộ tí đi". Anh bạn đã chết vì bệnh tim vào tháng Sáu đấy. "Phía sau đầu nghe như có ai đập đùng đùng ấy". Anh ta đã chui vào chăn ngủ, và không còn trở dậy nữa.

Cô bạn chết tháng 12 là người trẻ tuổi nhất trong bọn, trong năm ấy. Đồng thời cũng là người nữ duy nhất. 24 tuổi, tuổi của các nhà cách mạng và ca sĩ Rock. Một buổi hoàng hôn mưa lạnh gần Giáng Sinh, trong khoảng không gian bi kịch mà lại vô cùng thường nhật, giữa trụ điện xi-măng và chiếc xe tải của hãng bia, cô đã bị chèn dẹp mà chết.

*

Vài ngày sau đám tang cuối cùng ấy, tôi ôm bao áo vét mới lấy về từ tiệm giặt ủi, cùng với chai whisky tạ ơn, đến thăm căn chung cư của người chủ bộ áo vét ấy.

"Cảm ơn về mọi chuyện. Nhờ thế mà song suốt cả rồi". Tôi nói.

"Đừng ngại gì cả. Đằng nào thì tớ cũng đâu có dùng đến". Hắn cười nói.

Trong tủ lạnh vẫn sẵn nửa tá bia lon ướp lạnh, ghế dài phòng khách ngồi sướng mông, phảng phất mùi nắng dìu dịu. Trên bàn có đĩa gạt tàn thuốc mới lau rửa, và chậu hoa trạng nguyên Poinsettia cho mùa Giáng Sinh.

Hắn nhận lấy bao nhựa bọc bộ áo vét, treo ngay vào tủ, nhanh như đẩy chú gấu con vừa tỉnh giấc đông miên vào lại trong hang.

"Áo vét không bị thấm mùi các đám tang thì tốt". Tôi nói.

"Áo ấy thì chả sao. Áo dùng cho việc ấy kia mà. Đáng lo là thân người bên trong áo kia".

"Ừm". Tôi nói.

"Bởi nhiều đám táng quá mà". Hắn nói, gác chân lên ghế trước mặt, rồi rót bia vào ly. "Tất cả mấy người thế nhỉ?"

"Năm người". Tôi nói, mở rộng bàn tay trái trước mắt hắn. "Nhưng thế là xong cả rồi".

"Cậu nghĩ là xong hết rồi à?"

"Có cảm giác thế". Tôi đáp. "Đã đủ số người chết rồi".

"Nghe gì như lời nguyền trong Kim Tự Tháp ấy nhỉ. *Lúc các ngôi sao mọc vòng tròn trên bầu trời, lúc bóng của mặt trăng che khuất mặt trời...*"

"Chuyện đời là như thế chứ gì".

Hết nửa tá bia, chúng tôi quay sang chai whisky. Nắng chiều mùa đông chiếu vào phòng trông như một đường dốc thoai thoải óng ánh.

"Dạo nầy trông mặt cậu u ám thế nào ấy". Hắn nói.

"Thế à?" Tôi nói.

"Hẳn là đêm nằm suy nghĩ thái quá đấy chứ gì".

Tôi cười lớn, nhìn lên trần nhà.

"Tớ thì đã bỏ chuyện suy nghĩ ban đêm ấy rồi". Hắn nói tiếp.

"Làm cách nào?"

"Cứ khi nào có cảm giác u ám là quay sang quét dọn nhà cửa, cho chạy máy hút bụi, hay lau cửa sổ, hay rửa ly tách, xê dịch bàn ghế, lôi áo quần ra ủi, hay phơi áo gối..."

"À".

"Thế rồi đến 11 giờ tối thì uống rượu và ngủ lăn quay. Chỉ thế thôi. Sáng dậy, mang tất vào là quên hết mọi chuyện đêm qua. Hết sạch".

"Hừm".

"Khoảng ba giờ khuya, người ta thường nghĩ đến chuyện nầy chuyện kia đấy".

"Có lẽ thế thật".

"Khoảng ba giờ khuya thì các loài vật khác cũng nghĩ đến chuyện nầy chuyện kia như thế".

Như chợt nghĩ ra điều gì đấy, hắn hỏi:

"Thế cậu có khi nào vào Sở Thú lúc ba giờ khuya chưa?"

"Chưa". Tôi hờ hững đáp. "Tất nhiên là chưa bao giờ".

"Tớ thì đã vào được một lần rồi. Nhờ người quen cho vào. Thật ra thì cấm đấy".

"À".

"Một thể nghiệm kỳ dị lắm. Không biết nói sao cho đúng, nhưng đã cảm thấy cứ như là mặt đất nứt nẻ ra nhiều chỗ, từ dưới có thứ gì đấy bò lên. Thế rồi cái thứ gì đấy bò lên từ dưới lòng đất mà mắt mình không nhìn ra được ấy, đã nhảy nhót trong bóng đêm mịt mùng. Giống như một khối không khí lành lạnh. Mắt không thấy được. Nhưng những con thú lại cảm nhận được. Và tớ cảm nhận được những gì các con thú ấy đã cảm nhận. Kết cuộc, khối đất mà tớ và các con thú đang giẫm lên, đã nối liền đến tận cốt lõi của quả đất, và ở cốt lõi sâu kín ấy trong lòng địa cầu, một lượng thời gian khổng lồ đến không sao tưởng tượng nổi, đã bị thu hút vào đấy. Nói thế, cậu nghe có quái gở không nhỉ?"

"Không đâu". Tôi đáp.

"Tớ không nghĩ là mình sẽ đến đấy như thế lần nào nữa. Sở Thú đêm khuya ấy".

"Lúc mưa bão thì tốt hơn sao?"

"Ừm". Hắn đáp. "Lúc mưa bão thì tốt hơn nhiều".

Điện thoại reo. Lại cũng một hồi điện thoại dài không dứt kiểu tế bào liên tục tách đôi, từ cô bạn gái tách ra từ cùng một tế bào ấy. Tôi ngao ngán bật TV lên xem. TV màu, 66cm, chỉ chạm nhẹ lên nút hộp bấm là đổi kênh êm ru không một tiếng động. Lại có đến sáu loa, nghe cứ như là mình đang ở trong rạp chiếu bóng ngày xưa vậy. Loại rạp chiếu cả tin tức và phim hoạt họa ấy.

Tôi đổi kênh liên tiếp từ số lớn đến số nhỏ hai vòng, rồi chọn kênh đang chiếu tin tức. Có tin tranh chấp biên giới, tin cháy bin-đinh, tin giá đô-la lên xuống. Có cả tin hạn chế nhập khẩu xe hơi, tin đại hội bơi lội mùa lạnh, tin nguyên một gia đình tự sát. Tôi có cảm tưởng những sự kiện ấy có những điểm nối kết đâu đó với nhau, như là các hình chụp học sinh tốt nghiệp thời trung học cấp hai vậy.

"Có tin gì hấp dẫn hả?" Hắn trở lại, hỏi tôi.

"Cũng tàm tạm". Tôi nói. "Bởi lâu lắm rồi mới xem lại TV đấy".

"TV thì ít nhất cũng có được một ưu điểm". Hắn nói, sau một hồi suy nghĩ. "Đấy là khi nào mình muốn thì tắt nó đi được".

"Ngay từ đầu đừng bật lên là được chứ gì".

"Ấy, đừng nói thế chứ". Hắn cười lớn, vui thích. "Xem thế nầy chứ tớ cũng là người có lòng lắm đấy".

"Có vẻ thế thật".

"Xem nầy". Hắn nói, rồi bấm nút tắt trên hộp bấm cầm trong tay. Màn hình phụp tắt. Căn phòng chợt im bặt. Ngoài song cửa, đèn bin-đinh bắt đầu thắp sáng lên.

Trong khoảng 5 phút, chúng tôi hầu như chẳng nói chuyện gì, chỉ tiếp tục uống whisky. Điện thoại reo một lần nữa, nhưng lần nầy hắn làm bộ không nghe. Khi chuông điện thoại dứt, như chợt nhớ lại, hắn bấm nút mở TV lên. Trong chớp mắt, màn hình sáng lên lại, người giải thuyết tin tức lại tiếp tục vừa cầm que dài chỉ lên đồ hình đường gãy phía sau lưng vừa giải thích về biến chuyển của giá dầu thô.

"Anh ta nào có để ý là tụi mình vừa tắt TV đến 5 phút đâu".

"Ừ thì thế". Tôi nói.

"Tại sao?"

Suy nghĩ chuyện như thế nầy thì phiền toái quá nên tôi lắc đầu.

"Ngay cái lúc bấm tắt ấy, hiện hữu của một trong hai bên đã không còn nữa. Hoặc là tụi mình, hoặc là anh ta".

"Nhưng có cách suy nghĩ khác chứ". Tôi cãi.

"Ừ, thì có. Suy nghĩ thì có cả triệu cách khác nhau. Ở Ấn Độ người ta trồng dừa, mà ở Venezuela người ta rải chính trị phạm từ máy bay trực thăng".

"Hừm"

"Chuyện của người ta thì tớ chẳng muốn nói nầy nói kia làm gì". Hắn nói. "Nhưng trên đời nầy vẫn có cách chết không có đám táng. Chết không mùi gì cũng có nữa".

Tôi im lặng gật đầu. Rồi mân mê lá xanh của cây trạng nguyên. "Sắp đến lễ Giáng Sinh rồi nhỉ".

"À nầy, có champagne đấy". Hắn nói, có vẻ nghiêm trang. "Thứ hảo hạng mang về từ Pháp đấy nhé, uống không?"

"Thứ dùng cho cô gái nào đấy chứ gì?"

Hắn đặt chai champagne ướp lạnh và hai ly thủy tinh mới lên bàn.

"Cậu không biết à?" Hắn nói. "Champagne đâu có để dùng cho chuyện gì. Chỉ có lúc nào nên khui nút chai mà thôi".

"A, thế đấy!"

Chúng tôi khui nút chai champagne.

Và nói chuyện về Sở Thú cùng động vật trong Sở Thú ở Paris.

*

Cuối năm ấy có một buổi tiệc nhỏ. Tiệc tất niên tân niên mỗi năm vẫn làm trong đêm giao thừa qua đến sáng năm mới, thuê nguyên một quán rượu ở khoảng Roppongi. Có dương cầm tam tấu không đến nỗi tệ, có thức ăn ngon, rượu ngon, hầu như chẳng quen ai nên chỉ cần thơ thẩn một mình trong góc là đủ cho một buổi họp mặt nhẹ nhàng.

Tất nhiên là cũng sẽ được giới thiệu với vài người nào đấy. *Hân hạnh được biết... vâng, đúng thế... quả là thế thật... ừm, cũng chỉ đâu đấy thôi... nếu được thế thì tốt quá nhỉ, vân vân...* Tôi góp nụ cười, chêm vào vài câu nói theo nhịp, lấy thêm rượu rồi rút lui về góc cũ, vừa nhấm nháp vừa suy tư về những xứ sở, những thủ đô trên đại lục Nam Mỹ.

Nhưng hôm ấy, người đàn bà mà tôi được giới thiệu đã cầm hai ly rượu theo đến tận chỗ của tôi.

"Chính em đã nhờ giới thiệu với anh đấy". Nàng nói.

Không phải là người đẹp đến tạo sự chú ý từ mọi người chung quanh, nhưng cũng là một phụ nữ đáng yêu. Và khéo trang phục trong bộ áo đầm lụa đắt tiền. Có lẽ vào khoảng 32 tuổi. Nếu thật tình muốn được thấy trẻ hơn nữa có lẽ cũng không khó khăn gì, nhưng có vẻ nàng nghĩ điều đó không cần thiết. Hai bàn tay đeo ba chiếc nhẫn, khóe miệng nở nụ cười như hoàng hôn mùa hạ.

Không nói ra được lời gì hay, tôi yên lặng mỉm cười theo nàng.

"Anh trông thật giống một người quen của em".

"Thế à". Tôi nói. Nghe giống hệt như lời giáo đầu của câu tán tỉnh tôi đã dùng thời học sinh, nhưng nàng trông không phải là mẫu người phải dùng đến thứ thủ đoạn tầm thường ấy.

"Khuôn mặt anh, cả dáng lưng, cả cử chỉ, cả cách nói năng, đều giống hệt đến làm em ngạc nhiên. Em nhìn anh suốt từ lúc anh mới đến đấy".

"Nếu có người giống đến như thế thì tôi cũng muốn gặp một lần cho biết". Tôi nói. Câu nầy lại cũng đã nghe đâu đấy rồi.

"Thật không?"

"Vâng, tuy có hơi lo sợ một tí".

Nét cười của nàng thoáng sâu đậm thêm, rồi trở lại như trước. "Nhưng không được đâu". Nàng nói. "Anh ấy đã mất đi năm năm trước rồi. Đúng vào khoảng tuổi của anh bây giờ đấy".

"Hừm". Tôi nói.

"Em giết mất đấy".

Có vẻ ban tam tấu dương cầm vừa xong vòng diễn tấu thứ hai, đâu đây có tiếng vỗ tay rời rạc.

"Câu chuyện của hai người có vẻ đậm đà quá nhỉ". Người bạn gái chủ trì buổi tiệc chen vào, nói với chúng tôi.

"Vâng". Tôi nói.

"Đúng thế đấy chị ạ". Nàng duyên dáng tiếp lời.

"Muốn yêu cầu bản nào, ban nhạc có thể diễn tấu cho đấy, thế nào?". Bà chủ tiệc hỏi.

"Thôi khỏi chị ạ. Ở đây nghe thế nầy đủ vui rồi. Anh thì sao?"

"Tôi cũng thế".

Bà chủ tiệc mỉm cười, dời sang bàn khác.

"Anh thích âm nhạc không?". Nàng hỏi tôi.

"Trong thế giới tốt đẹp mà nghe nhạc hay thì thích". Tôi đáp.

"Thế giới tốt đẹp thì làm gì có nhạc hay! Thế giới tốt đẹp thì không khí không chấn động đâu anh".

"Thế à?"

"Anh đã xem phim có Warren Beatty đàn dương cầm trong hộp đêm chưa?"

"Chưa, chưa xem".

"Elizabeth Taylor là khách ở hộp đêm ấy, một vai nghèo thê thảm lắm".

"Hừm"

"Warren Beatty hỏi Elizabeth Taylor có muốn yêu cầu bản nào không".

"Rồi sao thế?". Tôi hỏi. "Yêu cầu bản nào thế?"

"Em không nhớ. Bởi phim đã xem lâu quá rồi". Nàng cầm ly rượu lên uống. Chiếc nhẫn trên tay lấp lánh sáng. "Em không thích yêu cầu. Có cảm giác thê thảm thế nào ấy. Như sách mượn về từ thư viện, vừa mới bắt đầu đã nghĩ ngay đến lúc chấm dứt rồi".

Nàng ngậm điếu thuốc trên môi, tôi đánh diêm châm lửa.

"Nhưng mà...". Nàng nói. "mình đang nói chuyện người giống hệt anh đấy nhỉ?"

"Giết anh ta bằng cách nào thế?"

"Ném vào thùng nuôi ong đấy".

"Xạo đấy chứ?"

"Xạo đấy". Nàng nói.

Tôi cầm ly rượu lên uống để nén tiếng thở dài.

"Tất nhiên, chẳng phải là giết đi theo nghĩa luật pháp". Nàng nói. "Mà cũng không phải theo nghĩa luân lý".

"Giết người không theo nghĩa luật pháp mà cũng không theo nghĩa luân lý...". Tuy không hào hứng gì nhưng tôi cũng gắng thu thập những điểm chính. "Thế mà cô đã giết người ta..."

"Đúng thế". Nàng gật đầu có vẻ vui thích. "Người giống hệt anh đấy".

Ban nhạc lại bắt đầu diễn tấu. Một bản nhạc cũ đến nỗi chính tôi cũng chẳng nhớ tên.

"Không đến 5 giây". Nàng nói, "để giết người ấy".

Im lặng một hồi. Có vẻ nàng thong thả vui hưởng khoảng im lặng ấy.

"Anh có khi nào nghĩ về tự do không?". Nàng hỏi.

"Thỉnh thoảng". Tôi nói. "Sao cô hỏi thế?"

"Anh vẽ được hình hoa cúc dại không?"

"Có lẽ được... Cứ như là đang kiểm chi số thông minh ấy nhỉ".

"Cũng gần như thế". Nàng nói, và cười lớn.

"Thế, tôi đậu được chứ?"

"Vâng". Nàng đáp.

"Cảm ơn". Tôi nói.

Ban nhạc bắt đầu chơi bài "*Tạm biệt*".

"11 giờ 55 phút". Nàng liếc nhìn đồng hồ vàng đính vào đầu sợi dây chuyền và nói. "Em rất thích bản *Tạm biệt*. Anh thì sao?"

"Tôi thích bản *Nhà Ta Trên Đồng Cỏ* hơn. Có sơn dương, có bò rừng..."

Nàng lại cười tươi tắn.

"Em rất vui thích được nói chuyện với anh. Tạm biệt anh".

"Tạm biệt". Tôi nói.

*

Để tiết kiệm không khí, đèn khí khung kim loại đều đã tắt cả đi, bốn bề phủ một màu đen thẫm. Không ai hé miệng một lời nào. Chỉ có tiếng giọt nước, cứ khoảng 5 giây, lại rơi từ trần xuống, vang vọng trong không gian tối mịt ấy.

"Mọi người, gắng nín thở. Không khí chẳng còn bao nhiêu nữa".

Người phu mỏ lớn tuổi nói như thế. Giọng thì thào thật nhỏ, vậy mà phiến đá trên trần cũng cựa lên một tiếng nứt li-ti. Những người phu mỏ

nép vào nhau trong bóng tối mịt mùng, lắng tai chờ để nghe được một tiếng động duy nhất. Tiếng cuốc chim cuốc vào đá. Tiếng gọi của sự sống.

Họ chờ như thế đã bao nhiêu giờ rồi. Bóng tối đã từ từ hòa tan từng mảnh hiện thực. Họ cảm thấy tất cả mọi thứ đều như đã xảy ra từ thời nào xa thật là xa, ở một thế giới xa xôi nào đấy. Mà cũng cảm thấy như tất cả mọi thứ đều có thể sẽ xảy ra ở lúc nào đấy xa thật là xa trong tương lai, ở một nơi nào xa lắc.

"Mọi người, gắng nín thở. Không khí chẳng còn bao nhiêu nữa".

Bên ngoài kia, tất nhiên người ta vẫn còn tiếp tục đào tìm. Cứ như là một màn diễn trong phim ảnh vậy.

Phạm Vũ Thịnh *dịch*
Sydney 05-2005

---

(1) Bee Gees: Ban nhạc của anh em nhà Gibb sinh ở Anh di dân sang Úc, nổi tiếng khoảng 1965-66 ở Úc rồi trở lại Anh. "New York Mining Disaster 1941" là tác phẩm tự biên tự diễn đầu tiên tạo tăm tiếng quốc tế cho ban nầy năm 1966, có những lời ca sau đây: *I keep straining my ears to hear a sound. Maybe someone is digging underground, or have they given up and all gone home to bed, thinking those who once existed must be dead.*

chuyện làng ngày ấy

VÕ VĂN TRỰC

(tiếp theo)

Không khí nặng nề như núi đè lên đầu. Chẳng mấy ai muốn phát biểu ý kiến. Ông Hành Giật xin giơ tay: "Thưa với chú Văn, Nông Hội ta muốn thu được nhiều thuế khả năng thì cứ sang bên Bút Điền, Hà Cát mà lấy, bên đó nhiều tạ lắm, muốn lấy hàng chục tạ cũng được, còn làng ta chỉ toàn vỏ chứ moi đâu ra hạt mà nạp thuế". Chú Văn mắt toét ngơ ngơ ngác ngác, chưa hiểu ông Hành Giật nói gì. Một lát sau, bà con cười ầm lên, thì ra ông ta nói hai làng Bút Điền và Hà Cát có nhiều người họ Tạ, còn làng Hậu Luật thì toàn họ Võ (phát âm thành vỏ). Chú Văn mắt toét vẫn chưa hiểu, nhưng thấy bà con cười nhiều, đoán là ông Hành Giật xỏ xiên gì mình, bèn quát tướng lên: "Yêu cầu ông Hành Giật phải nghiêm túc. Đề nghị bà con đừng cười. Cười là đồng lõa với bọn phong kiến, đế quốc. Vấn đề là..." Ông Hành Giật là tay nói trạng nổi tiếng trong làng, bất kỳ ở đâu đông người, đào ao, đắp bờ, hội họp, ông đều nói những câu pha trò để gây cười. Chú Văn mắt toét vừa dứt lời, ông lại đứng dậy, mặt tỉnh bơ: "Tôi xin phát một ý kiến nghiêm túc. Làng ta vỏ nhiều thì ra xóm chợ Mới vay hạt về đóng thuế". Cả hội trường lại cười rộ lên: xóm chợ Mới có mấy người có tên cúng cơm là Hạt. Ông ta chẳng nể ai, đến tên cúng cơm của người ta, ông cũng mang ra để đùa cợt. Chú Văn mắt toét đỏ lừ mặt: "Ông Hành Giật coi chủ tịch hội nghị không ra gì cả. Vấn đề là trong đợt thuế khả năng này không chia cho ông một lạng thóc nào". Vẫn chưa chịu ngồi yên, ông đối đáp rất nhanh: "Nông Hội không chia cho lạng nào thì xuống chợ Chùa tôi xin ăn bún ba tháng cũng chưa hết. Muốn ăn trăm lạng cũng được, nghìn

lạng cũng được." Ai còn lạ gì nữa, bà Hoe Lạng béo như cái bồ cạp thường xuyên ngồi bán bún ở chợ Chùa (!).

Không khí cuộc họp nặng như núi, bỗng chốc tan loãng như nước bởi những đợt cười chảy nước mắt nước mũi. Chú Văn mắt toét bị bao vây bởi những tiếng cười, chú giơ tay để nghị phá cái hàng rào bao vây đó: "Bà con không nghiêm túc họp thì giải tán, không thuế khả năng khả niêu gì cả, chết đói cả nút...". Lác đác một số người đứng dậy phủi bụi đít quần, định đi ra thì chú Văn mắt toét lại giơ tay lên: "Tôi xin đọc tiếp danh sách những gia đình có khả năng đóng thuế: Ông Điệt ba tạ? Bà Đoan ba tạ...". Bà Đoan ba tạ? Bà Đoan ba tạ? Bà Đoan ba tạ? Nông Hội bắt mẹ tôi đóng thuế khả năng ba tạ thật ư? Như bị một cơn xốc, tôi choáng đầu choáng óc. Căn cứ vào đâu mà họ bắt mẹ tôi đóng ba tạ? Con số ma. Con số bịa đặt. Con số cưỡng bức. Búa bổ lên đầu tôi cũng chỉ choáng đến thế là cùng. Mẹ tôi đứng dậy, giọng nói run run: "Xin bà con dân làng xét cho thấu đáo. Cả nhà tôi chỉ còn hơn mười cân thóc với vài chục cân khoai khô...". Chú Văn mắt toét cắt ngang: "Ba tạ! Ba tạ! Vấn đề là bà phải gương mẫu". Giọng nói của mẹ tôi như nhúng trong nước mắt: "Từ khi cách mạng giành được chính quyền đến nay, tôi chấp hành nghiêm chỉnh mọi chính sách của nhà nước, của Nông Hội. Nhưng bây giờ thì quả là tôi không còn một chút khả năng để nộp thuế nữa. Không tin, mời Nông Hội vào nhà tôi khám xét. Sợ tôi cất giấu của cải thì xin Nông Hội vào khám ngay bây giờ...". Vừa nói xong, mẹ tôi ngồi thụp xuống, ôm mặt khóc. Chú Văn mắt toét cười gằn: "Không còn thóc thì bà gỡ sân gạch bán mà nộp thuế. Vấn đề là khối người còn đói hơn bà. Vấn đề là bà còn giàu gấp vạn nhà tôi".

Bá đang làm thư ký, bật dậy nói: "Tôi biết, tôi biết, nhà bà Đoan cũng đói lắm. Lúa hết. Gạo hết. Khoai hết. Còn gì nữa mà đóng". Bá chơi với tôi từ nhỏ. Bây giờ Bá vẫn thân với tôi, thường vào nhà tôi chơi, gia đình tôi giàu nghèo sướng khổ thế nào Bá biết rất rõ. Tính Bá thành thật và thẳng ruột ngựa, thấy gì nói nấy, nói toạc ra sự thật. Nhiều người tin lời nói của Bá, xì xầm: "Anh Bá nói đúng. Nhà bà Đoan còn thóc với thếch gì nữa mà đóng".

Chú Văn mắt toét hơi lúng túng, rồi trấn tĩnh ngay, giọng chú nói chan chát như đinh đóng cột: "Thôi được, vấn đề là chiếu cố gia đình cán bộ, rút mức thuế cho bà Đoan từ ba tạ xuống hai tạ". Bá đốp chát: "Hai tạ! Hai tạ! Mang bồ mang chum ra mà đóng thuế à?" Nhân đà đó, mẹ tôi lại mếu máo: "Xin Nông Hội vào khám nhà tôi ngay tối nay xem còn được mấy hột thóc. Nếu bắt tôi đóng thì tôi xin khất đến mùa". Chú Văn mắt toét xắn ông tay

áo: "Bà là cán bộ, bà phải gương mẫu. Người ta đang đói lăn chiêng mà bà lại nói đến mùa mới nộp. Vấn đề là cho bà khất ba ngày. Bà không đóng thì thế này này - chú nắm chặt hai nắm tay, nắm này đấm vào nắm kia - cứ cầm vồ mà nện từ trên sọ nện xuống cho đến khi mồm ợ ra mới thôi".

Đêm hôm ấy, nhà tôi như có đám tang. Cha nằm thở dài. Chị dâu ngồi dưới bếp, gục mặt lên hai đầu gối. Mẹ nằm trên võng, một lát đi ra rồi lại đi vào. Tôi nằm trên chiếc chõng tre đặt đầu hè. Ánh trăng hạ tuần nhợt nhạt. Muỗi kêu vo ve. Chuột chạy rúc rích. Tôi buồn nẫu gan nẫu ruột, suy nghĩ lao lung. Chú Văn chẳng phải là người độc ác. Cui đánh đục đục đánh săng, cấp trên dội xuống cho chú thì chú phải làm. Từ tám tuổi chú đã phải bán sức lao động cho thiên hạ để kiếm miếng cơm manh áo. Khi bác Chắt Kế cắm cờ khởi nghĩa trên cây phượng nhà thờ đại tôn, chú đang cày thuê, bỏ chạy về tham gia đoàn biểu tình. Mấy lần chú xung phong đi bộ đội, chỉ vì mắt toét mà chú không trúng tuyển... Tôi cứ nghĩ lẩn thẩn, giá mắt chú không toét, chú đi bộ đội thì đêm nay gia đình tôi đỡ khổ, mẹ tôi đỡ khổ. Nhưng mà chú được đi Vệ Quốc Quân, thì có người khác thay chú, cũng quát mắng mẹ tôi như chú. Biết đâu người thay chú lại ác hơn chú thì sao?

Nghe tiếng võng cọt kẹt, tôi biết mẹ đang nằm. Khi tiếng võng im, tôi biết mẹ ra sân. Tôi đã từng nằm trên chiếc võng ấy và mẹ đã từng nghiêng xuống đời tôi che chở cho tôi bằng bao nhiêu niềm vui nỗi khổ lớn lao như trời bể. Con lớn rồi, cờ cách mạng về rồi, cứ tưởng đời mẹ dần dần bớt khổ. Có ngờ đâu khi con rời chiếc võng ấy thì mẹ lại nằm lên đó với nỗi buồn nặng nề, nỗi buồn vô hình, nỗi buồn không cắt nghĩa được. Ngày mới cướp chính quyền. Mẹ hăng hái biết chừng nào, mẹ cùng các đồng chí tạo lập nên cái thế giới đại đồng với sức tưởng tượng tràn đầy lãng mạn. Bây giờ lòng mẹ đã trầm xuống, niềm hưng phấn đã giảm đi rất nhiều, mẹ vẫn cần mẫn nấu cơm cho cán bộ, cho thương binh vào ở nhà mình, mẹ vẫn không vắng mặt một cuộc họp chi bộ nào, mẹ vẫn gương mẫu trong mọi việc làng việc xã. Nhưng cái thuế khả năng nay mẹ gánh làm sao được? Mẹ gương mẫu làm sao được? Thóc vét đến tận đáy bồ rồi!...

Tiếng võng im. Và bước chân mẹ đi rất nhẹ đến bên giường cha đang nằm. Cha gối đầu lên chiếc gối gỗ của ông đồ nghèo xứ Nghệ đã từng đỡ cái đầu chứa đựng những luân thường đạo lý Khổng Mạnh, bây giờ cái gối cũ kỹ ấy vẫn hằng đêm đỡ cái đầu chứa đựng những giấc mơ Mã Khắc Tư - Liệt Ninh. Cha tôi vào Đảng chậm hơn mẹ tôi vài năm, vì cha có tính rụt rè, không xốc vác, không quyết đoán như mẹ. Các đồng chí trong làng thường bảo tinh thần đấu tranh của mẹ tôi cao hơn cha tôi. Những việc quan trọng

trong gia đình thường do mẹ đề ra, rồi quyết định sau khi bàn bạc qua loa với cha... Bây giờ đây, hẳn có việc gì quan trọng mẹ sắp bàn với cha? Đêm im lặng. Ngoài vườn, ri rỉ tiếng dế kêu và tiếng tàu chuối lất phất...

Mẹ cầm đèn dầu hỏa soi cho cha trèo lên gác khênh chiếc hòm gỗ xuống. Để làm gì nhỉ? Để làm gì giữa đêm khuya này? Câu hỏi xoáy vào ruột gan tôi. Chiếc hòm bằng gỗ trắc từ đời cụ đời kỵ để lại, màu gỗ đã trơn lỳ, nhẵn thín. Trong hòm đựng những đồ tế tự quý như đôi hạc đồng ngậm hoa sen, bát đĩa cổ đời Tống đời Thanh. Mẹ vẫn cầm đèn soi để cha nhẹ tay sắp ra từng cái. Hằng năm, vào dịp tết Nguyên Đán và ngày giỗ ông giỗ cụ, cha tôi mới đem những thứ đồ cổ này ra để cúng, rồi lại cẩn thận cất vào hòm. Sao hôm nay nhân dịp gì mà cha mẹ lại đem những thứ này ra? Ngày mai có giỗ chạp gì đâu...

Tâm trí tôi hơi hoang mang. Tôi đi lang thang ra đường làng. Ánh sao mờ nhạt. Chó sủa vu vơ...

*

Sáu mấy tháng buồn chán, nghỉ học, hôm nay tôi trở lại trường. Thật tình mà nói vì thương cha thương mẹ mà tôi tiếp tục đi học, chứ tôi cũng chẳng nghĩ gì đến cái thế giới đại đồng mai sau tôi sẽ đem kiến thức ra để phục vụ...

Mẹ đã kho sẵn một mớ tôm mặn cứng lổn nhổn muối. Thằng Bá biết tôi sắp đi, ra đồng bắt lươn nấu với củ chuối gọi tôi tới cùng ăn. Bá dành một ít lươn còn lại kho cứng từng khoanh bỏ vào ống nứa để tôi mang đi. Chú cu Nhuyên láng giềng nấu khoai nếp xéo (khoai khô nấu trộn với nếp và đỗ), bưng sang cho tôi một bát. Mẹ tôi nói: "Hôm nay chú còn nếp với đỗ kia à?" Chú trả lời: "Đến ngày bốn là giỗ ông, sống chết chi cũng phải mua một ít nếp để hương khói, tưởng là anh Trực ở nhà đến ngày đó sang uống chén rượu cho vui. Nhưng hôm nay anh đi thì bớt một ít nếp của ông để mời anh trước". Mẹ rơm rớm nước mắt: "Chú làm thế có tội với ông". Chú trả lời chân thành: "Biết là có tội. Nhưng cũng thương anh Trực lắm, đi học xa, ở trọ, đói kém..."

Sự chăm chút của mẹ cha, của làng xóm khiến tôi vừa xúc động vừa ngượng ngùng. Giá hồi ấy tôi nhận lời sang Trung Quốc học thì dễ cả làng kéo đến tiễn đưa. Đầm ấm sao tình thôn mạc nghĩa lân bàng.

Bá cứ ngồi mãi ở nhà tôi, im lặng, thỉnh thoảng mới nói một câu. Mẹ tôi vừa đổ khoai vào ruột tượng cho tôi vừa hỏi chuyện Bá: "Cháu làm thư ký đợt thuế khả năng này có lẽ mệt lắm". Chứa sẵn trong người sự bực tức, Bá nói như chặt trốc ếch: "Cháu xin thôi làm thư ký bà ạ. Cháu xin đi làm

dân công ba tháng ở Lào, khỏe cái thân cháu. Chúng nó điêu lắm. Nhà bà không còn hột thóc nào, chúng nó cũng bắt đóng ba tạ. Moi ruột người ta ra mà ăn à!" Mẹ tôi kéo ghế ngồi gần lại, hạ thấp giọng: "Ai chẳng biết thế. Nhưng cả làng đang đói lăn ra. Cháu đừng đi dân công. Cháu gắng ở nhà giúp Nông Hội làm cho xong đợt thuế khả năng này". Bá lại xẵng giọng: "Thật thà thì cháu làm. Điêu toa thì cháu thôi. Đói thì chịu đói chung. Chứ thằng đói lại xẻo thịt thằng đói để ăn là cháu không chịu".

Tôi cảm thấy buồn nẫu cả người. Bá đi dân công ở Lào ba tháng ư? Thế là Chủ Nhật tới tôi về không gặp Bá. Thế là tôi phải xa Bá ba tháng. Ba tháng dài đằng đẵng. Sống mà thiếu bạn bè là tôi buồn lắm. Huống chi Bá là thằng bạn rất chân thành, thân với tôi từ những ngày chăn trâu cắt cỏ. Thứ Bảy nào ở trường về thế nào tôi cũng chạy ra nhà Bá ngủ và cùng ăn với Bá một bữa cơm. Để bữa cơm chung được mặn mà, Bá ra đồng bắt sẵn cá hoặc tôm hoặc lươn, ếch nấu sẵn đợi tôi về. Cái vị mặn mòi của ếch nấu với cà, lươn nấu với củ chuối trộn lẫn với mùi thơm của bạc hà, tía tô trở thành hương vị quê hương vô cùng đằm thắm.

Bá đội mê nón đi với tôi một quãng đường dài. Càng đi tôi càng thấm thía cái tình bạn chân lấm tay bùn. Nếu Bá cứ tích cực làm thư ký thuế khả năng cho Nông Hội thì Bá sẽ được chi bộ Đảng đánh giá là phần tử tích cực, được kết nạp Đảng, rồi được làm cán bộ xã. Nhưng bản năng trong sáng đã thúc giục Bá từ chối tất cả mọi sự cám dỗ ấy một cách tự nhiên.

Qua làng Nho Lâm, Bá kéo tôi vào chợ Cộ, moi mấy hào bạc nhăn nheo trong túi áo mua cho tôi một nắm cá khô. Chợ này vốn thường bán cá biển và một ít đồ rèn, sao bỗng hôm nay bán nhiều đồ cổ đến thế. Tôi bùi ngùi nhớ lại bài hát dặm mẹ thường ru tôi hồi nhỏ:

Gặp năm lụt lội mất mùa
Lúa khoai mất sạch tôm cua trắng đồng
Khắp nam bắc tây đông
Nghe kêu van chuyện đói
Nghe phàn nàn chuyện đói

Cơ trời làm tội
Đồ cộ (cổ) mang ra
Bán hết cả ông bà
Tổ tiên chi cũng bán
Tổ tiên rày cũng bán
...

XIII
ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ

Đền thờ Bạch Y Thần trở thành địa điểm của những họp lớn. Thượng điện biến thành kho phân, luôn luôn bốc lên một mùi hôi thối. Hạ điện là nơi họp, bốn góc nhà bị trẻ em nghịch ngợm đái, nước tiểu thấm vào tường xông lên mùi khai nồng nặc. Dạo này liên miên đêm nào cũng họp, toàn là những cuộc họp quan trọng, người ngồi chật ních cả ba gian.

Rét. Đói. Mưa dầm. Người dự họp vẫn đông. Họp để vạch mặt những người man khai thuế nông nghiệp, để đấu tranh với những người không chịu nộp thuế nông nghiệp, dần dần phát hiện ra "bọn phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng" - gọi là đấu tranh chính trị.

Có hai ngọn đèn dầu hỏa: một ngọn đặt ở bàn chủ tọa, một ngọn đặt giữa hội trường. Ánh sáng rất mờ chỉ đủ hiện lên những cái đầu lố nhố. Xung quanh ngọn đèn, chừng mươi khuôn mặt hiện ra có thể nhìn thấy được - vốn những khuôn mặt này đã gày gò và nhuốm màu lam lũ, ánh sáng đèn ăn vào càng làm cho khuôn mặt hốc hác.

Khác với những cuộc họp trước đây, không khí hội trường có vẻ nghiêm hơn, nặng hơn. Người ta im lặng chờ đợi một cái gì rất quan trọng đang nhích đến từng phút từng giây như đoàn người kéo gỗ không có con lăn làm đà, gỗ nhích đi từng ly từng tí, mệt mỏi biết dường nào!

Đồng chí chủ tọa tuyên bố: "Các chiến sĩ ta đang đổ xương đổ máu ngoài chiến trường để giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho toàn dân, thì có một thiểu số phần tử ở hậu phương rất là cá nhân ích kỷ, man khai thuế nông nghiệp, chui chui rúc rúc như chuột nhắt. Đồng bào ta phải đoàn kết, triệu người như một, đấu tranh với những phần tử phi chính trị, phi lập trường giai cấp, phi ái quốc, phi hòa bình để thúc đẩy công cuộc kháng chiến, kiến quốc chóng đến thắng lợi hoàn toàn. Nếu chúng ta không tố giác, không đấu tranh với những phần tử đó thì các chiến sĩ ta càng đổ nhiều xương máu, hòa bình thế giới sẽ bị đe dọa. Bà con ta đồng tâm nhất trí đào tận gốc trốc tận rễ những phần tử trốn thuế nông nghiệp như đập vỡ ổ rắn độc". Chủ tọa buổi họp là ông cu Đình xóm Tây, nói lưu loát một mạch, không ngắc ngứ chỗ nào. Ông nói trơn tru như đọc, nhưng lại không phải là học sinh đọc bài, mà dõng dạc, oai nghiêm, có khi ông thét lên, có khi ông nghiến răng lại. Nhờ có khoa nói mà ông được cử làm bí thư Nông Hội xã. Đêm nay, người ta cử ông làm chủ tọa vì cần có một người điều khiển cuộc họp biết nói năng hoạt bát, hùng hồn.

Ông nói xong, hội trường im như chết. Ngọn đèn im phăng phắc. Hàng chục bóng người im phăng phắc. Hàng chục cái đầu im phăng phắc. Cái im lặng này rờn rợn như thời tiết trước khi nổ ra giông bão.

"Nào! Mời bà con tố giác! Nếu không tố giác hết phần tử này, chiến sĩ ta ngoài mặt trận sẽ không có súng đạn, không có cơm ăn áo mặc để đánh giặc, bà con ở hậu phương sẽ đói khát, bọn phản động quốc tế sẽ tấn công lại ta và phá hoại sự nghiệp độc lập, tự do, hạnh phúc của ta", ông cu Đình lại tiếp tục nói. Hội trường lại vẫn im như chết. Ông có vẻ bất bình với cái tập thể im lặng trước mặt ông. Ông đứng lên, lại ngồi xuống, nhìn vào nhóm người này, lại nhìn vào nhóm người kia. Tiếp đó, ông kéo một hơi thuốc lào rất dài, tiếng kêu sòng sọc của ống điếu là âm thanh duy nhất vang lên trong lúc này.

Hội trường vẫn im như chết.

- Không ai nói thì tôi châm mồi trước - ông cu Đình giơ cao nắm tay - Bà Hinh, ông Khang đã nộp thuế chưa? Ban thuế trả lời cho biết. Ai ở trong ban thuế, đứng lên trả lời!

- Chưa nộp!

Như lửa đã châm được mồi, ông cu Đình gằn giọng:

- Bà Hinh, ông Khang lên đây!

Chủ tọa và mọi người quay đầu nhìn xung quanh tìm bà Hinh, ông Khang, không thấy đâu cả. Chủ tọa cu Đình lại hỏi:

- Bà Hinh, ông Khang có mặt ở đây không?

Không một tiếng trả lời. Hội trường im như chết. Bỗng có người cất giọng cà lăm:

- Ông... ông... ông... Khang... Khang... ngồi cạnh... cạnh tôi... Còn bà... bà... Hinh ngồi ở... ở... ở... ở... cột đầu... đầu... kia!

Chủ tọa đập bàn rất mạnh. Chiếc đèn dầu hỏa nhảy lên, rồi tắt. Cả hội trường giật mình.

- Ông Khang, bà Hinh lên đây ngay! Chống lại chế độ à? Sao không lên tiếng? Lên đây ngay.

Hai bóng người từ phía dưới đi lên, dáng lom khom, sợ sệt. Đây là hai gia đình tương đối có máu mặt trong làng, gọi là có máu mặt vì có nhà ngói, sân gạch. Lâu nay họ dây dưa việc nộp thuế và cũng không tham gia đầy đủ việc làng việc xã. Nhưng không ai đối xử nặng lời với họ. Lần đầu tiên họ bất ngờ bị ông cu Đình quát thẳng vào mặt, không kịp phản ứng, mà tỏ ra lo sợ, ngoan ngoãn tuân theo sự điều khiển của ông.

Hai người bước đến gần bàn chủ tọa, cúi đầu.

- Bước lên bước nữa. Quay mặt xuống. Đứng chồng đít vào bà con dân làng là vô lễ, vô phép tắc.

Ông cu Đình lại quát. Họ giật bắn người, toát mồ hôi mặc dầu trời đang rét.

- Hai người có biết không, sự nghiệp kháng chiến kiến quốc đang bước vào giai đoạn quyết liệt. Các chiến sĩ ta đang ăn sương nằm gió, đổ xương đổ máu để giành lại độc lập cho non sông đất nước mà các người lại tiếc hạt gạo hạt thóc. Các người rất là vô ơn bội nghĩa. Các người đã phản lại sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, phản lại sự nghiệp hòa bình ở châu Á và trên toàn thế giới, tiếp tay cho bọn phong kiến đế quốc, làm giàu cho bọn tư bản ở Mỹ ở Pháp. Bà con làng ta nghèo khổ hơn các người nhiều mà bà con cũng nộp thuế đúng kỳ hạn, và bà con biết hy sinh quyền lợi cá nhân, đặt lợi ích của tổ quốc lên trên, đặt quyền lợi của toàn dân tộc cao hơn quyền lợi gia đình. Sao các người không noi gương bà con? Con sâu làm rầu nồi canh, các người có biết nhục không?

Ầm! Bất chợt ông cu Đình đập bàn. Đèn tắt. Ông nuốt nước bọt một cái "ực" rồi dằn giọng hỏi lại:

- Tôi hỏi. Sao hai người không trả lời?

Ông Khang, bà Hinh vẫn đứng im như hai cái cột gỗ.

- Các người coi thường chủ tọa à? Ông Khang, bà Hinh!

- Dạ...

- Các người trả lời câu hỏi của tôi.

- Dạ, tôi chưa nghe rõ...

Từ nãy đến giờ ông cu Đình nói thao thao bất tuyệt. Hai người không nghe được câu nào, tiếng nào, mà chỉ nghe ong ong như có đàn ong bay trong đầu. Ông cu Đình nhắc lại:

- Con sâu làm rầu nồi canh, các người có biết nhục không?

- Dạ, biết nhục...

- Xin mời bà con phân tích tác hại của việc hai người dây dưa thuế nông nghiệp.

Hội trường lại im lặng như chết. Có tiếng gà gáy từ ngoài xóm vọng vào. Quá nửa đêm rồi...

Anh chàng cà lăm lúc nãy đứng dậy, giơ tay:

- Tôi... tôi... tôi... xin phân tích... Dây dưa thuế... thuế... nông nghiệp là... là... là... cái đồ... đồ... l... li... liếm... l...

Cả hội trường cười ầm lên. Chủ tọa cu Đình, tức giận về tiếng cười đó:

- Ai cười là thiếu ý thức! Đề nghị anh Cà bình tĩnh nói từng tiếng một, đừng nói lắp.

- Tôi... tôi... tôi xin phân tích... phân tích... lại... chống lại... lại... lại... chính sách... sách... thuế... thuế nông nghiệp là... là... là cái đồ... l... liếm... l...

Cả hội trường lại không nén được cười. Anh chàng cà lăm này thường ngày bực bội, chửi bới ai, hay văng tục "cái đồ liếm l...". Lúc này anh ta vẫn không chống lại được quán tính.

Chủ tọa cu Đình lắc đầu tỏ vẻ thất vọng, tuyên bố giải tán và "mời bà con tối mai đến họp".

Ban lãnh đạo ở lại, rút kinh nghiệm, và phân công nhau đến vận động một số người làm mồi cho cuộc đấu tranh hôm sau.

Trưa nay, ông cu Đình gặp tôi nhờ tôi viết một "bài văn nghệ" để tối đọc. Tôi sung sướng vì được các đồng chí lãnh đạo tín nhiệm. Mẹ tôi biết việc đó, nói nhỏ với tôi bằng vẻ mặt quan trọng: "Con cố gắng viết cho hay, rồi học thuộc lòng, tối đọc cho lưu loát". Viết những bài văn vần để ngâm, kể vè, hát chèo, hát tuồng, hát trống quân, sa mạc, động viên trong các buổi họp trở thành sở trường của tôi. Có lúc tôi viết rồi nhờ một cô gái nào đó hát. Có khi tôi viết và tự diễn xuất một vai tuồng, một vai chèo hoặc một vai hề. Bài nào tôi viết cũng được người nghe vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt, vì nội dung rất sát với tình hình thôn xóm, thậm chí nếu cần thì kể rõ tên ông này tích cực, bà nọ tiêu cực.

Sau khi ông cu Đình gặp, tôi trốn biệt ở một nơi vắng vẻ, hì hục viết quên cả ăn cơm. Tối đến, bắt đầu vào cuộc họp, ông cu Đình giới thiệu tôi "hát văn nghệ". Tôi hồi hộp đứng dậy trình bày theo điệu hát giậm:

Trăm năm trong cõi người ta
Đóng thuế nông nghiệp thật là vẻ vang
Khắp dưới bể trên ngàn
Nhân dân ta nô nức
Chiến sĩ mình nô nức.

Tấm lòng dân như ngọc
Soi đường lối Đảng mình
Thật rạng tỏ anh minh
Đánh tan quâm xâm lược
Diệt trừ bầy xâm lược.

Cán bộ thì tất bật
Mang túi dết bên người
Cứ chạy ngược chạy xuôi
Đến nhà dân vận động
Đến từng nhà vận động.

Cơm khoai ăn lưng lửng
Người đã gọi bên ngoài
Chân lồng dép trụt quai
Đội mưa dầm đi họp
Đội trời mưa đi họp.

Có kẻ giàu nứt cót
Thuế má cứ khai man
Lẩn trốn đủ trăm đàng
Như là lươn là trạch
Như đồ lươn đồ trạch.

Phải ra tay vạch mặt
Cái lũ trạch lũ lươn
Đục khoét vùng hậu phương
Dân tình ta cơ khổ
Chiến sĩ mình cơ khổ.

Phải nhất tề tóm cổ
Cái lũ trạch lũ lươn
Phá vật cản, mở đường
Thuận đà lên thắng lợi
Chóng đến ngày thắng lợi.

Tôi vừa đọc xong, tiếng vỗ tay hoan hô như muốn vỡ tung cả mái ngói. Đã bao nhiêu lần tôi được vỗ tay như thế, đến lần này tôi vẫn không nén được niềm vui sướng cứ trào lên. Tôi càng phổng mũi khi chủ tọa cu Đình nói: "Anh Trực nói rất đúng: Phải ra tay vạch mặt, cái lũ trạch lũ lươn - phải nhất tề tóm cổ, cái lũ trạch lũ lươn. Xin mời bà con thẳng thắn vạch mặt".

Anh chàng cà lăm hăng hái nổ phát súng đầu tiên:

- Tôi... tôi... tôi vạch... vạch... mặt...

Chủ tọa cản lại:

- Anh Cà hôm qua nói nhiều rồi, để nhường lời cho người khác.

- Không... không... Tôi chỉ xin... xin... bình một câu về... về... cái bài văn... nghệ... của... của... ch... chú Trực.

Chủ tọa:

- Anh nói thật ngắn.

- Tôi... tôi... nói thật... thật ngắn. Ch... chú... chú Trực nói... nói... cái lũ... lũ trạch... lũ... lũ... lươn cũng là... cái... lũ... liếm... l...

Không khí hội trường đang trang nghiêm, bỗng lại vang lên tiếng cười.

Chủ tọa cu Đình mặt đỏ gay:

- Từ giờ phút này, tôi cấm không ai được cười! Cười là phá hoại hội nghị. Cười là tiếp tay cho bọn chống lại chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và chính phủ.

Ông Hành Giật giơ tay:

- Tôi tán thành ý kiến của chủ tọa. Nhưng tôi phải nói thế này mới đầy đủ. Cấm đàn ông không được cười là đúng. Nhưng đối với đàn bà thì phải cho họ cười mỉm, chứ cấm họ cả cười to cả cười mỉm thì chỉ có cách là bắt họ đứng họp.

Đã quen với lối hài hước, xỏ xiên của ông, mọi người hiểu ý và lại không nén được tiếng cười. Chủ tọa thẳng tay ra lệnh cho dân quân tống cổ ông Hành Giật ra khỏi hội trường. Lập tức không khí hội nghị trở lại nghiêm trang như bàn thờ và nặng nề như núi.

Thoáng nhớ lại những người mà tối qua và suốt ngày hôm nay ông đã dày công gặp gỡ và mớm lời cho họ, ông gọi tên từng người:

- Bà con đã tín nhiệm cử tôi làm chủ tọa thì tôi có quyền quyết định mọi việc. Bây giờ xin mời những người này phát biểu: anh Toàn, bà Nhuyên, ông Vận... Sau đó, những người khác tiếp tục.

Toàn chạy lên, chỉ tay vào mặt bà Hinh và ông Khang:

- Ngoài mặt trận các chiến sĩ không tiếc máu xương để giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho đất nước. Các ông các bà thật là vô ơn bội nghĩa, ăn cháo đái bát. Các ông các bà được ăn no mặc ấm mà không nghĩ đến các chiến sĩ nhịn đói nhịn khát ăn sương nằm gió, lăn lộn ở chiến trường. Các ông các bà là kẻ nằm há miệng chờ sung rụng. Đến lúc nước nhà độc lập thì các ông các bà lại xông vào trước để tranh phần nhiều. Tư tưởng đó là tư tưởng của bọn phong kiến, đế quốc, của quân xâm lược sài lang...

Bà Nhuyên cũng đứng nghiêng người giống tư thế anh Toàn:

- Bà Hinh ông Khang là quân đế quốc, là lũ sài lang... Bà Hinh ông Khang, là đồ phản động, là đồ Việt gian. Bà Hinh ông Khang là quân đế quốc, là lũ sài lang. Bà Hinh ông Khang, là đồ phản động, là đồ Việt gian. Bà Hinh ông Khang...

Nghe bà nói như hát, có cô gái nào đó bật ra tiếng cười. Chủ tọa cu Đình lại ra lệnh cho dân quân tống cổ cô ta ra khỏi hội trường.

Chính thái độ kiên quyết của chủ tọa làm cho không khí cuộc họp trở nên nghiêm trọng. Lồng ngực của người nào cũng nóng ran.

Đến lượt ông Vận. Cái lưng ông hơi gù. Nhưng toàn bộ tư thế đứng của ông cũng giống như anh Toàn, bà Nhuyên. Tất cả như cùng được đúc ra từ một cái lò:

- Tôi phán cho các ông bà biết - Ông Vận nói - Ông cha ta lấy chữ "đạo" làm đầu, còn các ông các bà thì lấy chữ "tặc" làm đầu. "Tặc" là gì, các ông các bà có biết không? "Tặc" là phong kiến, đế quốc, "tặc" là xâm lược sài lang. Man khai thuế nông nghiệp, trốn thuế nông nghiệp, chống lại chính sách thuế nông nghiệp tức là "tặc". Các ông các bà là "tặc". Các chiến sĩ ngoài mặt trận là "đạo". "Tặc" chống lại "đạo" tức là phi nhân, phi nghĩa, phi độc lập, phi tự do, phi hạnh phúc. Các ông các bà...

Một người đàn ông từ phía dưới thét to:

- Chúng nó chống Đảng chống chính phủ, không gọi chúng nó là "ông, bà", mà gọi là "thằng", là "con".

Như mèo vớ được cá rán, chủ tọa bật dậy:

- Ông Tư phải không? Mời ông lên đây!

Ông Tư xồng xộc chạy lên:

- Tao thấy chúng mày thường gặp nhau họp kín, thậm thụt bàn với nhau. Bàn cái gì? Bàn chống Đảng chống chính phủ à? Dân công không chịu đi, khất lần này lần khác. Thuế không chịu đóng. Tao căm ghét chúng mày.

Ông Tư giơ chân đạp vào lưng bà Hinh, ông Khang ngã chúi mặt.

Một người đàn bà giọng ồm ồm như ếch kêu:

- Họp kín thì còn nhiều người khác nữa, chứ không riêng gì hai tên Khang với Hinh.

Chủ tọa:

- Còn những tên nào? Bà cho biết.

- Còn ông Đẹt, ông Thọ.

- Đẹt, Thọ lên đây!

Ngay trước bàn chủ tọa có thêm hai người nữa là thành bốn người. Bốn người ngồi vòng tay, cúi mặt như bốn tội nhân ngồi trước vành móng ngựa.

Trong ánh đèn lờ mờ, họ run cầm cập như cầy sấy.

Trong bốn người này thì ông Thọ - tôi quen gọi là chú xã Thọ - nghèo nhất. Bố chú chết sớm, chú đi làm thuê khắp nam bắc đông đoài. Chẳng có một tấc đất cắm dùi. Sau ngày giành được chính quyền, chú mới được chia dăm tấc đất, dựng một cái lều để chui ra chui vào. Ở làng tôi, trên bốn mươi tuổi người ta đã có cháu nội cháu ngoại, riêng ông Thọ cũng đã chừng ấy tuổi mà chưa lấy được vợ nên dân làng gọi là "xã Thọ". Chú cũng thuộc dòng họ Võ, chi dưới của chi họ tôi, nên tôi gọi là "chú xã Thọ" một cách thân mật. Thỉnh thoảng chú lên giúp việc cho nhà tôi như bừa củi, xe đá. Lúc rỗi rãi, chú thường ngồi uống nước chè xanh với bố mẹ tôi và kể những chuyên ma quái ở miền ma thiêng nước độc Phủ Quỳ. Dịp giáp hạt, mẹ tôi thường san sẻ cho chú củ khoai lang hay bát khoai khô. Có một lần tôi nhớ mãi, mẹ tôi đến chơi thấy chú nằm lả đói, vội vàng về nhà mở vạt cà muối đen ngòm bốc ra một bát lổn nhổn củ chuối, cây rau dền, xơ mít và cà pháo. Chú chống tay ngồi dậy ăn một cách ngon lành, uống đầy một bụng nước, rồi chắp tay vái mẹ tôi. Ngược lại, chú cũng rất thương tôi. Kỳ thi năm ấy, tôi tìm được một chỗ khuất để ôn bài, đó là cây đa giếng Đình. Vòm cây rậm rạp, tôi trèo lên ngồi ở chạc ba, học suốt buổi. Các cô đi gánh nước, trẻ chăn trâu không biết tôi ngồi trên đó. Chỉ riêng chú xã Thọ, nhà ở gần cây đa, biết nơi tôi thường ngồi học. Khoảng nửa buổi chiều, chú thường đem ra cho tôi bát khoai xéo hoặc mấy củ khoai lang hoặc mấy bắp ngô luộc. Khi cây đa bị sét đánh chết, chú nói đùa: "Trời đánh chết cây đa, nhưng không đánh chết được chữ của anh Trực".

Chú xã Thọ là như thế, nghèo khổ, hiền lành, sao lại làm phản động? Năm thì mười họa chú có đến làm thuê cho ông Khang, thỉnh thoảng ngủ đêm ở đó. Hình như chú cũng nhẹ dạ, khờ dại nghe những người trong tổ chức Quốc Dân Đảng rủ rê, dự một vài cuộc họp. Có lẽ vì thế mà chú bị người ta ghép vào tội "làm phản động". Đây là lời buộc tội của người đàn bà giọng ồm ộp như ếch kêu:

- Thằng ni ngu si suốt đời - Nghe quân Quốc Đảng ngỏ lời rủ rê - Đầu óc tăm tối u mê - Đi dự họp kín, theo nghề chó săn!

Nói xong, bà dồn tất cả sức mạnh vào cánh tay phải tát vào đầu chú xã Thọ. Cái khăn thủ rìu rách xơ xác trên đầu chú bung ra và làm tung tóe mớ lá hương nhu - chú đau đầu nên phải bọc lá hương nhu và suốt cả ngày hôm nay chú nằm rên một mình ở nhà. Ăn cái tát bất ngờ, chú bị choáng và ngất xỉu. Chủ tọa ra lệnh cho dân quân kéo lê chú ngồi tựa lưng vào cột và tiếp tục "vạch mặt ba tên kia".

- Nó vờ ốm để không khai. Phải cảnh giác với âm mưu của bọn chó săn.

Như bị dùi châm vào mông đít, chủ tọa chồm chồm đứng bật dậy:

- Hoan nghênh tinh thần cảnh giác của ai vừa nói đó. Tên Thọ vờ ốm. Bắt tên Thọ phải khai kỳ hết, khai xong mới được ốm.

Gần chục người xô lên:

- Đúng, đúng...
- Bắt khai đi...
- Những ai dự họp kín?
- Thằng nào trùm, phải lôi mặt ra!

Một người nắm tóc chú xã Thọ giật rất mạnh:

- Thằng nào trùm?
- Ngợi...
- Thằng nào nữa?
- Giản...
- Còn thằng nào nữa?
- Hết rồi...

Qua giọng trả lời thều thào của chú xã Thọ, người ta nghe rõ cái tên "Ngợi" và "Giản". Trúng tủ! Ngợi và Giản là đầu mối của mọi hoạt động chống chính quyền trong thôn xã. Ngợi tốt nghiệp pơ-ri-me. Giản vốn làm xếp ga. Cả hai đều là bà con thân thiết với hàn Hạp, một viên quan về hưu.

Khơi trúng ngòi, cái ung nhọt vỡ ra. Hàng chục cánh tay giơ lên. Hàng chục cái đầu nhô về phía trước. Hàng chục cái miệng tranh nhau nói. Lời va vào lời, tiếng va vào tiếng, chát chúa, ghê tai, rợn gáy:

- Trói cổ chúng nó lại!
- Đào tận gốc trốc tận rễ bọn chó săn!
- Đánh bỏ mẹ!
- Giết mẹ chúng nó đi!

Chủ tọa cu Đình khuôn mặt hiện lên một vẻ khác thường, vừa hăm hở vừa căm giận: "Hoan nghênh tinh thần đấu tranh của bà con nông dân. Tôi hạ lệnh dân quân bắt trói hai tên Ngợi và Giản, nhốt vào ngục."

Trời chưa tối hẳn, người đến dự họp đã khá đông. Bà đang cấy dở sào ruộng cũng vội về ăn cơm nguội để đi họp. Ông đang bửa củi cũng dừng tay ăn vội mấy củ khoai để đi họp. Cụ già đang lên cơn hen cũng choàng tấm chăn đi họp... Vắng họp lại sợ người ta nghi là mình có liên quan gì

đến bọn phản động, nên ai cũng lo đi sớm.

Tối hôm nay là tối thứ ba của cuộc "đấu tranh chính trị". Không khí làng xóm sục sôi, căng thẳng. Đi trên đường làng, làm ngoài đồng, người ta túm tụm nhau bàn tán:

- Không ngờ làng ta lại nhiều phản động đến thế!

- Ông Thọ ngu ngơ thế mà cũng làm phản động à?

- Cứ ngỡ bọn Việt gian phản động phải như Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Hữu, Lê Hữu Từ, bây giờ mới biết làng ta cũng có Việt gian phản động.

- Bà Hinh với ông xã Thọ cũng làm Việt gian phản động thì lạ thật. Trời sắp sập rồi.

- Tôi cứ tưởng họ nghe xui dại, hóa ra họ làm phản động thật.

Xâm xẩm tối, người ngồi chật ních ba gian nhà. Tôi linh cảm một điều gì ghê gớm sẽ xảy ra, một điều gì đó không bình thường, một điều gì đó nhân từ hay độc ác? Một điều gì đó yêu thương hay tàn nhẫn? Đầu óc tôi rối tung nhiều ý nghĩ. Tôi chợt nhớ đến thằng Biều - thằng Biều con ông Khang, bạn học của tôi. Tôi len lách mọi ngóc ngách để tìm cho được thằng Biều. Lúc thấy nó, tôi len lén đến sau lưng và ra hiệu cho nó đi theo tôi. Như kẻ sắp chết đuối vớ được cọc, nó liền khom lưng chạy theo tôi ra phía sau hậu cung của ngôi đền. Nó đang nghĩ gì về sự ra hiệu của tôi? Lành hay dữ? Nó chờ đợi cái gì tôi sẽ mang đến cho nó? Một lời an ủi? Một phương thức để cứu ông Khang, cha của Biều, tránh khỏi trận ra đòn sấm sét đêm nay? Biều đứng sát bên tôi, chân tay run lẩy bẩy, trống ngực đập thình thình. Tôi nắm tay nó, nói rất khẽ: "Mày tìm cách gặp cha mày ngay, gặp ngay trước khi họp, nói với cha mày là có gì cứ khai hết. Nếu không, họ sẽ đánh chết mất, không chết thì cũng tàn tật. Tao biết rõ điều đó mà. Cứ khai tuốt tuồn tuột...".

- Ai? Ai?

Tôi giật nẩy mình. Chú Niên xã đội trưởng quát.

- Tôi đây mà... Tôi đáp.

- Tôi là ai? Xưng tên - Tại sao lại đứng vào chỗ tối này. Định âm mưu gì?

- Tôi là Trực.

- Trực con bà Đoan phải không? Ra ngay! Trói lại!

- Tôi ra ngay đây... giọng tôi run run trả lời.

- Lần đầu tha tội cho anh. Lần sau bắt được anh đứng trong bóng tối là tôi ra lệnh dân quân trói gò cổ!

- Dạ... tôi nhẹ bỗng cả người.

Quay nhìn xung quanh, thằng Biều đã tìm cách chuồn từ bao giờ. Nếu chú Niên biết tôi đứng nói chuyện với nó thì chắc chắn tôi bị quy là "liên quan với bọn phản động" và tôi sẽ không tránh được một trận hành hạ. Hú hồn, thoát chết!...

Vào cuộc họp. Chủ tọa cu Đình giới thiệu tôi làm thư ký: "Cuộc họp này vô cùng quan trọng, phải có một thư ký ghi nhanh, ghi đầy đủ, ghi lưu loát, mạch lạc. Tôi đề nghị anh Trực làm thư ký".

Chú Niên từ ngoài sân chạy vào, vai mang đại đao, nói giọng cứng rắn:

- Trực à? Không được! Vì lý do gì mà trước cuộc họp anh Trực đứng trong bóng tối thậm thụt với một người nào. Không cần người văn hay chữ tốt, chỉ cần một người có tư tưởng lập trường vững để làm thư ký.

Thế là tôi cũng bị nghi rồi! Tôi bị coi là kẻ "liên quan" rồi! Tôi không còn trong sạch nữa. Tôi vừa lo sợ vừa mừng vì không bị bắt trói. Thế là phúc bảy đời cho tôi. Thằng Biều bây giờ ở đâu? Nó có kịp gặp cha nó để nói cái điều mà tôi dặn? Tôi tưởng tượng cái cảnh tra tấn sẽ diễn ra đối với ông Khang. Tôi rùng mình.

- Dân quân đâu? Dẫn những bọn có tội với cách mạng vào đây! Chủ tọa ra lệnh.

- Có! Xã đội trưởng Niên trả lời.

Mấy người dân quân dẫn ông Khang vào trước. Ông đứng vòng tay, cúi gục đầu, tóc xõa. Chú xã Thọ cùng với bà Hinh, ông Đẹt, ông Ngợi, ông Giản lếch thếch đi sau.

Chủ tọa cứng cỏi, vào ngay chương trình:

- Bà con ta thẳng tay vạch mặt bọn hại dân hại nước, đào tận gốc đốc tận rễ hang ma động quỷ. Ta không thương xót gì chúng nó. Thương xót là mất lập trường giai cấp. Bằng tất cả mọi cách, ta bắt chúng nó khai hết. Không khai thì đánh chết. Chết thì chôn!

Từ phía dưới, ào ào xông lên ba người, rồi bốn người, rồi năm người, rồi sáu người. Họ đứng xúm quanh đám người bị quy là phản động, chửi rủa om sòm, váng tai váng óc. Cuối cùng, một bác nông dân hét to: "Chúng nó ngoan cố lắm. Chúng nó cứ đứng lì như tảng đá. Phải treo cổ một thằng để làm gương". Bị kích động, hàng chục người nhao nhao:

- Phải treo cổ một thằng!

- Phải treo cổ một thằng!

- Đừng treo cổ. Treo cổ thì nó chết ngay. Chết ngay thì nó không biết

đau. Cứ treo ngược lên.

- Phải rồi, treo ngược lên.

- Treo thằng Khang! Treo ngược lên!

Ba anh dân quân mang đại đao xồng xộc tới, buộc dây thừng vào hai cổ chân ông Khang, rồi trèo lên xà nhà kéo ngược dây. Ông Khang vội vàng van xin:

- Tôi xin khai hết. Tôi xin khai hết.

Họ lại buông dây xuống để ông Khang đứng nói:

- Tôi có tội với dân với nước. Từ này tôi không dám làm phản động nữa!

Dân quân A:

- Mi làm phản động với ai?

Dân quân B:

- Mi đã chi điểm cho giặc mấy lần?

Dân quân C:

- Mi đã nhận mấy ti đô la của Quốc Dân Đảng?

Bị hỏi dồn dập, ông Khang không biết trả lời thế nào. Chủ tọa liền ra lệnh: "Thằng này ngoan cố, treo ngược lên xà nhà!" Ba dân quân lại xô vào. Ông Khang chắp hai tay lậy: "Cho tôi khai. Tôi xin khai hết". Chủ tọa hỏi từng câu:

- Mi làm phản động với ai?

- Với mấy người đang ngồi đây.

- Mi đã chi điểm cho giặc mấy lần?

- Hai lần.

- Mi đã nhận mấy ti đô la của Quốc Dân Đảng?

- Năm ti.

- Mi để ở đâu? Mang ra đây...

Ông Khang lúng túng... Chủ tọa kết án là "thằng này ngoan cố, treo lên xà nhà!" Ba dân quân hung hăng cột dây thừng vào cổ chân ông Khang, kéo ngược lên xà nhà. Ông Khang bỗng trở thành cái xác treo ngược lùng lẳng. Tất cả mọi người trong hội trường không ai bảo ai, bỗng đứng giãn ra vây thành vòng tròn. Một người giơ chân đạp vào đầu ông Khang, ông bị văng sang bên kia, ở bên kia lại một người khác giơ chân đạp vào đầu ông... Cứ như vậy, cái đầu ông Khang như một quả bóng bị đá từ phía này sang phía kia...

Một người trong đám đông nhô đầu ra:

- Nó ngoan cố không chịu khai. Buộc dây như thế này nó không đau.

Tôi đề nghị buộc dây vào hai ngón chân cái.

Hàng chục người nhao nhao hưởng ứng:

- Phải rồi! Buộc vào ngón chân!

- Buộc vào ngón chân!

- Buộc vào ngón chân!

Một dân quân trèo lên xà nhà mở dây. Hai dân quân đứng dưới đỡ ông Khang nằm xuống đất. Họ dùng sức mạnh thiết sợi dây thật chặt vào hai ngón chân cái ông Khang, rồi lại treo ngược lên xà nhà. Lúc này thân thể ông mềm nhũn như một cái xác không hồn. Bất chợt, ông rên lên ư ử... Ngay tức thì một dân quân đạp trúng vào mặt ông hộc máu mũi:

- Lại còn vờ rên!

Tự nhiên có người gục đầu vào vai tôi. Tôi nhận ra trong ánh đèn lờ mờ: đó là thằng Biều con ông Khang. Nó khóc nấc lên, nhưng cố bịt miệng để không bật ra thành tiếng, cái đầu nó cứ rung trên vai tôi một nỗi đau tuyệt vọng. Tôi cảm thấy nặng vai quá, cái vai gầy gò của tôi lúc này phải chịu đựng gánh nặng hàng tấn. Một cảm giác ghê ghê như cật nứa cứa khắp làn da tôi. Liệu có ai nhìn thấy thằng Biều gục đầu vào vai tôi không? Lúc này người ta đang chăm chú nhìn vào thân thể ông Khang đang bị treo ngược, một số người thì cúi mặt xuống để khỏi phải chứng kiến cảnh rùng rợn kia. Tôi vờ như không biết có thằng Biều bên cạnh. Nhưng trong bóng tối, tôi giơ cánh tay ra phía sau nắm lấy bàn tay Biều. Bàn tay nó rung rung như một chiếc lá sắp rụng. Tôi biết lòng nó đang tê tái, đang xé gan xé ruột vì người cha đang bị hành hình ngay trước mặt nó. Tôi không có đủ bản lĩnh để tự phân tích ông Khang có phản động hay không, có theo bọn Quốc Dân Đảng hay không, có man khai thuế nông nghiệp nhiều hay ít, tôi chỉ rùng mình vì người ta đánh đập ông tàn nhẫn quá. Có lẽ ông chết mất. Ông Khang chết thằng Biều sẽ khổ lắm, nó không còn được tiếp tục đi học với tôi nữa...

Chủ tọa cu Đình đĩnh đạc lên tiếng:

- Lệnh của trên là phải giải hai tên đầu sỏ Ngợi và Giản lên huyện ngay đêm nay. Các đồng chí dân quân thực hiện mệnh lệnh của tôi!

Xã đội trưởng Niên "tuân lệnh" dẫn hai dân quân vào trói cánh gà Ngợi và Giản. Sợi dây thừng xiết mạnh quá mặt Ngợi nhăn lại và cánh tay tì xuống. Anh dân quân đấm một phát như trời giáng vào mặt Ngợi:

- Mi chống lại à!

Hàng chục người xô tới đánh túi bụi vào Ngợi và Giản. Họ ngã sấp mặt xuống nền nhà. Anh dân quân đá vào hông họ và quát:

- Đứng dậy mà đi! Vào nhà tù nằm cho sướng!

Chỉ còn lại giữa đấu trường mấy người: bà Hinh, ông Đẹt, ông Thọ và ông Khang đang bị treo ngược lơ lửng.

Bất thình lình một ông già hùng hổ rẽ đám đông, xộc vào giữa, đá vào đầu ông Khang một cú như sét đánh: "Tổ cha quân phản động". Thân thể ông Khang văng xa như đánh đu, dây thừng bị đứt, cái thân nặng nề của ông rơi thịch lên đầu đám đông. Đám người giãn ra. Một người kêu lên: "Nó chết rồi". Người khác: "Chết thì chôn". Anh dân quân đến gần: "Nó đang thở. Bọn này ăn sướng, chưa chết được đâu!".

Chủ tọa:

- Để tên Khang nằm đó. Bà con vạch mặt những tên khác.

Vòng người càng ngày càng xiết hẹp lại như vòng lửa bao vây bầy thú bị trọng thương. Trong vòng người ấy tưởng có thể bất giác lúc nào một cánh tay vung ra hoặc một bàn chân giơ lên là có thể thụi vào con thú chết ứ ự ngay tức khắc. Tôi chợt nhớ những ngày hội vây hổ ở Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu. Khi phát hiện con hổ về làng bắt trâu bò, người ta gióng trống gióng mõ, tổ chức trai tráng bao vây. Xung quanh con hổ là một vòng hào. Ngoài vòng hào là vòng người. Chiêng, trống, thanh la, não, bạt và tiếng hò reo long trời lở đất. Cuộc bao vây kéo dài bảy ngày, mười ngày, nửa tháng... Con hổ bị thác loạn thần kinh, lúc đầu hốt hoảng, dần dần bị tê dại, cuối cùng một đám lực điền cầm vũ khí xông vào đấu chết hổ.

Con hổ còn bị loạn thần kinh, huống hồ là con người. Những con người đang ngồi giữa vòng vây đêm nay có còn chút tỉnh táo của thần kinh để nghĩ về thân phận họ? Họ không những là người cùng làng xóm, cùng chung lưng đấu cật để tạo nên một cộng đồng nhỏ bé và ấm áp, mà là người cùng dòng máu, dòng máu họ Võ, cùng một ông tổ Triệu Cơ. Một lời cám dỗ vu vơ nào đó, một lời đồn đại lăng nhăng nào đó, họ trở thành đối tượng trong cuộc "đấu tranh giai cấp quyết liệt này". Chủ tọa cu Đình đã nói rõ điều này bằng những lời lẽ hầu như học thuộc lòng trong bài chính trị sơ cấp: "Lịch sử loài người được hình thành trên cơ sở lịch sử đấu tranh giai cấp. Chúng ta không bao giờ quên là phải đấu tranh giai cấp để tồn tại. Muốn đấu tranh giai cấp thắng lợi thì phải đề cao tinh thần cảnh giác, phải triệt để cảnh giác với mọi phần tử xấu đang lăm le phá hoại cuộc đấu tranh giai cấp của chúng ta". Vì tinh thần cảnh giác quá cao, cho nên ông Khang trở thành thủ quỹ của bọn phản động nước ngoài giữ những năm tì đô la, chú xã Thọ nghèo rớt mùng tơi đến làm thuê cho ông Khang cũng trở thành đảng viên trung kiên của Quốc Dân Đảng. Cũng vì tinh thần cảnh giác quá

cao cho nên bây giờ những con người này chịu đựng những đòn tra khảo nhục hình nặng gấp trăm gấp vạn lần lầm lỡ của họ.

Hãy nghe một thanh niên kể tội ông Đẹt:

- Khi giặc đổ bộ lên Quỳnh Lưu thì mi đem con dao găm ra mài. Mi mài dao găm để làm gì? Mi mài dao găm để ám sát cán bộ, để đội giặc lên mà rước vào nhà phải không?

Hãy nghe một bô lão kể tội bà Hinh:

- Khi cán bộ thuế nông nghiệp vào vận động thì mi đem rổ khoai ra mời cán bộ ăn. Hành động của mi có hai âm mưu: một là mi mua chuộc cán bộ, hai là mi khinh thường cán bộ, chỉ mời cán bộ ăn khoai lang, còn cơm gà cá gỏi thì mi để dành nuôi bọn phản động.

Hãy nghe một người đàn bà kể tội chú xã Thọ:

- Một hôm tao thấy mi từ nhà bà Đoan ra, tay cầm một gói cà. Mi có nhớ là mi gói cà bằng cái gì không? Bằng ảnh của Mao chủ tịch. Mi có tư tưởng nhạo báng lãnh tụ cộng sản quốc tế.

Nghe đến tên "bà Đoan" mẹ tôi, tôi giật nẩy mình. Mẹ tôi lại bị "liên quan" rồi. Tình thế sẽ ra sao đây? Chủ tọa cu Đình gọi:

- Bà Đoan có đây không?

Mẹ tôi ngập ngừng đứng dậy, nói "có" thì không hiểu sao chú xã Thọ lúc này còn tỉnh táo để thưa bẩm:

- Thưa chủ tọa là hôm đó tôi nhặt được tờ giấy rơi ngoài đường, tôi không biết đó là giấy in ảnh Mao chủ tịch. Tôi vào bà Đoan chơi, bà cho tôi một nắm cà muối, tiện tờ giấy đang cầm trên tay, tôi dùng gói cà.

Chủ tọa:

- Có đúng không bà Đoan?

Mẹ tôi:

- Lúc đó trời nhập nhoạng tối, tôi không để ý là tờ giấy in ảnh Mao chủ tịch.

Chủ tọa:

- Bà là người của đoàn thể mà bà kém tinh thần cảnh giác cách mạng. Bọn phản động lợi dụng tất cả mọi cơ hội chúng ta sơ hở để bôi xấu lãnh tụ, bôi xấu phong trào cộng sản quốc tế, bôi xấu hòa bình thế giới. Tôi đề nghị bà hãy nghiêm khắc tự kiểm điểm bản thân.

Mẹ tôi:

- Dạ... Tôi sẽ nghiêm khắc tự kiểm điểm...

*

Trời rét căm căm. Mãi đến nửa buổi tôi mới lùa trâu ra đồng. Tới đầu

làng, một cảnh tượng khủng khiếp hiện ra trước mặt tôi:

Những người bị đấu tối hôm qua đang bị trói ở gốc cau!

Hàng cau này chạy dài từ xóm Đông đến xóm Trung dọc con đường lớn qua sân vận động, qua giếng Đình và cửa đình. Những đêm trăng sáng, chúng tôi thường rủ nhau ra đây chơi đến tận gà gáy canh hai canh ba. Trai gái cũng thường hò hẹn gặp nhau ở nơi này, rồi thổi tù và kéo nhau thành phường lên núi hái củi... Bây giờ hàng cau thân yêu đã biến thành nơi đày đọa những người bị quy là phản động.

Mỗi gốc cau trói một người: ông Đẹt, bà Hinh, ông Khang, chú xã Thọ. Còn hai người nữa là ông Ngợi và ông Giản đã bị bắt lên huyện. Trong số người này, thực ra chỉ có Ngợi và Giản hăng hái tổ chức nhiều hoạt động chống lại chính quyền cách mạng. Ông Đẹt, bà Hinh, ông Khang bị kẻ khác xúi giục, đóng thuế nông nghiệp không đúng kỳ hạn, không chịu đi dân công hỏa tuyến mà lại bỏ tiền thuê người khác đi thay. Còn chú xã Thọ thì có tội tình gì? Nhà chú nghèo xơ nghèo xác. Ngợi và Giản thỉnh thoảng cho một ít tiền, một ít gạo, chú nhẹ dạ dự vài cuộc "họp kín". Vậy cái tội chính của chú là có tham dự "họp kín", dùng ảnh Mao chủ tịch gói cà và dự họp Nông Hội không đầy đủ... Nhưng tất cả những người này đều bị quy tội như nhau, đều là phản động, đều bị đánh đập, đều bị trói vào gốc cau.

Tối hôm qua rét như muốn nứt nẻ da người, nứt nẻ trời đất. Mấy đứa chúng tôi nằm ôm nhau trong ổ rơm vẫn còn rét. Thế là những người này sau cơn tra tấn ê ẩm cơ thể, lại bị phơi ra ngoài trời. Họ chống chọi bằng cách nào để qua một đêm rét như thế?

Từ xa, tôi đã nhìn thấy họ ngồi im như những đống đất. Tôi cũng nhận rõ người nào bị trói ở gốc cau nào. Họ còn sống đủ cả hay có ai đã bị chết rét? Thường ngày tôi lùa trâu qua lối này, nhưng hôm nay một cảm giác hãi hùng ngăn tôi lại. Tôi rẽ lối khác, rồi dừng sau bụi chuối già, chăm chú nhìn tới. Hình như cả bốn người vẫn còn sống. Ông Khang ngoẹo đầu một bên vai. Bà Hinh gục đầu khom lưng xuống. Ông Đẹt ngồi duỗi chân ra. Chú xã Thọ tựa sát lưng vào gốc cây. Tất cả chỉ giống nhau là hai tay bị trói gò vào phía sau qua thân cau..

Từ trong làng đã có nhiều người rời tổ ấm ra đồng làm việc. Kẻ gánh mạ. Người vác bừa. Kẻ dắt bò. Người dong trâu. Bình lặng như tựa ngàn xưa. Mà sao hôm nay im lìm và nặng nhọc đến vậy? Không ai nói chuyện với ai. Cũng không ai dám nhìn xuống gốc cau đang có người bị trói - những người bị trói đều có quan hệ ràng rịt với họ, xưng hô với nhau bằng bác, chú, dì, anh, em... Sự phân hóa thành "hai tuyến giai cấp" thật nhanh

chóng và bất ngờ.

Bên kia sông Bùng, từ các làng khác như Thổ Hậu, Hạnh Lâm, Vĩnh Thọ... có một đoàn các bà qua đò sang bên này đi chợ Lèn. Họ gánh gồng, đội, mang ngồn ngang những thúng mủng, bị cói, lồng gà. Đến hàng cau, họ dừng lại, một bà nói:

"Thì ra quân phản động đây rồi! Tôi cứ tưởng là phản động ở đâu đâu. té ra quân phản động ở làng Hậu Luật. Bà cho chúng mày biết tay!" Nói xong, bà tốc váy đái lên đầu ông Đẹt. Mấy bà khác cũng làm theo: tốc váy đái lên đầu ông Khang, bà Hinh, chú xã Thọ. Nước đái chảy từ tóc xuống ướt đẫm cả quần áo. Nước đái có làm cho những người bị trói ấm hơn chút ít hay xót thêm bởi vết thương đêm qua bị tra tấn? Mấy bà đái xong rồi bỏ đi. Tưởng thế là đủ làm nhục những người bị trói. Ngờ đâu có một bà khác băm bổ bước tới "Vì quân phản động này mà con tao phải ăn sương nằm gió ngoài mặt trận", vừa nói bà vừa đái rê từ đầu ông Đẹt qua đầu ông Khang, bà Hinh, chú xã Thọ.

Tôi đứng nhìn rất rõ, rất kỹ - một cảm giác rờn rợn nổi gai ốc khắp da thịt.

Tôi lại tiếp tục lùa trâu ra đồng. Từng bước một. Từng bước một. Hai bàn chân nặng như hai tảng đá.

Trưa. Trên đường trở về, tôi gặp thằng Luy con bà Hinh tay bê nồi, bát và thìa. Có lẽ nó mang cơm cho mẹ nó. Hằng ngày thằng Luy cùng đi học với tôi, đùa chơi vô tư với nhau. Hôm nay gặp tôi nó cúi mặt, vờ như không nhìn thấy tôi. Nó buồn nó đau hay nó xấu hổ? Ờ, mà sao lại xấu hổ nhỉ? Bỗng dưng giữa tôi và nó mở ra một hố sâu ngăn cách... Luy đi qua rồi, tôi len lén quay lại nhìn nó, chợt bắt gặp nó quay lại nhìn tôi. Nó vờ đánh rơi cái thìa, cúi xuống nhặt. Còn tôi thì vờ giơ roi tre quất vào đít con trâu.

Đến gần hàng cau, tôi thấy những người bị trói đã được phủ áo ấm, chỉ phủ bên ngoài thôi, chứ không được mặc vào hẳn hoi. Chắc là người nhà vừa mới mang tới. Nhưng chú xã Thọ không có người nhà, không có vợ con, không có anh em ruột thịt, ai đã choàng lên chú một tấm vải rách?

Đang vơ vẩn suy nghĩ, tôi nghe tiếng bước chân phía sau lưng, rồi vượt qua tôi rất nhanh. Thì ra cái Hoa em thằng Biều. Tay nó xách tao gióng đựng cái nồi nhỏ. Hẳn nó mang cơm cho ông Khang? Tôi vờ cho trâu cúi xuống bên đường uống nước để dõi theo cái bóng bé nhỏ của Hoa lê bước dọc hàng cau rồi dừng lại bên ông Khang. Hoa ngồi thụp xuống, úp mặt vào hai bàn tay, vai rung lên. Dường như bàn tay nó quá nhỏ không đủ sức đỡ nổi cái đầu quá nặng, nó vẹo người và sụp xuống chân ông Khang

đang duỗi ra.Theo bản năng, ông Khang định oằn người ôm lấy đứa con gái, nhưng bỗng khựng lại vì hai tay đang bị trói. Sau một lúc định thần, Hoa lấy khăn lau mặt bố. Bàn tay Hoa nương nhẹ lau những vết máu dính xung quanh mũi và mồm. Ông Khang nhăn mặt lại vì đau. Cánh tay Hoa run lên... Nó mở nồi và bón cho bố từng thìa cháo. Ông không nuốt được. Hoa đỡ bố ngồi thẳng để cho cái ngực không gập xuống. Rồi lại bón cháo. Ông lắc đầu. Hoa giàn giụa nước mắt. Nó đánh liều đến gần anh dân quân đang đứng gác, xin mở trói cho bố. Anh dân quân mặt lạnh như tiền, thủng thẳng bước đi, không hề đáp lại một tiếng. Hoa mạnh dạn bước theo và nói to hơn: "Thưa chú, cho cháu mở trói cho cha cháu, ăn xong chú lại trói như cũ". Anh dân quân vẫn không quay lại, nói xẵng giọng: "Mày định âm mưu cái gì? Mở trói để bỏ chạy à? Đến lúc này mà mày còn âm mưu làm cho tao mất cảnh giác giai cấp à?" Hoa thất vọng, trở lại với bố, nặng nhọc bón từng thìa cháo. Khó khăn lắm ông Khang mới nuốt hết một thìa. Hoa vẫn kiên nhẫn bón cho bố đến gần một tiếng đồng hồ.

Về nhà, tôi thấy mẹ tôi đờ đẫn. Mẹ không ngồi yên, đi đi lại lại trong gian nhà hẹp có vẻ xắng xở, bận rộn, đặt cái sàng lên cái mẹt, đặt cái thúng vào cái nia cầm cái liềm từ chỗ này giắt vào chỗ kia... Toàn là những động tác thừa. Cuối cùng mẹ vo gạo thổi cơm. Tôi ngồi bên mẹ, giơ bàn tay hơ lửa. Tôi định hỏi mẹ một câu, mà cứ ngập ngừng mãi không thốt ra thành lời. Tha thẩn hồi lâu, tôi dồn hết nghị lực để nói:

- Mẹ...

- ?

- Cách mạng thành công lâu rồi, sao lại nhiều phản động thế?

- Thế mới là chuyên chính vô sản con ạ. Đấu tranh giai cấp càng ngày càng quyết liệt thì bọn phản động càng hoạt động nhiều.

- Mẹ có lấy tài liệu cho con xem được không?

- Không được con ạ. Họp chi bộ, mọi người chỉ được nghe giảng chứ không được cầm tài liệu.

- Chú xã Thọ nghèo khổ, hiền lành thế, có đúng là phản động không? Hay người ta nói sai?

- ...

- Sao họp chi bộ, mẹ không bênh chú xã Thọ?

Nước mắt chảy ra trên gò má nhăn nheo, mẹ nói trong sụt sùi tiếng khóc:

- Con muốn người ta bắt trói luôn cả mẹ à?

(còn tiếp)

ĐÀN BÁCH KIẾM
mỹ nhân sơ đầu ca

Triều đại nhà Đường thi ca rộ nở. Nổi bật trong khu vườn nghìn hoa tươi thắm ấy là môt tiếng thơ kỳ dị, độc đáo có một không hai. Tiếng thơ ấy hơn nghìn năm sau vẫn lóng lánh một sắc mầu tân kỳ mới mẻ, đầy vẻ ấn tượng siêu thực của thế kỷ hai mươi, như dường không tuổi tác. Giọng thơ ấy đứng một mình một cõi. Hai trăm mấy chục bài thơ ấy nay còn lại là bao nhiêu bài, nhưng đã đủ để người đời sau gọi ông là Thi Quỷ Lý Hạ, bên cạnh những Thi Thánh Đỗ Phủ, Thi Tiên Lý Bạch, Thi Phật Vương Duy, Thi Sử Bạch Cư Dị. Hàn Mặc Tử bảo: *Thơ có tuổi và chiêm bao có tích, Và tâm tư có một điều rất thích, Không nói ra vì sợ bớt say sưa...* Thơ vừa có tuổi, có nghĩa là nó không còn trẻ dại, có nghĩa là nó đã thấy cái sự vụ buồn tẻ như cỏ khô của đời sống là chẳng làm sao cả, đã thấy cái mong manh bé nhỏ của hai bàn tay thiếu nữ trước cái sa mạc trần gian hoang vu lạnh lẽo là thơ mộng biết bao; mà Thơ cũng lại không có tuổi, nó mãi mãi tinh khôi nguyên vẹn, vượt ra ngoài những cái gọi là luật lệ cựu trào, là hình thức tân kỳ, là mới cũ già nua, là trẻ trung này nọ.

Hai mươi bảy tuổi đã lìa bỏ trần gian, về trời theo lời mời của Thượng Đế để viết bài ký mừng việc hoàn thành cung điện Bạch Ngọc. Sao ông Trời vội vàng chi mà không dời ngày khánh thành lầu Bạch Ngọc lại dăm ba tuần lễ! Một ngày ở trên ấy là một năm ở hạ giới. Để Lý Hạ thêm vài mươi năm ngao du cõi trần gian này há chẳng nên lắm ru? Chữ nghĩa, thi ca nhà Đường liệu có yên ổn được không nếu Lý Trường Cát cầm bút thêm vài mươi năm nữa? Tương truyền lúc Lý Hạ còn nhỏ, quan Thượng Thư Bộ Lại lúc bấy giờ là Đường Tống Bát Đại Gia đại văn hào Hàn Dũ nghe tiếng thần đồng Lý Hạ tìm đến thử tài, cậu bé ung dung phóng bút:

Điện tiền tác phú thanh ma không
Bút bổ tạo hóathiên vô công

(Trước nhà làm thơ trình ngài đọc chơi, tiếng thơ tôi lay động cả thinh không
Phóng bút bổ sung chỗ lệch lạc kém cỏi của tạo hóa, dễ dàng chẳng tốn mấy công sức)

Chữ nghĩa Lý Hạ như đến từ một thế giới nào khác, lung linh kỳ lạ, bí hiểm ma quái, quyến rũ mê hồn. Đọc thơ ông phải cẩn thận ngồi ngay ngắn trên ghế, kẻo không lỡ té bổ chửng. Thử nghe ông tả tiếng đàn không hầu của Lý Bằng:

Côn sơn ngọc toái, phượng hoàng khiếu
Phù dung khấp lộ, hương lan tiếu
Nhị thập môn tiền ngưng lãnh quang
Nhị thập tam ti đông tử hoàng
Nữ Oa luyện thạch bổ thiên xứ
Thạch phá kinh thiên đậu thu vũ
... Lão ngư khiêu ba sấu giao vũ

(Tiếng đàn nghe như tiếng ngọc trên núi Côn Sơn, quê hương của các loại ngọc, tan vỡ, nghe như tiếng con phượng hoàng lanh lảnh hót từ cõi miền nào vọng lại, nghe như những giọt lệ long lanh trên đóa phù dung, như thoang thoảng hương lan từ đôi môi ai đang chúm chím, nghe như ánh trăng thanh lạnh lẽo đang đọng lại trên hai mươi cổng thành Trường An, hai mươi ba sợi dây vang động cả cõi trời Tử Hoàng, nghe như tiếng gạch đá chỗ nàng Nữ Oa đang vá trời bỗng tan vỡ thành mưa rơi rớt đầy trời thu, nghe như tiếng con kình ngư già nua đang cùng thủy quái múa may quẫy sóng.)

Chao ôi, thơ mà đến như thế thì chả cần mấy mươi năm, chỉ thêm vài năm cũng đủ làm đảo lộn hết cả trời thơ đông tây nam bắc. Sau khi Lý Hạ chết mười mấy năm, một người bạn của ông đã nhờ Đỗ Mục viết bài tựa cho tập thơ của Lý Hạ. Đỗ Mục, vì nể bạn, từ chối mãi không được, trong lòng tự lấy làm hổ thẹn, miễn cưỡng viết về thơ Lý Hạ: "*Đối với thơ Lý Hạ thì mây khói, gấm cuộn không bì được văn thái, nước dòng mênh mông không bì được nét lai láng tình cảm, ánh xuân tươi thắm không bì được nét vui thú, vẻ thu trong sáng không bì được nét thanh tao, gió ngàn vần vũ, ngựa đàn bay bổng không bì được nét mạnh mẽ, bia mộ bằng ngói, lư đỉnh khắc triện, không bì được nét cổ kính, hoa nở giữa mùa, người đẹp son trẻ,*

không bì được sắc thái, vườn hoang điện phế, cây đồi cỏ lũng, không bì được niềm sầu oán, cá kình hút nước, rùa thần vùng vẫy, trâu yêu rắn ma, không bì được chất hoang đường kỳ ảo, quái đản mê hồn."

Sau đây mời độc giả Văn Học thưởng thức một bài thơ nude của Lý Hạ, bài Mỹ Nhân Sơ Đầu Ca, Bài Ca Về Người Đẹp Chải Đầu, Vấn Tóc. Chẳng cần phải *ngực mông eo rốn*, chỉ một dòng suối tóc đen nhánh, nhưng chao ôi cái người con gái ấy đến là tinh quái kiêu sa, uốn éo trước gương, xong việc rồi đi đâu không nói, lặng thinh bước xuống thềm thản nhiên ngắt một đóa hoa còn vương vất hương đêm, chỉ một dòng tóc thôi mà chữ nghĩa ông sao lại gợi tình đến thế, sao lại *ngọc thoa lạc xứ vô thanh nị*. Cái trâm nó rớt xuống đất, nó không vang tiếng, thì cứ để nó rớt xuống đất, cớ sao ông lại thêm chữ *nị* ở cuối câu. *Nị* nghĩa là béo, là mỡ, là ngầy ngậy. Cái gì béo? Chắc chẳng phải dòng tóc êm ái trơn trợt khiến cành bảo thoa rớt rụng không thành tiếng, hay là cái cõi miền thịt da thơm tho kia nẫy giờ vấn tóc xong xuôi mới khoác áo, khiến ai đó xuất hiện ở cuối bài thơ, đang nằm ngây ngất trên giường phải bàng hoàng tắt tiếng. Xin mời đọc bản dịch nghĩa trước, sau đó là bản dịch thơ của ông bạn Vân Trình Lữ Nhạc, và sau cùng là nguyên tác:

NGƯỜI ĐẸP VẤN TÓC
NàngTây Thi buổi sớm còn mộng bên bức màn lạnh
Búi tóc thơm nghiêng ngửa, nửa mùi trầm, nửa mùi đàn
Ròng rọc quay í a ngân nga tiếng ngọc
Lay thức đóa phù dung vừa đầy giấc ngủ
Đôi chim loan hé kính, nước mùa thu lóe sáng
Đến trước gương, đứng bên giường ngà gỡ tóc
Làn tơ thơm xõa tung, mây trời buông xuống đất
Thoa ngọc chạm miền phì nhiêu, không gây tiếng động
Tay thon đan lượn trên dòng tóc ánh mầu lão quạ già
Tím ngắt trơn tuột cành bảo thoa cài không chắc
Gió xuân mơn trớn làm nũng nịu nét lười biếng kiều diễm
Mười tám, tóc nguồn nguộn, khí lực không thấy đâu
Mái tóc vấn xong, nghễu nghện không nghiêng chếch
Khoác áo mây, chân bước đạp trên cát, chỗ nhạn bay về
Ngoảnh lưng lại với người, đi đâu lặng thinh không nói
Bước xuống thềm, giơ tay ngắt lấy đóa anh đào.

LOÁNG GƯƠNG VẮNG LƯỢC
Nẻo bươm bướm phập phồng trong sương sớm
Giếng ư a nhấp nhổm trục gầu quay
Ướn gối nồng ngấm lạnh giã cơn say
Tròn đẫy giấc, vòng tay cong rướn quyện

Cánh phượng chớp, ánh thu bừng sóng hiện
Sững bên gương uyển chuyển gỡ huyền tuôn
Ấp nền hoa, xõa đổ suối mưa nguồn
Mảnh trâm rụng, lịm buông im ngậy tiếng

Hé môi ướt, khẽ ươm nơi khóe miệng
Nhánh thuôn ngà thoắt liệng ướm vờn quanh
Buổi thanh tân mười tám ngất trơn xanh
Dồn quấn chặt từng khoanh êm nhẫy nhượt

Thoa tuột lỏng, trượt thơm tòa óng mượt
Lặng xoay người, nhạn lướt đạp mây về
Mặc ai nằm, khoác áo bước xuống thềm
Ngắt một đóa nhụy đêm ươn ướt nở

美人梳頭歌
MỸ NHÂN SƠ ĐẦU CA
Lý Hạ 李賀

西施曉夢綃帳寒
Tây Thi hiểu mộng tiêu trướng hàn
香鬟墮鬢半沈檀
Hương hoàn đọa kế bán trầm đàn
轆轤咿啞轉鳴玉
Lộc lô y á chuyển minh ngọc
驚起芙蓉睡新足
Kinh khởi phù dung thụy tân túc
雙鸞開鏡秋水光
Song loan khai kính thu thủy quang
解鬟臨鏡立象牀
Giải hoàn lâm kính lập tượng sàng

一編香絲雲撒地
Nhất biên hương ty vân tát địa
玉釵落處無聲膩
Ngọc thoa lạc xứ vô thanh nị
纖手卻盤老鴉色
Tiêm thủ khước bàn lão nha sắc
翠滑寶釵簪不得
Thúy hoạt bảo thoa trâm bất đắc
春風爛火曼惱嬌慵
Xuân phong lạn mạn não kiều dung
十八鬟多無氣力
Thập bát hoàn đa vô khí lực
妝成 髣妥 鬢 欹不斜
Trang thành thỏa đỏa khi bất tà
雲裾數步踏雁沙
Vân cư số bộ đạp nhạn sa
背人不語向何處
Bối nhân bất ngữ hướng hà xứ
下階自折櫻桃花
Há giai tự chiết anh đào hoa

- Trong nguyên tác làm gì có câu nào là hé môi ngậm cành thoa nơi khóe miệng đâu, sao lại dịch ba lăng nhăng như thế ?

- Thưa, đó là do nơi Lý Hạ hiện hồn về báo mộng.

Đàn Bách Kiếm
Houston, tháng 4, 2006

Tìm mua tác phẩm mới của
nhà thơ PHAN XUÂN SINH
Bơi trên dòng nước ngược
tạp văn
Sông Thu xuất bản, dày 206 trang, giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: Phan Xuân Sinh
121 Marlborough Rd, Salem MA 01970 USA
Phone: **(978) 745-2022**

HOÀNG MAI ĐẠT

đạp xe với thanh tâm tuyền

Một buổi chiều nọ, đang ngồi ở trong bếp, tôi bỗng buột miệng, "Chắc phải đạp xe lại. Lâu quá không đạp. Sắp dốt đến nơi rồi. Hay là dốt rồi mà mình chưa biết đó thôi."

Tôi có tật thỉnh thoảng nói lớn ý nghĩ ở trong đầu, độc thoại như một ông vô gia cư tàng tàng, đứng nói lẩm bẩm một mình ở góc phố, hay một thanh niên tửng tửng, đeo máy nghe điện thoại ở trong tai, cười giỡn với bồ ở bên kia đầu dây. Vợ tôi đang nấu cơm ở trong bếp, nghe tôi nói chữ được chữ không, tưởng chồng lại than văn về cái bụng đang phình ra như cái trống, không còn thon thả, phẳng lép như mấy năm trước. Nàng khuyên, "Đạp xe không chắc xẹp bụng đâu. Anh nên tập nằm ngửa, ngồi dậy ép bụng lại. Tập mỗi ngày vài trăm lần thì may ra. Tốt hơn hết anh làm ơn bớt uống bia, bụng sẽ xẹp liền. Lười tập thể dục như anh thì còn lâu bụng mới thon." Tôi đang sợ mình dốt, vợ lại chê tôi lười, bụng to, còn kể tội uống bia. Chúng tôi đang có khác biệt không thể hòa giải, chắc phải "đường ai nấy đi" thôi.

Chuyện dốt của tôi bắt nguồn từ mấy dòng chữ của ông William Howard Gass mà tôi đọc trên mục điểm sách của báo *Los Angeles Times*. Nhật báo viết hai bài về tác phẩm của William Gass. Ông được đào tạo trong môn triết học trước khi trở thành một tiểu thuyết gia, được biết nhiều hơn qua những bài khảo luận về văn chương, phê bình những tác phẩm lớn từ cổ chí kim, có công khám phá những tác giả không được chú ý, bị lướt qua trong những bài tổng luận. Nhà khảo luận tóc bạc trắng này đã 82 tuổi (2006), chào đời tại North Dakota, dạy ở Đại Học Washington tại St. Louis trong nhiều năm. Ông có biệt tài phân tích ý nghĩa, ngữ vựng, cấu trúc của từng câu, từng đoạn văn. Đối với ông, nhà văn mà ông thích là những ảo thuật gia, viết lên một ca khúc với những khái niệm, vui chơi trong kịch tính và vũ điệu của tư tưởng. Ba bài khảo luận của ông đã thắng giải của Nhóm Bình Luận Sách Quốc Gia. Ông được St. Louis vinh danh với một ngôi sao trên vỉa hè dành cho người mang niềm hãnh diện về cho thành phố, như

những tài tử được khắc tên tại Hollywood. Tuy viết rất nhiều – bảy cuốn tiểu thuyết kể cả cuốn *Đường Hầm* (The Tunnel) đồ sộ được chuẩn bị trong ba thập niên, và mấy tập khảo luận – ông Gass nói rằng ông viết rất khó khăn, không tuôn tràn dễ dàng như những đoạn văn trôi chảy mà người ta được đọc của ông. Bài viết của nhật báo đã có những lời khen, chê về một tuyển tập khảo luận của ông mang tựa đề *Ngôi Đền Của Chữ Nghĩa* (A Temple of Texts). Ông Gass được mô tả viết rất sắc bén, tinh tế, đôi khi khoe tài.

Cũng có lúc ông viết rất nhẹ nhàng, thi vị như đoạn sau đây, nhắc tôi nhớ đến chuyện dốt của bản thân: "*Mỗi cuốn sách cũng như một chiếc xe đạp: Bạn du hành tùy vào sức mạnh, tiến tới theo tốc độ của chính mình. Chuyến đi của bạn diễn ra trong sự yên lặng, không gây ô nhiễm, không có ai bị nguy hiểm bởi hành trình của bạn – họ không sợ hãi, bị gây thương tích, hoặc bị giết – và tập thể dục như vậy cũng tốt cho sức khỏe của bạn.*"

Dạo này tôi đọc sách rất ít, hiếm khi du hành với một chiếc xe đạp như ý của ông Gass. Mỗi ngày tôi vẫn đọc vài chục bản tin có lúc nóng bỏng, đôi khi nhàm chán, bồi thêm những bài phân tích, tường trình địa ốc khô khốc, luôn lạc quan, hoặc bay bổng như sương khói bên trên mặt thực tế. Đọc thì nhiều, mà thật sự đọc sách không là bao nhiêu. Ngoài nhiệm vụ cặm cụi viết tin ở đài phát thanh, ăn mặc bảnh bao chờ khách cần dịch vụ địa ốc, hiện thời tôi còn xăn tay áo, gồng tay, đảm trách dịch vụ sửa sắc đẹp cho một căn nhà cũ ở gần Los Angeles. Công việc này chỉ cần một bộ đồ cũ, một chút óc sáng tạo để chế biến vật liệu theo hoàn cảnh, và một điều kiện mà tôi có rất ít – mấy bắp thịt cứng, mạnh để nện búa, vặn mỏ lết. Tuy chưa là một tay thợ chuyên môn, tôi cũng muốn khoe rằng tôi biết tân trang một mái hiên (theo ý kiến tối hậu của vợ), lát sàn nhà với những miếng nhựa vuông (sắp học thêm nghề lát gạch, cưa bằng máy chứ chẳng phải chơi), sơn nhà, lắp cổng sắt, sửa tủ cabinet ở trong bếp, cộng với dăm ba chuyện lặt vặt khác như tỉa cây, cắt cỏ, khiêng mấy tảng đá (cũng theo lệnh vợ). Làng văn đã có nhiều bác sĩ, kỹ sư kiêm văn sĩ, giờ có thêm một ông thợ viết kiêm thợ mộc chắc cũng không sao, chưa giảm phần quí trọng của thiên chức nhà văn. Giữa những lúc cầm búa đóng đinh, cưa xong một thanh gỗ, hay đang lăn sơn lên tường, có khi tôi ngừng tay, vui thích nghĩ đến một đoạn văn, một câu thơ, một chữ lạ trong bài viết của ai đó bỗng trở về trong trí nhớ, đi lạc dăm ba phút vào thế giới thần tiên của chữ nghĩa, rồi lại thầm tiếc không có thời giờ để đọc sách, nhẩn nha vào một cuộc du hành trong yên lặng như đang đạp xe ở miền bình nguyên của ông Gass.

Thật tình thì không phải cuốn sách nào cũng thú vị, tốt cho sức khỏe.

Có những cuốn được viết hình như cốt ý hành hạ, tra tấn, chụp bắt người đọc như người bán xe bám riết vào khách hàng. Lỡ bước vào sách mà không kịp chạy ra là bị bức thở cho đến dòng chữ cuối cùng, đọc xong toát mồ hôi, mất ngủ, hôm sau còn hồi hộp. Vớ phải một cuốn tiểu thuyết dở, bố cục lỏng lẻo cũng giống như ngồi xe đạp không có yên, vừa đau thốn mông vừa rán đạp cho hết mà không biết đi đâu. Cầm một tập thơ mà ngay mấy bài đầu nghe "sến", bắt chước thơ người khác, thà quăng xe đạp để cuốc bộ chắc còn khá hơn. Cũng có những cuốn sách chính trị gây ô nhiễm tư tưởng, đọc xong muốn phóng xuống đường để biểu tình, cầm bảng, gây sự với người lạ, đập bàn tranh cãi với người quen. Đụng vào sách phê bình văn học hay sách triết lý đôi khi như đi lạc vào rừng tối mò, chẳng chịt chữ nghĩa, tư tưởng dị thường, phải dắt xe đi từ từ, không thể đạp bừa qua những nhánh rễ nằm la liệt, sắp cựa mình như mãng xà dọa phun chữ độc.

Nói thì nói vậy, đọc sách vẫn là một thú vui, một cuộc hành hương đến một ngôi đền mà từ đó những hành trình khác lại bắt đầu. Càng đi xa càng thấy bầu trời thênh thang, bát ngát hơn, thú vị biết bao. Thế nên mấy bữa nay tôi bồn chồn, cảm thấy muốn đạp xe, trở lại một con đường mà tôi hằng yêu thích, cho dù con đường có lúc quá cô độc, phải "hú dài một tiếng lạnh về hư không" như thiền sư Không Lộ từng thốt lên trên một đỉnh núi. Đọc sách để quên chuyện cơm áo đang bủa vây ở chung quanh, để rời xa những tin chiến sự đang đè nặng, ám ảnh tâm tư như một con qui truyền kiếp, để làm ngơ những đổi thay trên thị trường địa ốc mà tôi phải quay cuồng, hối hả bám theo. Ở căn nhà cũ đang được thoa son đánh phấn, có lúc tôi đã tạm ngưng ráp một cánh cửa vào khung, ngẩn ngơ đôi phút dõi mắt ra ngoài cửa sổ. Bãi đất trống đằng sau nhà đang xanh tươi như một cánh đồng mùa xuân. Những nhánh cỏ vươn cao, ngả nghiêng theo gió như đồng lúa sắp trổ bông. Từng đợt mưa lạnh đã lũ lượt kéo đến từ bắc Thái Bình Dương trong tháng Ba, giúp cây cỏ trổi xanh, mượt mà sau nhiều tháng bị cháy khô dưới nắng. Sân cỏ mọc hoang dại, trải thảm từ tường nhà đến tận hàng rào, lấp kín những gốc cây mà trên nhánh đang trổ bông. Cây lựu bên hông nhà đã chi chít lá non, bóng ửng trên nền trời trong xanh. Nhìn cỏ cây xanh mát, tung tăng vờn nắng, tôi chợt thấy mình có quá ít thời giờ, lòng khô héo như thiếu một cơn mưa, thèm những dòng văn, những giọt thơ lạnh ướt rơi xuống từ trên thinh không bất tận.

Giữa lúc đang khao khát, cần một cuốn sách để du ngoạn, tôi chợt nghe tin nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã từ trần tại miền tuyết Minnesota. Ông mất trưa ngày Thứ Tư 22 tháng Ba, 2006. Đêm hôm ấy, sau mấy giờ cưa đóng

vang dội trong căn nhà cũ, về lại Bolsa tôi mới đọc thư email, được anh Nguyễn Xuân Hoàng báo tin sự ra đi của nhà thơ. Tôi email lại anh Hoàng ở San Jose, xin những chi tiết về một thi sĩ thuộc thế hệ đàn anh. Trước khi lên giường ngủ đêm hôm ấy, tôi lục lọi trên những kệ sách ở dưới garage, hy vọng tìm được vài tác phẩm của ông. "Thư viện" của tôi chỉ có cuốn tiểu thuyết *Một Chủ Nhật Khác* của Thanh Tâm Tuyền, và dăm ba cuốn tuyển tập, khảo cứu có nhắc đến ông. Tôi ghi chép vài chi tiết cần thiết – tiểu sử, tác phẩm, ngày sanh, ngày mất, vài câu thơ tiêu biểu, những ý kiến về thơ, văn của ông – chuẩn bị cho một bản tin mà tôi sẽ viết vào sáng hôm sau.

Bản tin trên đài Little Saigon Radio về Thanh Tâm Tuyền vào trưa Thứ Năm hôm ấy đã dài gấp đôi so với những bản tin bình thường. Đó là bản tin quan trọng nhất trong ngày, được tôi đưa lên hàng đầu, bên trên những tin thời sự như bom nổ ở Baghdad, tham nhũng cá độ tại Hà Nội, biểu tình chống thủ tướng bên Bangkok, phản đối luật lao động tận Ba Lê, bão tuyết, sát nhân, và xăng lên giá khắp Hoa Kỳ. Chiến tranh đến rồi đi, rồi lại đến. Một Thanh Tâm Tuyền chỉ đến có một lần, muôn đời không trở lại. Tin Thanh Tâm Tuyền từ trần đã được hầu hết các nhật báo, tuần báo loan tải tại Quận Cam, kể cả mấy tờ lá cải mà những trang quảng cáo thường dày gấp đôi, gấp ba những trang bài. Các đài phát thanh, truyền hình Việt ngữ cũng nhắc đến ông. Mấy nghệ sĩ, ca sĩ liên lạc tổ chức chương trình ở Quận Cam, Houston, tưởng niệm một người cùng thời hoặc từng có sinh hoạt chung với họ. Ở những địa phương đông người Việt khác chắc cũng vậy – San Jose, Seattle, Virginia, Houston, Toronto, và lẽ đương nhiên Roseville, một địa phương ở ngoại ô tây bắc St. Paul, nơi ông sống những ngày tháng cuối đời và được an táng ở đó – cũng có một vài sinh hoạt nào đó, trước đám đông hay trong nơi riêng tư giữa vài người bạn đồng điệu, ghi nhận sự mất mát một Thanh Tâm Tuyền trong nền văn chương Việt Nam. Sự ra đi vĩnh viễn của một người thường khiến chúng ta giật mình, bước ra khỏi cuộc sống hiện tại, khơi lại quãng đời đã qua của người ấy, như thể duyệt lại quá khứ của chính mình. Đọc những bài báo về ông tôi có một cảm tưởng mà tôi thường bắt gặp ở chính mình tại nhà quàn, trong lễ an táng của một người thân quen: Có đôi điều tôi chưa được biết, muốn biết và sẽ không bao giờ biết về người quá cố. Một khi xác đã nằm trong quan tài, chung quanh thi thể như toát ra một sự huyền bí, một điều bí ẩn, chuyển hóa thân xác thành một người xa lạ nào khác mà bấy lâu nay từng bị che khuất bởi hơi thở của sự sống. Thanh Tâm Tuyền là ai? từng sống như thế nào? sao ông có thể sáng tác những lời thơ, câu văn như vậy?

Như hầu hết mọi người, tôi "đạp xe" rất ít về Thanh Tâm Tuyền, chỉ biết thêm khi cái chết của ông trở thành tin thời sự trong ngày. Các bài báo chép lại tiểu sử của ông từ trong một cuốn sách nào đó được cất giữ trên kệ đã lâu, hoặc chuyền tay từ báo này qua báo khác. Tôi cũng ghi lại đôi điều về ông, lượm lặt từ trong thư viện riêng của tôi, trích từ mấy bài báo chung của mọi người: nhà thơ này tên thật là Dzư Văn Tâm, chào đời năm 1936 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, di cư vào Nam năm 1954. Tùy theo tài liệu, ông lọt lòng mẹ ngày 13 tháng Ba hoặc ngày 15 tháng Ba. Không nghe ông giải thích về sự khác ngày. Ông từ trần trong tháng Ba, cùng tháng ông đã chào đời. Thanh Tâm Tuyền bị ung thư phổi, nằm trong bệnh viện Regions Hospital tại St. Paul được sáu ngày trước khi khép kín đôi mi, đóng chặt cánh cửa vào tâm hồn ông, không còn "[t]rợn mắt dòm bão trận sinh tử / bủa muôn trùng ánh thép hoa bay" như ông từng khóc kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, người cũng qua đời tại miền bão tuyết Minnesota, trong bài "Khóc Muộn Tuyết Ngưu VKK."

Thanh Tâm Tuyền viết từ năm 18 tuổi, chủ trương tờ *Nguyệt San Việt Lửa*. Trong khoảng thời gian từ năm 1956 đến năm 1960 ông dấn thân xa hơn vào văn chương, lập tờ *Sáng Tạo* với những cây bút cự phách một thời như Mai Thảo, Nguyên Sa, Vũ Khắc Khoan, Tô Thùy Yên, Doãn Quốc Sỹ, Quách Thoại, Lý Hoàng Phong, Lữ Hồ, Trần Thanh Hiệp, Thanh Nam, và mấy cây cọ như Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Tạ Tỵ, Duy Thanh. Đến năm 1960 tờ *Sáng Tạo* còn có thêm Cung Trầm Tưởng, Thạch Chương, Dương Nghiễm Mậu. Thanh Tâm Tuyền đã nhập ngũ một thời gian, dạy học cho đến khi Cộng Sản chiếm Sài Gòn. Đâu đó trong năm 1975, ông viết bài thơ "Ngày Đến", bùi ngùi nói lên thân phận của một kẻ thuộc phía chiến bại bị đưa đến trại tù cải tạo Long Giao, Long Khánh trong những ngày tháng tàn cuộc chiến.

Tình mơ xe đến Long Giao
Đón người đám cỏ tranh cao bên đường
Trông lên đồi núi mờ sương
Mưa bay tất tưởi mưa rong tần ngần
Tiêu điều ngơ ngác trại quân
Đất lầy bùn đỏ quánh chân ghê người
Ngổn ngang chiến cụ bỏ rơi
Xanh om bờ bụi tả tơi lũy đồn
Nhà hoang vách trống gió luồng,
Vắng tanh nỗi nhớ dập dồn bóng vang

Ngả lưng trên đất mơ màng
Hé trời trôi giạt ngỡ ngàng tấm thân.

Ông bị học tập cải tạo bảy năm, "trôi giạt ngỡ ngàng" đến những trại tù khác từ Yên Báy, Lào Kay, đến Vĩnh Phú. Theo lời của nhà văn Phan Nhật Nam, đăng trên tờ *Việt Báo* tại Quận Cam, Thanh Tâm Tuyền đã ở tù Cộng Sản rất lâu, thuộc nhóm tù 776, đoàn Hoàng Liên Sơn, bị đưa ra miền Bắc. Sau khi ra tù, ông về Bình Giã, Phước Tuy để làm ruộng, có lúc viết văn gởi ra hải ngoại với bút hiệu Trần Kha. Trong thời gian lao động khổ sai tại trại K5 Tân Lập, Vĩnh Phú, thi sĩ kể tâm trạng của kiếp người ngang với thú vật:

Người nghe tiếng thở phì phò của trâu
Tiếng tim đập ù tai ngực nhói
Con vật đói và người cũng đói
Bước mộng du theo nắng lên cao.
Hồi hôm trăng lạnh ngời thanh vắng
Đêm nay rồi bao đêm nữa
người tù sẽ còn thức trắng.
(Thơ Tặng Bạn Đi Cày)

Rời tù năm 1982, ông đoàn tụ với thân nhân tại Minnesota, sống lặng lẽ, âm thầm ở đó cho đến ngày cuối đời. Thanh Tâm Tuyền để lại những tác phẩm: *Tôi Không Còn Cô Độc* (thơ, 1955); *Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy* (thơ, 1964); *Khuôn Mặt* (truyện, 1964); *Bếp Lửa* (truyện, 1966); *Dọc Đường* (truyện, 1966); *Ba Chị Em* (kịch, 1967); *Cát Lầy* (truyện, 1967); *Mù Khơi* (truyện, 1970); *Tiếng Động* (truyện, 1970); *Tạp Ghi* (phiếm luận, 1970); *Một Chủ Nhật Khác* (truyện, 1975); và *Thơ Ở Đâu Xa* (thơ, 1990). Tuy viết hầu hết truyện và tiểu thuyết trong ba thập niên, Thanh Tâm Tuyền đã mở đầu và kết thúc sự nghiệp bằng một tập thơ. Ở trong ông là một thi sĩ, mặc dù ông viết nhiều tiểu thuyết. Truyện của ông có đầy ắp chất thơ, và người ta nhớ đến ông nhiều hơn qua những bài thơ.

Kèm với những bài viết ngắn về tiểu sử, tác phẩm, vài nhật báo đã đăng bức hình của một Thanh Tâm Tuyền rất trẻ, tươi cười trong bộ vét đen, áo sơ-mi trắng có thắt cà vạt đen. Ông có đôi chân mày dài, rậm, đầy nghị lực. Hình được chụp trong ngày cưới của hai người bạn trong văn giới, Thanh Nam và Túy Hồng. Nhìn Thanh Tâm Tuyền cười miệng rộng, tia mắt tình tứ, người ta khó nghĩ ông có những dằn vặt, xâu xé, bức bí, nghẹt thở trong tâm hồn ẩn mật của ông. Trong một bài viết tưởng niệm sự mất mát của nhà thơ, đăng trên nhật báo *Người Việt*, nữ ca sĩ Quỳnh Giao cho thấy một khía

cạnh của Thanh Tâm Tuyền mà hầu hết chúng ta vì thời gian, không gian và vì hoàn cảnh, không có cơ may được biết. Quỳnh Giao viết:

"Nhà thơ Nguyên Sa là ông thầy Trần Bích Lan duyên dáng, dạy triết mà khiến học trò mê thơ. Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền là ông thầy Dzư Văn Tâm khắc khổ, dạy Việt văn mà như là dạy triết. Vào lớp, Thanh Tâm Tuyền ngửng lên trời, dạy văn cho lũ học trò mà như đối thoại với Thượng Đế. Cái chất duy nhất rất người của ông là mười đầu ngón tay vàng những khói thuốc."

Tuy thơ của Thanh Tâm Tuyền thường được mô tả khó hiểu, tối tăm, ngột ngạt, người ta cũng phổ được mấy bài thơ của ông, để lại những ca khúc nổi tiếng như "Lệ Đá Xanh" do Cung Tiến phổ nhạc, "Đêm Màu Hồng" được nhạc sĩ Phạm Đình Chương lấy từ bài thơ "Bài Ngợi Ca Tình Yêu", và bài "Dạ Tâm Khúc" cũng do Phạm Đình Chương.

Bên cạnh những dữ kiện tìm thấy ở mấy cuốn sách, các bản tin trên nhật báo, tôi cũng đọc được đôi ba đoạn của Nguyễn Hưng Quốc viết về Thanh Tâm Tuyền. Có lẽ không có ai hiểu thơ, cảm thơ, giải thích thơ, viết về thơ sâu sắc, hấp dẫn bằng Nguyễn Hưng Quốc. Nhà phê bình này đã viết về Thanh Tâm Tuyền trong cuốn *Thơ, V.V... và V.V...:*

"Ở miền Nam, thời kỳ 1954-75, nhiều nhà thơ, đi tiên phong là Thanh Tâm Tuyền, muốn kéo thơ ra khỏi thế giới tưởng tượng thơ mộng và hiền lành của Thơ Mới, muốn 'phá vỡ những giấc mơ quen thuộc... [để] đưa người ta đi tìm sự thật'. Song, dù sao, Thanh Tâm Tuyền cũng không hề đòi trục xuất tưởng tượng ra khỏi thơ để thơ trở thành một tấm gương soi chiếu hiện thực. Điều ông cổ vũ là đổi mới cách tưởng tượng: tưởng tượng, với các nhà Thơ Mới, vốn gắn liền với cảm xúc, thường nhẹ nhàng, như những tiếng ru, dẫn người đọc đi xa, ra khỏi cuộc đời; với Thanh Tâm Tuyền, gắn liền với ý thức, chứa đầy dằn vặt, như những tiếng thét, kéo người ta ra khỏi giấc mơ để đối diện với những đổ vỡ, những hỏa hoạn, những thiên tai ngay chính trong tâm hồn của mình. Tưởng tượng, với các nhà Thơ Mới, nghiêng về khía cạnh thoát ly; với Thanh Tâm Tuyền, nghiêng về khía cạnh nhận thức; với các nhà Thơ Mới, nảy sinh từ đời sống nông thôn, với Thanh Tâm Tuyền, từ đời sống thành thị; với các nhà Thơ Mới, mang màu sắc lãng mạn chủ nghĩa, với Thanh Tâm Tuyền, mang màu sắc hiện đại chủ nghĩa." (trang 105-106)

Cũng trong cuốn *Thơ, V.V... và V.V...* xuất bản năm 1996, Nguyễn Hưng Quốc viết ở trang 185: *"Trước, nhà thơ tự coi mình như một kẻ có phẩm chất đặc biệt và cao cả, khác hẳn phàm trần, không thể có tri âm giữa trần,*

nên chỉ trò chuyện với vũ trụ, với trăng sao. Nay, ngược lại, nói như Thanh Tâm Tuyền, 'người làm thơ... chỉ là tên ăn mày lẩn giữa đám đông khốn cùng với một mẩu tự do còn sót lại.'"

Trước đó, vào năm 1989, Nguyễn Hưng Quốc có viết về Thanh Tâm Tuyền trong cuốn tiểu luận *Nghĩ Về Thơ* từ trang 54 đến 56:

"Ở miền Nam trước năm 75, dường như nhiều lúc Thanh Tâm Tuyền cũng muốn thăm dò cái cõi tiềm thức ẩn mật trong một số bài thơ đến nay vẫn bị coi là tối tăm. Thử đọc bài thơ số 9 trong chùm 'Đêm' in trong tập Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy:

Một giọng trầm đêm
Niềm cô độc sâu
Nét nhạc xanh cung thương đen
Mi mắt trĩu mùa đông cũ
Cái chết bốc hơi
Tiếng kèn rách vô hình dáng
Người con gái áo đen xõa tóc ngất
Hai cánh tay dài quằn quại hai con trăn hiền lành
Không khí nhiễm độc
Đập vỡ
Quá khứ hỗn xược trên da trống
Ném miếng chai lên mặt trời mù
Nói thầm nói thầm
Mùa rét mướt
Thời gian dần trừ khử
Giọng như hơi cháy dưới sình lầy
Nhát búa hoảng hốt
Tương lai thét đớn đau
Lửa ma trơi vụt tắt
Tiếng cười dữ tợn
Người con gái áo đen
Thổ máu
Cái chết bốc hơi chóng mặt
Nôn xuống chân giận hờn sỏi đá
Đập vỡ đập vỡ đập vỡ đập vỡ
Niềm cô độc sâu
Giọng trầm đêm hút.

"Bài thơ viết về đêm tối. Trọn vẹn một đêm tối. Từ lúc khởi sự đêm đến

lúc tận cùng đêm. Đêm mưa rơi lâm thâm. Như những tiếng nói thầm. Mưa không đủ lớn để nền trời thành đặc quánh hẳn. Người ta vẫn thấy, mờ thật mờ, trên cao, một vài vì sao thưa thớt như những mảnh chai lấp lánh. Bóng tối được ví với một người con gái. Đêm xuống: 'người con gái áo đen xõa tóc ngất'. Rạng đông hừng lên: 'Người con gái áo đen... thổ máu'. Đêm bị đồng hóa với cái chết. Đêm càng sâu, những tiếng nói, tiếng động càng dần dần tắt: 'Thời gian dần trừ khử. Giọng như hơi cháy dưới sình lầy'. Chỉ còn lại, nặng nề trong những người thao thức, 'niềm cô độc sâu'."

Nguyễn Hưng Quốc viết rất lôi cuốn, gợi nhiều ý tưởng, đưa người "đạp xe" đi vun vút từ đầu đến cuối sách của ông một cách tài tình, nhiều sinh khí. Về mặt phê bình thì tôi không thể viết như thế. Cảm được những điều tác giả muốn diễn tả cũng đủ... mệt, hụt hơi, huống hồ phải hiểu và trình bày lại cho người khác cũng hiểu như vậy quả là khó.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên viết có mấy chữ về Thanh Tâm Tuyền mà viết cũng không xong, chưa hết ý. Đến Mỹ năm 1975 ở tuổi mới lớn, mỗi khi dành dụm được một chút tiền, tôi mua mấy dĩa nhạc Mỹ và gởi thư mua sách tiếng Việt từ nơi xa. Dần dần kệ sách của tôi cũng lên vài chục cuốn. Lúc đó tôi quí sách vô cùng, không để sách bừa bãi, chất đống dưới garage như hiện nay. Tủ sách nằm bên cạnh giường (thật sự thì nhà chật, không để sách gần giường thì không còn chỗ nào khác). Bìa của mỗi cuốn sách được tôi dán một lớp giấy plastic trong suốt, giúp cho bìa được bền hơn, sách được thọ hơn mặc dù in bìa mỏng, giấy xoàng.

Một trong những cuốn được tôi nâng niu, cẩn thận bọc bìa là bộ hai cuốn *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta*. Mua bộ sách này tiện, được đọc truyện của 45 tác giả mà giá chỉ có $16 đồng, cộng thêm cước phí. Mỗi tác giả không tới 50 xu. Thời đó tôi còn rảnh rang, bạn gái chưa có, còn đi học, đi làm bán-thời-gian, chưa có công việc chính thức, cũng chưa có Internet để *chat* với ai, nên còn thời giờ để đọc sách. Đọc xong truyện của mỗi tác giả trị giá 50 xu, tôi thường dùng viết chì để ghi chú vài chữ, giỏi lắm thì được một, hai dòng ý kiến ở cuối trang. Khi biết Thanh Tâm Tuyền đã lìa trần, tôi tìm lại cuốn *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta*, tập 2, xem thử mình đã viết gì về truyện của ông ấy. Đọc lại mấy dòng chữ viết hơn hai-mươi năm trước cũng giống như xem lại một bức hình, thấy mình tóc tai, quần áo dị hợm, cười ngô nghê mà tưởng đẹp trai, gồ ghề lắm. Ở cuối truyện ngắn "Dọc Đường" của Thanh Tâm Tuyền, tôi đã viết mấy dòng chữ như sau: "*Hay! Tác giả thu hút người đọc từ lúc có người đàn ông lạ kia. Không khí yên lặng rồi từ từ ngột ngạt*

dần lên như sắp sửa có gì to lớn xảy ra. Thời gian chọn rất mới lạ (đối với những truyện ngắn khác)." Truyện "Dọc Đường" kể một người đàn ông đi tìm người em làm việc ở một đồn điền cao su. Ông xuống xe đò lầm địa điểm, chờ xe khác không có, cũng không ai cho ông nương tựa, cho ngủ qua đêm dù chỉ xin ngủ trên sàn đất. Một bà chủ quán, một ông thợ sửa xe biết khẩy đàn, một bà lão tu hành, ai cũng sợ dung chứa một người lạ. Cho dù biết ông nói thật, họ cũng sợ bị liên lụy tại một miền quê đang bao trùm trong không khí chiến tranh.

Lần thứ nhì trong đời tôi được "gặp" Thanh Tâm Tuyền, đạp xe với ông là cuốn tiểu thuyết *Một Chủ Nhật Khác*. Đây là truyện tiểu thuyết cuối cùng của ông, xuất bản vào năm 1975, được *Văn* tái bản tại California năm 1983. *Văn* là nguyệt san, cơ sở xuất bản của Mai Thảo, bạn thân của Thanh Tâm Tuyền. *Một Chủ Nhật Khác* kể một chuyện tình say đắm, vô vọng của Kiệt trong một mùa hè nóng bỏng, hối hả chìm giữa bầu không khí của súng đạn, bom lửa.

Bên ngoài thư viện quá nghèo nàn của tôi, đâu đó tôi tìm được bài thơ "Dạ Khúc" của ông:

"*Anh sợ những cột đèn đổ xuống*
Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh dìu em đi xa

Đi đi chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau

Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà Nội
Anh là thằng điên khùng
Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới
Chiếc kèn hát mãi than van
Điệu nhạc gầy níu nhau tuyệt vọng
Tuổi trẻ sao quá buồn
Như con mắt giận dữ

Tuổi trẻ sao quá buồn
Như bàn ghế không bầy

Thôi em hãy đứng dậy
Người bán hàng đã ngủ sau quầy
Anh đưa em đi trốn
Những dày vò ngày mai."

"Dạ Khúc" có lẽ là bài thơ nổi tiếng nhất, được người ta nhắc đến mỗi khi nói về Thanh Tâm Tuyền. Nếu hiểu tiếng Việt, đọc được thơ của Thanh Tâm Tuyền, chắc nhà tiểu thuyết và phê bình William Gass ở St. Louis cũng thích chí, tấm tắc khen ông là một "ảo thuật gia, viết lên một ca khúc với những khái niệm, vui chơi trong kịch tính và vũ điệu của tư tưởng." Trong lễ truy niệm trước ngày an táng thi sĩ, người ta được nghe vài trích đoạn trong những tác phẩm của ông. Họ được nhìn thấy trong trí tưởng tượng những vũ điệu của chữ nghĩa, của tình yêu do chính ảo thuật gia Thanh Tâm Tuyền cống hiến.

"*Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát / Sớm mai khua thức nhiều nhớ thương.*"

Hay

"*Tiếng ngàn năm em gọi*
Yêu nhau hết một đời."

Thêm nữa

"*Ngày chưa lên gió cuồng trong hắt hủi*
Bạn bè chia tay ném bỏ lại cô đơn."

Chiều hôm ấy cuối tháng Ba, trời đang mưa lớn ở Quận Cam. Đường Bolsa mờ ẩn dưới mây mưa, chìm lại vào giấc ngủ trong một ngày không có nắng. Sau giờ làm việc ở đài phát thanh, tôi lái xe hấp tấp xuống phố, đội mưa chạy vào một tiệm sách trong sứ mạng kiếm thêm những tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền. Cơn thèm đạp xe với sách đã tràn lên trong tôi. Tiệm Văn Bút nằm trong trung tâm của phố Bolsa. Tôi ngạc nhiên khi nghe chị Mai nói tiệm không có cuốn nào của Thanh Tâm Tuyền, ngoại trừ truyện *Tiếng Động*. Chị lục lọi một hồi trong kệ sách khuất trong góc tường, cầm ra cho tôi một cuốn sách mỏng, bìa tím. Cuốn *Tiếng Động* này được chụp lại từ ấn bản trước năm 1975, nét chữ không sắc sảo. Tôi xem giá $6 đồng ở bìa sau, tính lấy tiền trả. Chị Mai xua tay, nhất định tặng sách cho tôi. Thấy chị lắc đầu, nói "Thôi" đến ba lần, tôi đành cầm sách, không biết tính sao cho sòng phẳng với chị ngoài lời "Cám ơn" lúng túng ở trong miệng.

Thỉnh thoảng tôi vẫn ghé Văn Bút để đưa sách của tôi cho chị bán. Có lẽ từng đọc bài, biết tôi là một chủ tiệm sách thất bại, viết sách không khá tiền, nên chị tặng cuốn sách, không muốn lấy tiền của một ông nhà văn nghèo? Tôi kẹp sách trong nách, đội mưa chạy ra ngoài xe.

Gần đó, trong khu Phước Lộc Thọ có tiệm sách Văn Khoa. Tôi lại dầm mưa, phóng nhanh mình băng qua bãi đậu xe. Nghe tôi hỏi, anh Tuân lắc đầu, nói tiệm không có cuốn nào của Thanh Tâm Tuyền. Anh thở dài trong lúc ngồi đăng sau quầy nhạc, nói chậm rãi với nét mặt chán chường. Tiệm Văn Khoa có địa điểm tốt nhất so với những tiệm sách khác, nằm gần cửa ra vào của thương xá Phước Lộc Thọ, nơi mà hầu hết người Việt từ khắp nơi từng đặt chân đến nhân dịp đến khu phố Little Saigon. Trời đang mưa, tiệm chỉ có hai ông khách đang đứng thọc tay trong túi quần, vừa liếc nhanh mấy tựa sách vừa nhìn ra ngoài, như chờ tiếng gọi của vợ là dzọt ra đưa bà ấy đi chợ khác, mà tôi – một ông khách đầu ướt, đeo kiếng cận lốm đốm những giọt mưa không biết có thấy đường hay không – lại hỏi sách Thanh Tâm Tuyền thì chủ tiệm thở dài cũng phải.

Từ đường Bolsa, tôi lái xe trong mưa qua đường Brookhurst, ghé tiệm Tự Lực. Tiệm này có nhiều sách nhất trong vùng. Tuy vậy, sau một hồi bấm máy điện toán, cô bán hàng cho biết tiệm chỉ có tập *Thơ Ở Đâu Xa* và cuốn *Tiếng Động*. Chỉ có vậy. Không có *Tôi Không Còn Cô Độc*, *Bếp Lửa*, hoặc *Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy*. Tôi trả tiền mua *Thơ Ở Đâu Xa*, bỏ ý định ghé hai tiệm sách còn lại trong phố Bolsa. Tiệm Tú Quỳnh kỳ cựu, mở cửa từ ngày phố Việt mới hình thành. Tiệm Văn Nghệ mở sau, cũng có nhiều sách. Tuy vậy, tôi không nghĩ hai tiệm này còn cuốn nào khác ngoài *Thơ Ở Đâu Xa* và *Tiếng Động*. Thủ phủ của người Việt tị nạn không còn một tập thơ, một cuốn truyện nào của một người có danh tiếng trong làng văn chương. Ở đây không có thì còn tìm ở đâu? Không riêng gì sách của Thanh Tâm Tuyền, tác phẩm của nhiều thi sĩ khác cũng không chắc còn bày bán tại Quận Cam. Thơ khó bán, ít người mua, tiệm không có đủ chỗ ở trên kệ để chứa hết các tác phẩm. Còn vài lý do chính đáng khác, lót đường cho hành trình hẩm hiu của người làm thơ, đùa với chữ nghĩa.

Tôi ôm hai cuốn sách về nhà, chờ mong một chuyến du hành với Thanh Tâm Tuyền, nôn nao muốn biết thơ ông có còn dằn vặt, trăn trở, lạ thường như mấy chục năm trước. *Thơ Ở Đâu Xa* là tác phẩm cuối cùng của Thanh Tâm Tuyền, gồm những bài thơ, đoản văn từ 1975 đến 1990. Ở *Thơ Ở Đâu Xa*, tôi tìm thấy sự lắng đọng, chấp nhận, bình an trong tâm hồn ẩn mật của thi sĩ, không còn "khua thức", không giục dã, hối hả đến nỗi "Anh đưa em

đi trốn / Những dày vò ngày mai" mà ông từng trải trong một thời trẻ nhiều khuấy động, đuổi hơi bơi tìm hạnh phúc trên một đất nước chìm đắm trong chiến tranh. Tuy tập thơ đầu và tập thơ cuối ra đời cách nhau gần bốn thập niên, tôi vẫn nghe ở ông một nỗi niềm thương nhớ, một nỗi buồn không chỉ riêng có ở tuổi trẻ mà thôi, của những người nhận thức sự cô đơn, phù du trong cuộc sống, trong kiếp người. Tôi đọc đi đọc lại đôi, ba lần bài "Ngã Trên Núi Việt Hồng Ở Yên Báy Khi Đi Vác Nứa":

"Tuột dốc té nhào trên hẻm núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu

Duỗi soài chân tay gối trên nứa
Ngó trời nhá nhem nghe mưa mau
Tưởng chừng thi thể ai thối rữa
Hồn viển vông chăng chút oán sầu

Mưa giăng tấm lưới trắng dầy khít
Làng xóm dưới núi ở phương nào?
Gió lạnh tái tê bó liệm chặt
Là thiếp người quên bẵng sước đau

Đầm mình trong hạnh của ẩn mật
Mắt hoen nhòa hứng giọt thiên thâu
Dò dẫm lối về đêm tối mịt
Sông xa núi thẳm quê nhà đâu?

Tôi cảm nỗi đau thấm thía của thi sĩ. Ông bị té nhào, chết điếng toàn thân ở một nơi hoang vắng, vậy mà trời đất vẫn như vô tình, "rơi đều những hạt mưa phơi phới", rớt xuống một thân phận hiu quạnh nằm giữa rừng sâu, "mắt hoen nhòa hứng giọt thiên thâu". Ngoài tựa đề của bài thơ nhắc đến địa danh, gợi ý hoàn cảnh – "Ngã Trên Núi Việt Hồng Ở Yên Báy Khi Đi Vác Nứa" – mười-sáu câu thơ không cho biết thời thế nào đã đưa đẩy ông lâm vào tình trạng phải vác nứa ở trên núi, vác quá nặng đến nỗi bị té nhào, "là thiếp người quên bẵng sước đau." Trong bài thơ này cũng như trong suốt tập *Thơ Ở Đâu Xa*, người đọc không thấy những dòng chữ nhắc đến việc ông bị đày đọa bảy năm trong các trại tù của Cộng Sản. Thi sĩ không trách mắng, nguyền rủa một chế độ ác độc, cũng không trốn chạy số phận bất

hạnh, chỉ ghi nhận hậu quả của nghịch cảnh đối với nội tâm. Ông chấp nhận định mệnh, sẵn sàng "duỗi soải chân tay gối trên nứa", "đầm mình trong hạnh của ẩn mật", để rồi tha thứ với "hồn viển vông chẳng chút oán sầu."

Đâu đó trong những bài báo, tôi được biết sáu người bạn thân của ông, cũng là những tên tuổi lớn trong giới sáng tác, đã khiêng linh cữu của nhà thơ đến huyệt mộ. Đó là Cung Tiến, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Ngọc Diễm, Vũ Xuân Châu, và Tô Thùy Yên. Đặc biệt, chi tiết về tình bạn giữa hai nhà thơ làm tôi chú ý. Nghe tin bạn mất, thi sĩ Tô Thùy Yên đã lái xe suốt đêm, suốt ngày từ Houston, Texas đến Roseville, Minnesota. Hai bạn thơ từng biết nhau gần nửa thế kỷ trước. Trong chuyến đi vội vã, dài hơn 1,200 dặm từ miền nam hướng lên miền bắc, nhà thơ Tô Thùy Yên chắc ít nói, đè nén những cảm xúc, nên ông không thể giãn lại những dòng lệ giàn giụa trước linh cữu của bạn tại một nhà quàn. Trong buổi lễ tưởng niệm, Tô Thùy Yên đã đọc bài thơ "Chia Tay Ải Tây" mà ông từng sáng tác tặng Thanh Tâm Tuyền. Bài thơ đã viết lời từ biệt giữa đôi bạn như được biết từ mấy năm trước: "Mới độ nào chia tay ải Tây / Đi đâu hay chỉ cốt rời đây?"

Nhìn hình ảnh những người bạn buồn bã tiễn đưa Thanh Tâm Tuyền đến nơi an nghỉ thiên thu, tôi mừng thấy ông được may mắn trong tình bạn, đồng thời chợt nghe một thoáng ngậm ngùi cho số phận của những người dâng hiến đời mình cho chữ nghĩa, lùng kiếm một thứ hạnh phúc vô vọng trong văn chương. Người đời, trong đó có tôi, thường chỉ nghĩ đến những người viết, những kẻ sáng tạo, những nhà ảo thuật của chữ nghĩa một khi họ mới qua đời, trở thành tin thời sự. Đây đó người ta tổ chức chương trình tưởng nhớ trong lúc tình cảm dành cho người quá cố còn đầy ắp, sôi nổi. Dần dà theo thời gian người ta quên mất nhà thơ, như họ từng lãng quên khi thi sĩ còn sống. Nghĩa trang ở Quận Cam đã đón nhận những thi sĩ Mai Thảo, Nguyên Sa, và Nguyễn Tất Nhiên. Mấy ai còn tưởng niệm, còn bước vào tiệm sách hỏi mua thơ của họ?

Trong một ngày bệnh đầu tháng Tư, không thể viết tin với những trận ho sù sụ, không thể đón khách bên văn phòng với giọng nói thều thào, nghẹt mũi, đượm mùi thuốc ho, và chắc chắn không đủ sức lái xe đến căn nhà cũ để cầm mỏ lếch vặn lại ống nước, tôi đành quanh quẩn ở trong nhà, chờ được vợ nhắc uống thuốc, ăn cháo, đắp mền. Không biết người khác bị cảm cúm thì sao, riêng tôi, tôi hay bị khó ngủ, trăn trở vì sốt nóng hoặc ngầy ngật vì bị thuốc hành, càng nằm lâu trên giường tôi càng cảm thấy đau nhức nhiều hơn, muốn bệnh thêm. Trong những ngày bị bệnh như vậy,

tôi thường ngồi yên một chỗ cho đỡ chóng mặt. Đó cũng là lúc tôi không thể làm gì khác ngoại trừ đọc sách, nếu còn đủ sức để cầm sách trên tay. Lần bệnh này tôi ngồi ở phòng ăn, lần giờ cuốn *Tiếng Động* mới mua chiều mưa hôm nọ.

Chương một mở đầu với dòng chữ: "*Tôi biết tôi không thể ngủ trở lại. Cốc cà phê đặc uống buổi tối ngoài quán đã bắt thao thức đến quá nửa đêm. Mỗi lần mất ngủ tôi nghĩ lắm điều kỳ cục. Đầu óc quay như bộ máy lúc nhanh lúc chậm, quay dưng không chẳng ngừng.*" Truyện tình *Tiếng Động* bắt đầu như vậy, lăn chuyển bánh xe đưa tôi vào thế giới của Thanh Tâm Tuyền. Tôi như quên cơn bệnh, đạp xe với ông trở về một khung cảnh và thời gian của hơn 30 năm trước. Một cuộc hành hương đầy lý thú, diễn ra trong yên lặng, mỗi lúc một xa hơn bên ngoài một phòng bếp ở phố Bolsa, mỗi lúc một gần hơn đến một ngôi đền của chữ nghĩa, và từ đó tôi lại tiếp tục những chuyến du hành khác trên cõi vĩnh hằng.

Hoàng Mai Đạt
Westminster, ngày 9 tháng Tư, 2006

LÊ QUỲNH MAI

sinh hoạt văn học nghệ thuật thế giới

CANADA

Tác giả và tác phẩm xứ tuyết

Vào ngày 7 tháng Năm, một buổi phát hành tác phẩm của bốn tác giả định cư tại Canada, đã được nhóm *Hy Vọng Cho Tuổi Trẻ* (*Hope for Kids)* tổ chức tại thính đường Noel Ryan, Mississauga thuộc tỉnh bang Ontario. Chương trình gồm hai phần: phát hành tác phẩm và trình diễn ca nhạc. Phần I giới thiệu đến độc giả *Lục Bát Thơ* của Hoàng Xuân Sơn, *Quá Khứ Trước Mặt* (hồi ký rời, tập 1) của Luân Hoán, *Tác Giả Việt Nam* của Lê Bảo Hoàng (nhà thơ Luân Hoán), *Phiếm 2* của Song Thao. Tiếp theo phần II là chương trình ca nhạc với sự góp mặt đặc biệt của nhạc sĩ Từ Công Phụng, nhạc sĩ tây ban cầm nổi tiếng Nguyễn Thế An, Phạm Xuân Khôi và Nguyễn Thế Khải. Ngoài ba tác phẩm thơ nhạc hồi ký được giới thiệu đến độc giả trong dịp này, là tác phẩm tái bản của Lê Bảo Hoàng. *Tác Giả Việt Nam* được xem như nguồn tài liệu có gía trị nhất, dùng để tham khảo về tiểu sử kèm chân dung và tác phẩm, của hầu hết những người sáng tác trong văn chương, hội họa, âm nhạc, nhiếp ảnh từ 1905 đến 2005. Lê Bảo Hoàng cũng là nhà thơ Luân Hoán. Ông đã thực hiện một công trình kéo dài nhiều năm trước khi hoàn tất tác phẩm này. Sự kiên nhẫn và nỗ lực của nhà thơ Luân Hoán, đã để lại cho dòng văn học Việt Nam một tài liệu có giá trị đặc biệt, và là niềm hãnh diện cho giới sáng tác tại Montréal, nơi gia đình ông đang định cư.

(Intermedia Montréal, 05-2006)

Đại Hội Văn cChương và Giải Thưởng Métropolis Bleu

Hơn 250 nhà văn, dịch giả, nhà xuất bản và văn nghệ sỹ đã về tham dự Đại Hội văn chương thế giới Métropolis Bleu, được tổ chức tại Montréal

vào tuần lễ từ 5-9 tháng Tư vừa qua. Trong những ngày Đại Hội kéo dài, các tác giả quốc tế đã tham gia chương trình rất hào hứng, qua hình thức phỏng vấn trực tiếp tại hội trường, đọc truyện, đọc thơ, phê bình tác phẩm mới trong chiều hướng tốt đẹp... Ngoài sự góp mặt của các khuôn mặt lớn đoạt giải Nobel văn chương, như Derek Walcott đến từ Ste Lucie, các nhà văn nổi tiếng đến từ Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Nga, Tây Ban Nha, Pháp, hầu hết giới sáng tác Québec đều tham dự Đại Hội. Cũng nhân dịp này, giải thưởng lớn nhất Québec *Le Grand Prix Métropolis Bleu*, đã được trao cho nhà văn Michel Tremblay, vào ngày khai mạc Đại Hội. Là một khuôn mặt nổi bật của dòng văn học hiện đại Canada, ông được giới phê bình đánh giá cao qua những tác phẩm viết về đời sống của người dân Québec, tỉnh bang duy nhất của Canada được mệnh danh là *cái nôi Âu Châu tại Bắc Mỹ*. Trong buổi trao giải thưởng trên, Michel Tremblay đã trả lời phỏng vấn trực tiếp trên hội trường bằng song ngữ Anh và Pháp. Trong thời gian đại hội kéo dài, với vinh dự được Tổ Chức QuốcTế UNESCO chọn Montréal là "*La Capitale mondiale du livre 2005-2006*", ban tổ chức đã lần lượt giới thiệu những nhà văn sáng tác bằng song ngữ. Cũng trong buổi bế mạc, ban Tổ Chức vinh danh nhà văn Saul Bellow, tác giả duy nhất sanh tại Montréal được giải thưởng Nobel văn chương của Thụy Điển. Giải Métropolis Bleu là giải thưởng văn chương lớn nhất của tỉnh bang Québec, hằng năm được tổ chức vào mùa xuân, và luôn thu hút rất nhiều các văn nghệ sĩ từ khắp các nơi trên thế giới về họp mặt

(Tin trực tiếp từ Đại Hội của lê quỳnh mai, ngày 5-04-2006)

Thế giới đen tối của người da màu

Giáo sư Sylvain Meunier không bao giờ dừng chân tại thủ phủ Port –au- Prince, như những tác phẩm trước của ông. Được độc giả biết đến như tiểu thuyết gia nổi tiếng của Canada, Sylvain Meunier dạy học tại trường trung học nằm phía Bắc thành phố Montréal, nơi hơn 2/3 học sinh thuộc gốc da đen đến từ Haiti. Chính kinh nghiệm này đã đẻ ra Lovelie, nhân vật chính trong trường thiên tiểu thuyết ba tập, mà tập chót vừa phát hành qua nhà xuất bản La Courte Échelle tại Québec. *Lovelie D'Haiti: La saison des trahisons*. Đến định cư tại Québec từ 6 tuổi, nhân vật chính đã có một thời trẻ thơ khó khăn nghèo đói. Lovelie còn là nạn nhân của đường dây buôn bán tình dục của trẻ em dưới tuổi vị thành niên. Nhưng trong những dòng chữ cuối của tác phẩm mới nhất, nhà văn Sylvain Meunier đã dẫn độc giả đi từ đau khổ cùng cực của nhân vật chính, qua dần con đường hạnh phúc

nhất của nhân vật này. Ông phát biểu về tác phẩm mới của mình như sau: "*Với tất cả thanh thiếu niên không phân biệt màu da, nếu đã trở thành nhân vật trong truyện, tôi không muốn chỉ riêng độc giả, mà còn là tất cả mọi người khác, nên chấp nhận định mệnh của các em thanh thiếu niên bất hạnh, nên nhìn nhận họ như tất cả những phần tử tốt khác trong xã hội, bởi các băng đảng tội phạm da đen cũng chỉ là một thành phần thiểu số trong xã hội mà chúng ta đang sống...*"

Độc giả có thể tìm đọc *Lovelie D'Haiti: La saison des trahisons của* Sylvain Meunier vừa phát hành tại Québec, để cảm thông cho một phần tử bất hạnh nào đó trong xã hội, vì định mệnh và cuộc sống phải đưa đẩy vào con đường phạm tội.

(L'Actualité de Montréal, 4/ 2006)

Tìm thiên đường của Mélissa Bank

Tác phẩm đầu tay *Manuel de Chasse et de pêche à l'usage des jeunes filles* của Mélissa Bank, đã lôi cuốn hầu hết độc giả khi cầm tác phẩm này trên tay. Bảy năm sau, tác giả trẻ tuổi này lại tiếp tục quyến rũ độc giả với nhân vật Sophie Applebaum, qua tác phẩm thứ nhì của cô *Prochain arrêt le paradis.* Từ năm 12 tuổi cho đến khi bước vào tuổi 40, Sophie vẫn chưa tìm ra cho bản thân một thiên khiếu, mặc dù cô đã tìm nhiều cách như tưởng tượng ra một nhân vật không hiện hữu trong đời sống, để liên lạc với cha mẹ. Hoặc tưởng tượng ra tình yêu với đầy chất đam mê về một hình ảnh không có thật. Hơn nữa, nhân vật Sophie còn tưởng tượng ra luôn cả công việc cô làm trong xã hội... Đoạn kết dẫn độc giả đến một không khí rất là sôi nổi, trong bối cảnh thành phố Nữu Ước qua chuyến viễn du của nhân vật Sophie Applebaum trong truyện. Với lối hành văn thông minh đầy sáng tạo, với sự sống động của nhân vật chính, Mélissa Bank đã lôi cuốn được độc giả đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác đầy thích thú và bất ngờ, qua tài hoa của một nhà văn trẻ tuổi. Tác phẩm thứ nhì của Mélissa Bank được Rivages xuất bản, dày 384 trang. (L'Actualité 4/ 2006)

PHÁP QUỐC

Tiếng kêu báo động về thân phận phụ nữ trong thế kỷ 21

Là người điều khiển chương trình xã hội trên đài truyền hình của Pháp

Quốc. Là tác giả của trên 10 tác phẩm chuyên viết về đề tài xã hội, Christina Ockrent cũng là phóng viên nổi tiếng của Paris. Bà đã gây một cú shock nặng cho độc giả, khi cho xuất bản tác phẩm viết bằng Pháp ngữ, về điều kiện sống của phụ nữ trong thời đương đại. Trên 40 nhà nghiên cứu, phê bình văn học, từ tác giả đoạt giải Nobel đến bác sĩ, nhà xã hội học, phóng viên... đã cung cấp cho Christina những dữ kiện, sau một thời gian dài tìm hiểu điều tra nhân chứng, phân tích những trường hợp xảy ra bao quanh đời sống phụ nữ từ đầu thế kỷ 21. Trong một cuộc phỏng vấn của Châtelaine, một tạp chí được đánh giá cao tại Québec, tác giả cuốn sách gây bất ngờ cho độc giả, đã cho biết rằng vào đầu thế kỷ 21, nạn nhân bị bắn giết, đốt cháy, hành hạ, bị sử dụng... phần lớn là phụ nữ. Nguyên nhân chính chỉ bởi nạn nhân là phụ nữ, không một tôn giáo hay phong tục tập quán nào giúp những người phụ nữ bị mua bán như nô lệ tình dục, bắt hành nghề mại dâm, bị si nhục... Theo bà, trong Hội Nghị Quốc Tế giữa các nước có liên hệ về kinh tế tại Bắc Kinh năm 1995, các đại biểu đồng ý rằng sự phát triển về kinh tế trên thế giới dựa vào phụ nữ một phần lớn, rằng phụ nữ là người kiểm soát giáo dục của trẻ em, rằng phụ nữ là những người mở mang thị trường buôn bán, khi đầu tư vào những công việc tiêu thụ của xã hội... Nhưng cùng lúc, người ta cũng nhận ra rằng có những bất công về bạo động, về tình dục, về khả năng sanh nở... Những bất công này đã mang lại sự đau khổ cho phụ nữ về thể xác cũng như tinh thần. Ngoài sự phân tích có dẫn chứng trên, tác giả còn cho biết rất nhiều phụ nữ trẻ của vùng Nam Mỹ bị giết chết, hoặc bị ép buộc liên hệ vào đường dây ma túy. Tại Trung Quốc, Ấn Độ, Indonésia, Pakistan, Đài Loan, Nam Hàn, tổng số dân nói chung khoảng 3-6, 4 tỉ, nhưng họ đã chận đường phát triển nhân chủng, bằng hình thức phá thai chính thức. Các trẻ em gái tại những xứ sở này không được chích ngừa hoặc nuôi nấng kỹ như các em trai. *Lý do chính vì nữ giới sống già hơn nam giới.* Việc này dẫn đến hậu quả hiện nay tại Trung Quốc, cứ 10 người đàn ông mới có 6 phụ nữ. Chỉ số này đã thúc đẩy đường dây buôn người trá hình dưới mục đích giới thiệu hôn nhân, mà một số phụ nữ Việt Nam đã trở thành nạn nhân về tình dục cho cả gia đình bên chồng. Theo tác giả, Tổ Chức ONU cũng không đủ quyền lực can thiệp vào vấn đề báo động đỏ này. Đây là một sự thật khủng khiếp mà chính tác giả cũng dùng ngòi bút của một phụ nữ, gởi đến thế giới lời cầu cứu âm thầm của những người bất hạnh. Sách xuất bản năm 2006, qua nxb Éditions XO, Paris. Độc giả có thể liên lạc với nhà xb để mua tác phẩm của Chirstina Ockrent.

(Magazine Châtelaine de Montréal, 5/2006)

HÒA LAN

Căn nhà của Anne Frank

Lần đầu tiên khi Ellen Feldman đến thăm căn nhà của Anne Frank tại Amsterdam, cô hét lên và gần như bị té bất tỉnh vì sợ. "*Tôi thuộc thế hệ lớn lên trong cái bóng mờ của Holocaust*," nhà văn trẻ gốc New York giải thích, "*tôi nghĩ rằng rất là quan trọng cho những ai không biết về lịch sử của mình, nhưng tôi đã biết lịch sử của đất nước tôi. Và ai muốn bắt đầu những ngày nghỉ hè đầy sợ hãi xuống tinh thần như thế này?*". Lời thú thật của nhà văn nữ trẻ tuổi không phải là sai. Kinh nghiệm sâu sắc ấy đã ảnh hưởng mạnh đến Ellen, khi cô khám phá ra có một thiếu niên đã cùng chết với Anne Frank và sáu người khác trong trại tù Đức Quốc Xã, ba ngày trước khi họ được thả tự do. Chính sự khám phá này đã thúc đẩy Ellen Feldman viết tiểu thuyết mang tựa *The Boy Who Loved Anne Frank* (nhà xuất bản W.W Norton & Company). Trong tác phẩm này, Feldman làm sống lại hình ảnh của Peter van Pel, thiếu niên đã trốn trong căn hầm bí mật cùng với bảy người khác trước khi bị bắt. Tác giả tưởng tượng ra nhân vật Peter sống sót, đến Hoa Kỳ và tìm lại được nguồn gốc Do Thái của bản thân. Mặc dù căn nhà của Anne Frank thu hút Ellen ở trong một góc tưởng tượng nào đó, nhưng rất khó khăn cho tác giả trẻ tuổi này ở một mình trong căn nhà ấy. Và cũng nhờ tác phẩm của Ellen, mà hàng triệu người đã du lịch đến Amsterdam, để xem nơi trú ẩn của cô bé Anne Frank trong thời Đức Quốc tiêu diệt dân Do Thái. Ngôi nhà của Anne Frank trở thành biểu tượng Holocaust. Là nơi nổi tiếng nhất dành cho khách du lịch, cuối cùng bảo tàng viện phải cho phép khách thăm viếng thử tìm kinh nghiệm sợ hãi như Anne đã trải qua, bằng cách cho họ vào nằm trong căn hầm trú ẩn khi thăm viếng bảo tàng này. *Anne Frank: The Diary of a Young Girl*, xuất bản lần đầu qua nxb Bantam tại Đức năm 1947, hai năm sau ngày Anne chết trong trại tù của Nazi. Tác phẩm này được chuyển dịch trên 70 thứ tiếng và tiêu thụ được 31 triệu ấn bản. Sự kiện đặc biệt này đã lôi cuốn độc giả tìm đến căn nhà của Anne Frank tại Hòa Lan, kể từ khi nó trở thành bảo tàng viện vào năm 1960. *"Có rất nhiều nhật ký, của những người không còn sống sót trong cuộc tàn sát dân Do Thái do Đức Quốc Xã gây ra, nhưng tại sao nhật ký của cô bé Anne frank lại trở thành biểu tượng Holocaust? Thật ra, Anne Frank là một nhà văn đại tài, không chỉ viết nhật ký bình thường, mà cô bé này nói chuyện hằng ngày với nhật ký. Nhưng điều quan trọng đáng*

nhớ là nhật ký này đã đến đúng thời điểm, dưới sự hăm dọa khủng khiếp của thần chết." Trong khi đó tại căn nhà của Anne, du khách thuộc thế hệ trẻ đi qua lại từ phòng ngủ dẫn đến hầm trú ẩn, đọc những dòng chữ của cô bé đáng thương được dán lại trên cuốn sách có bìa cứng màu đỏ. Một du khách đã phải thốt lên *"Tôi cảm nhận được cái buồn tang thương của căn nhà này."* Cũng để người ta có thêm cơ hội tìm đếm thăm bảo tàng viện, tiền thân của căn nhà Anne Frank vào Đệ Nhị Thế Chiến, giám đốc bảo tàng viện đã thảo ra một chương trình đặc biệt cho những nhà văn bị cấm viết trong đất nước của họ. Những người sáng tác này có thể tạm trú tại bảo tàng viện, trong thời gian qui định. Tác giả người Algérie El Madhi Acherchour hiện đang viết tiểu thuyết, làm việc ngay nơi Anne Frank đã trốn lánh cuộc tàn sát đẫm máu nhất trong lịch sử loài nguười. El Madhi là nhà văn đầu tiên tham gia vào chương trình giúp những nhà văn có thêm ý tưởng để viết truyện.

(Pages magazine, 04/ 2006)

HOA KỲ

Thi ca, gia tài tinh thần của Franz Wright

Chỉ trong vòng năm năm, Franz Wright đã cho xuất bản ba tác phẩm thi ca. Trong ba tác phẩm trên, một cuốn được đề cử dự giải Pulitzer, và một cuốn đã nhận giải thưởng này. Một vinh dự mà bất cứ một người cha nào cũng mong mỏi cho con mình. *"Không dễ gì mà tôi còn sống được, thật là một sự việc hiếm có"*. Franz đã nói như vậy, sau khi thoát khỏi cơn bệnh điên, và sử dụng ma túy, nghiện ngập. Ở tuổi 53, con trai nhà thơ nổi tiếng đại diện cho nền thi ca Hoa Kỳ ở thế kỷ 20, James Wright, Franz có mái tóc đen và dáng dấp bình thản đến gần như lặng lờ cô độc. Ông sống như thu mình không muốn tiếp xúc với thế giới bên ngoài sau cơn bệnh nặng. Chính những vần thơ kỳ diệu đến từ cơn điên cuồng, của một bệnh nhân mang chứng bệnh tâm thần (một dấu hiệu tốt cho thi ca, như đa số các nhà thơ thường phát biểu rằng làm thơ trong cơn cuồng điên!) đã làm xúc động độc giả, và mang lại cho Franz giải thưởng Pulitzer năm 2003, với tác phẩm *Walking to Martha's Vineyard* (Knopf xb). Cũng qua nhà xuất bản nổi tiếng Knopf, tác phẩm mới *God's Silence* vừa được góp mặt với thế giới thi ca Hoa Kỳ. Franz Wright bắt đầu làm thơ từ năm 16 tuổi, ông kể lại rằng đã gởi bài thơ đầu tay cho bố, người mà ông đã không

gặp nhiều năm, sau khi cha mẹ li dị năm Franz 8 tuổi. Ông nhớ rõ dòng chữ viết của bố trong lá thư hồi âm *"Sư mày! Mày thành nhà thơ rồi đấy con ạ. Chào mừng con đến cửa địa ngục!"*.Trong thập niên 70, Franz đã xuất bản tập thơ đầu tay, mà ông cho đó là kết quả của lời kêu gọi thiêng liêng, của một đấng nào đó trên cao thúc đẩy Franz sáng tác. Lúc ấy ông mới 19 tuổi, và bắt đầu nghiện rượu. Sau khi tác phẩm đầu tay ra đời, sự liên hệ giữa Franz và James Wright trở nên thân thiết kéo dài 10 năm qua thư từ, cho đến khi thân phụ ông mất vào năm 1980, chỉ cách vài ngày sinh nhật thứ 26 của người con trai duy nhất. Thật không dễ dàng làm con của một nhà thơ hàng đầu Hoa Kỳ, nên sau tang lễ Franz bắt đầu chìm đắm trong rượu và ma túy. Thời gian này, ông đã có 4 tập thơ và những đoản thơ rời, được xuất bản khắp nơi. Sau đó Franz nhận được học bổng của đại học Virginia, học bổng của Trung Tâm Nghệ Thuật Provincetown, Massachusetts. Và đến dạy học tại trường Emerson tại Boston cho đến khi bị đuổi vì nghiện rượu. Trong suốt thập niên 90, Franz Wright sống nhờ tiền sáng tác, học bổng của Guggenheim Foundation & the National Endowment for the Arts, học bổng của Whiting Award & The PEN/ Voelcker Award, rồi trở thành điên loạn mất trí nhớ năm 1996. Sau khi xuất viện vào năm 1998, trong một đêm Franz lang thang đi qua căn nhà của một học trò cũ, ông trở về nhà viết lá thư tình cho Beth, người về sau trở thành vợ của Franz. Chính Beth đã giúp ông trở về thế giới bình thường, tự tin hơn và bắt đầu cầm bút trở lại. Ở tuổi 39, Beth Wright là tác giả chuyển dịch thơ Đức ngữ sang Anh ngữ, và là người đại diện cho chồng trong việc xuất bản sách. Những vần thơ được Franz viết trong thời gian từ tháng 12 năm 1998 đến tháng 12 năm 1999, đã được gom lại thành tập thơ nổi tiếng *The Beforelife* (Knopf, 2001), mà nội dung viết về cảm giác của những ngày tác giả chìm đắm trong trụy lạc rồi trở thành điên. Khi tập thơ ra mắt, nó đã gây chú ý cho giới phê bình văn học và được đề cử giải Pulitzer năm 2001. Từ đó, cuộc đời của người con trai duy nhất của James Wright thay đổi hẳn. Ông sáng tác mạnh hơn, và từ hai năm qua làm việc bán thời gian cho Trung Tâm điều dưỡng dành cho trẻ em mang bệnh tâm thần. Trước khi tìm mua tác phẩm mới nhất của một nhà thơ có một thân thế rất đặc biệt, độc giả có thể đọc nguyên tác *bài thơ Prescience*, trong *God' Silence* do nhà xuất bản Knopf phát hành

Prescience

We speak of Heaven who have not yet accomplished
even this, the holiness of things
precisely as they are, and never will!

Before death was I saw the shining wind
To disappear, today's as good a time as any
To surrender at last

To the vast current---
Anh look, even now there's still time
Time for the glacial, cloud- paced

soundless music to unfold once more.
Time, inexhaustible wound, for
your unwitnessed and destitute coronation
(Poets & Writers magazine, 4-2006)

Michael Cunningham thích văn hóa đại chúng

Với dáng dấp của một lực sĩ chơi môn thể thao trượt nước, với điếu xì gà luôn ngậm trên môi, Cunningham đã chinh phục được những độc giả khó tánh nhất, khi xuất hiện tại quán cà phê Reggio nơi gần văn phòng ông làm việc. Sự nổi tiếng bất ngờ với tác phẩm *The Hours,* chỉ mang lại cho Cunningham thêm những bất mãn về cuộc sống mà ông đã từng tuyên bố, đó là *cơn thịnh nộ của một ông thánh.*

Tác giả của giải thưởng Pulitzer 1999 đã từng ủng hộ cử tri của Ohio chống lại Tổng Thống Bush trong việc quyết định tấn công Iraq trong chiến tranh vừa qua. Để rồi ngay sau đó, ông gây ngạc nhiên cho độc giả bằng *Le Livre des jours.* Tác phẩm sau cùng của Cunningham gồm ba phần liên tiếp viết về cuộc cách mạng kỹ nghệ, về thành phố Nữu Ước sau biến cố kinh hoàng 11 tháng Chín, về một tương lai trong thế giới điên cuồng rạn nứt. Ông phát biểu rằng rất thích thú tìm hiểu về văn hóa đại chúng, nên đã viết *Le Livre des jours* để vinh danh tất cả những người đã đóng góp công sức cho nền văn hóa đương đại của Hoa Kỳ. Tác phẩm sau cùng của nhà văn được mệnh danh là người tình của Hollywood, đã được Anne Damour chuyển dịch sang Pháp ngữ qua nhà xuất bản Belfond. Bạn đọc có thể tìm mua *Le Livre des jours* của Michael Cunningham tại các nhà sách

(The Gazette, 5/2006)

HOÀNG MAI ĐẠT
giới thiệu sách

TRONG DÒNG CẢM THỨC VĂN HỌC MIỀN NAM, PHÂN ĐỊNH THI CA HẢI NGOẠI

sưu tầm và tiểu luận của Trần Văn Nam

Trong Dòng Cảm Thức Văn Học Miền Nam, Phân Định Thi Ca Hải Ngoại là một nỗ lực rất công phu, kết hợp một kiến thức rộng lớn, sự tìm tòi tỉ mỉ, một khả năng nhận định rất tinh tế, với một tấm lòng trân quí văn thơ của tác giả Trần Văn Nam. Trong 64 bài tiểu luận và sưu tầm, ông trình bày nhiều đề tài mà hầu hết liên quan đến thi ca, được viết rất lôi cuốn, có lúc sôi nổi, cũng có lúc trầm tĩnh, thuyết phục người đọc.

Trần Văn Nam viết những bài tiểu luận như: Văn Học Hải Ngoại Như Món Quà Cho Quê Hương; Thơ Vắt Dòng, Một Hiện Tượng Thi Ca Hải Ngoại; Văn Chương Viễn Mơ Miền Nam Trước Năm 1975; Thơ Bảy Chữ Của Tô Thùy Yên; Nhà Văn Võ Phiến Thích Xuề Xòa Mà Viết Tinh Tế; Một Cách Đọc Đò Dọc Của Bình Nguyên Lộc; Nỗi Buồn Chiến Tranh Trong Thơ Miền Nam; Đường Gươm Đơn Sơ Của Thơ Mai Thảo; Thi Sĩ Của Cõi Siêu Hình Vấn Vương Trần Thế; Thơ Giai Đoạn, Thơ Ngàn Năm; Có Một Dòng Thơ Bị Lãng Quên.

Về lý do tại sao viết *Trong Dòng Cảm Thức Văn Học Miền Nam, Phân Định Thi Ca Hải Ngoại*, Trần Văn Nam cho biết: "*Nhờ theo dõi sinh hoạt văn nghệ để cố gắng tìm một lối sáng tác thơ riêng, người viết tình cờ thành người lưu tâm ghi nhận những dòng văn chương từ năm 1954 đến 1963; từ 1963 đến 1975; và các dòng thơ hải ngoại được hệ-thống-hóa với 12 chương từ năm 1975 đến 2005.*" Sách có "*những bài thơ kỳ lạ về chiến tranh Việt Nam, kể như xuất hiện lần đầu bằng Việt ngữ.*"

Trong Dòng Cảm Thức Văn Học Miền Nam, Phân Định Thi Ca Hải Ngoại dày gần 560 trang, giá bán $20 Mỹ kim. Liên lạc mua sách: Trần Văn Nam, 755 Rocking Horse, Walnut, CA, 91789. Điện thoại 626-839-5267.

BẠN VĂN, MỘT THUỞ...

tạp luận của Nguyễn Mộng Giác

Bạn Văn, Một Thuở gồm 27 bài tạp luận về tác giả, tác phẩm, hoặc những đề tài khác trong văn chương, được nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết từ năm 1985 đến năm 2003. Hầu hết những bài này đã được đăng trên báo *Văn Học* hoặc là bài tựa cho một cuốn sách, bài viết cho một đặc san. Với chiều sâu kinh nghiệm của một nhà văn, nhà giáo, và nhà phê bình, ông Nguyễn Mộng Giác có cái nhìn sâu sắc, nhận ra nét chính, khám phá điểm lạ, tài năng của tác giả trong mỗi tác phẩm mà đôi khi chính tác giả cũng không chắc nhìn thấy. Ông trình bày mỗi đề tài với lối viết rất mạch lạc, gãy gọn, chính xác, hướng dẫn người đọc một cách cẩn trọng.

Bạn Văn, Một Thuở... nhắc đến tác phẩm của những tác giả đã nổi tiếng từ trước năm 1975 – như Võ Phiến, Bùi Giáng, Mai Thảo, Kiệt Tấn, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Nam – đến những người sáng tác sau này như Tâm Thanh, Miêng, và Trúc Chi. Bạn Văn, Một Thuở... còn có những bài tạp luận về thơ của Huyền Không, Quách Tấn, Tuệ Sỹ, Khoa Hữu, về truyện của Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phạm Hải Anh, Hoài Mỹ, Kinh Dương Vương, Phùng Nguyễn, Trần Doãn Nho, Lê Minh Hà, Đỗ Quỳnh Dao, Song Thao, Thơ Thơ, Tràm Cà Mau, và Trương Anh Thụy.

Tuy viết về các tác giả, tác phẩm,và cuộc sống của họ, đôi khi Nguyễn Mộng Giác cũng bày tỏ con người của ông qua cái nhìn về người khác, như trong bài viết về Nguyễn Hiến Lê, một người được nhà văn Nguyễn Mộng Giác quí trọng, đưa lên bài đầu tiên trong tập tạp luận. Trong bài "Nguyễn Hiến Lê trong đời tôi," Nguyễn Mộng Giác viết: "*Đối với tôi, nhà văn Nguyễn Hiến Lê là một vị thầy uyên bác mà hơn một trăm cuốn sách ông đã xuất bản hướng dẫn tôi suốt các giai đoạn đời. Chẳng những thế, ông còn là một người cầm bút gương mẫu, mà dù cố gắng bao nhiêu đi nữa, tôi vẫn không bao giờ đạt được những thành quả như ông. Sự cần cù hiếu học, sự tôn trọng tinh thần khách quan và nhân bản, sự cẩn trọng đối với chữ nghĩa, đức kiên nhẫn và khiêm nhường... nói chung là những gì cao đẹp nhất ở một nhà trí thức, tôi đều tìm thấy nơi ông.*"

Bạn Văn, Một Thuở... dày hơn 200 trang, giá bán $12 Mỹ kim, do Văn Mới phát hành, P.O. Box 287, Gardena, CA 90248.

ĐI LẤY CHỒNG XA
tạp ghi của Huy Phương

Đi Lấy Chồng Xa là tập tiếp theo *Nước Mỹ Lạnh Lùng* được bán rất chạy của nhà văn Huy Phương tại Quận Cam. *Đi Lấy Chồng Xa* gồm 58 bài tạp ghi mà hầu hết được đăng thường xuyên trên nhật báo mấy năm gần đây. Đề tài của ông chính là cuộc sống, quan cảm, tâm tình của người Việt tị nạn, đặc biệt chung quanh Little Saigon, thủ phủ của người Việt tại hải ngoại. Với lối viết bình dị, nhân bản, đôi lúc khe khắt, có lúc thoải mái, mà cũng thường dí dỏm như đang nói chuyện với một người ở trước mặt, nhà văn Huy Phương đưa người đọc vào những đề tài gần với họ, bắt được những nét chung mà trong đời sống bận rộn không mấy ai có thể nhìn ra.

Những đề tài của ông lan trải dài rộng, từ "Người Mẽ Bán Hoa Bên Đường", "Tình Già," "Chiếc Còng Điện Tử", "Phở Nội – Phở Ngoại", đến một kỹ sư sáng chế bộ chữ tiếng Việt trên máy điện toán, đóng góp lớn, giúp phương pháp in ấn của làng báo và làng văn chương được những bước tiến nhảy vọt trong hơn hai thập niên.

Nhà xuất bản Nam Việt viết về Huy Phương: "*Cầm bút trở lại, ông tự xác lập ngay cho mình một đường hướng sáng tác mới, dùng ngòi bút trực tiếp đề cập tới những vấn đề xảy ra hằng ngày, trước mắt, phê phán những hiện tượng tiêu cực, minh họa những xót xa ẩn khuất của đời người mà ông tiếp nhận được bằng cảm xúc tinh vi của một người viết nhập cuộc. Ông chọn Tạp Ghi là lối viết thẳng vào sự việc, không hư cấu, quanh co.*"

Đi Lấy Chồng Xa dày trên 290 trang do Nam Việt xuất bản, giá bán $15 Mỹ kim. Liên lạc Lê Phương, P.O. Box 1954, Garden Grove, CA 92842. Phone (949) 654-7715, email huyphuong@sbcglobal.net.

ĐỖ NGỌC YẾN GIỮA BẠN BÈ
những bài viết của 53 tác giả

Trong mấy thập niên qua nhật báo *Người Việt* là cơ sở truyền thông hàng đầu, của người Việt tại Quận Cam nói riêng và của người Việt tại hải ngoại nói chung. Tuy cộng đồng còn có vài nhật báo khác và nhiều tuần báo, *Người Việt* vẫn là tờ báo kỳ cựu, tạo nhiều uy tín nhất. Đứng giữa lòng tờ *Người Việt* là ông Đỗ Ngọc Yến. Ông đã sáng lập tờ báo này trong garage tại nhà của ông vào cuối thập niên 70, vài năm sau khi làn

sóng người Việt mới đến Hoa Kỳ. Lúc đó dân Việt tị nạn mới định cư lác đác tại một nơi mà nay là khu phố Little Saigon, thủ phủ của người Việt hải ngoại ngày nay. Từ ngày sáng lập tờ *Người Việt*, ông Đỗ Ngọc Yến đã trải qua những giai đoạn thăng trầm với tờ báo, thở đều nhịp với sự phát triển mau chóng, đầy sôi nổi, sống động của Little Saigon.

Trong thời gian gần đây, nhất là từ cuối năm ngoái đến nay, sức khỏe của ông Đỗ Ngọc Yến đã sa sút trầm trọng, đưa đến một nỗ lực muốn ghi nhận thành quả của ông trong làng báo cũng như trong hoạt động liên quan đến công cuộc xây dựng khu phố Bolsa. *Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè* gồm 53 bài viết của những người từng quen biết, hoạt động chung với ông từ Việt Nam trước năm 1975, đến những người mới cộng tác sau này, thuộc thế hệ trẻ, và vài người Mỹ từng làm việc gần với cộng đồng người Việt.

Những tác giả là ký giả, nghệ sĩ, người viết quen thuộc với ông trong làng văn, làng báo, văn nghệ như Đỗ Quí Toàn, Kiều Chinh, Nhã Ca, Jeffrey Brody, Thụy Khuê, Nguyễn Đình Toàn, Ruth Talovich, Quỳnh Giao, Bùi Bích Hà, Du Tử Lê, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Khởi Phong, Phan Nhật Nam, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Cao Dương, Thảo Trường, Vann Phan, Hoàng Mai Đạt, và còn rất nhiều. Từ mỗi khía cạnh cá nhân, 53 bài viết đúc kết một hợp tấu phong phú về con người của ông Đỗ Ngọc Yến.

Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè dày trên 400 trang, do Người Việt xuất bản, không đề giá bán. Liên lạc Người Việt, 14771 Moran St., Westminster, CA 92683. Điện thoại (714) 892-9414. Email nvnews@aol.com.

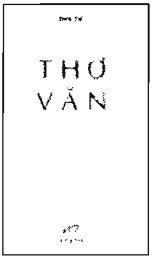

THƠ VĂN
của Thu Tứ

Thơ Văn gồm 125 bài thơ, năm bài tùy bút, và sáu truyện mà tác giả Thu Tứ gọi là truyện-không-có-chuyện. Thơ là phần chính của sách, được thi sĩ Thu Tứ, sắp xếp ở phần đầu với đôi lời giới thiệu: "*Nhận thấy thơ mình chứa nhiều nội dung khác nhau, bèn nẩy ý sắp xếp theo nội dung.*

Nhận thấy có hai nhóm chính. Nhóm thứ nhất chứa cảm xúc hoặc tâm trạng. Nhóm thứ hai chứa suy nghĩ.

Lại nhận thấy thơ cảm và thơ nghĩ có thể tùy theo đối tượng mà chia thành từng cụm, rồi thành từng tiểu cụm.

Sắp xếp ti mỉ xong đâu đấy, tự hỏi có nên?!"

Nhờ câu trả lời của tác giả, chúng ta có tập *Thơ Văn*, được thưởng thức cả thơ lẫn văn đầy trí tuệ, mới lạ, đôi lúc có giọng tếu nhưng chứa chan một

nỗi buồn, khó cười. Những bài thơ được chia thành năm "cụm": thơ cảm xúc, thơ tâm trạng, thơ nghĩ về sống, thơ nghĩ về thơ, và thơ nghĩ về những đề tài khác. Bài "Xin" mở đầu phần thơ có những câu như: "*Gái này há dễ thua trai / Năm chai đổ bỏ mười chai sự thường / Ngồi buồn chuyện cũ vấn vương / Mở lon bia mới yêu thương dạt dào / Uống để quên, dễ vậy sao / Càng say càng thấm buồn vào tim gan / Chưa say còn nghĩ lan man / Say nghiêng trời đất bóng chàng đầy Tâm.*"

Trong bài "Có Phải Thế Không", Thu Tứ tả một cảnh xót thương: "*Anh bước xuống xe / Nghe tiếng eo sèo, cãi cọ / Một bên, người đàn bà dữ tợn, nhảy chồm / sừng sộ: Tưởng tao người lạ qua đây / dám nói thách hử, ranh con / Một bên, em gái quê bán mía bên đường / áo vá, nón mê, nước mắt rưng rưng / Bán buôn phải thế... / Kẻ bênh người mắng / Xe chạy / Vài mía gầy xác xơ đứng lại / Giữa đồng trưa nắng gắt / Với em.*"

Ở bài "Phúc Lộc Thọ", người đọc nghe một chút hạnh phúc của nhà thơ Thu Tứ: "*Mỗi sáng anh đến đây / Ly cà-phê đen ít đường / Tờ báo / Chọn một chỗ ngồi sáng sủa, vừa vặn / Nhấm nháp cà-phê / Nhấm nháp báo / Uống, đọc keo kiệt vì không ai gọi liên tiếp hai / ly, còn báo chỉ ra một số mỗi ngày / Anh luôn mua cà-phê ở góc này / Không phải vì ngon hơn, có lẽ chỉ vì người bán / Trăm bận, anh giả vờ nghiêm nghị: Ít đường / Trăm bận, người con gái ngoan ngoãn lặp lại: / Ít đường / Như một tiếng vang, êm ái / Buổi sớm, không ai cần một chút va chạm nào / May ra cả ngày sẽ khá.*"

Những bài tạp bút và truyện của Thu Tứ cũng phong phú, đầy cảm xúc như thơ của ông. Người yêu mến chữ nghĩa sẽ không bị thất vọng ở *Thơ Văn*. Sách dày 225 trang, Của Tin xuất bản, giá bán $12 Mỹ kim. Chi phiếu đề tên Vũ Thị Mai, gởi về Của Tin, P.O. Box 2765, Palm Desert, CA 92261. Email thucuatin@yahoo.com.

MIỆNG

tập truyện của Thảo Trường

Miệng gồm ba truyện, một trang tạp ghi "Miệng", ba bài viết về những tác phẩm của nhà văn Thảo Trường và một bài mà ông viết dành cho Long Ân, người bạn trong giới viết lách. Ba truyện "Cơn Sốt (3)" – kể tâm trạng của một bệnh nhân trên giường mổ, "Ông Bồ" – chuyện một voi con từ thời chiến Việt Nam đến ngày lớn tuổi tại Thụy Điển và những mẩu chuyện chung quanh voi, và "Từ Dưới Đỉnh Đồi Nhìn

Lên Chân Núi" – chuyện một thiếu nữ mồ côi trong thời chiến, được một ông cụ nuôi để lo việc nhà, chăm sóc đứa con trai dở hơi của cụ, thân mật với một cháu trai sau là sĩ quan trong quân đội, rời nhà vì không muốn lấy thanh niên dở hơi, gặp một người lính Mỹ, và theo chồng rời Việt Nam trước tháng Tư năm 1975.

Ba truyện đã chiếm hơn phân nửa số trang sách. Phần còn lại là mấy bài viết của Long Ân, Nguyễn Đình Toàn, và Đoàn Nhã Văn về những tác phẩm của Thảo Trường. Về văn phong của Thảo Trường, Long Ân viết: "*Thảo Trường tự do như gió lùa, như nước lũ. Anh không cố gắng soi mói cuộc đời và đóng vai người quan sát thông minh và nghiêm khắc, anh là người kể chuyện mang tính bẩm sinh. anh không làm những cuộc diễn hành chữ nghĩa hay diễn hành suy nghĩ. Anh là nhà văn tự nhiên, anh không đóng vai nhà văn.*"

Nguyễn Đình Toàn viết: "*Thảo Trường là một trong những nhà văn quan trọng đã đóng góp vào việc hình thành nền văn học miền Nam Việt Nam trong hai thập niên từ 55 đến 75. Ông có một văn phong mạnh mẽ, ngắn gọn, nhưng súc tích.*" Đoàn Nhã Văn nhận xét: "*Thảo Trường viết nhẹ nhàng, giọng văn uyển chuyển, lôi kéo người đọc. Ông không hô phong, hoán vũ, nhưng muốn biến là biến, muốn chuyển cảnh là chuyển cảnh, nhanh chóng, gọn gàng.*"

Miếng dày gần 140 trang, do Quyên Book xuất bản, không đề giá bán. Liên lạc email thaotruong1@aol.com.

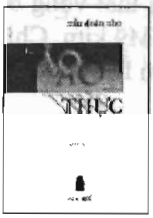

TỪ ẢO ĐẾN THỰC

tạp bút của Trần Doãn Nho

Từ Ảo Đến Thực gồm 17 bài viết đề cập đến nhiều đề tài từ chính trị, tôn giáo, đến văn chương. Trong lời "Mở", nhà văn Trần Doãn Nho viết gọn: "*Đời người là tạp bút.*" Cũng với ý tưởng thấm nhuần đạo lý, ông viết trong đoạn "Khép" của sách: "*Đọc xong, bạn hỏi tôi: viết gì vậy / chính trị / tùy bút / tâm bút / triết lý / văn chương / tôn giáo / phê bình / ký / dịch / ? / xin thua / tôi viết chữ.*"

"Chữ" của ông cũng rất trân quí, ít nhất là đối với ông. Trong bài tạp bút "Cái Thú Của Tôi," Trần Doãn Nho viết: "*Đọc văn, đọc thơ là cái thú tinh thần tao nhã. Xưa nay ai cũng nói thế.*

"Riêng tôi, nói các bạn đừng cười, trong những gì tôi đọc thì thích nhất vẫn là đọc tác phẩm của mình. Đó là một tật xấu, tôi biết. Biết mà

không bỏ được. Tôi không phải là người viết mới. Bài tôi viết đã được đăng nhiều lần trên nhiều báo khác nhau rồi. Thế mà hễ số báo nào biết là có bài mới viết sắp đăng, tôi vẫn cứ hồi hộp đợi. Ngày nào cũng hong hóng trông người đưa thư, lòng thấp thỏm không yên, y như đợi người tình thuở đầu đời mới biết yêu. Báo đến rồi, xé vội xé vàng xem thử bài mình đăng ở đâu. Có được đặt ở một vị trí tương đối có giá không, hay là bị đẩy đến một nơi không mấy người thèm để ý ?"

Từ Ảo Đến Thực có nhiều đoạn sống thực, gần với sự rung động của Trần Doãn Nho đối với những diễn biến chung quanh cuộc đời của một người viết, từ "Triết Gia Của Chủ Nghĩa Khủng Bố," "Phật Giáo và Thần Thánh," đến "Tôi Lên Sáu Mươi."

Sách dày gần 260 trang, giá bán $13 mỹ kim, do Văn Mới xuất bản, P.O. Box 287, Gardena, CA 90248. Liên lạc Trần Doãn Nho (508)-797-1638, email trandoannho@yahoo.com.

ĐẤT ẢI
tiểu thuyết của Đào Vũ Hoài

"Sài Gòn triền miên lưu chuyển, một khối đông ngột quẫy cọ trong cái nắng cọc cằn. Sài Gòn nhộn nhạo, dớn dác, khói xe bụi đường. [...] Hắn về nước đã hơn hai tuần nay. Quen nó ít hôm thì nó chết. Đêm qua vợ con nó dắt nhau đi đâu mất, bỏng tinh sương người ta chở áo quan Mười Beo về Hóc Môn. Hắn áy náy không yên; cớ sao lão Hoạt chẳng bảo người gọi hắn. Nắng nhiệt đới loang loáng trám vàm mặt đường nhựa, dây điện chăng bừa trên đầu hãm tầm mắt. Hắn mong mãi một cơn mưa."

Đất Ải mở đầu như vậy, đưa người đọc vào bảy chương tiểu thuyết trong không khí ngột ngạt, hâm hấp, có lúc tưởng chừng như trải qua những cơn ác mộng mà thật sự là đời sống đen tối, tội lỗi, oan nghiệt, là những cuộc đời tan nát trong một xã hội tại Việt Nam ngày nay.

Trong một đoạn tả cảnh nhà có tang, Đào Vũ Hoài viết: *"Đêm nứt ra lại ngày, ngày mệt lả thoi thóp đêm lại chồm lên lăng nhục; cứ thế, buồn tủi và câm lặng. Ông thầy cúng hắng giọng, thỉnh một tiếng chuông rồi lại trầm trầm ê a kinh mõ. Vui buồn sinh tử bện vào nhau tương cấu tương hủy, quay mòng mòng."*

Đất Ải dày 235 trang, giá bán $12 mỹ kim, do Văn Mới phát hành, P.O. Box 287, Gardena, CA 90248, hoặc liên lạc Đào Vũ Hoài, 1 Allée du Mail, 94400 Vitry sur Seine, France.

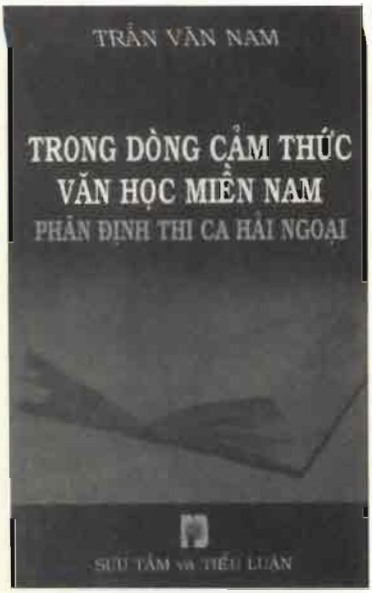

ĐÃ PHÁT HÀNH

Giá: 20 Mỹ kim
Ở xa (Miễn cước phí bưu điện) xin gửi về:
755 Rocking Horse
Walnut, CA 91789 - USA

TRONG DÒNG CẢM THỨC VĂN HỌC MIỀN NAM PHÂN ĐỊNH THI CA HẢI NGOẠI

SƯU TẦM và TIỂU LUẬN của TRẦN VĂN NAM, 556 trang

* Nhờ theo dõi sinh hoạt văn nghệ để cố gắng tìm một lối sáng tác thơ riêng, người viết tình cờ thành người lưu tâm ghi nhận những dòng văn chương từ năm 1954 đến 1963; từ 1963 đến 1975; và các dòng thơ hải ngoại được hệ thống hóa với 12 chương từ năm 1975 đến 2005.

* Nêu ra một số vấn đề văn chương có lẽ chưa ai đề cập đến như thể thơ đối thoại, lục bát tập trung, ngôn ngữ huyền ảo vẫn trường tồn, phê bình chủ quan và phê bình khách quan...

* Những khía cạnh xem chừng cũng chưa ai nói đến trong thơ của Nguyễn Vỹ, Nguyên Sa, Đinh Hùng, Tô Thùy Yên. Những tác giả nổi tiếng khác thì được trình bày theo cảm thức riêng.

* Những bài thơ kỳ lạ về chiến tranh Việt Nam, kể như xuất hiện lần đầu bằng Việt ngữ.

* Những câu thơ xuất sắc của các thi nhân hải ngoại viết về thơ siêu hình, viết về tình hoài hương. (Hai chương sưu tầm này gồm 63 trang).

* Và nhiều điều khác, viết để có những đóng góp mới

Giá 10 mỹ kim

ĐÃ PHÁT HÀNH

Giá: 20 Mỹ kim
Ở xa (Miễn cước phí bưu điện) xin gửi về:
755 Rocking Horse
Walnut, CA 91789 - USA

TRONG DÒNG CẢM THỨC VĂN HỌC MIỀN NAM PHÂN ĐỊNH THI CA HẢI NGOẠI

SƯU TẦM và TIỂU LUẬN của TRẦN VĂN NAM, 556 trang

* Nhờ theo dõi sinh hoạt văn nghệ để cố gắng tìm một lối sáng tác thơ riêng, người viết tình cờ thành người lưu tâm ghi nhận những dòng văn chương từ năm 1954 đến 1963; từ 1963 đến 1975; và các dòng thơ hải ngoại được hệ thống hóa với 12 chương từ năm 1975 đến 2005.

* Nêu ra một số vấn đề văn chương có lẽ chưa ai đề cập đến như thể thơ đối thoại, lục bát tập trung, ngôn ngữ huyền ảo vẫn trường tồn, phê bình chủ quan và phê bình khách quan...

* Những khía cạnh xem chừng cũng chưa ai nói đến trong thơ của Nguyễn Vỹ, Nguyên Sa, Đinh Hùng, Tô Thùy Yên. Những tác giả nổi tiếng khác thì được trình bày theo cảm thức riêng.

* Những bài thơ kỳ lạ về chiến tranh Việt Nam, kể như xuất hiện lần đầu bằng Việt ngữ.

* Những câu thơ xuất sắc của các thi nhân hải ngoại viết về thơ siêu hình, viết về tình hoài hương. (Hai chương sưu tầm này gồm 63 trang).

* Và nhiều điều khác, viết để có những đóng góp mới

Giá 10 mỹ kim